ĐẬU QUANG TUẤN
Cử nhân Toán - Kỹ sư Tin Học

TỰ HỌC LẬP TRÌNH CƠ SỞ DỮ LIỆU

SQL SERVER 2000 & Visual Basic .NET

MỘT CÁCH NHANH CHÓNG VÀ CÓ HIỆU QUẢ NHẤT

- Lập trình cơ sở dữ liệu sử dụng DataGrid
- Phân phối ứng dụng qua Setup Wizard
- Báo cáo qua Crystal Report

DÙNG CHO KỸ THUẬT VIÊN & SINH VIÊN NGÀNH TIN HỌC

CUNG CÁCH TRÌNH BÀY :

Ngắn gọn và dễ hiểu.
Hướng dẫn chi tiết và rõ ràng.
Các ví dụ mẫu thực tế & đa dạng.



NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI 2005

Đậu Quang Tuấn
Cử nhân toán – Kỹ sư tin học

Tự học lập trình cơ sở dữ liệu SQL SERVER 2000 và VISUAL BASIC.NET

MỘT CÁCH NHANH CHÓNG VÀ CÓ HIỆU QUẢ NHẤT

Qua các chương trình mẫu

- ⌦ Lập trình cơ sở dữ liệu sử dụng DataGrid
- ⌦ Phân phối ứng dụng qua Setup Wizard

(Dùng cho kỹ thuật viên và sinh viên ngành tin học)

Cung cách trình bày:

- *Ngắn gọn và dễ hiểu*
- *Hướng dẫn chi tiết và rõ ràng*
- *Các chương trình mẫu thực tế và đa dạng*

NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI - 2005

LỜI NÓI ĐẦU

Xin chào các bạn học sinh, sinh viên và quý độc giả yêu thích bộ môn tin học. Lời đầu tiên, chúng tôi xin chân thành cám ơn các bạn vì trong thời gian qua đã đón đọc những tập sách về ứng dụng và lập trình của chúng tôi biên soạn. Những ý kiến đóng góp và nhận xét của các bạn sinh viên và quý độc giả xa gần, đã khích lệ vô cùng to lớn và động viên chúng tôi tiếp tục nghiên cứu những khía cạnh mới trong bộ môn tin học này. Sau cuốn "Tự học lập trình Visual Basic.NET" và "Tự học lập trình cơ sở dữ liệu Access 2003 và Visual Basic.NET" đã được xuất bản. Hôm nay chúng tôi hoàn thành tập sách "Tự học lập trình cơ sở dữ liệu SQL Server 2000 và Visual Basic.NET" qua các chương trình mẫu sao cho thật ngắn gọn và dễ hiểu. Trong nội dung của tập sách, chúng tôi có hướng dẫn thêm cách thực hiện để phân phối ứng dụng khi đã hoàn thành xong chương trình. Nghiên cứu tập sách này, chắc chắn các bạn sẽ cảm thấy hài lòng, những kiến thức hướng dẫn trong các chương trình mẫu sẽ giúp các bạn tự thiết kế những chương trình khác một cách dễ dàng và các bạn có thể nghiên cứu thêm để viết tiểu luận hoặc đồ án ra trường. Hy vọng tập sách này sẽ là động cơ thúc đẩy các bạn yêu thích lập trình và sẽ đưa các bạn tiến sâu hơn trên con đường tin học của mình.

Mặc dầu đã có nhiều cố gắng khi biên soạn, nhưng cũng không tránh khỏi thiếu sót, chúng tôi mong được sự đóng góp ý kiến của quý độc giả xa gần, để lần tái bản sau sẽ hoàn chỉnh hơn. Chúc các bạn học giỏi và đóng góp trí tuệ mình cho đất nước thân yêu của chúng ta.

Chúng tôi thiết nghĩ, đây là một cuốn sách không thể thiếu được trong tủ sách tin học của bạn. Nếu cảm nhận dễ hiểu xin giới thiệu với quý độc giả khác để cùng đón đọc.

Tháng 5 năm 2005
Tác giả
Đậu Quang Tuấn

Bài 1

Cách cài đặt SQL SERVER 2000

- Cho đĩa CD **SQL SERVER 2000** vào ổ đĩa
- Click nút phải chuột tại nút **Start**, chọn **Explorer**
- Trong cửa sổ click chọn tên ổ đĩa, bạn sẽ thấy các tập tin có trong đĩa CD như hình sau:

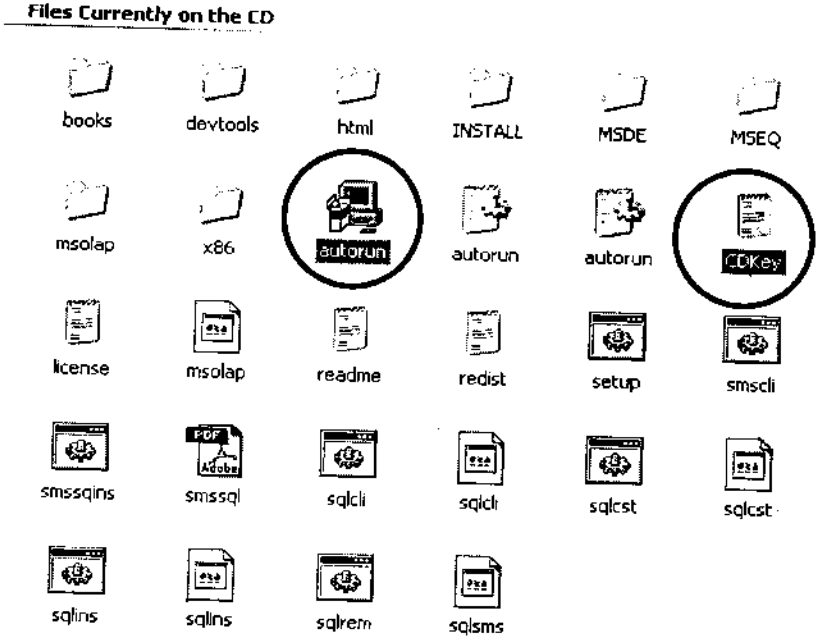

B1H1

Nhìn trong các danh sách các mục, bạn thấy có tập tin **CDKey** và tập tin **Autorun.exe**

▣ Click *nút phải chuột* trên tập tin **CDKey**, chọn **Open**, bạn sẽ thấy hình sau:

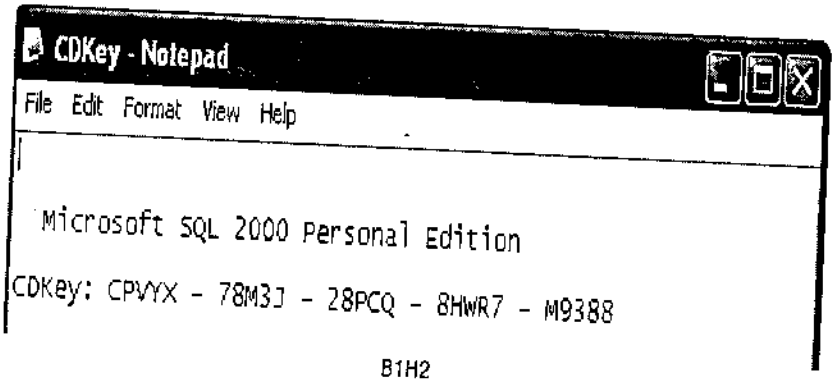

B1H2

Bạn ghi CDKey ra giấy để khi cài đặt sẽ điền vào hộp thoại. Đó là **CPVYX – 78M3J – 28PCQ – 8HWR7 – M9388**

▣ Click *nút phải chuột* trên tập tin **autorun.exe**, click **Open** trong menu hiện ra. Bạn thấy hình như sau:

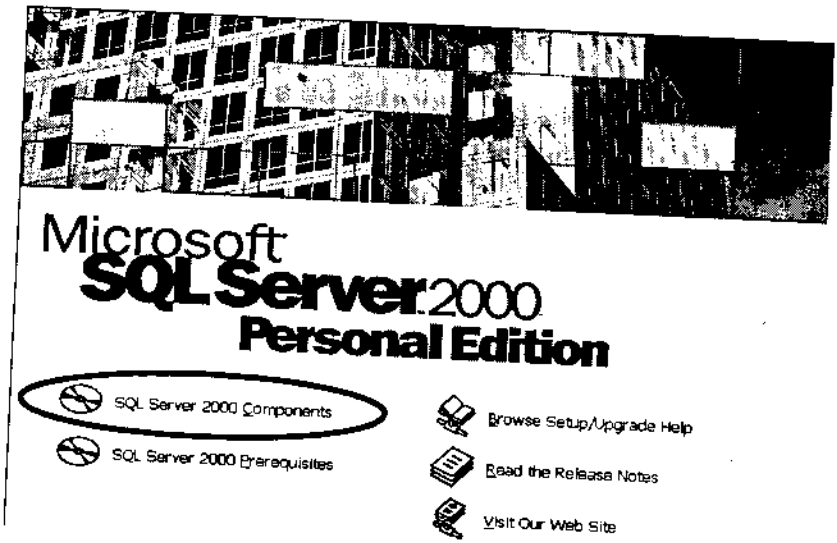

B1H3

Trong trường hợp này bạn chọn **SQL Server 2000 Components**. Bạn thấy hình sau hiện ra

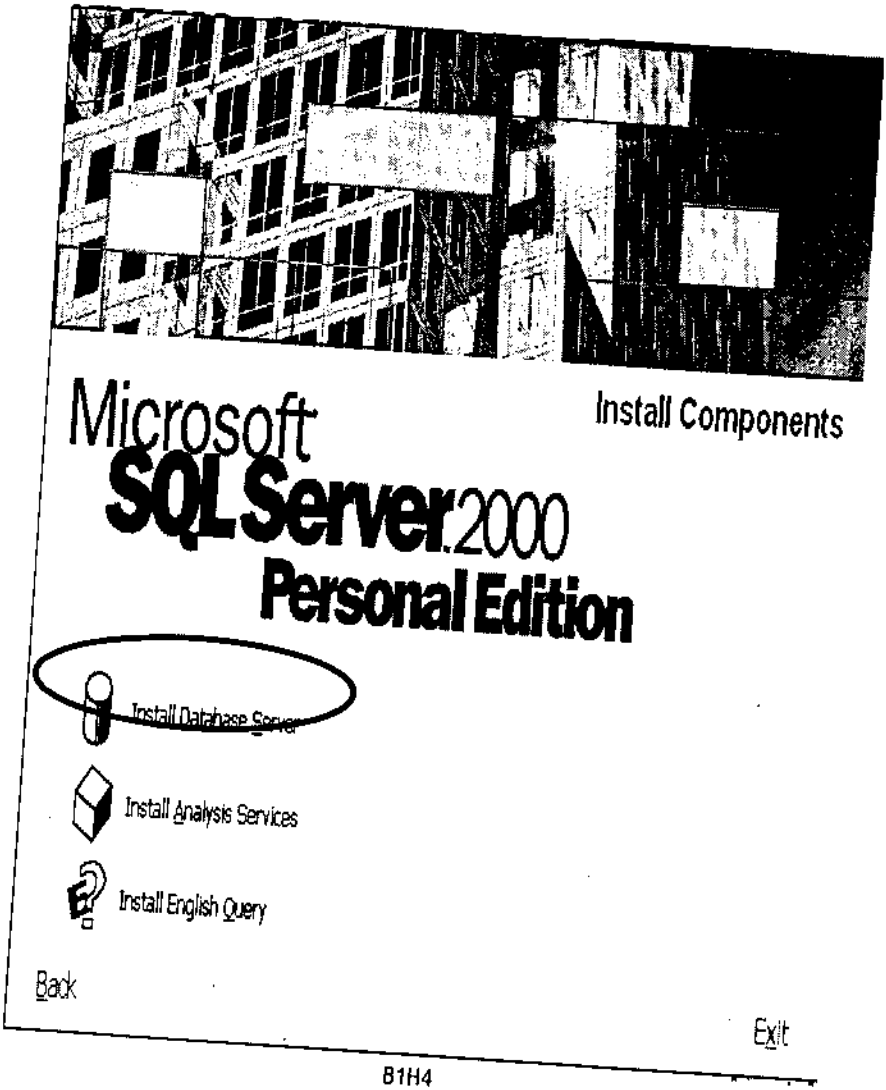

B1H4

Trong hình có ba mục:

- Cài đặt cơ sở dữ liệu SQL Server 2000
- Cài đặt dịchvụ phân tích
- Cài đặt dịch vụ truy vấn anh ngữ

Bạn chọn mục **Install Database Server** (cài đặt CSDL SQL Server 2000). Bạn thấy hình sau hiện ra

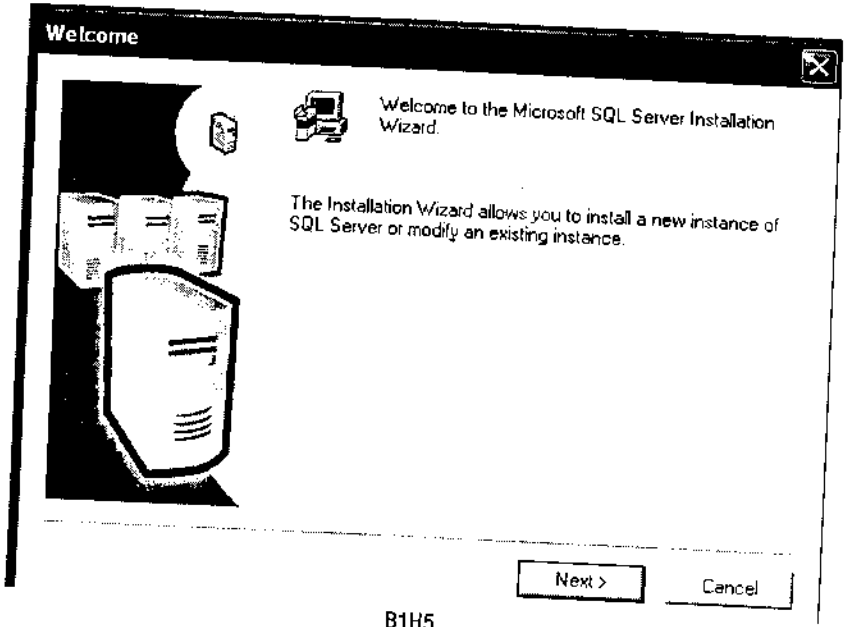

B1H5

Click nút **Next**, bạn có hình như sau:

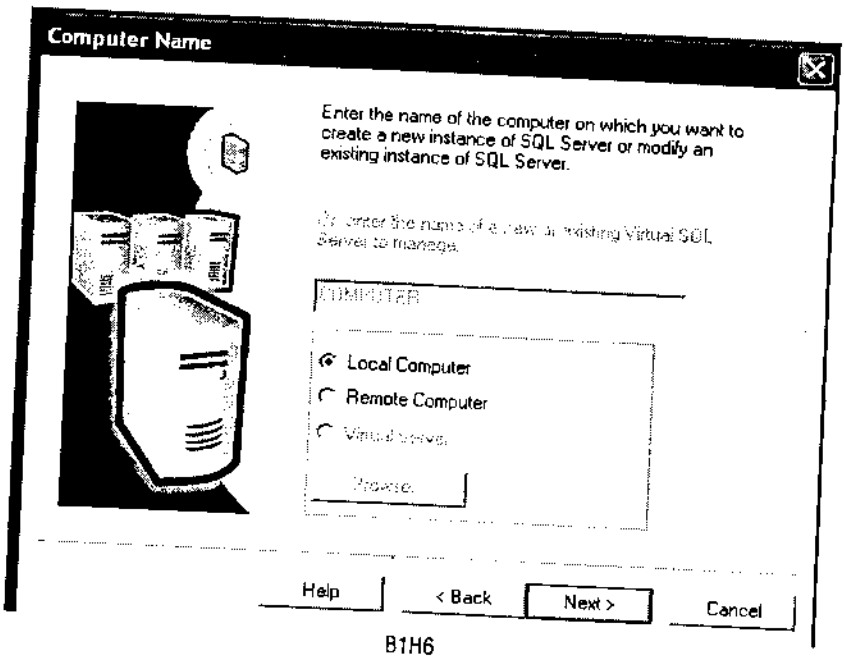

B1H6

▣ Click nút **Next**, hộp thoại kế tiếp hiện ra (nếu có hộp thoại báo lỗi hiện ra vì một lý do nào đó, yêu cầu bạn khởi động lại rồi mới chạy chương trình cài đặt, click OK và khởi động lại máy)

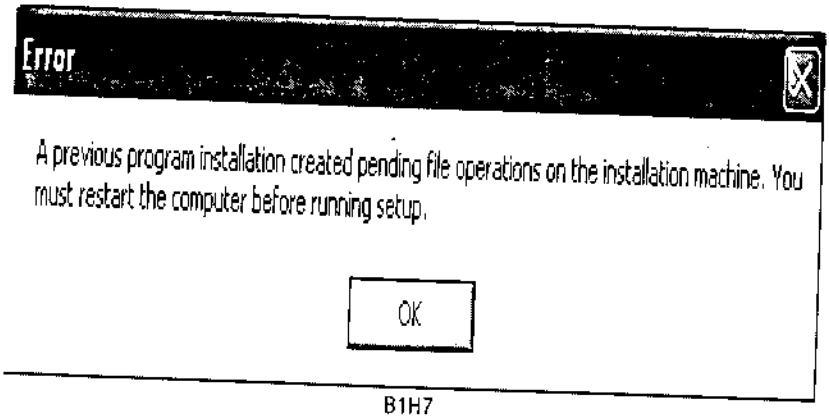

B1H7

▣ Khởi động lại máy tính và thực hiện cài đặt lại, khi cài đặt tới hình **H5**, Click nút **Next**, bạn sẽ thấy hình như sau:

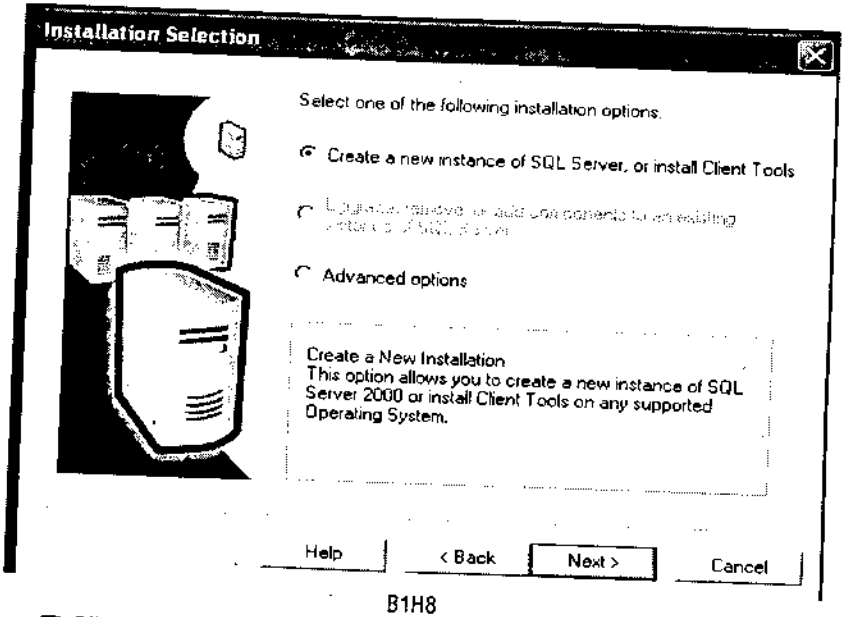

B1H8

▣ Click nút **Next**, bạn thấy hình sau hiện ra

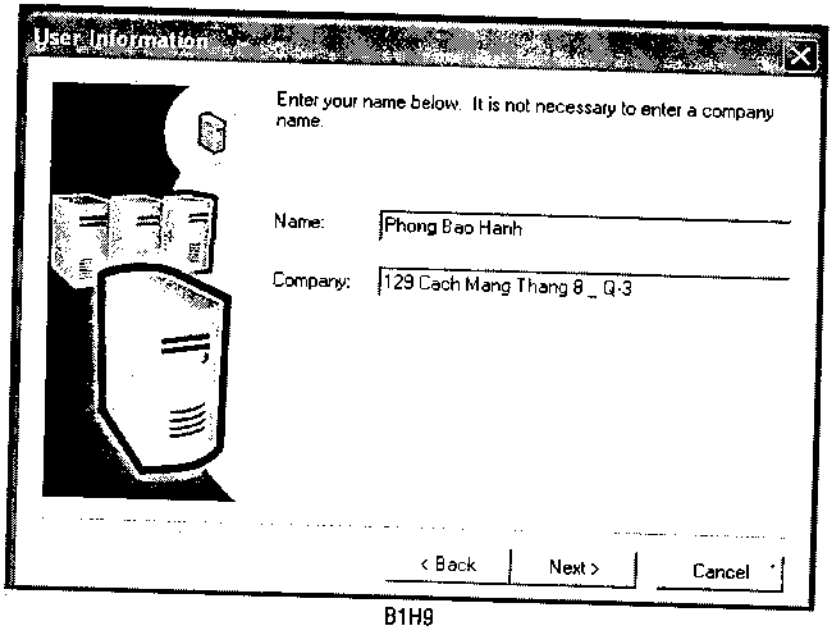

B1H9

Do máy chúng tôi mua ở Phong Vũ khi cài đặt Windows nên có tên như vậy, Click nút **Next**, bạn thấy hộp thoại sau:

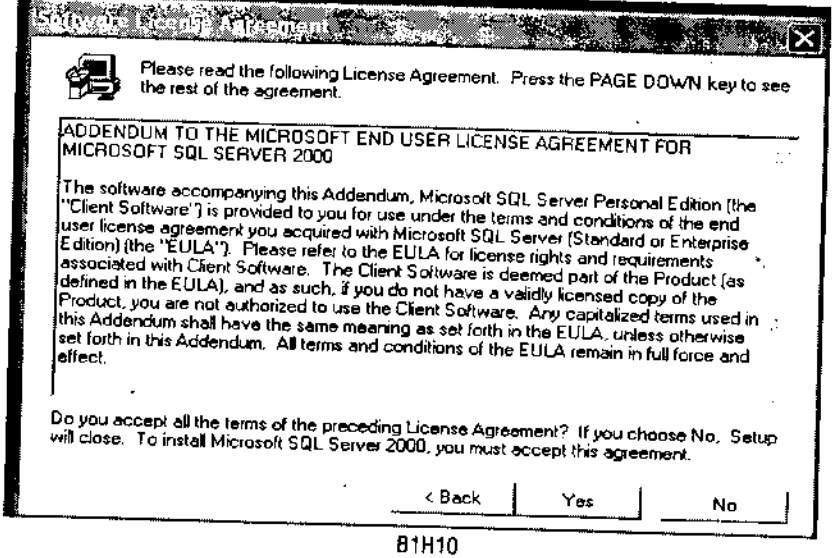

B1H10

- Click nút **Yes**, bạn sẽ có hộp thoại như hình sau:

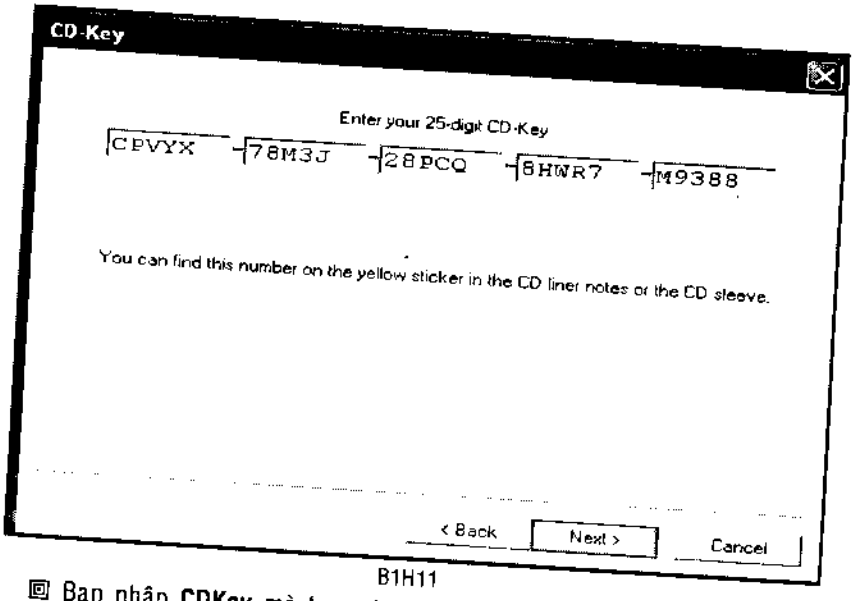

B1H11

- Bạn nhập **CDKey** mà bạn ghi ngoài giấy vào trong các ô, click nút **Next** bạn có hình như sau:

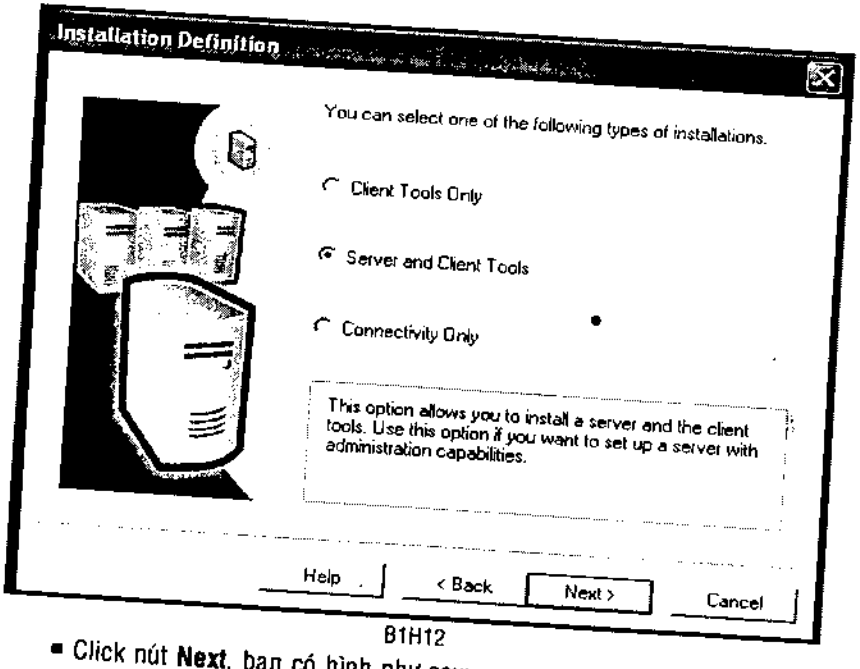

B1H12

- Click nút **Next**, bạn có hình như sau:

// BANGTC/NGUYENLANBANG

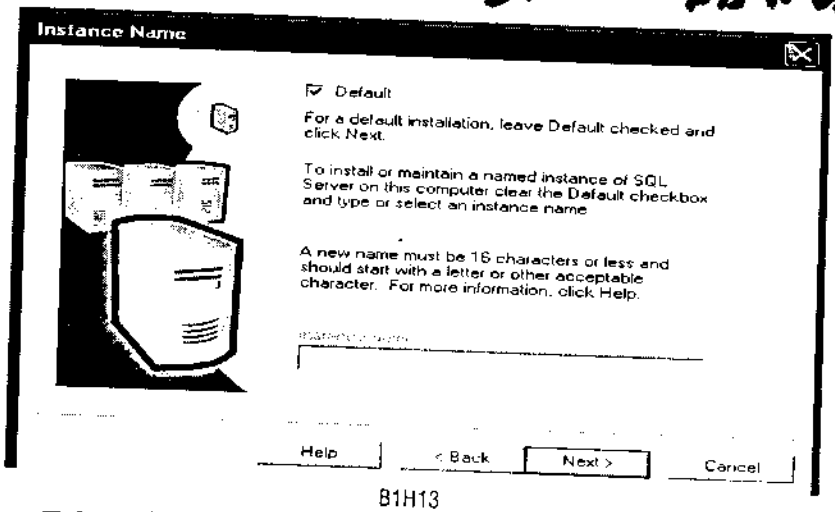

B1H13

▣ Click bỏ dấu chọn mục **Default.** Trong khung **Instance name** giả sử chúng tôi nhập **DAUQUANGTUAN**

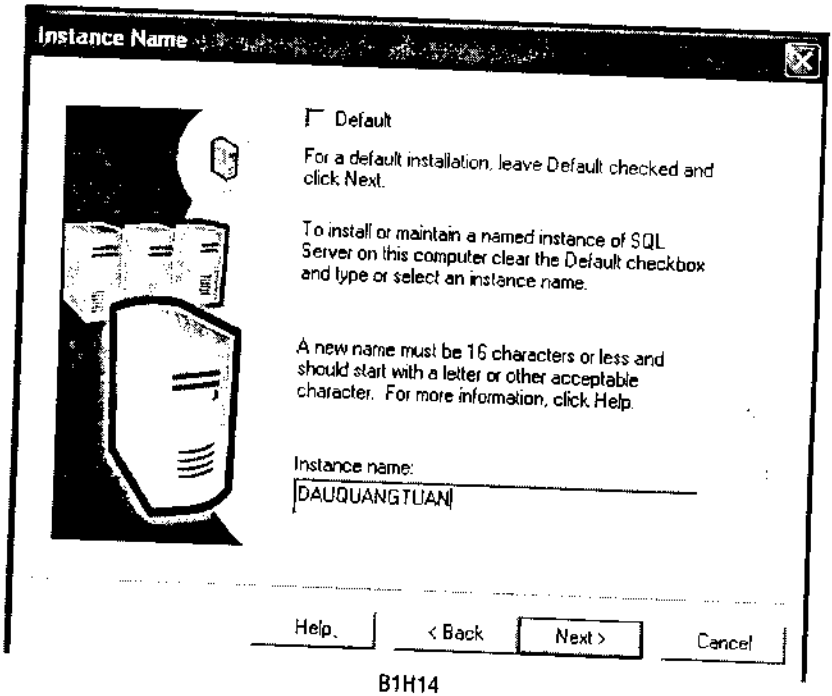

B1H14

▣ Click nút **Next**, bạn sẽ thấy hình như sau:

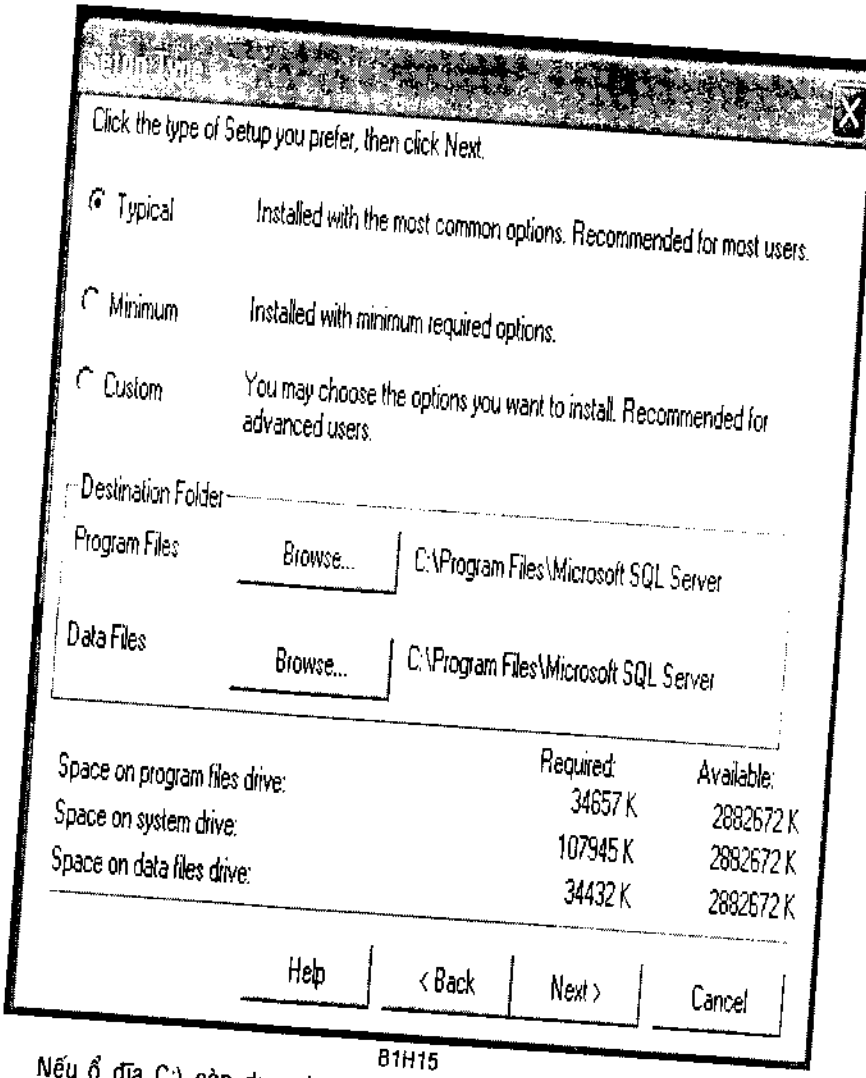

B1H15

Nếu ổ đĩa C:\ còn dung lượng ít, bạn có thể chọn cài đặt tập tin SQL Server 2000 vào đĩa C:\ và lưu trữ cơ sở dữ liệu của SQL Server 2000 và cơ sở dữ liệu của người dùng vào một ổ đĩa khác. Nếu cần thay đổi vị trí cài đặt hay lưu trữ dữ liệu, chúng ta chọn nút **Browse**. Nếu dung lượng ổ đĩa C:\ còn trống, bạn có thể cài đặt chung cả hai phần này trên cùng một ổ đĩa.

▣ Click nút **Next**, click chọn mục **Use the Local System account** như hình sau:

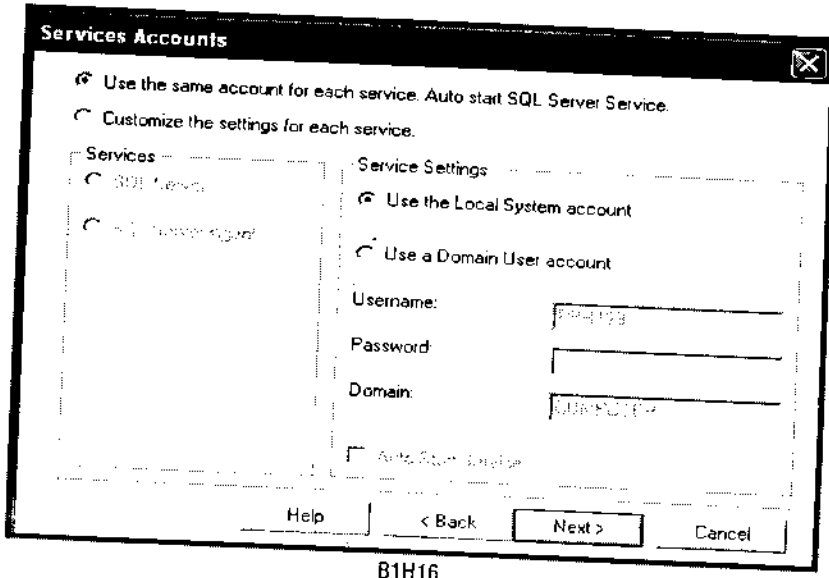

B1H16

Click nút **Next**, bạn thấy hình sau:

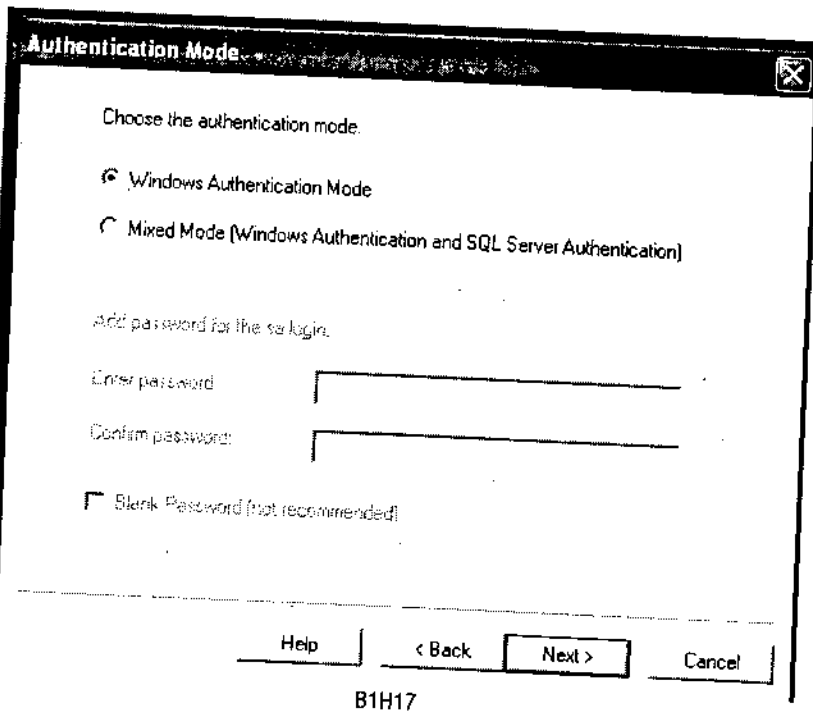

B1H17

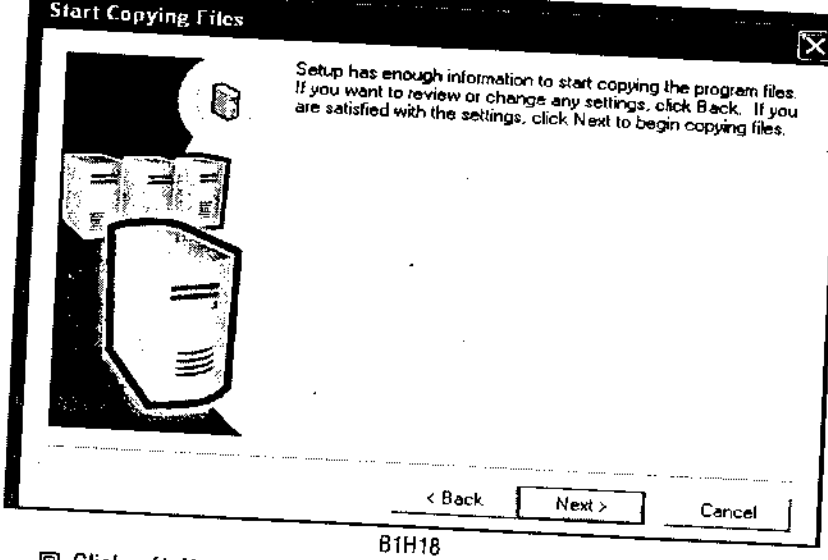

B1H18

Click nút **Next** quá trình chép các files bắt đầu, bạn chờ một thời gian là hoàn tất việc cài đặt SQL Server 2000. Khi cài đặt xong, bạn thấy hộp thoại sau hiện ra

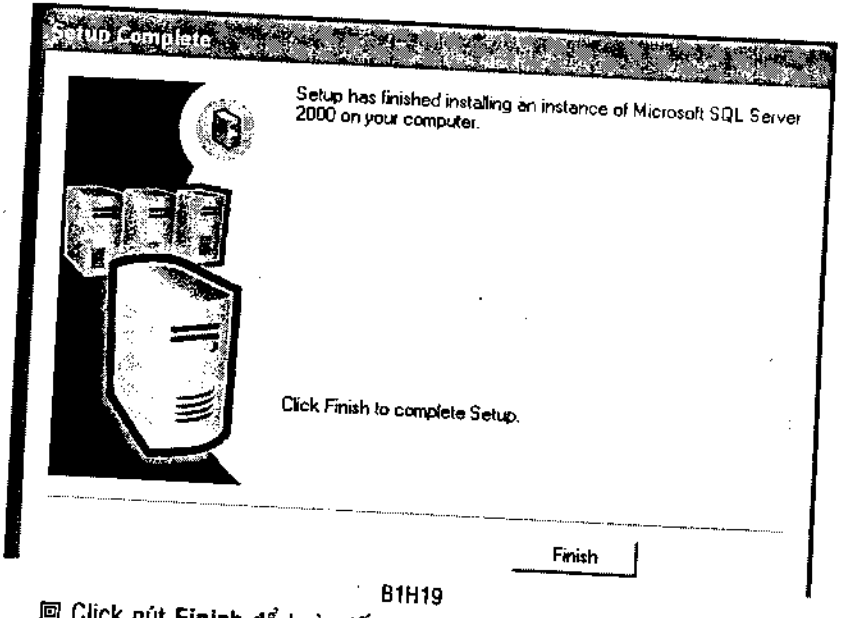

B1H19

Click nút **Finish** để hoàn tất việc cài đặt

Bài 2

Tạo cơ sở dữ liệu, bảng Và mối liên hệ giữa các bảng trong SQL Server 2000

☛ Khởi động SQL Server

◈ Vào menu **Start**, di chuyển vệt sáng đến **Programs**, di chuyển đến **Microsoft SQL Server**, chọn **Service Manager**

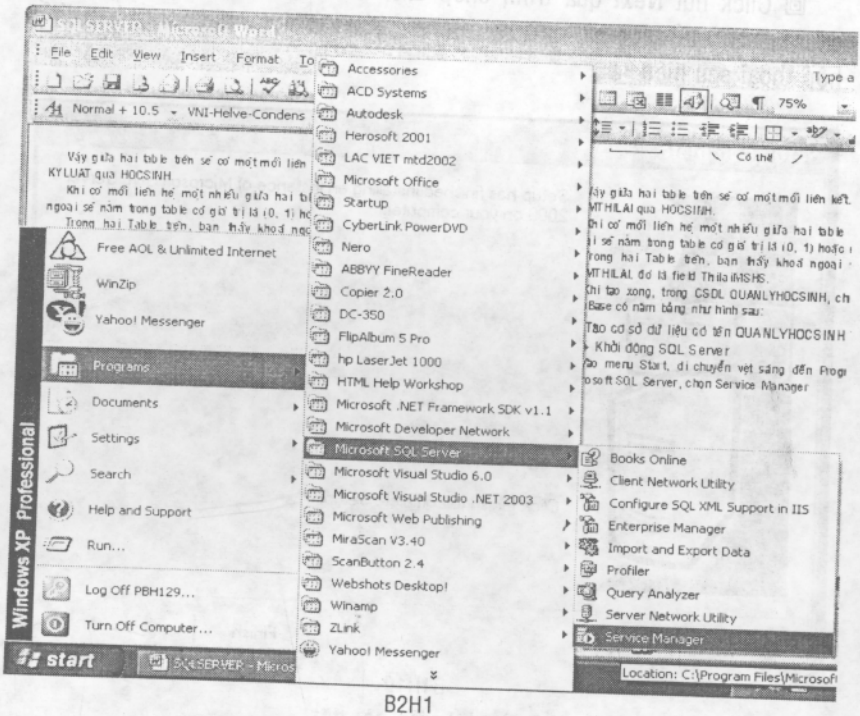

B2H1

Bạn sẽ thấy cửa sổ SQL Server Service Manager hiện ra như hình sau:

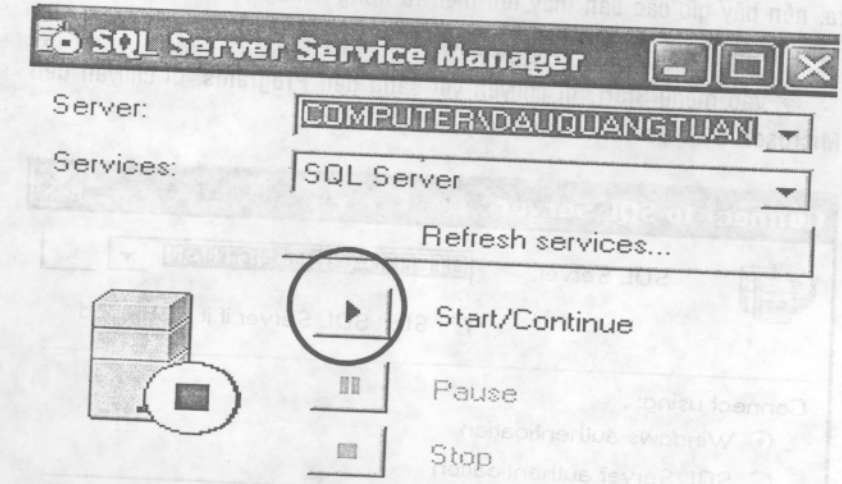

B2H2

◈ Click nút đầu mũi tên có tên **Start/Continue**

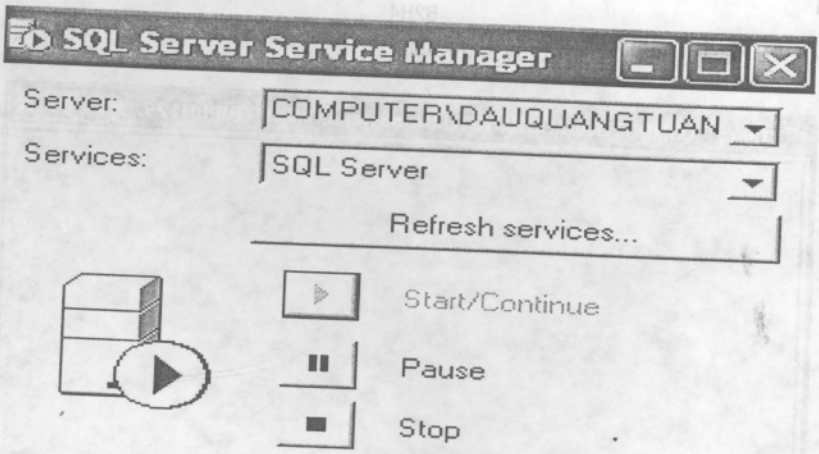

B2H3

Do khi cài đặt chúng tôi đặt tên **DAUQUANGTUAN** trong hộp thoại hiện ra, nên bây giờ các bạn thấy tên hiện ra trong khung Server.

Khởi động Query Analyzer

◈ Vào menu **Start**, di chuyển vệt sáng đến **Programs**, di chuyển đến **Microsoft SQL Server**, chọn Query Analyzer

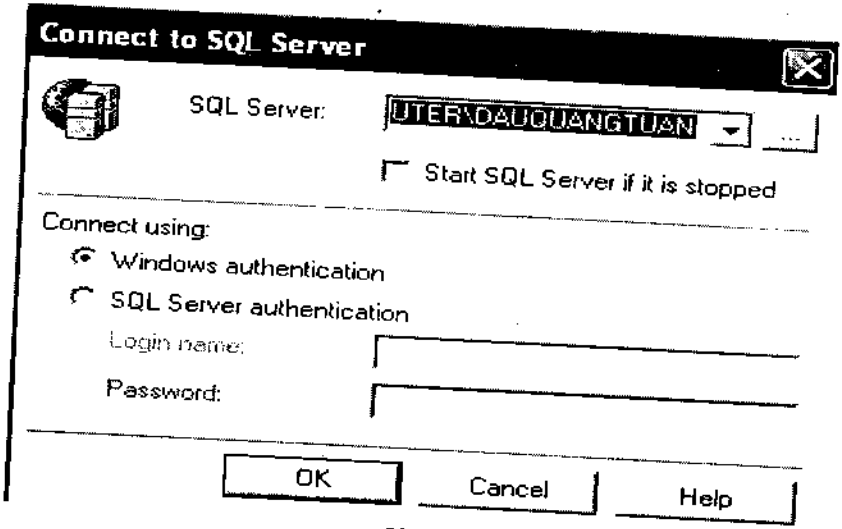

B2H4

◈ Click nút OK, bạn thấy hình sau:

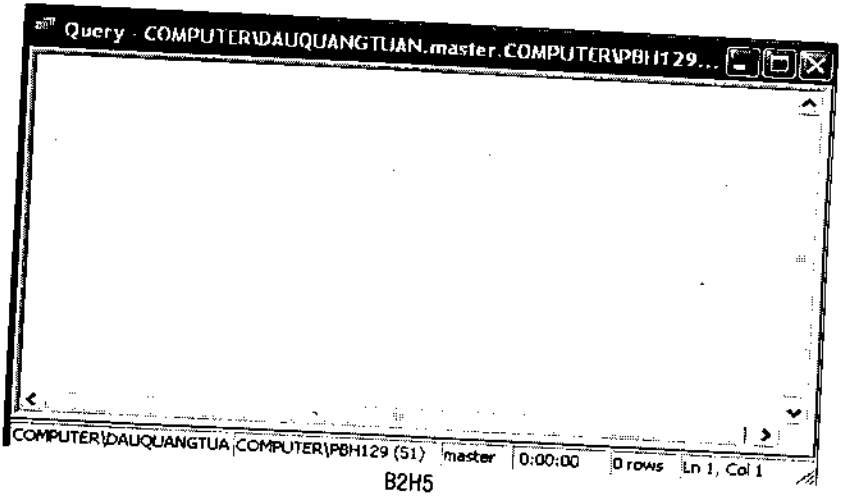

B2H5

Tạo cơ sở dữ liệu

Có ba cách tạo CSDL trong SQL Server 2000, đó là dùng trình điều khiển EnterPrise Manager (EM), bằng Wizards hoặc bằng phát biểu SQL. Trong bài này, chúng tôi hướng dẫn các bạn dùng cách thứ nhất, đó là dùng trình điều khiển Enterprise Manager.

◈ Vào menu **Start**, di chuyển vệt sáng đến **Programs**, đến **Microsoft Server 2000**, click chọn **EnterPrise Manager**

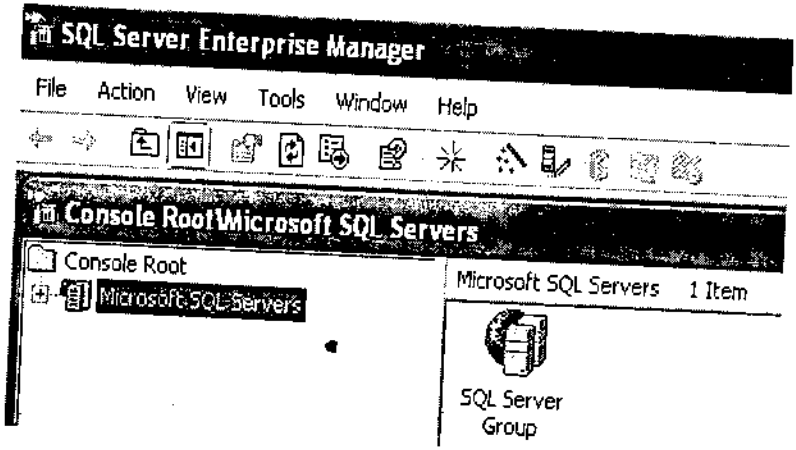

B2H6

◈ Click dấu cộng (+) trước **Microsoft SQL Server**, click chọn tên **COMPUTER\DAUQUANGTUAN**, bạn thấy hình như sau:

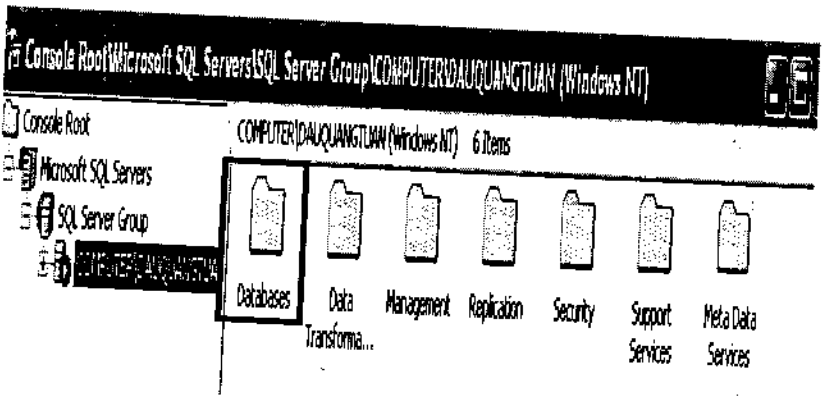

B2H7

◈ Click nút phải chuột tại **Databases**

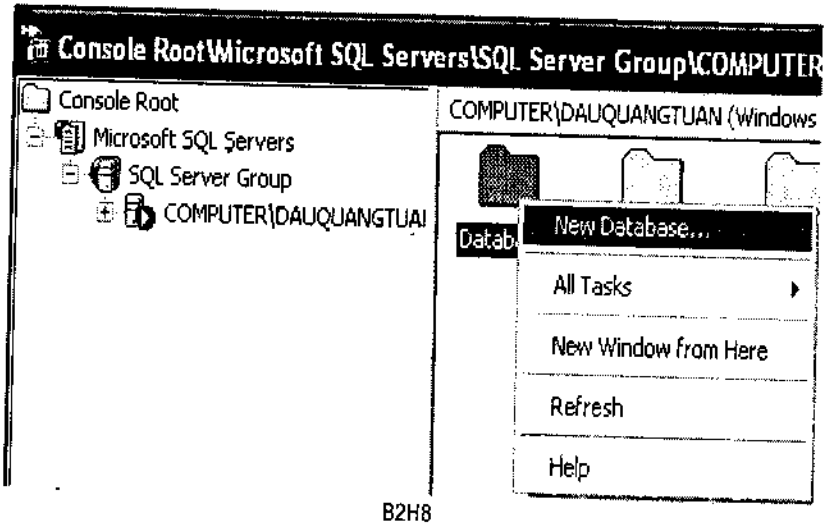

B2H8

◈ Chọn New Database bạn sẽ thấy hình như sau:

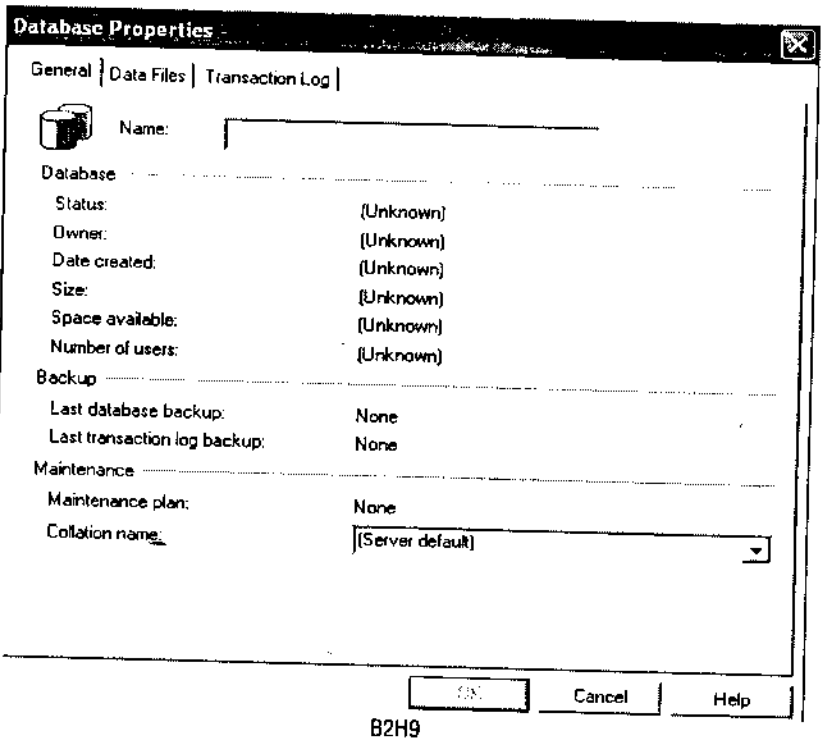

B2H9

◈ Nhập tên **QUANLYHOCSINH** trong khung Name như hình sau:

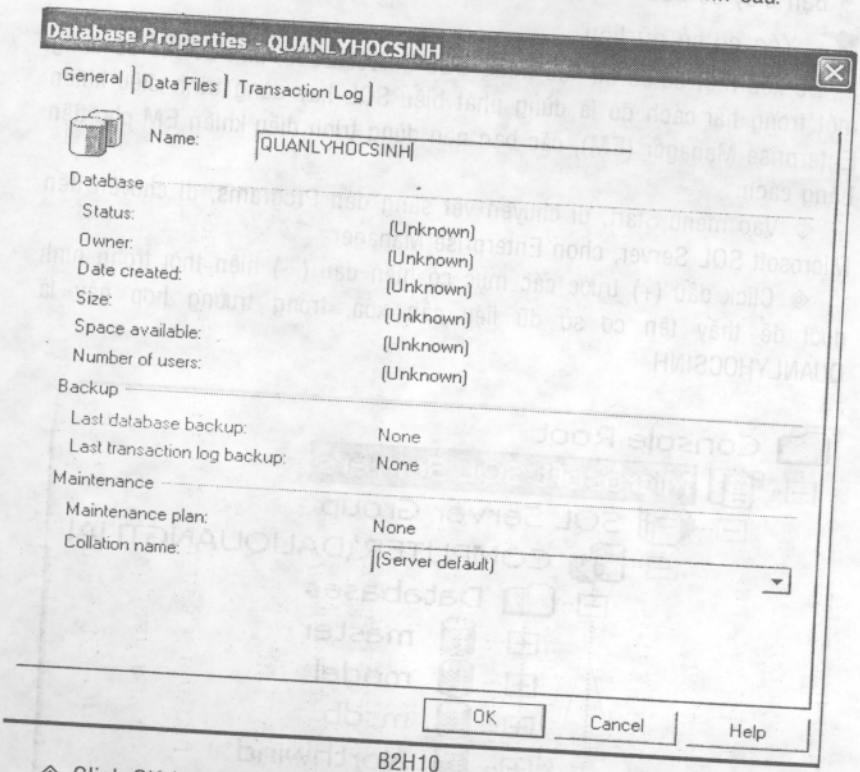

B2H10

◈ Click OK bạn thấy hình như sau:

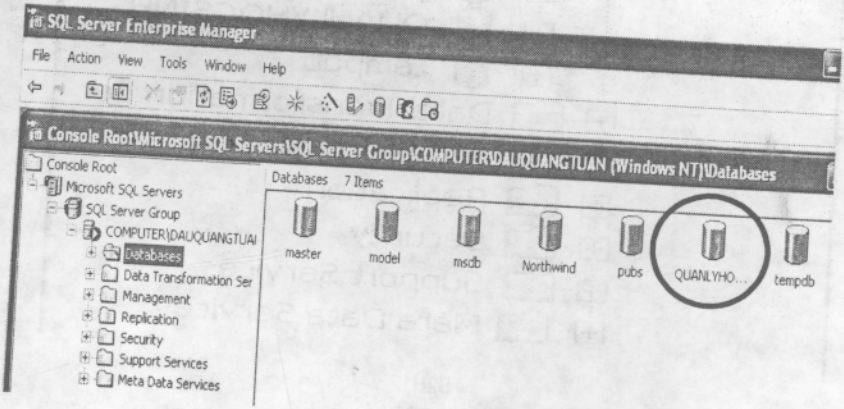

B2H11

Bạn thấy có CSDL QUANLYHOCSINH như hình trên.

Xóa cơ sở dữ liệu

Để xóa một cơ sở dữ liệu trong SQL Server 2000, bạn có thể sử dụng một trong hai cách đó là dùng phát biểu SQL hay dùng trình điều khiển Enterprise Manager (EM), các bạn nên dùng trình điều khiển EM cho tiện bằng cách:

◈ Vào menu Start, di chuyển vệt sáng đến Programs, di chuyển đến Microsoft SQL Server, chọn Enterprise Manager.

◈ Click dấu (+) trước các mục có hiện dấu (-) hiện thời trong hình dưới để thấy tên cơ sở dữ liệu cần xóa, trong trường hợp này là QUANLYHOCSINH

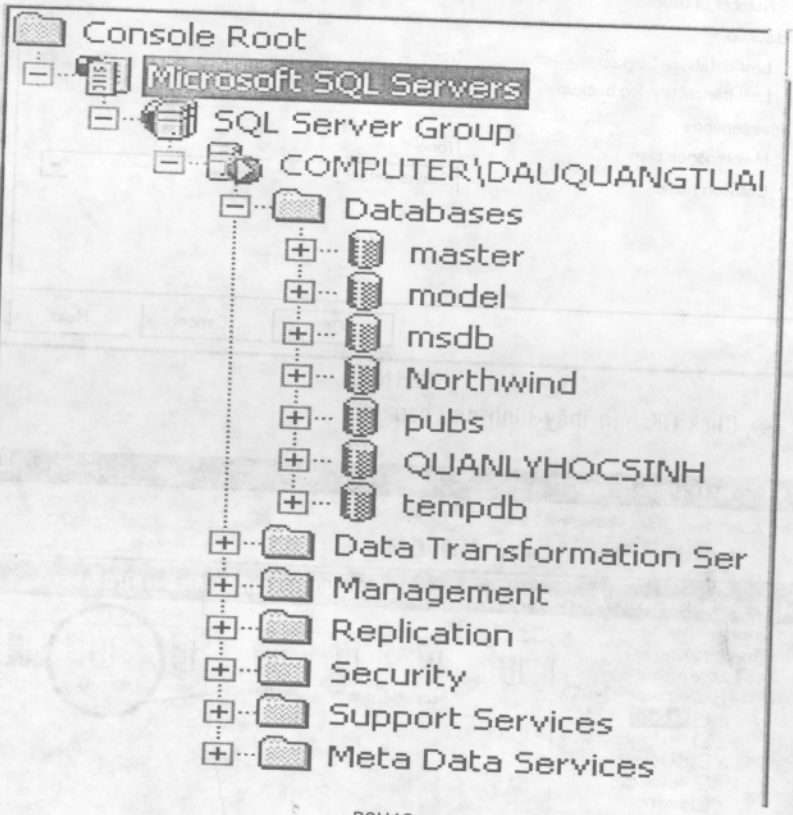

B2H12

◈ Click nút phải chuột trên tên CSDL

◈ Chọn Delete trong menu hiện ra, bạn thấy hộp thoại sau:

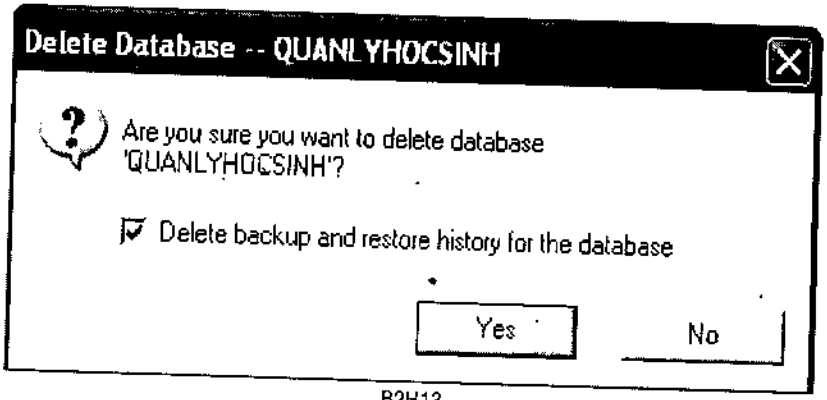

B2H13

◈ Chọn Yes để xóa tất cả những tập tin dự phòng của CSDL

Giảm dung lượng dư thừa của cơ sở dữ liệu

◈ Vào menu **Start**, di chuyển vệt sáng đến **Programs**, di chuyển đến **Microsoft SQL Server**, chọn **Enterprise Manager**.

◈ Chọn tên CSDL cần xóa

◈ Click nút phải chuột trên tên CSDL

◈ Di chuyển vệt sáng đến mục **All Tasks**, click chọn **Shrink Database**, bạn sẽ thấy hình sau:

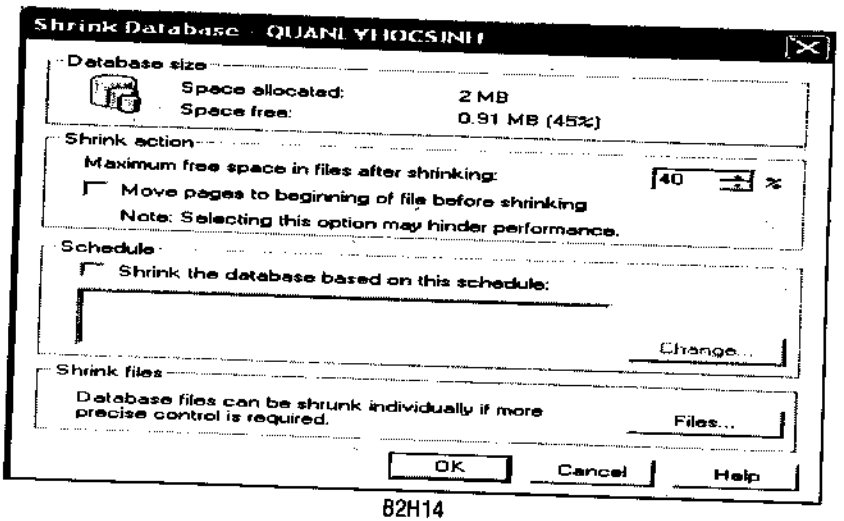

B2H14

Bạn nhập giá trị phần trăm dung lượng lớn nhất cho phép sau khi giảm dung lượng trong phần Shrink action như hình trên.

Tạo bảng dữ liệu

Khi tạo một bảng, các bạn cần xác định:

- Tên bảng
- Kiểu dữ liệu của các vùng, vùng nào chấp nhận giá trị Null
- Khóa chính
- Khóa ngoại
- Các ràng buộc

Trước khi tạo bảng các bạn cần biết những điều sau đây:

① SQL Server 2000 gồm một số kiểu dữ liệu như sau:

● **Dữ liệu ký tự (character)**: lưu trữ các chữ, kí hiệu và các ký tự số

Ví dụ:

"Laptrinh", "Tinhoc123", "234", T*A145"

Thường dùng ba loại đó là Kiểu char, varchar và text

- Kiểu dữ liệu **char**: Kích thước tính bằng byte không quá 8.000 byte, chiều dài khai báo là cố định, bộ nhớ luôn cấp đúng dung lượng như khi bạn khai báo, dù khi nhập ít hơn, nó vẫn cung cấp đủ. Ví dụ bạn khai báo là 50, nhưng nhập 6 thì bộ nhớ vẫn cấp là 50 byte. Do đó khi xử lý dữ liệu bạn cần loại bỏ những ký tự trắng phía bên phải.
- Kiểu dữ liệu **varchar**: chiều dài thay đổi cũng tính bằng byte, không vượt quá 8.000 byte. Khác với kiểu char là bộ nhớ sẽ cấp đúng như giá trị bạn nhập. Ví dụ bạn khai báo là 50, nhưng nhập 6 thì bộ nhớ chỉ cấp 6 byte.
- Kiểu dữ liệu **text**: Nếu dữ liệu lớn vượt quá hai loại trên, bạn dùng kiểu này.

● Dữ liệu kiểu nhị phân (binary): gồm các số hệ thập lục phân (hệ 16) còn gọi là hệ hexadecimal

Ví dụ:

Số 118 hệ 10 là 76 hệ thập lục phân

76 (Hệ 16) = $7*16^1+6.16^0=112+6=116$ (hệ 10)

Dữ liệu kiểu binary gồm binary, varbinary và image

- Kiểu dữ liệu **Binary**: có chiều dài cố định là 8KB
- Kiểu dữ liệu **varbinary**: lưu trữ con số hệ 16 có chiều dài cố định là 8KB

◈ Kiểu dữ liệu **image**: lưu trữ chiều dài thay đổi 8KB, như văn bản Word, bảng tính Excel và các tập tin hình, đồ họa.

● Dữ liệu **Date** và **Time**: gồm dữ liệu kiểu Date hoặc kết hợp cả hai Date và Time.

Ví dụ:

"12/12/04 10:14:00:00:00 AM", "10/24/04"

Gồm hai kiểu datetime và smalldatetime

◈ Kiểu **datetime**: lưu trữ dữ liệu date từ january 1, 1753 đến December 31, 9999 (phải nhập đủ 8 byte)

◈ Kiểu **smalldatetime**: lưu trữ dữ liệu từ january 1, 1900 đến June 6, 2079 (yêu cầu 4 byte cho mỗi giá trị)

● Dữ liệu số (Numeric): chỉ bao gồm số âm và số dương, số lẻ, thập phân và số nguyên

◈ Dữ liệu kiểu **integer** bao gồm số nguyên âm và dương và được lưu trữ dạng: bigint, int, smallint, tinyint (xếp theo thứ tự giảm dần)

- Kiểu bigint: từ -9,223,372,036,854,775,808
  đến 9,223,372,036,854,775,808 (trong 8 byte)
- Kiểu int: từ -2,147,483,648 đến 2,147,483,647 (trong 4 byte)
- Kiểu smallint: từ -32,768 đến 32,767 (trong 2 byte)
- Kiểu tinyint: từ 0 đến 255 (trong 1 byte)

◈ Dữ liệu **Decimal**: bao gồm phần nguyên và phần các số lẻ. Số bytes yêu cầu để lưu trữ số decimal hay numeric phụ thuộc vào tổng số con số trước và sau dấu phân cách số lẻ.

● Dữ liệu kiểu **Unicode**: lưu trữ các chữ, ký hiệu và ký tự số dạng Unicode với các kiểu nchar, nvarchar và ntext (*n* viết tắt chữ National)

◈ Kiểu dữ liệu **nchar**: kích thước tính bằng ký tự không quá 4.000 ký tự, chiều dài khai báo là cố định, bộ nhớ luôn cấp đúng dung lượng như khi bạn khai báo, dù khi nhập ít hơn, nó vẫn cung cấp đủ. Ví dụ bạn khai báo là 50, nhưng nhập 6 thì bộ nhớ vẫn cấp là 50 ký tự. Do đó khi xử lý dữ liệu bạn cần loại bỏ những ký tự trắng phía bên phải.

◈ Kiểu dữ liệu **nvarchar**: chiều dài thay đổi cũng tính bằng ký tự, không vượt quá 4.000 ký tự. Khác với kiểu nchar là bộ nhớ sẽ cấp đúng như giá trị bạn nhập. Ví dụ bạn khai báo là 50, nhưng nhập 6 thì bộ nhớ chỉ cấp 6 ký tự.

◈ Kiểu dữ liệu **ntext**: Nếu dữ liệu lớn vượt quá hai loại trên, bạn dùng kiểu này.

Ghi chú:

Mỗi ký tự Unicode cần 2 bytes để mã hóa.

- Dữ liệu kiểu tiền tệ (Monetary): Dùng để trình bày số dạng tiền tệ với số âm hay dương bao gồm hai kiểu dữ liệu là money và smallmoney

◈ Kiểu dữ liệu money: lưu trữ số tiền tệ từ -922,337,203,685,477.5808 đến +922,337,203,685,477.5807 (8 byte cho mỗi giá trị)

◈ Kiểu dữ liệu smallmoney: Dùng để lưu trữ số tiền tệ khoảng từ -214,748.3648 đến 214,748.3647 (4 byte cho mỗi giá trị)

② Số tự động trong SQL Server 2000

Trong một bảng, chúng ta có thể khai báo một cột duy nhất có giá trị là số tự động (identity), tăng dần theo số mẫu tin thêm vào.

Ghi chú:

Cần quan tâm đến số bắt đầu (identity seed) và mỗi lần nhảy bao nhiêu giá trị (identity increament), giá trị mặc nhiên, giá trị ban đầu là 1 và giá trị nhảy là 1. Khi khai báo cột tự động bạn cần lưu ý những điều sau:

◈ Kiểu dữ liệu cho cột này phải thuộc một trong các kiểu: decimal, int, numeric, smallint, biint hay tinyint.

◈ Phải chỉ định seed, increment và giá trị mặc định của hai tham số này là 1

◈ Cột khai báo số tự động không cho phép Null

◈ Hàm Objectproperty có thể sử dụng trong quá trình lập trình nếu bảng có khai báo cột Identity và hàm Columnproperty có thể sử dụng để biết tên của cột khai báo Identity

③ Khóa và các ràng buộc

Ràng buộc toàn vẹn

Ràng buộc toàn vẹn là điều kiện ràng buộc trên dữ liệu trong các bảng tham chiếu của CSDL và tất cả các ràng buộc toàn vẹn phải được thoả mãn ở bất kỳ thời điểm nào. Việc kiểm tra các ràng buộc toàn vẹn thường được tiến hành sau các thao tác cập nhật dữ liệu (thêm, sửa, xoá) và có thể được thông qua các thủ tục kiểm tra do ta thiết kế, hoặc do Visual Basic sẽ tự động kiểm tra các ràng buộc toàn vẹn dựa trên những xác lập của chúng ta khi thiết kế CSDL.

Thông thường người ta thường ràng buộc toàn vẹn trên vùng và trên mẫu tin. Trong đó ràng buộc vùng sẽ được kiểm tra trước các ràng buộc trên mẫu tin.

Việc ràng buộc toàn vẹn trên các bảng tham chiếu nếu thiếu sót sẽ gây ra những hiệu quả nghiêm trọng, chúng ta thử nghiên cứu các ràng buộc toàn vẹn.

■ Ràng buộc toàn vẹn về giá trị của một vùng

Chỉ dựa vào một vùng trong bảng.

Ví dụ:

Vandongvien.Tuoi >=15

Sinhvien.Hocbong >=0

0<= Ketqua.diem AND Ketqua.diem <=10

■ Ràng buộc toàn vẹn liên vùng

Mô tả mối quan hệ giữa các vùng trong một bảng.

Ví dụ:

Dondathang.Ngaydathang <= Dondathang.Ngayxuathang

Thanhtien = Soluong * Dongia

Ghi chú:

Chúng ta nên hạn chế việc một vùng được tính toán từ các vùng khác.

■ Ràng buộc toàn vẹn giữa các mẫu tin trong một bảng

Loại ví dụ này cũng thường thấy trong thực tế, ví dụ một vận động viên đến đăng ký thi thể thao phải ghi đầy đủ 5 chi tiết.

Một dạng đặc biệt của ràng buộc toàn vẹn loại này là các ràng buộc về khóa gồm các khái niệm: *siêu khóa, khóa nội và khóa chính*

⇨ Siêu khóa (super key) – Khóa chính (primary key)

Trong một bảng, các mẫu tin có thể phân biệt với nhau về lưu trữ thông qua số thứ tự của mẫu tin. Tuy nhiên, trong quá trình khai thác một bảng, sự phân biệt này không đóng vai trò quan trọng, nhất là trong trường hợp hai mẫu tin có số thứ tự khác nhau vẫn có thể giống nhau hoàn toàn về dữ liệu. Do đó cần thiết phải có một khái niệm khác có thể dùng để phân biệt về mặt dữ liệu giữa các mẫu tin trong một bảng.

Một siêu khóa SK của bảng B là một tập hợp gồm một số vùng (hoặc toàn bộ vùng) của bảng B mà hai mẫu tin bất kỳ trong bảng B sẽ không lấy cùng giá trị trên các vùng này. Nói cách khác, một siêu khóa của một bảng dùng để phân biệt hai bộ bất kỳ trong bảng.

Ví dụ:

(MSVDV, Hoten, Nuoc) là một siêu khóa của bảng Vandongvien

Với giả thiết một bảng B không chứa những mẫu tin hoàn toàn trùng nhau, ta nói bảng B luôn có ít nhất một siêu khóa chứa tất cả các vùng của bảng T và có thể có nhiều siêu khóa.

Ví dụ:

(MSVDV, Hoten, Nuoc), (MSVDV, MaMT), ... là những siêu khóa của bảng Vandongvien.

Vậy siêu khóa dùng để nhận diện các mẫu tin trong bảng, nghĩa là, khi cần truy tìm một mẫu tin x nào đó, ta chỉ cần biết các giá trị của các vùng siêu khóa của x là đủ để dò tìm. Vậy nếu một bảng có nhiều siêu khóa, ta nên chọn một siêu khóa nhỏ nhất (chứa ít vùng nhất), để giảm thời gian dò tìm. Một siêu khóa nhỏ nhất được gọi là một khóa hay khóa nội của một bảng.

Ví dụ: MSVDV là khóa nội của bảng Vandongvien.

Đối với các thực thể tồn tại khách quan như sinh viên, học sinh, nhân viên, vận động viên, hàng hoá ... ta hay dùng mã số để làm khóa, đối với khóa nội của các bảng biểu diễn cho trừu tượng hóa (kết quả thi ...) thường là một tập hợp của hai hay nhiều vùng của bảng. Khi có nhiều khóa nội, ta chọn một trong các khóa nội để điều khiển chính cho việc truy cập các mẫu tin. Khóa nội này được gọi là khóa chính. Khóa chính chỉ có ý nghĩa khi truy tìm, không có vai trò gì khác so với các khóa nội còn lại.

Khi nhập mẫu tin mới có giá trị khóa chính trùng với khóa chính của một vận động viên đã có, VB sẽ báo lỗi.

■ Ràng buộc toàn vẹn về khóa ngoại

Ràng buộc toàn vẹn về khóa ngoại còn được gọi là ràng buộc về phụ thuộc tồn tại. Cũng giống như ràng buộc toàn vẹn về khóa, ràng buộc khóa ngoại rất phổ biến trong CSDL.

Ta xem ví dụ một sinh viên V đang đang theo học khoa Tin học. Mẫu tin tương ứng với sinh viên này trong bảng Sinhviên sẽ có giá trị vùng makh tà "TINHOC". Sự tồn tại của mẫu tin này trong bảng Sinhvien hoàn toàn phụ thuộc vào sự tồn tại của một mẫu tin trong bảng Khoa có giá trị vùng makhoa là "TINHOC". Nếu trong bảng Khoa không có mẫu tin nào có giá trị vùng makhoa là "TINHOC" thì mẫu tin của sinh viên V trong bảng Sinhvien không thể tồn tại. Điều đó có nghĩa là khoa Tin học phải có trước khi sinh viên V đăng ký theo học. Trong trường hợp này, ta nhận thấy rằng khóa makhoa của bảng chính(Khoa) là có mối liên kết với vùng

makh của bảng phụ thuộc(Sinhvien). Vùng makh còn được gọi là khóa ngoại.

■ **Ràng buộc toàn vẹn giữa các mẫu tin của nhiều bảng**

Một ví dụ của loại ràng buộc toàn vẹn này: mỗi chi tiết đặt hàng hoặc không được đáp ứng hoặc được giao tối đa một lần.

■ **Ràng buộc toàn vẹn giữa các vùng của nhiều bảng**

Ví dụ: Ngày giao hàng cho một đơn đặt hàng phải sau ngày đặt hàng.

■ **Ràng buộc toàn vẹn phức tạp trong nhiều bảng**

Ví dụ: Chỉ giao những mặt hàng mà khách đã đặt với số lượng không vượt quá số lượng đặt hàng.

◙ Đến đây bạn có thể bắt tay vào tạo bảng dữ liệu, chúng tôi hướng dẫn các bạn tạo bảng bằng cách dùng trình điều khiển Enterprise Manager.

◙ Vào menu Start, di chuyển vệt sáng đến Programs, di chuyển vệt sáng đến Microsoft SQL Server 2000, click chọn Enterprise Manager.

◙ Trong cửa sổ hiện ra, nhìn phía bên trái, bạn click dấu "+" lần lượt trước các mục có dấu "-" như hình bên (các mục có dấu "-" khi chưa click sẽ là dấu "+") cho đến khi thấy tên cơ sở dữ liệu QUANLYHOCSINH mà bạn đã tạo ở trên.

◙ Click chọn tên SCDL QUANLYHOCSINH, bạn thấy thông tin có sẵn như hình sau:

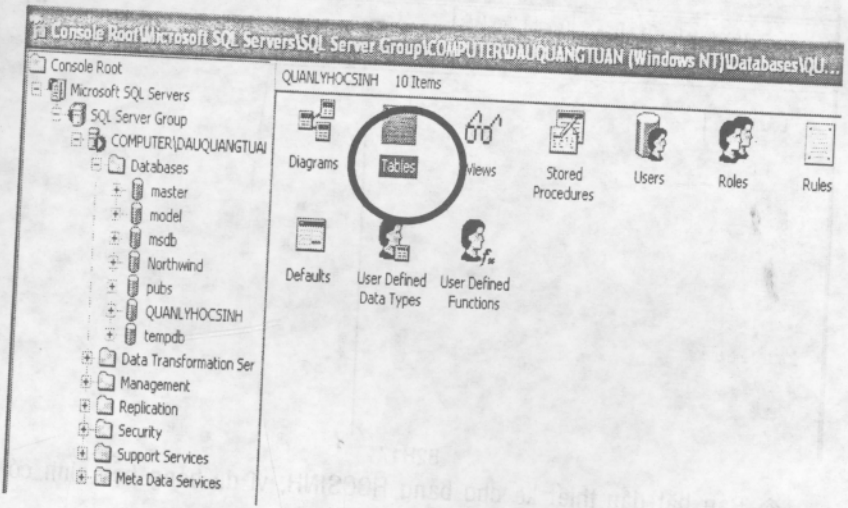

▣ Trong các đối tượng có bên trong CSDL QUANLYHOCSINH, có Tables. Click nút phải chuột trên đối tượng này

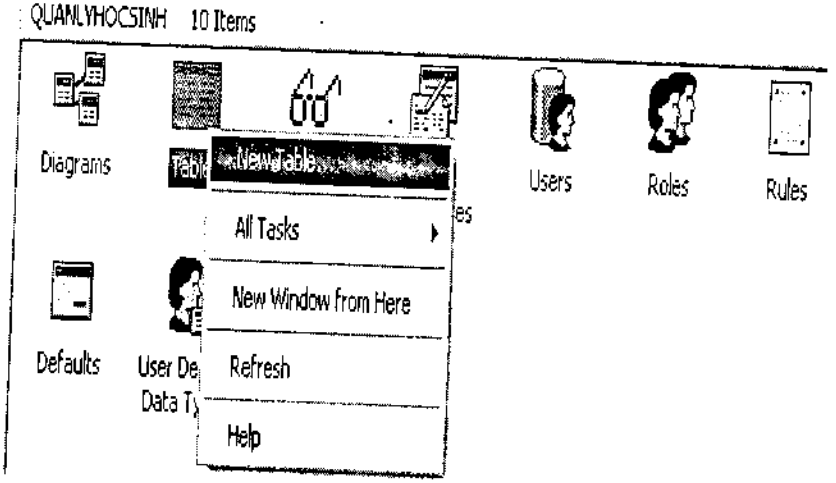

B2H16

▣ Click chọn New Table, các bạn sẽ thấy cửa sổ thiết kế bảng như hình sau:

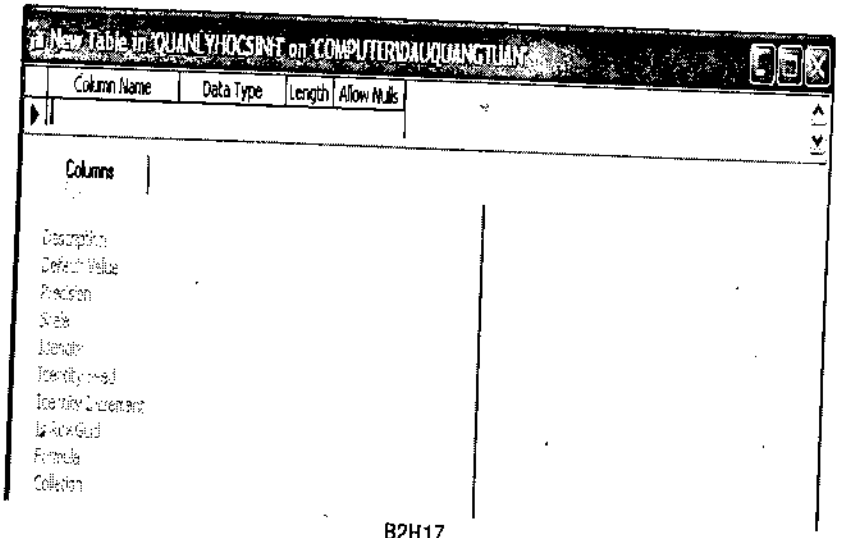

B2H17

◈ Bạn bắt đầu thiết kế cho bảng HOCSINH, ví dụ bảng học sinh có cấu trúc như sau:

Cấu trúc của bảng HOSINH

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
MSHS	Char	5	
Holot	Varchar	30	
Ten	Char	7	
Lop	Char	4	
Nam	Char	3	✓
Ngaysinh	Datetime	8	✓
Noisinh	Varchar	40	✓
Diachi	Varchar	40	✓
Tencha	Varchar	40	✓
Tenme	Varchar	40	✓
DT	Char	12	✓

Bạn nhập giá trị tương ứng trong các cột vào bảng để có như hình sau:

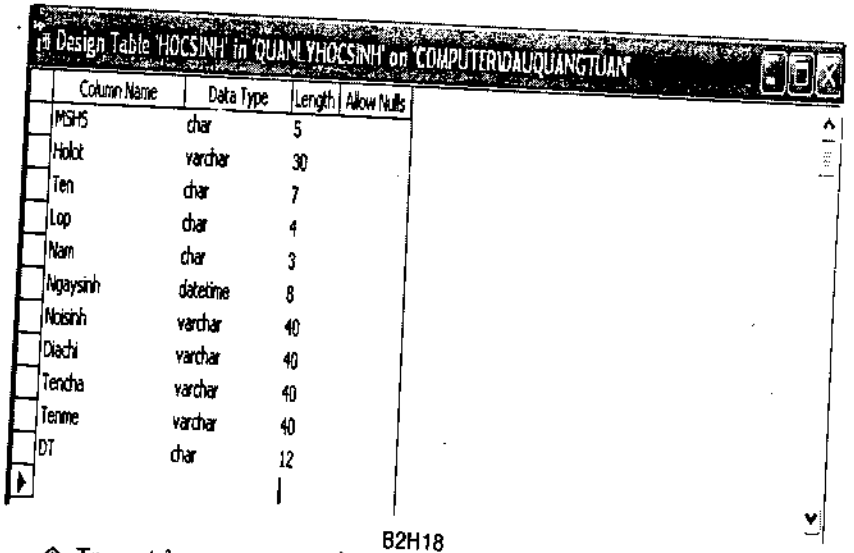

B2H18

◈ Trong bảng này vùng khóa là MSHS, bạn click chuột tại ô bên trái của MSHS để chọn dòng này

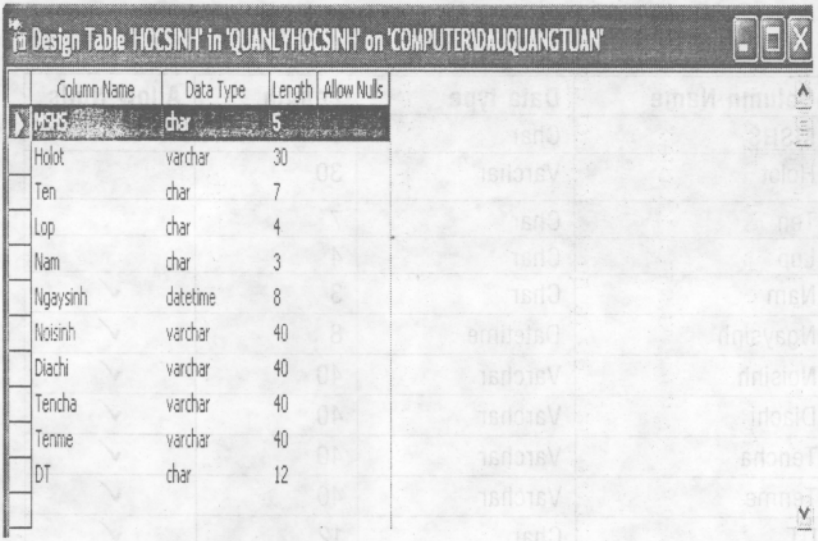

B2H19

◈ Click chọn icon có hình chiếc chìa khóa trên thanh công cụ, bạn sẽ được như hình sau:

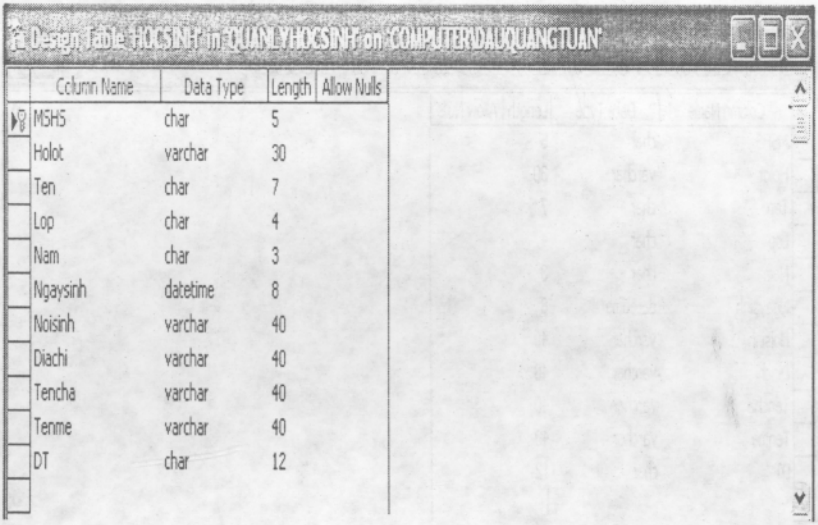

B2H20

Bạn thấy hình chiếc chìa khóa xuất hiện bên cạnh MSHS, nếu cột Allow Nulls của vùng MSHS có dấu chọn thì bây giờ sẽ biến mất. *Ngoài những cột bắt buộc có giá trị như vùng khóa chính, vùng khóa ngoại, ...,*

những vùng khác có thể cho phép giá trị Null mỗi khi mẫu tin được thêm vào.

Nếu bạn muốn diễn giải cho vùng này, bạn có thể nhập vào khung có tiêu đề Description ở bên dưới., bạn có thể nhập giá trị mặc định cho vùng trong khung Default Value. Nếu muốn khai báo vùng dữ liệu là số tự động, bạn chọn Yes cho ô Identity và giá trị khởi tạo, giá trị tăng cho ô Identity Seed và Identity Inreament. Bạn có thể dùng kết quả của các vùng khác qua công thức tính toán trong ô Formula.

Lưu ý:

◈ Những vùng khai báo Identity thì không cho phép nhập liệu

◈ Vùng khai báo giá trị mặc định Default, bạn có thể nhập hoặc không

◈ Nếu khóa chính là tổ hợp của nhiều vùng, bạn nhấn phím Shift và click chọn trước các vùng, sau đó click chọn hình chiếc chìa khóa trên thanh công cụ.

Để bỏ khóa, bạn click chọn vùng chứa hình chiếc chìa khóa, click icon chứa hình chiếc chìa khóa trên thanh công cụ.

Giả sử bạn click chọn vùng MSHS, click hình chiếc chìa khóa trên thanh công cụ để bỏ vùng khóa. Nhấn phím Shift và click chuột chọn ba vùng MSHS, Holot và Ten như hình sau:

Design Table 'HOCSINH' in 'QUANLYHOCSINH' on 'COMPUTER\DAUQUANGTUAN'

Column Name	Data Type	Length	Allow Nulls
MSHS	char	5	
Holot	varchar	30	
Ten	char	7	
Lop	char	4	
Nam	char	3	
Ngaysinh	datetime	8	
Noisinh	varchar	40	
Diachi	varchar	40	
Tencha	varchar	40	
Tenme	varchar	40	
DT	char	12	

B2H21

◈ Click hình chiếc chìa khóa trên thanh công cụ, bạn sẽ có hình như sau:

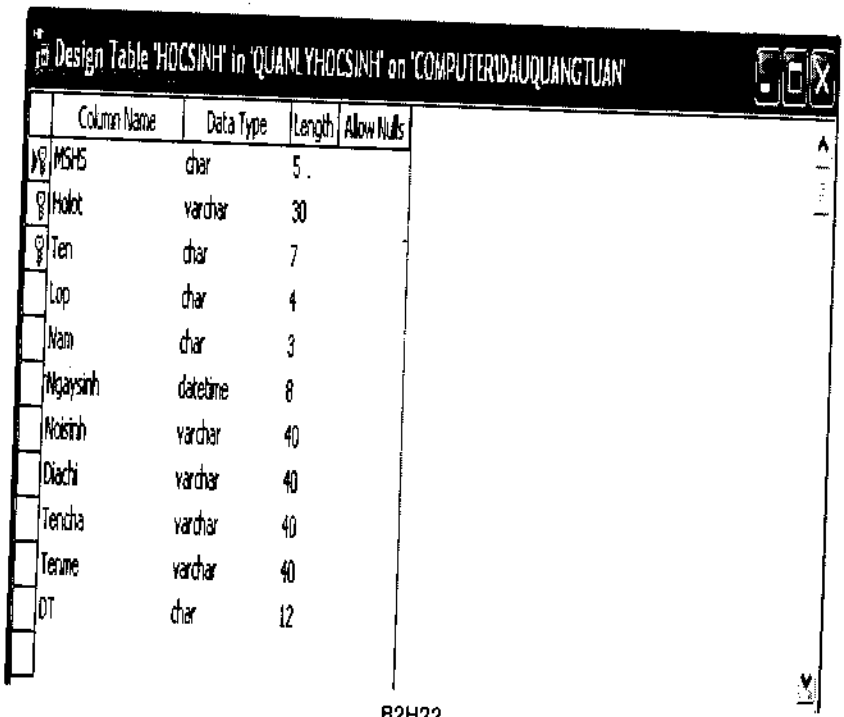

B2H22

◈ Bạn đối lại vì bảng HOCSINH này có khóa chính là MSHS. Khi hoàn thành việc thiết kế, bạn click nút X để đóng cửa sổ thiết kế, hộp thoại hiện ra hỏi bạn, click nút Yes

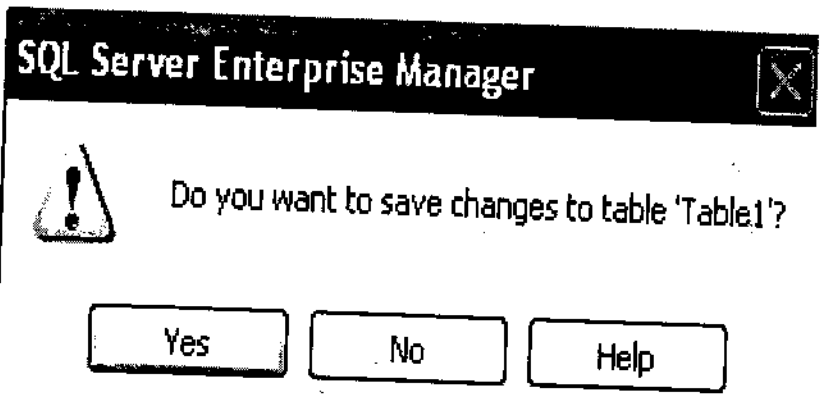

B2H23

Nhập vào HOCSINH trong khung

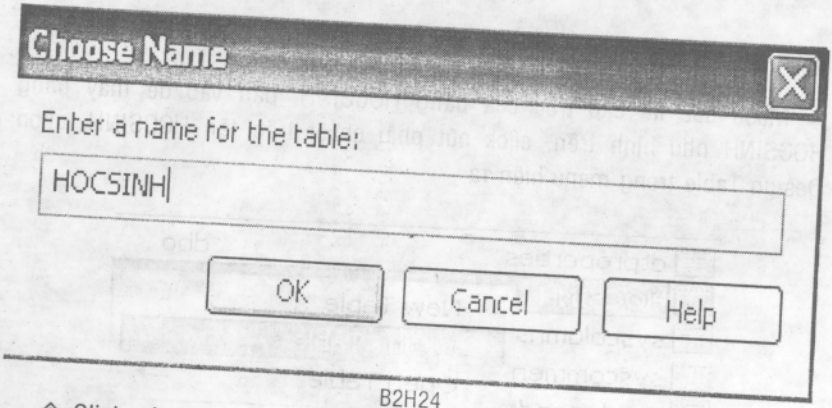

B2H24

◈ Click nút OK

◈ Bạn vào lại CSDL QUANLYHOCSINH, click dấu + phía trước, chọn Tables, bạn sẽ thấy có bảng HOCSINH như hình sau:

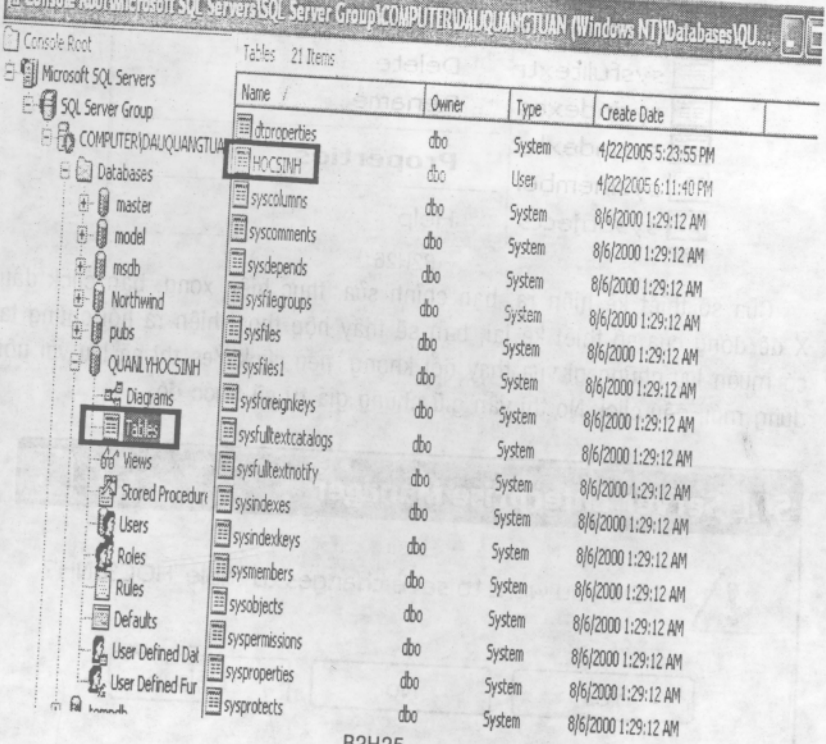

B2H25

Sửa cấu trúc của bảng

Muốn sửa lại cấu trúc của bảng HOCSINH, bạn vào để thấy bảng HOCSINH như hình trên, click nút phải chuột trên tên HOCSINH, chọn Design Table trong menu hiện ra



B2H26

Cửa sổ thiết kế hiện ra, bạn chỉnh sửa, thực hiện xong, bạn click dấu X để đóng cửa sổ thiết kế lại, bạn sẽ thấy hộp thoại hiện ra hỏi chúng ta có muốn lưu những gì vừa thay đổi không, nếu click Yes thì sẽ lưu với nội dung mới, nếu click No thì vẫn giữ những giá trị cũ trước đó.

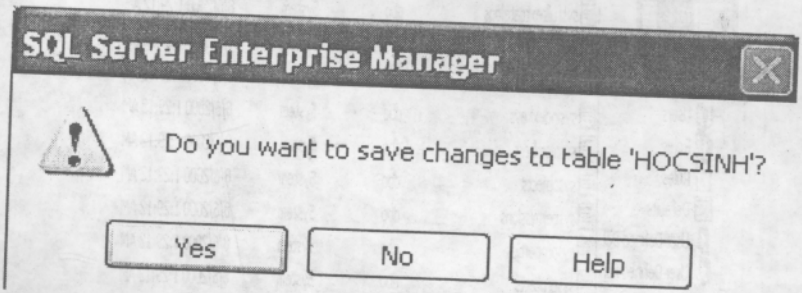

B2H27

Nhập dữ liệu cho bảng

Để nhập dữ liệu vào cho bảng HOCSINH, bạn cho tên bảng hiện ra như hình trên, click nút phải chuột tại tên HOCSINH, đưa vệt sáng đến **Open Table** có ba lực chọn hiện ra, đó là **Return all rows**, **Return Top** hoặc **Query**

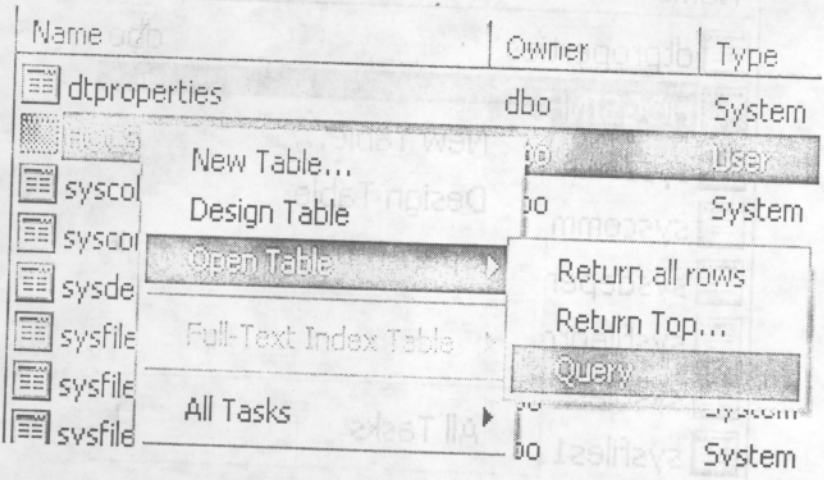

B2H28

◈ **Return all rows**: Chọn mục này sẽ mở bảng với tất cả mẫu tin đang có

◈ **Return Top**: Nếu bảng có số mẫu tin nhiều, bạn có thể chọn mục này để trình bày một số mẫu tin chỉ định

◈ **Query**: Sử dụng khung nhìn truy vấn để lọc một số mẫu tin theo tiêu chuẩn cho trước.

Nếu bạn nhập mục thứ hai Return Top, hộp thoại hiện ra với giá trị mặc nhiên là 1000, bạn nhập số mẫu tin cần xuất hiện trong khung này

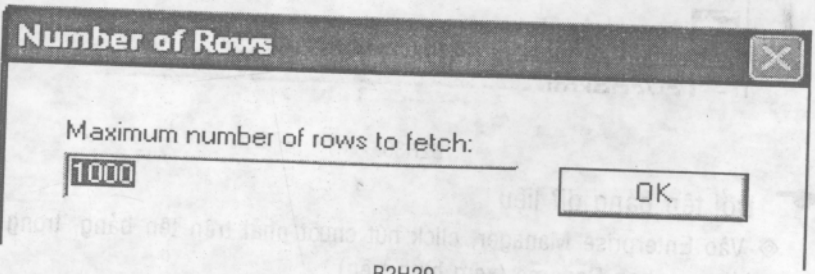

B2H29

Xóa bảng dữ liệu

◈ Vào Enterprise Manager, click nút chuột phải trên tên bảng, trong menu hiện ra chọn Delete

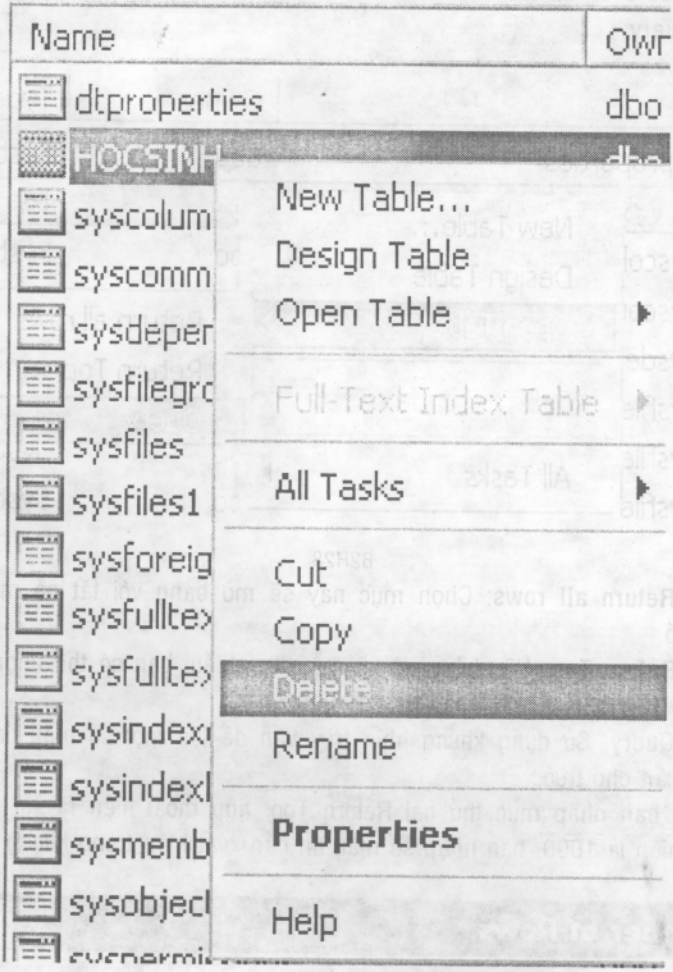

B2H30

Đổi tên bảng dữ liệu

◈ Vào Enterprise Manager, click nút chuột phải trên tên bảng, trong menu hiện ra chọn Rename (xem hình trên)

Tạo chỉ mục (Indexes)

Trong CSDL, một chỉ mục cho phép chương trình CSDL tìm kiếm dữ liệu trong bảng mà không cần duyệt qua các mẫu tin đang có, cách tạo index bằng Enterprise Manager như sau:

◈ Vào cửa sổ thiết kế (Design view) của bảng, click nút phải chuột trên vùng cần tạo chỉ mục, trong menu hiện ra chọn Indexes/Keys như hình sau:

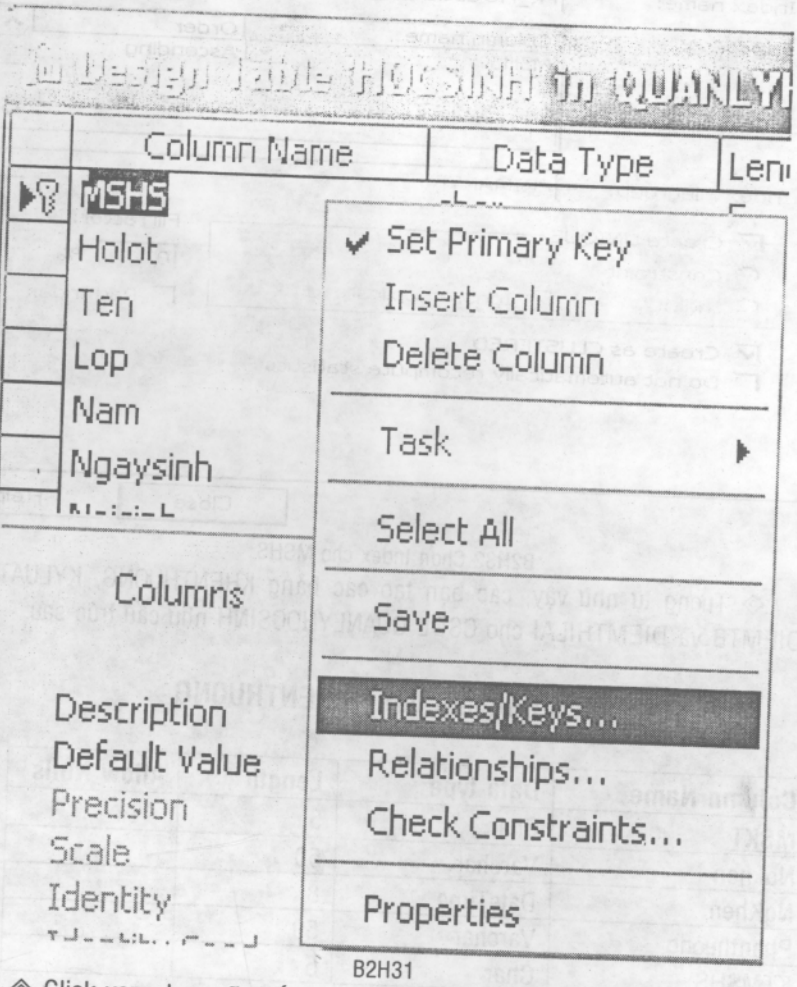

B2H31

◈ Click xong bạn sẽ thấy hộp thoại hiện ra như hình sau:

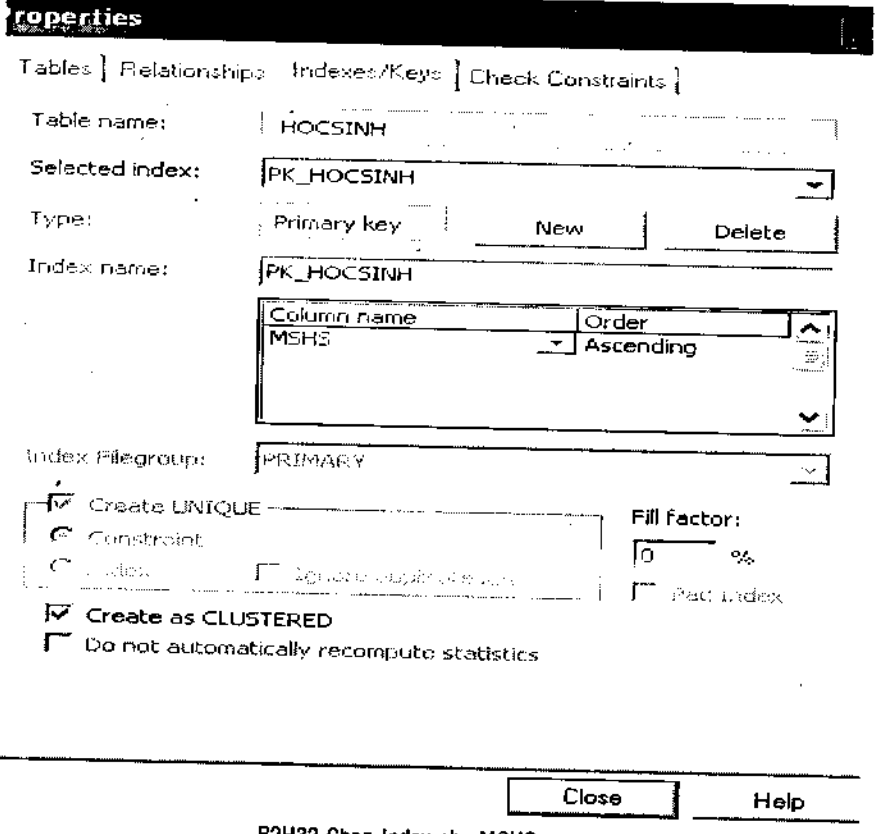

B2H32 Chọn Index cho MSHS

◈ Tương tự như vậy, các bạn tạo các bảng KHENTHUONG, KYLUAT, DIEMTB và DIEMTHILAI cho CSDL QUANLYHOCSINH như cấu trúc sau:

Cấu trúc của bảng KHENTHUONG

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
MSKT	Char	5	
Ndkhen	Varchar	50	
NgKhen	DateTime	8	
Phanthuong	Varchar	50	
KTMSHS	Char	5	

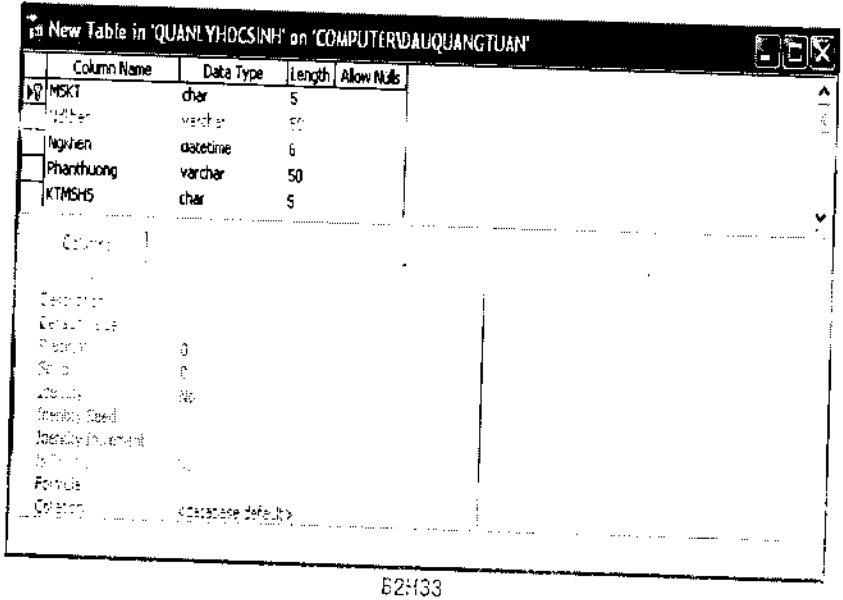

B2H33

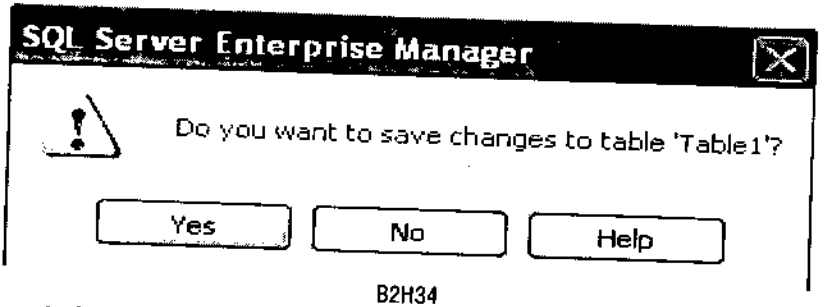

B2H34

◈ Click nút Yes

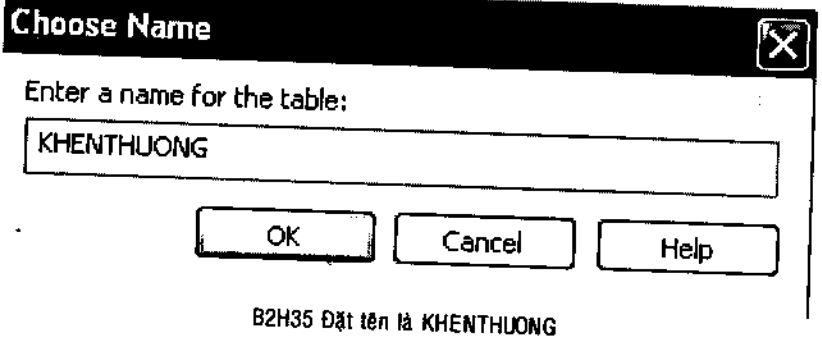

B2H35 Đặt tên là KHENTHUONG

◈ Click nút OK

◈ Tiếp tục tạo bảng KYLUAT theo cấu trúc sau:

Cấu trúc của bảng KYLUAT

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
MSKL	Char	5	
Vipham	Varchar	50	
Ngvipham	DateTime	8	
Xuly	Varchar	50	
KyluatMSHS	Char	5	

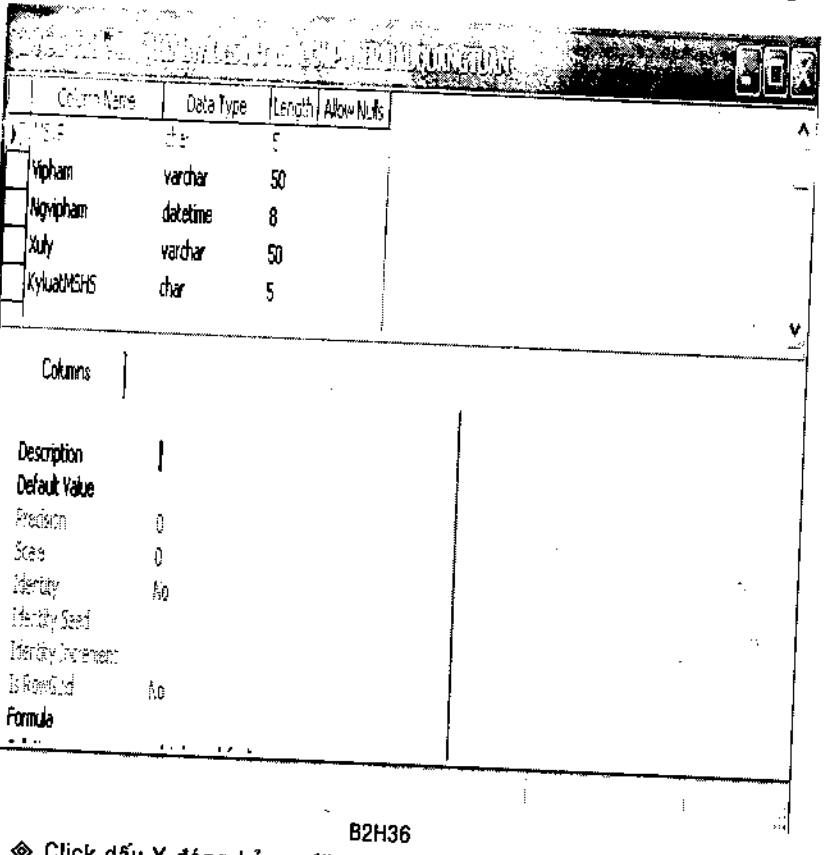

B2H36

◈ Click dấu X đóng bảng, đặt tên cho bảng là KYLUAT như hình sau:

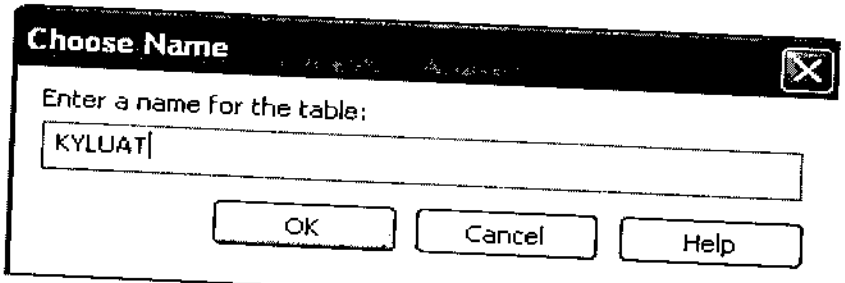

B2H37

Cấu trúc của bảng DIEMTB

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
MSKQ	Char	5	
Van1	Real	4	
Van2	Real	4	
Vancn	Real	4	
Toan1	Real	4	
Toan2	Real	4	
Toancn	Real	4	
Ngoaingu1	Real	4	
Ngoaingu2	Real	4	
Ngoaingucn	Real	4	
Vatly1	Real	4	
Vatly2	Real	4	
Vatlycn	Real	4	
Hoa1	Real	4	
Hoa2	Real	4	
Hoacn	Real	4	
Sinh1	Real	4	
Sinh2	Real	4	
Sinhcn	Real	4	
Congnghe1	Real	4	
Congnghe2	Real	4	
Congnghecn	Real	4	

Su1	Real	4	
Su2	Real	4	
Sucn	Real	4	
Dia1	Real	4	
Dia2	Real	4	
Diacn	Real	4	
GDCD1	Real	4	
GDCD2	Real	4	
GDCDcn	Real	4	
Theduc1	Real	4	
Theduc2	Char	2	
Theduccn	Char	2	
Nhac1	Char	2	
Nhac2	Char	2	
Nhaccn	Char	2	
Mythuat1	Char	2	
Mythuat2	Char	2	
Mythuatcn	Char	2	
HoclucHK1	Char	10	
HoclucHK2	Char	10	
Hocluccn	Char	10	
HanhkiemHK1	Char	10	
HanhkiemHK2	Char	10	
Hanhkiemcn	Char	10	
SongaynghiHK1	Tinyint	1	
SongaynghiHK2	Tinyint	1	
Songaynghicn	Tinyint	1	
DanhhieuHK1	Char	10	
DanhhieuHK2	Char	10	
Danhhieucn	Char	10	
Ketquacuoinam	Char	20	
DiemMSHS	Char	5	

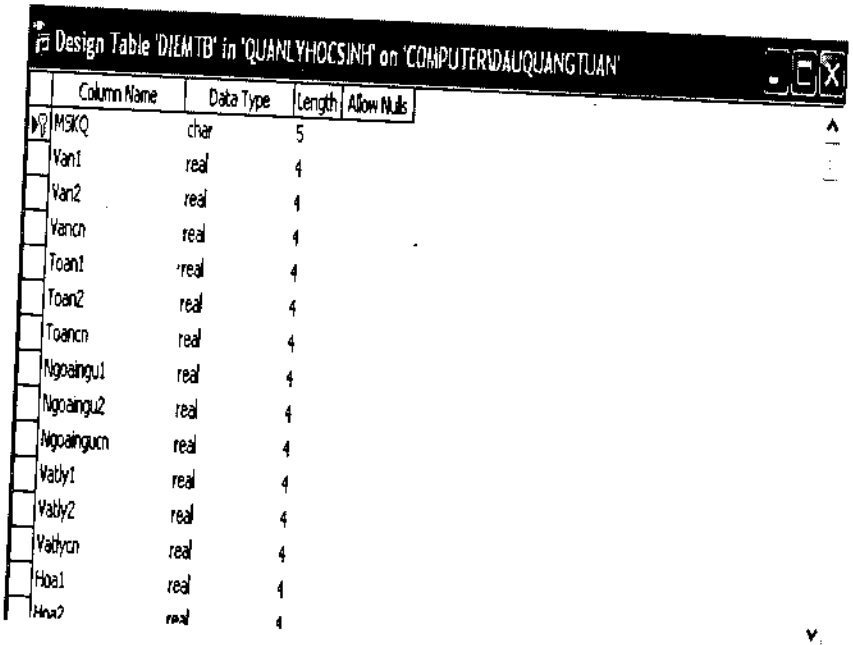

B2H38

◈ Click nút đóng bảng và lưu với tên DIEMTB như hình sau:

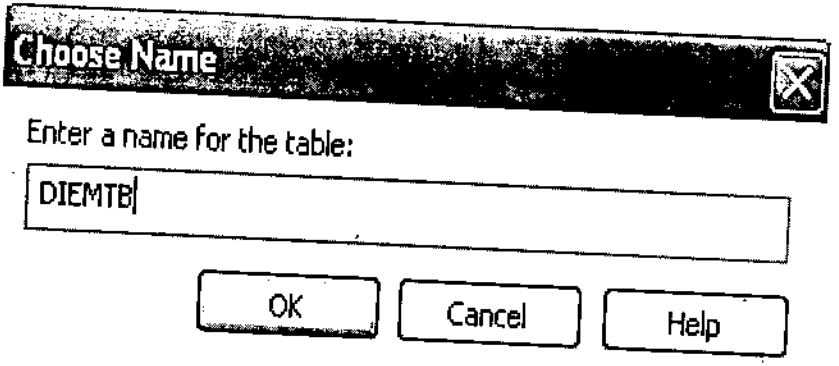

B2H39

Cấu trúc của bảng DIEMTHILAI

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
MSTL	Char	5	

VanT	Real	4	
VanS	Real	4	
ToanT	Real	4	
ToanS	Real	4	
NgoainguT	Real	4	
NgoainguS	Real	4	
VatlyT	Real	4	
VatlyS	Real	4	
HoaT	Real	4	
HoaS	Real	4	
SinhT	Real	4	
SinhS	Real	4	
CongngheT	Real	4	
CongngheS	Real	4	
SuT	Real	4	
SuS	Real	4	
ĐịaT	Real	4	
ĐịaS	Real	4	
GDCDT	Real	4	
GDCDS	Real	4	
TheducT	Char	2	
TheducS	Char	2	
NhacT	Char	2	
NhacS	Char	2	
MythuatT	Char	2	
MythuatS	Char	2	
HoclucT	Char	10	
HanhkiemT	Char	10	
HoclucS	Char	10	
HanhkiemS	Char	10	
ThilaiMSHS	Char	5	

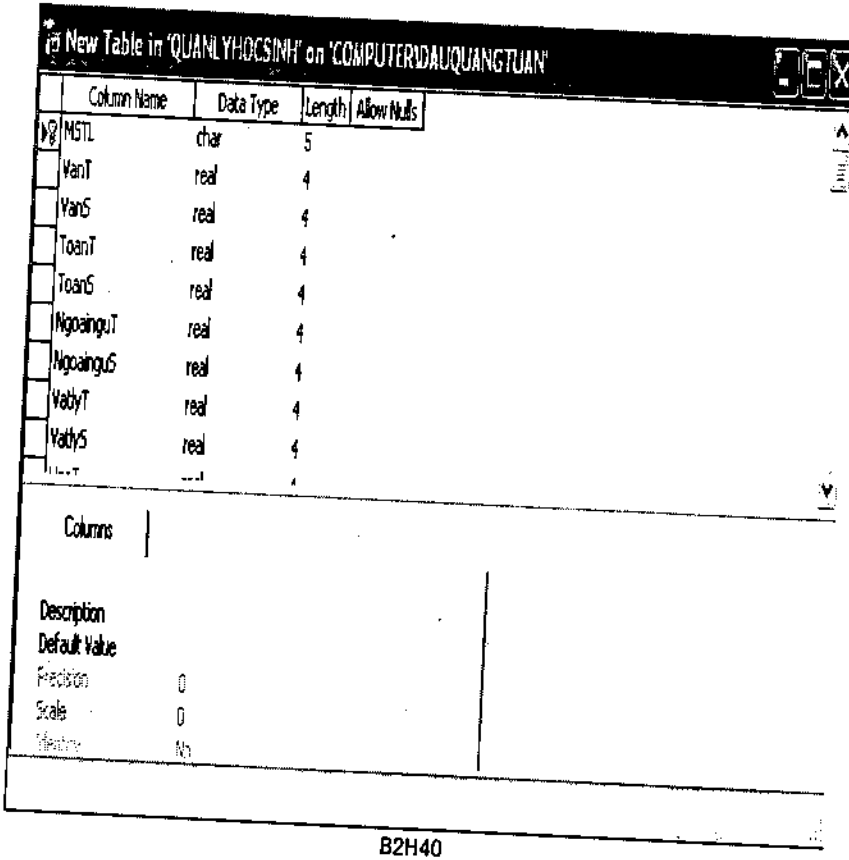

B2H40

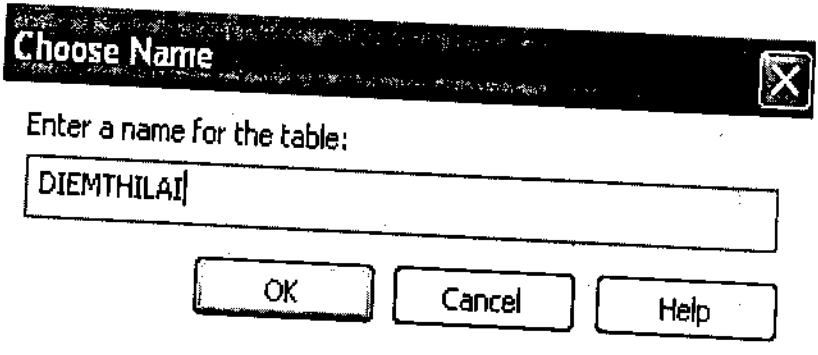

B2H41

◈ Khi tạo xong, trong CSDL QUANLYHOCSINH, chúng ta sẽ thấy trong DataBase có năm bảng như hình sau:

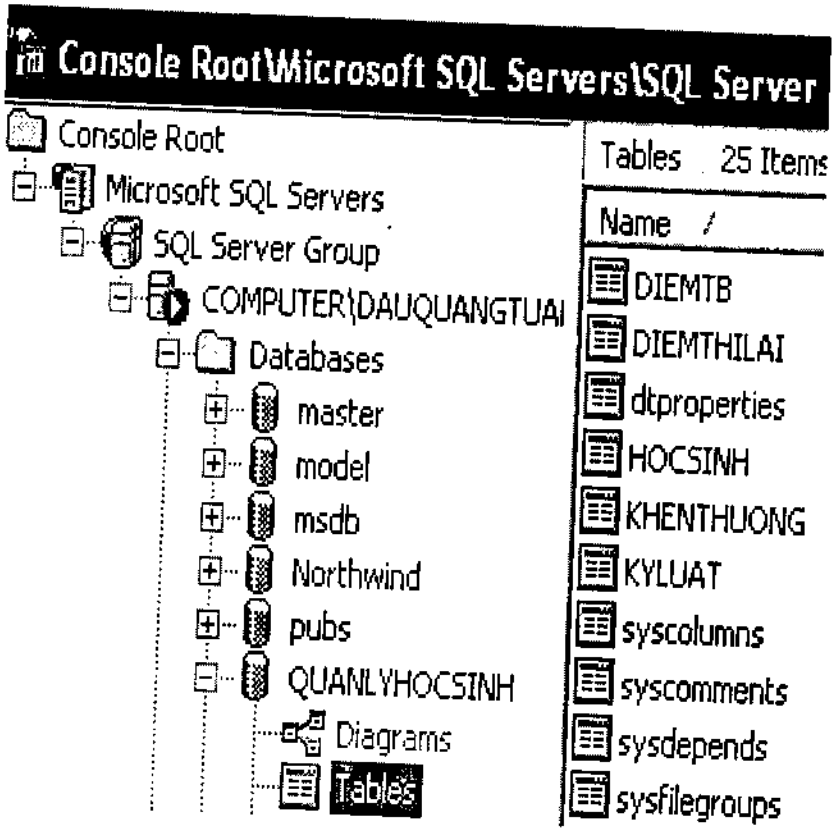

B2H42

☛ Đối tượng DIAGRAM

Dùng để tạo mối quan hệ giữa các bảng trong cơ sở dữ liệu, trước hết bạn cần xét mối quan hệ giữa các bảng hiện có trong CSDL QUANLYHOCSINH

⊡ Xét hai bảng HOCSINH và KHENTHUONG

☞ **Một học sinh có thể không được khen thưởng lần nào hoặc được khen thưởng nhiều lần.**

☞ **Một khen thưởng nào đó thì chỉ thuộc một học sinh nào đó được nhận mà thôi.**

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:

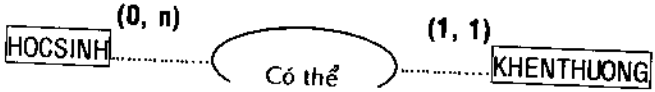

Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là n–1 từ KHENTHUONG qua HOCSINH.

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table KHENTHUONG, đó là field KTMSHS.

Bạn có thể tìm hiểu thêm trong các sách phân tích thiết kế hệ thống và cơ sở dữ liệu.

⊡ Xét hai bảng HOCSINH và KYLUAT

☞ Một học sinh có thể không bị kỷ luật lần nào hoặc bị kỷ luật nhiều lần.

☞ **Một vi phạm kỷ luật nào đó thì chỉ thuộc một học sinh nào đó mà thôi.**

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:

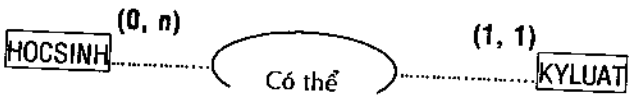

Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là n–1 từ KYLUAT qua HOCSINH.

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table KYLUAT, đó là field KyluatMSHS.

⊡ Xét hai bảng HOCSINH và DIEMTB

☞ **Một học sinh có thể có điểm trung bình của một hoặc nhiều môn.**

☞ **Một điểm trung bình môn nào đó thì chỉ thuộc một học sinh nào đó mà thôi.**

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:

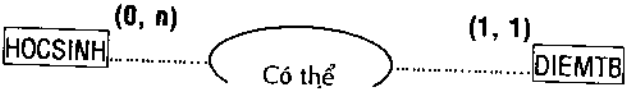

Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là n–1 từ DIEMTB qua HOCSINH.

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table DIEMTB, đó là field DiemMSHS.

⊡ **Xét hai bảng HOCSINH và DIEMTHILAI**

☞ **Một học sinh có thể thi lại một hoặc nhiều môn.**

☞ **Điểm một môn thi lại nào đó thì chỉ thuộc một học sinh nào đó mà thôi.**

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:

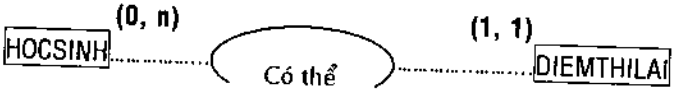

Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là n–1 từ DIEMTHILAI qua HOCSINH.

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table DIEMTHILAI, đó là field ThilaiMSHS.

Bây giờ chúng ta bắt đầu vào Diagram như sau:

▣ Click chọn tên CSDL QUANLYHOCSINH

▣ Trong các đối tượng của CSDL có đối tượng Diagram, click nút phải chuột trên đối tượng này

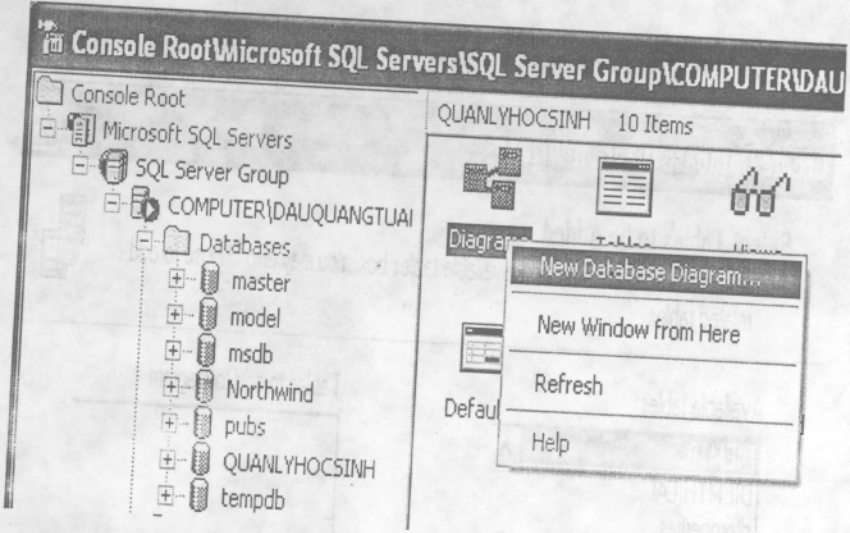

B2H43

◈ Chọn mục **New Database Diagram** trong menu hiện ra, bạn sẽ có hình như sau:

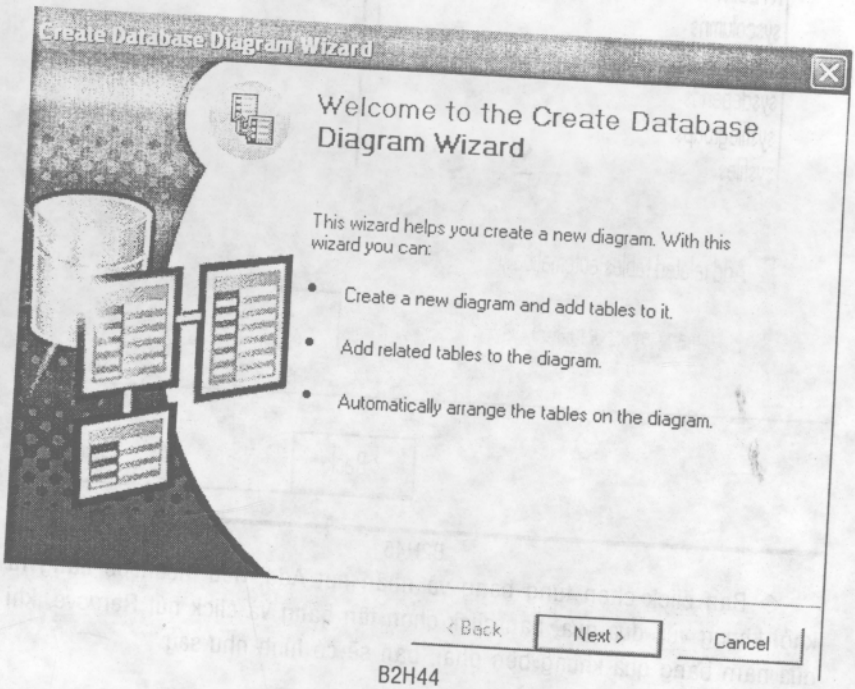

B2H44

◈ Click nút Next, ta có cửa sổ sau hiện ra

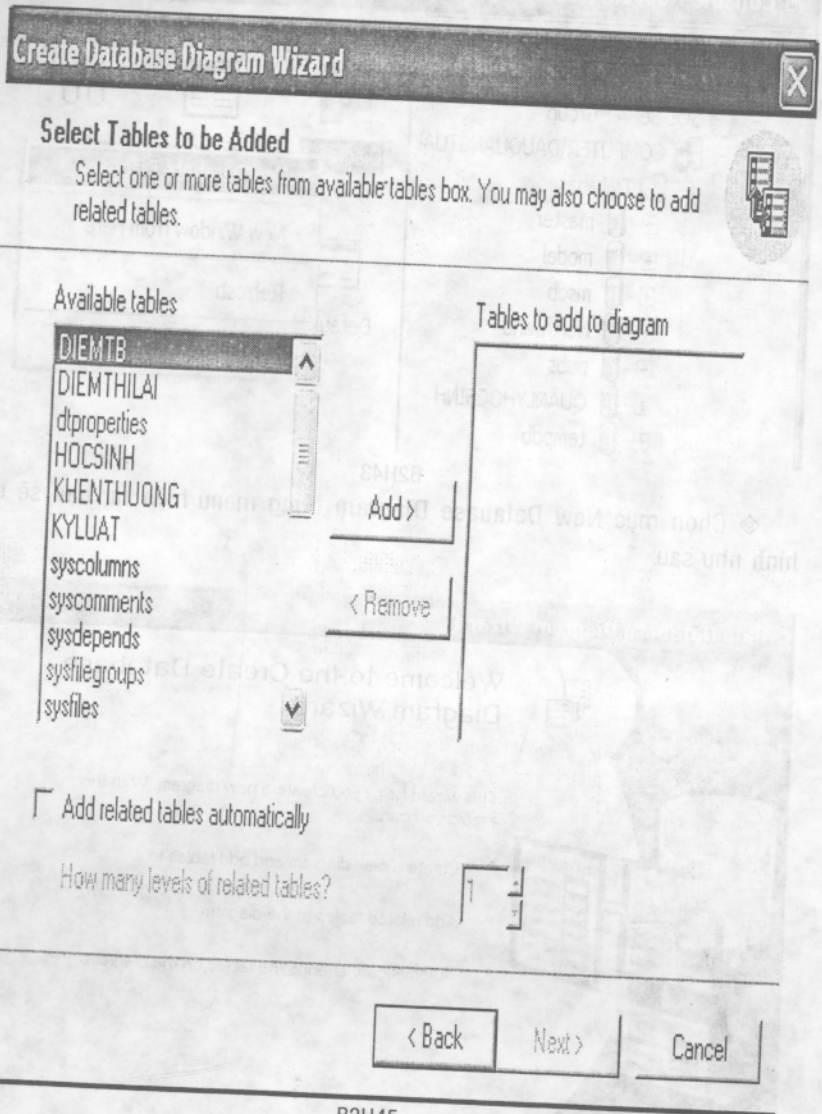

B2H45

◈ Bạn click chọn từng bảng và nhấn nút Add, nếu muốn bỏ bảng ra khỏi khung vừa đưa qua, bạn click chọn tên bảng và click nút Remove, khi đưa năm bảng qua khung bên phải, bạn sẽ có hình như sau:

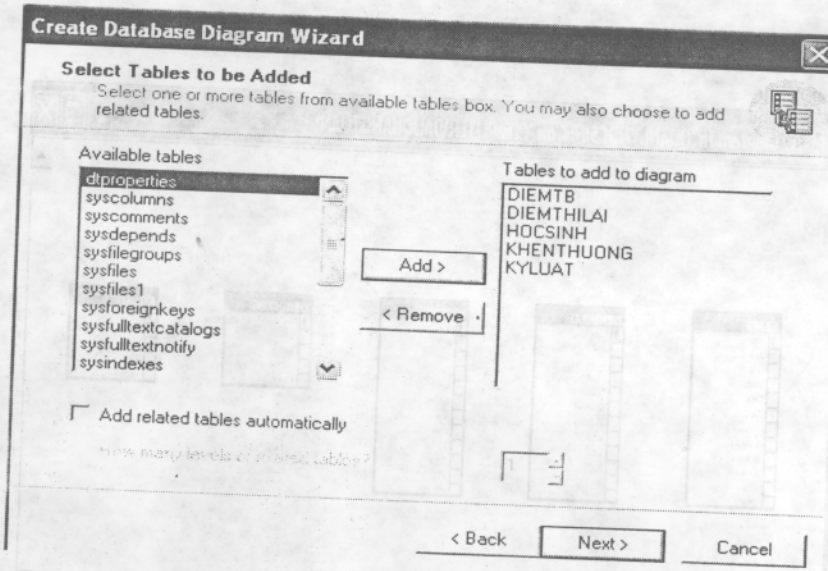

B2H46

◈ Click nút Next, bạn sẽ có hình như sau:

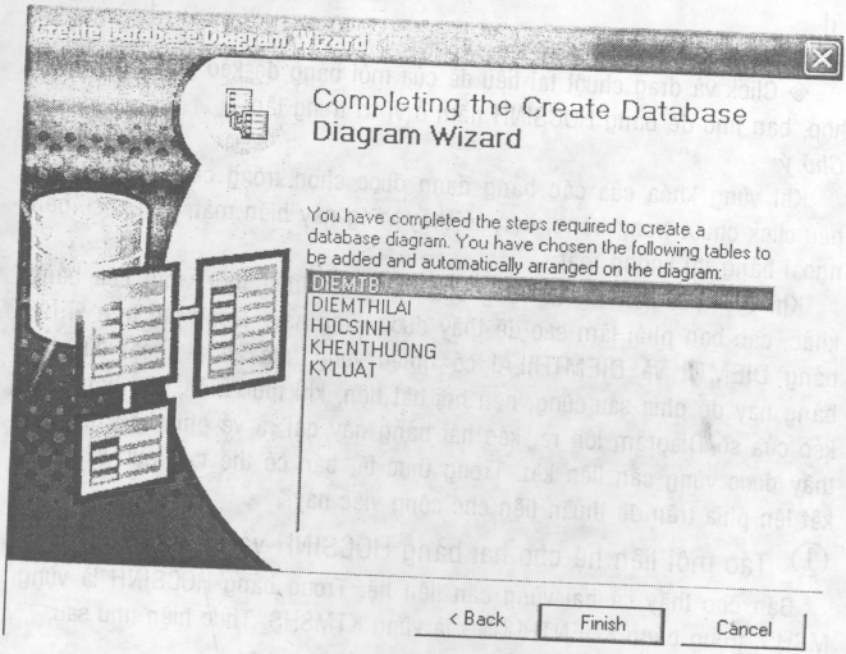

B2H47

◈ Click nút Finish để kết thúc, bạn sẽ có kết quả như sau:

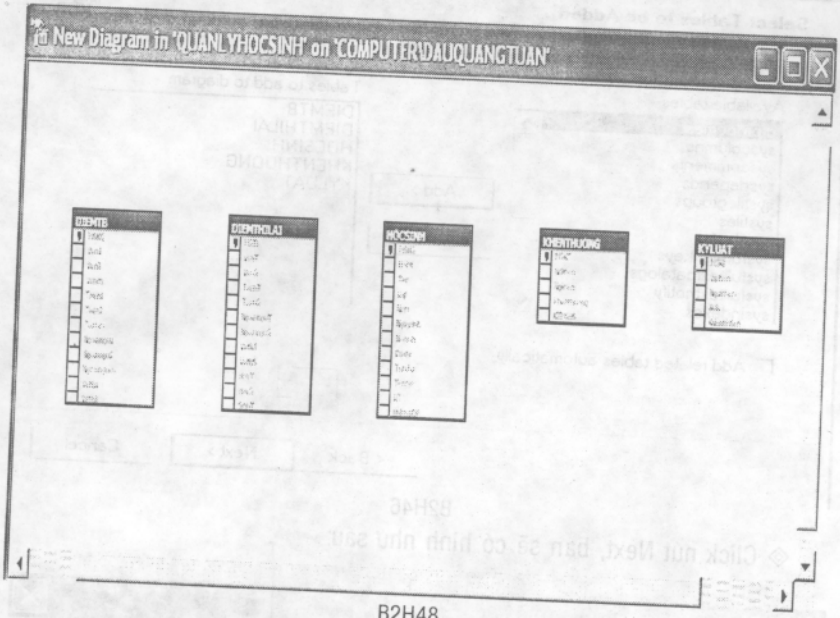

B2H48

◈ Click và drag chuột tại tiêu đề của mỗi bảng để kéo đến vị trí thích hợp, bạn nhớ để bảng HOCSINH nằm ở vị trí trung tâm.

Chú ý:

Khi vùng khóa của các bảng đang được chọn trong cửa sổ Diagram, nếu click chuột trong bảng, bạn sẽ thấy vùng này biến mất, bạn click bên ngoài bảng thì không mất.

Khi tạo mối liên hệ từ vùng của bảng này đến một vùng của bảng khác, các bạn phải làm sao để thấy được vùng này. Trong bài trên vì hai bảng DIEMTB và DIEMTHILAI có nhiều vùng, mà khóa ngoại của hai bảng này để phía sau cùng, nên hơi bất tiện, khi thực hiện, các bạn phải kéo cửa sổ Diagram lớn ra, kéo hai bảng này dài ra về phía bên-dưới để thấy được vùng cần liên kết. Trong thực tế, bạn có thể tạo mục cần liên kết lên phía trên để thuận tiện cho công việc này.

① Tạo mối liên hệ cho hai bảng HOCSINH và KHENTHUONG

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng HOCSINH là vùng MSHS, trong bảng KHENTHUONG là vùng KTMSHS. Thực hiện như sau:

◈ Bạn click chọn vùng MSHS là khóa chính của bảng HOCSINH, Drag và kéo sang vùng KTMSHS khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

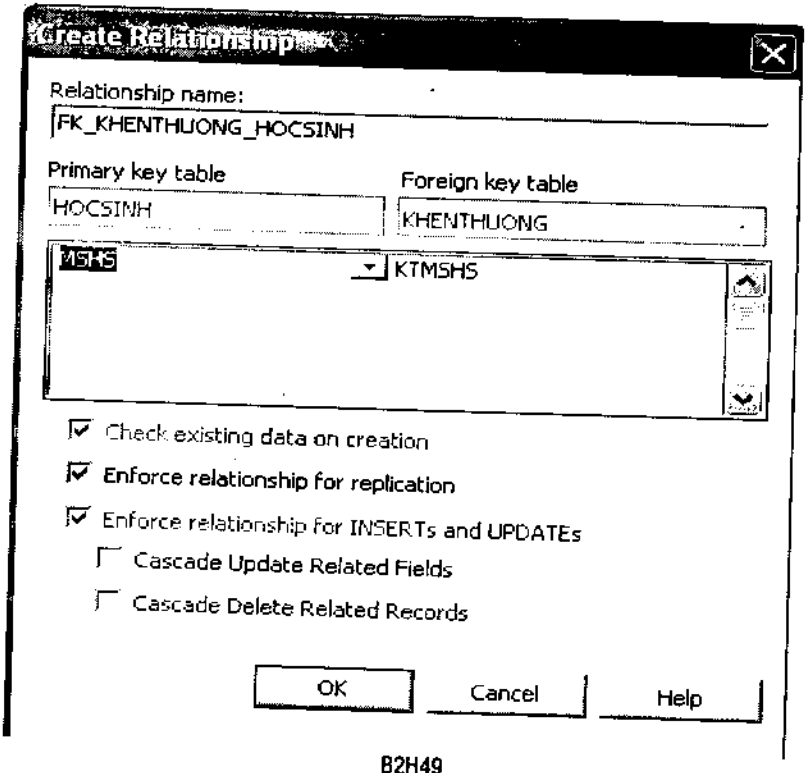

B2H49

Bạn thấy khung trên cùng (Relationship name) có ghi tên của quan hệ mà SQL Server 2000 sẽ quản lý (tên này không được lặp lại trong CSDL), chúng ta có thể thay đổi tên khác

Phía dưới ghi chú MSHS của bảng HOCSINH là khóa chính (Primary key table) và KTMSHS của bảng KHENTHUONG là khóa ngoại (Foreign key table)

◈ Mục **Check existing data on creation**: Kiểm tra dữ liệu trong hai bảng có đúng với ràng buộc này không, nếu không đúng thì quan hệ này sẽ không được thiết lập khi bạn chọn và thông báo sẽ xuất hiện

◈ Mục **Enforce relationship for replication**: Ràng buộc trọn vẹn với bảng dữ liệu được replication trong CSDL khác.

◈ **Mục Enforce relationship for INSERTs and UPDATEs**: Ràng buộc trọn vẹn dữ liệu với bảng dữ liệu mỗi khi phát biểu Insert hay Update xảy ra.

◈ Mục **Cascade Update Related Fields**: Sẽ cập nhật giá trị trong cột khóa ngoại (foreign key) trong bảng KHENTHUONG mỗi khi giá trị trong cột khóa chính (primary key) của bảng HOCSINH thay đổi.

◈ Mục **Cascade delete related fields**: Xóa tất cả các mẫu tin trong bảng quan hệ foreign key mỗi khi mẫu tin trong bảng có quan hệ primary key bị xóa.

Trong bài này, giả sử chúng ta không chọn hai mục này. Click nút OK, bạn thấy có mối quan hệ giữa hai bảng

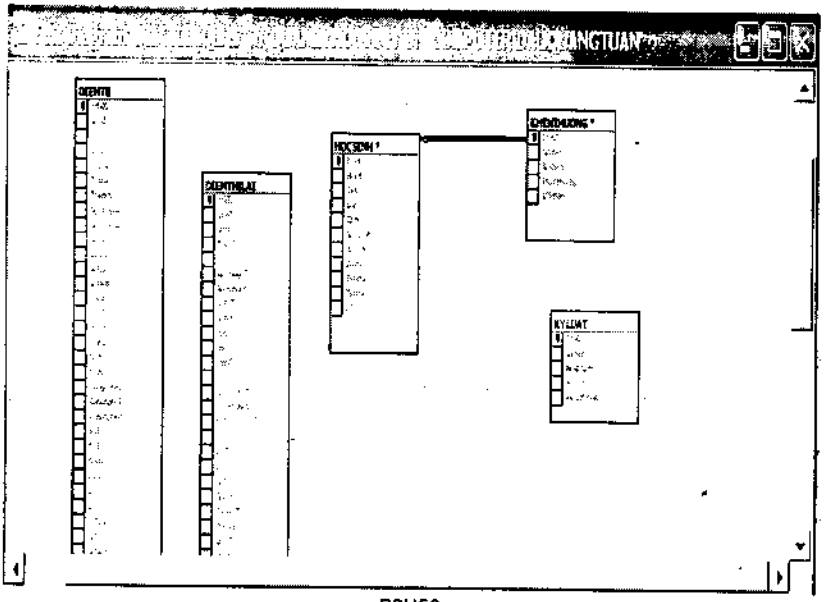

B2H50

② Tạo mối liên hệ cho hai bảng HOCSINH và KYLUAT

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng HOCSINH là vùng MSHS, trong bảng KYLUAT là vùng KyluatMSHS. Thực hiện như sau:

◈ Bạn click chọn vùng MSHS là khóa chính của bảng HOCSINH, Drag và kéo sang vùng KyluatMSHS khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

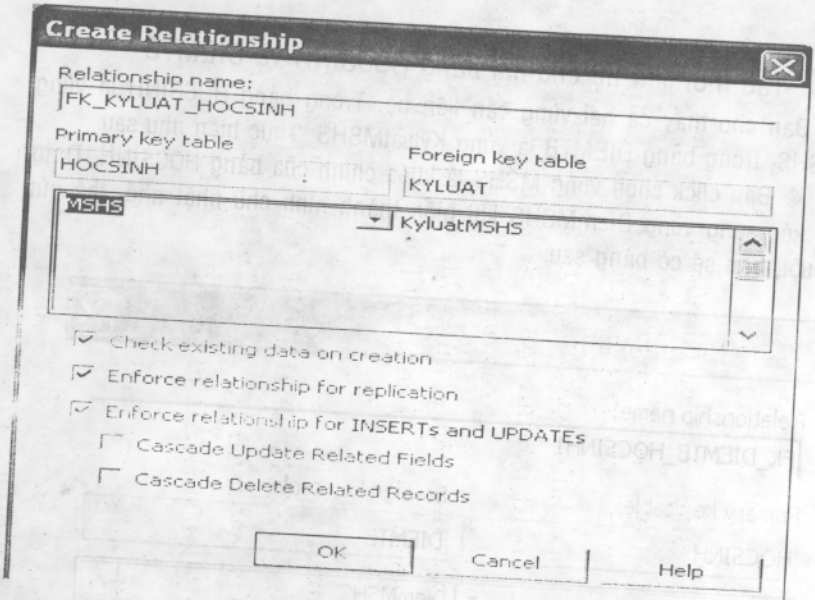

B2H51

◈ Các thành phần trong hộp thoại này cũng có ý nghĩa như hộp thoại trên.

◈ Click nút OK, chúng ta có mối quan hệ giữa hai bảng HOCSINH và KYLUAT

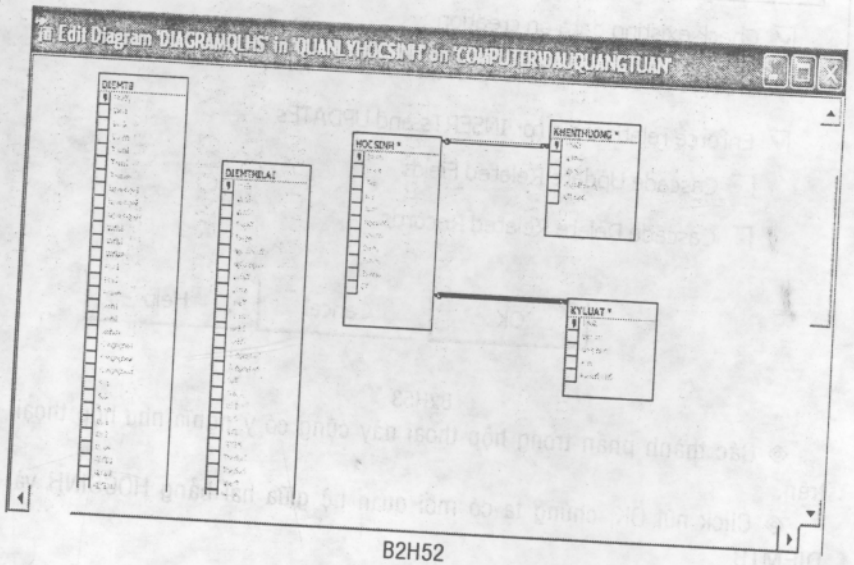

B2H52

③ Tạo mối liên hệ cho hai bảng HOCSINH và DIEMTB

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng HOCSINH là vùng MSHS, trong bảng DIEMTB là vùng KyluatMSHS. Thực hiện như sau:

◈ Bạn click chọn vùng MSHS là khóa chính của bảng HOCSINH, Drag và kéo sang vùng DiemMSHS khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

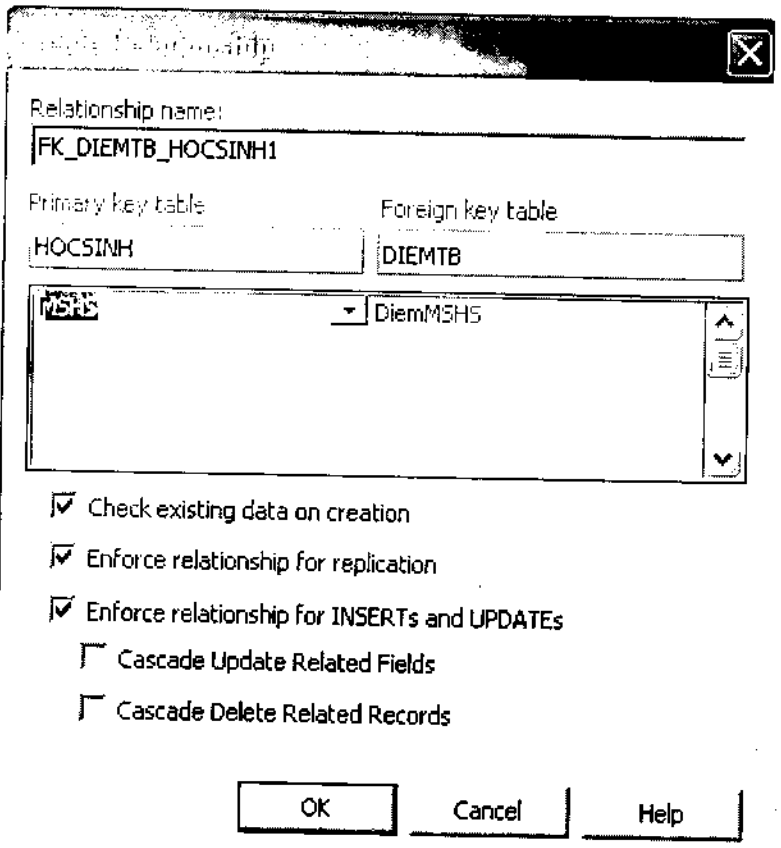

B2H53

◈ Các thành phần trong hộp thoại này cũng có ý nghĩa như hộp thoại trên.

◈ Click nút OK, chúng ta có mối quan hệ giữa hai bảng HOCSINH và DIEMTB

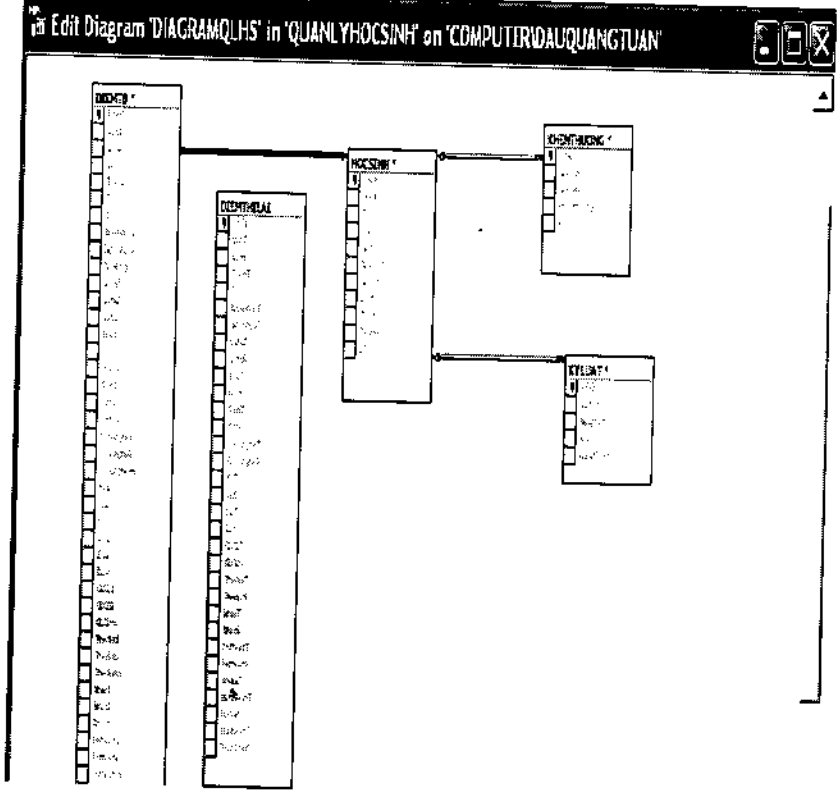

B2H54

Chúng tôi phải kéo khung Diagram lớn ra, kéo bảng DIEMTB lớn ra cho đến khi thấy được vùng DiemMSHS (điều này chúng tôi đã ghi chú ở trên, nên khi thiết kế, các bạn có thể tạo vùng DiemMSHS ở phía trên để dễ tạo mối quan hệ). Mặc dầu nối đúng vùng nhưng khi click nút OK, bạn thấy đường nối có thể nằm ở vị trí khác, bạn kiểm tra khi hộp thoại kết nối hiện ra, kiểm tra tên các vùng kết nối có đúng không?

④ Tạo mối liên hệ cho hai bảng HOCSINH và DIEMTHILAI

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng HOCSINH là vùng MSHS, trong bảng DIEMTHILAI là vùng ThilaiMSHS. Thực hiện như sau:

Bạn click chọn vùng MSHS là khóa chính của bảng HOCSINH, Drag và kéo sang vùng ThilaiMSHS khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

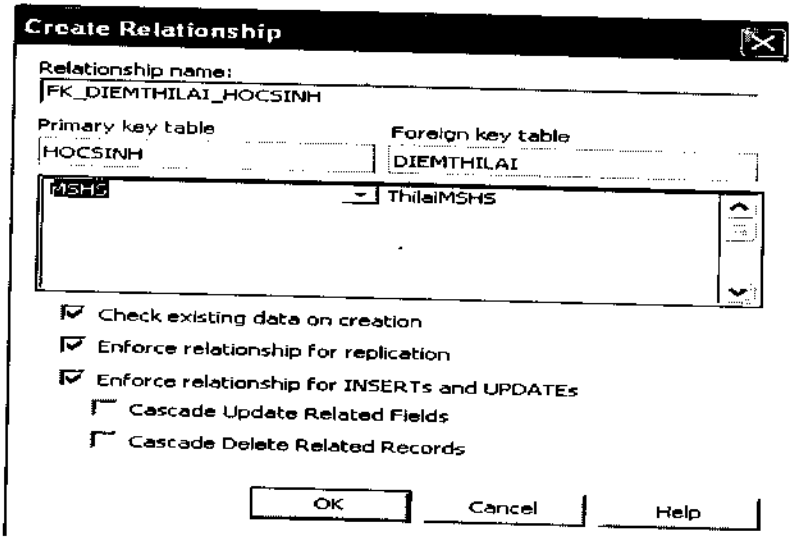

B2H55

◈ Các thành phần trong hộp thoại này cũng có ý nghĩa như hộp thoại trên.

◈ Click nút OK, chúng ta có mối quan hệ giữa hai bảng HOCSINH và DIEMTHILAI

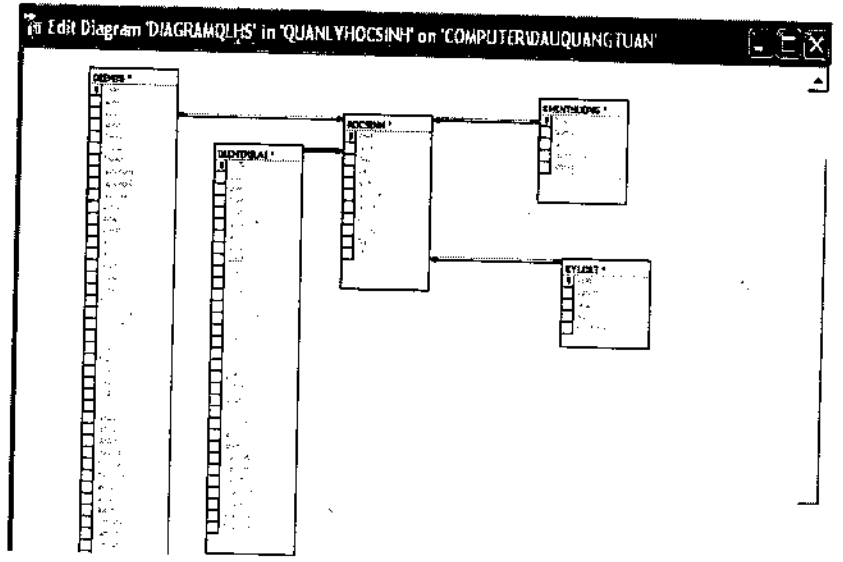

B2H56

◈ Nếu tạo mối liên hệ nhầm lẫn, hoặc nối sai, chúng ta có thể cắt bỏ kết nối bằng cách click nút chuột phải trên đường nối quan hệ giữa hai bảng, chọn Delete Relationship from Database

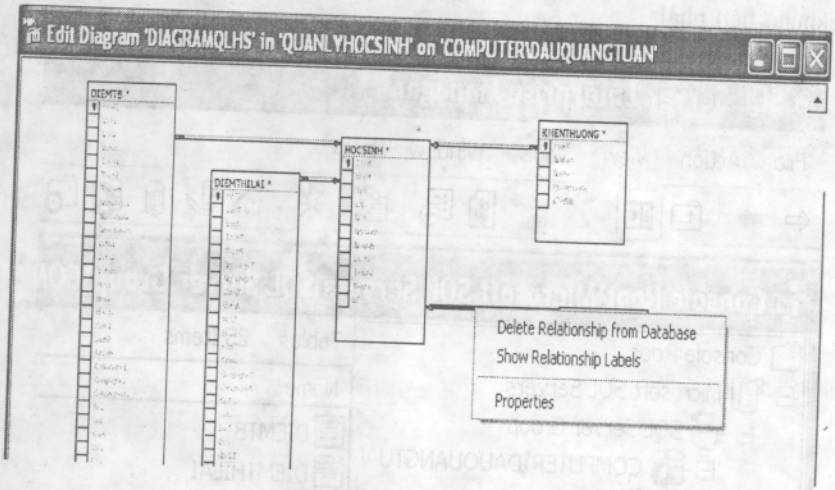

B2H57

◈ Nếu cửa sổ Diagram chưa có, bạn click các dấu "+" trước các mục để hiện mục Diagram trong Tables, click chọn tên Diagram bạn thấy mục Diagram hiện ra trong khung bên phải. Click nút phải chuột tại biểu tượng Diagram, chọn Design Diagram như hình sau:

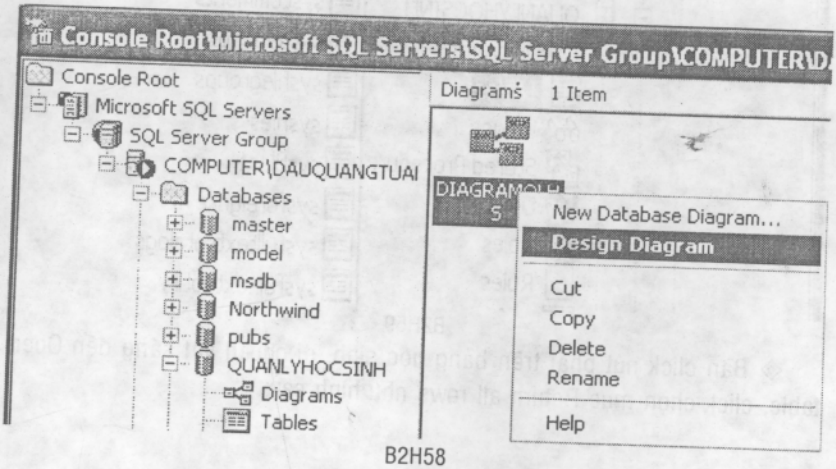

B2H58

Nhập thông tin cho các bảng

◈ Bạn vào Enterprise Manager, click các dấu "+" trước các mục, sao cho Tables hiện ra, click chọn Tables, bạn thấy tên các bảng hiện ra bên khung bên phải

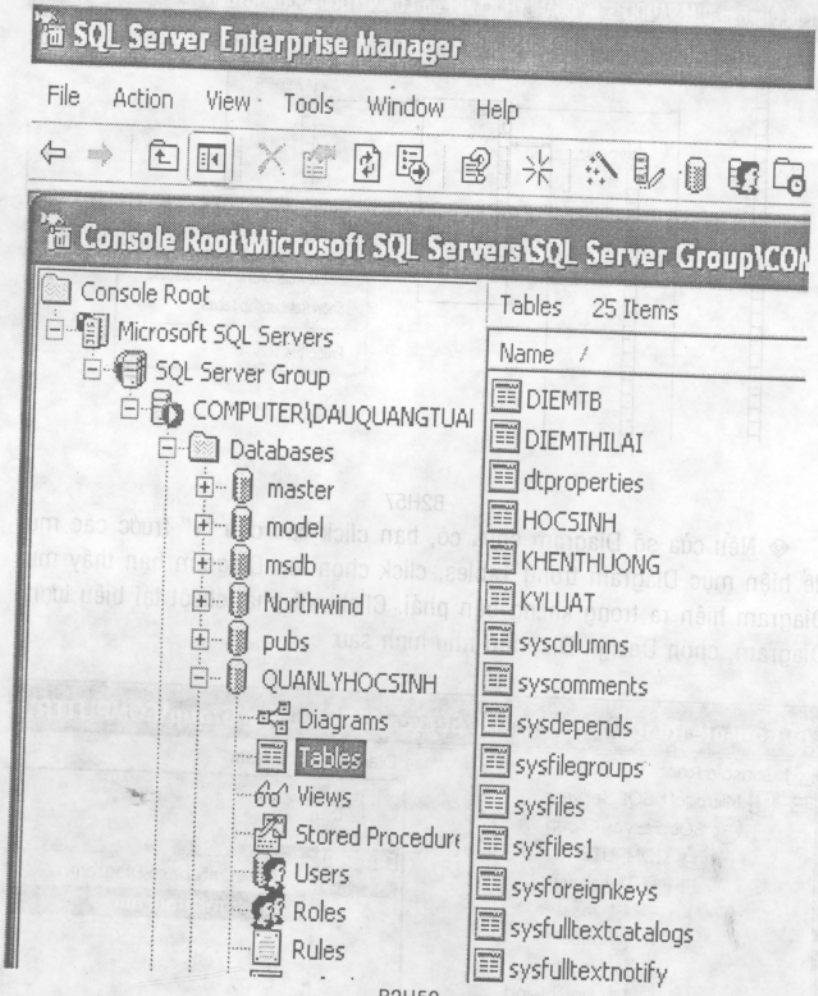

B2H59

◈ Bạn click nút phải trên bảng học sinh, di chuẩn vệt sáng đến Open table, click chọn mục Return all rows như hình sau:

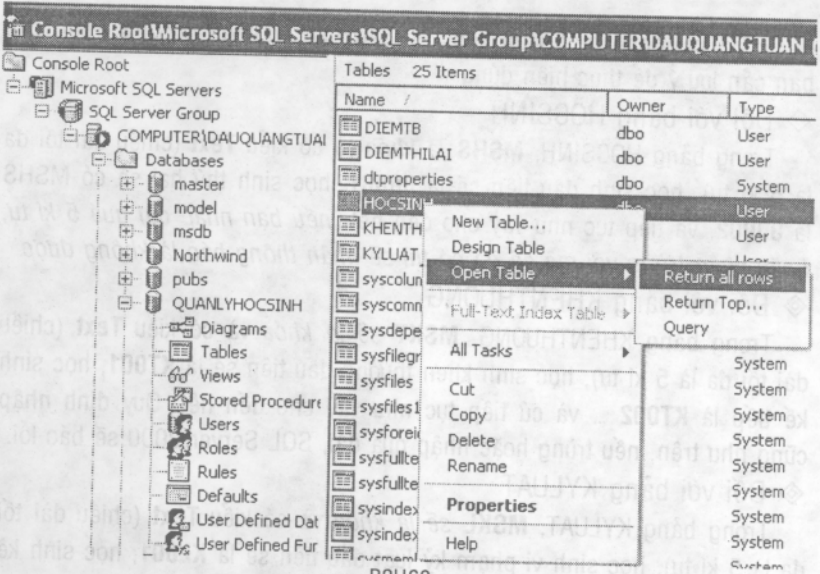

B2H60

◈ Click xong bạn thấy bảng hiện ra cho chúng ta nhập thông tin

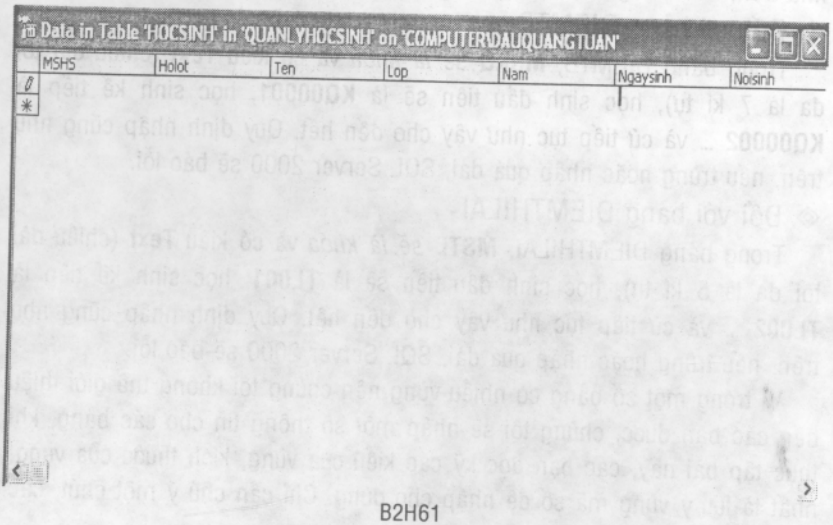

B2H61

◈ Bạn nhập thông tin cho bảng HOCSINH, tiếp theo là cho các bảng KHENTHUONG, KYLUAT, DIEMTB và DIEMTHILAI. Bạn nhớ nhập đúng cho khóa ngoại của các bảng sau, thông tin này (MSHS) phải có trong bảng HOCSINH. Giả sử bạn dựa vào quy tắc như sau:

Trước khi nhập thông tin cho các bảng để viết thử chương trình, các bạn cần lưu ý để thực hiện đúng.

◈ Đối với bảng HOCSINH

Trong bảng HOCSINH, **MSHS** *là khóa* và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 5 kí tự), học sinh đầu tiên sẽ là **00001**, học sinh thứ hai sẽ có MSHS là **00002**, và tiếp tục như vậy cho đến hết, *nếu bạn nhập dài quá 5 kí tự, hoặc nhập trùng với mã số đã có thì sẽ nhận thông báo là không được.*

◈ Đối với bảng KHENTHUONG

Trong bảng KHENTHUONG, **MSKT** *sẽ là khóa* và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 5 kí tự), học sinh khen thưởng đầu tiên sẽ là **KT001**, học sinh kế tiếp là **KT002** ... và cứ tiếp tục như vậy cho đến hết. Quy định nhập cũng như trên, nếu trùng hoặc nhập quá dài, SQL Server 2000 sẽ báo lỗi.

◈ Đối với bảng KYLUAT

Trong bảng KYLUAT, **MSKL** *sẽ là khóa* và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 5 kí tự), học sinh vi phạm kỷ luật đầu tiên sẽ là **KL001**, học sinh kế tiếp là **KL002** ... và cứ tiếp tục như vậy cho đến hết. Quy định nhập cũng như trên, nếu trùng hoặc nhập quá dài, SQL Server 2000 sẽ báo lỗi.

◈ Đối với bảng DIEMTB

Trong bảng DIEMTB, **MSKQ** *sẽ là khóa* và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 7 kí tự), học sinh đầu tiên sẽ là **KQ00001**, học sinh kế tiếp là **KQ00002** ... và cứ tiếp tục như vậy cho đến hết. Quy định nhập cũng như trên, nếu trùng hoặc nhập quá dài, SQL Server 2000 sẽ báo lỗi.

◈ Đối với bảng DIEMTHILAI

Trong bảng DIEMTHILAI, **MSTL** *sẽ là khóa* và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 5 kí tự), học sinh đầu tiên sẽ là **TL001**, học sinh kế tiếp là **TL002** ... và cứ tiếp tục như vậy cho đến hết. Quy định nhập cũng như trên, nếu trùng hoặc nhập quá dài, SQL Server 2000 sẽ báo lỗi.

Vì trong một số bảng có nhiều vùng nên chúng tôi không thể giới thiệu đến các bạn được, chúng tôi sẽ nhập một số thông tin cho các bảng, khi thực tập bài này, các bạn đọc kỹ các kiểu của vùng, kích thước của vùng, nhất là lưu ý vùng mã số để nhập cho đúng. Chỉ cần chú ý một chút, các bạn sẽ hiểu và nhập đúng ngay.

Chúng tôi tạm ngừng giới thiệu SQL Server 2000 ở đây, từng này cũng đủ để các bạn viết chương trình, sau đây chúng tôi giới thiệu về Visual Basic .NET.

Bài 3

Cách vào để viết chương trình bằng

Visual Basic .NET

I/ Giới thiệu về Visual Basic .NET

Visual Basic .NET là thế hệ tiếp theo của Visual Basic, nhưng nó cũng xuất phát từ các thế hệ trước. Để có một ngôn ngữ tốt hơn và đủ mạnh trong thế giới .NET. Các thay đổi này bao gồm bổ sung một từ khóa **Class** để định nghĩa các lớp và một từ khóa **Inherits** cho việc thừa kế giữa các đối tượng... Mã nguồn Visual Basic 6.0 không thể được biên dịch bởi trình biên dịch Visual Basic .NET mà không có sự sửa đổi đáng kể. Hiện nay Microsoft đã cung cấp một công cụ chuyển mã để chúng ta có thể thực hiện chuyển mã một cách dễ dàng hơn.

Trong phiên bản phát hành cho nền .NET, ngôn ngữ Visual Basic có những thay đổi nhiều so với trước đây

- Ngôn ngữ bây giờ hoàn toàn là ngôn ngữ hướng đối tượng.
- Các ứng dụng và các thành phần được viết trong Visual Basic .NET truy xuất hoàn toàn tới .NET Framework, một thư viện lớp mở rộng cung cấp các dịch vụ hệ thống và các dịch vụ ứng dụng.
- Tất cả các ứng dụng được phát triển bằng cách sử dụng Visual Basic .NET đều chạy trong một môi trường thi hành được quản lý (managed runtime evironment), đó là sự thi hành ngôn ngữ chung của môi trường .NET.

II/ Tìm hiểu một chút về Microsoft .NET Framework

Môi trường .NET Framework chứa đựng các vấn đề sau:

- **Giới thiệu hệ điều hành và các hàm API theo một cách mới.** Trong những năm qua, các nhà phát triển đã sử dụng các hàm có sẵn của Windows tùy thuộc vào môi trường mà ngôn ngữ sử dụng. Ví dụ hệ

điều hành Windows cung cấp khả năng tạo ra các cửa sổ. Song các tính năng này được gọi từ một chương trình C++ khác hẳn với cách mà nó được gọi từ một chương trình Visual Basic .NET, cách mà các dịch vụ của hệ điều hành được gọi là giống nhau trên tất cả các ngôn ngữ. Phần .NET này được gọi là thư viện lớp .NET Framework.

▣ **Một cơ sở hạ tầng mới để quản lý sự thi hành ứng dụng**. Để cung cấp một số các dịch vụ hệ điều hành mới và tinh vi, bao gồm việc bảo mật cấp mã nguồn, kế thừa lớp giữa các ngôn ngữ (cross-language), tương thích kiểu giữa các ngôn ngữ, sự độc lập giữa phần cứng và hệ điều hành. Microsoft đã phát triển một môi trường thi hành mới có tên là Common Language Runtime (CLR). CLR bao gồm Common Type System (CTS) cho tương thích kiểu giữa các ngôn ngữ và Common Language Specification (CLS) đảm bảo các thư viện của nhà cung cấp thứ ba có thể được sử dụng từ tất cả các ngôn ngữ chạy trên môi trường .NET. Để hỗ trợ sự độc lập giữa các phần cứng và hệ điều hành, Microsoft đã phát triển Microsoft Intermediate Language (MSIL, hoặc chỉ viết IL). IL là một kiểu ngôn ngữ máy độc lập với CPU mà tập lệnh trong đó các chương trình .NET Framework được biên dịch. Các chương trình IL được biên dịch thành ngôn ngữ máy thực hiện trên nền đích trước khi thi hành. IL không bao giờ được thông dịch.

▣ **Một mô hình Web Server mới**. Để hỗ trợ các Web site dung lượng lớn, Microsoft đã thay thế công nghệ Active Server Pages (ASP) bằng công nghệ ASP.NET. nó sẽ làm tăng rất lớn tốc độ thi hành của các trang Web.

▣ **Một sự tập trung mới vào kiến trúc ứng dụng phân bố**. Visual Studio .NET cung cấp các công cụ cao cấp để tạo ra và dùng các dịch vụ Web. Các dịch vụ phần mềm độc lập với nhà phân phối có thể lấy được trên Internet. Môi trường .NET Framework được thiết kế từ trên xuống. Ví dụ ADO.NET là bước tiến tiếp theo của Microsoft trong việc phát triển "truy xuất dữ liệu toàn cầu" và tăng sự hữu dụng của chúng trong môi trường phân bố.

III/ Cách vào Visual Studio .NET

▣ Vào menu **Start**, di chuyển vệt sáng tới **Microsoft Visual Studio .NET 2003**

▣ Chọn **Microsoft Visual Studio .NET 2003**.



B3H1 Cách vào Microsoft Visual Studio .NET 2003

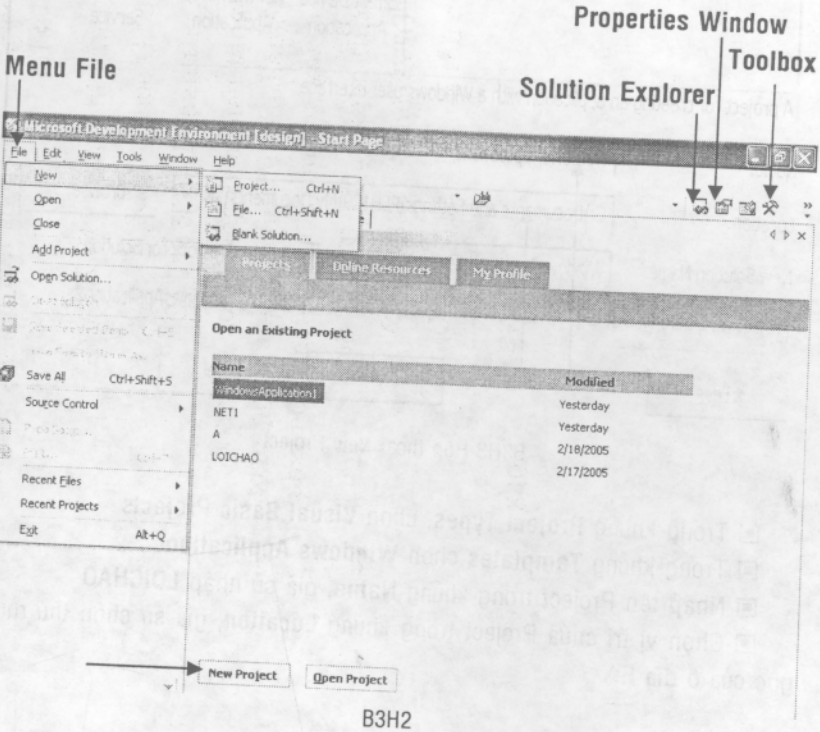

B3H2

IV/ Tạo Project mới từ Visual studio .NET

Trong cửa sổ hiện ra, chọn menu **File**, di chuyển vệt sáng tới **New**, chọn **Project** hoặc click nút **New Project**, chúng ta thấy hộp thoại New Project hiện ra như hình sau

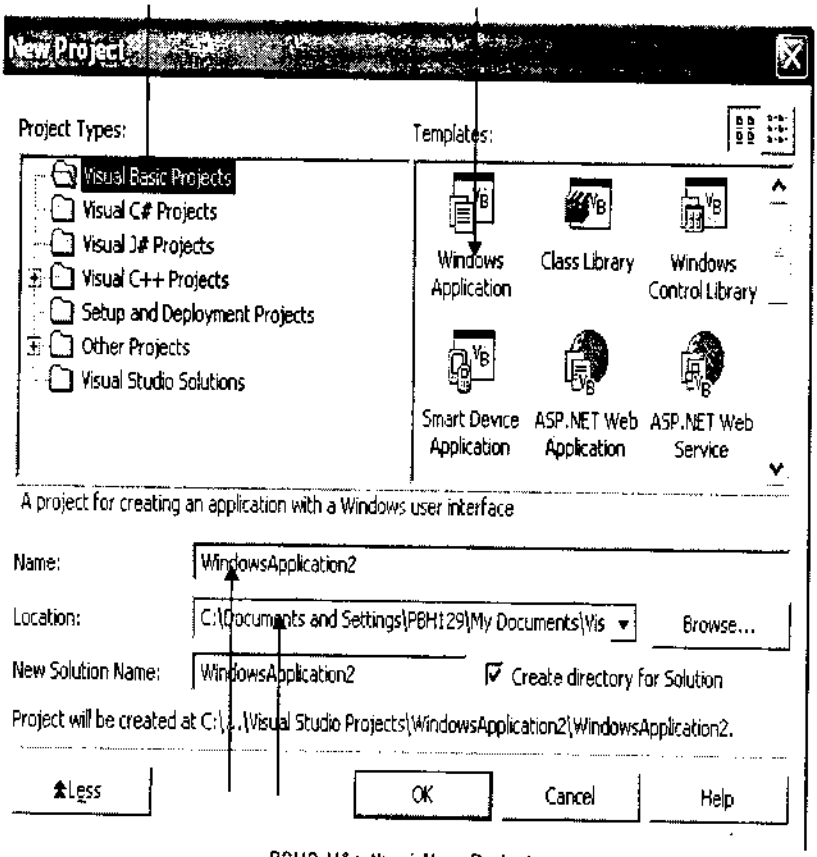

B3H3 Hộp thoại New Project

- Trong khung **Project Types**, chọn **Visual Basic Projects**
- Trong khung **Templates** chọn **Windows Application**
- Nhập tên Project trong khung **Name**, giả sử nhập **LOICHAO**
- Chọn vị trí chứa Project trong khung **Location**, giả sử chọn thư mục gốc của ổ đĩa **E:**

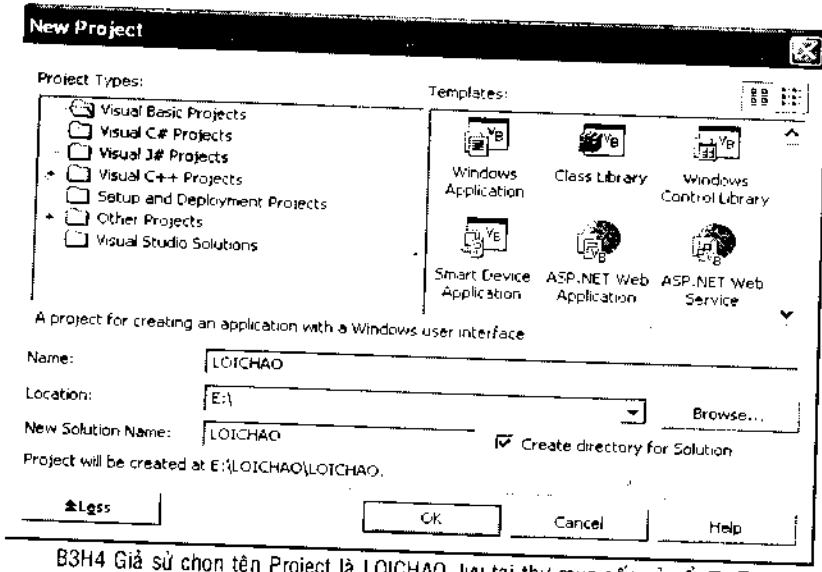

B3H4 Giả sử chọn tên Project là LOICHAO, lưu tại thư mục gốc của ổ đĩa E:\

▣ Click nút **OK**. Visual Studio .NET tạo ra một dự án với một form cho chúng ta thiết kế như hình sau

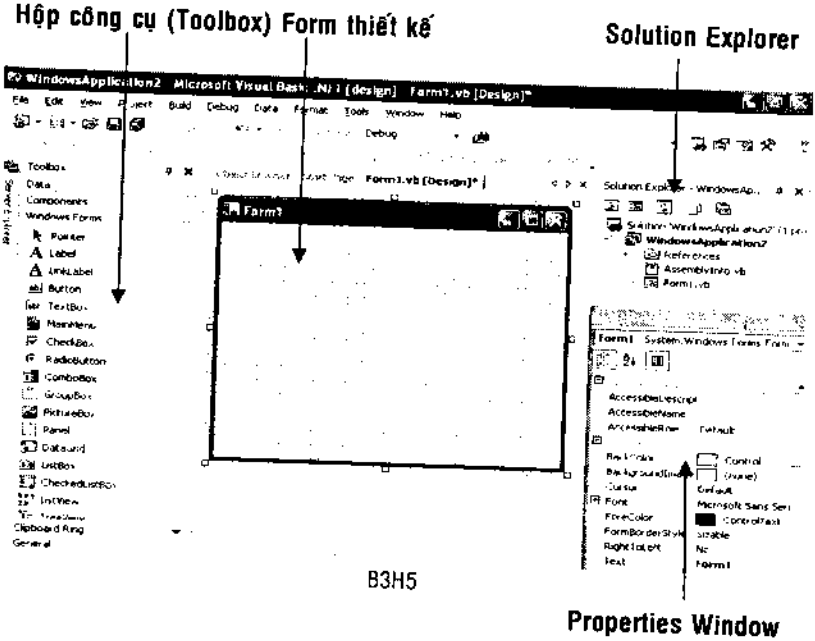

B3H5

☒ **Hộp công cụ Toolbox**

Chứa các điều khiển cần thiết kế

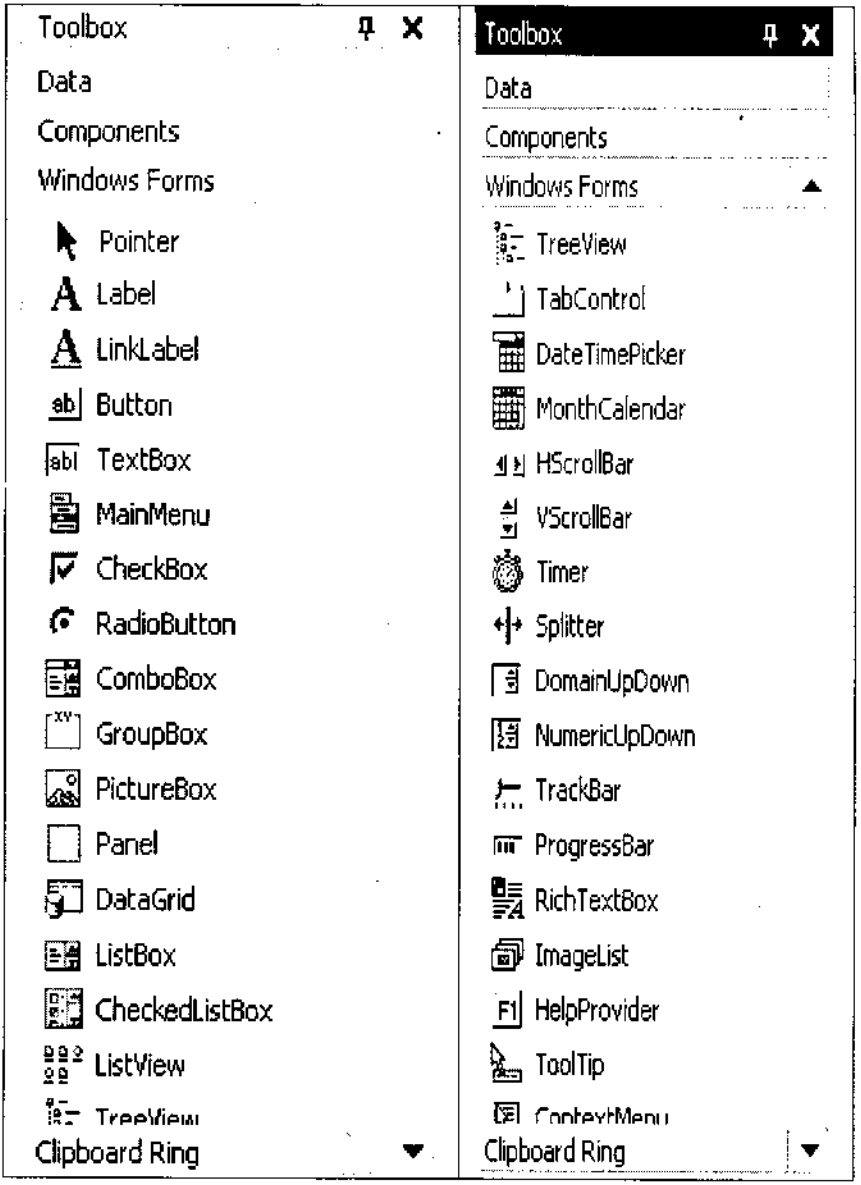

B3H6

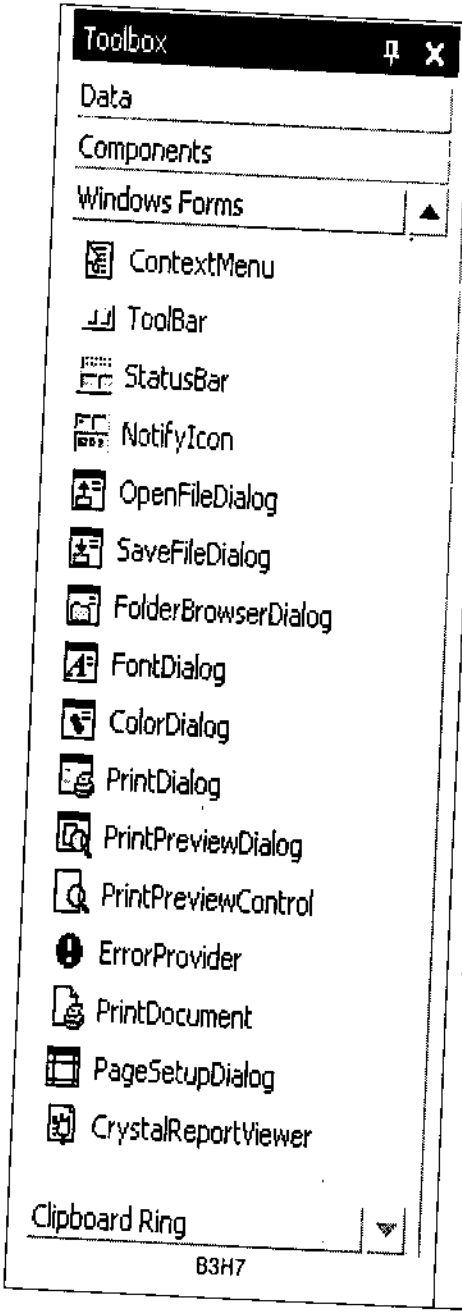

B3H7

Click vào đầu mũi tên quay xuống phía dưới bên phải của hộp công cụ để thấy hết các điều khiển có trong nó. Nếu đã biết Visual Basic 6.0, các bạn thấy trong hộp công cụ của Visual Basic .NET có nhiều điều khiển hơn. Phần các điều khiển các bạn sẽ biết công dụng của nó trong các bài tập thực hành.

Để đưa điều khiển vào trong Form thiết kế:

- Click chọn tại biểu tượng bên trái của điều khiển
- Di chuyển vào Form, drag chuột để vẽ (nếu muốn chuyển điều khiển vừa vẽ đến vị trí khác, click chọn và di chuyển khi xuất hiện mũi tên 4 hướng)

Ghi nhớ:

Nếu chưa thấy hộp công cụ trên màn hình thiết kế, bạn click nút Toolbox trên thanh công cụ hoặc vào menu View, chọn Toolbox hoặc nhấn tổ hợp phím Ctrl+Alt+X

☒ Form cho ta thiết kế

Chứa các điều khiển cần thiết kế cho chương trình, các nút trên Form giống như bao cửa sổ Window bình thường. Khi không thấy Form thiết kế trên màn hình, click nút **View Designer** trong cửa sổ **Solution Explorer**.

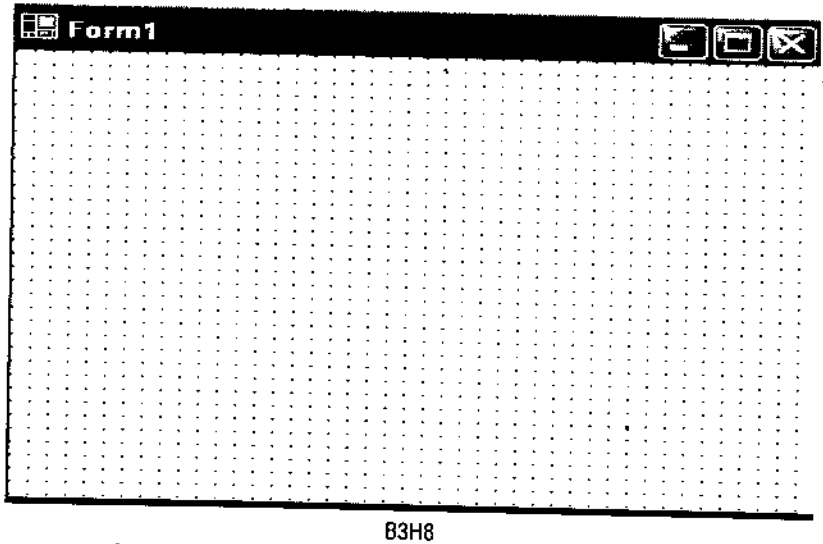

B3H8

☒ Cửa sổ Solution Explorer

Cửa sổ Solution Explorer (trước đây là cửa sổ Project Explorer). Chứa tên Project, các lớp tham chiếu đến, các tập tin... Phía trên chứa các nút từ trái qua phải: nút View Code, View Designer, Refersh, Show All Files, Properties. Công dụng khi click những nút này

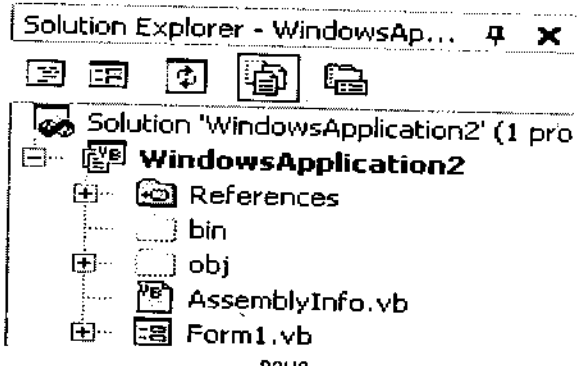

B3H9

⊗ Nút **View Code**: Xuất hiện cửa sổ viết code
⊗ Nút **View Designer**: Xuất hiện Form thiết kế
⊗ Nút **Show All Files**: Hiện tất cả các tập tin
⊗ Nút **Properties**: Hiện cửa sổ Properties

☒ **Properties Window**

Chứa các thuộc tính của đối tượng hoặc điều khiển đang được chọn

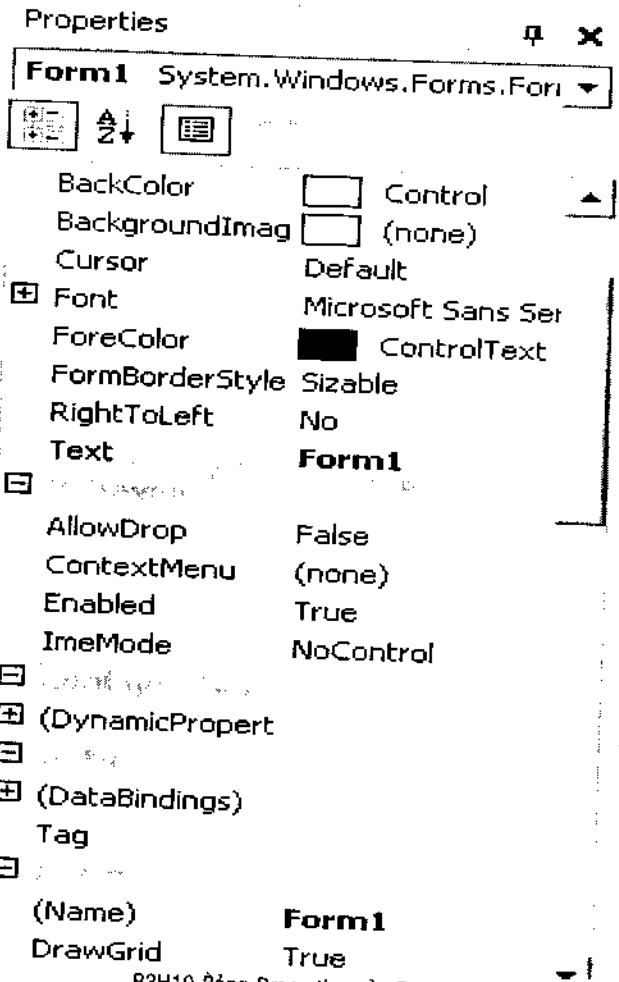

B3H10 Bảng Properties của Form

☒ Click vào đầu mũi tên quay xuống của thanh trượt dọc để thấy hết các thuộc tính của Form. Click vào đầu mũi tên quay xuống bên trên, bạn

sẽ thấy tên Form và các điều khiển có trong nó. Chọn tên điều khiển trong khung này tương đương với khi chúng ta click chọn điều khiển đó trên Form. Nút bên trái là xếp các thuộc tính theo loại, nút kế là xếp các thuộc tính theo thứ tự Alphabet, nút kế là nút Properties.

Thực tập viết một chương trình nhỏ như hướng dẫn sau

① Giả sử bạn click chọn điều khiển có tên TextBox trong hộp công cụ, di chuyển con trỏ chuột vào form và vẽ TextBox

② Bảng Properties bên phải bây giờ là bảng chứa các thuộc tính của TextBox, chọn thuộc tính **Font**, click vào dấu **ba chấm** (...) bên phải, chọn font VNI-Helve-Condense, size 20

③ Trong thuộc tính **Text**, nhập câu "CHÀO MỪNG BẠN ĐẾN VỚI VISUAL STUDIO .NET"

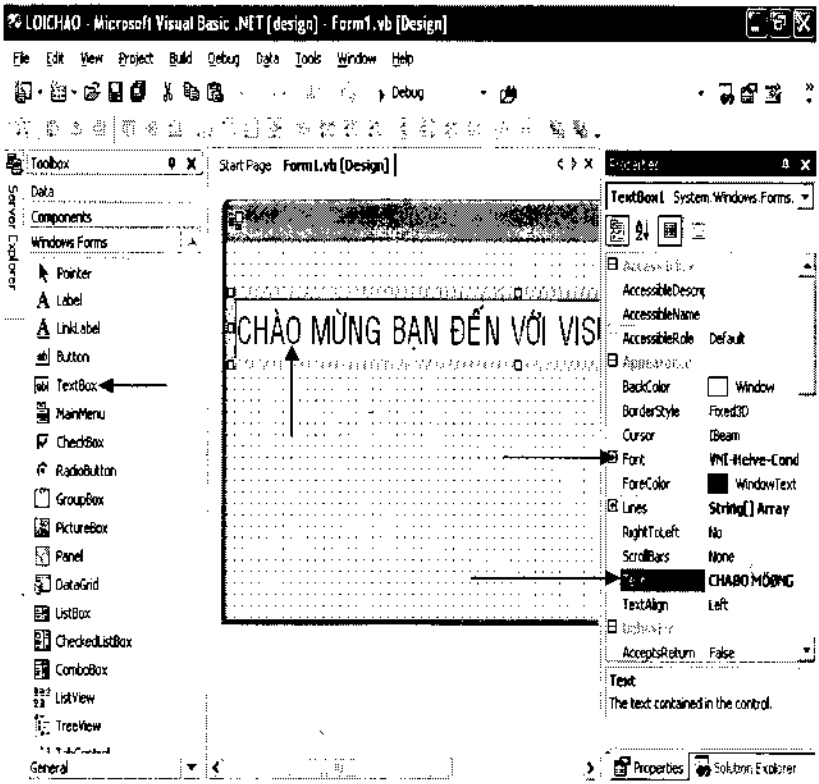

B3H11 Chọn Font và thuộc tính Text trong bảng Properties

▣ Click dấu **X** trên góc phải của bảng Properties để đóng bảng này, bạn thấy form như hình sau

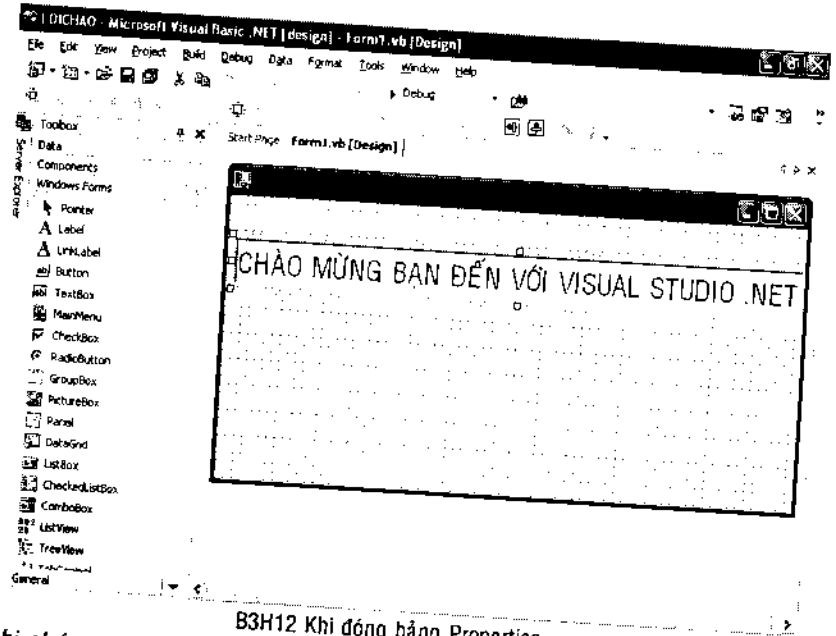

B3H12 Khi đóng bảng Properties

Ghi chú:

Để xuất hiện bảng **Properties** của **TextBox**, click *nút phải chuột* trên TextBox, chọn **Properties** trong menu hiện ra. Tóm lại, muốn xem thuộc tính của điều khiển nào, click nút phải chuột trên điều khiển đó, chọn Properties.

▣ Nhấn phím **F5** để xây dựng và chạy chương trình, chúng ta sẽ thấy hình như sau:

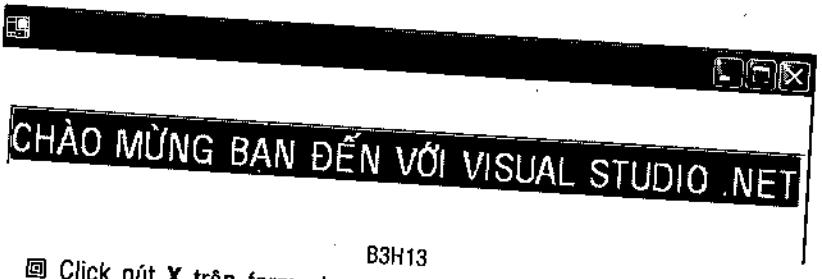

B3H13

▣ Click nút **X** trên form chương trình để đóng và trở về cửa sổ thiết kế

Trên **thanh tiêu đề** của form chưa có gì hết, muốn thể hiện câu gì, bạn *click nút phải chuột trên form*, chọn **Properties**, trong thuộc tính **Text**, giả sử nhập "**BAI TAP DON GIAN DAU TIEN**", *tiêu đề của form không thể xuất hiện dấu của tiếng Việt*. Nhập xong gõ phím Enter, bạn sẽ thấy tiêu đề xuất hiện

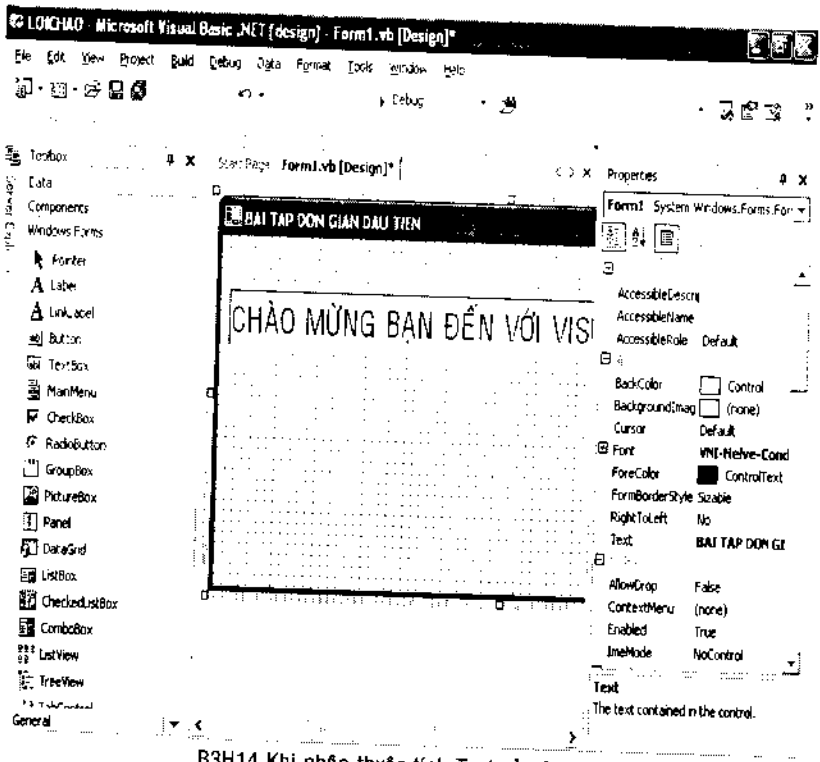

B3H14 Khi nhập thuộc tính Text của form

- Nhấn phím F5, chúng ta có hình như sau

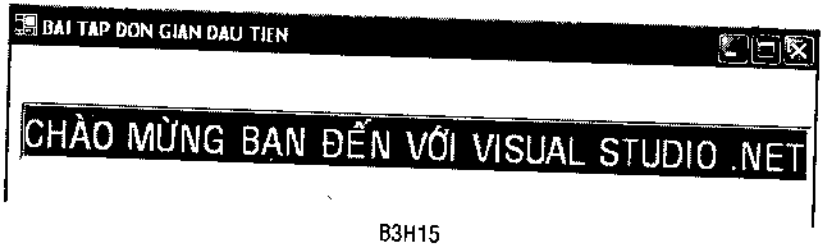

B3H15

Giả sử bạn click chọn điều khiển **Label** trên hộp công cụ, di chuyển con trỏ chuột vào **form** và vẽ, trong bảng **Properties** của điều khiển này, ở thuộc tính **Font**, chọn font **VNI-Aptima**, size **16**. Tại thuộc tính **Text**, nhập "**BẠN ĐANG THIẾT KẾ FORM TRÊN VISUAL BASIC .NET**". Với thuộc tính **TextAlign** chọn khối hình chữ nhật nằm ở giữa (**MiddleCenter**) sẽ canh chữ nằm giữa **Label**, thuộc tính **BackColor** (màu nền) có màu xanh dương, thuộc tính **ForeColor** (màu chữ). Bạn sẽ thấy bảng **Properties** và **form** thiết kế như các hình sau:

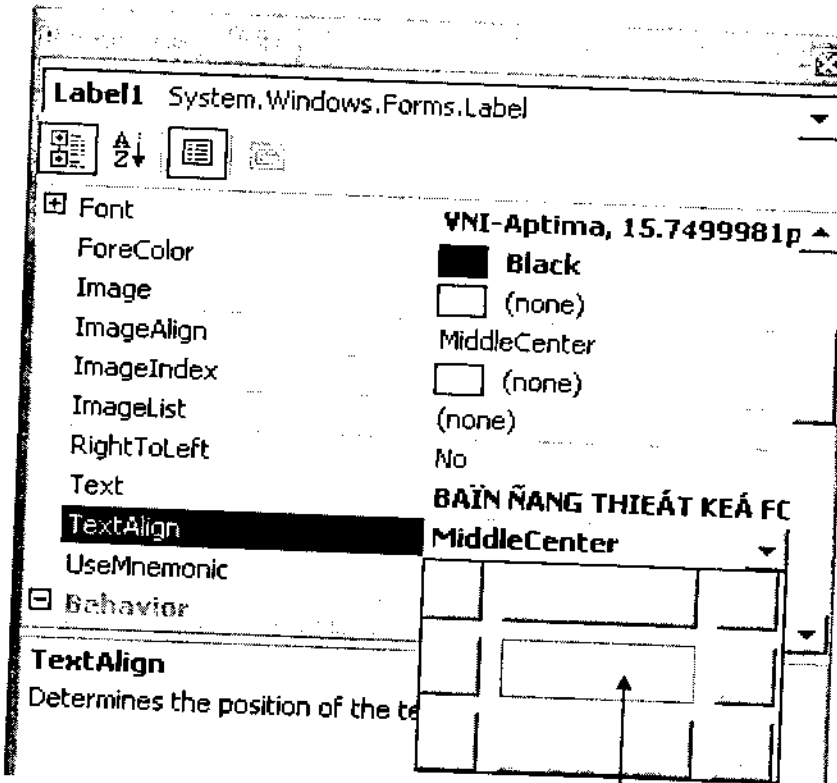

B3H16 Bảng Properties của điều khiển Label

Ghi chú:

Một số thuộc tính khi click chuột vào khung sẽ xuất hiện mũi tên bên phải, click vào nút mũi tên để chọn mục cần thể hiện trong khung hiện ra

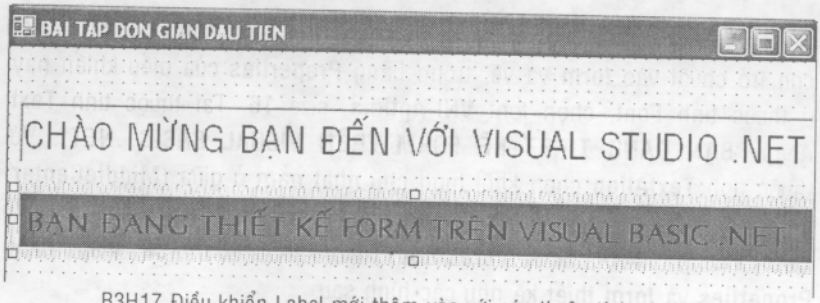

B3H17 Điều khiển Label mới thêm vào với các thuộc tính như trên

Nhấn phím F5, bạn sẽ thấy form chương trình như hình sau

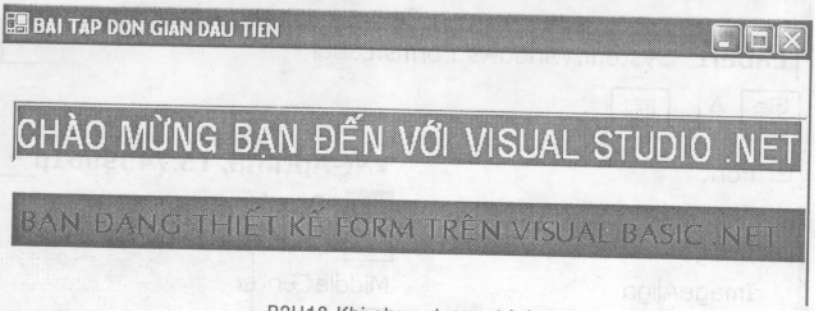

B3H18 Khi chạy chương trình

Nhận xét:

Thông tin thể hiện trong điều khiển TextBox và Label khi chạy chương trình vì chúng ta đã *xác lập ngay trong thuộc tính Text của 2 điều khiển này.*

Bạn nhìn vào bảng **Properties** dưới đây

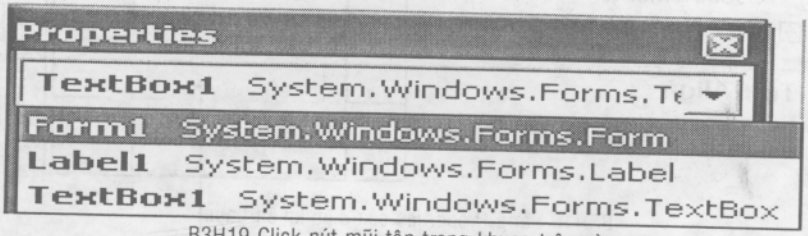

B3H19 Click nút mũi tên trong khung trên cùng

Vì trong **form** có *3 đối tượng* đó là **form**, một **TextBox** và một **Label** nên khi click vào nút mũi tên bên phải của khung trên cùng, bạn sẽ thấy 3 đối tượng hiện ra, click chọn đối tượng nào, thì các thuộc tính của đối tượng đó sẽ hiện ra trong bảng. Vậy ngoài cách click nút phải chuột trên

đối tượng để chọn **Properties**, chúng ta có thể chọn bằng cách vừa giới thiệu ở trên. Các đối tượng trên kế thừa từ lớp **Form**

Để xem mã nguồn được tạo ra bởi **Windows Forms Designer** của **form** khi thiết kế như trên (chưa viết code gì cả). Bạn thực hiện như sau:

* Click *nút phải chuột* tại **form**
* Chọn **View Code** trong menu hiện ra

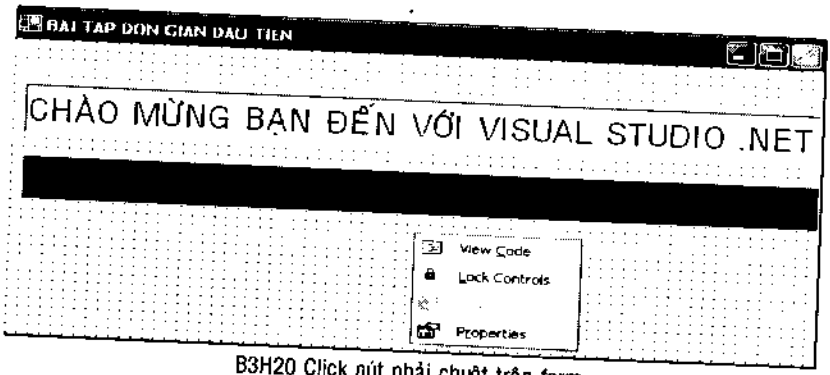

B3H20 Click nút phải chuột trên form

Chúng ta sẽ thấy mã nguồn như sau:

```
- Public Class Form1
        Inherits System.Windows.Forms.Form
    + Windows Form Designer generated code
  End Class
```

Nhìn vào đoạn code trên, bạn thấy Visual Basic .NET bổ sung một từ khóa **Class** để định nghĩa các lớp và từ khóa **Inherits** cho việc thừa kế giữa các đối tượng mà trong Visual Basic 6.0 không có.

Ghi chú:

Mã nguồn này định nghĩa một lớp có tên là Form1 kế thừa lớp Form. Windows Forms Designer cũng sinh ra nhiều mã nguồn soạn sẵn và sẽ không bị thay đổi bởi người phát triển. Để *xem mã nguồn*, hãy click chuột vào dấu "+" xuất hiện bên trái dòng "**Windows Form Designer generated code**"

```
Public Class Form1
    Inherits System.Windows.Forms.Form
#Region "Windows Form Designer generated code"
```

```
    Public Sub New()
        MyBase.New()
        'This call is required by the Windows Form Designer.
        InitializeComponent()
        'Add any initialization after the InitializeComponent() call
    End Sub
    'Form overrides dispose to clean up the component list.
    Protected Overloads Overrides Sub Dispose(ByVal disposing As Boolean)
        If disposing Then
            If Not (components Is Nothing) Then
                components.Dispose()
            End If
        End If
        MyBase.Dispose(disposing)
    End Sub
    'Required by the Windows Form Designer
    Private components As System.ComponentModel.IContainer
    'NOTE: The following procedure is required by the Windows Form
Designer
    'It can be modified using the Windows Form Designer.
    'Do not modify it using the code editor.
    Friend WithEvents TextBox1 As System.Windows.Forms.TextBox
    Friend WithEvents Label1 As System.Windows.Forms.Label
    <System.Diagnostics.DebuggerStepThrough()> Private Sub
InitializeComponent()
        Me.TextBox1 = New System.Windows.Forms.TextBox
        Me.Label1 = New System.Windows.Forms.Label
        Me.SuspendLayout()
        'TextBox1
        Me.TextBox1.Font = New System.Drawing.Font("VNI-Helve-Condense",
20.25!, System.Drawing.FontStyle.Regular, System.Drawing.GraphicsUnit.Point,
CType(0, Byte))
        Me.TextBox1.Location = New System.Drawing.Point(8, 40)
        Me.TextBox1.Name = "TextBox1"
        Me.TextBox1.Size = New System.Drawing.Size(560, 44)
        Me.TextBox1.TabIndex = 0
        Me.TextBox1.Text = "CHÀO MỪNG BẠN ĐẾN VỚI VISUAL STUDIO .NET"
        'Label1
        Me.Label1.BackColor = System.Drawing.SystemColors.ActiveCaption
```

```
        Me.Label1.BorderStyle = System.Windows.Forms.BorderStyle.Fixed3D
        Me.Label1.Font = New System.Drawing.Font("VNI-Aptima", 15.75!,
System.Drawing.FontStyle.Regular, System.Drawing.GraphicsUnit.Point,
CType(0, Byte))
        Me.Label1.ForeColor = System.Drawing.Color.Black
        Me.Label1.Location = New System.Drawing.Point(8, 104)
        Me.Label1.Name = "Label1"
        Me.Label1.Size = New System.Drawing.Size(560, 40)
        Me.Label1.TabIndex = 1
        Me.Label1.Text = "BẠN ĐANG THIẾT KẾ FORM TRÊN VISUAL BASIC
.NET"
        Me.Label1.TextAlign = System.Drawing.ContentAlignment.MiddleCenter
        'Form1
        Me.AutoScaleBaseSize = New System.Drawing.Size(12, 37)
        Me.BackColor = System.Drawing.SystemColors.Control
        Me.ClientSize = New System.Drawing.Size(568, 266)
        Me.Controls.Add(Me.Label1)
        Me.Controls.Add(Me.TextBox1)
        Me.Font = New System.Drawing.Font("VNI-Helve-Condense", 20.25!,
System.Drawing.FontStyle.Regular, System.Drawing.GraphicsUnit.Point,
CType(0, Byte))
        Me.Name = "Form1"
        Me.Text = "BAI TAP DON GIAN DAU TIEN"
        Me.ResumeLayout(False)
    End Sub
#End Region
End Class
```

Với những thao tác nhẹ nhàng để thiết kế các điều khiển cho form, nhưng Visual Basic .NET đã sinh code như trên. Các bạn không cần bận tâm về đoạn code này, nhưng cũng nên hiểu qua về các lệnh, các phương thức... để có thể khai triển và phát triển thêm khi cần.

❒ Phương thức New (thiết lập lớp)

Phương thức thiết lập gọi phương thức thiết lập của cơ sở **MyBase.New()** và sau đó gọi phương thức **InitializeComponent()**, mã nguồn phát triển sẽ theo sau lệnh gọi tới **InitializeComponent()**. Khi phương thức thiết lập được sinh ra, trình thiết kế sẽ không đụng chạm đến nó nữa.

❒ Phương thức Dispose

Phương thức này là nơi đối tượng nhận *giải phóng* bất cứ nguồn tài nguyên nào. Sau đó gọi phương thức **Dispose** của trường **Components**

❒ Trường Components

Trường **Components** là một đối tượng thuộc kiểu **IContainer** (được định nghĩa trong tập kiểu **System.ComponentModel**). Mã nguồn được tạo bởi trình thiết kế sử dụng trường **Components** để quản lý sự hoàn tất của các thành phần có thể được thêm vào một **form**, trong trường hợp trên là thành phần **TextBox** và thành phần **Label**.

❒ Phương thức InitializeComponent

Mã nguồn trong phương thức này sẽ không bị sửa đổi hoặc được bổ sung vào bởi người phát triển theo bất kỳ cách nào. **Windows Forms Designer** sẽ tự động cập nhật nó khi cần thiết. Khi các *điều khiển* được thêm vào form do ta thiết kế thì mã nguồn được thêm vào phương thức này để khởi tạo các điều khiển lúc thi hành và thiết lập các thuộc tính khởi tạo của chúng như **Font**, **Location** (vị trí), **Size**, **Text**... của **TextBox**, các thuộc tính của **Label** và **form** như trong đoạn code ở trên, các thuộc tính này trùng khớp với các thuộc tính của các điều khiển trong bảng **Properties**

Chú ý:

Trình thiết kế đã tạo ra các sửa đổi sau cho mã nguồn

Hai trường **Friend** đã được thêm vào lớp, mỗi trường cho một điều khiển đã được thêm vào form (điều khiển TextBox và điều khiển Label)

Friend WithEvents TextBox1 As System.Windows.Forms.TextBox

Friend WithEvents Label1 As System.Windows.Forms.Label

Từ khóa **Friend** làm cho các thành phần có thể nhìn thấy mã nguồn khác trong dự án, nhưng nó che chúng khỏi mã nguồn đang chạy trong bộ lắp ráp khác.

Từ khóa **WithEvents** cho phép lớp **Form1** xử lý các sự kiện được tạo ra bởi các điều khiển. Mã nguồn đã được thêm vào phương thức **InitializeComponent** để khởi tạo hai điều khiển **TextBox** và **Label** và gán các tham khảo của chúng cho các thuộc tính thành phần

```
Me.TextBox1 = New System.Windows.Forms.TextBox
Me.Label1 = New System.Windows.Forms.Label
'TextBox1
```

```
        Me.TextBox1.Font = New System.Drawing.Font("VNI-Helve-Condense",
20.25!, System.Drawing.FontStyle.Regular, System.Drawing.GraphicsUnit.Point,
CType(0, Byte))
        Me.TextBox1.Location = New System.Drawing.Point(8, 40)
        Me.TextBox1.Name = "TextBox1"
        Me.TextBox1.Size = New System.Drawing.Size(560, 44)
        Me.TextBox1.TabIndex = 0
        Me.TextBox1.Text = "CHÀO MỪNG BẠN ĐẾN VỚI VISUAL STUDIO .NET"
        'Label1
        Me.Label1.BackColor = System.Drawing.SystemColors.ActiveCaption
        Me.Label1.BorderStyle = System.Windows.Forms.BorderStyle.Fixed3D
        Me.Label1.Font = New System.Drawing.Font("VNI-Aptima", 15.75!,
System.Drawing.FontStyle.Regular, System.Drawing.GraphicsUnit.Point,
CType(0, Byte))
        Me.Label1.ForeColor = System.Drawing.Color.Black
        Me.Label1.Location = New System.Drawing.Point(8, 104)
        Me.Label1.Name = "Label1"
        Me.Label1.Size = New System.Drawing.Size(560, 40)
        Me.Label1.TabIndex = 1
        Me.Label1.Text = "BẠN ĐANG THIẾT KẾ FORM TRÊN VISUAL BASIC
.NET"
        Me.Label1.TextAlign = System.Drawing.ContentAlignment.MiddleCenter
```

Khai triển tiếp chương trình. Nếu bây giờ chúng ta thêm một **Button** vào **form** như hình sau:

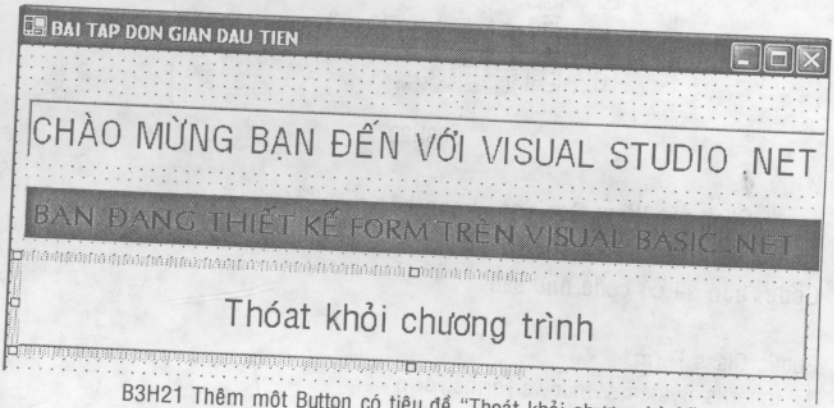

B3H21 Thêm một Button có tiêu đề "Thoát khỏi chương trình"

Khi *click vào nút n:ày thì sẽ thóat khỏi chương trình.* Ta thực hiện như sau:

▣ Click điều khiển **Button** trong hộp công cụ bên trái

▣ Vẽ điều khiển trong **form** tại vị trí như trong hình

▣ Trong bảng **Properties** của điều khiển **Button** nhập vào khung của thuộc tính **Name** từ "**Thoat**", thuộc tính **Text** câu "**Thoát khỏi chương trình**". Nhớ đặt thuộc tính **Font** và **size** chữ cho phù hợp

Ghi chú:

Nếu trên màn hình chưa có form thiết kế, các bạn tiến hành như sau:

✱ Click vào nút có tên **Solution Explorer**  trên thanh công cụ, hộp thoại Solution Explorer hiện ra bên phải màn hình

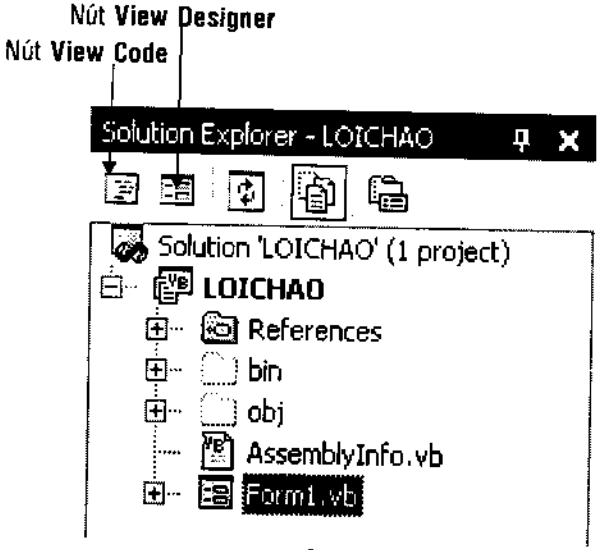

B3H22

✱ Click nút **View Designer** trong hộp thoại này

Giả sử bạn đã thiết kế xong, click nút phải chuột trên form, chọn **View Code**, bạn sẽ có code như sau

```
Public Class Form1
    Inherits System.Windows.Forms.Form
#Region " Windows Form Designer generated code "
    Public Sub New()
        MyBase.New()
```

```
        'This call is required by the Windows Form Designer.
        InitializeComponent()
        'Add any initialization after the InitializeComponent() call
    End Sub
    'Form overrides dispose to clean up the component list.
    Protected Overloads Overrides Sub Dispose(ByVal disposing As Boolean)
        If disposing Then
            If Not (components Is Nothing) Then
                components.Dispose()
            End If
        End If
        MyBase.Dispose(disposing)
    End Sub
    'Required by the Windows Form Designer
    Private components As System.ComponentModel.IContainer
    'NOTE: The following procedure is required by the Windows Form
Designer
    'It can be modified using the Windows Form Designer.
    'Do not modify it using the code editor.
    Friend WithEvents TextBox1 As System.Windows.Forms.TextBox
    Friend WithEvents Label1 As System.Windows.Forms.Label
    Friend WithEvents Thoat As System.Windows.Forms.Button
    <System.Diagnostics.DebuggerStepThrough()> Private Sub
InitializeComponent()
        Me.TextBox1 = New System.Windows.Forms.TextBox
        Me.Label1 = New System.Windows.Forms.Label
        Me.Thoat = New System.Windows.Forms.Button
        Me.SuspendLayout()
        'TextBox1
        Me.TextBox1.Font = New System.Drawing.Font("VNI-Helve-Condense",
20.25!, System.Drawing.FontStyle.Regular, System.Drawing.GraphicsUnit.Point,
CType(0, Byte))
        Me.TextBox1.Location = New System.Drawing.Point(8, 40)
        Me.TextBox1.Name = "TextBox1"
        Me.TextBox1.Size = New System.Drawing.Size(560, 44)
        Me.TextBox1.TabIndex = 0
        Me.TextBox1.Text = "CHÀO MỪNG BẠN ĐẾN VỚI VISUAL STUDIO .NET"
        'Label1
        Me.Label1.BackColor = System.Drawing.SystemColors.ActiveCaption
```

```
        Me.Label1.BorderStyle = System.Windows.Forms.BorderStyle.Fixed3D
        Me.Label1.Font = New System.Drawing.Font("VNI-Aptima", 15.75!,
System.Drawing.FontStyle.Regular, System.Drawing.GraphicsUnit.Point,
CType(0, Byte))
        Me.Label1.ForeColor = System.Drawing.Color.Black
        Me.Label1.Location = New System.Drawing.Point(8, 104)
        Me.Label1.Name = "Label1"
        Me.Label1.Size = New System.Drawing.Size(560, 40)
        Me.Label1.TabIndex = 1
        Me.Label1.Text = "BẠN ĐANG THIẾT KẾ FORM TRÊN VISUAL BASIC
.NET"
        Me.Label1.TextAlign = System.Drawing.ContentAlignment.MiddleCenter
        'Thoat
        Me.Thoat.Location = New System.Drawing.Point(8, 160)
        Me.Thoat.Name = "Thoat"
        Me.Thoat.Size = New System.Drawing.Size(552, 64)
        Me.Thoat.TabIndex = 2
        Me.Thoat.Text = "Thóat khỏi chương trình"
        'Form1
        Me.AutoScaleBaseSize = New System.Drawing.Size(12, 37)
        Me.BackColor = System.Drawing.SystemColors.Control
        Me.ClientSize = New System.Drawing.Size(568, 266)
        Me.Controls.Add(Me.Thoat)
        Me.Controls.Add(Me.Label1)
        Me.Controls.Add(Me.TextBox1)
        Me.Font = New System.Drawing.Font("VNI-Helve-Condense", 20.25!,
System.Drawing.FontStyle.Regular, System.Drawing.GraphicsUnit.Point,
CType(0, Byte))
        Me.Name = "Form1"
        Me.Text = "BAI TAP DON GIAN DAU TIEN"
        Me.ResumeLayout(False)
    End Sub
#End Region
End Class
```

Những chữ tô đậm là mới được thêm vào (do Windows Forms Designer sinh ra), bạn xem có chỗ nào khác nữa không?

Để click vào Button sẽ thoát khỏi chương trình, bạn thực hiện theo hướng dẫn sau:

▣ Click nút **View Code**, trong *cửa sổ View Code*, click *đầu mũi tên quay xuống* của khung (**General**) bên trái, một khung buông xuống như hình sau:

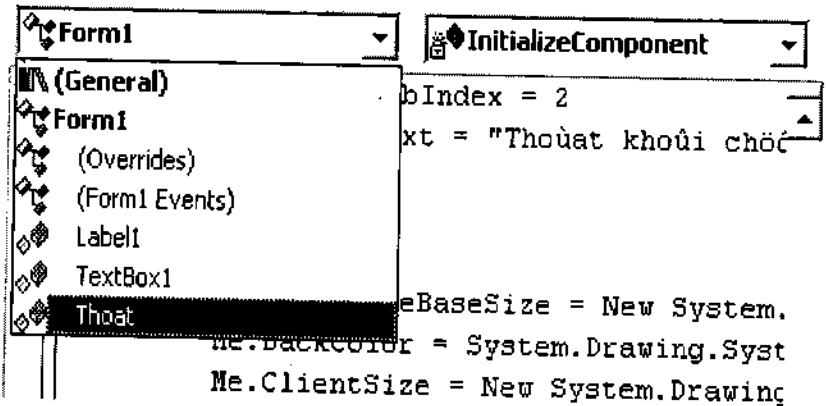

N18 Click đầu mũi tên của khung bên trái

▣ Click chọn điều khiển có tên **Thoat** (tên đã đặt cho thuộc tính Name của điều khiển Button)

▣ Click *đầu mũi tên quay xuống* của khung bên phải (**Declarations**), chọn *sự kiện* có tên **Click**

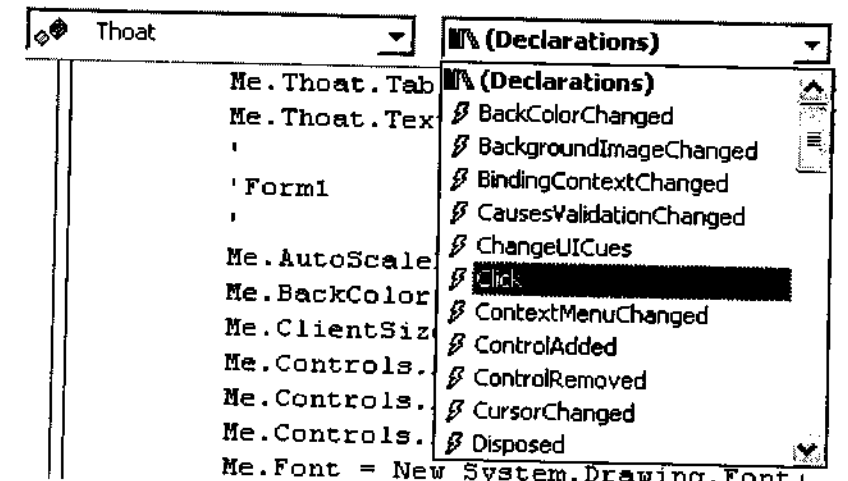

B3H23 Chọn biến cố Click cho điều khiển có tên Thoat

Chọn xong sẽ có cặp lệnh đầu và cuối của thủ tục hiện ra cuối đoạn code trước từ khóa End Class như sau:

```
Private Sub Thoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                        System.EventArgs) Handles Thoat.Click
    ..........
    ..........
End Sub
```

Chúng ta sẽ nhập các lệnh giữa hai cặp lệnh này, chúng ta sẽ dùng hai phương thức **Close()** và **Dispose()**, phương thức Close() sẽ đóng form, phương thức Dispose() giải phóng các nguồn tài nguyên

```
Private Sub Thoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
System.EventArgs) Handles Thoat.Click
    Me.Close()
    Me. Dispose()
End Sub
```

Chúng ta sẽ thấy khúc cuối của đoạn code như sau

Thoat | Click

```
        Me.Thoat.Text = "Thoùat khoûi chöông trình"
        '
        'Form1
        '
        Me.AutoScaleBaseSize = New System.Drawing.Size(12, 37)
        Me.BackColor = System.Drawing.SystemColors.Control
        Me.ClientSize = New System.Drawing.Size(568, 266)
        Me.Controls.Add(Me.Thoat)
        Me.Controls.Add(Me.Label1)
        Me.Controls.Add(Me.TextBox1)
        Me.Font = New System.Drawing.Font("VNI-Helve-Condense", 20.2
        Me.Name = "Form1"
        Me.Text = "BAI TAP DON GIAN DAU TIEN"
        Me.ResumeLayout(False)
    End Sub
#End Region
    Private Sub Thoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As Syste
        Me.Close()
        Me.Dispose()
    End Sub
End Class
```

B3H24 Thủ tục của điều khiển Button có tên Thoat với sự kiện Click

▣ Nhấn phím F5, click vào nút có tiêu đề "Thoát khỏi chương trình" bạn sẽ được như ý

Tóm lại:

Qua bài này, bạn thấy khi tạo một Project với một form mới, từ form rỗng này, chúng ta đã có code của nó, chúng được thiết kế tự động sẵn ngay từ ban đầu. Khi thiết kế cho form với các điều khiển lấy từ hộp công cụ, tùy theo vị trí, kích thước và các thuộc tính mà bạn xác lập khi thiết kế, chúng sẽ được Windows Forms Designer sinh ra các đoạn code tương ứng với cách thiết kế và xác lập của chúng ta. Các bạn có thể thay đổi lại vị trí hoặc những thuộc tính của các điều khiển, so sánh code khi chưa thay đổi, các bạn sẽ thấy. Khi thêm một điều khiển mới, chúng ta sẽ thấy đoạn code phát sinh. Khi có một sự kiện tác động đến điều khiển để thực hiện một điều gì đó, các bạn chọn điều khiển đó, chọn sự kiện thì sẽ có một thủ tục sinh ra cho chúng ta viết code. Bạn có thể thấy qua điều khiển Button mà chúng ta vừa thêm vào trong bài tập trên.

Các bạn đã biết cách sử dụng các điều khiển Label và TextBox. Lưu ý trong Visual Basic .NET, để thể hiện thông tin trong Label hoặc TextBox, chúng ta phải có **.Text** đi sau thuộc tính Name (tên) của điều khiển

Ví dụ:

TxtThongbao.Text

LblKetqua.Text

Để biết thêm về ứng dụng của một số điều khiển trong Visual Basic .NET các bạn có thể tham khảo thêm cuốn "Tự học lập trình Visual Basic .NET một cách nhanh chóng và có hiệu quả", muốn biết lập trình Visual Basic .NET với cơ sở dữ liệu Access 2003, các bạn tìm đọc cuốn "Lập trình cơ sở dữ liệu Access 2003 và Visual Basic .NET một cách nhanh chóng và có hiệu quả" của chúng tôi biên soạn.

Bài 4

Chương trình Quản lý học sinh dùng SQL Server 2000 và Visual Basic .NET

Qua bài trên, các bạn đã biết tạo cơ sở dữ liệu, tạo bảng, tạo các mối liên hệ giữa các bảng có liên quan với nhau, chúng tôi đã hướng dẫn bạn tạo một cơ sở dữ liệu có tên QUANLYHOCSINH trong SQL Server 2000. Bạn chú ý khi cài đặt SQL Server 2000, bạn đặt tên server là gì, các bạn cần nhớ, nếu quên, bạn có thể xem bằng cách:

- Click menu Start, di chuyển vệt sáng đến Programs, di chuyển vệt sáng đến Microsoft SQL Server 2000, chọn Enterprise Manager. Bạn sẽ thấy như hình sau:

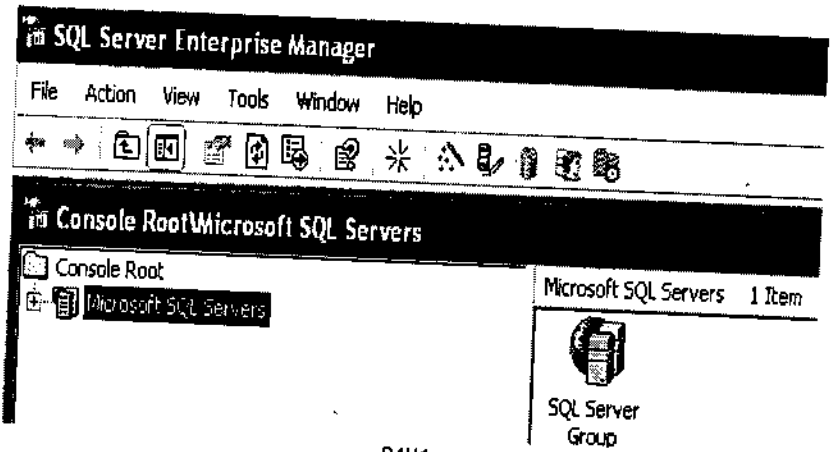

B4H1

Bạn click dấu "+" trước Microsoft SQL Server, sau đó click vào dấu "+" trước Microsoft SQL Group trong cây bung ra, bạn sẽ thấy tên Server

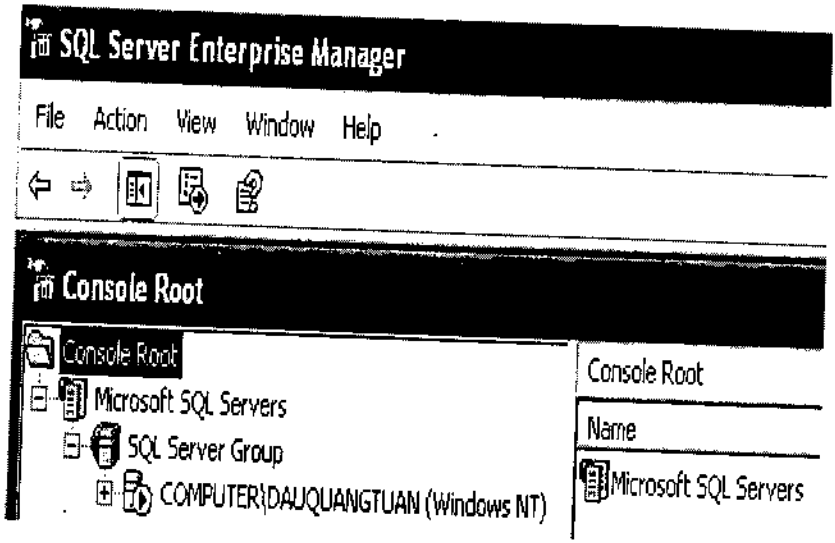

B4H2

Bạn thấy tên là COMPUTER\DAUQUANGTUAN, bạn đối chiếu ở bài 1 khi cài đặt, lúc nào chúng tôi đặt tên DAUQUANGTUAN. Sở dĩ chúng tôi nói điều này vì khi viết chương trình trên Visual Basic .NET, trước tiên chúng ta phải kết nối với CSDL và trong bước kết nối này nó đòi hỏi chúng ta phải khai báo tên của Server.

Để viết một chương trình quản lý nào đó, trước hết các bạn phải tạo một cơ sở dữ liệu, sau đó tạo các bảng, xây dựng các mối liên hệ giữa các bảng có liên quan, nhập thông tin cho các bảng sau đó các bạn vào Visual Basic .NET bắt đầu thiết kế chương trình.

Trong bài 2, chúng ta đã thiết kế cơ sở dữ liệu có tên QUANLYHOCSINH, trong CSDL này có năm bảng, và chúng ta cũng đã tạo các mối liên hệ, nếu chưa nhập thông tin, các bạn nhập thử, không cần nhiều, mỗi bảng nhập vài mẫu tin, nhớ nhập cho chính xác.

Với bài này, giả sử chúng ta phải dùng nhiều Form, một Form cha sẽ có menu

Có 4 Form con như sau:

① Form con thứ nhất có tên **FormKHENTHUONG.vb** sẽ chứa *hai điều khiển* **DataGrid**, mỗi DataGrid sẽ thể hiện thông tin của từng bảng

HOCSINH và **KHENTHUONG**. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 5 đối tượng

◈ Các đối tượng **OleDbDataAdapter1** và **DatasetHOCSINH1** dùng cho bảng **HOCSINH**.

◈ Các đối tượng **OleDbDataAdapter2** và **DatasetKHENTHUONG** dùng cho bảng **KHENTHUONG**.

◈ Đối tượng **OleDbConnection1** dùng chung cho cả hai bảng.

② Form con thứ hai có tên **FormKYLUAT.vb** sẽ chứa *hai điều khiển* **DataGrid**, mỗi DataGrid sẽ thể hiện thông tin của từng bảng **HOCSINH** và **KYLUAT**. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 5 đối tượng

◈ Các đối tượng **OleDbDataAdapter1** và **DatasetHOCSINHKYLUAT1** dùng cho bảng **HOCSINH**.

◈ Các đối tượng **OleDbDataAdapter2** và **DatasetKYLUAT** dùng cho bảng **KYLUAT**.

◈ Đối tượng **OleDbConnection1** dùng chung cho cả hai bảng.

③ Form con thứ ba có tên **FormKETQUA** sẽ chứa *hai điều khiển* **DataGrid**, mỗi DataGrid sẽ thể hiện thông tin của từng bảng **HOCSINH** và **DIEMTB**. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 5 đối tượng

◈ Các đối tượng **OleDbDataAdapter1** và **DatasetHOCSINHKETQUA1** dùng cho bảng **HOCSINH**.

◈ Các đối tượng **OleDbDataAdapter2** và **DatasetDIEMTB** dùng cho bảng **DIEMTB**.

◈ Đối tượng **OleDbConnection1** dùng chung cho cả hai bảng.

④ Form con thứ tư có tên **FormDIEMTHILAI.vb** sẽ chứa *hai điều khiển* **DataGrid**, mỗi DataGrid sẽ thể hiện thông tin của từng bảng **HOCSINH** và **DIEMTHILAI**. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 5 đối tượng

◈ Các đối tượng **OleDbDataAdapter1** và **DatasetHOCSINHTHILAI1** dùng cho bảng **HOCSINH**.

◈ Các đối tượng **OleDbDataAdapter2** và **DatasetDIEMTHILAI** dùng cho bảng **DIEMTHILAI**.

◈ Đối tượng **OleDbConnection1** dùng chung cho cả hai bảng.

❋ Yêu cầu

❋ Các Form cần thiết kế

- Form cha cần thiết kế

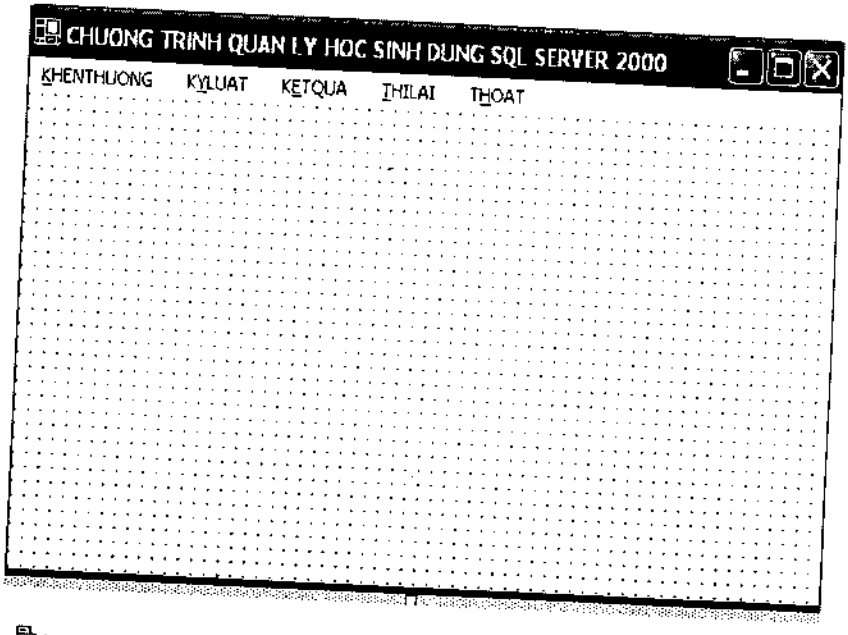

B4H3

- Phần Form cha

Bảng các thuộc tính của Form cha

TT	Đối tượng	Các thuộc tính	Giá trị
1	Form MDI	Name	Form1
		BackColor	Màu xanh
		Caption	CHUONG TRINH QUAN LY HOC SINH DUNG SQL SERVER 2000
		IsMdiContainer	True
		WindowState	Maximized

Ghi chú:

Thuộc tính **IsMdiContainer** phải đặt là **True**.

Hệ thống menu của Form cha

Caption	Name
&KHENTHUONG	MenuKHENTHUONG
K&YLUAT	MenuKYLUAT
K&ETQUA	MenuKETQUA
&THILAI	MenuTHILAI
T&HOAT	MenuTHOAT

Dấu & đặt trước chữ nào khi thiết lập các mục của menu thì khi thiết lập xong, chữ đó sẽ được gạch dưới, bạn có thể nhấn phím ALT+với chữ gạch dưới sẽ tác động đến mục đó.

✱ Form hiển thị khi chọn mục KHENTHUONG

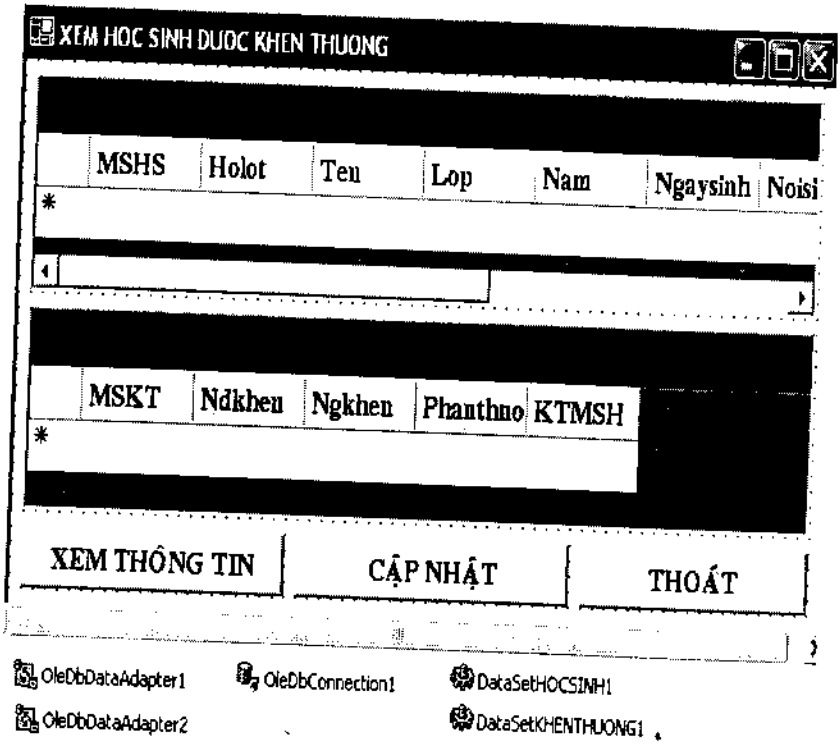

B4H4

Bảng thuộc tính của những điều khiển trong FormKHENTHUONG

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name	FormKHENTHUONG
		BackColor	Màu vàng
		Text	XEM HOC SINH DUOC KHEN THUONG
		WindowState	Maximized
2	DataGrid	Name	DataGrid1
		BackColor	Màu cam nhạt
		BackgroundColor	Màu hồng nhạt
		ForeColor	Màu xanh dương
		GridLineColor	Màu đỏ
		Font	VNI-Times, size 12, bold
		Anchor	Top, Left, Right, Bottom
		Datasource	DatasetHOCSINH1
		Datamember	HOCSINH
3	DataGrid	Name	DataGrid2
		BackColor	Màu xanh nhạt
		BackgroundColor	Màu cam nhạt
		ForeColor	Màu xanh dương
		GridLineColor	Màu đỏ
		Font	VNI-Times, size 12, bold
		Anchor	Top, Left, Right, Bottom
		Datasource	DatasetKHENTHUONG1
		Datamember	KHENTHUONG
4	Button	Name	ButtonXem
		BackColor	Màu xám
		Font	VNI-Times, size 12, Bold
		Text	XEM THÔNG TIN
5	Button	Name	ButtonCapnhat
		BackColor	Màu xám
		Font	VNI-Times, size 12, Bold
		Text	CẬP NHẬT
6	Button	Name	ButtonThoat

		BackColor Font Text	Màu xám VNI-Times, size 12, Bold THOÁT

✱ Form hiển thị khi chọn mục KYLUAT

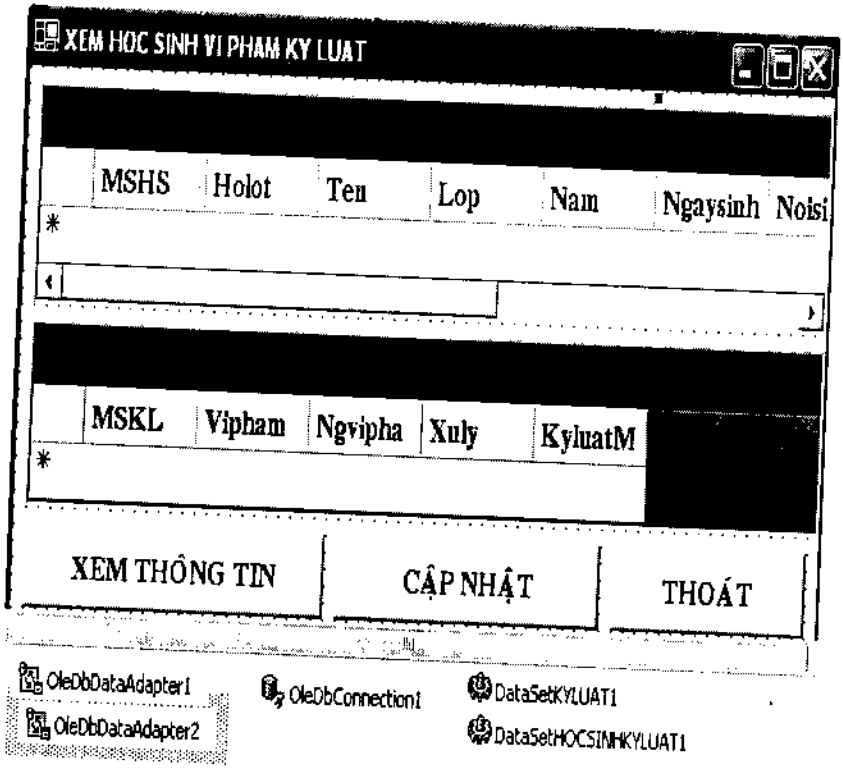

B4H5

Bảng thuộc tính của những điều khiển trong FormKYLUAT

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name BackColor Text WindowState	FormKYLUAT Màu hồng XEM HOC SINH VI PHAM KY LUAT Maximized

2	DataGrid	Name BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid1 Màu cam nhạt Màu hồng nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetHOCSINH1 HOCSINH
3	DataGrid	Name BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid2 Màu xanh nhạt Màu cam nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetKYLUAT1 KYLUAT
4	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold XEM THÔNG TIN
5	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCapnhat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold CẬP NHẬT
6	Button	Name BackColor Font Text	ButtonThoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold THOÁT

❋ Form hiển thị khi chọn mục KẾTQUA

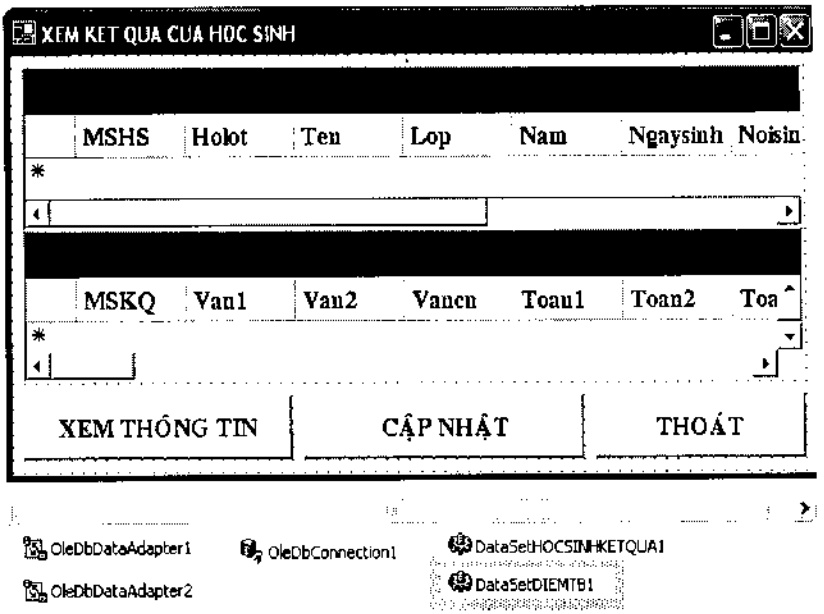

B4H6

Bảng thuộc tính của những điều khiển trong FormKETQUA

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name	FormKETQUA
		BackColor	Màu xanh lá
		Text	XEM KET QUA CUA HOC SINH
		WindowState	Maximized
2	DataGrid	Name	DataGrid1
		BackColor	Màu cam nhạt
		BackgroundColor	Màu hồng nhạt
		ForeColor	Màu xanh dương
		GridLineColor	Màu đỏ
		Font	VNI-Times, size 12, bold
		Anchor	Top, Left, Right, Bottom
		Datasource	DatasetHOCSINH1
		Datamember	HOCSINH
3	DataGrid	Name	DataGrid2
		BackColor	Màu xanh nhạt

		BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	Màu cam nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetDIEMTB1 DIEMTB
4	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold XEM THÔNG TIN
5	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCapnhat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold CẬP NHẬT
6	Button	Name BackColor Font Text	ButtonThoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold THOÁT

✱ Form hiển thị khi chọn mục THILAI

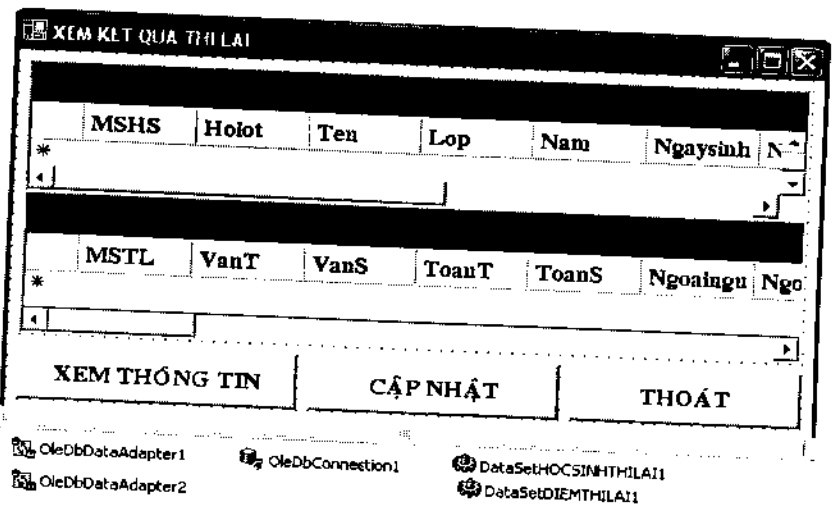

Bảng thuộc tính của những điều khiển trong FormDIEMTHILAI

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name	FormDIEMTHILAI
		BackColor	Màu vàng
		Text	XEM KET QUA THI LAI
		WindowState	Maximized
2	DataGrid	Name	DataGrid1
		BackColor	Màu cam nhạt
		BackgroundColor	Màu hồng nhạt
		ForeColor	Màu xanh dương
		GridLineColor	Màu đỏ
		Font	VNI-Times, size 12, bold
		Anchor	Top, Left, Right, Bottom
		Datasource	DatasetHOCSINH1
		Datamember	HOCSINH
3	DataGrid	Name	DataGrid2
		BackColor	Màu xanh nhạt
		BackgroundColor	Màu cam nhạt
		ForeColor	Màu xanh dương
		GridLineColor	Màu đỏ
		Font	VNI-Times, size 12, bold
		Anchor	Top, Left, Right, Bottom
		Datasource	DatasetTHILAI1
		Datamember	THILAI
4	Button	Name	ButtonXem
		BackColor	Màu xám
		Font	VNI-Times, size 12, Bold
		Text	XEM THÔNG TIN
5	Button	Name	ButtonCapnhat
		BackColor	Màu xám
		Font	VNI-Times, size 12, Bold
		Text	CẬP NHẬT
6	Button	Name	ButtonThoat
		BackColor	Màu xám
		Font	VNI-Times, size 12, Bold
		Text	THOÁT

① Thiết kế Form của chương trình

☎ Thiết kế Form cha

Tạo Project mới với tên **QLHS_VB.NET_SQLSERVER** nằm trong thư mục gốc của ổ đĩa E:\

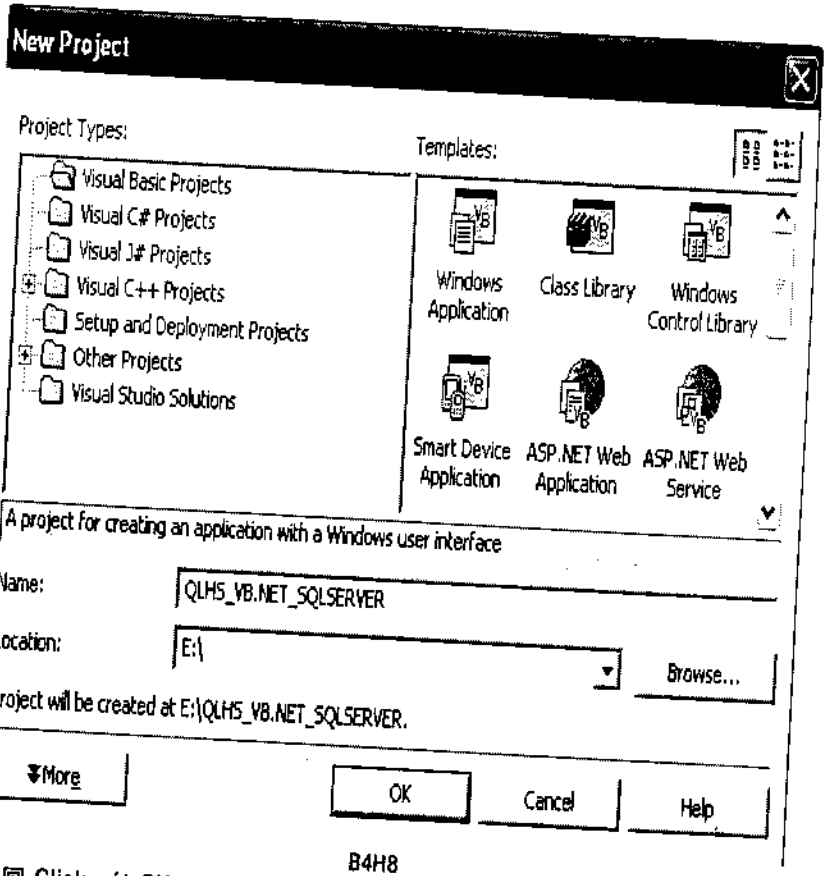

B4H8

▣ Click nút OK, Form hiện ra, thiết kế như hình đã cho ở trên. Trong Form có các mục của menu, bạn dùng điều khiển **MainMenu** trong hộp công cụ, khi đưa điều khiển này vào trong Form và vẽ tại một điểm bất kỳ, điều khiển sẽ xuất hiện trên khay công cụ phía dưới Form, nhập trực tiếp các mục ngay trên Form, khi đến mục nào, nó sẽ hiện mục nằm ngang bên cạnh và mục nằm dưới. Bạn có thể tham khảo cuốn "Tự học lập trình Visual Basic .NET một cách nhanh chóng và có hiệu quả"

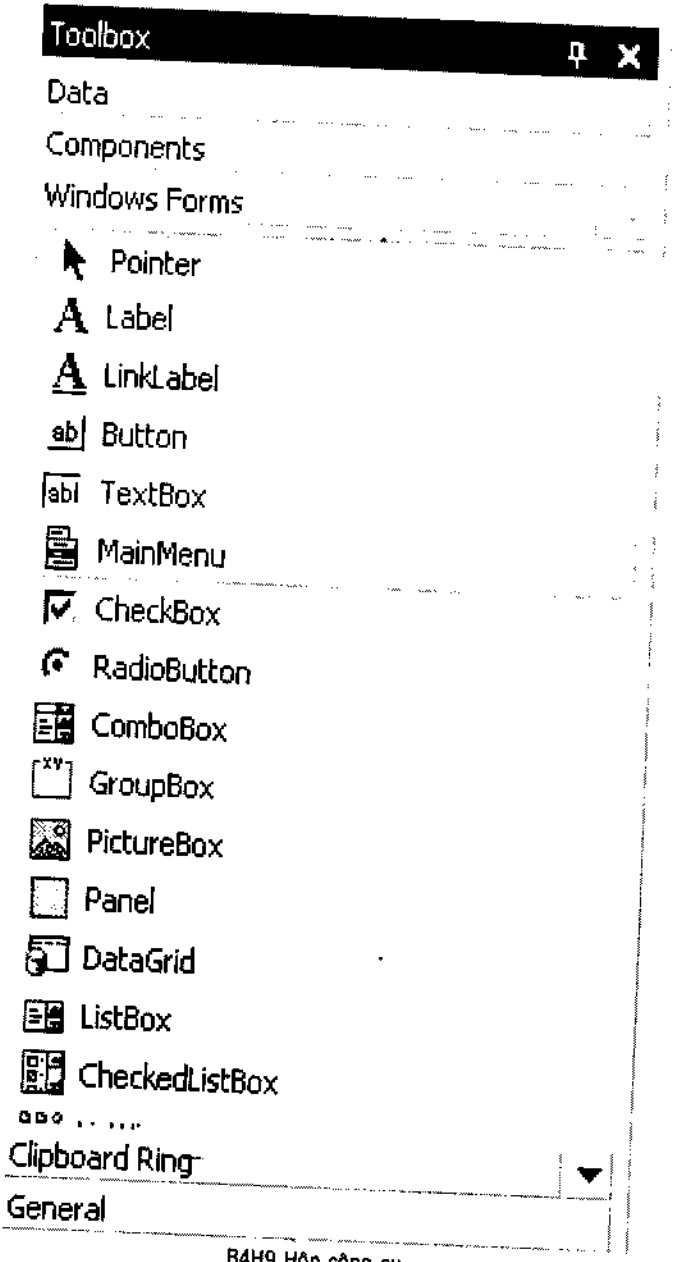

B4H9 Hộp công cụ

Khi đưa điều khiển MainMenu vào Form, bạn sẽ thấy như hình sau:

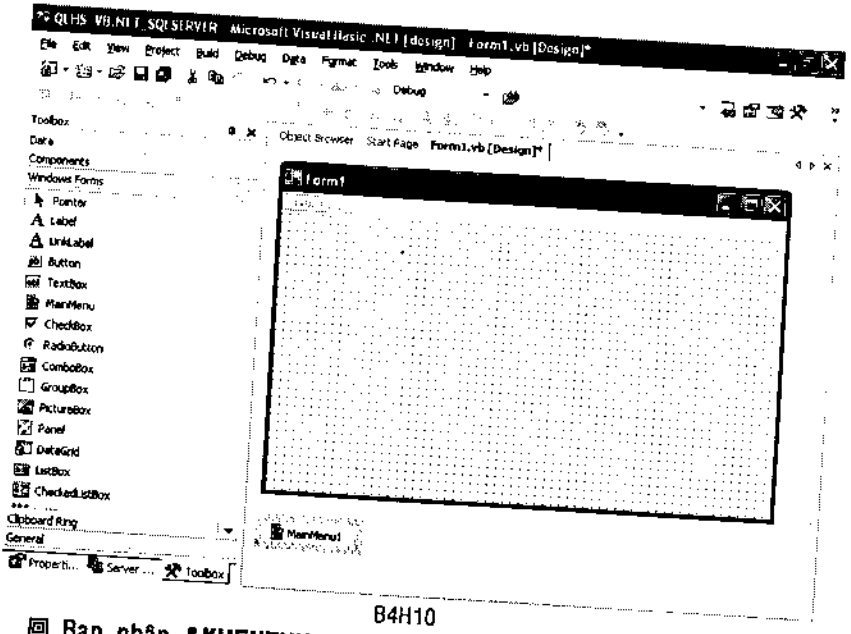

B4H10

Bạn nhập **&KHENTHUONG**, sau đó click vào khung **Type Here** kế bên phải, nhập **K&YLUAT**, tiếp tục click vào khung **Type Here** kế bên phải, nhập **K&ETQUA**, tương tự nhập **&THILAI**, sau cùng nhập **T&HOAT** cho mục bên phải cuối cùng.

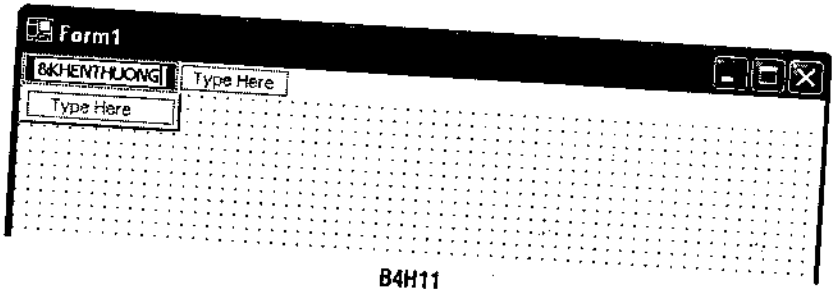

B4H11

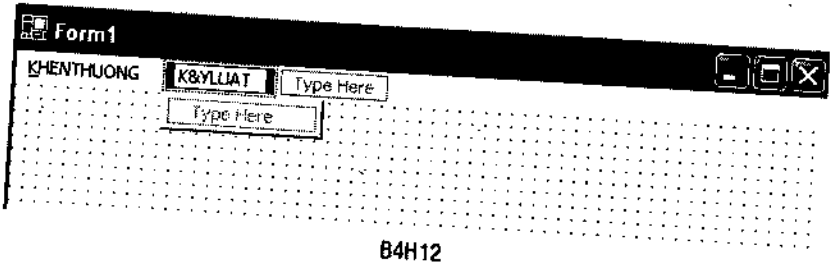

B4H12

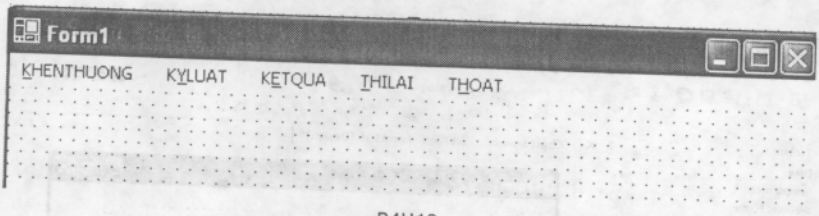

B4H13

▣ Khi tạo xong các mục, bạn click *nút phải chuột* trên từng mục của menu, chọn **Properties** trong menu hiện ra, xác lập thuộc tính **Name** cho từng mục với tên như trong bảng hệ thống menu đã cho ở trên.

Ví dụ:

Đối với mục KHENTHUONG

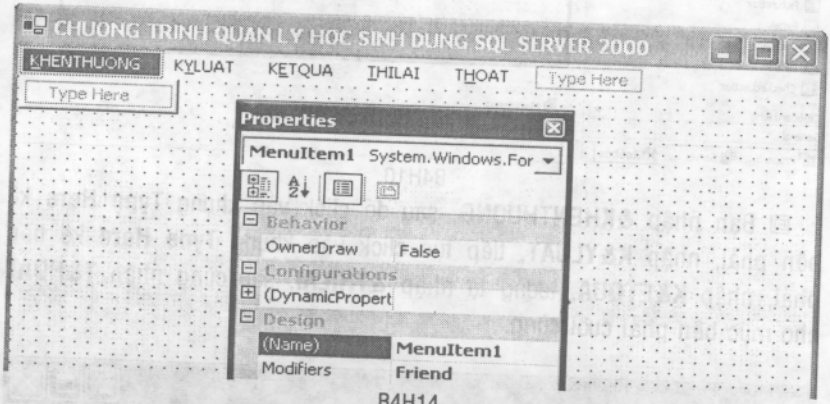

B4H14

▣ Bạn thấy thuộc tính Name có giá trị mặc nhiên là MenuItem1, bạn sửa lại thành MenuKHENTHUONG

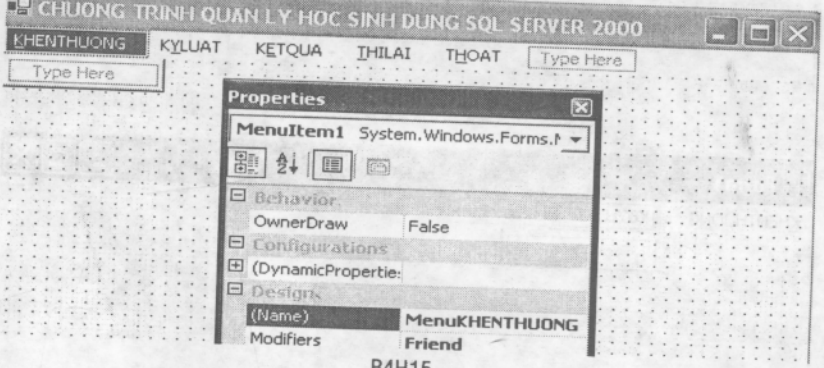

B4H15

Khi bảng Properties đang xuất hiện trên màn hình, bạn click chọn lần lượt từng mục của menu, bạn thấy khi chọn mục nào thì thông tin trong bảng Properties là của mục đó. Bạn đặt MenuKYLUAT, MenuKETQUA, MenuTHILAI và MenuTHOAT

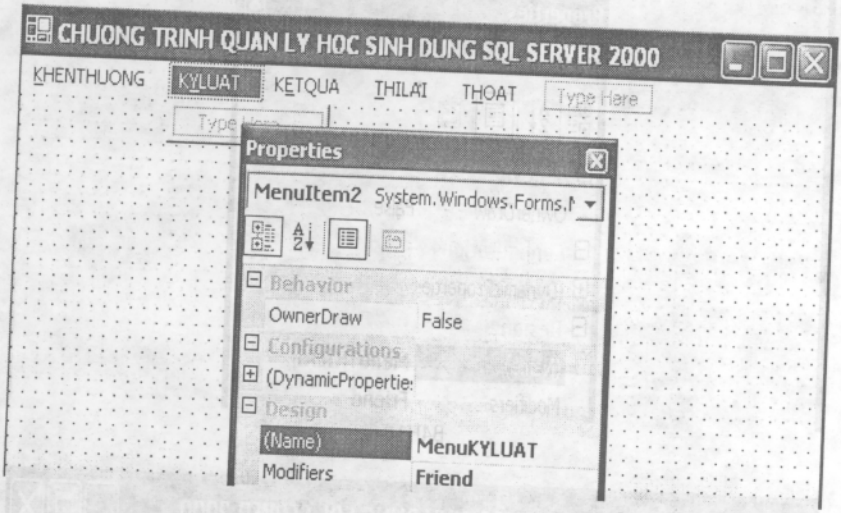

B4H16

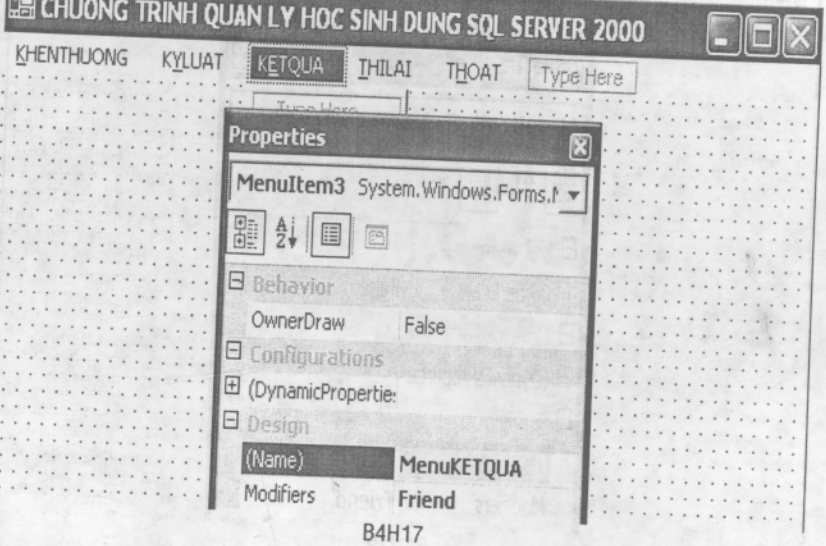

B4H17

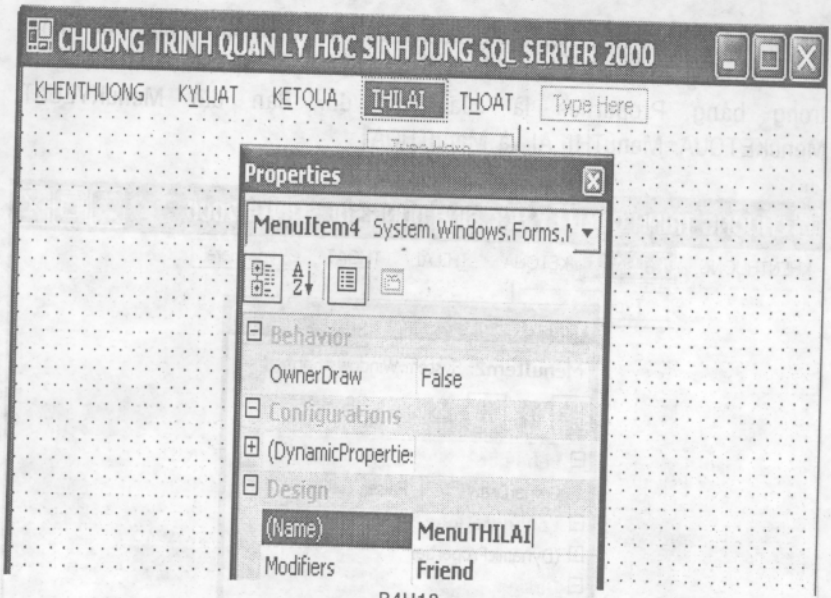
CHUONG TRINH QUAN LY HOC SINH DUNG SQL SERVER 2000
KHENTHUONG
KYLUAT
KETQUA
THILAI
THOAT
Type Here
Properties
MenuItem4 System.Windows.Forms.M
Behavior
OwnerDraw
False
Configurations
(DynamicPropertie:
Design
(Name)
MenuTHILAI
Modifiers
Friend

B4H18

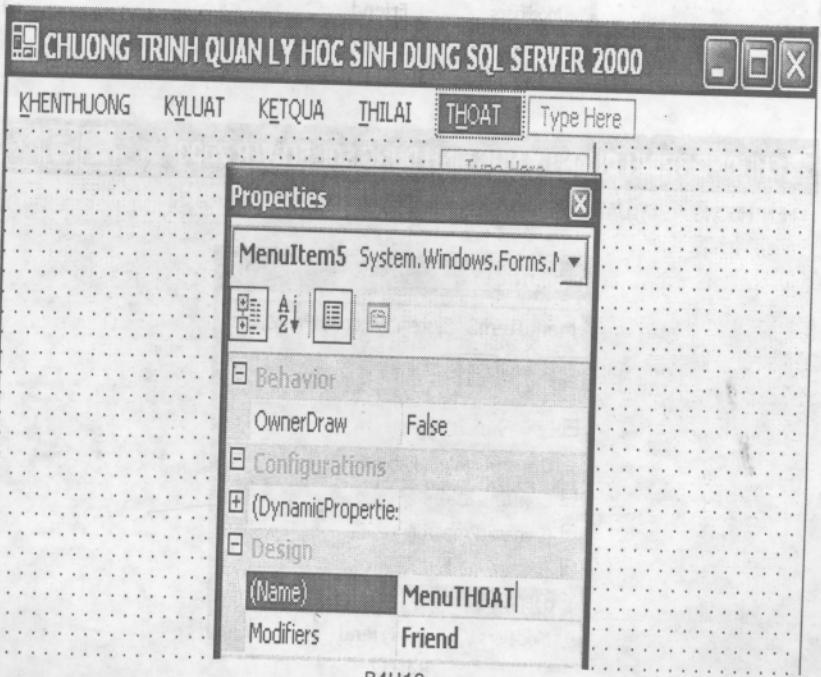
CHUONG TRINH QUAN LY HOC SINH DUNG SQL SERVER 2000
KHENTHUONG
KYLUAT
KETQUA
THILAI
THOAT
Type Here
Properties
MenuItem5 System.Windows.Forms.M
Behavior
OwnerDraw
False
Configurations
(DynamicPropertie:
Design
(Name)
MenuTHOAT
Modifiers
Friend

B4H19

☎ Thiết kế FormKHENTHUONG

▣ Vào menu **Project**, chọn **Add Windows Form...** như hình sau

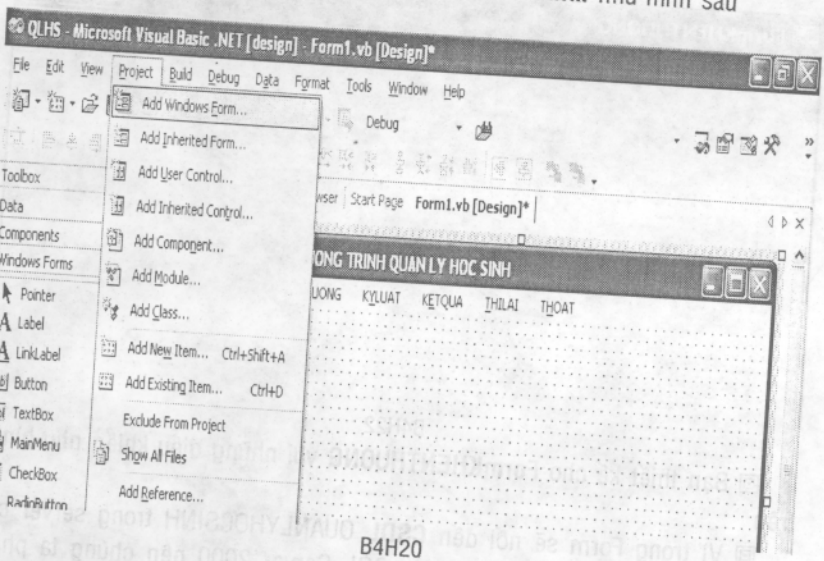

B4H20

B5H19

▣ Hộp thoại sau hiện ra, nhập **FormKHENTHUONG.vb** trong khung **Name**

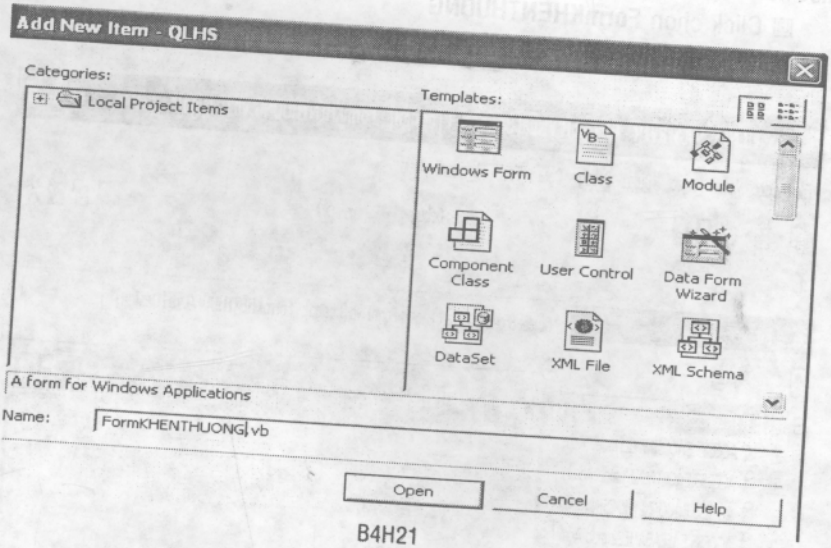

B4H21

Click nút **Open**, bạn sẽ có Form con như hình sau:

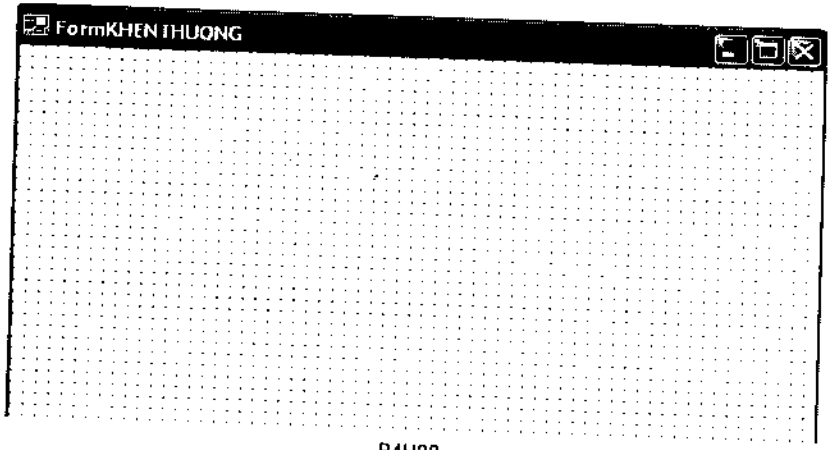

B4H22

Bạn thiết kế cho **FormKHENTHUONG** với những điều khiển như hình trên

Vì trong Form sẽ nối đến **CSDL** QUANLYHOCSINH trong server có tên COMPUTER\DAUQUANTUAN của SQL Server 2000 nên chúng ta phải kết nối Form này với CSDL nằm trong SQL Server 2000. Bạn thực hiện kết nối như sau:

Click chọn **FormKHENTHUONG**

Vào menu **View**, chọn **Server Explorer**, bạn thấy hình sau:

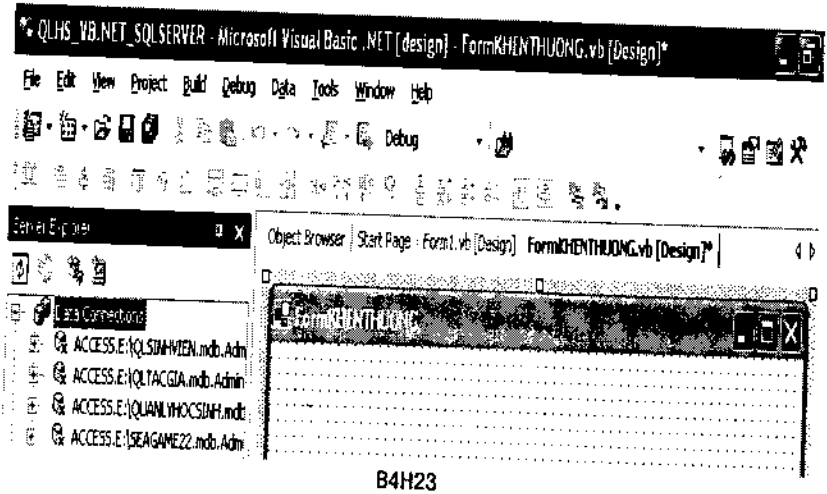

B4H23

Chú ý phía bên trái của hình, bạn thấy cửa sổ **Server Explorer** hiện ra Trong cửa sổ đã có kết nối đến một số như **CSDL QLSINHVIEN.mdb, CSDL QLTACGIA.mdb, CSDL QUANLYHOCSINH, CSDL SEAGAME22.mdb**

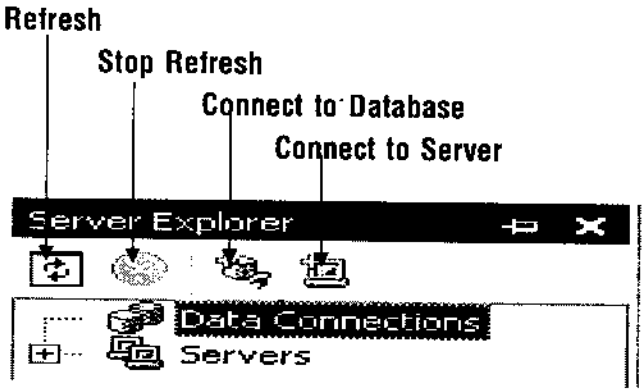

B4H24

Đây là công cụ cho phép bạn thiết lập kết nối đến CSDL.

Click nút **Connect to Database** trong cửa sổ **Server Explorer**, hộp thoại kết nối hiện ra (hộp thoại **Data Link Properties**).

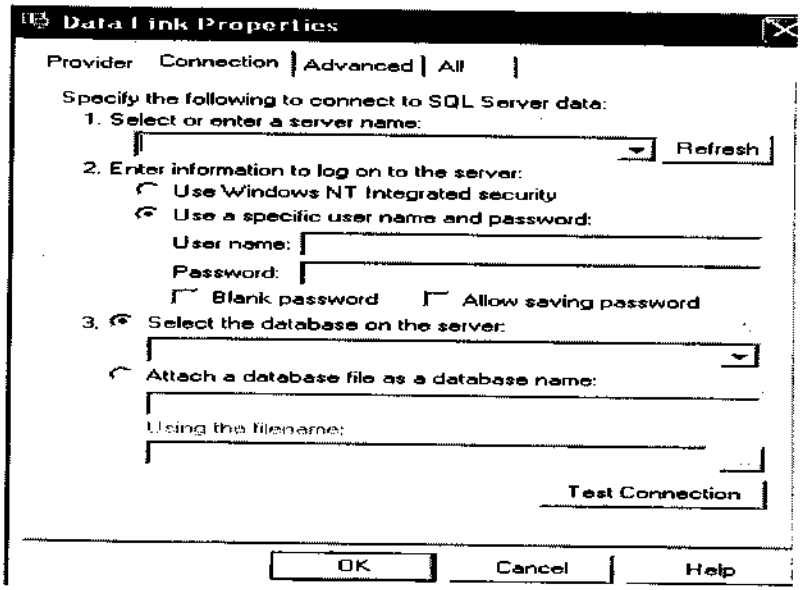

B4H25

▣ Chọn tab **Provider**, có dạng như hình sau:

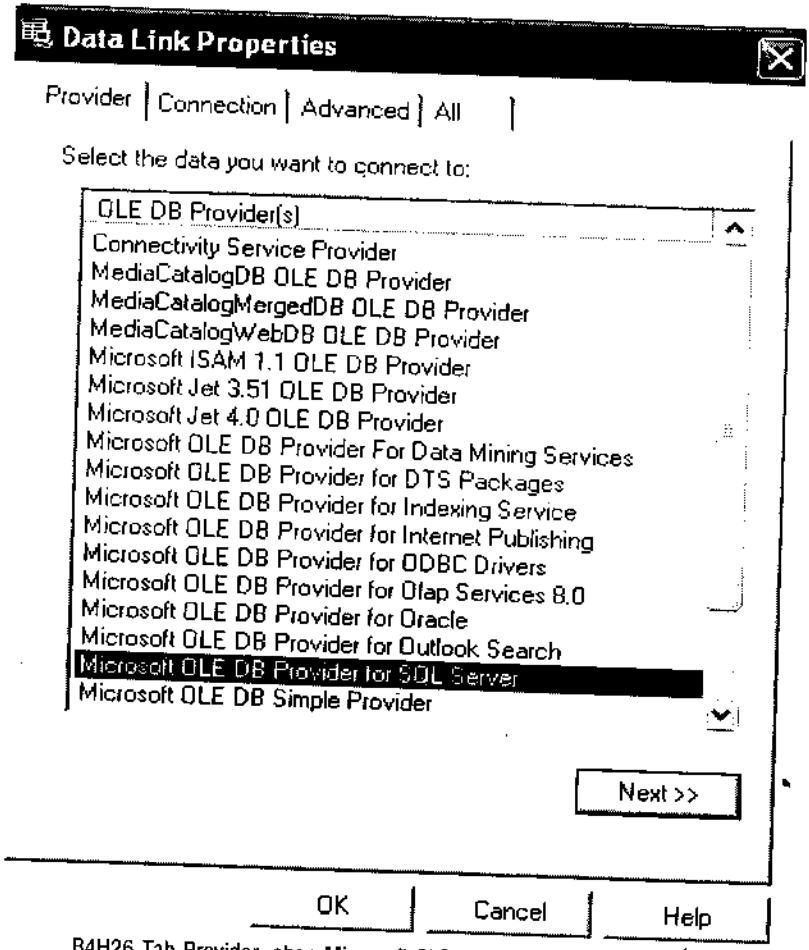

B4H26 Tab Provider, chọn Microsoft OLE DB Provider for SQL Server

▣ Click chọn **Microsoft OLE DB Provider for SQL Server**

Ghi chú:

Microsoft OLE DB Provider for SQL Server là bộ máy cho phép truy xuất đến CSDL của **Microsoft SQL Server**. Nếu bạn dùng CSDL **Oracle** thì bạn sẽ chọn **Microsoft OLE DB Provider for Oracle**. Nếu bạn dùng **Access** thì bạn sẽ chọn **Microsoft jet 4.0 OLE DB Provider**

▣ Click nút **Next**, sẽ chuyển sang tab **Connection** và hộp thoại như hình sau hiện ra

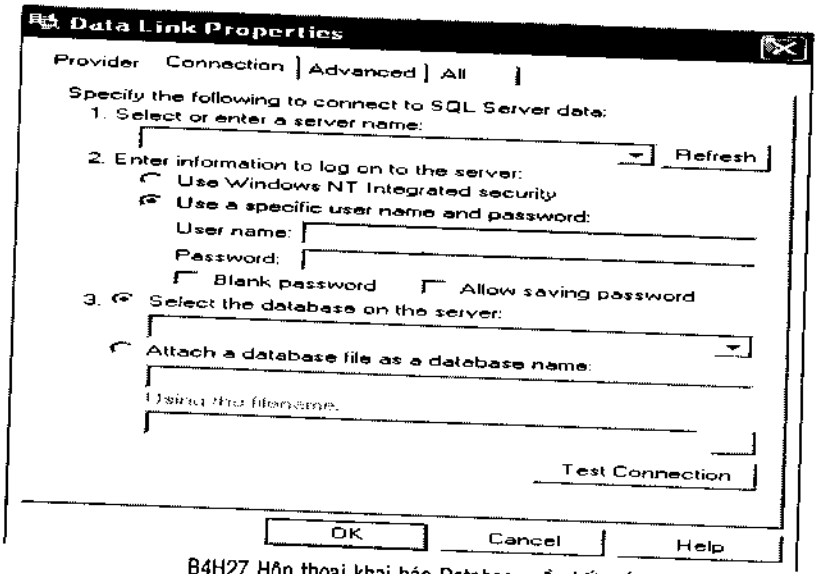

B4H27 Hộp thoại khai báo Database cần kết nối

▣ Nhập COMPUTER\DAUQUANGTUAN trong khung Select or enter a server name như hình sau:

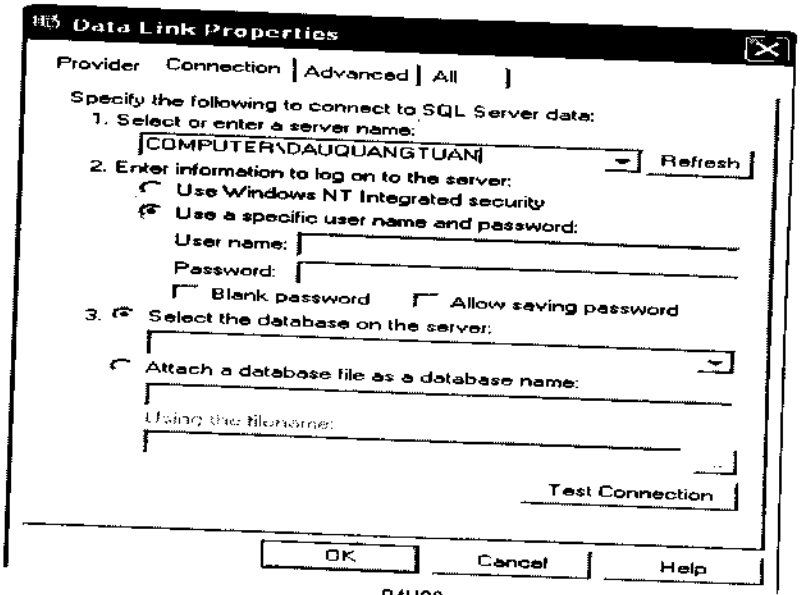

B4H28

Click chọn ô Blank password và Attach a database file as a database name, bạn sẽ thấy có khung mờ ra, có khung sáng ra, nhập QUANLYHOCSINH trong khung Attach a database file as a database name như hình sau:

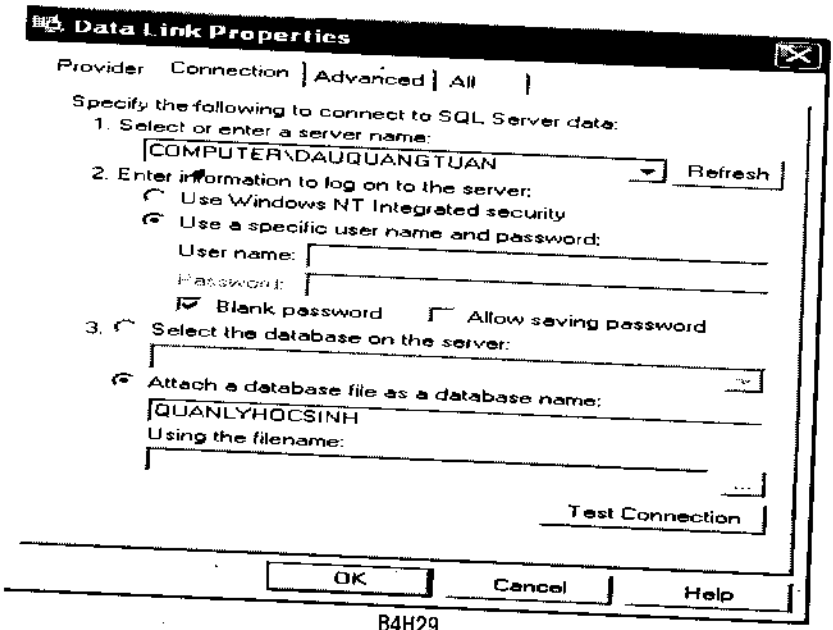

B4H29

Click nút OK, bạn sẽ thấy hình như sau:

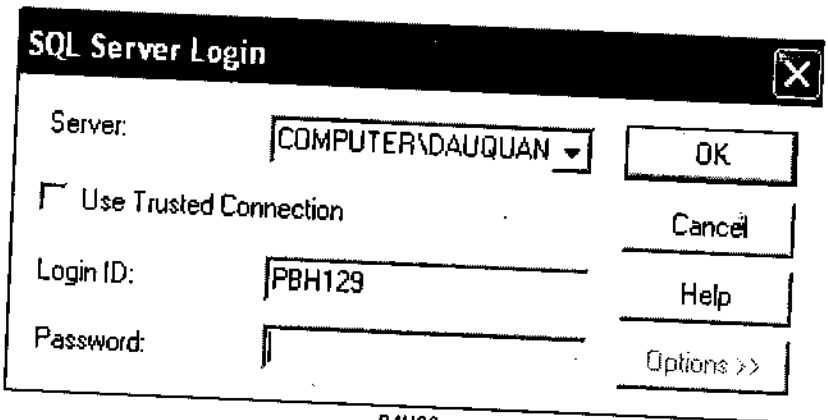

B4H30

Click chọn ô Use Trusted Connection như hình sau:

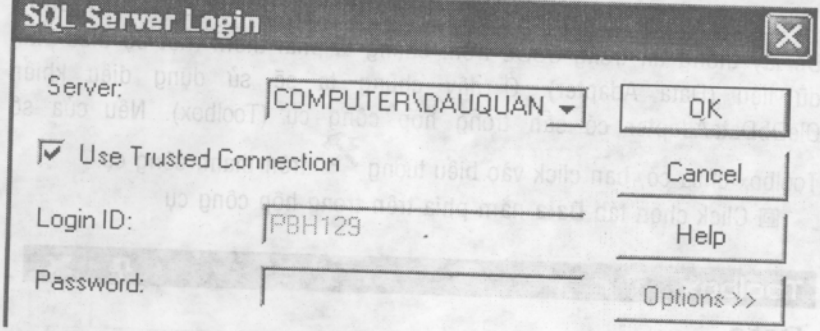

B4H31

Click nút **OK** trên hộp thoại, Visual Studio sẽ thêm kết nối vừa rồi vào **Server Explorer**.

Click dấu + trước dòng Servers

Click dấu + trước computer

Click dấu + trước dòng SQL Servers

Click dấu + trước COMPUTER\DAUQUANGTUAN

Click dấu + trước Tables, bạn sẽ có hình như sau:

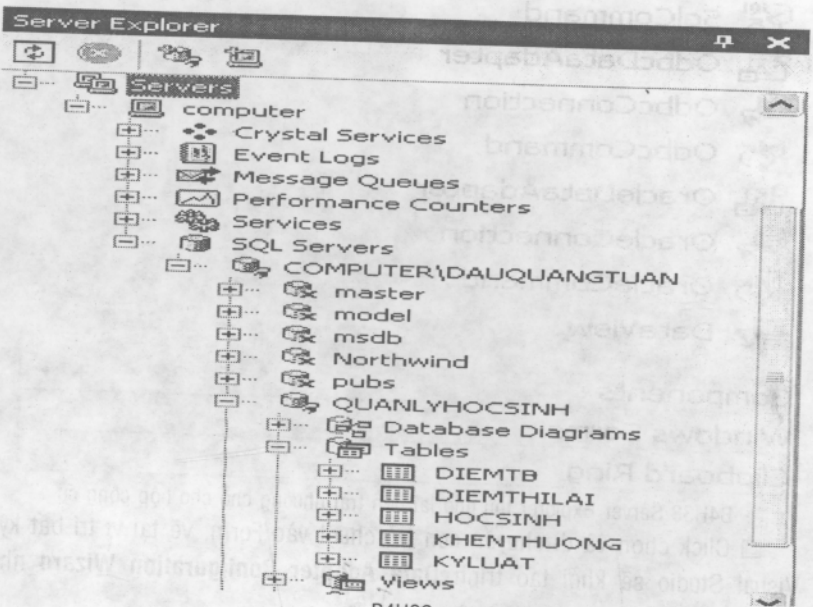

B4H32

Các bước trên chúng ta đã kết nối đến CSDL có tên QUANLYHOCSINH. Để lấy thông tin trong CSDL trên, chúng ta phải thêm một bộ điều phối dữ liệu (Data Adapter). Ở đây chúng ta sẽ sử dụng điều khiển OleDbDataAdapter có sẵn trong hộp công cụ (Toolbox). Nếu cửa sổ Toolbox chưa có, bạn click vào biểu tượng trên thanh công cụ.

- Click chọn tab **Data** nằm phía trên trong hộp công cụ

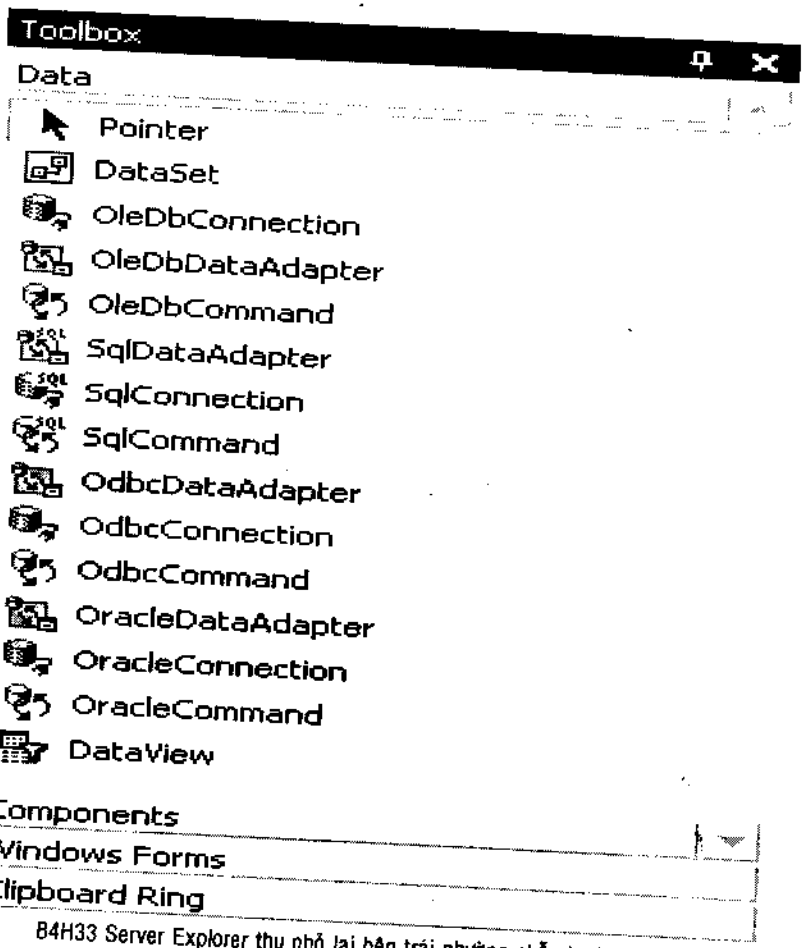

B4H33 Server Explorer thu nhỏ lại bên trái nhường chỗ cho hộp công cụ

- Click chọn và di chuyển con trỏ chuột vào Form, vẽ tại vị trí bất kỳ. Visual Studio sẽ khởi tạo trình **Data Adapter Configuration Wizard** như hình sau:

oleDbDataAdapter

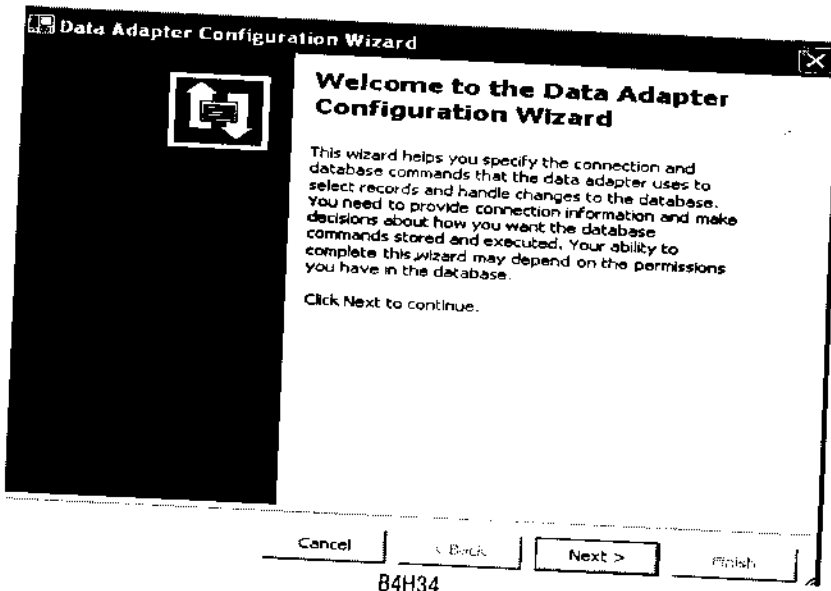

B4H34

- Click nút **Next**, chúng ta có hình sau:

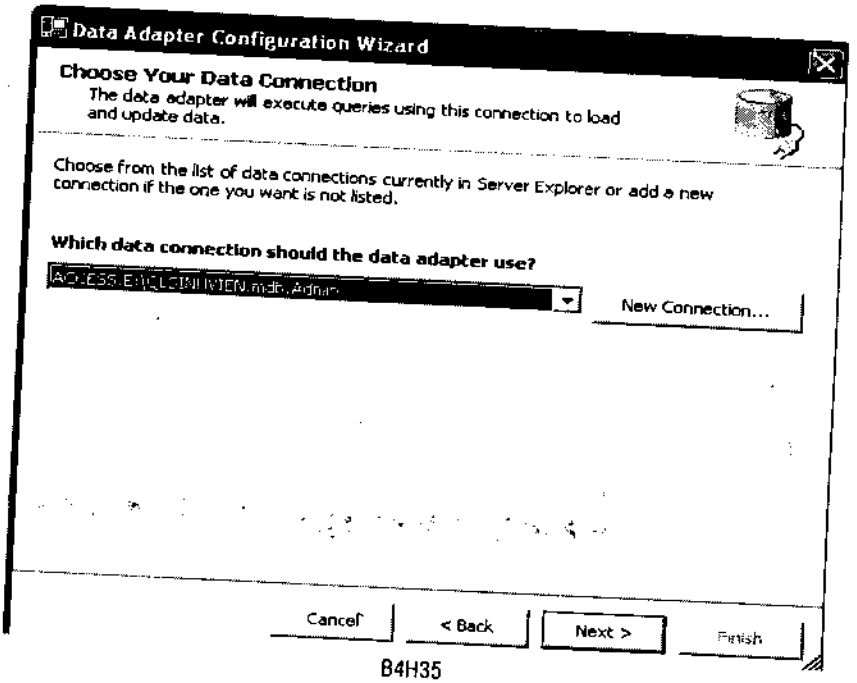

B4H35

Ghi chú:

Vì trước đây chúng tôi đã kết nối với một số CSDL trong đó có CSDL QLSINHVIEN.mdb nên các bạn thấy như vậy.

▣ Click đầu mũi tên quay xuống phía bên phải, bạn sẽ thấy hình sau:

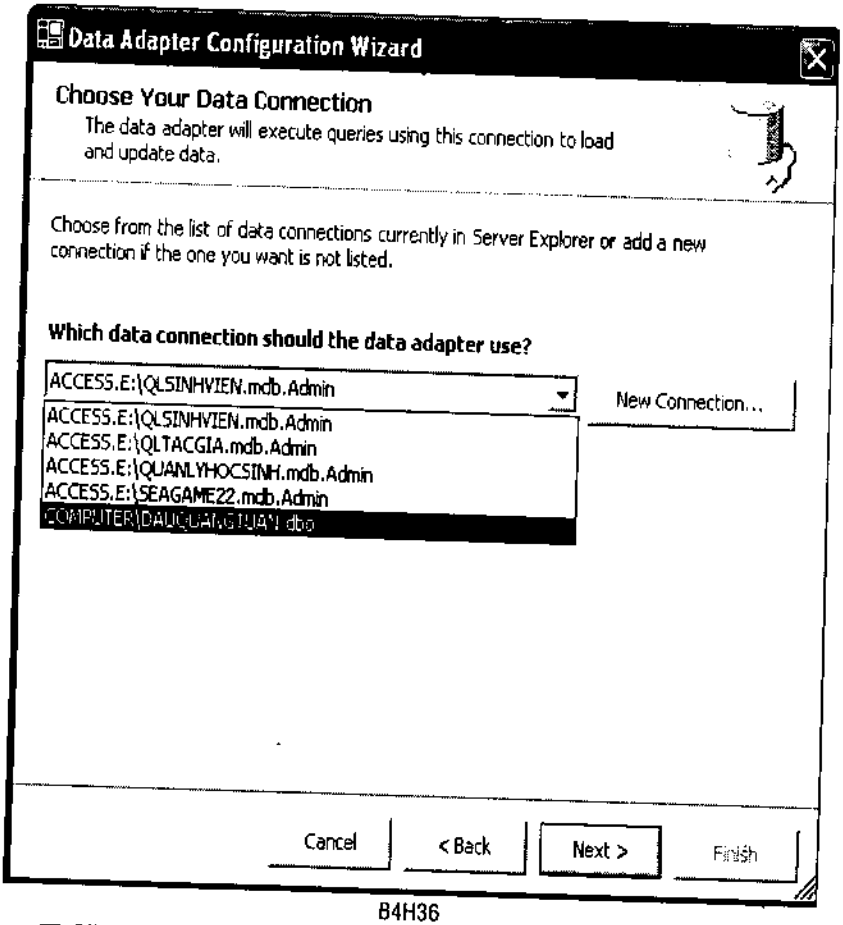

B4H36

▣ Click chọn COMPUTER\DAUQUANGTUAN.dbo

Ghi chú:

Nếu lúc đầu chưa nối đến server này, bạn click nút New Connection và thực hiện các thao tác trên các hộp thoại hiện ra giống như trong phần kết nối ở trên.

▣ Click nút Next, hộp thoại sau hiện ra

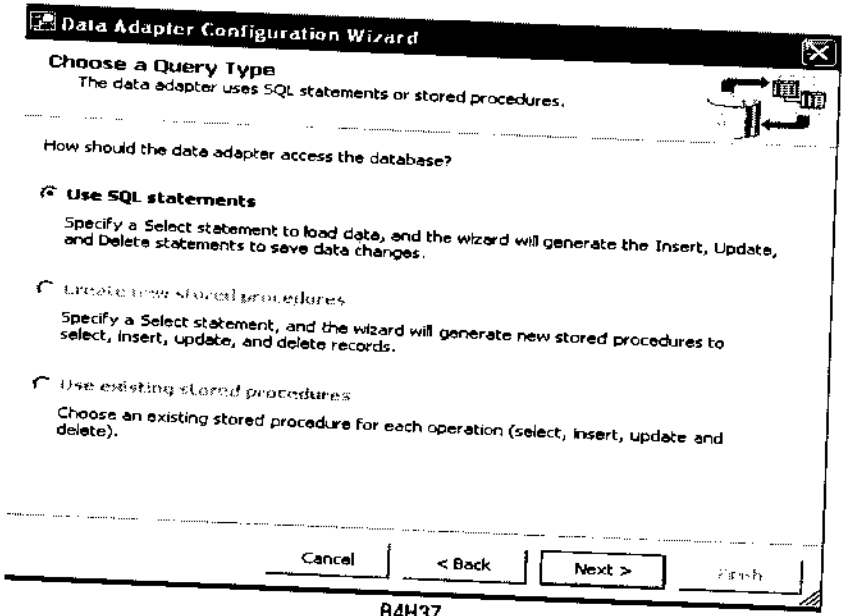

B4H37

Chúng ta chọn **Use SQL statements** như trên, click nút Next ta có hộp thoại sau:

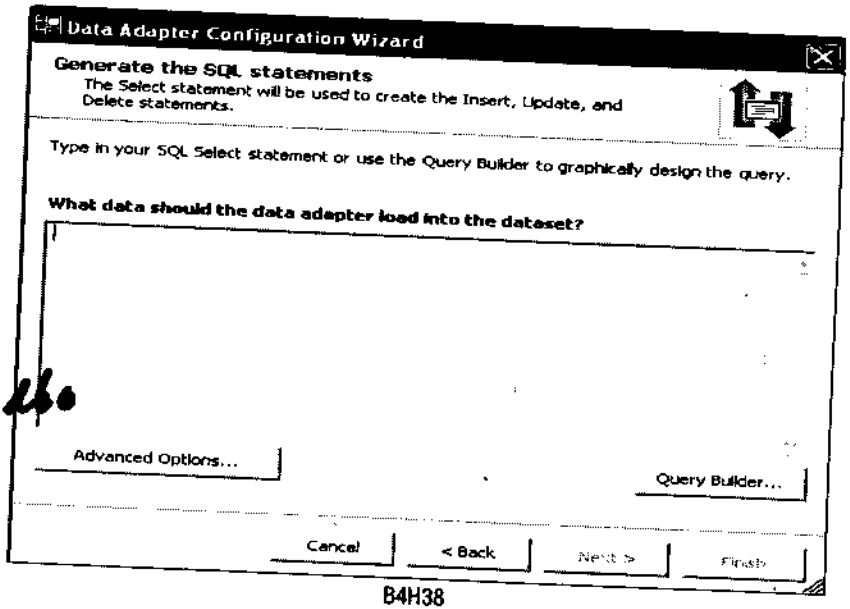

B4H38

Hộp thoại này cho bạn nhập câu lệnh SQL vào, Bạn nhập câu lệnh sau vào nơi dấu nháy:

SELECT * FROM HOCSINH

Ghi chú:

Nếu dùng cơ sở dữ liệu của Access, khi nhập câu lệnh SQL như trên, khi dùng điều khiển lưới DataGrid để kết nối với bảng HOCSINH, bạn thấy các vùng trong bảng không hiện theo thứ tự khi bạn thiết kế cho bảng mà sẽ hiện theo thứ tự Alphabet. Muốn hiện theo thứ tự nào, bạn thay dấu "*" sau mệnh đề SELECT bằng tên các vùng theo thứ tự mà bạn muốn. Trong cơ sở dữ liệu SQL Server 2000 bạn nhập dấu "*" nhưng thông tin thể hiện trong điều khiển lưới DataGrid khi kết nối sẽ hiện theo trình tự mà bạn đã thiết kế cho bảng.

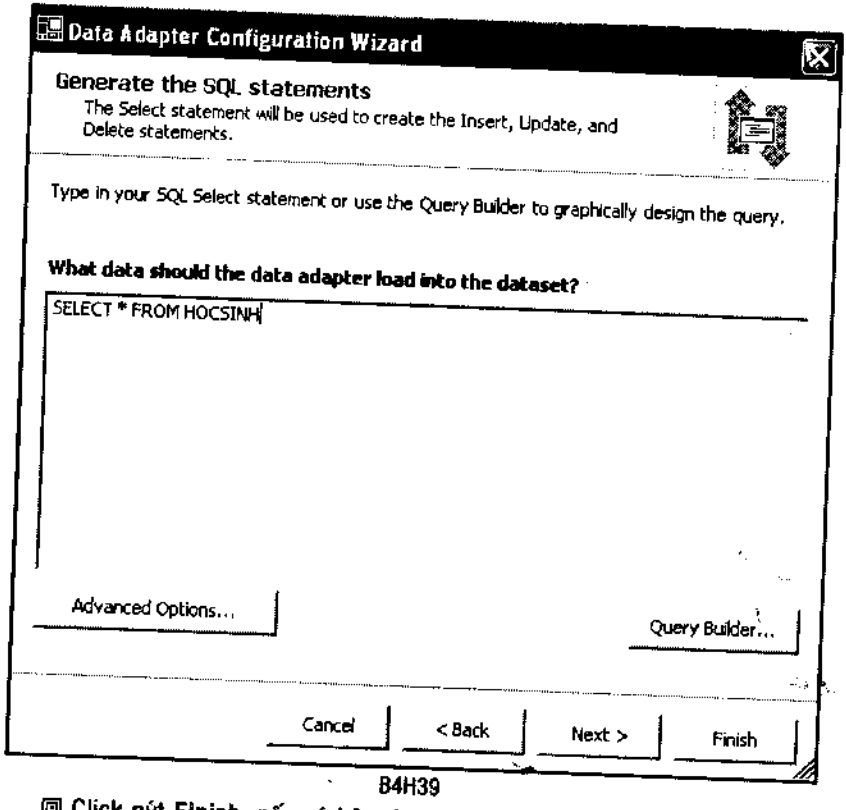

B4H39

Click nút **Finish**, nếu có hộp thoại hiện ra, click nút **OK** để kết thúc

Nhìn vào khay công cụ, bạn sẽ thấy có đối tượng kết nối xuất hiện

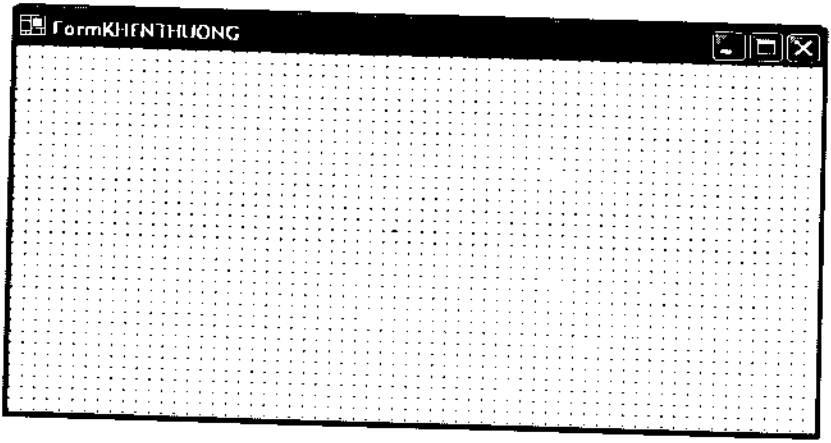

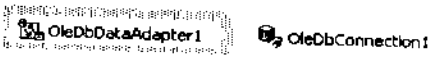

B4H40

- Click chọn **FormKHENTHUONG**
- Vào menu **Data** chọn **Generate Dataset**, hộp thoại hiện ra, click chọn mục **New**, nhập DataSetHOCSINH như hình sau:

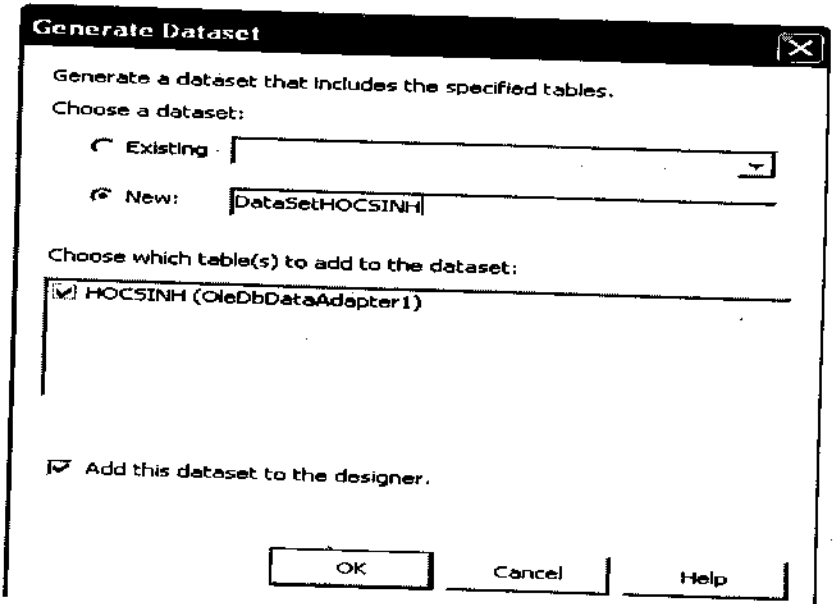

B4H41

■ Click chọn **Add this dataset to the designer** để đưa **Dataset** vào khay công cụ

■ Click nút **OK**, bạn có thêm đối tượng Dataset trên khay công cụ như hình sau:

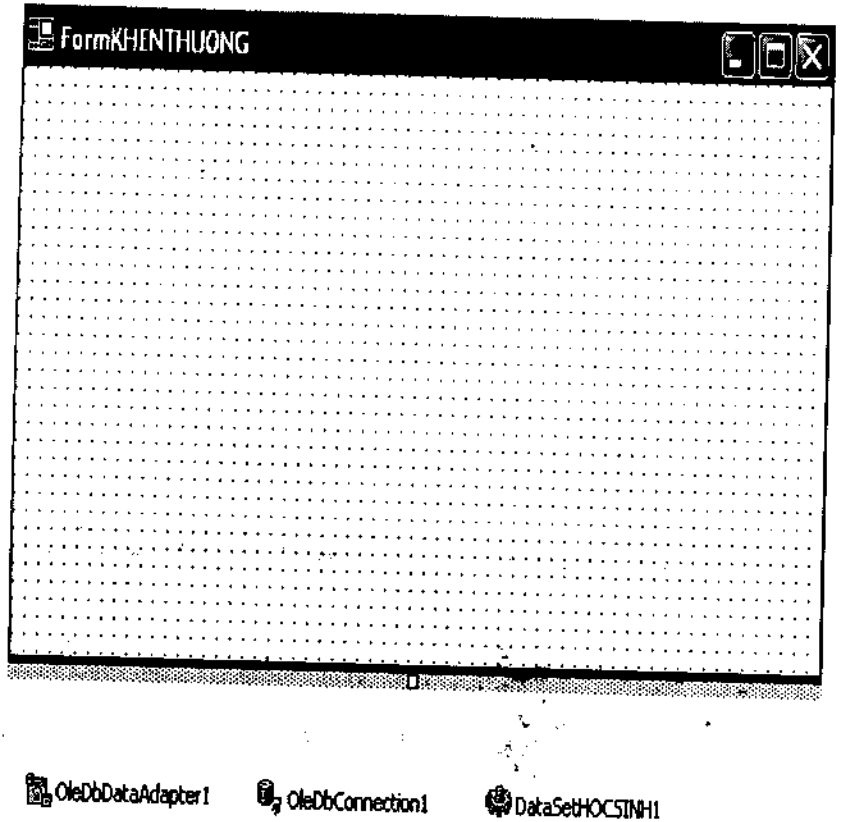

B4H42

Ghi chú:

Visual Basic .NET tự động thêm số 1 vào sau các đối tượng

■ Click tab **Windows Forms** trên hộp công cụ

■ Click chọn điều khiển **DataGrid** và đưa vào **Form**, bạn sẽ có **FormKHENTHUONG** như sau:

Ghi chú:

Vì trên FormKHENTHUONG sẽ có hai điều khiển DataGrid nên các bạn vẽ nhỏ như hình sau:

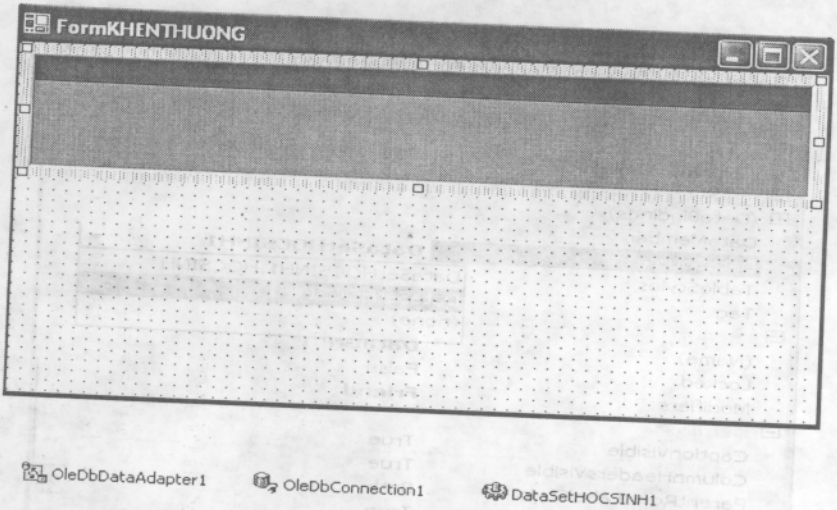

B4H43

▣ Click nút *phải chuột* trên điều khiển **DataGrid**, chọn **Properties** trong menu hiện ra

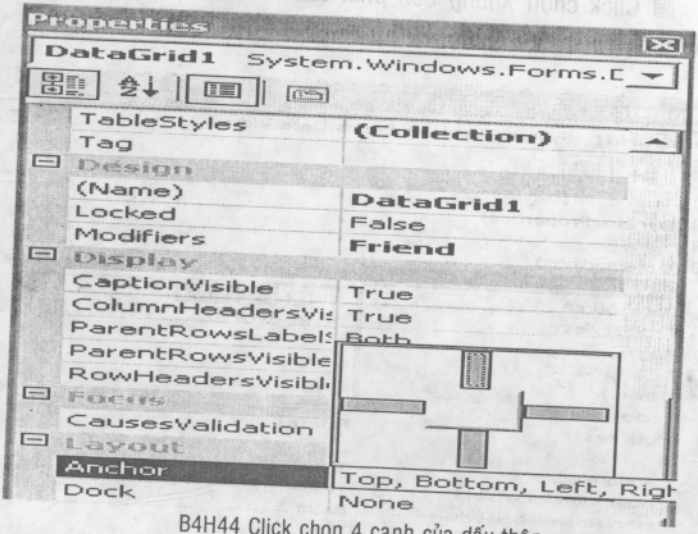

B4H44 Click chọn 4 cạnh của dấu thập

▣ Chọn 4 cạnh **Top**, **Left**, **Right** và **Bottom** để neo **DataGrid** về cả 4 phía.

▣ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataSource**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn **DatasetHOCSINH1**

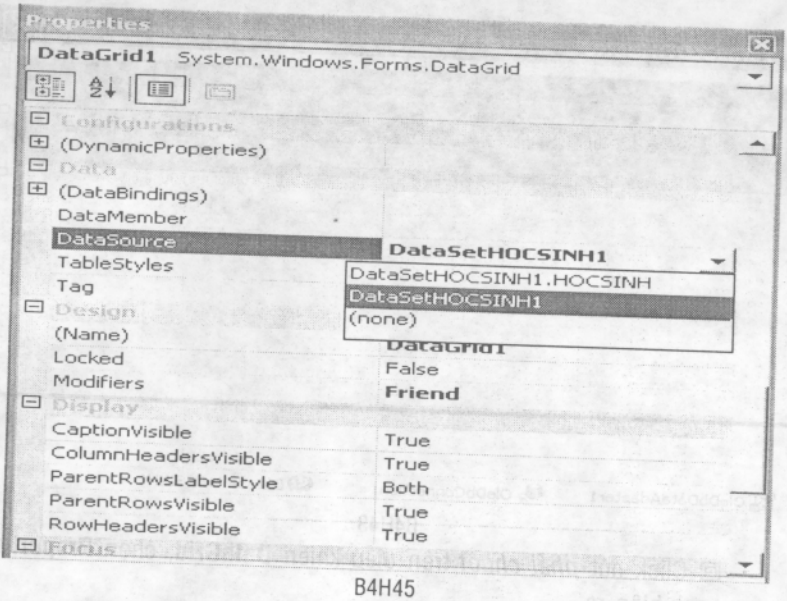

B4H45

▣ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataMember**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn bảng **HOCSINH**

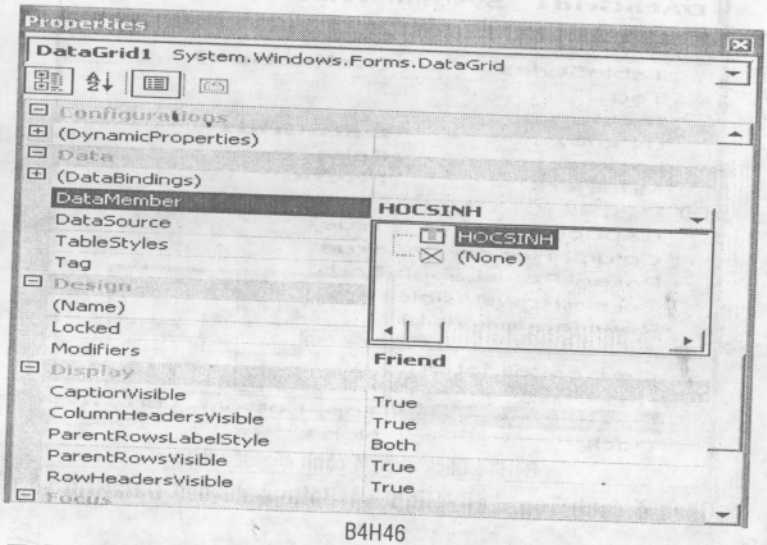

B4H46

▣ Đóng hộp thoại **Properties**, bạn thấy **FormKHENTHUONG** lúc này có dạng như sau:

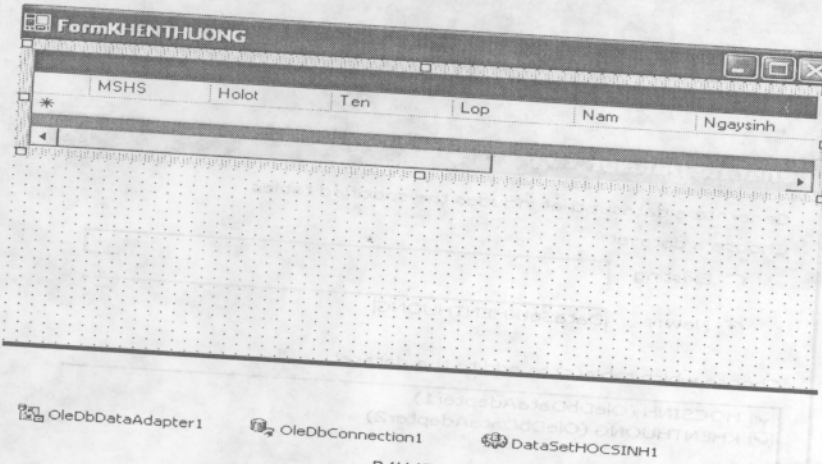

B4H47

Bây giờ chúng ta sẽ đưa điều khiển OleDataAdapter thứ hai vào khay công cụ. Bạn tiến hành các bước như khi đưa điều khiển này vào khay công cụ cho câu lệnh SQL của bảng HOCSINH. Chúng tôi chỉ dùng những hình chính, các bước khác chúng tôi sẽ lướt qua vì các bạn đã biết.

Bạn nhập vào câu lệnh SQL khi hộp thoại này hiện ra như sau:

SELECT * FROM KHENTHUONG

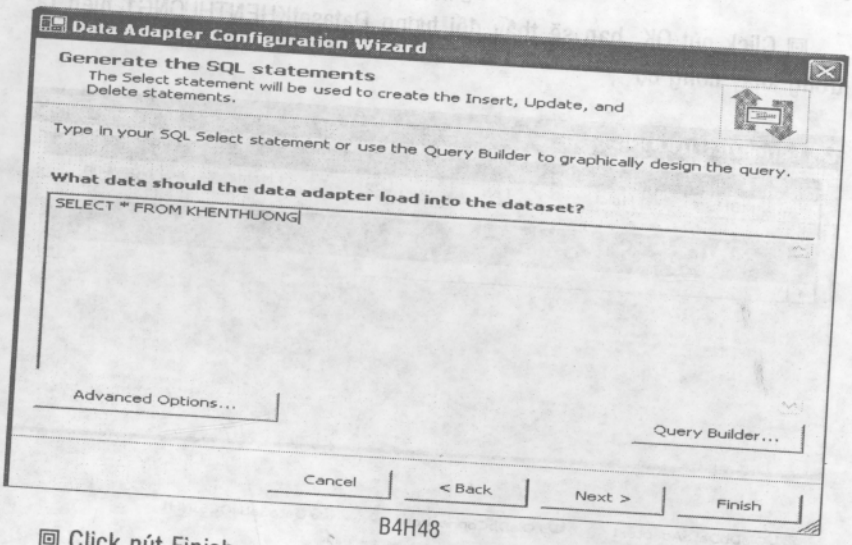

B4H48

Click nút Finish

Click chọn FormKHENTHUONG

▣ Vào menu Data, chọn Generate Dataset, trong hộp thoại hiện nhập tên DatasetKHENTHUONG trong khung New

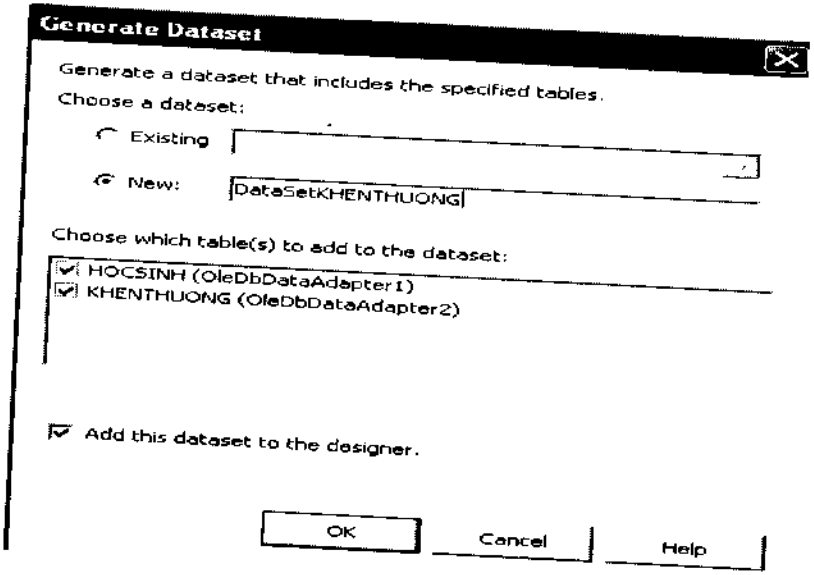

B4H49

▣ Click nút OK, bạn sẽ thấy đối tượng DatasetKHENTHUONG1 hiện ra trong khay công cụ

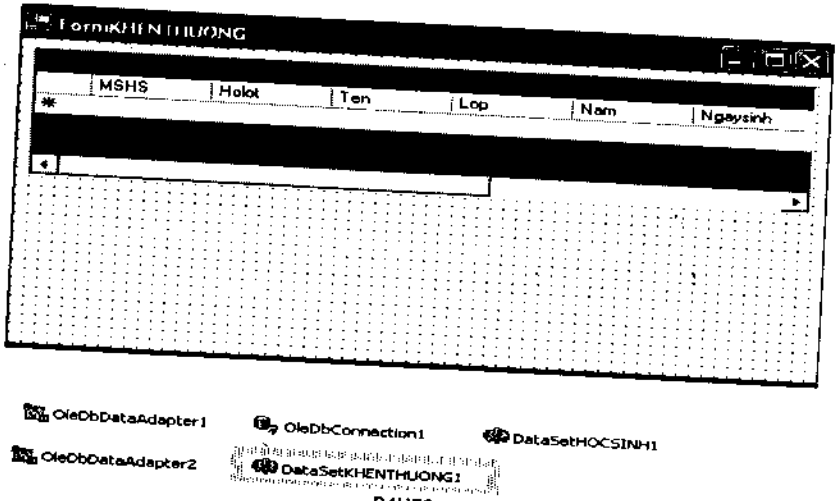

B4H50

▣ Click chọn điều khiển **DataGrid** một lần nữa và đưa vào **Form**, bạn sẽ có **FormKHENTHUONG** như sau:

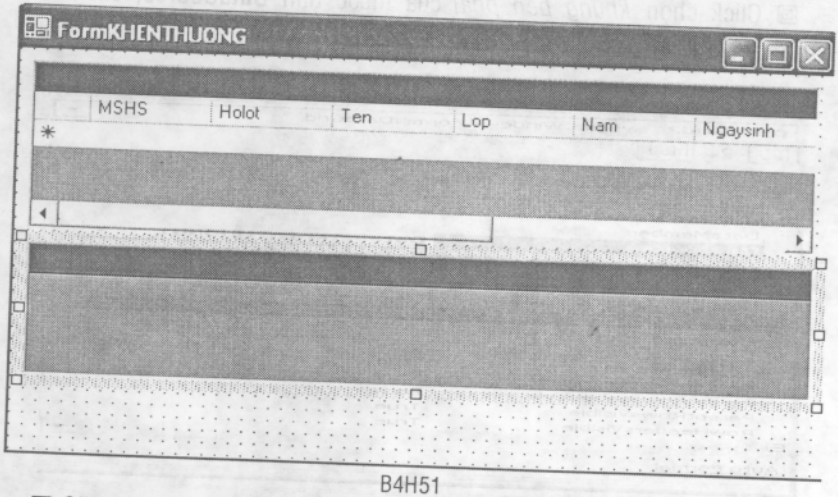

B4H51

▣ Click nút *phải chuột* trên điều khiển **DataGrid**, chọn **Properties** trong menu hiện ra

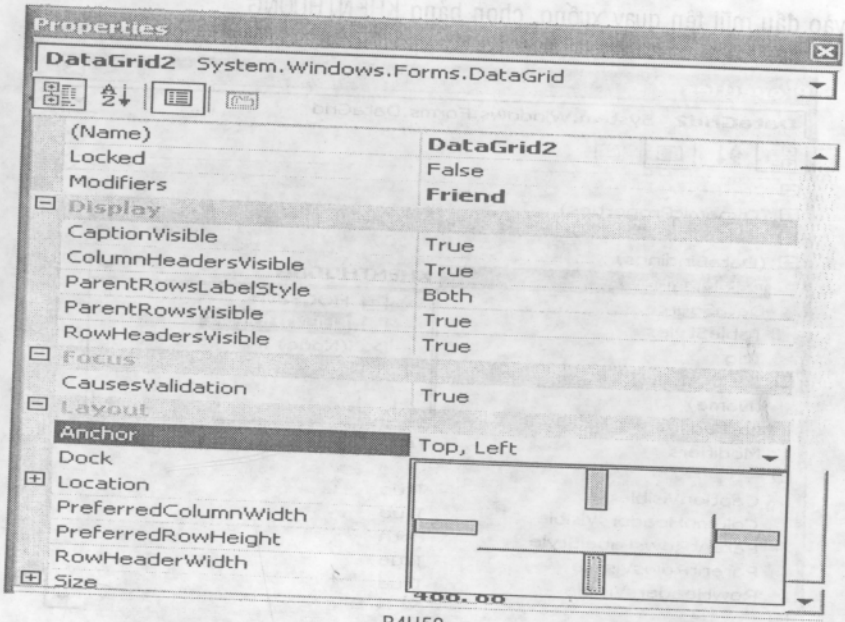

B4H52

▣ Chọn 4 cạnh **Top**, **Left**, **Right** và **Bottom** để neo **DataGrid** về cả 4 phía.

▣ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataSource**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn **DatasetKHENTHUONG1**

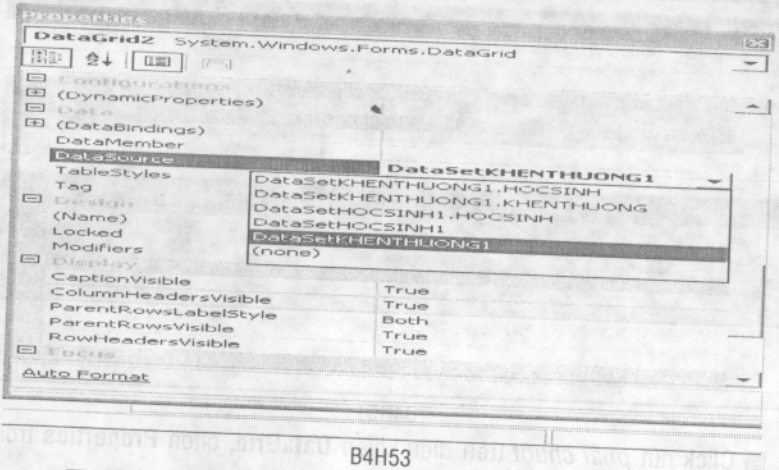

B4H53

▣ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataMember**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn bảng KHENTHUONG

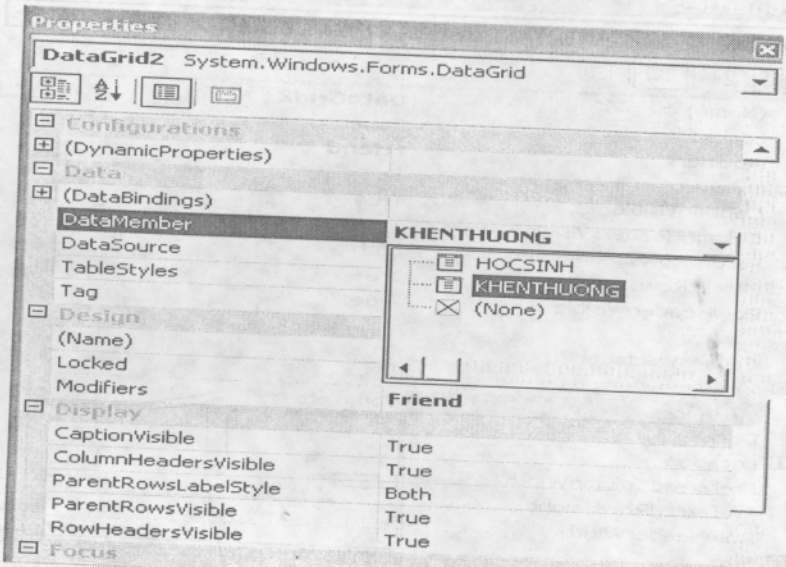

B4H54

Đóng hộp thoại **Properties**, bạn thấy **FormKHENTHUONG** lúc này có dạng như sau:

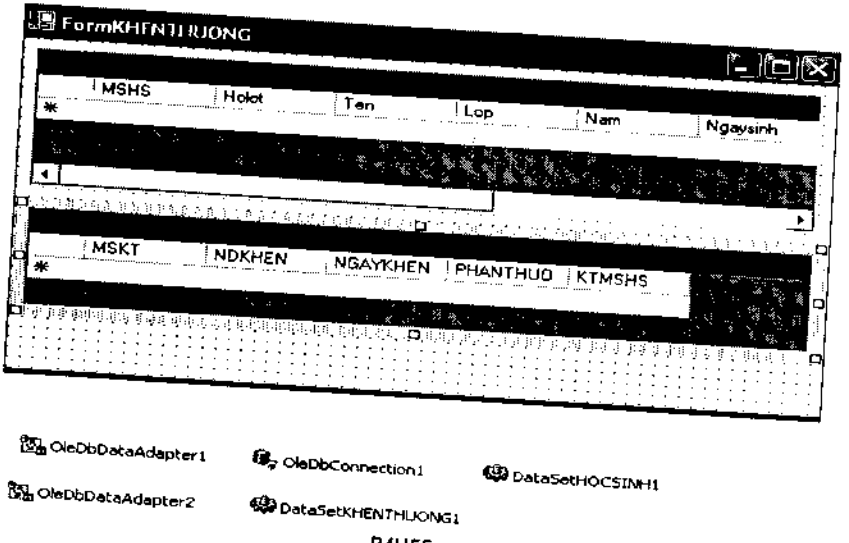

B4H55

Thêm các **Button** vào cho **Form** và xác lập các thuộc tính cho chúng, bạn sẽ có hình sau:

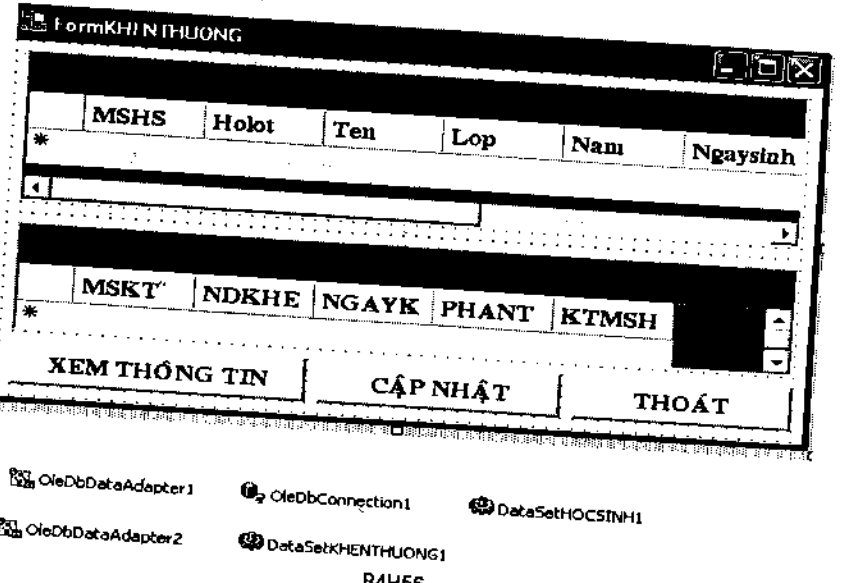

B4H56

▣ Chọn Form, Click nút phải chuột trên nó, xác lập các thuộc tính như đã cho ở trên, bạn thấy Form như hình sau:

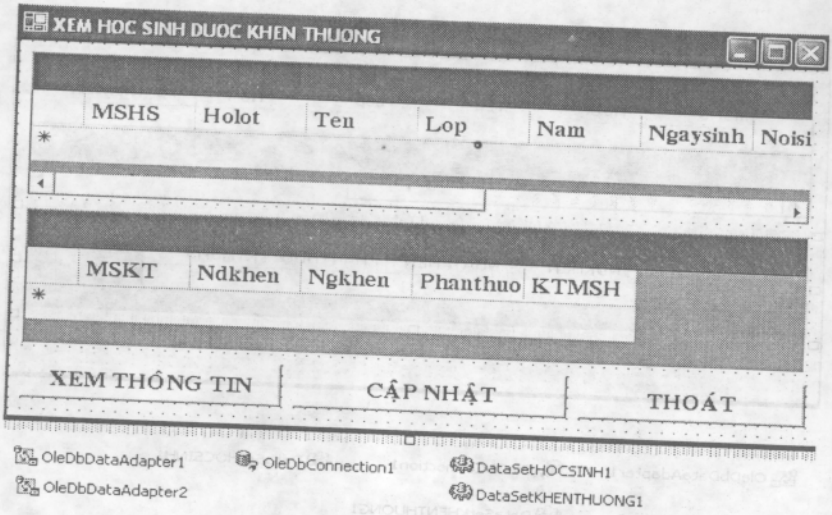

B4H57

☎ Thiết kế FormKYLUAT

Tương tự như thiết kế FormKHENTHUONG, bạn tiến hành tạo FormKYLUAT như sau

▣ Vào menu **Project**, chọn **Add Windows Form...**

▣ Hộp thoại sau hiện ra, nhập **FormKYLUAT.vb** trong khung **Name** như hình sau:

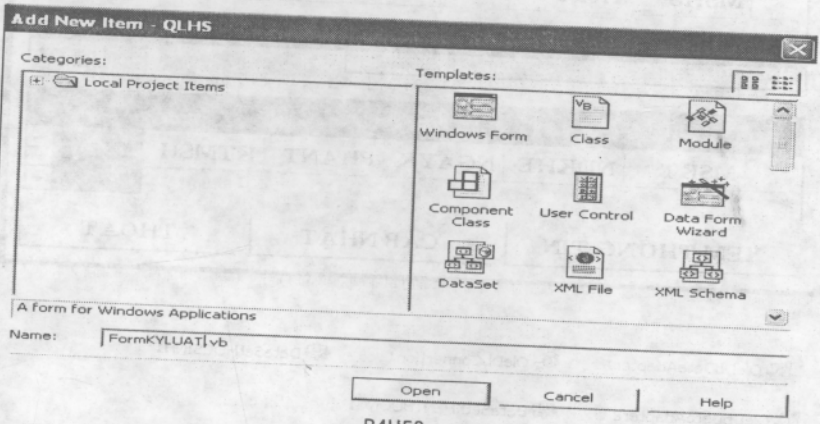

B4H58

Click nút **Open**, bạn sẽ có Form con như hình sau:

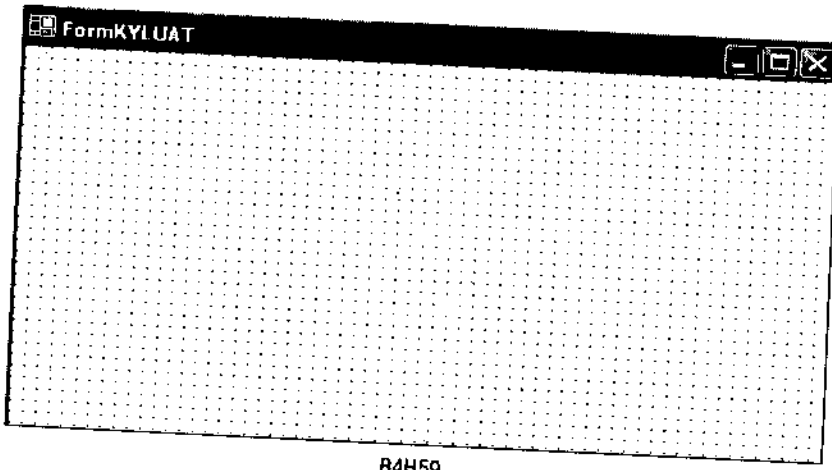

B4H59

Bạn thiết kế cho **FormKYLUAT** với những điều khiển như hình trên

Vì trong Form sẽ nối đến **CSDL** QUANLYHOCSINH nên chúng ta phải kết nối Form này với CSDL. Nhưng vì chúng ta đã kết nối vào CSDL này rồi, do đó không cần phải kết nối nữa

Nhưng vì lý do nào đó, chẳng hạn khi thiết kế xong FormKHENTHUONG, bạn tắt máy để nghỉ, khi mở máy lại để thiết kế cho FormKYLUAT này, bạn sẽ thấy trước tên COMPUTERIDAUQUANGTUAN và CSDL QUANLYHOCSINH có dấu gạch chéo màu đỏ, bạn chỉ cần click dấu "+" trước các mục này thì sẽ được kết nối lại.

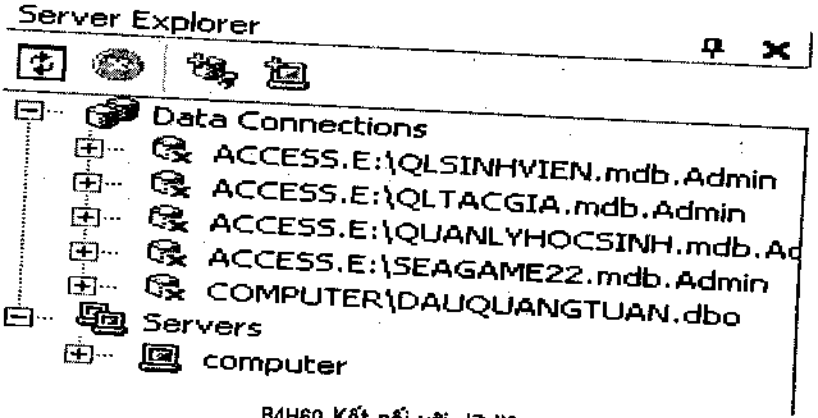

B4H60 Kết nối với dữ liệu

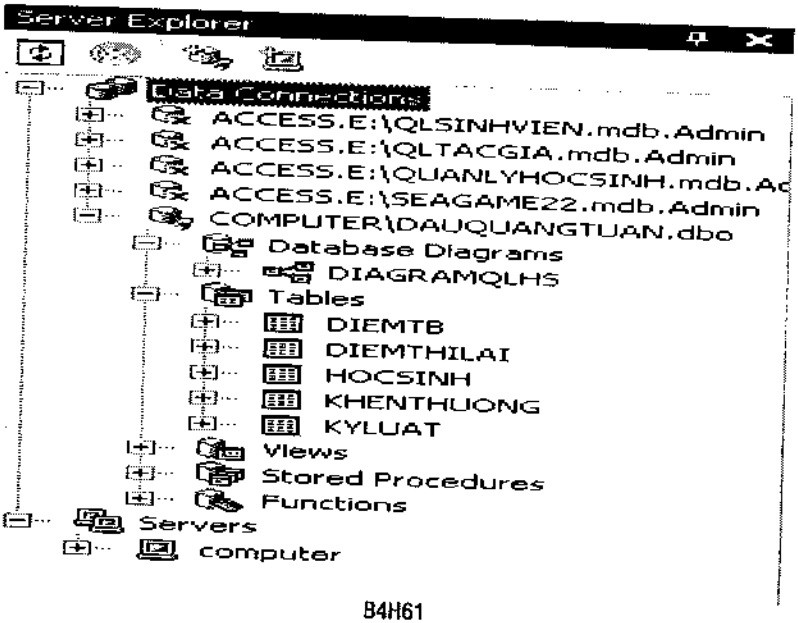

B4H61

▣ Click dấu "+" trước Computer, sau đó click dấu "+" trước SQL Server, bạn thấy hình như sau:

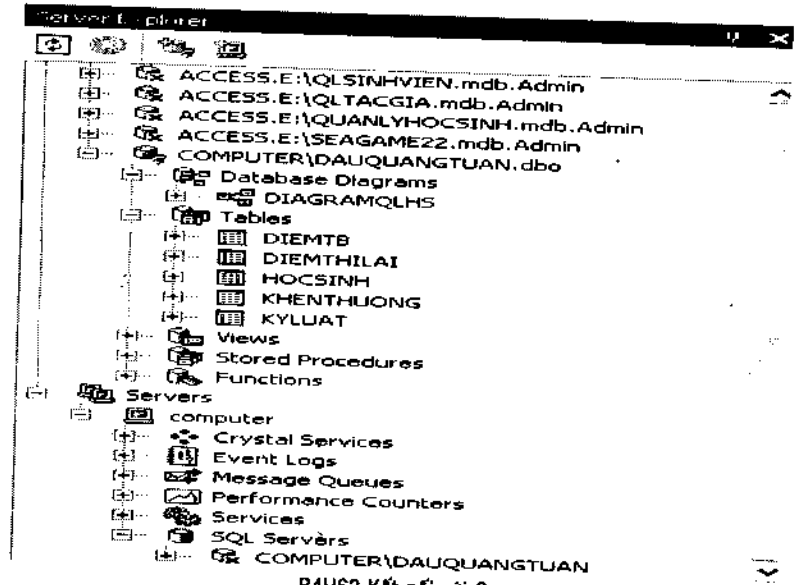

B4H62 Kết nối với Server

Bạn thấy trước mục COMPUTER\DAUQUANGTUAN có gạch chéo màu đỏ.

Click dấu "+" trước COMPUTER\DAUQUANGTUAN, bạn thấy như hình sau:

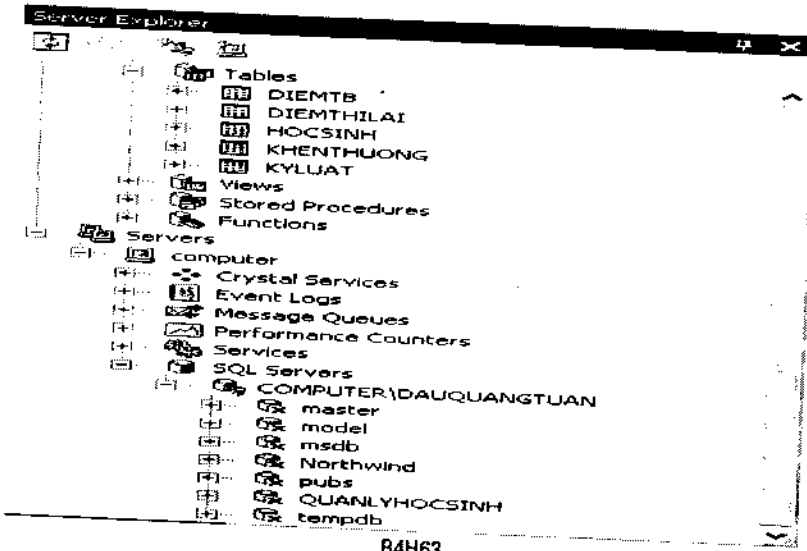

B4H63

Bạn thấy trước QUANLYHOCSINH có dấu gạch chéo màu đỏ, bạn click dấu "+" trước mục này

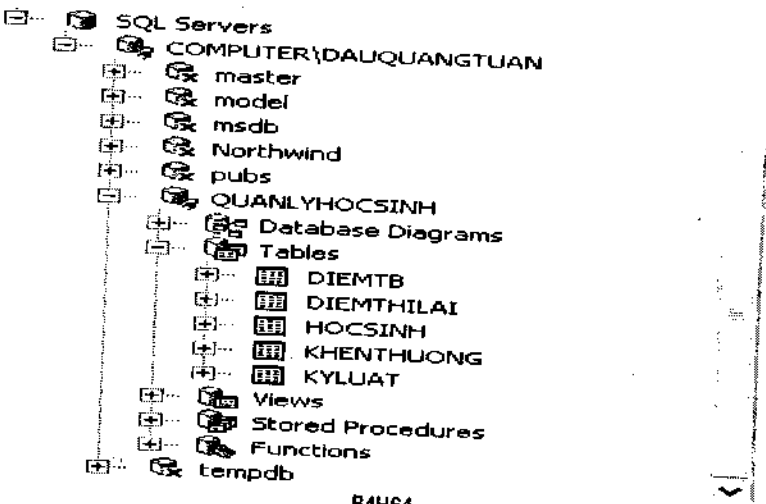

B4H64

Cách thực hiện như trên chúng ta đã kết nối FormKYLUAT đến CSD có tên QUANLYHOCSINH.. Để lấy thông tin trong CSDL trên, chúng t phải thêm một bộ điều phối dữ liệu (Data Adapter). Ở đây chúng ta sẽ s dụng điều khiển OleDbDataAdapter có sẵn trong hộp công cụ (Toolbox)

Nếu cửa sổ Toolbox chưa có, bạn click vào biểu tượng trên thanh công cụ.

- Click chọn tab **Data** nằm phía trên trong hộp công cụ

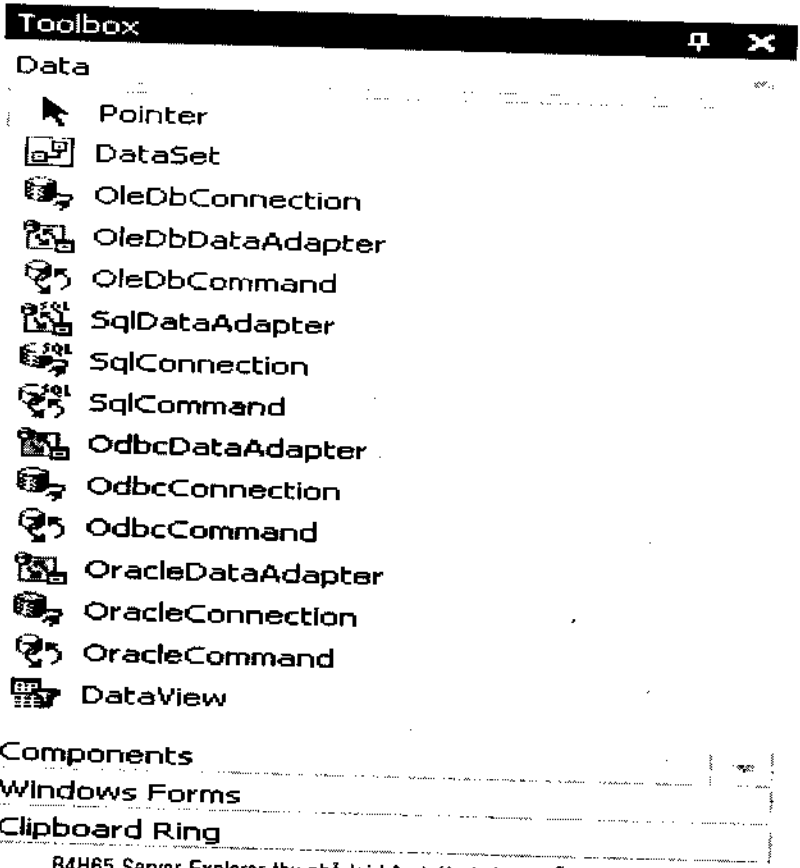

B4H65 Server Explorer thu nhỏ lại bên trái nhường chỗ cho hộp công cụ

- Click chọn và kéo đối tượng **OleDataAdapter** từ hộp công cụ vào trong Form. Visual Studio sẽ khởi tạo trình **Data Adapter Configuration Wizard** như khi bạn thực hiện tạo FormKHENTHUONG ở trên. Bạn thực hiện các thao tác cho đến khi hộp thoại yêu cầu nhập câu lệnh SQL

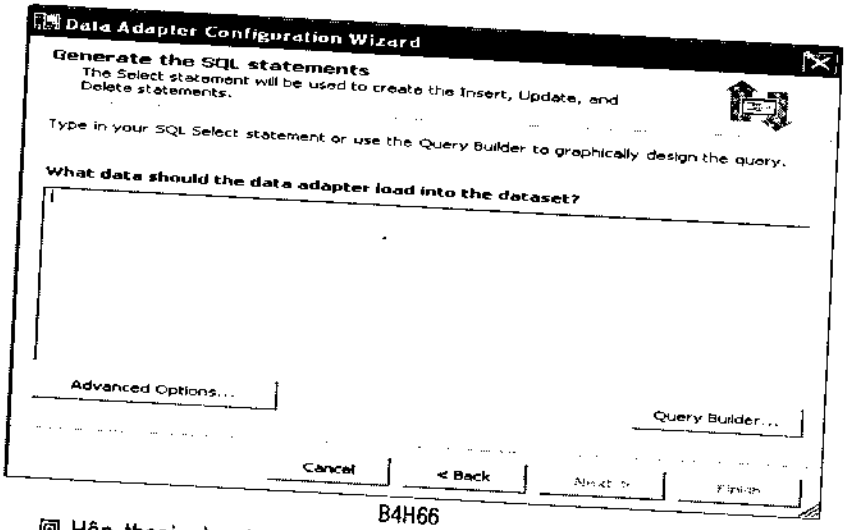

B4H66

▣ Hộp thoại này cho bạn nhập câu lệnh SQL vào, Bạn nhập câu lệnh sau vào nơi dấu nháy:

SELECT * FROM HOCSINH

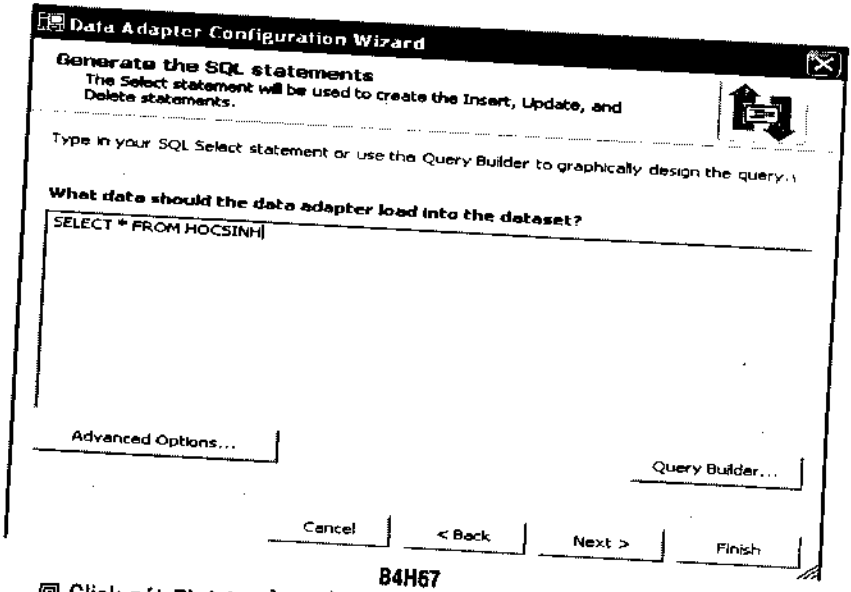

B4H67

▣ Click nút **Finish** để kết thúc

▣ Nhìn vào khay công cụ, bạn sẽ thấy có đối tượng kết nối xuất hiện

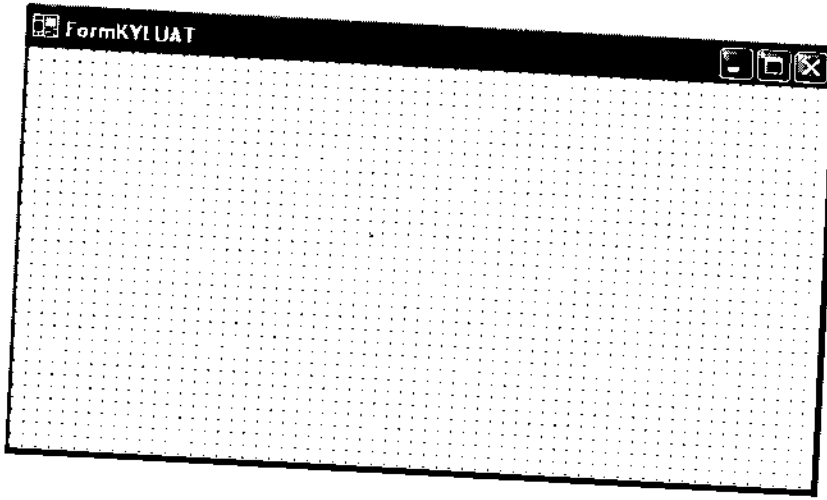

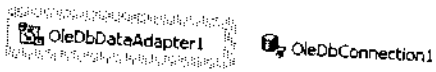

B4H68

- Click chọn **FormKYLUAT**
- Vào menu **Data** chọn **Generate Dataset**, hộp thoại hiện ra như sau

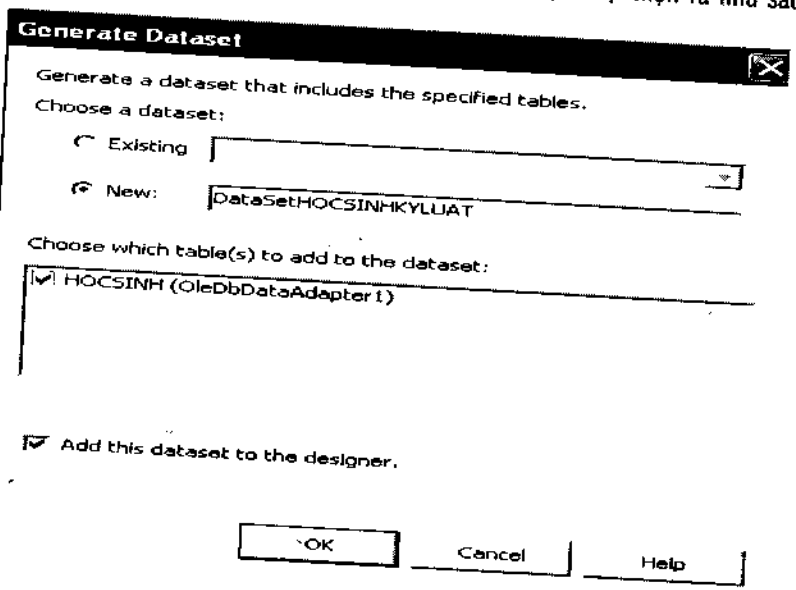

B4H69

- Đặt tên cho **Dataset** trong khung **New** là **DataSetHOCSINHKYLUAT**

- Click chọn **Add this dataset to the designer** để đưa **Dataset** vào khay công cụ
- Click nút **OK**, bạn có thêm đối tượng Dataset trên khay công cụ như hình sau:

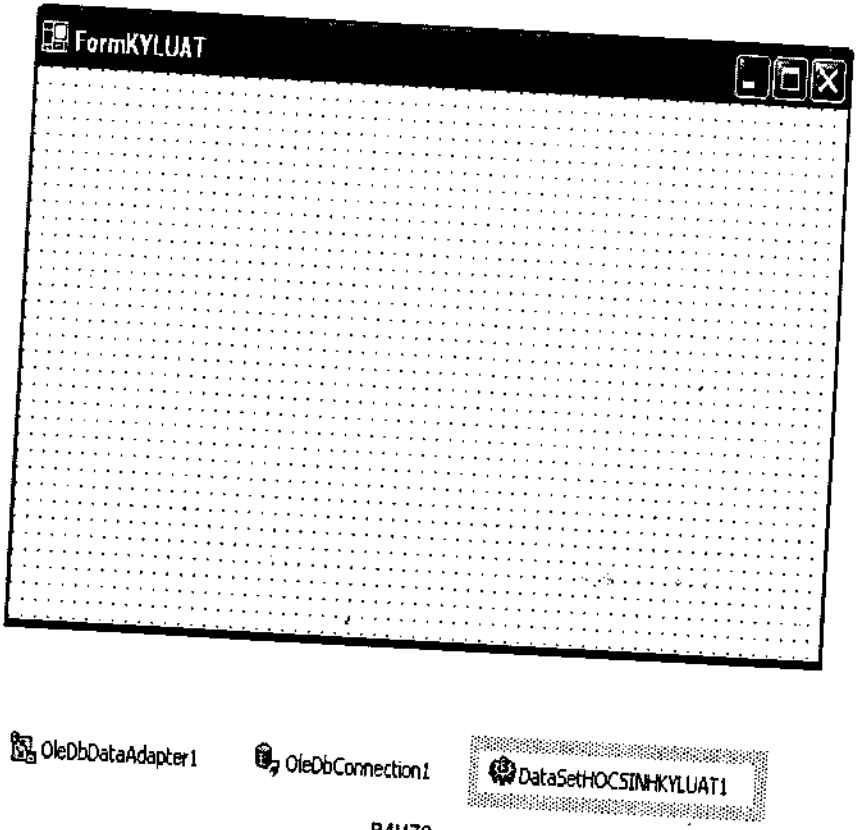

B4H70

- Click tab **Windows Forms** trên hộp công cụ
- Click chọn điều khiển **DataGrid** và đưa vào **Form**, bạn sẽ có **FormKYLUAT** như sau:

Ghi chú:

Vì trên FormKYLUAT sẽ có hai điều khiển DataGrid nên các bạn vẽ nhỏ như hình sau:

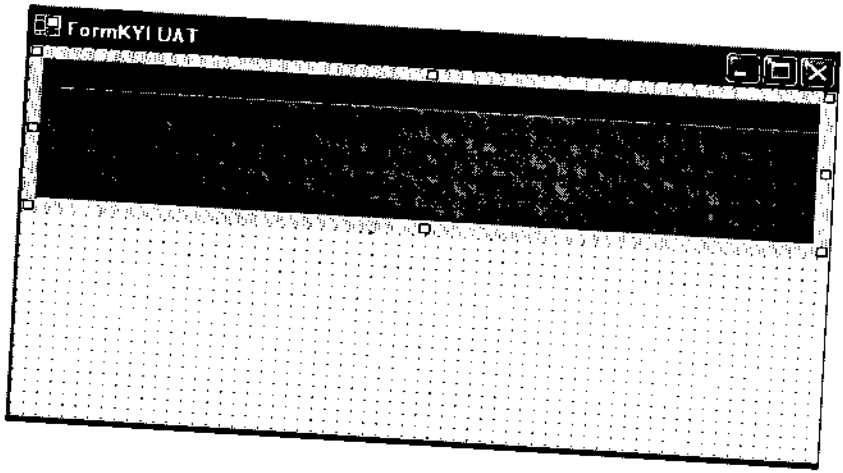

B4H71

Click nút *phải chuột* trên điều khiển **DataGrid**, chọn **Properties** trong menu hiện ra

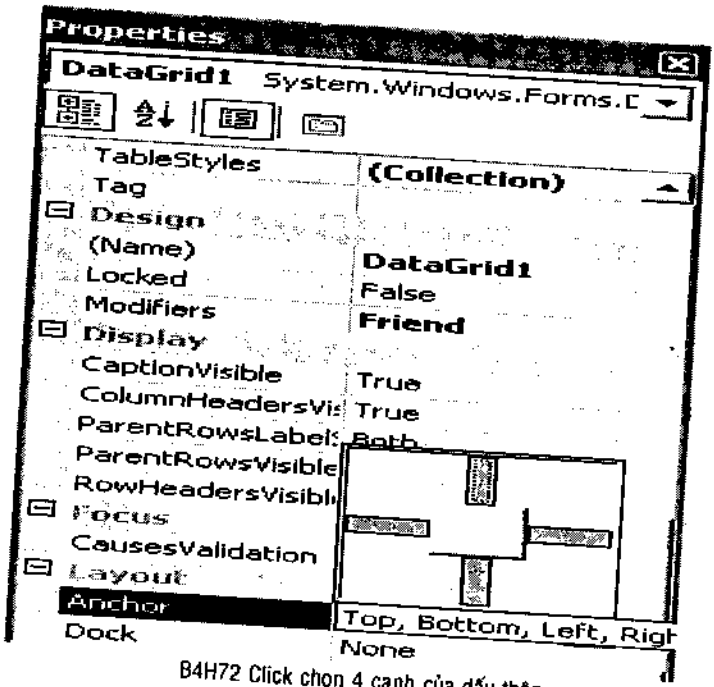

B4H72 Click chọn 4 cạnh của dấu thập

▣ Chọn 4 cạnh **Top**, **Left**, **Right** và **Bottom** để neo **DataGrid** về cả 4 phía.

▣ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataSource**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn **DatasetHOCSINHKYLUAT1**



B4H73

▣ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataMember**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn bảng **HOCSINH**

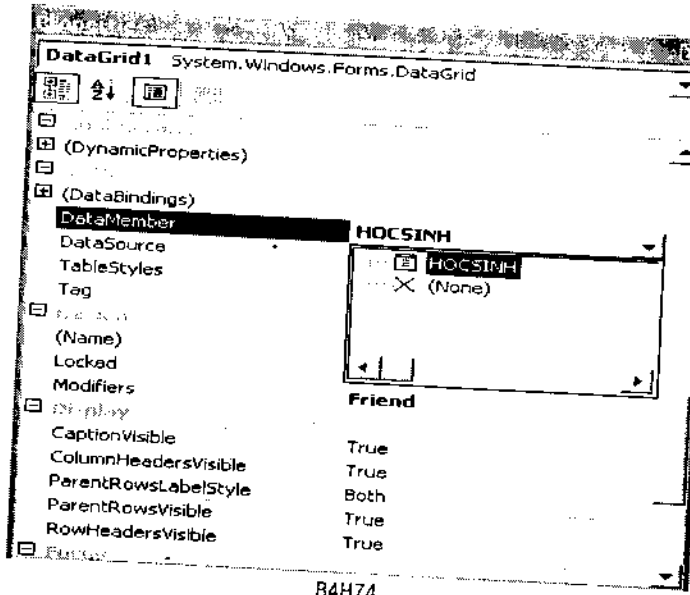

B4H74

Đóng hộp thoại **Properties**, bạn thấy **FormKYLUAT** lúc này có dạng như sau:

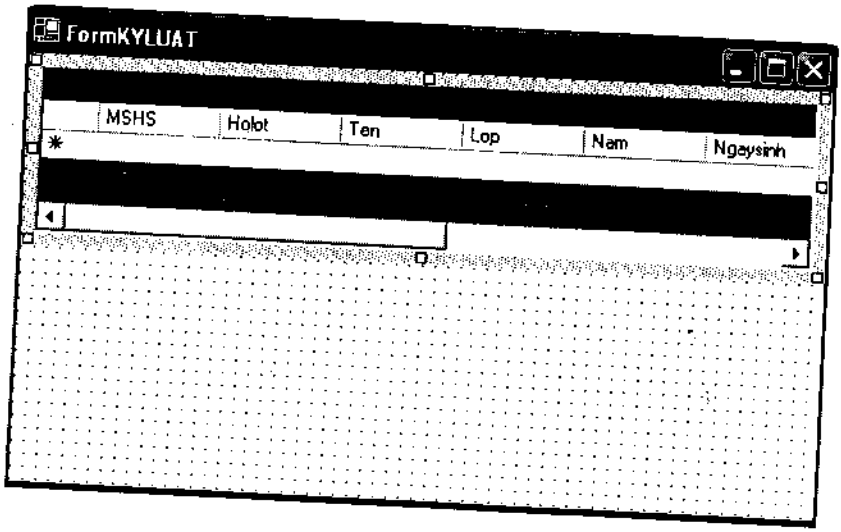

B4H75

Bạn thấy các vùng trong điều khiển lưới hiện ra theo thứ tự mà bạn đã nhập sau mệnh đề SELECT của câu lệnh SQL.

Bây giờ chúng ta sẽ đưa điều khiển OleDataAdapter thứ hai vào khay công cụ. Bạn tiến hành các bước như khi đưa điều khiển này vào khay công cụ cho câu lệnh SQL của bảng HOCSINH. Chúng tôi chỉ dùng những hình chính, các bước khác chúng tôi sẽ lướt qua vì các bạn đã biết.

Bạn nhập vào câu lệnh SQL khi hộp thoại này hiện ra như sau:

SELECT * FROM KYLUAT

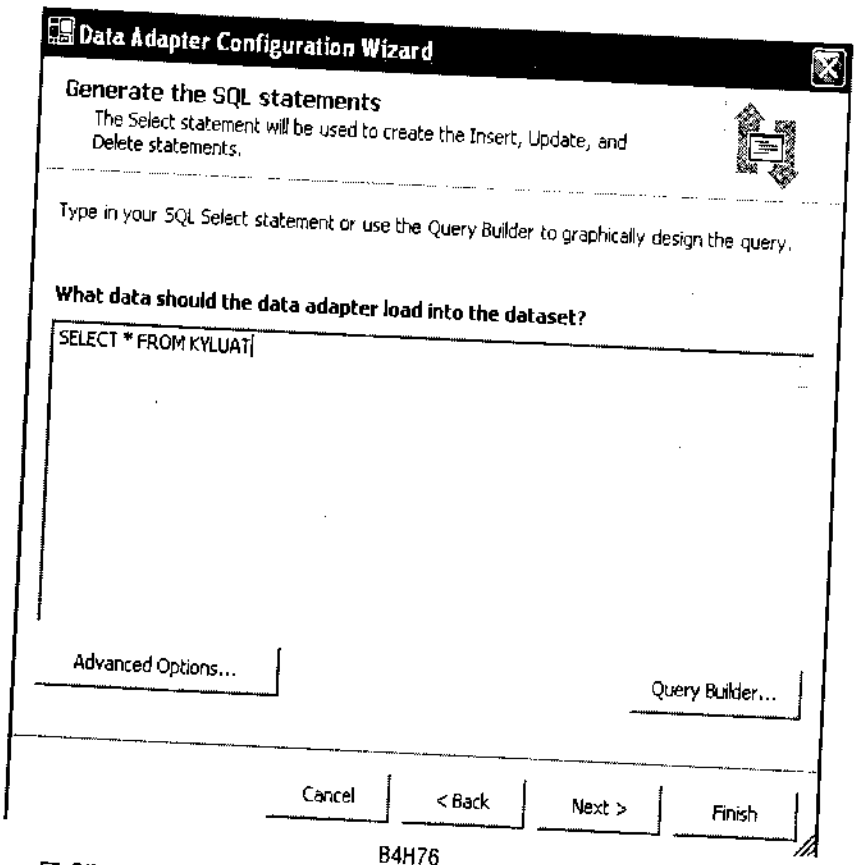

B4H76

- Click nút Finish
- Click chọn FormKYLUAT
- Vào menu Data, chọn Generate Dataset, trong hộp thoại hiện ra, nhập tên DatasetKYLUAT trong khung New

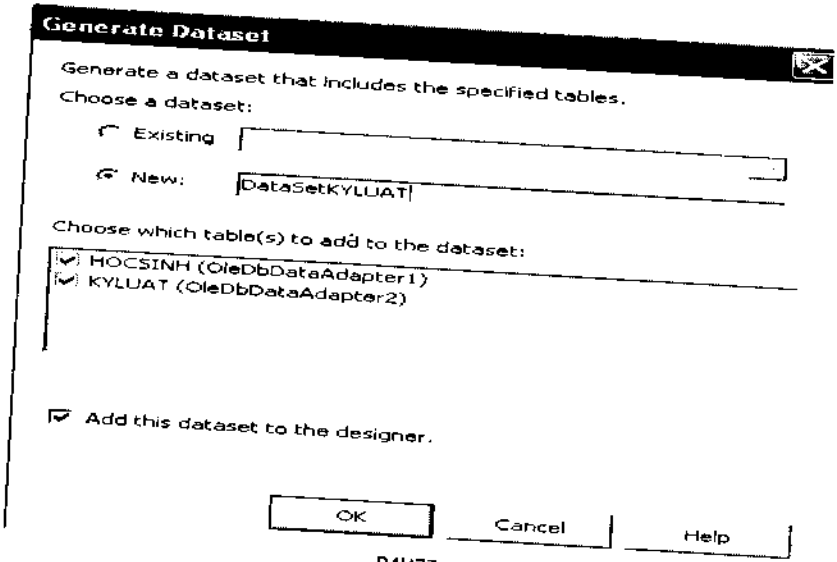

B4H77

Click nút OK, bạn sẽ thấy đối tượng DatasetKYLUAT1 hiện ra trong khay công cụ

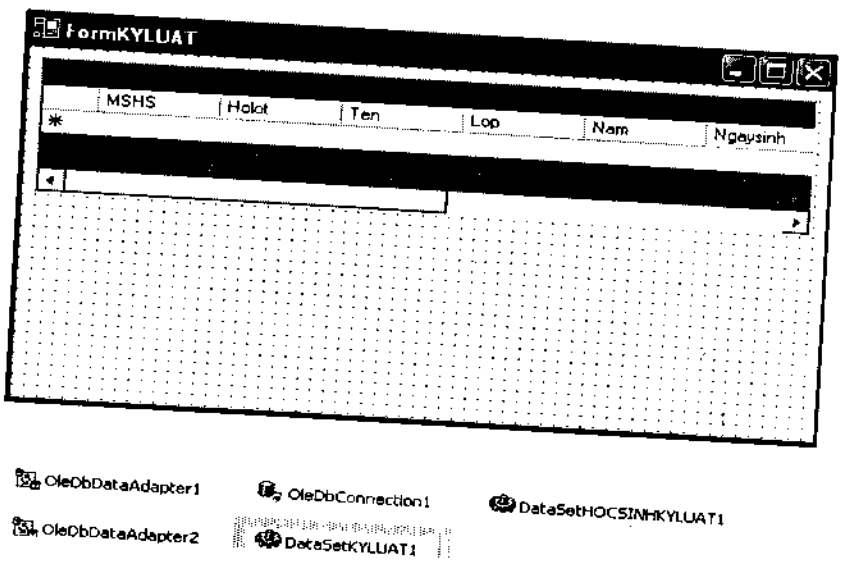

B4H78

Click chọn điều khiển **DataGrid** một lần nữa và đưa vào **Form**, bạn sẽ có **FormKYLUAT** như sau:

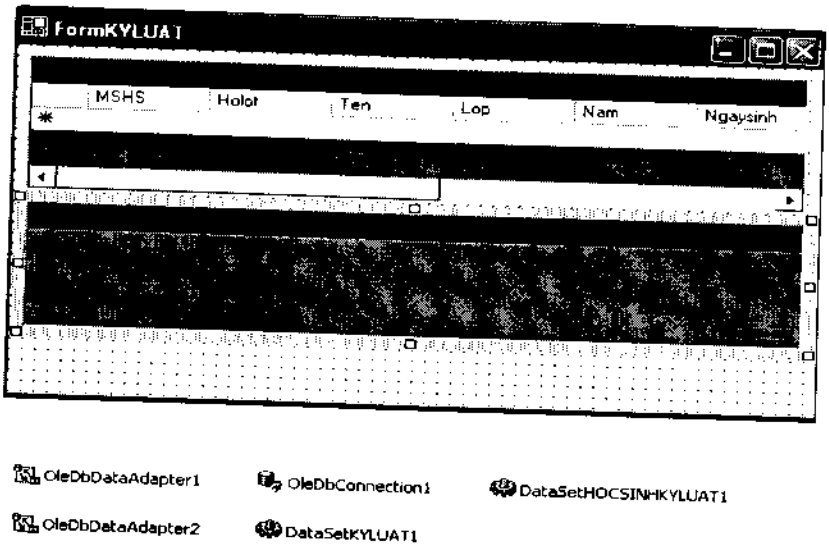

B4H79

▣ Click nút *phải chuột* trên điều khiển **DataGrid**, chọn **Properties** trong menu hiện ra

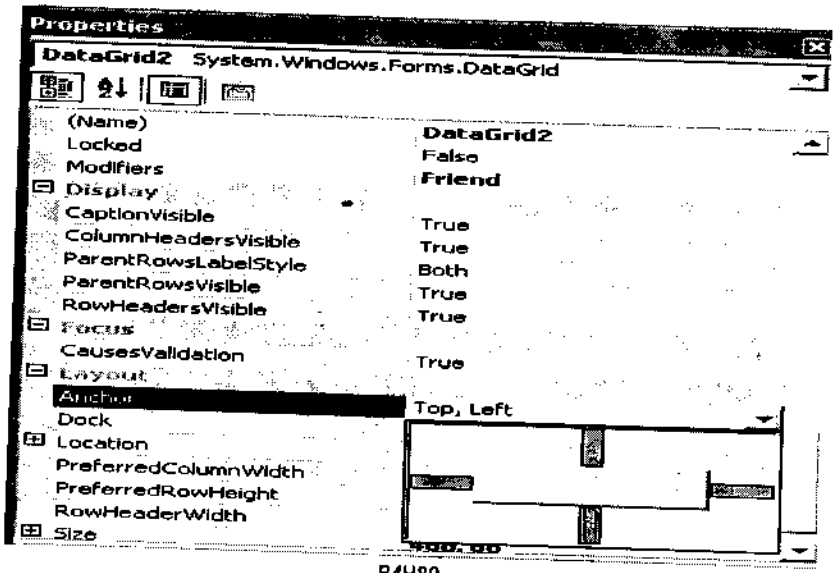

B4H80

▣ Chọn 4 cạnh **Top**, **Left**, **Right** và **Bottom** để neo **DataGrid** về cả 4 phía.

▣ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataSource**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn **DatasetKYLUAT1**

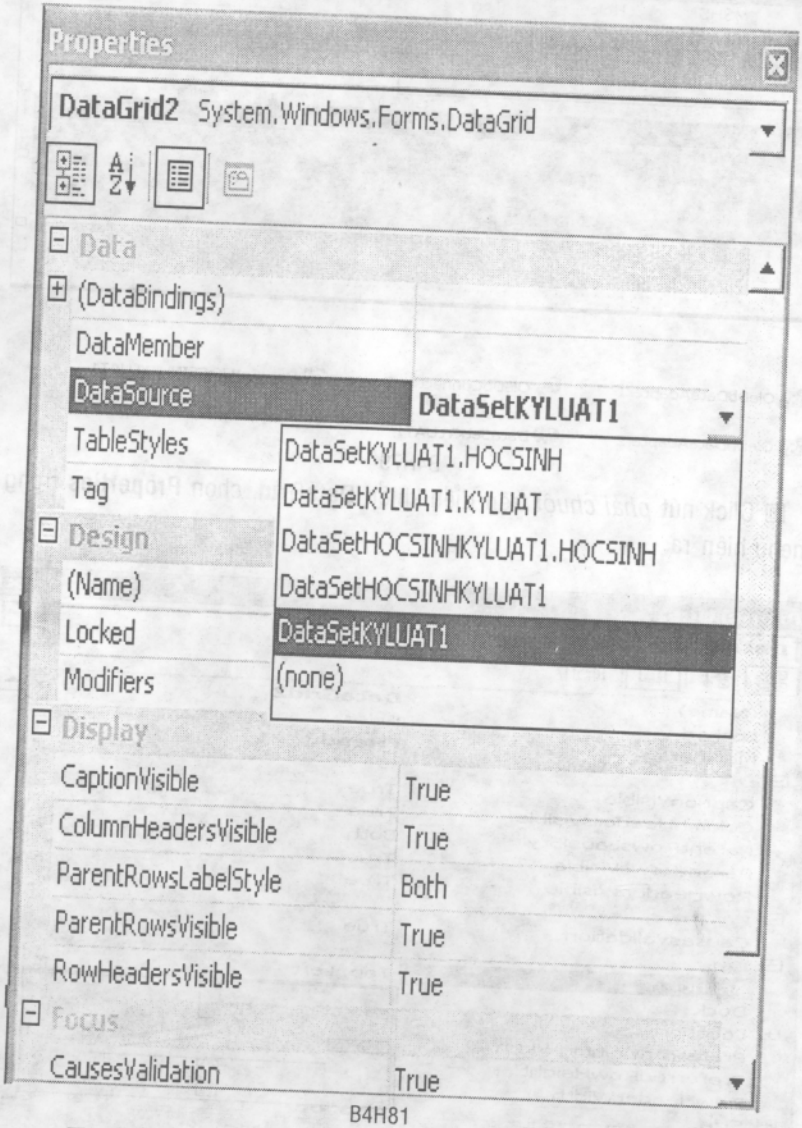

B4H81

▣ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataMember**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn bảng KYLUAT

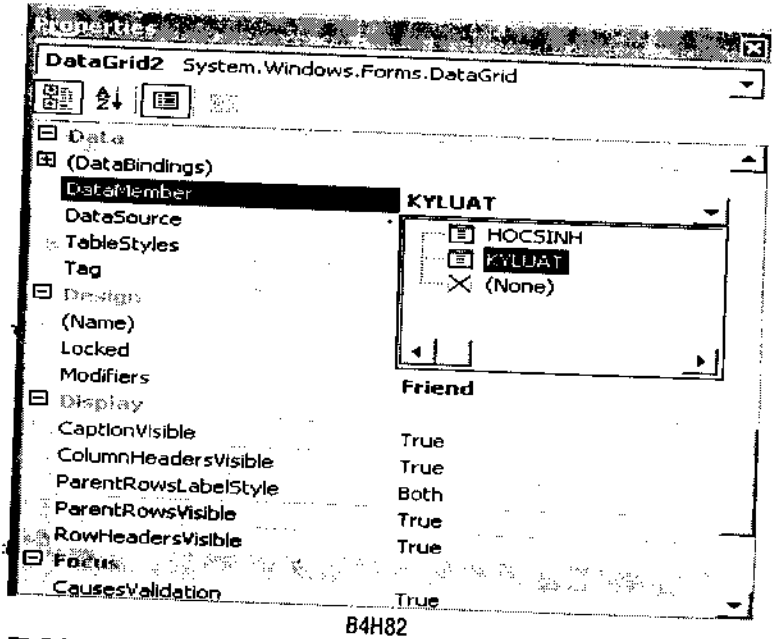

B4H82

Đóng hộp thoại **Properties**, bạn thấy **FormKYLUAT** lúc này có dạng như sau:

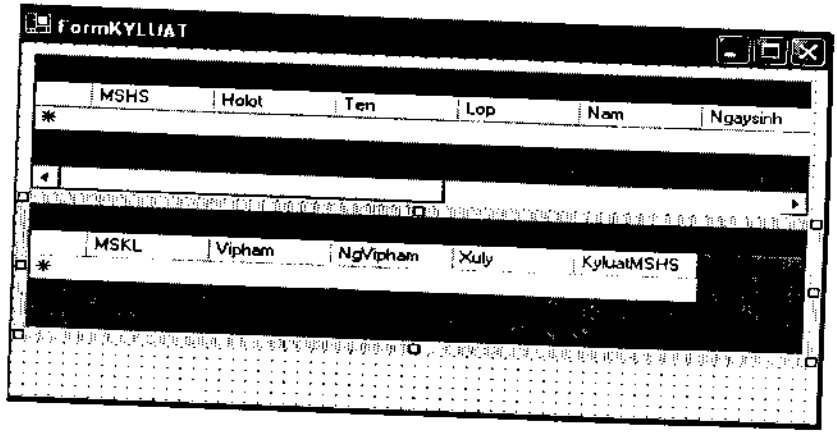



B4H83

Thêm các **Button** vào cho **Form** và xác lập các thuộc tính cho chúng, bạn sẽ có hình sau:

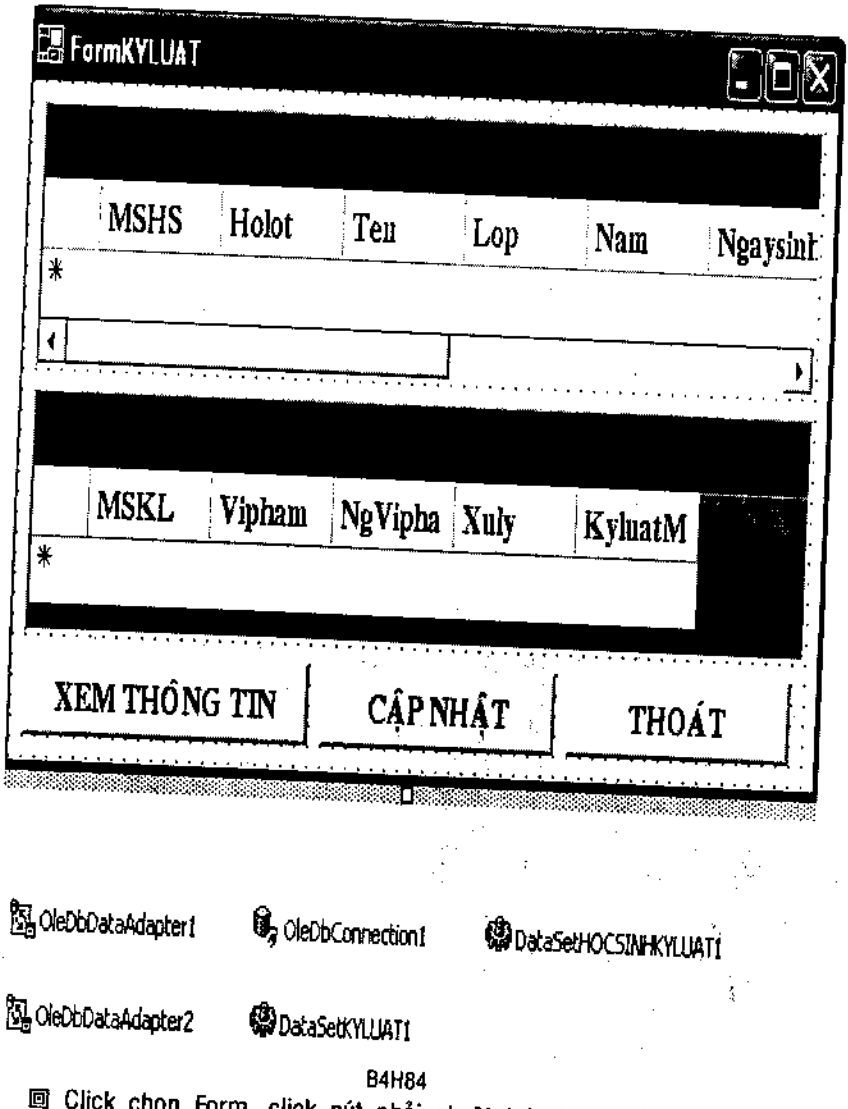

B4H84

Click chọn Form, click nút phải chuột tại vị trí trống trên Form, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho Form như bảng đã cho, bạn sẽ có kết quả như hình sau:

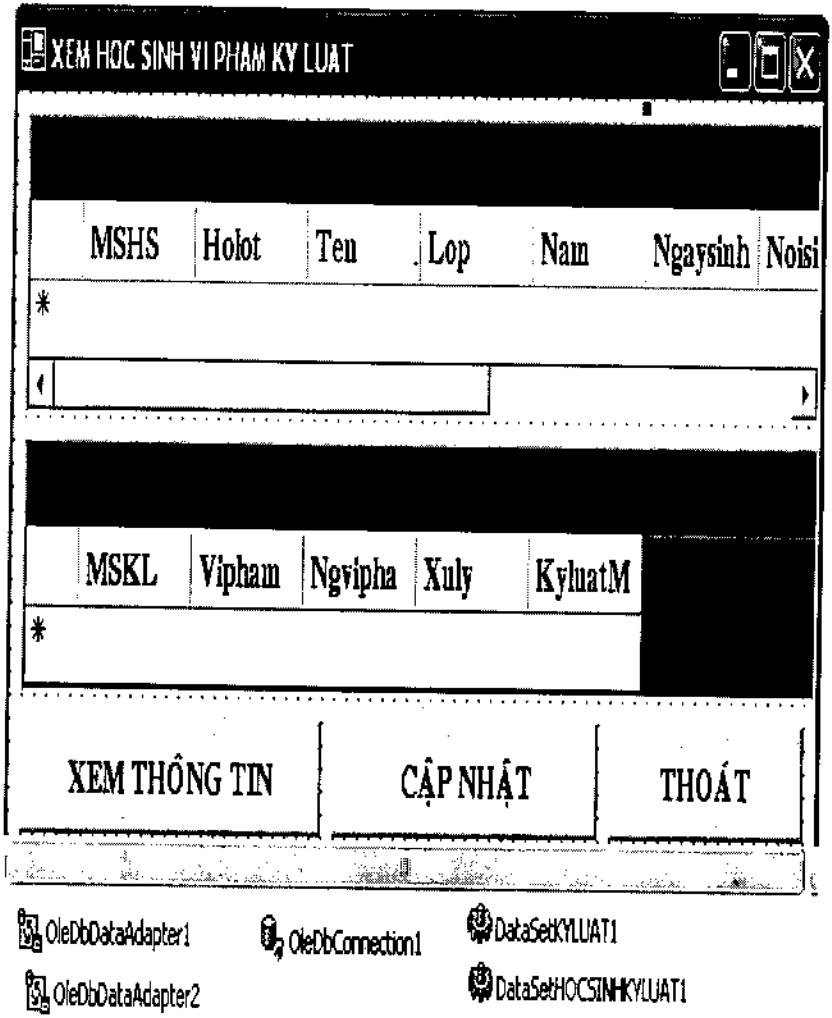

B4H85

☎ Thiết kế FormKETQUA

Tương tự như thiết kế FormKYLUAT, bạn tiến hành tạo FormKETQUA như sau

- Vào menu **Project**, chọn **Add Windows Form...**
- Hộp thoại sau hiện ra, nhập **FormKETQUA.vb** trong khung **Name** như hình sau:

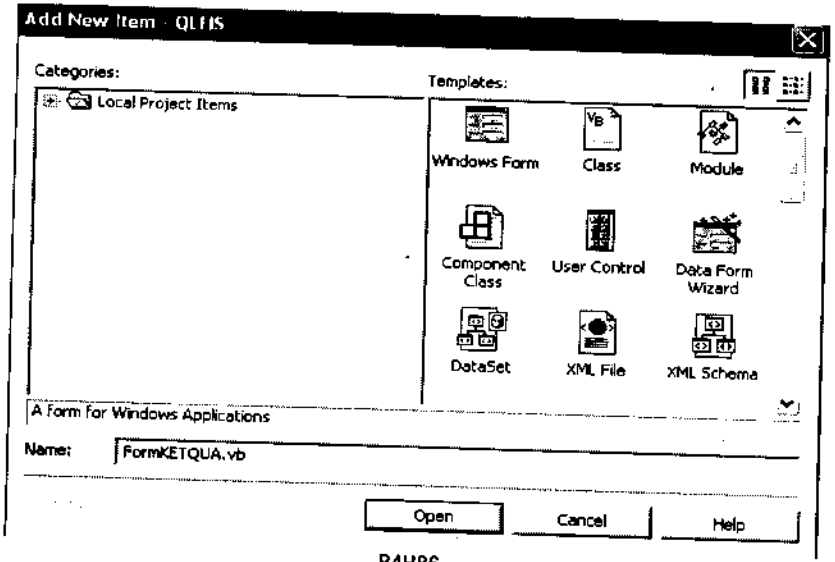

B4H86

Click nút **Open**, bạn sẽ có Form con như hình sau:

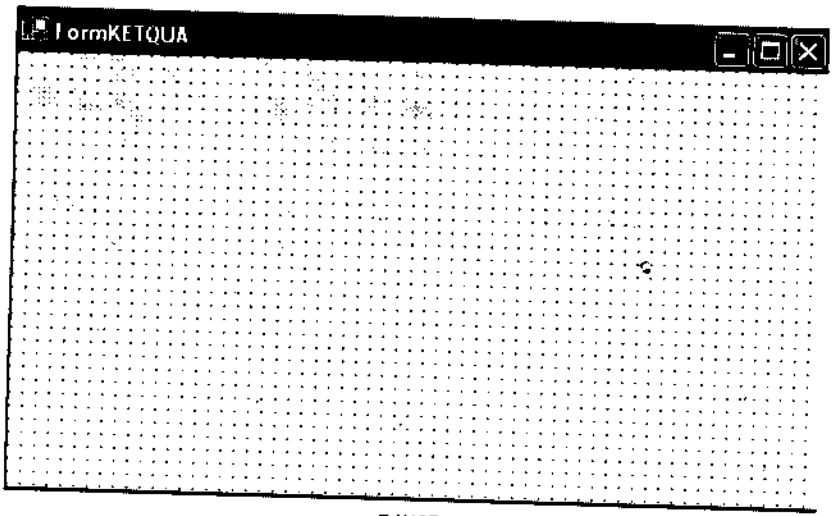

B4H87

Bạn thiết kế cho **FormKETQUA** với những điều khiển như hình trên

Để lấy thông tin trong CSDL trên, chúng ta phải thêm một bộ điều phối dữ liệu (Data Adapter). Ở đây chúng ta sẽ sử dụng điều khiển

OleDbDataAdapter có sẵn trong hộp công cụ (Toolbox). Nếu cửa sổ Toolbox chưa có, bạn click vào biểu tượng trên thanh công cụ.

- Click chọn tab **Data** nằm phía trên trong hộp công cụ

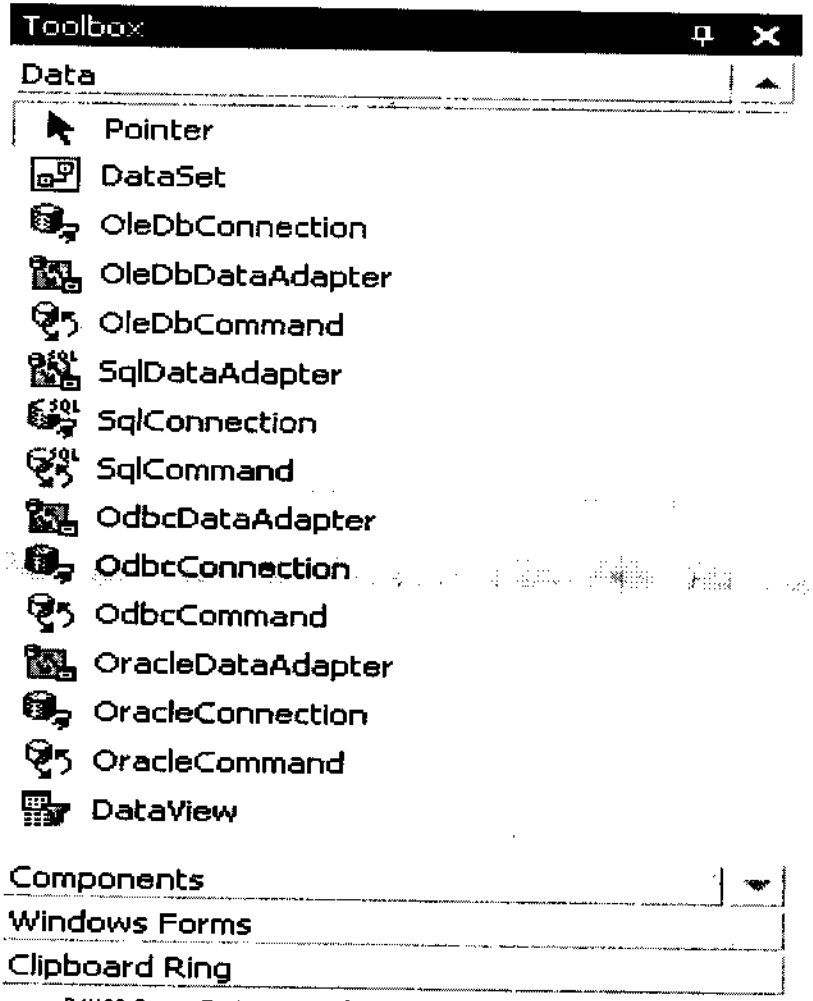

B4H88 Server Explorer thu nhỏ lại bên trái nhường chỗ cho hộp công cụ

- Click chọn và kéo đối tượng **OleDataAdapter** từ hộp công cụ vào trong Form. Visual Studio sẽ khởi tạo trình **Data Adapter Configuration Wizard**. Bạn thực hiện các thao tác như FormKHENTHUONG cho đến khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra.

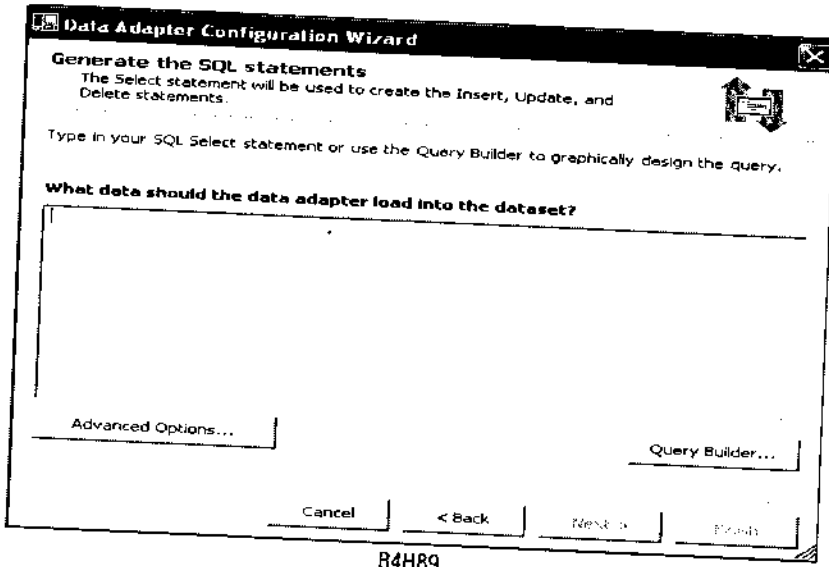

B4H89

- Hộp thoại này cho bạn nhập câu lệnh SQL vào, Bạn nhập câu lệnh sau vào nơi dấu nháy:

SELECT * FROM HOCSINH

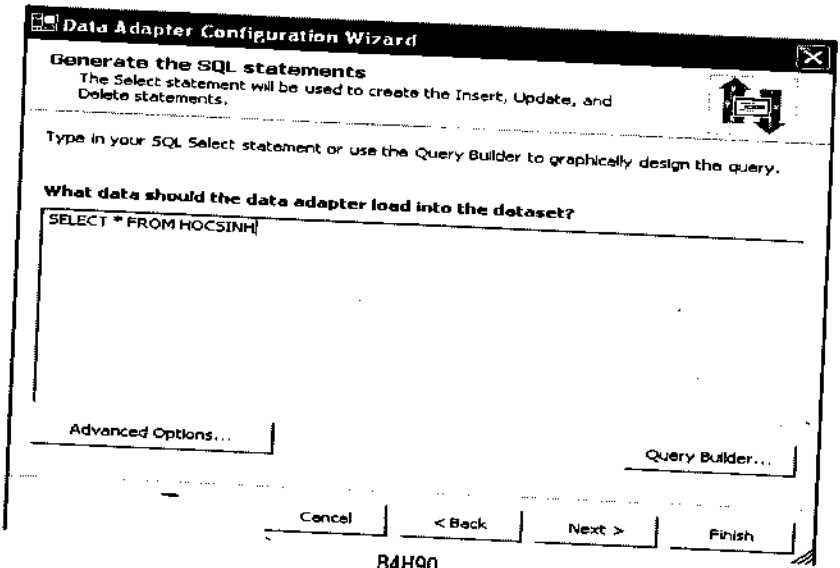

B4H90

- Click nút **Finish** để kết thúc
- Nhìn vào khay công cụ, bạn sẽ thấy có đối tượng kết nối xuất hiện

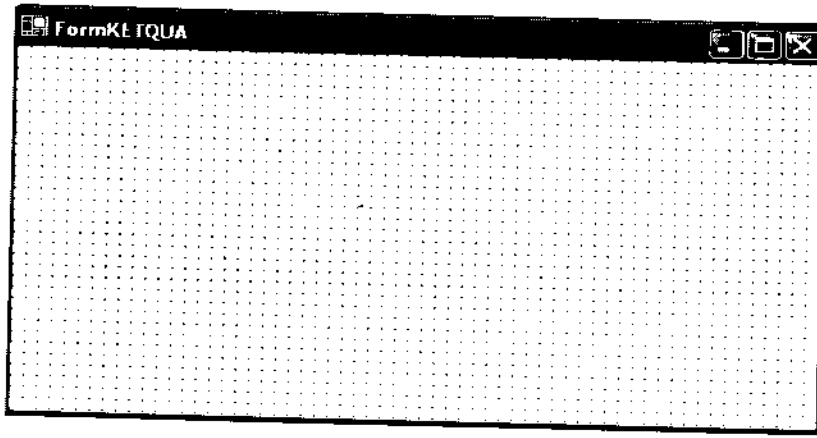

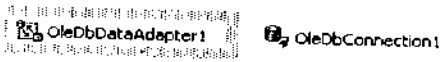

B4H91

- Click chọn **FormKETQUA**
- Vào menu **Data** chọn **Generate Dataset**, hộp thoại hiện ra như sau

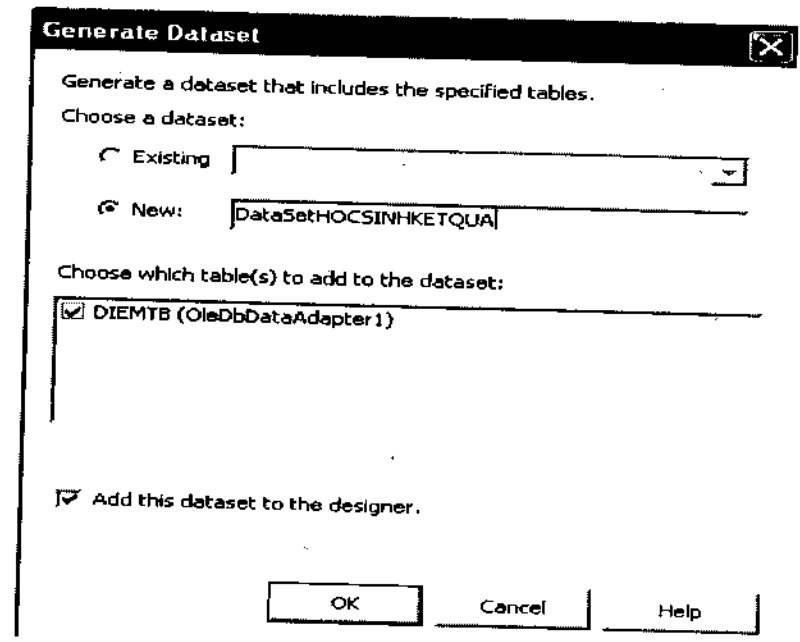

B4H92

Đặt tên cho **Dataset** trong khung **New** là DataSetHOCSINHKETQUA

Click chọn **Add this dataset to the designer** để đưa **Dataset** vào khay công cụ

Click nút **OK**, bạn có thêm đối tượng Dataset trên khay công cụ như hình sau:

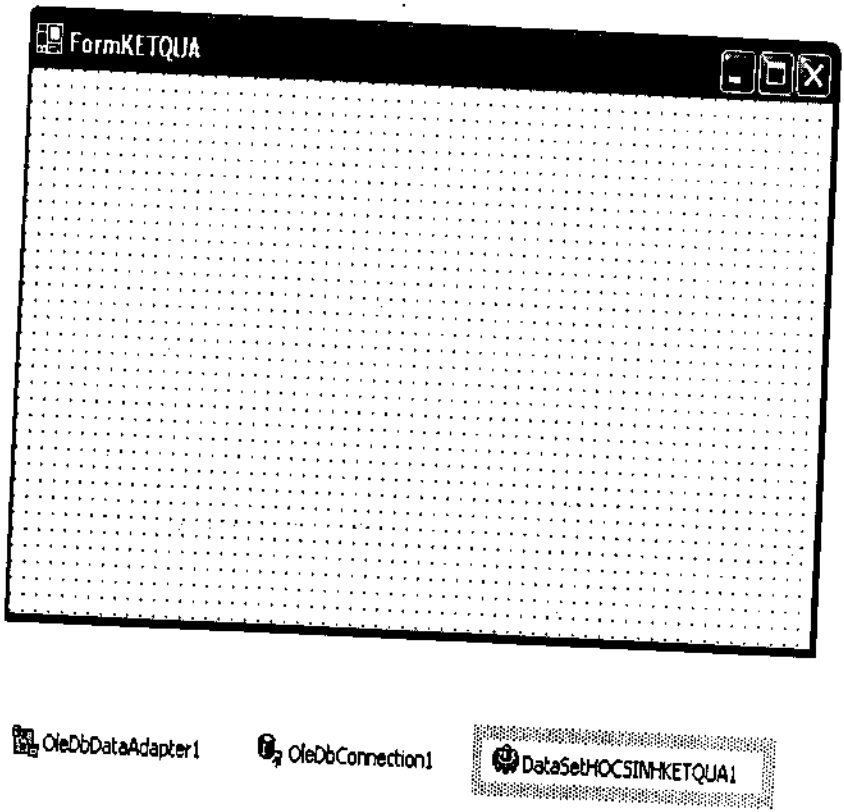

B4H93

Click tab **Windows Forms** trên hộp công cụ

Click chọn điều khiển **DataGrid** và đưa vào **Form**, bạn sẽ có **FormKETQUA** như sau:

Ghi chú:

Vì trên FormKETQUA sẽ có hai điều khiển DataGrid nên các bạn vẽ nhỏ như hình sau:

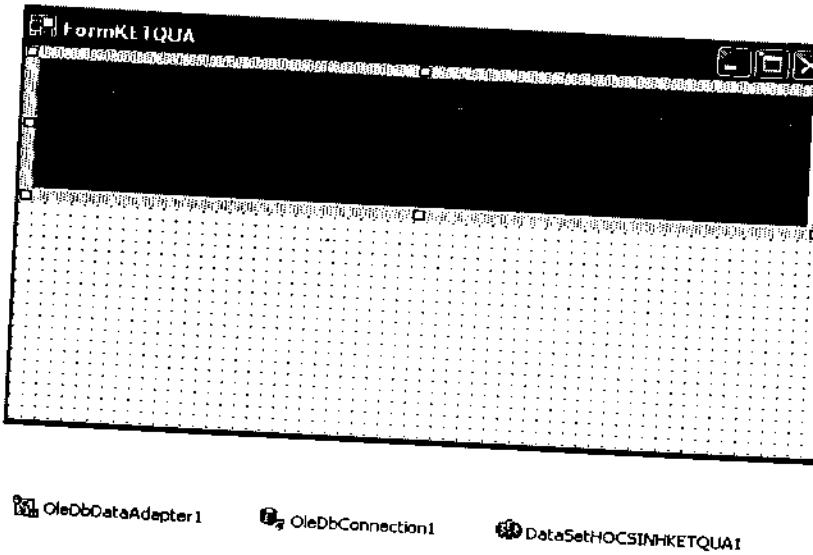

B4H94

Click nút *phải chuột* trên điều khiển **DataGrid**, chọn **Properties** trong menu hiện ra

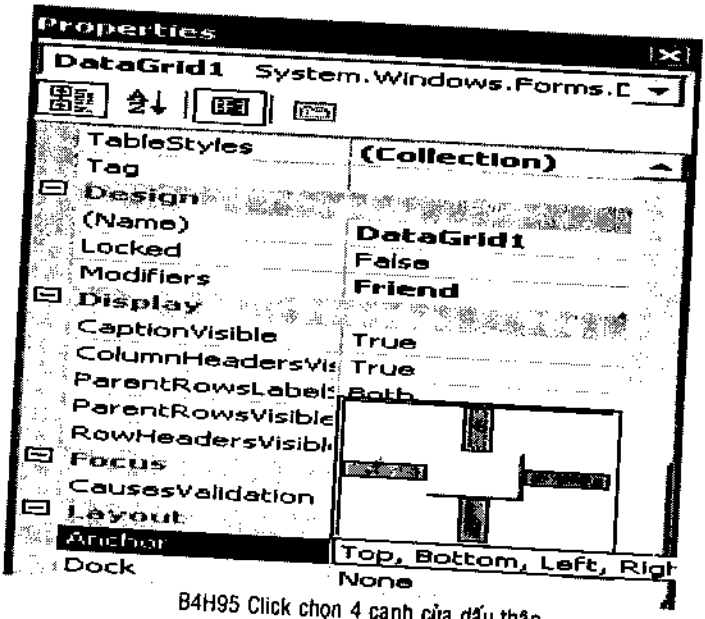

B4H95 Click chọn 4 cạnh của dấu thập

▣ Chọn 4 cạnh **Top**, **Left**, **Right** và **Bottom** để neo **DataGrid** về cả 4 phía.

▣ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataSource**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn **DatasetHOCSINHKETQUA1**

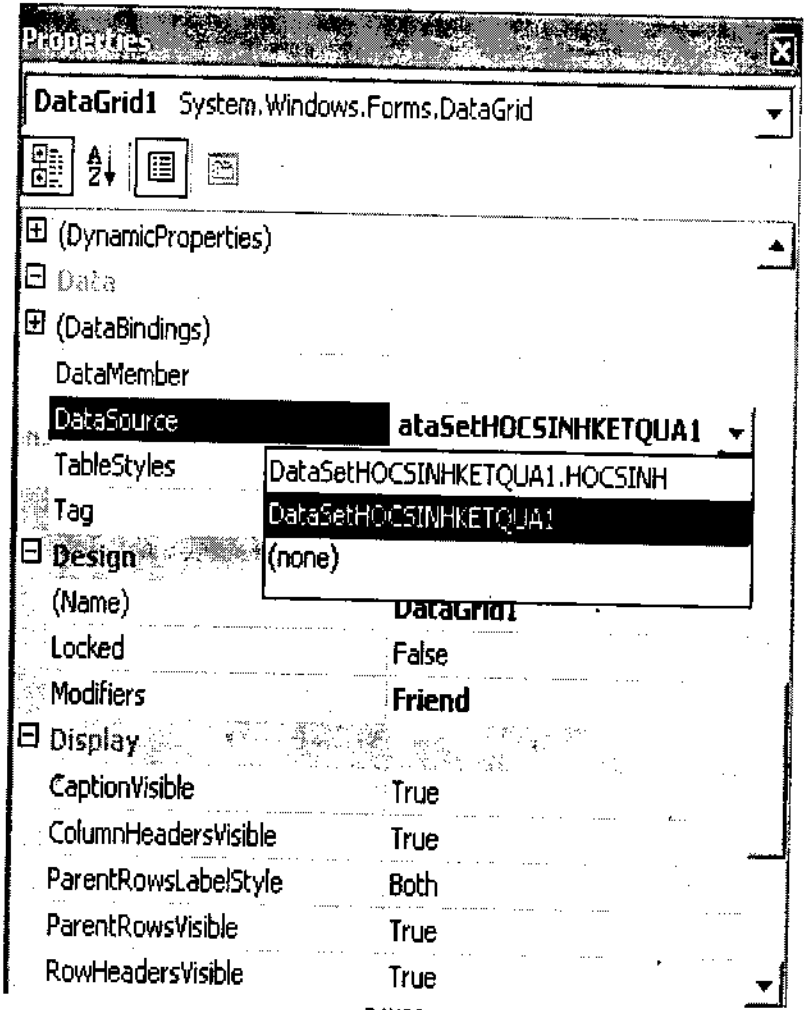

B4H96

▣ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataMember**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn bảng HOCSINH

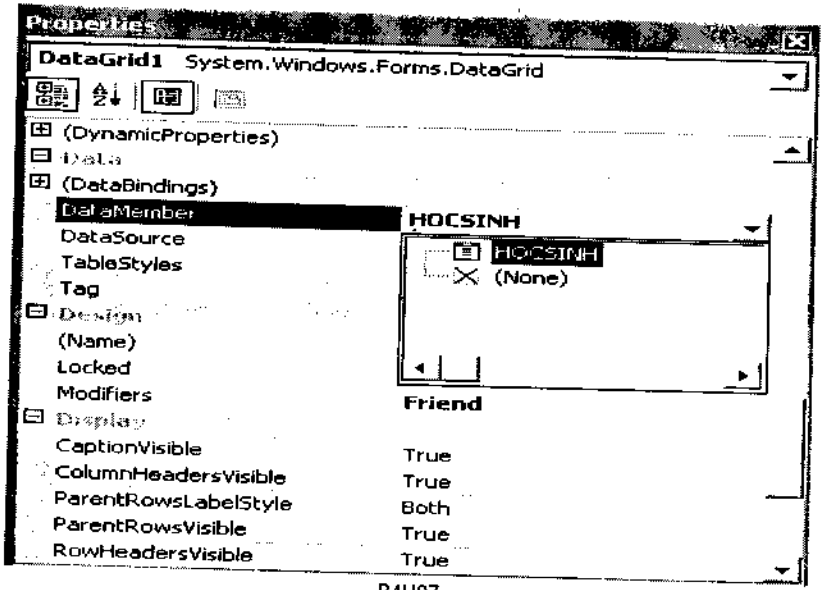

B4H97

Đóng hộp thoại **Properties**, bạn thấy **FormKETQUA** lúc này có dạng như sau:

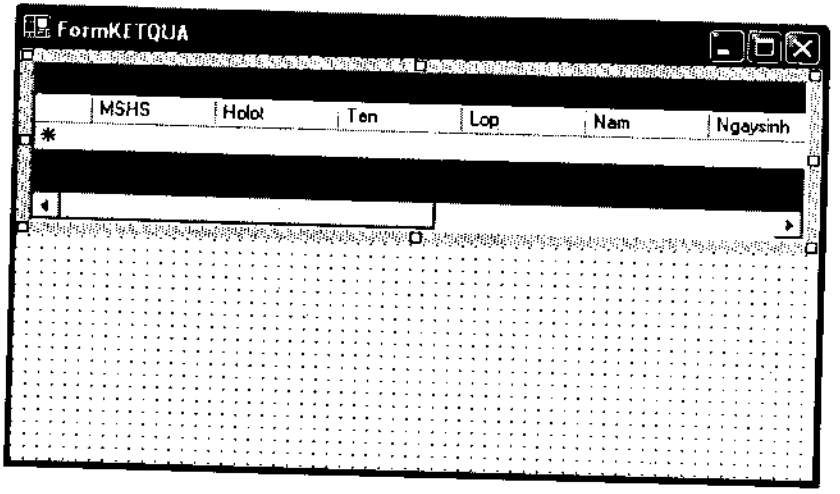

B4H98

Bây giờ chúng ta sẽ đưa điều khiển OleDataAdapter thứ hai vào khay công cụ. Bạn tiến hành các bước như khi đưa điều khiển này vào khay công cụ cho câu lệnh SQL của bảng HOCSINH. Chúng tôi chỉ dùng những hình chính, các bước khác chúng tôi sẽ lướt qua vì các bạn đã biết.

Bạn nhập vào câu lệnh SQL khi hộp thoại này hiện ra như sau:

SELECT * FROM DIEMTB

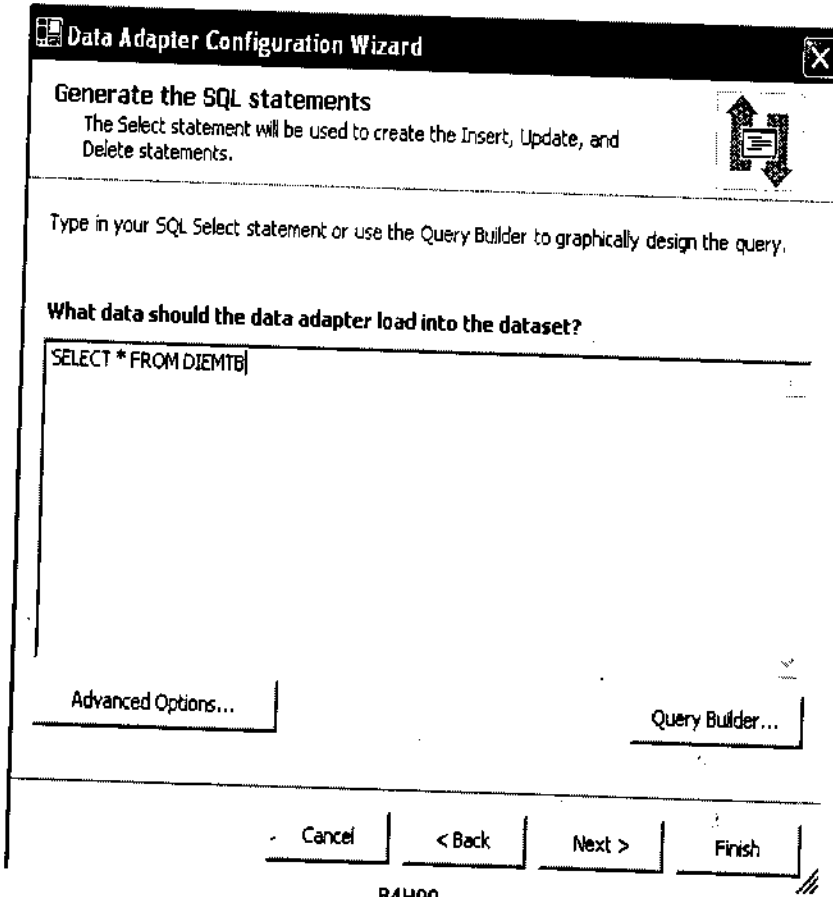

B4H99

- Click nút **Finish**
- Click chọn FormKETQUA
- Vào menu Data, chọn Generate Dataset, trong hộp thoại hiện ra, nhập tên DatasetDIEMTB trong khung New

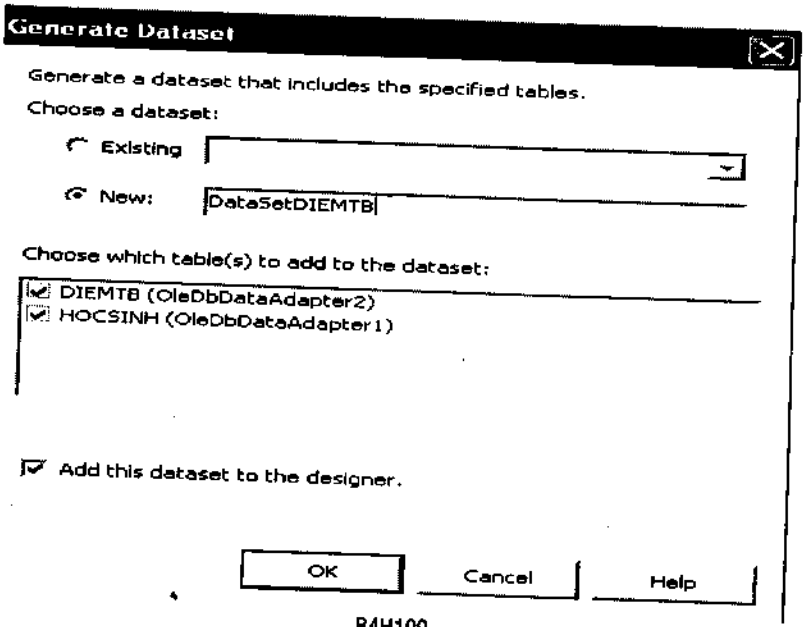

B4H100

Click nút OK, bạn sẽ thấy đối tượng DatasetDIEMTB1 hiện ra trong khay công cụ

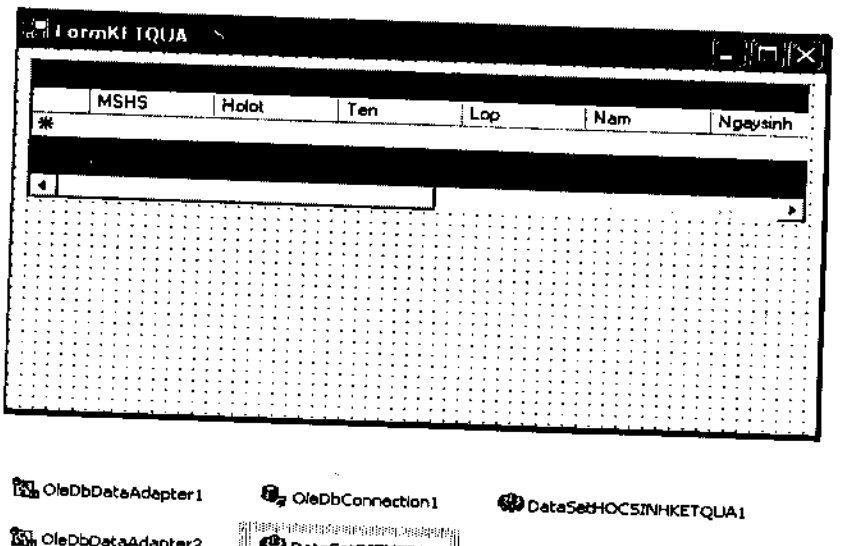

B4H101

Click chọn điều khiển **DataGrid** một lần nữa và đưa vào **Form**, b
sẽ có **FormKETQUA** như sau:

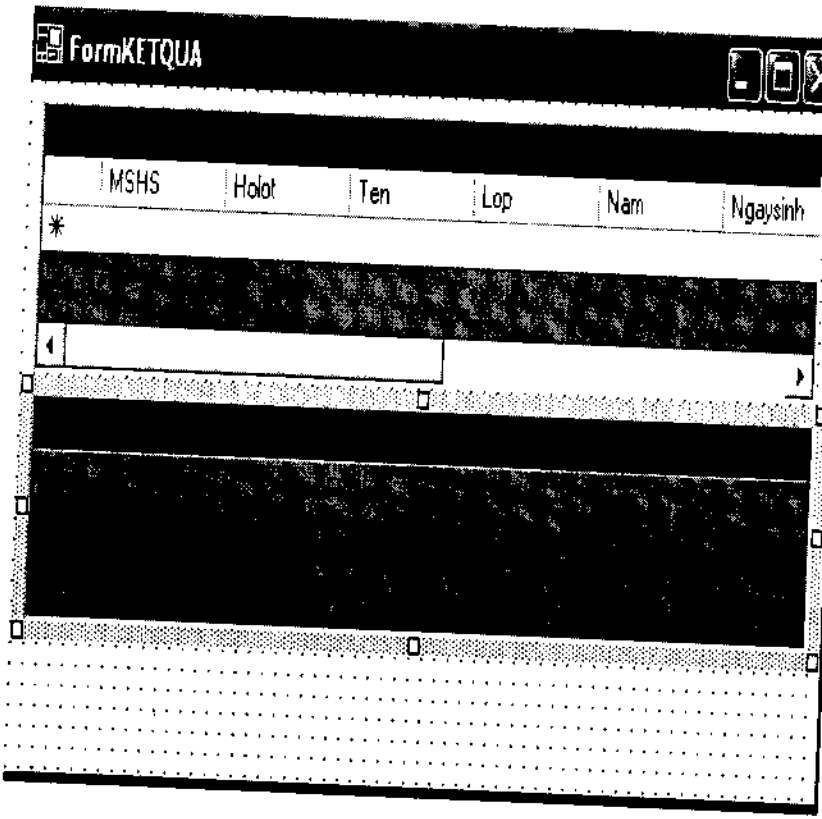

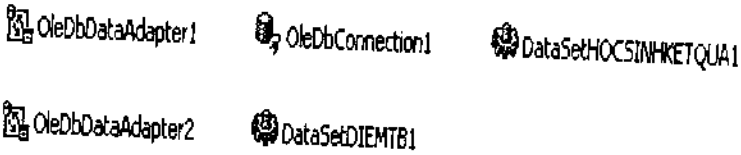

B4H102

Click nút *phải chuột* trên điều khiển **DataGrid**, chọn **Properties** trong menu hiện ra

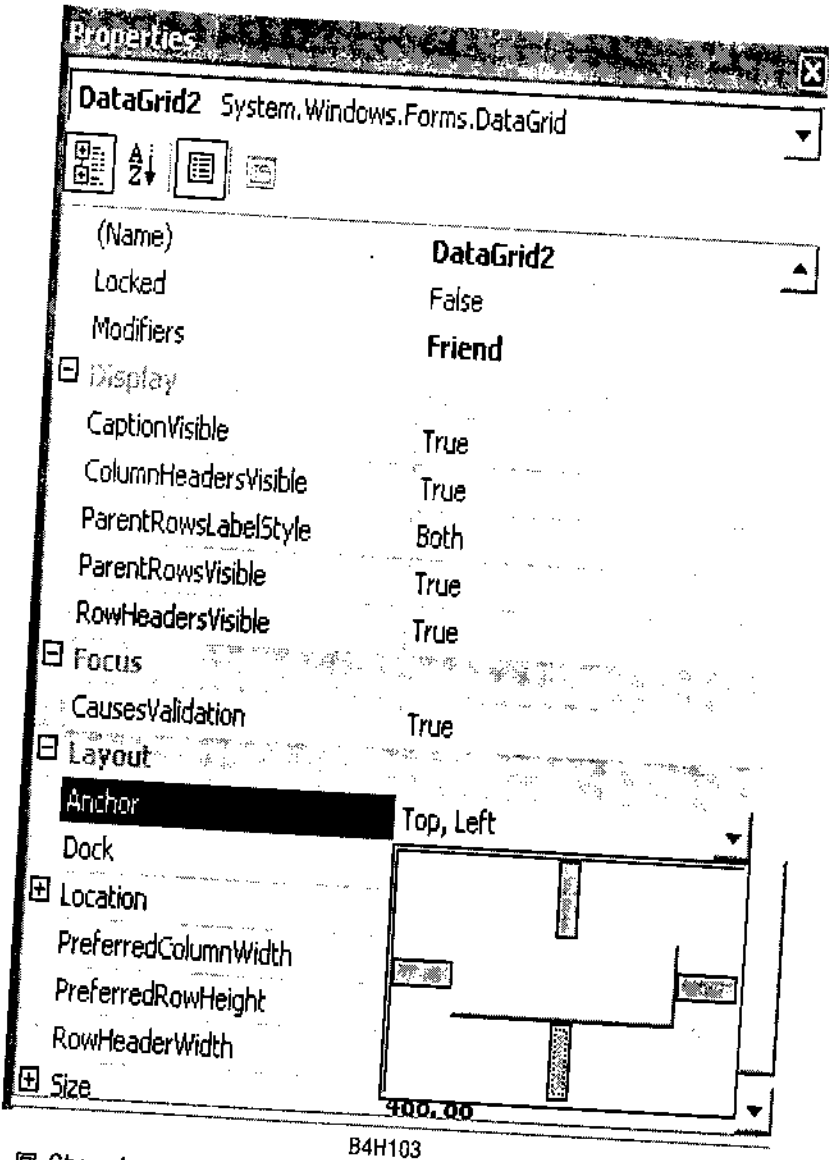

B4H103

- Chọn 4 cạnh **Top**, **Left**, **Right** và **Bottom** để neo **DataGrid** về cả 4 phía.
- Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataSource**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn **DatasetDIEMTB1**

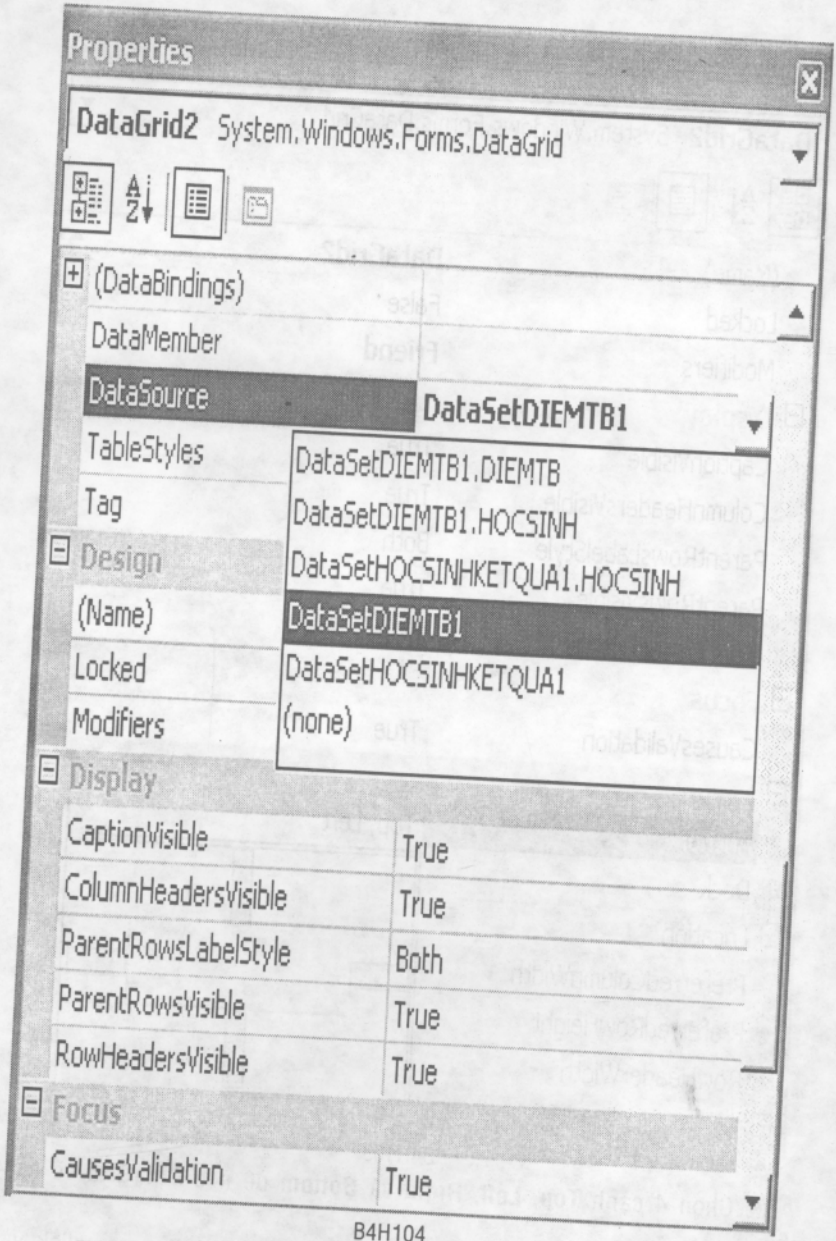

B4H104

- Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataMember**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn bảng DIEMTB

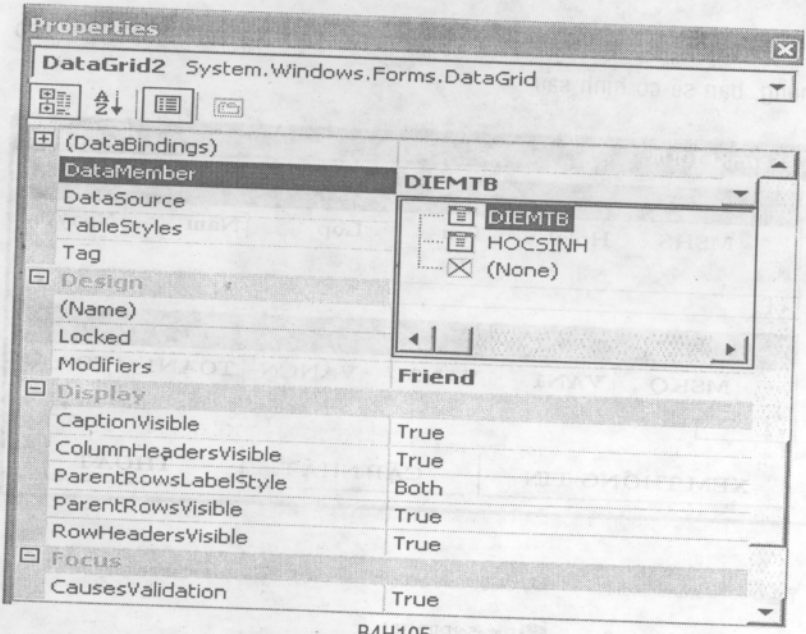

B4H105

Đóng hộp thoại **Properties**, bạn thấy **FormKETQUA** lúc này có dạng như sau:

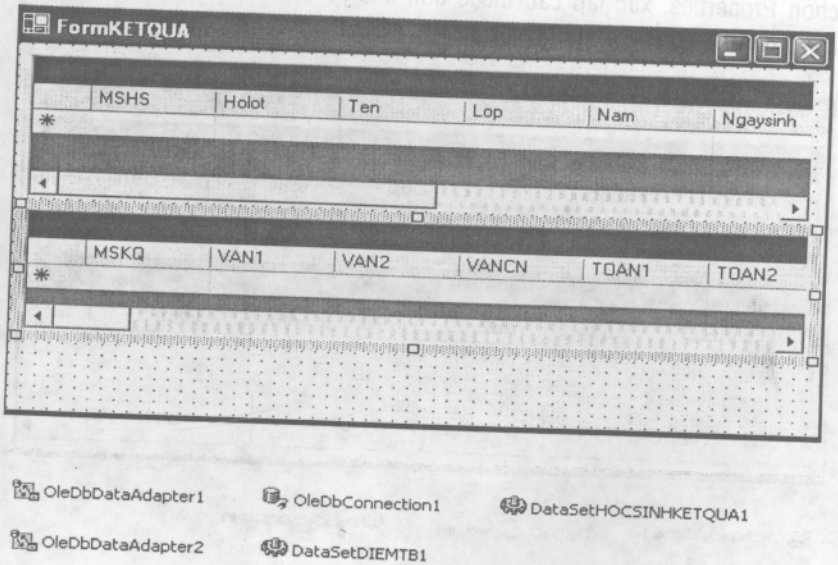

B4H106

Thêm các **Button** vào cho **Form** và xác lập các thuộc tính cho chúng, bạn sẽ có hình sau:

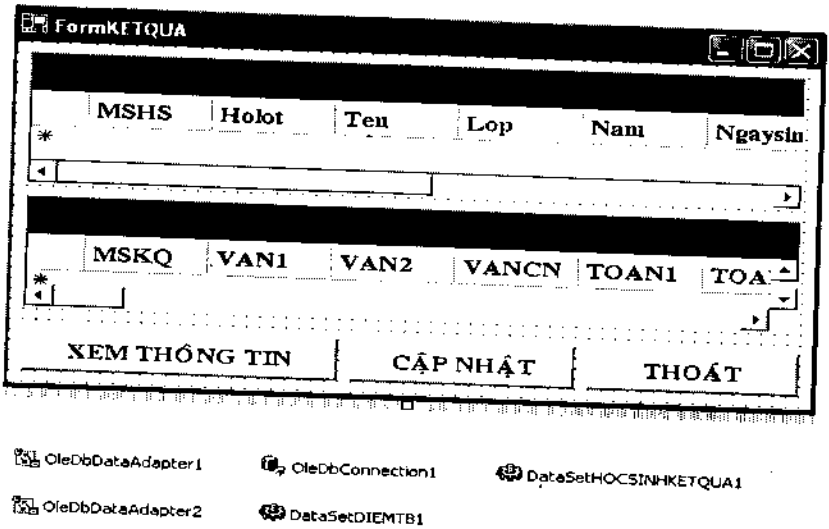

B4H107

Click chọn Form, click nút phải chuột tại một chỗ trống trên Form, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho Form như đã cho ở trên, cuối cùng bạn sẽ có Form như hình sau:

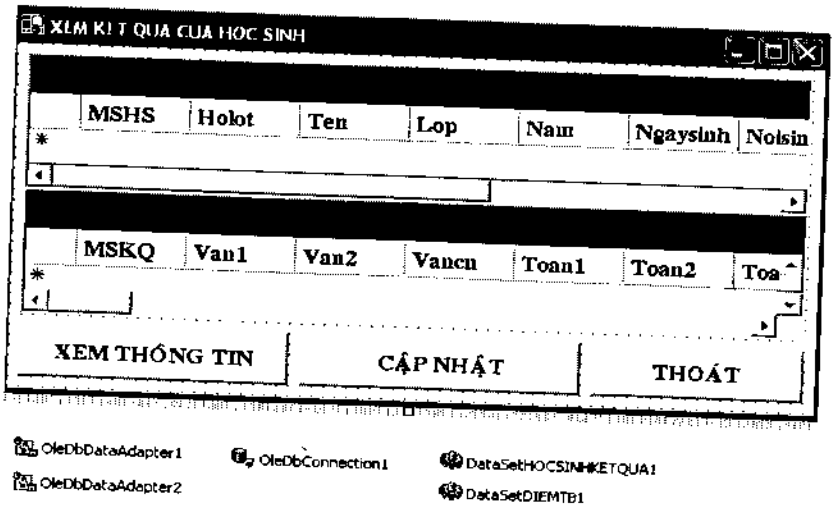

B4H108

☎ Thiết kế FormDIEMTHILAI

Tương tự như thiết kế FormKETQUA, bạn tiến hành tạo FormDIEMTHILAI như sau

- Vào menu **Project**, chọn **Add Windows Form...**
- Hộp thoại sau hiện ra, nhập **FormDIEMTHILAI.vb** trong khung **Name** như hình sau:

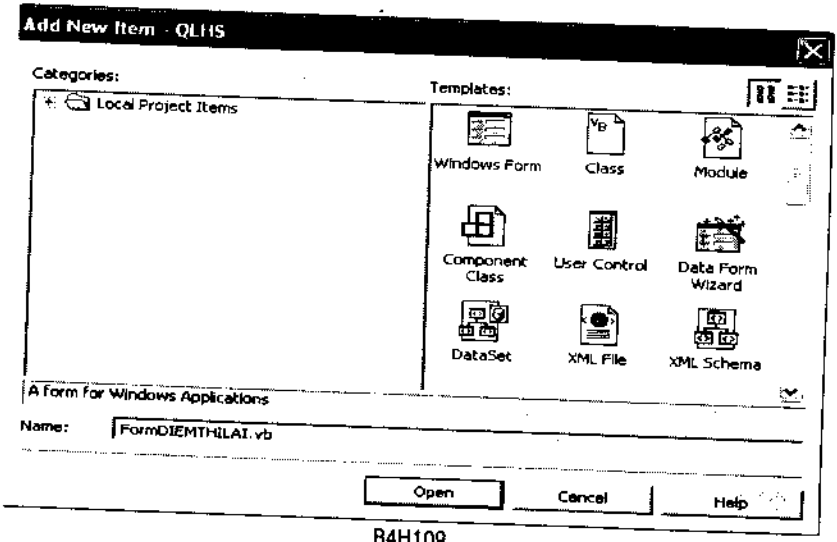

B4H109

- Click nút **Open**, bạn sẽ có Form con như hình sau:

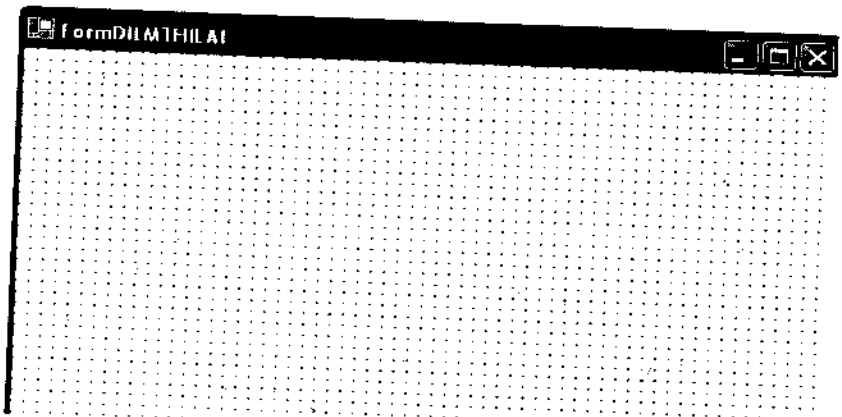

B4H110

▣ Bạn thiết kế cho **FormDIEMTHILAI** với những điều khiển như hình trên

Để lấy thông tin trong CSDL trên, chúng ta phải thêm một bộ điều phối dữ liệu (Data Adapter). Ở đây chúng ta sẽ sử dụng điều khiển OleDbDataAdapter có sẵn trong hộp công cụ (Toolbox). Nếu cửa sổ Toolbox chưa có, bạn click vào biểu tượng trên thanh công cụ.

▣ Click chọn tab **Data** nằm phía trên trong hộp công cụ

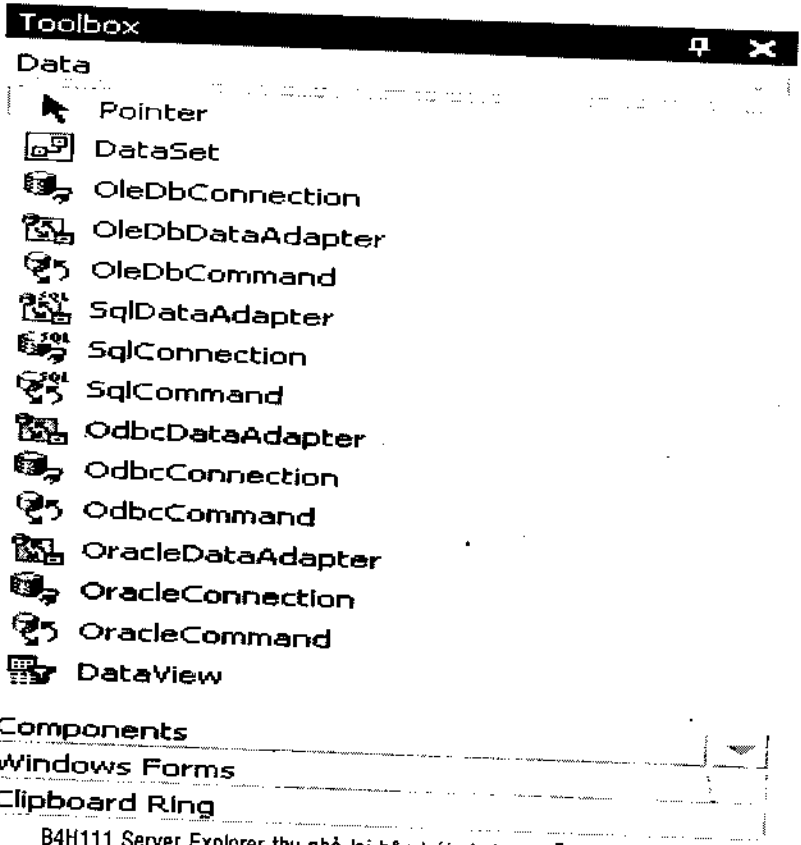

B4H111 Server Explorer thu nhỏ lại bên trái nhường chỗ cho hộp công cụ

▣ Click chọn và kéo đối tượng **OleDataAdapter** từ hộp công cụ vào trong Form. Visual Studio sẽ khởi tạo trình **Data Adapter Configuration Wizard** Bạn thực hiện các thao tác giống như các Form trên cho đến khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra

▣ Click nút **Next** sẽ thấy hộp thoại sau

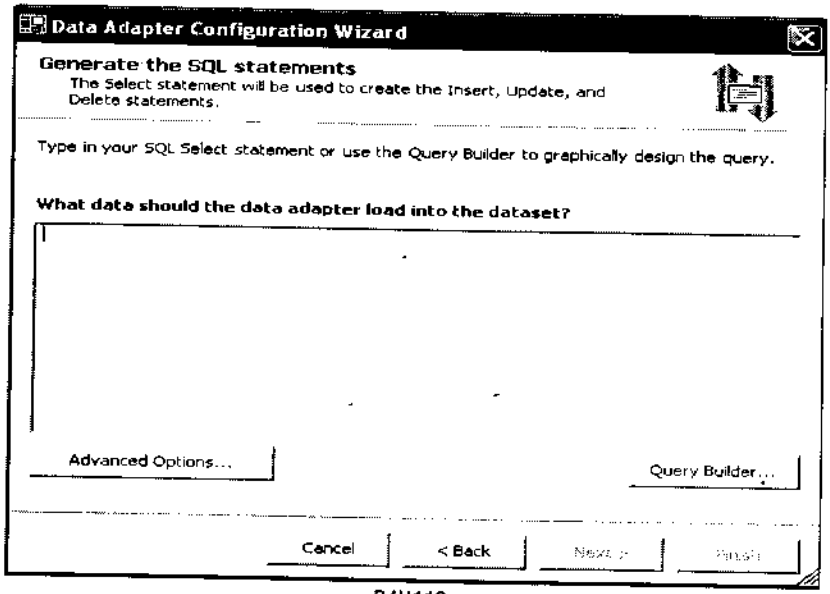

B4H112

Hộp thoại này cho bạn nhập câu lệnh SQL vào, Bạn nhập câu lệnh sau vào nơi dấu nháy:

SELECT * FROM HOCSINH

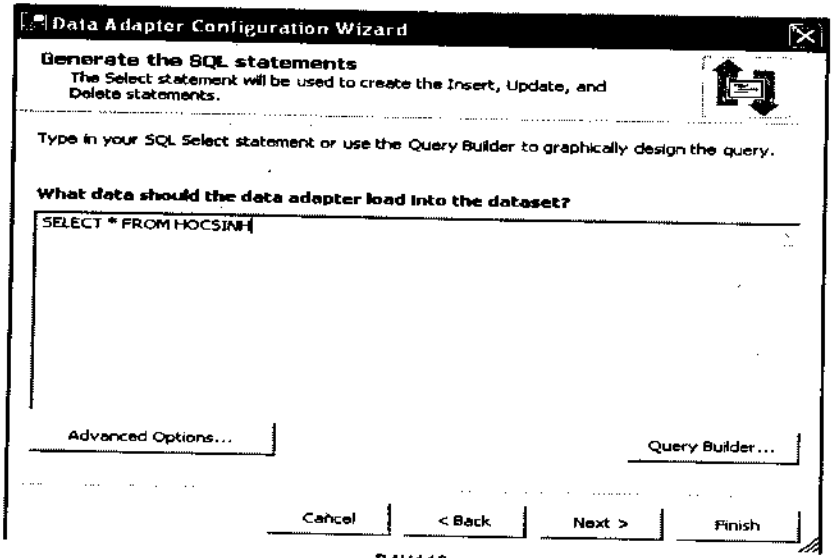

B4H113

- Click nút **Finish** để kết thúc
- Nhìn vào khay công cụ, bạn sẽ thấy có đối tượng kết nối xuất hiện

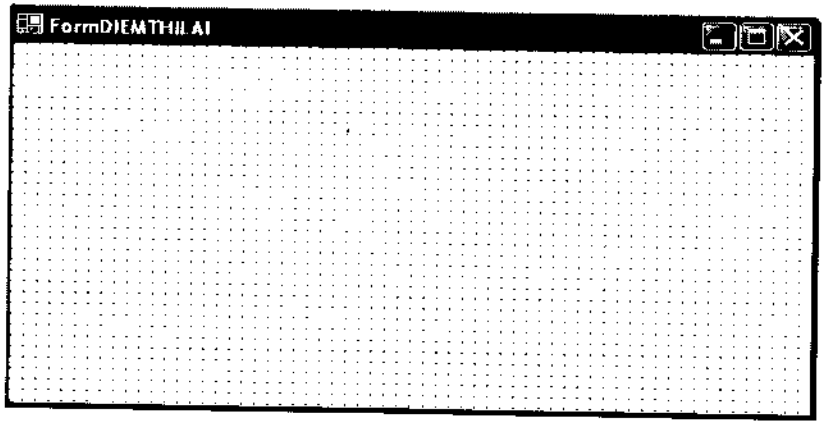

B4H114

- Click chọn **FormDIEMTHILAI**
- Vào menu **Data** chọn **Generate Dataset**, hộp thoại hiện ra như sau

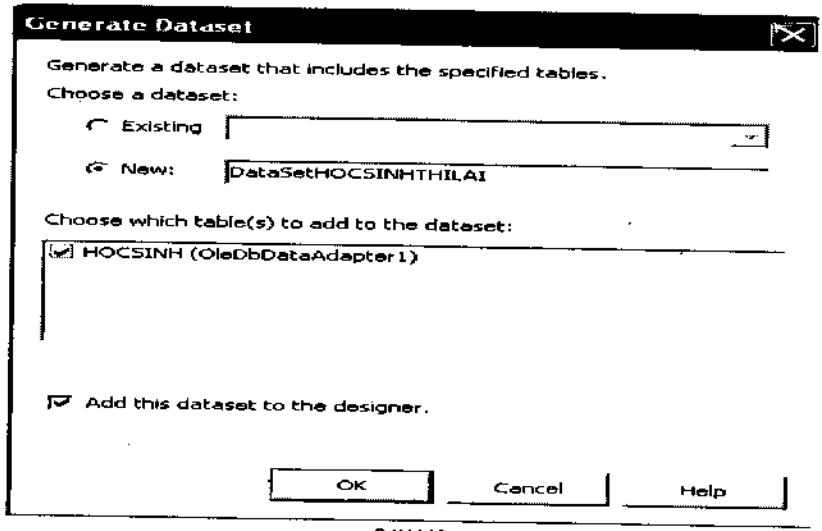

B4H115

▣ Đặt tên cho **Dataset** trong khung **New** là DataSetHOCSINHTHILAI

▣ Click chọn **Add this dataset to the designer** để đưa **Dataset** vào khay công cụ

▣ Click nút **OK**, bạn có thêm đối tượng Dataset trên khay công cụ như hình sau:

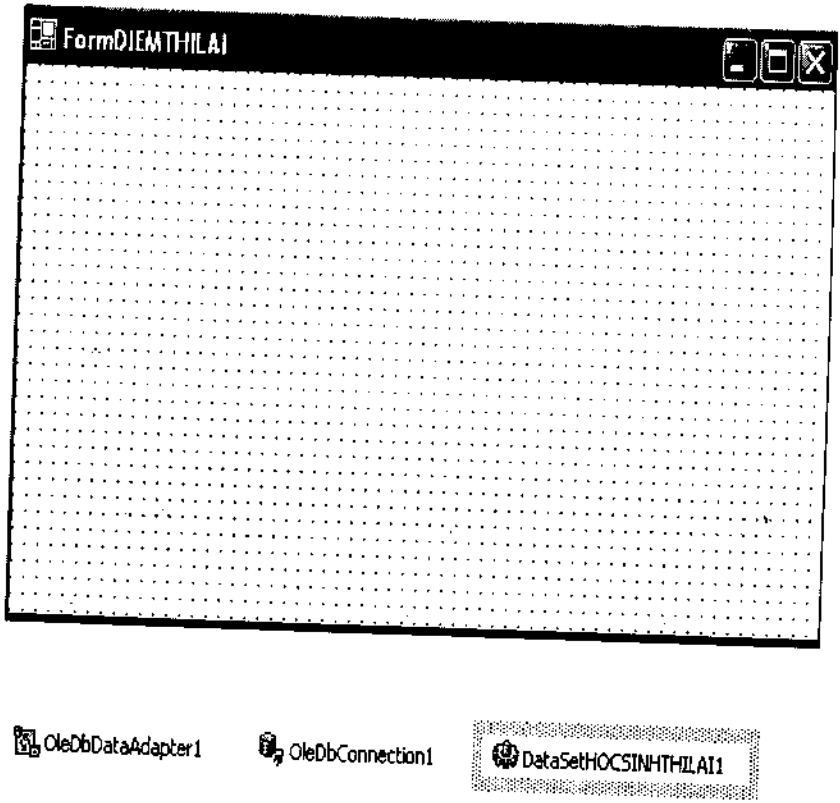

B4H116

▣ Click tab **Windows Forms** trên hộp công cụ

▣ Click chọn điều khiển **DataGrid** và đưa vào **Form**, bạn sẽ có **FormDIEMTHILAI** như sau:

Ghi chú:

Vì trên FormDIEMTHILAI sẽ có hai điều khiển DataGrid nên các bạn vẽ nhỏ như hình sau:

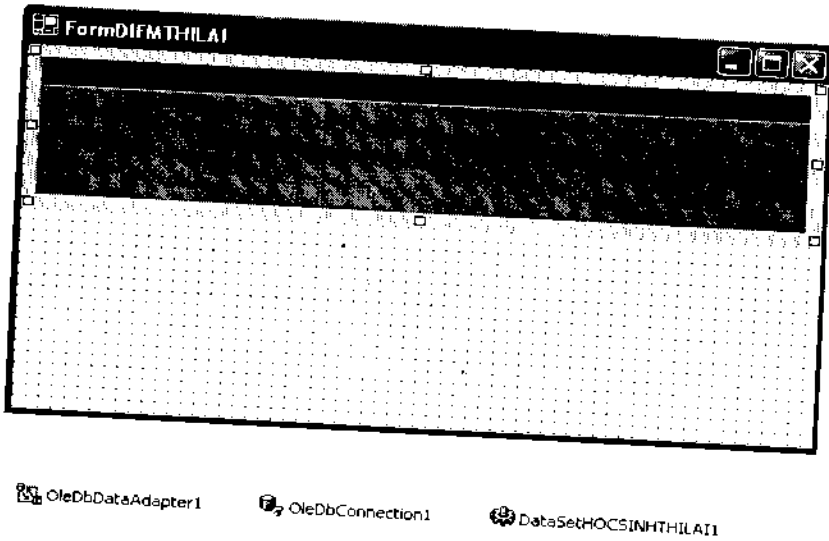

B4H117

- Click nút *phải chuột* trên điều khiển **DataGrid**, chọn **Properties** trong menu hiện ra

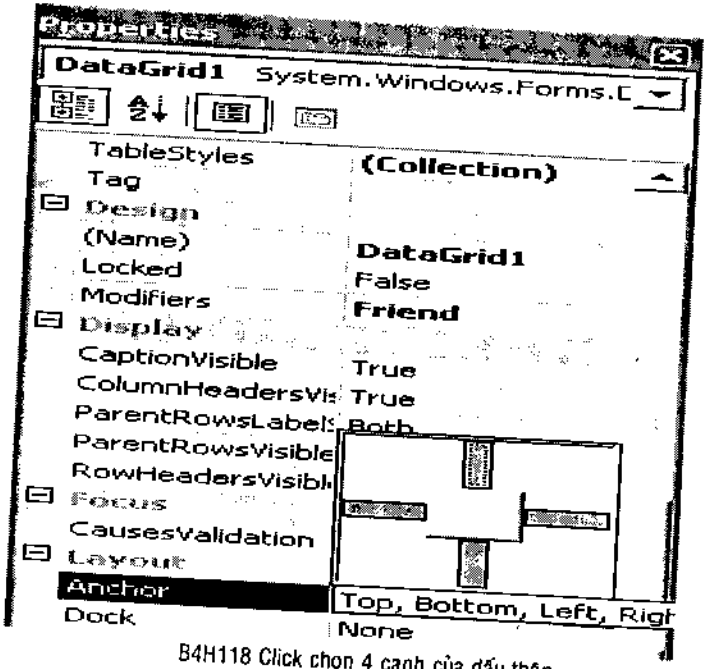

B4H118 Click chọn 4 cạnh của dấu thập

▣ Chọn 4 cạnh **Top**, **Left**, **Right** và **Bottom** để neo **DataGrid** về cả 4 phía.

▣ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataSource**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn **DatasetHOCSINHTHILAI1**

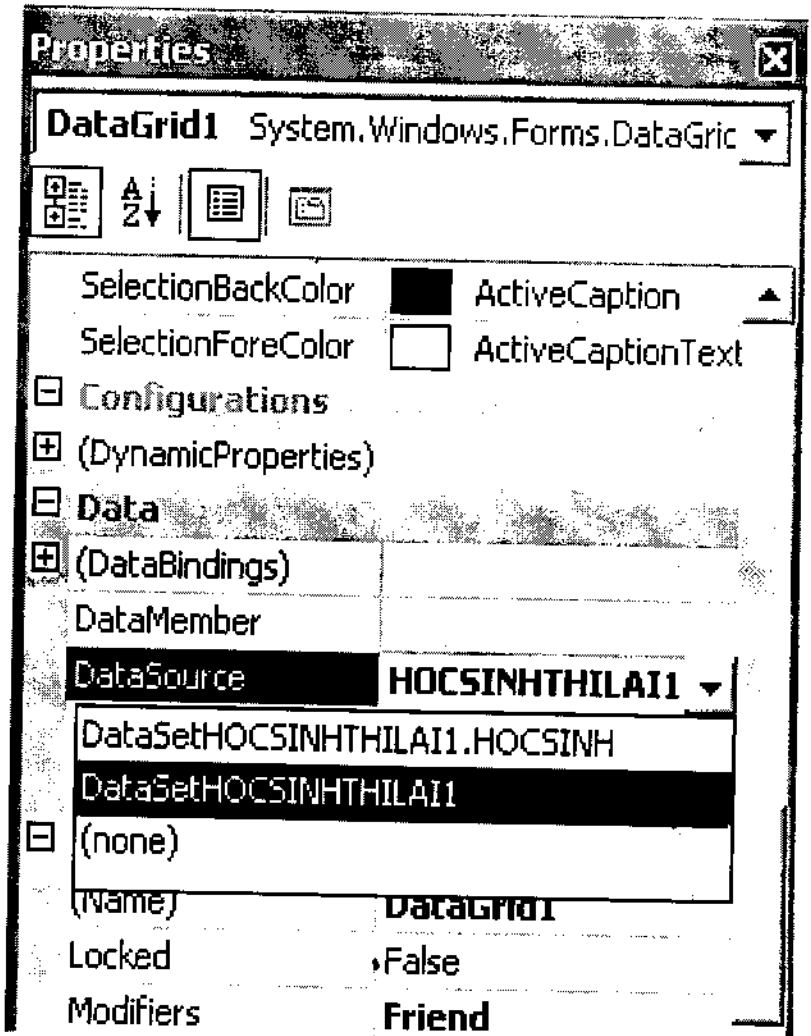

B4H119

▣ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataMember**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn bảng HOCSINH

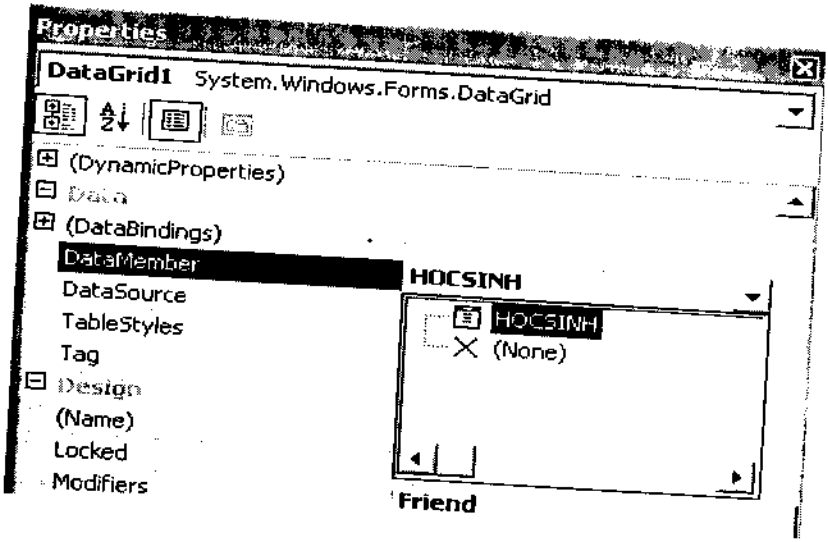

B4H120

Đóng hộp thoại **Properties**, bạn thấy **FormDIEMTHILAI** lúc này có dạng như sau:

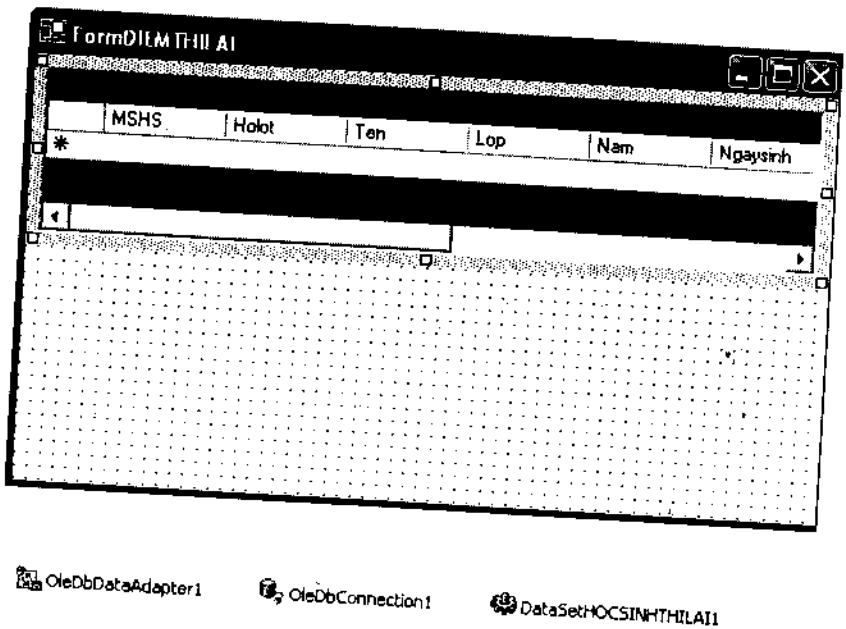

B4H121

Bây giờ chúng ta sẽ đưa điều khiển OleDataAdapter thứ hai vào khay công cụ. Bạn tiến hành các bước như khi đưa điều khiển này vào khay công cụ cho câu lệnh SQL của bảng HOCSINH. Chúng tôi chỉ dùng những hình chính, các bước khác chúng tôi sẽ lướt qua vì các bạn đã biết.

Bạn nhập vào câu lệnh SQL khi hộp thoại này hiện ra như sau:

SELECT * FROM DIEMTHILAI

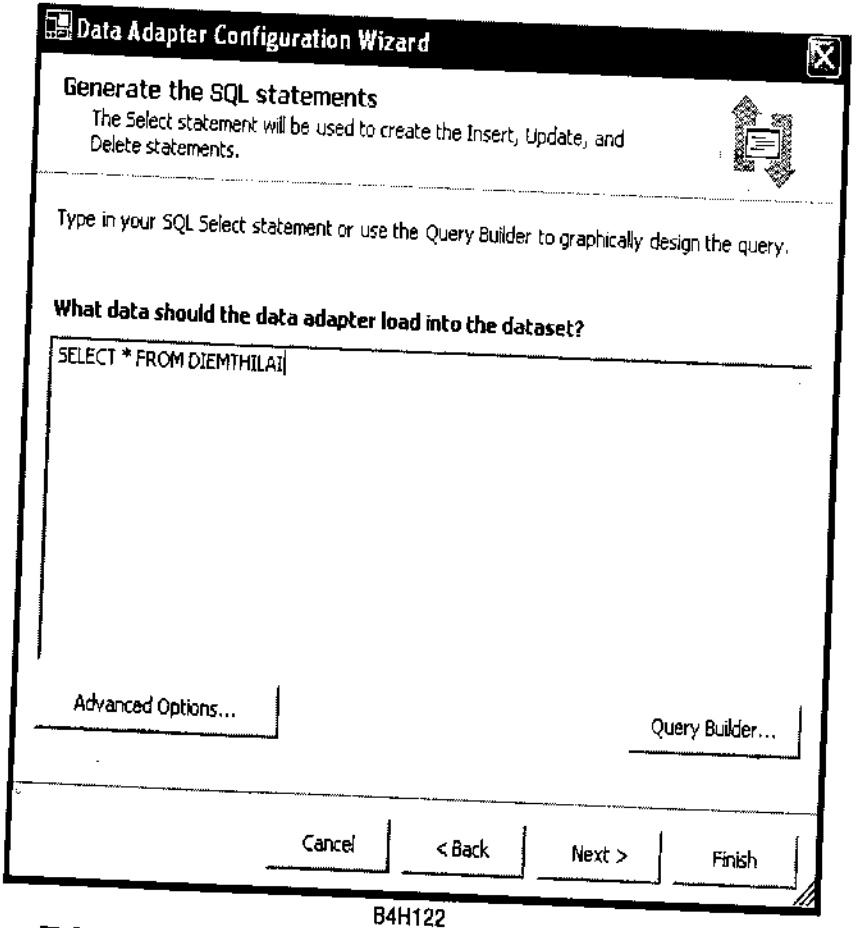

B4H122

- Click nút **Finish**
- Click chọn FormDIEMTHILAI
- Vào menu Data, chọn Generate Dataset, trong hộp thoại hiện ra, nhập tên DatasetDIEMTHILAI trong khung New

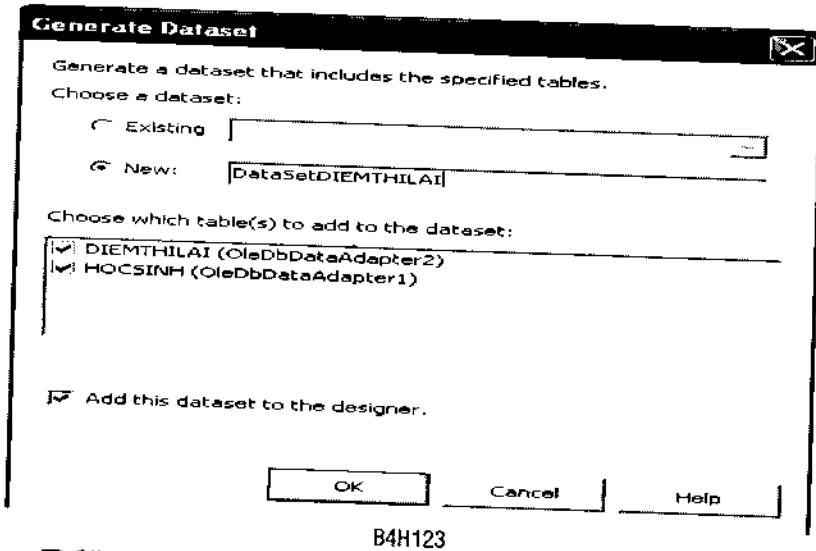

B4H123

Click nút OK, bạn sẽ thấy đối tượng DatasetDIEMTHILAI1 hiện ra trong khay công cụ

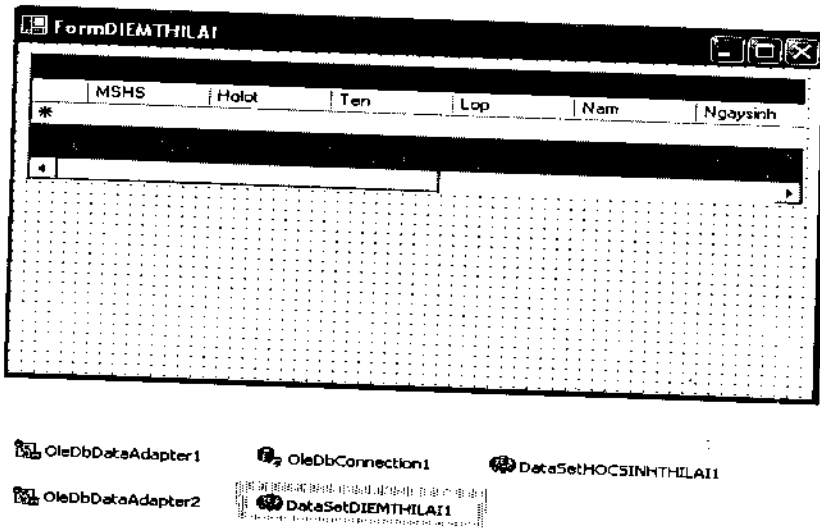

B4H124

Click chọn điều khiển **DataGrid** một lần nữa và đưa vào **Form**, bạn sẽ có **FormDIEMTHILAI** như sau:

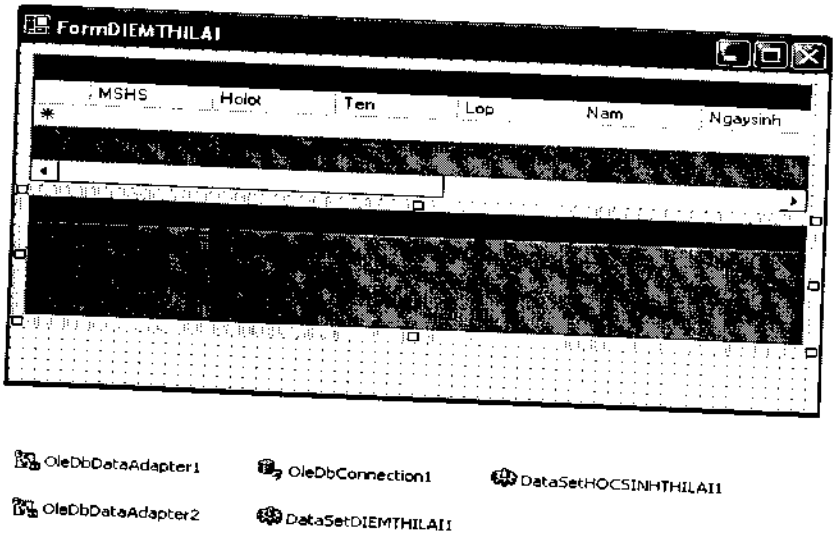

B4H125

Click nút *phải chuột* trên điều khiển **DataGrid**, chọn **Properties** trong menu hiện ra

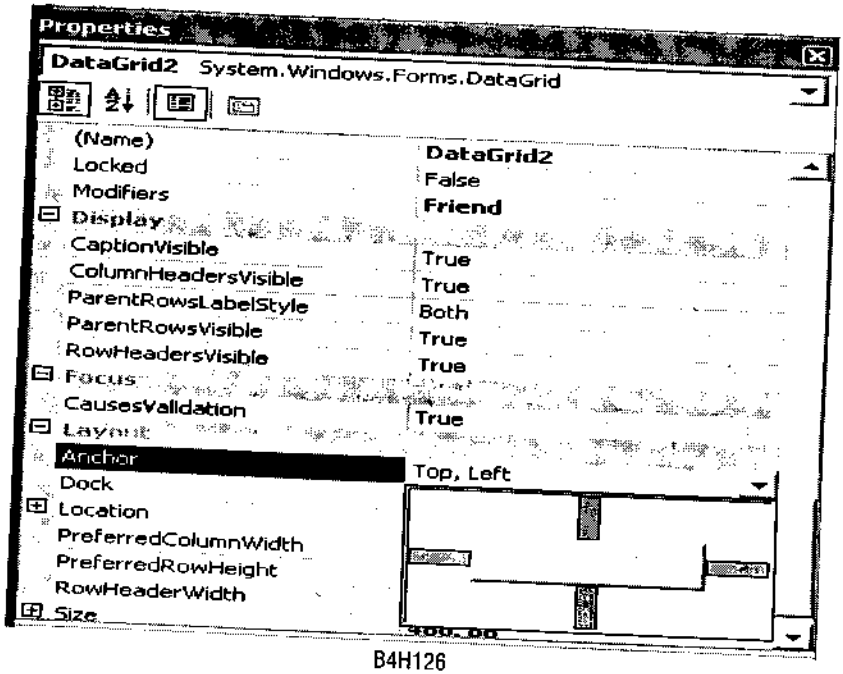

B4H126

▣ Chọn 4 cạnh **Top**, **Left**, **Right** và **Bottom** để neo **DataGrid** về cả 4 phía.

▣ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataSource**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn **DatasetDIEMTHILAI1**

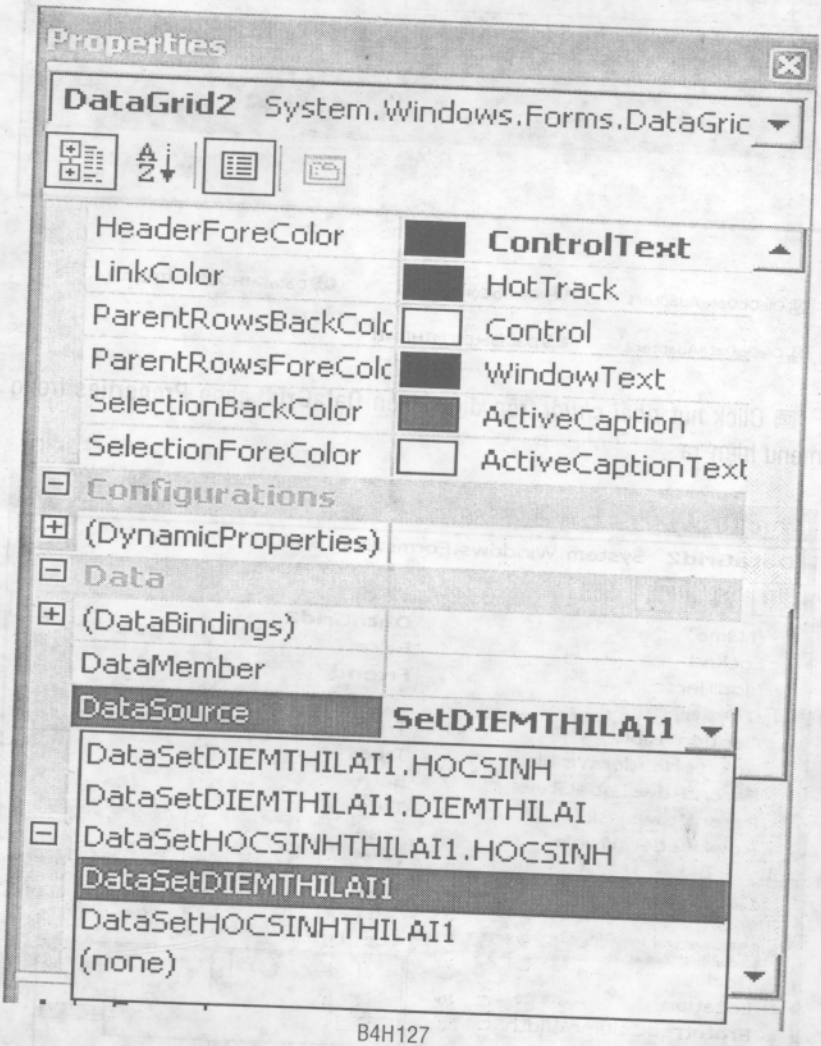

B4H127

▣ Click chọn *khung bên phải* của thuộc tính **DataMember**, click vào đầu mũi tên quay xuống, chọn bảng DIEMTHILAI

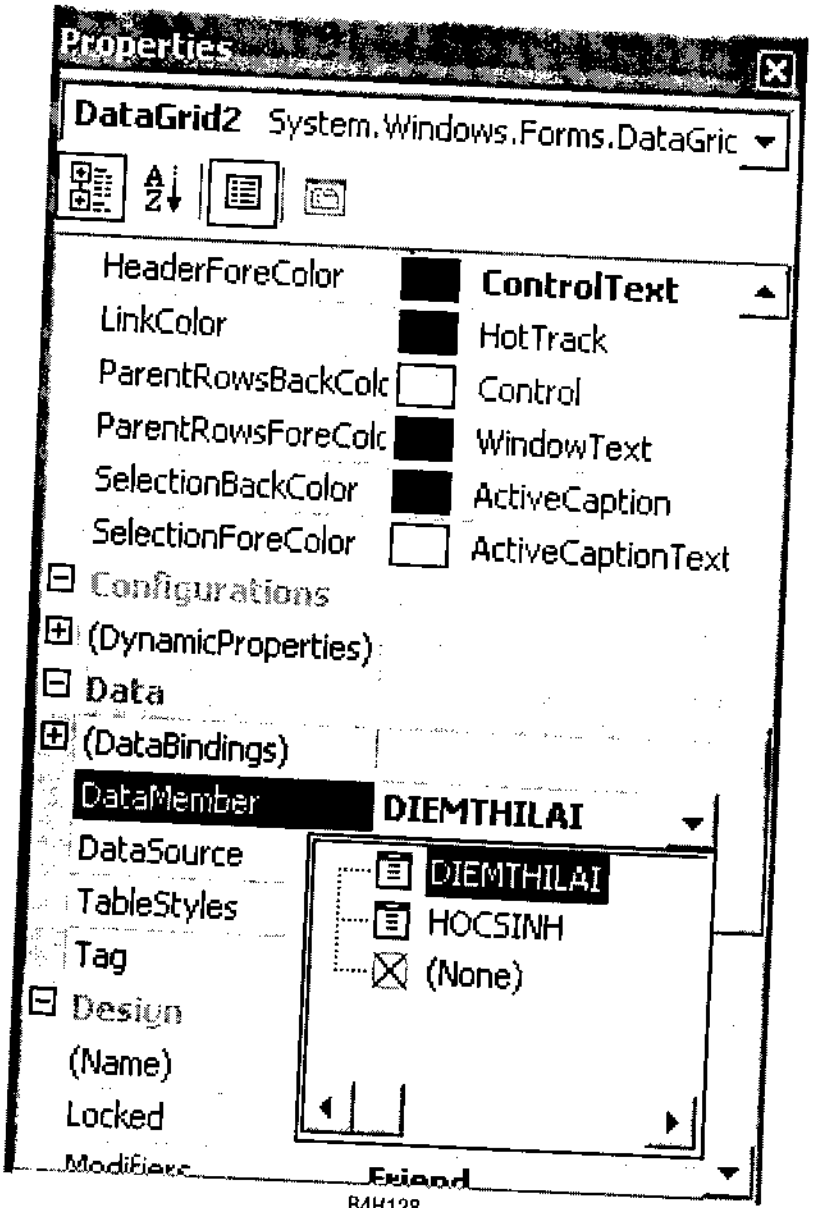

B4H128

◙ Đóng hộp thoại **Properties**, bạn thấy **FormDIEMTHILAI** lúc này có dạng như sau:

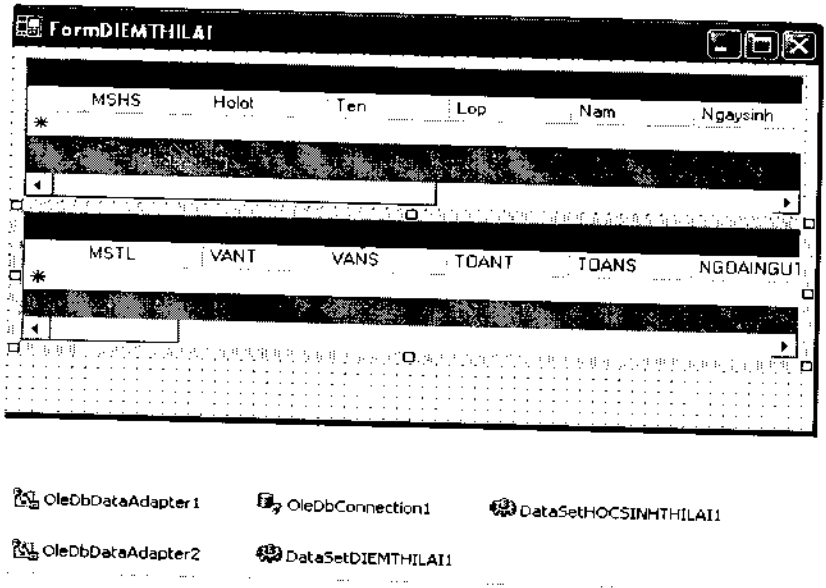

B4H129

▣ Thêm các **Button** vào cho **Form** và xác lập các thuộc tính cho chúng, bạn sẽ có hình sau:

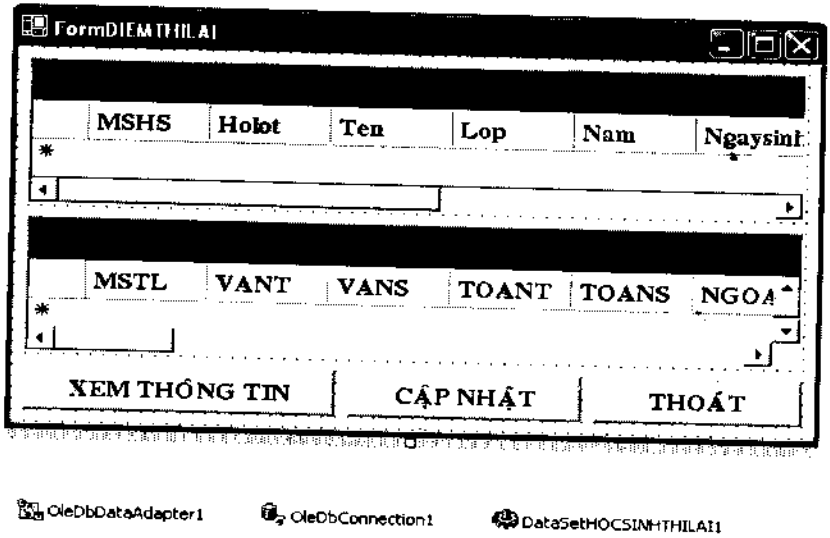

B4H130

Click chọn Form, click nút phải chuột tại chỗ trống trên Form, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho Form như đã cho ở trên, khi thực hiện xong, bạn sẽ thấy như hình sau:

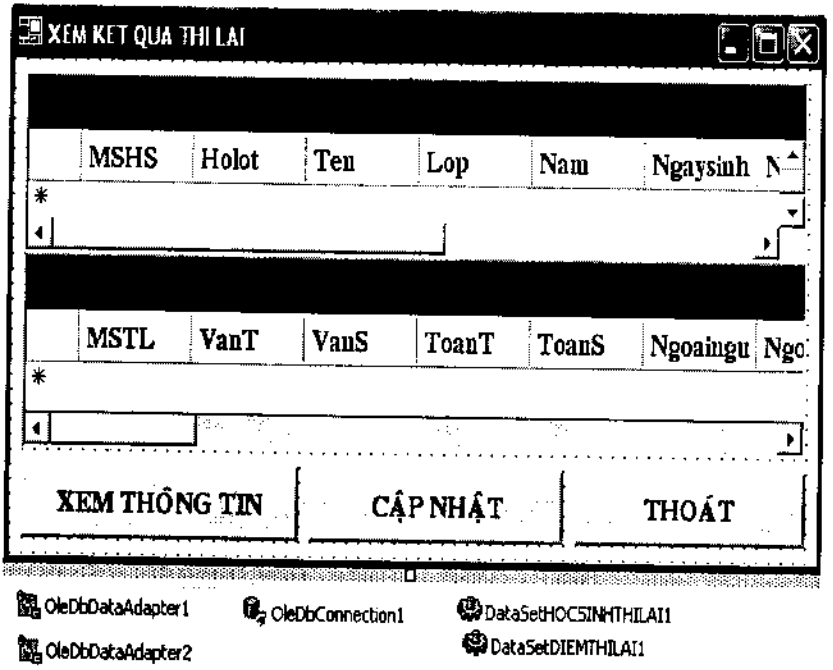

B4H131

Nhận xét:

Trong bốn Form con, bạn thấy trong mỗi Form có hai điều khiển lưới, để trên mỗi điều khiển lưới có tiêu đề để người sử dụng dễ xem, bạn thực hiện như sau:

Vào từng Form, click chọn từng điều khiển lưới, xác lập thêm một thuộc tính nữa cho điều khiển này, đó là thuộc tính Caption Text

- Đối với FormKHENTHUONG

◈ Điều khiển lưới trên

Caption text là "THÔNG TIN CỦA BẢNG HỌC SINH"

◈ Điều khiển lưới dưới

Caption text là "THÔNG TIN CỦA BẢNG KHEN THƯỞNG"

- Đối với FormKYLUAT

◈ Điều khiển lưới trên

Caption text là "THÔNG TIN CỦA BẢNG HỌC SINH"

◈ Điều khiển lưới dưới

Caption text là "THÔNG TIN CỦA BẢNG KỶ LUẬT"

• Đối với FormKETQUA

◈ Điều khiển lưới trên

Caption text là "THÔNG TIN CỦA BẢNG HỌC SINH"

◈ Điều khiển lưới dưới

Caption text là "THÔNG TIN CỦA BẢNG ĐIỂM TRUNG BÌNH"

• Đối với FormDIEMTHILAI

◈ Điều khiển lưới trên

Caption text là "THÔNG TIN CỦA BẢNG HỌC SINH"

◈ Điều khiển lưới dưới

Caption text là "THÔNG TIN CỦA BẢNG ĐIỂM THI LẠI"

Thực hiện xong, các bạn sẽ có các hình như sau:

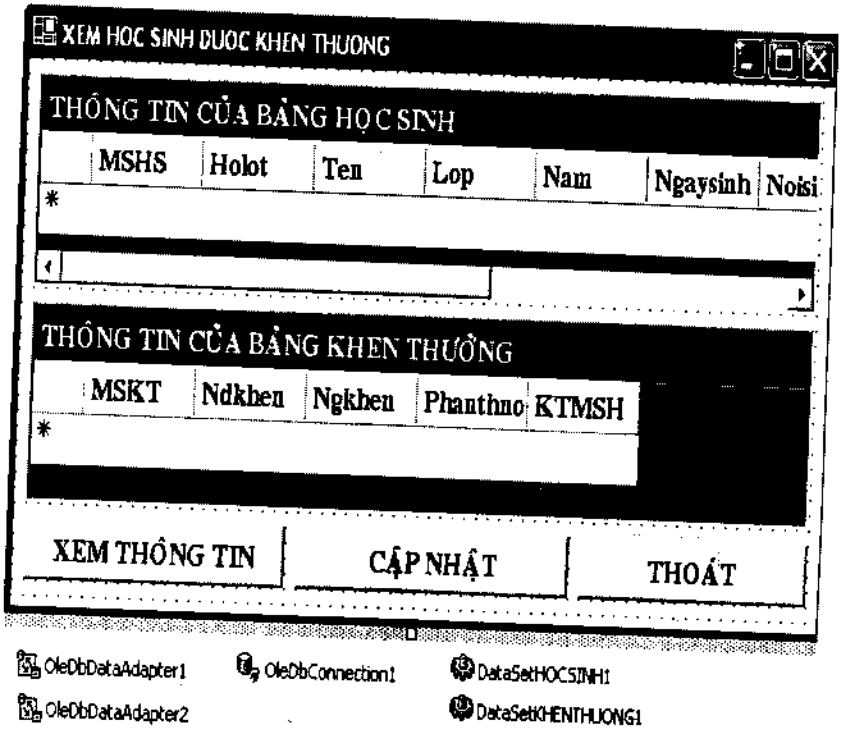

B4H132

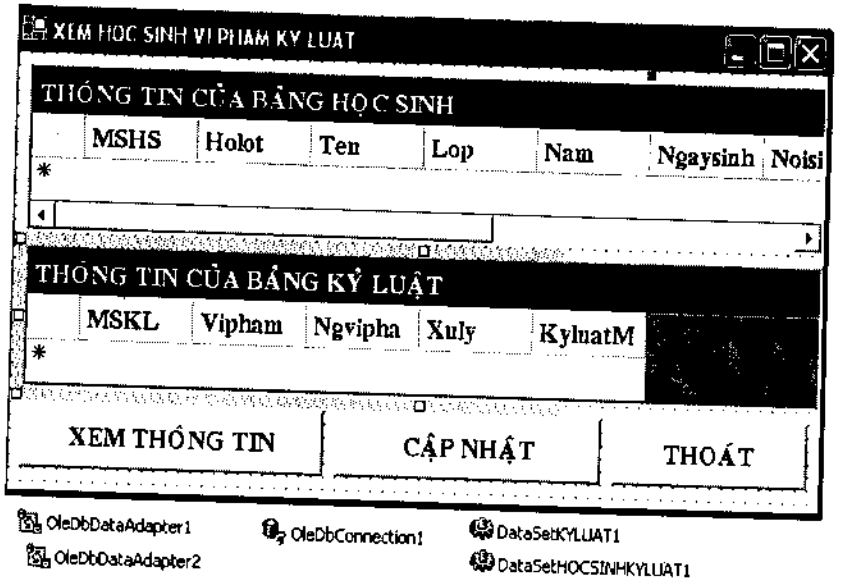

B4H133

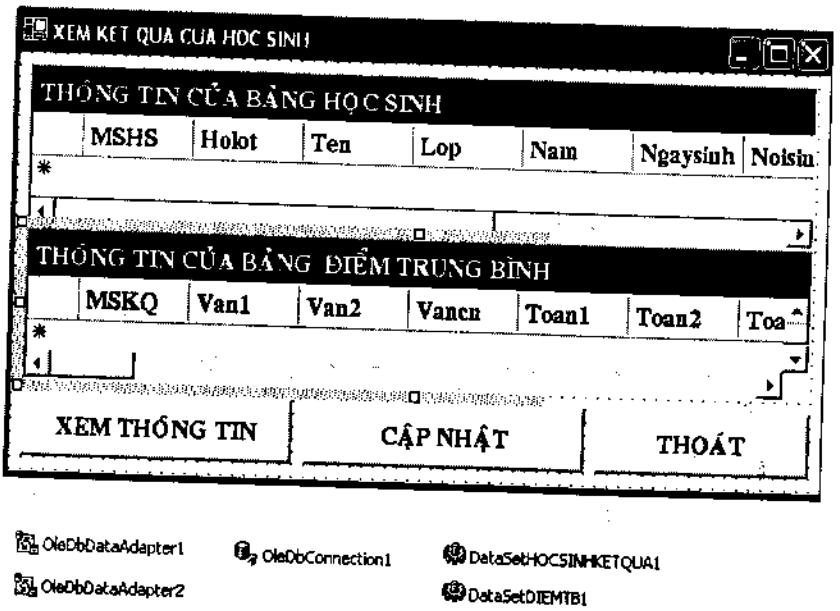

B4H134

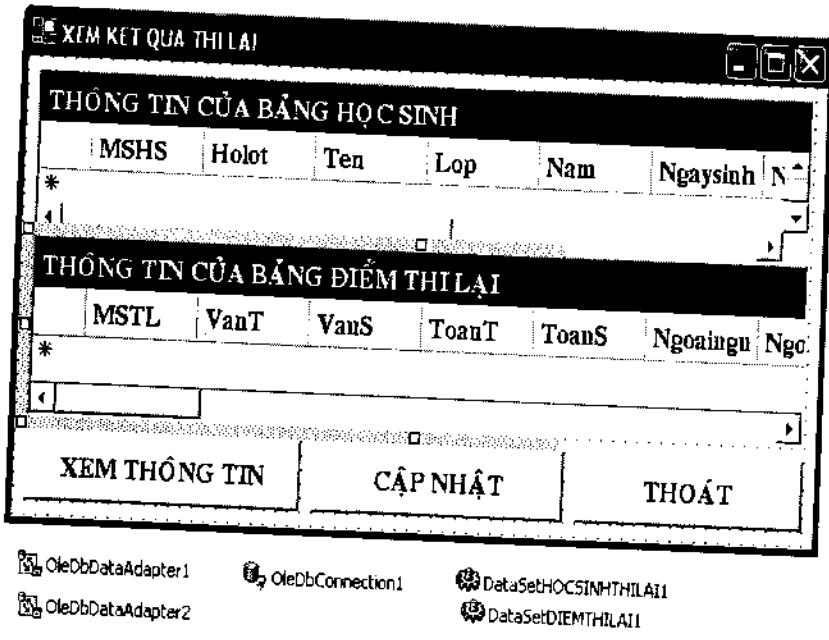

B4H135

Vậy là bạn đã hoàn thành việc thiết kế các Form cho chương trình, thực ra khi làm, bạn sẽ thực hiện rất mau, bạn chỉ cần nắm các nguyên tắc cơ bản như:

① Tạo CSDL

② Vào Visual Basic .NET

③ Đặt tên và địa chỉ cho Project

④ Kết nối Project đến CSDL

⑤ Chọn đối tượng OleDataAdapter đưa vào khay công cụ của Form

⑥ Tạo và đặt tên cho Dataset

⑦ Đưa các điều khiển để thể hiện thông tin của các bảng trong CSDL, có thể dùng DataGrid, TextBox ... Lưu ý phải kết nối các thuộc tính của các điều khiển với Dataset và bảng.

Ghi chú:

Muốn xem cửa sổ thiết kế nào, bạn click Icon có tên Solution Explorer trên thanh công cụ, cửa sổ sẽ hiện ra phía bên phải của Form như hình sau:

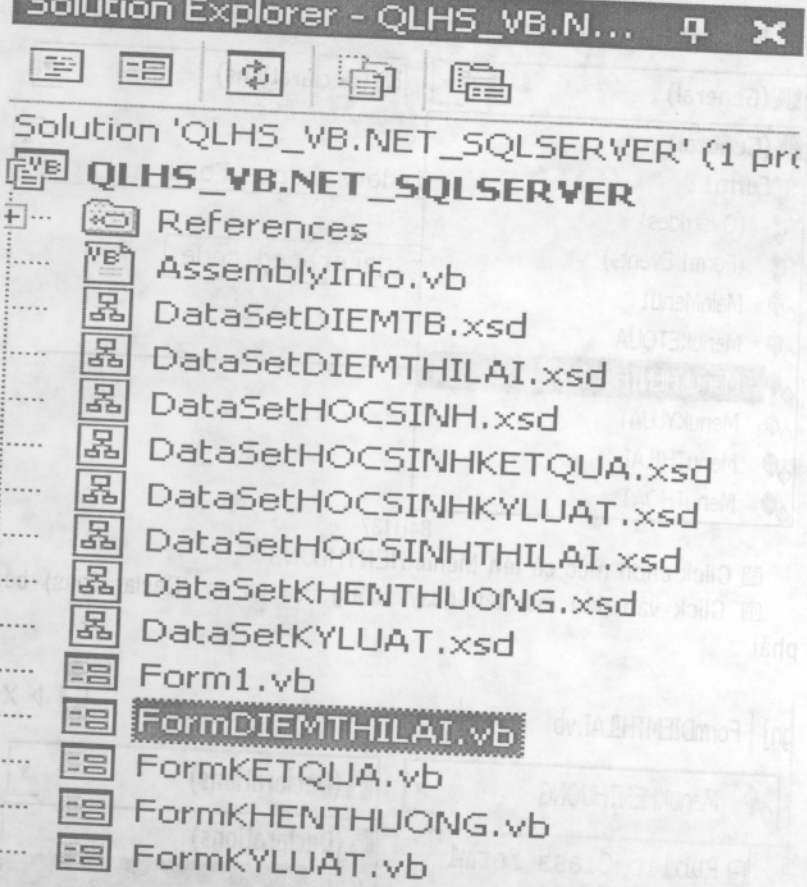

B4H136

- Chọn Form cần thể hiện
- Click nút View Designer để xem Form thiết kế
- Click nút View Code để vào cửa sổ viết code

② Viết và giải thích code của chương trình

■ Viết code cho Form cha (Form1)

● Viết code cho mục MenuKhenthuong

Click nút phải chuột trong Form cha, chọn View Code, trong cửa sổ viết code hiện ra, click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái

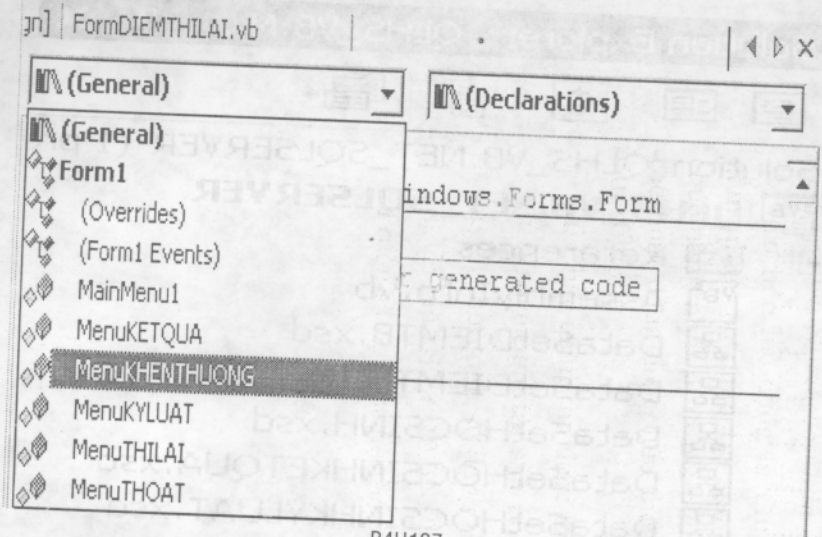

B4H137

- Click chọn mục có tên MenuKHENTHUONG
- Click vào đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải

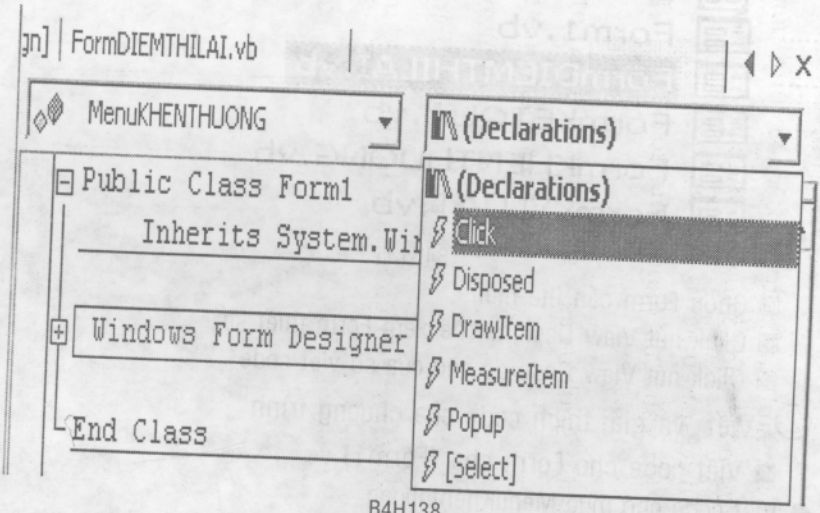

B4H138

- Click sự kiện có tên Click trong khung hiện ra, chọn xong, bạn sẽ thấy cửa sổ viết code như sau:

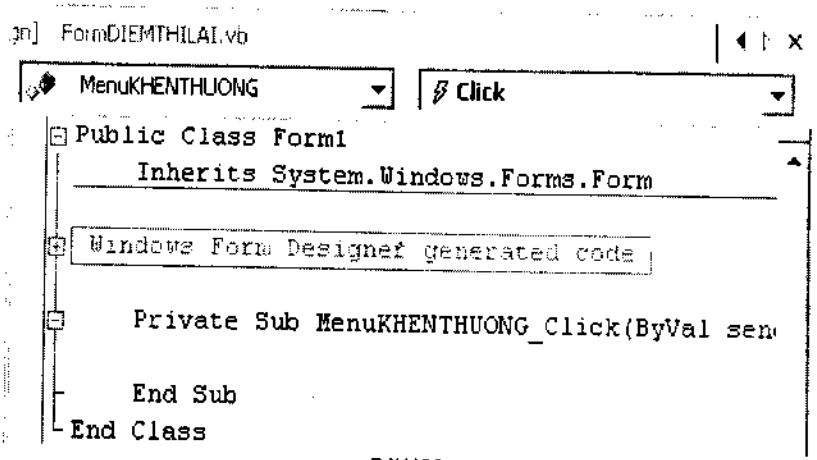

B4H139

Bạn viết code cho khoản mục menu này như sau:

```
Private Sub MenuKHENTHUONG_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles MenuKHENTHUONG.Click
    Dim Khenthuong As New FormKHENTHUONG
    Khenthuong.ShowDialog()
End Sub
```

- Khai báo biến Khenthuong có kiểu FormKhenthuong
- Cho FormKenthuong xuất hiện

● Viết code cho mục MenuKyluat

Thực hiện tượng tự để xuất hiện thủ tục viết code cho mục MenuKyluat, bạn viết code là hai câu lệnh như sau:

```
Private Sub MenuKYLUAT_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles MenuKYLUAT.Click
    Dim Kyluat As New FormKYLUAT
    Kyluat.ShowDialog()
End Sub
```

● Viết code cho mục MenuKetqua

Thực hiện tượng tự để xuất hiện thủ tục viết code cho mục MenuKetqua, bạn viết code là hai câu lệnh như sau:

```
Private Sub MenuKETQUA_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles MenuKETQUA.Click
    Dim Ketqua As New FormKETQUA
    Ketqua.ShowDialog()
End Sub
```

● Viết code cho mục MenuThilai

Thực hiện tương tự để xuất hiện thủ tục viết code cho mục MenuThilai, bạn viết code là hai câu lệnh như sau:

```
Private Sub MenuTHILAI_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles MenuTHILAI.Click
    Dim Thilai As New FormDIEMTHILAI
    Thilai.ShowDialog()
End Sub
```

● Viết code cho mục MenuThoat

Thực hiện tương tự để xuất hiện thủ tục viết code cho mục MenuThoat, bạn viết code là câu lệnh như sau:

```
Private Sub MenuTHOAT_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles MenuTHOAT.Click
  End
End Sub
```

■ Viết code cho FormKHENTHUONG

● Viết code cho button có tên ButtonXem

▣ Bạn click nút Solution Explorer, chọn FormKHENTHUONG.vb, click nút View Code.

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonXem

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

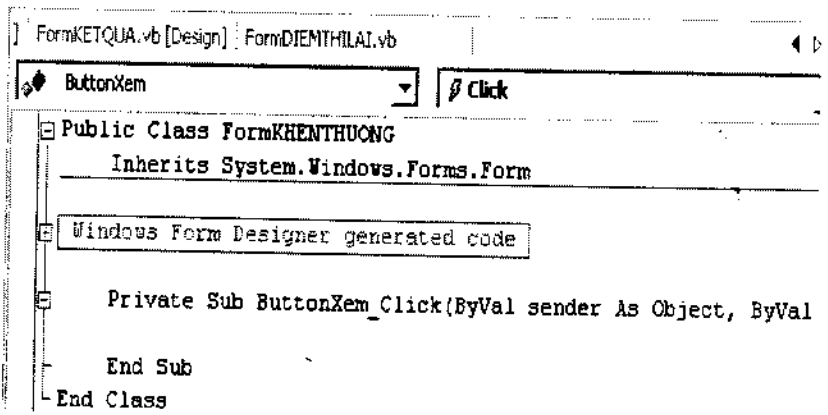

▣ Viết hai câu lệnh vào giữa như sau:

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click
    DataSetHOCSINH1.Clear()
    DataSetKHENTHUONG1.Clear()
    OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetHOCSINH1)
    OleDbDataAdapter2.Fill(DataSetKHENTHUONG1)
End Sub
```

Giải thích:

◈ Phương thức Clear() sẽ xóa nội dung dữ liệu trong Dataset mang tên DatasetHOCSINH1 và DatasetKHENTHUONG1

◈ Phương thức Fill() của OleDbDataAdapter1 sẽ đổ dữ liệu vào DatasetHOCSINH1. Phương thức Fill() của OleDbDataAdapter2 sẽ đổ dữ liệu vào DatasetKHENTHUONG1.

● Viết code cho button có tên ButtonCapnhat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonCapnhat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click
    Try
        OleDbDataAdapter1.Update(DataSetHOCSINH1)
        OleDbDataAdapter1.Update(DataSetKHENTHUONG1)
    Catch ex As Exception
        MsgBox(ex, ToString)
    End Try
End Sub
```

Ghi chú:

*Trong **Visual Basic .NET** dữ liệu sửa trên điều khiển lưới khi thực hiện chương trình sẽ không tự động thay đổi trên bảng dữ liệu vật lý, muốn lấy những gì thay đổi trên khung lưới sẽ thay đổi trong bảng dữ liệu vật lý, chúng ta phải dùng phương thức **Update()**. Đây là một phương thức an toàn để dữ liệu của bạn không bị tác động xấu như xóa, thay đổi giá trị, thêm mới dữ liệu khi chưa được phép.*

Giải thích:

▣ Phương thức **Update()** của **OleDbDataAdapter1** sẽ lấy những thay đổi trong tập **Dataset** mang tên **DatasetHOCSINH1** cập nhật vào bảng dữ liệu vật lý có tên HOCSINH thuộc CSDL có tên QUANLYHOCSINH trong Microsoft SQL Server 2000. Các bạn cần ghi nhớ điều này để thực hiện theo đúng yêu cầu và mong muốn của mình. Khi cập nhật dữ liệu, để đề phòng trường hợp xảy ra lỗi khi kết nối bị đứt hoặc không tìm thấy mẫu tin cần cập nhật. Phát biểu **Try ... Catch** bao bọc bên ngoài sẽ thực hiện tác vụ đón bắt lỗi xảy ra nếu có. Trong trường hợp trên hộp thông báo hiện ra thông báo cho bạn biết.

● Viết code cho button có tên ButtonThoat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonThoat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                              System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click
    Me.Close()
End Sub
```

Giải thích:

▣ Trong menu bạn phải dùng lệnh Me.Close(), Me chỉ Form hiện hành, phương thức Close() dùng để đóng Form hiện hành lại, khi đóng vẫn ở Form cha, nếu bạn dùng lệnh End thì khi nhấn nút thoát nó sẽ về cửa sổ viết code (thoát khỏi Form cha)

■ Viết code cho FormKYLUAT

● Viết code cho button có tên ButtonXem

▣ Bạn click nút Solution Explorer, chọn FormKYLUAT.vb, click nút View Code.

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonXem

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết hai câu lệnh vào giữa như sau:

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                            System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click
```

```
        DataSetHOCSINHKYLUAT1.Clear()
        DataSetKYLUAT1.Clear()
        OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetHOCSINHKYLUAT1)
        OleDbDataAdapter2.Fill(DataSetKYLUAT1)
    End Sub
```

Các câu lệnh này, bạn đã biết, chúng tôi không giải thích nữa

- Viết code cho button có tên ButtonCapnhat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonCapnhat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                        System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click
    Try
        OleDbDataAdapter1.Update(DataSetHOCSINHKYLUAT1)
        OleDbDataAdapter1.Update(DataSetKYLUAT1)
    Catch ex As Exception
        MsgBox(ex, ToString)
    End Try
End Sub
```

- Viết code cho button có tên ButtonThoat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonThoat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                        System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click
    Me.Close()
End Sub
```

■ Viết code cho FormKETQUA

- Viết code cho button có tên ButtonXem

▣ Bạn click nút Solution Explorer, chọn FormKETQUA.vb, click nút View Code.

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonXem

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết hai câu lệnh vào giữa như sau:

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                            System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click
    DataSetHOCSINHKETQUA1.Clear()
    DataSetDIEMTB1.Clear()
    OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetHOCSINHKETQUA1)
    OleDbDataAdapter2.Fill(DataSetDIEMTB1)
End Sub
```

Các câu lệnh này, bạn đã biết, chúng tôi không giải thích nữa

- Viết code cho button có tên ButtonCapnhat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonCapnhat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                                System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click
    Try
        OleDbDataAdapter1.Update(DataSetHOCSINHKETQUA1)
        OleDbDataAdapter1.Update(DataSetDIEMTB1)
    Catch ex As Exception
        MsgBox(ex, ToString)
    End Try
End Sub
```

- Viết code cho button có tên ButtonThoat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonThoat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                              System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click
```

```
        Me.Close()
    End Sub
```

■ Viết code cho FormDIEMTHILAI

● Viết code cho button có tên ButtonXem

▣ Bạn click nút Solution Explorer, chọn FormDIEMTHILAI.vb, click nút View Code.

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonXem

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết hai câu lệnh vào giữa như sau:

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                            System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click
    DataSetHOCSINHTHILAI1.Clear()
    DataSetDIEMTHILAI1.Clear()
    OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetHOCSINHTHILAI1)
    OleDbDataAdapter2.Fill(DataSetDIEMTHILAI1)
End Sub
```

Các câu lệnh này, bạn đã biết, chúng tôi không giải thích nữa

● Viết code cho button có tên ButtonCapnhat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonCapnhat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                            System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click
    Try
        OleDbDataAdapter1.Update(DataSetHOCSINHTHILAI1)
        OleDbDataAdapter1.Update(DataSetDIEMTHILAI1)
    Catch ex As Exception
        MsgBox(ex, ToString)
    End Try
End Sub
```

● Viết code cho button có tên ButtonThoat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonThoat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                              System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click
    Me.Close()
End Sub
```

③ Chạy thử chương trình

▣ Nhấn phím F5 chạy thử chương trình, bạn sẽ thấy cửa sổ như hình sau:

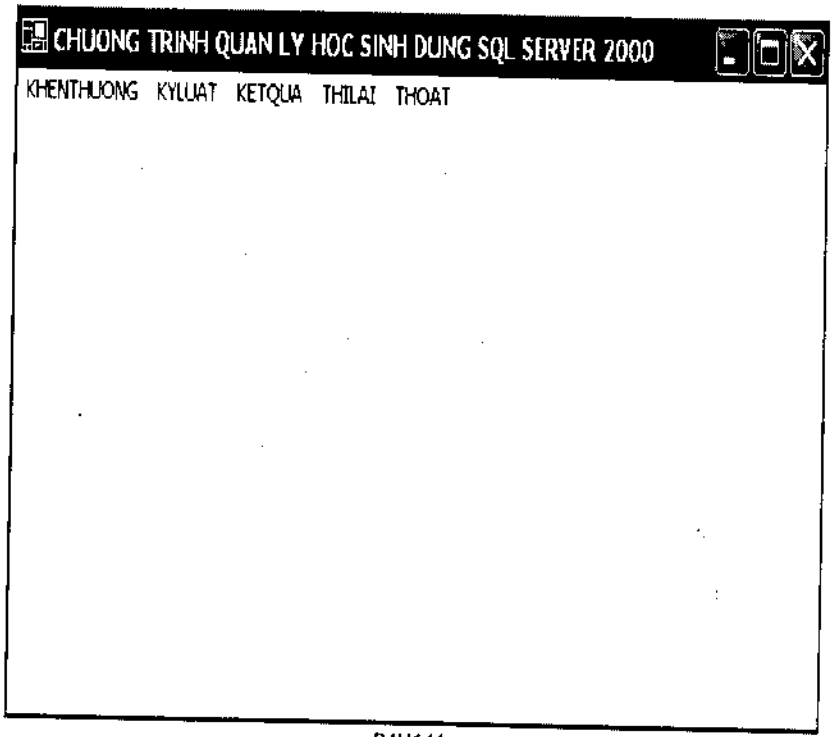

B4H141

▣ Giả sử bạn click mục KHENTHUONG, bạn có hình như sau:

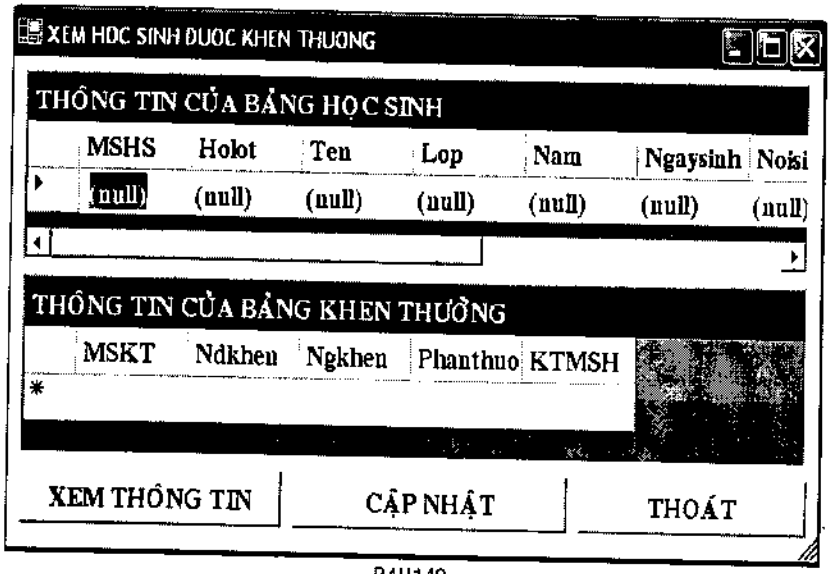

B4H142

Click nút có tiêu đề "XEM THÔNG TIN", bạn sẽ có kết quả như hình sau:

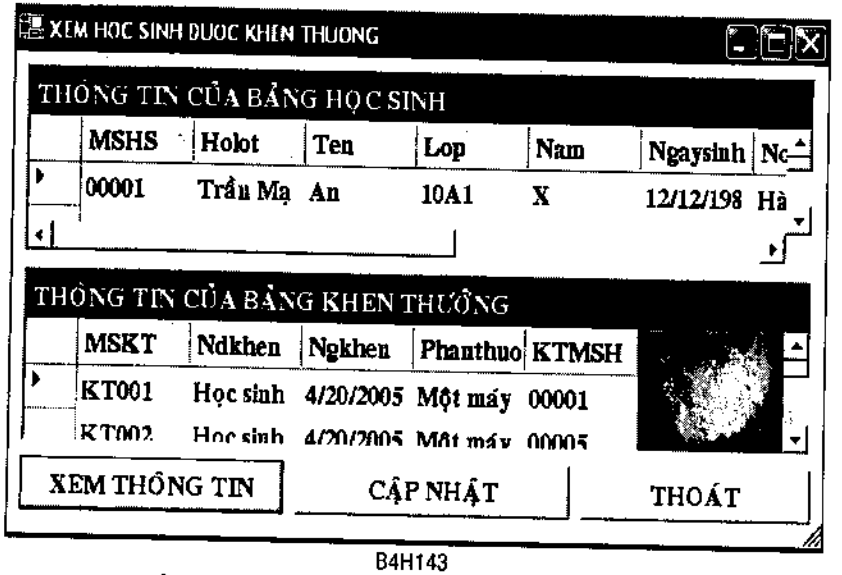

B4H143

Bạn có thể di chuyển con trượt trên hai điều khiển lưới DataGrid để xem thông tin trong hai bảng HOCSINH và KHENTHUONG.

▣ Click nút "THOÁT" để thoát khỏi FormKHENTHUONG, bạn sẽ trở lại menu cha. Giả sử click mục KYLUAT trên menu, bạn sẽ thấy như hình sau:

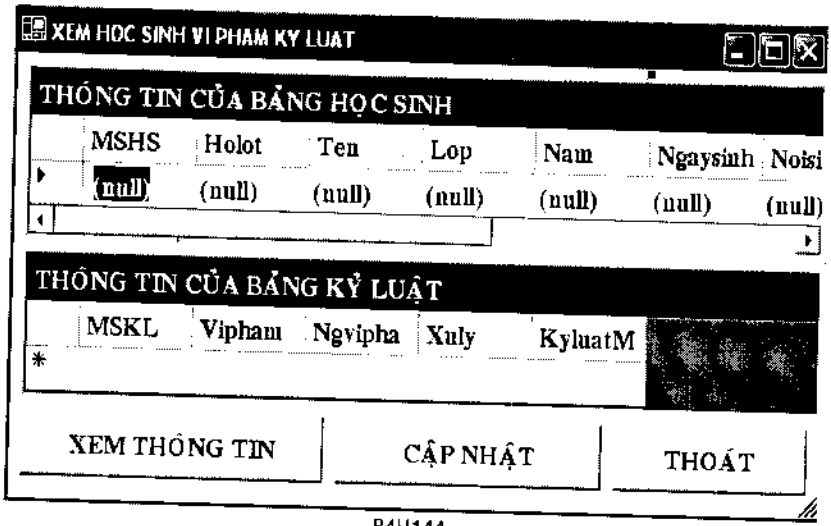

B4H144

▣ Click nút "XEM THÔNG TIN" bạn sẽ có kết quả như hình sau:

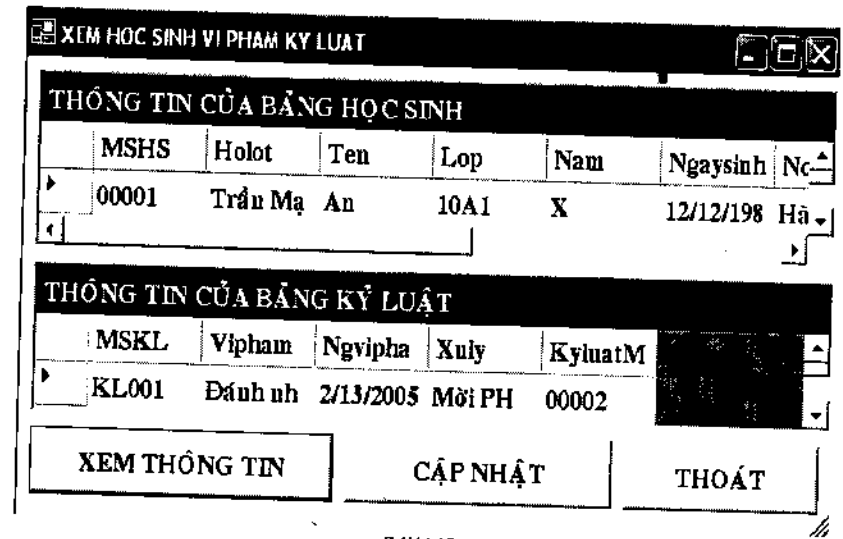

B4H145

Bạn di chuyển con trượt để xem thông tin trong các điều khiển lưới

- Click nút "THOÁT" để trở về menu chính
- Giả sử click mục KETQUA, bạn sẽ có hình như sau:

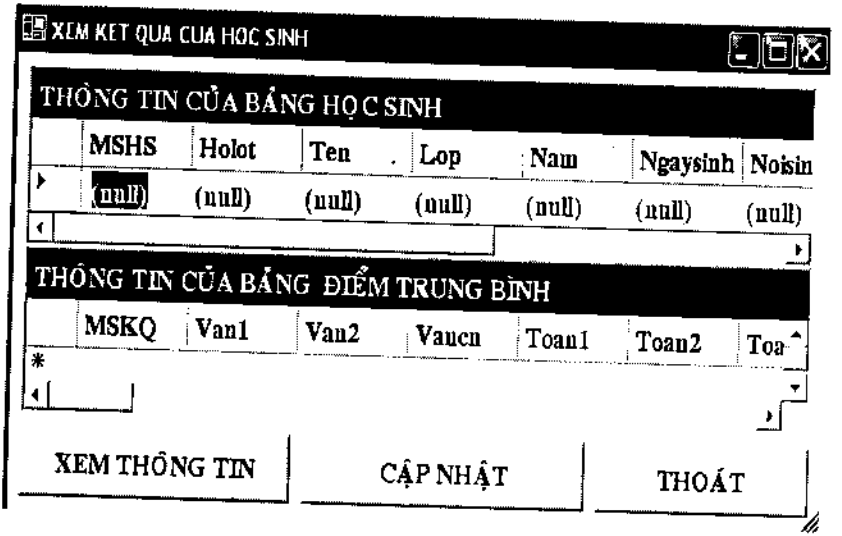

B4H146

- Click nút "XEM THÔNG TIN", bạn sẽ thấy hình như sau:

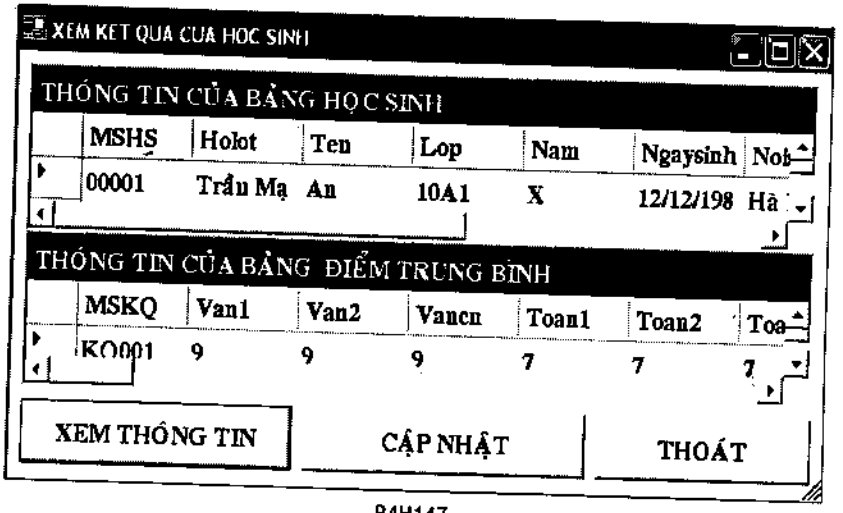

B4H147

Bạn có thể xem thông tin trong các điều khiển lưới, xem xong bạn click nút "THOÁT" để trở về menu chính, giả sử bạn chọn mục THILAI

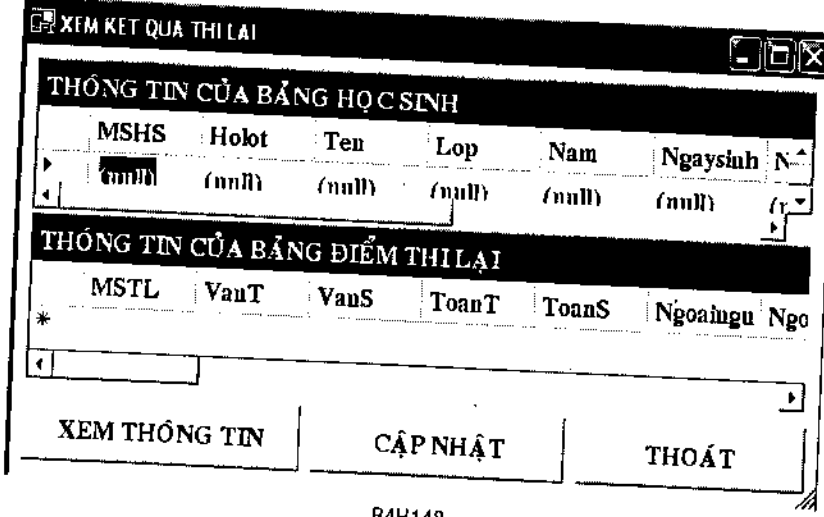

B4H148

- Click nút "XEM THÔNG TIN" bạn sẽ thấy kết quả như hình sau:

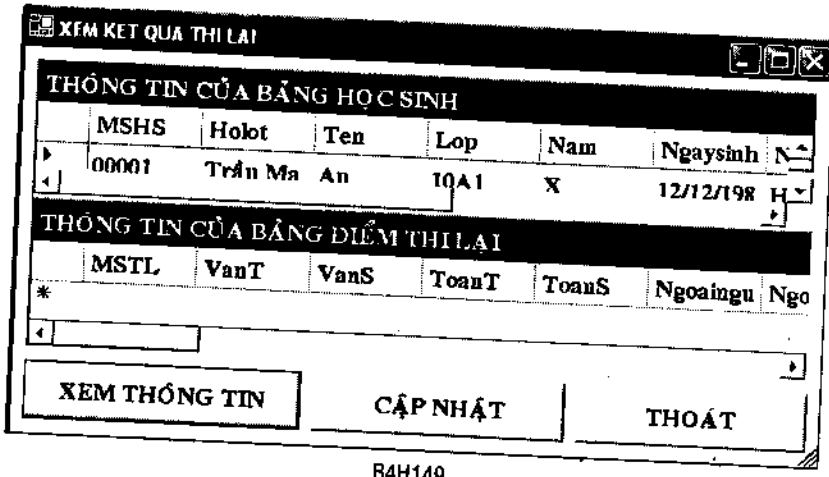

B4H149

Thực hiện như trên, các bạn thấy các Form hiện ra để chúng ta xem thông tin. Nếu như tập tin có hàng ngàn mẫu tin, việc tìm kiếm một học sinh rất là phức tạp. Nếu có một phụ huynh học sinh đến hỏi con tôi có mã số học sinh là "00007" có được khen thưởng không, bạn sẽ thực hiện như sau:

- Thoát khỏi chương trình nếu như đang thực hiện
- Cho FormKHENTHUONG hiện ra ở dạng thiết kế

Click nút phải chuột tại đối tượng OleDbDataAdapter2 trên khay công cụ phía dưới Form

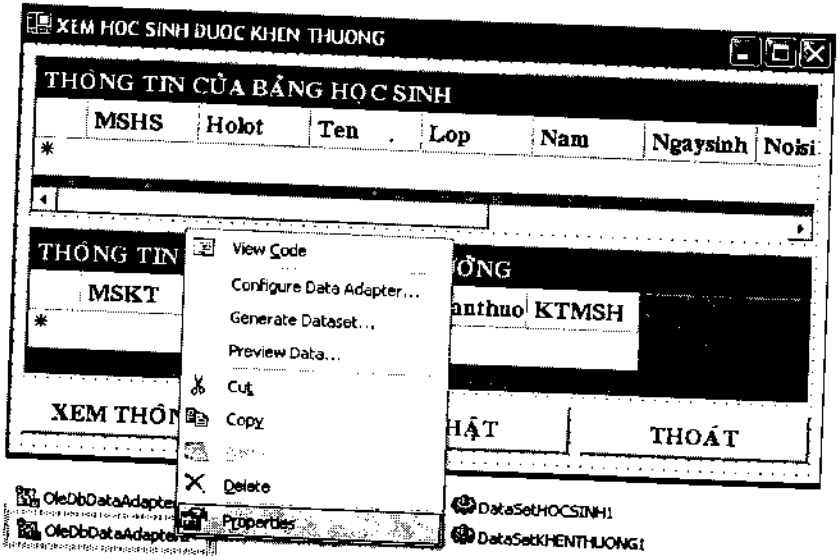

B4H150

Chọn Properties trong menu hiện ra, trong bảng Properties, click dấu "+" trước SelectCommand, nhập câu lệnh SQL như sau vào khung bên phải của thuộc tính CommandText

SELECT * FROM KHENTHUONG WHERE KTMSHS='00007'

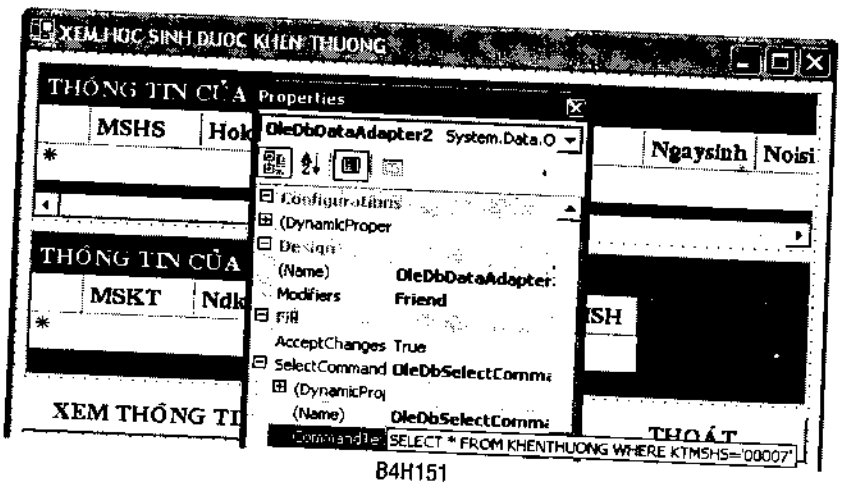

B4H151

Ghi chú:

Trong Access, chuỗi được bao bởi cặp nháy kép ("), còn trong SQL Server thì chuỗi được bao trong cặp nháy đơn (')

Nhập xong bạn sẽ thấy hộp thoại hiện ra hỏi bạn có muốn thay thế câu lệnh mới này không, bạn click nút Yes.

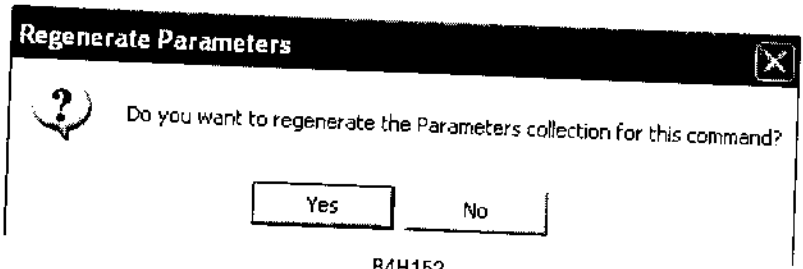

B4H152

Nhấn phím F5 chạy thử chương trình, chọn mục KHENTHUONG, click nút "XEM THÔNG TIN" bạn thấy kết quả như hình sau:

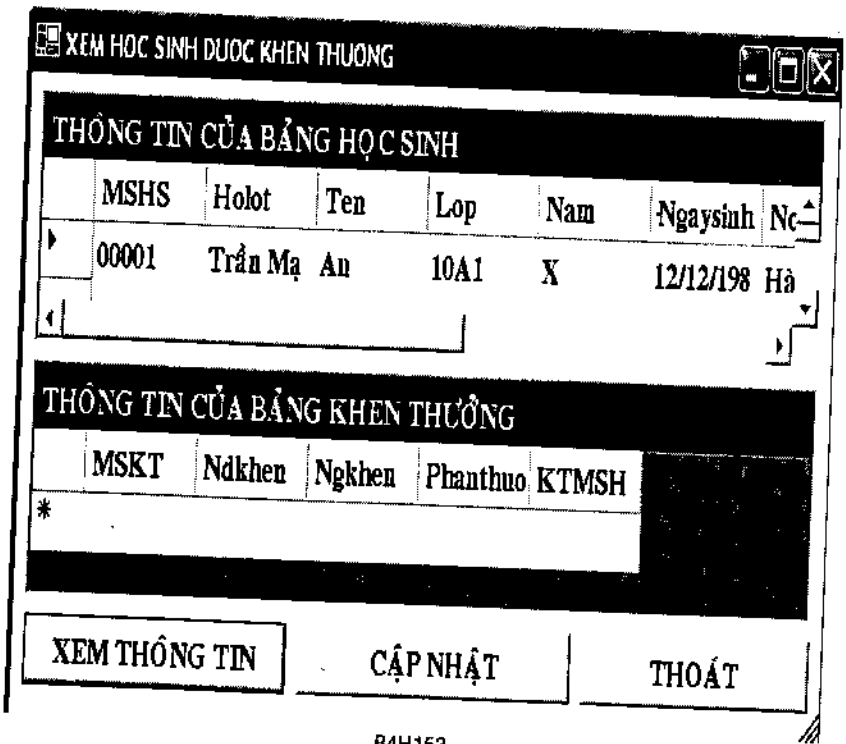

B4H153

Nhìn vào DataGrid bên dưới của bảng khen thưởng, bạn thấy thông tin trống không, nghĩa là học sinh có mã số "00007" không được lãnh thưởng.

Bạn thoát khỏi chương trình, thực hiện lại các bước như trên, nhập vào câu lệnh SQL như sau:

SELECT * FROM KHENTHUONG WHERE KTMSHS='00003'

Nhấn phím F5 để chạy thử chương trình, click chọn mục KHENTHUONG, click nút "XEM THÔNG TIN", bạn sẽ thấy kết quả như hình sau:

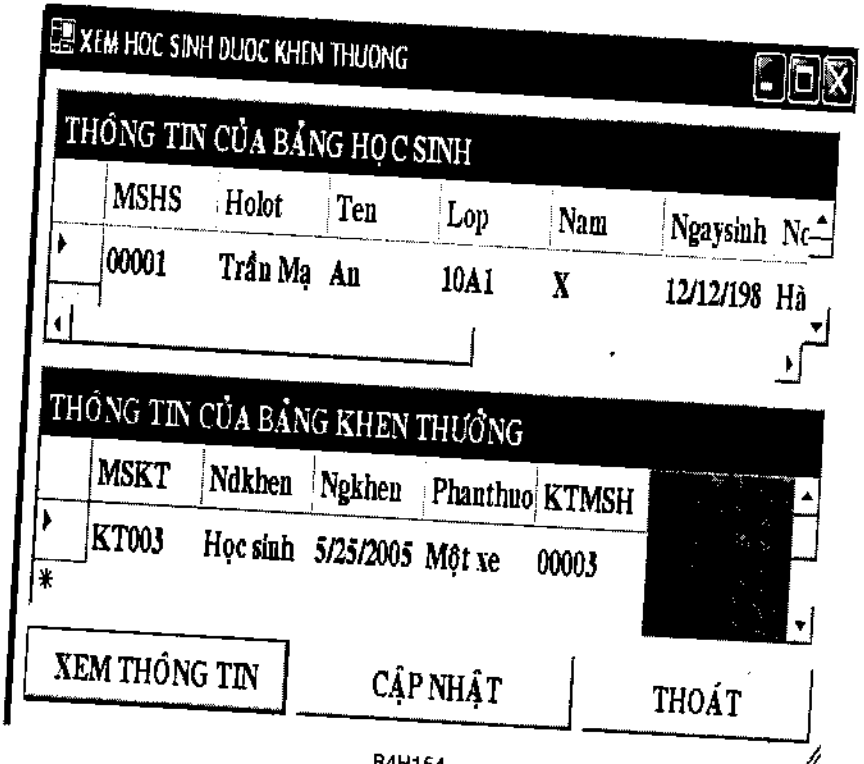

B4H154

Bạn thấy trong DataGrid bên dưới chỉ hiện một mẫu tin có mã số học sinh là "00003"

Bây giờ nếu muốn biết học sinh có mã số "00003" có họ tên là gì, lớp mấy ... bạn tiến hành như sau:

Bạn biết rằng đối tượng OleDbDataAdapter1 kết nối với bảng HOCSINH, do đó, các bạn vào FormKHENTHUONG ở dạng thiết kế, click

nút phải chuột trên đối tượng OleDbDataAdapter1, chọn Properties, click dấu "+" bên trái SelectCommand, nhập câu lệnh SQL ở khung bên phải của thuộc tính CommandText như sau:

SELECT * FROM HOCSINH MSHS='00003'

▣ Chạy thử chương trình, click chọn mục KHENTHUONG, click nút "XEM THÔNG TIN" bạn sẽ có kết quả như hình sau:

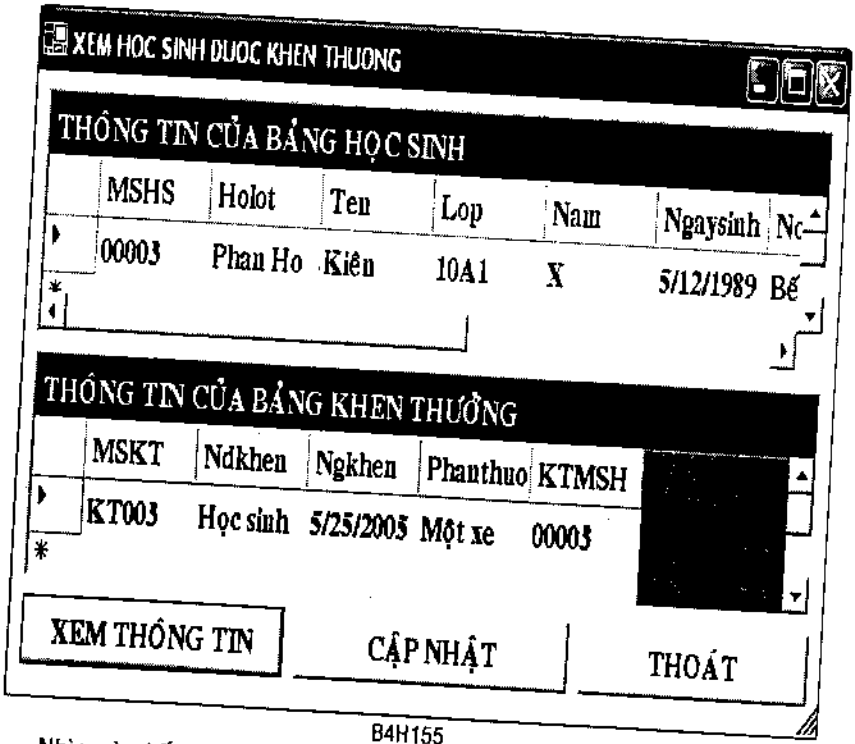

B4H155

Nhìn vào kết quả trên, bạn thấy lúc này trong điều khiển lưới trên và dưới chỉ có một mẫu tin, bạn có thể tham khảo.

Tương tự như vậy, các bạn có thể tìm kiếm thông tin trong các bảng khác qua câu lệnh SQL, để thực hiện đúng và chính xác, bạn cần xác định đối tượng OleDbDataAdapter nối với bảng để viết câu lệnh SQL.

Trong các ví dụ trên, chúng tôi chưa đề cập đến nút "CẬP NHẬT", bạn tham khảo ví dụ sau:

▣ Nếu chương trình chưa chạy, nhấn phím F5 để chạy thử chương trình, click chọn mục KYLUAT trên menu, click nút "XEM THÔNG TIN" bạn có kết quả như hình sau:

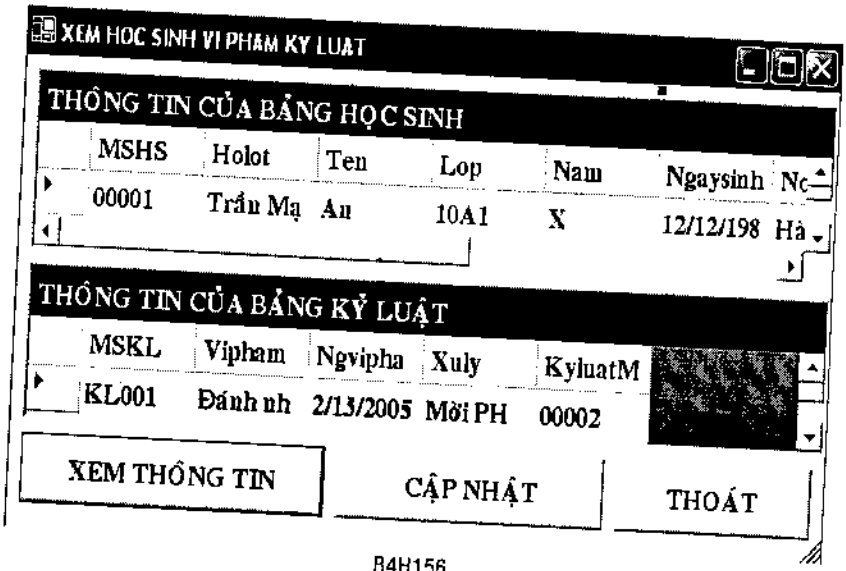

B4H156

Bạn di chuyển con trượt dọc trong DataGrid bên trên đến mẫu tin cuối cùng, nhập vào một học sinh mới

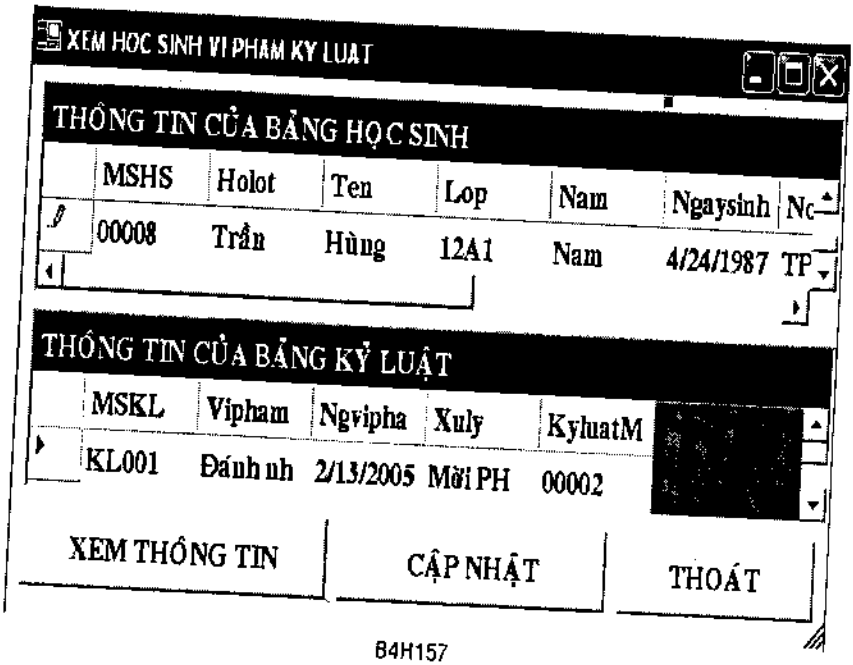

B4H157

Chúng tôi nhập thêm một học sinh mới có mã số 00008 như trên, nhập xong. Nếu click nút "THOÁT" để trở về From cha, các bạn thấy thông tin vừa nhập không được lưu vào bảng HOCSINH trong cơ sở dữ liệu QUANLYHOCSINH. Để kiểm tra, bạn vào Enterprise Manager của SQL Server 2000, click các dấu "+" trước các mục cho đến khi thấy tên tập tin HOCSINH bên khung bên phải như hình sau:

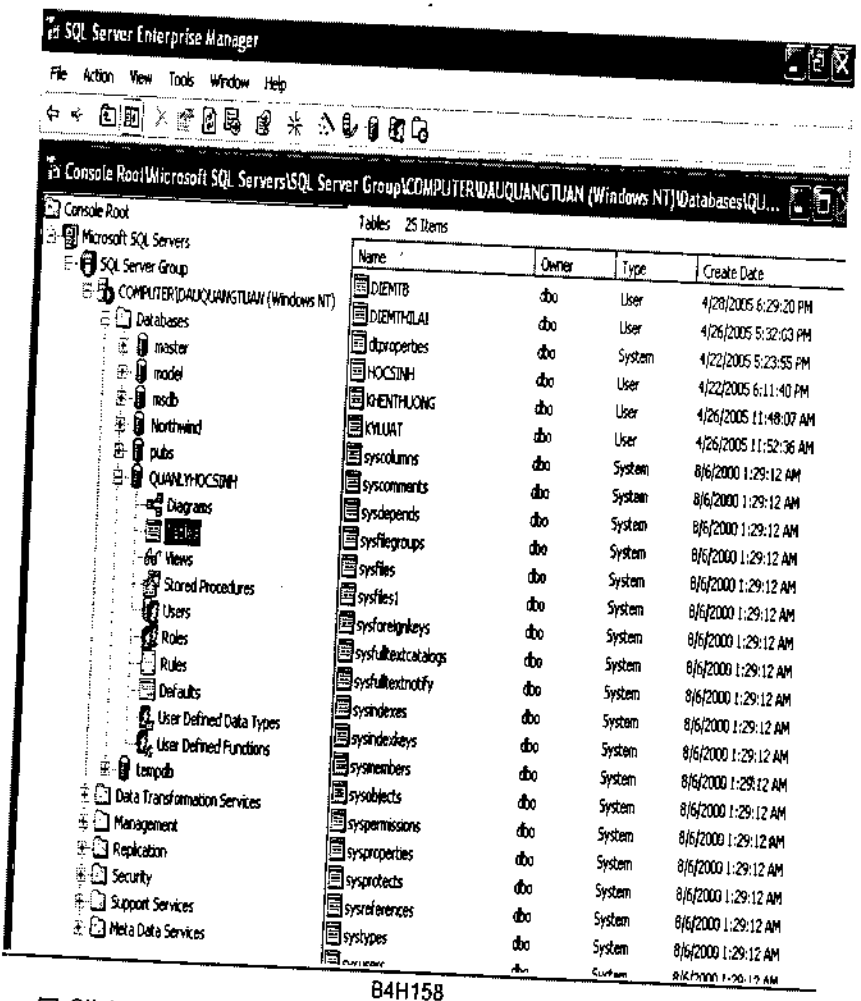

B4H158

Click nút phải chuột tại tên HOCSINH, di chuyển vệt sáng đến Open Table, chọn Return all rows, bạn thấy thông tin trong bảng như hình sau:

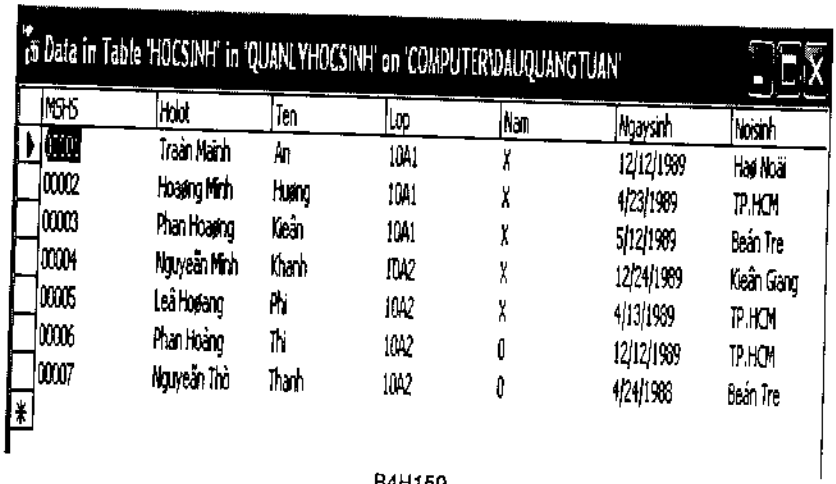

B4H159

Bạn thấy học sinh có mã số "00008" không có trong bảng vật lý HOCSINH. Bạn biết tại sao không, đó là cơ chế an toàn của Visual Basic .NET mà chúng tôi đã đề cập khi viết code, muốn cập nhật thông tin mới hoặc các thông tin sửa đổi khi chạy chương trình, các bạn phải click nút có tên "CẬP NHẬT" trước khi thoát.

Chúng ta thử thực hiện lại, nhập vào một học sinh khác có mã số "00008" như hình sau:

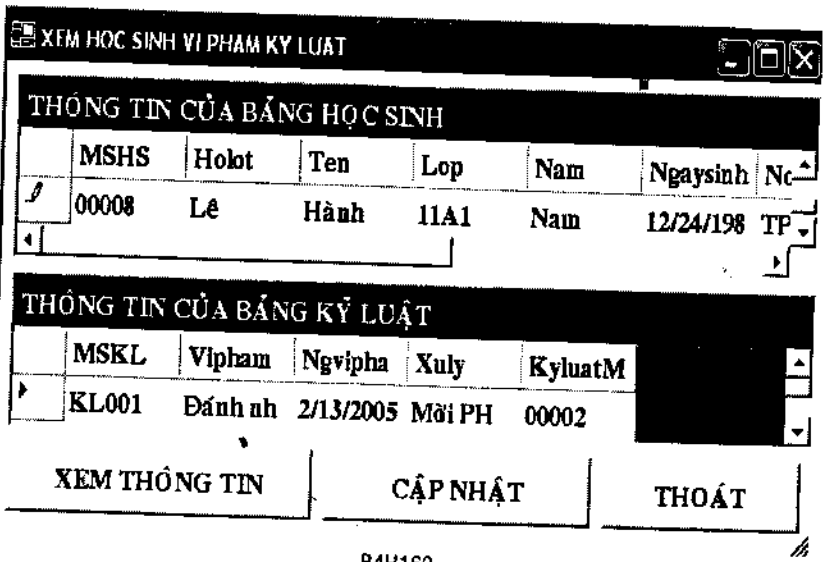

B4H160

- Click nút "CẬP NHẬT"
- Mở lại bảng HOCSINH trong CSDL QUANLYHOCSINH, bạn sẽ thấy thông tin như sau:

Data in Table 'HOCSINH' in 'QUANLYHOCSINH' on 'COMPUTER\DAUQUANGTUAN'

MSHS	Holot	Ten	Lop	Nam	Ngaysinh	Noisinh
00001	Traàn Maïnh	An	10A1	X	12/12/1989	Haø Noäi
00002	Hoaøng Minh	Hưng	10A1	X	4/23/1989	TP.HCM
00003	Phan Hoaøng	Kieân	10A1	X	5/12/1989	Beán Tre
00004	Nguyeãn Minh	Khanh	10A2	X	12/24/1989	Kieân Giang
00005	Leâ Hoøang	Phi	10A2	X	4/13/1989	TP.HCM
00006	Phan Hoàng	Thi	10A2	0	12/12/1989	TP.HCM
00007	Nguyeãn Thò	Thanh	10A2	0	4/24/1988	Beán Tre
00008	Leâ	Haønh	11A1	Nam	12/24/1988	TP.HCM

B4H161

Bài 5

Chương trình Quản lý tác giả dùng SQL Server 2000 và Visual Basic .NET

Bài này giới thiệu đến các bạn cách viết một chương trình quản lý sách của các tác giả biên soạn, quản lý nhà xuất bản.

Trước hết các bạn phải tạo một cơ sở dữ liệu trong đó gồm một số bảng, thực hiện các mối liên hệ giữa chúng, sau đó mới vào Visual Basic .NET để thiết kế và viết code cho chương trình.

Bạn vào **SQL Server 2000** để tạo một cơ sở dữ liệu có tên **QUANLYTACGIA.**

Vào menu Start, di chuyển vệt sáng đến Programs, đến Microsoft Server 2000, click chọn EnterPrise Manager

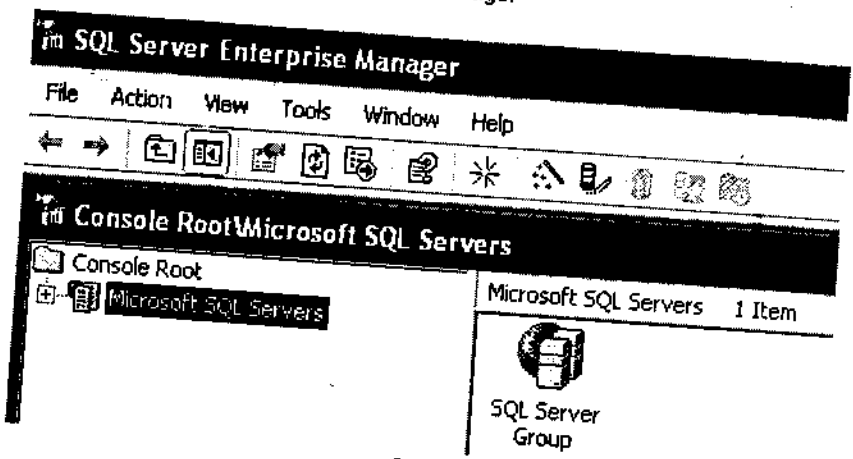

◈ Click dấu cộng (+) trước Microsoft SQL Server, click chọn Tên COMPUTER\DAUQUANGTUAN, bạn thấy hình như sau:

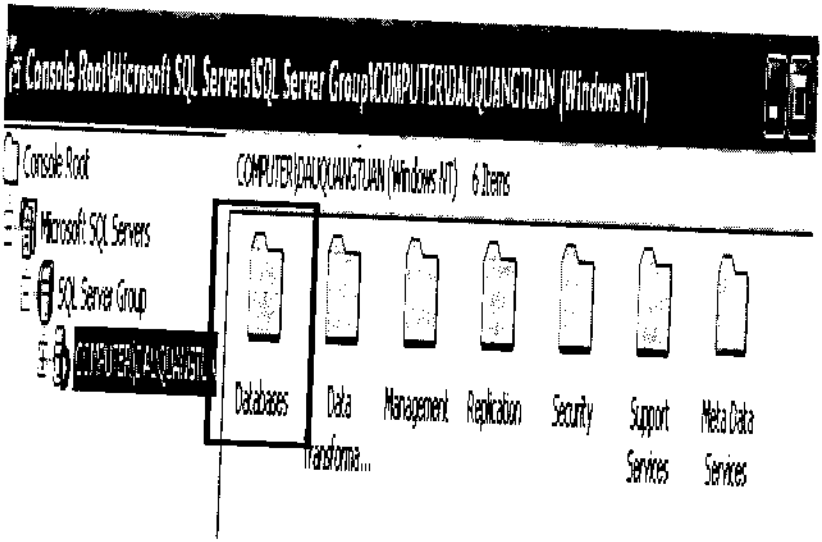

B5H2

◈ Click nút phải chuột tại Databases

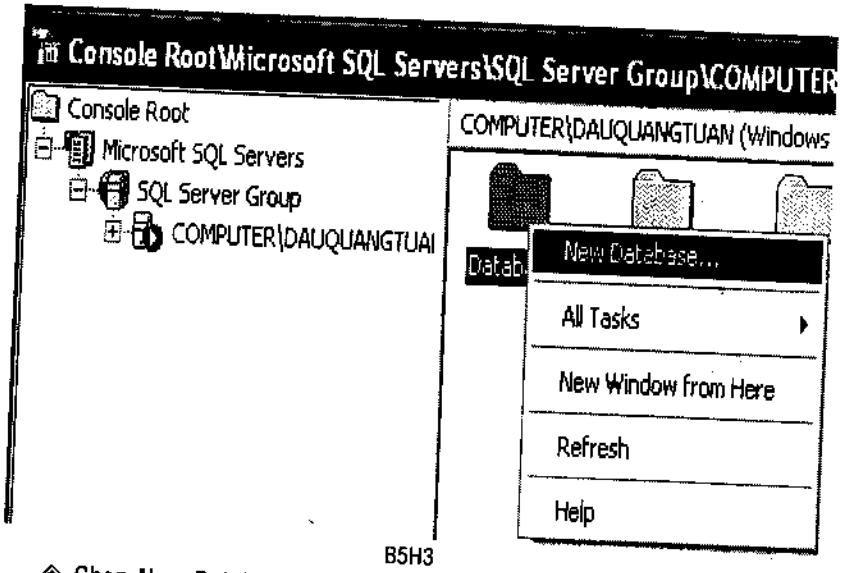

B5H3

◈ Chọn New Database bạn sẽ thấy hình như sau:

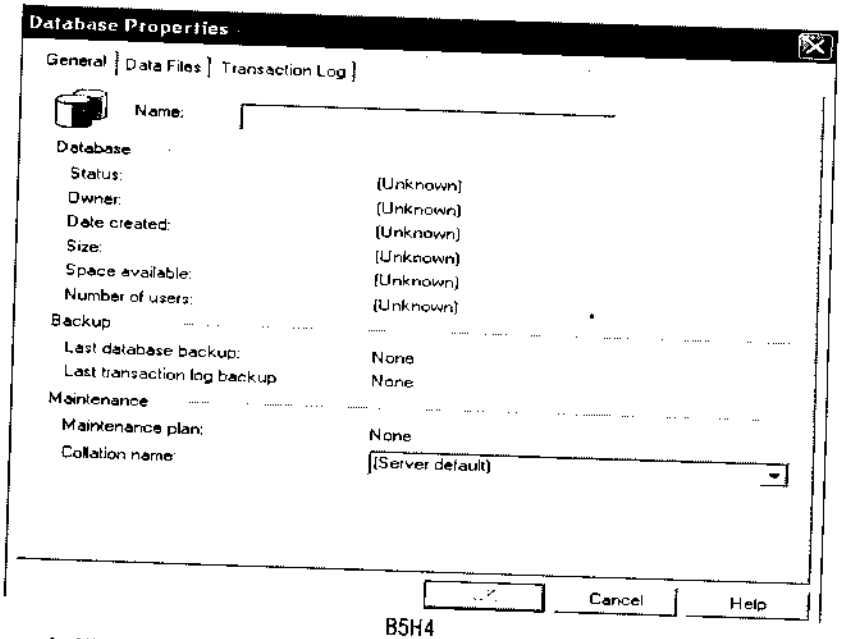

B5H4

◈ Nhập tên QUANLYTACGIA trong khung Name như hình sau:

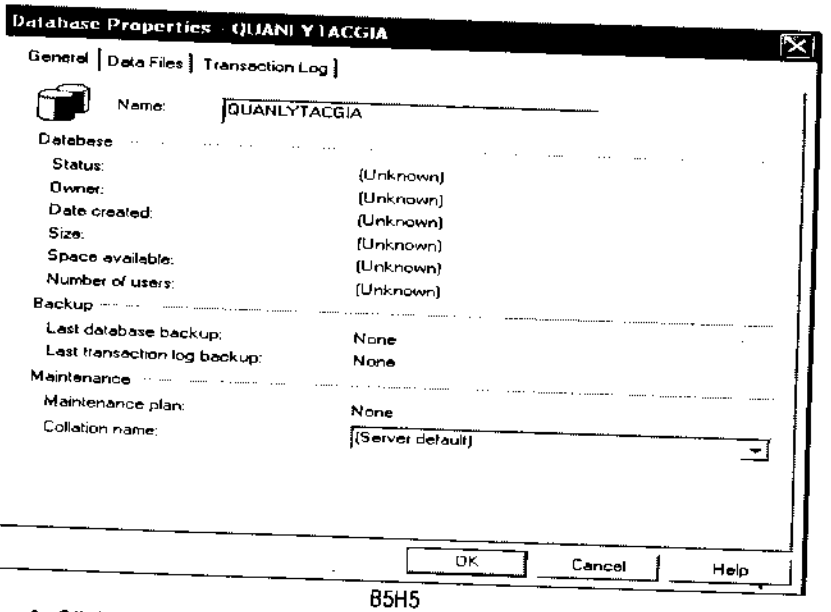

B5H5

◈ Click OK bạn thấy hình như sau:

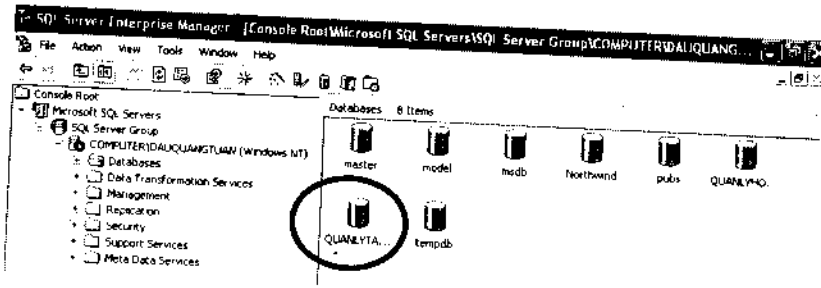

B5H6

Bạn thấy có CSDL QUANLYTACGIA như hình trên.

- Sau đó lần lượt tạo các bảng với nội dung như sau:

Cấu trúc của bảng TACGIA

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
MSTG	Char	6	
Holot	Varchar	30	
Ten	Char	7	
Nam	Char	3	
Ngaysinh	Datetime	8	
Noisinh	Varchar	40	
Diachi	Varchar	40	
DT	Varchar	15	

Cấu trúc của bảng SACH

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
MASACH	Char	6	
Tensach	Varchar	40	
Giatien	int	4	
NamXB	Datetime	8	
Sotrang	int	4	
Loaigiay	Varchar	40	
SMSNXB	Char	6	
SMSTG	Char	6	

Cấu trúc của bảng NHAXUATBAN

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
MSNXB	Char	6	
TenNXB	Varchar	50	
Diachi	Varchar	50	
Giamdoc	Varchar	50	

Cấu trúc của bảng VIPHAM

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
MSVP	Char	6	
Ndvipham	Varchar	50	
NgayVP	Datetime	8	
Htphat	Varchar	50	
MSTG	Char	6	
MSNXB	Char	6	
MASACH	Char	6	

Cấu trúc của bảng KHENTHUONG

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
MSKT	Char	6	
NdKhen	Varchar	50	
NgKhen	DateTime	8	
Htkhen	Varchar	50	
MSTG	Char	6	
MSNXB	Char	6	
MASACH	Char	6	

⊡ Xét hai bảng TACGIA và SACH

☞ **Một tác giả có thể viết một hoặc nhiều cuốn sách.**

☞ **Một cuốn sách nào đó thì chỉ thuộc một tác giả nào đó mà thôi.**

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:

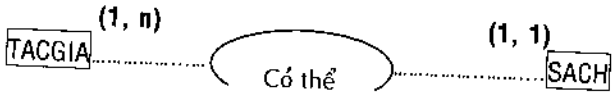

Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là n–1 từ SACH qua TACGIA.

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table SACH, đó là field SMSTG.

⊡ Xét hai bảng SACH và NHAXUATBAN

☞ **Một nhà xuất bản có thể có một hoặc nhiều tựa sách xin phèp xuất bản.**

☞ **Một cuốn sách nào đó thì chỉ thuộc một nhà xuất bản nào đó thôi.**

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:

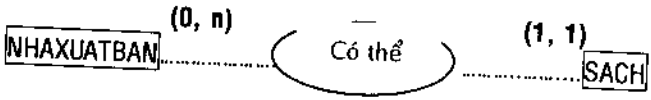

Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là n–1 từ SACH qua NHAXUATBAN.

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table SACH, đó là field SMSHS.

⊡ Xét hai bảng TACGIA và VIPHAM

☞ **Một tác giả có thể không vi phạm lần nào hoặc có nhiều lần vi phạm.**

☞ **Một vi phạm nào đó thì chỉ thuộc một tác giả nào đó mà thôi.**

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:

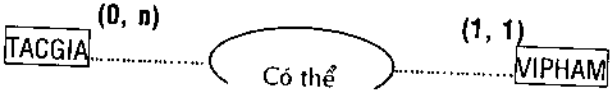

Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là n–1 từ VIPHAM qua TACGIA .

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table VIPHAM, đó là field MSTG.

⊡ Xét hai bảng NHAXUATBAN và VIPHAM

☞ **Một nhà xuất bản có thể không vi phạm lần nào hoặc có nhiều lần vi phạm.**

☞ **Một vi phạm nào đó thì chỉ thuộc một nhà xuất bản nào đó mà thôi.**

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:

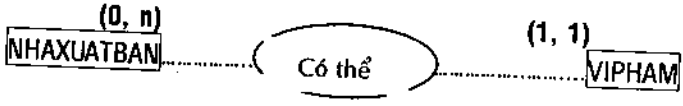

Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là n–1 từ VIPHAM qua NHAXUATBAN .

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table VIPHAM, đó là field MSNXB.

⊡ Xét hai bảng TACGIA và KHENTHUONG

☞ **Một tác giả có thể không được khen thưởng lần nào hoặc có nhiều lần được khen thưởng.**

☞ **Một khen thưởng nào đó thì chỉ thuộc một tác giả nào đó mà thôi.**

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:

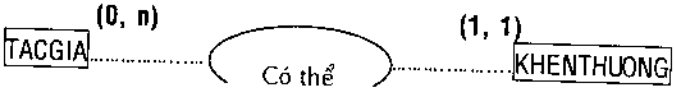

Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là n–1 từ KHENTHUONG qua TACGIA .

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table KHENTHUONG, đó là field MSTG.

⊡ Xét hai bảng NHAXUATBAN và KHENTHUONG

☞ **Một nhà xuất bản có thể không được khen thưởng lần nào hoặc có nhiều lần được khen thưởng.**

☞ **Một khen thưởng nào đó thì chỉ thuộc một nhà xuất bản nào đó mà thôi.**

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:

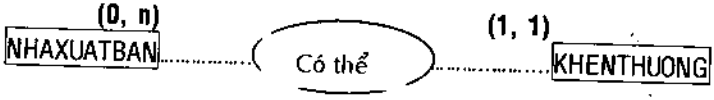

Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là n–1 từ KHENTHUONG qua NHAXUATBAN .

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table KHENTHUONG, đó là field MSNXB.

Khi tạo xong, trong CSDL QLTACGIA, chúng ta sẽ thấy trong DataBase có năm bảng như hình sau:

⊡ Xét hai bảng SACH và NHAXUATBAN

☞ **Một nhà xuất bản có thể có một hoặc có nhiều tựa sách.**

☞ **Một bìa sách nào đó thì chỉ thuộc một nhà xuất bản nào đó mà thôi.**

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:

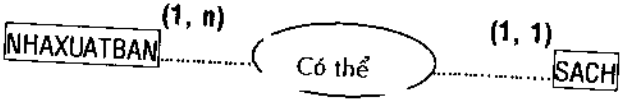

Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là n–1 từ SACH qua NHAXUATBAN .

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table SACH, đó là field SMSNXB.

⊡ Xét hai bảng SACH và KHENTHUONG

☞ **Một cuốn sách có thể không được khen thưởng hoặc được khen thưởng nhiều lần.**

☞ **Một khen thưởng nào đó thì chỉ thuộc một cuốn sách nào đó mà thôi.**

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:

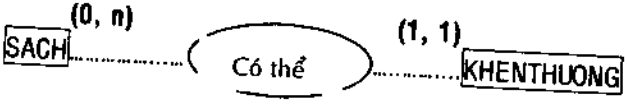

Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là n–1 từ KHENTHUONG qua SACH .

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table KHENTHUONG, đó là field MASACH.

⊡ Xét hai bảng SACH và VIPHAM

☞ **Một cuốn sách có thể không bị vi phạm hoặc bị vi phạm nhiều lần nhiều lần.**

☞ **Một vi phạm nào đó thì chỉ thuộc một cuốn sách nào đó mà thôi.**

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:

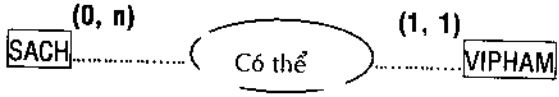

Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là n–1 từ VIPHAM qua SACH .

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table VIPHAM, đó là field MASACH.

Đến đây bạn có thể bắt tay vào tạo bảng dữ liệu, bạn thực hiện như sau:

▣ Vào menu Start, di chuyển vệt sáng đến Programs, di chuyển vệt sáng đến Microsoft SQL Server 2000, click chọn Enterprise Manager.

▣ Trong cửa sổ hiện ra, nhìn phía bên trái, bạn click dấu "+" lần lượt trước các mục có dấu "-" như hình bên (các mục có dấu "-" khi chưa click sẽ là dấu "+") cho đến khi thấy tên cơ sở dữ liệu QUANLYTACGIA mà bạn đã tạo ở trên.

▣ Click chọn tên SCDL QUANLYTACGIA, bạn thấy thông tin có sẵn như hình sau:

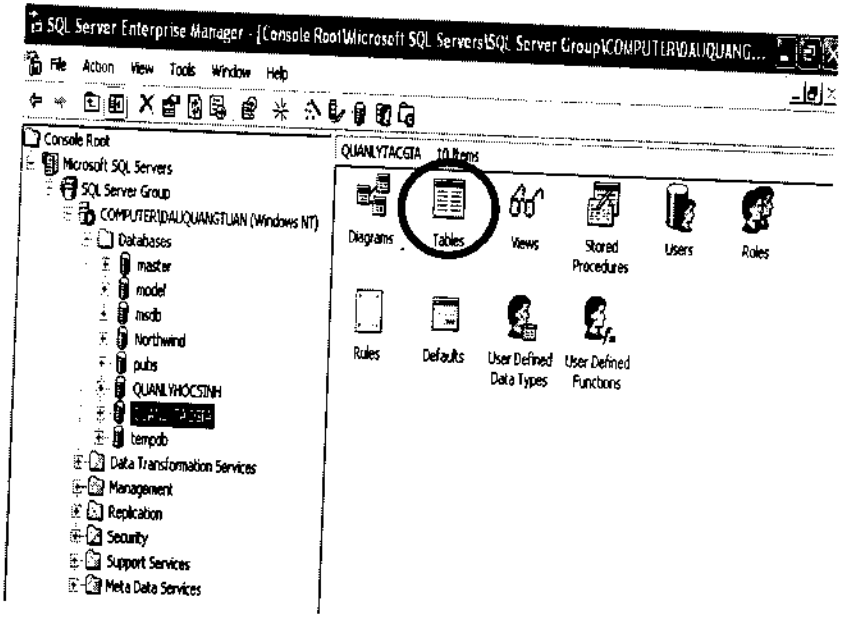

B5H7

Trong các đối tượng có bên trong CSDL QUANLYTACGIA, có Tables. Click nút phải chuột trên đối tượng này

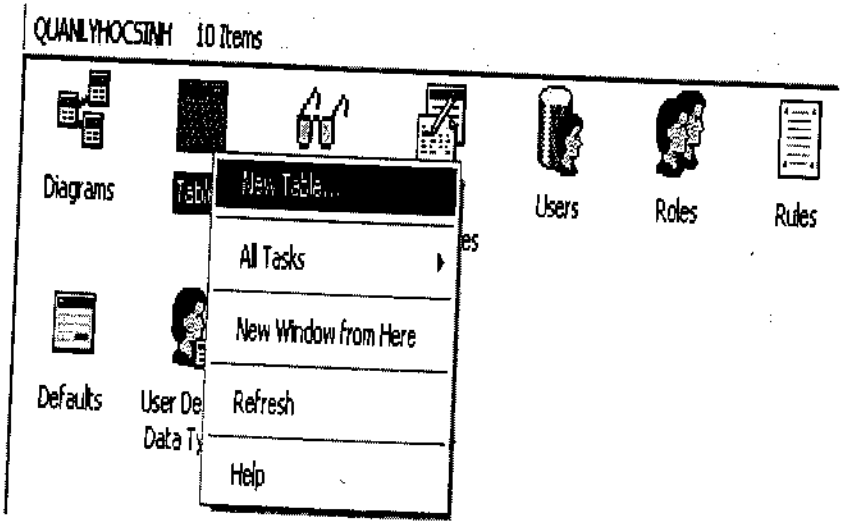

B5H8

▣ Click chọn New Table, các bạn sẽ thấy cửa sổ thiết kế bảng như hình sau:

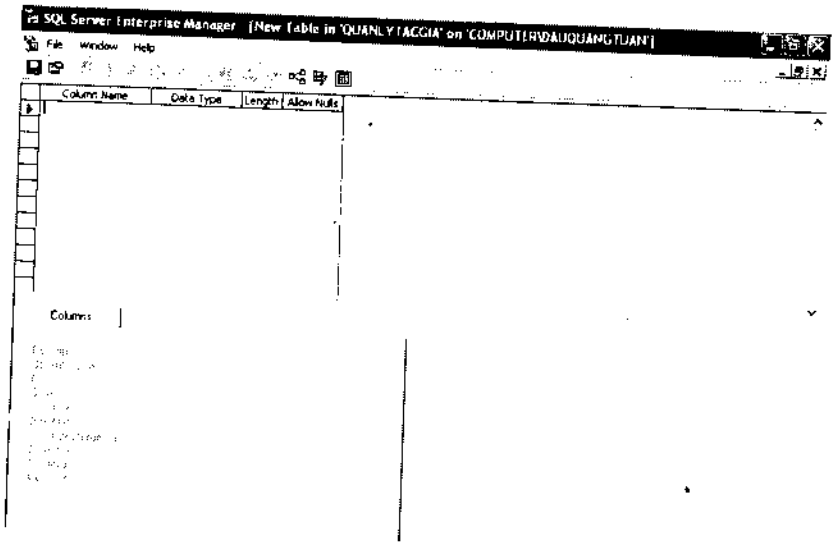

B5H9

◈ Bạn bắt đầu thiết kế cho bảng TACGIA và tạo khóa chính cho bảng để được như hình sau:

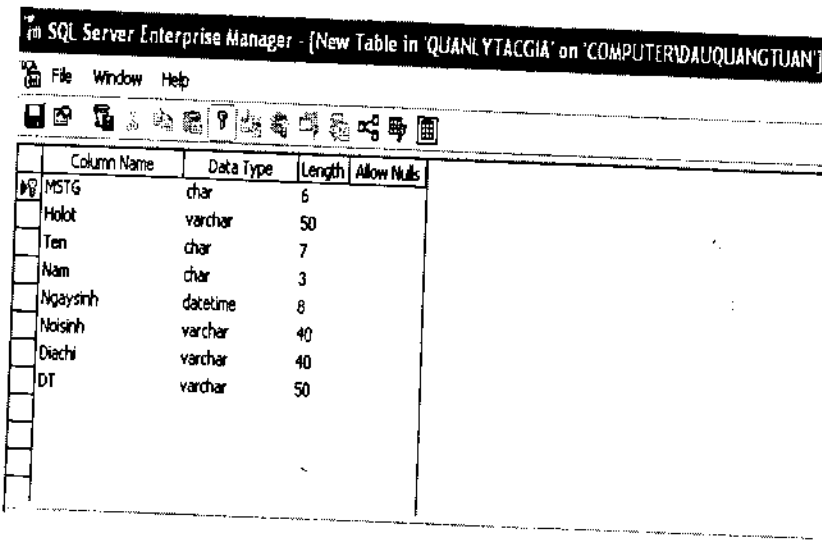

B5H10

◈ Click dấu X để đóng cửa sổ thiết kế bảng, hộp thoại hiện ra hỏi, bạn click nút Yes, hộp thoại đặt tên hiện ra, bạn lưu với tên TACGIA như hình sau:

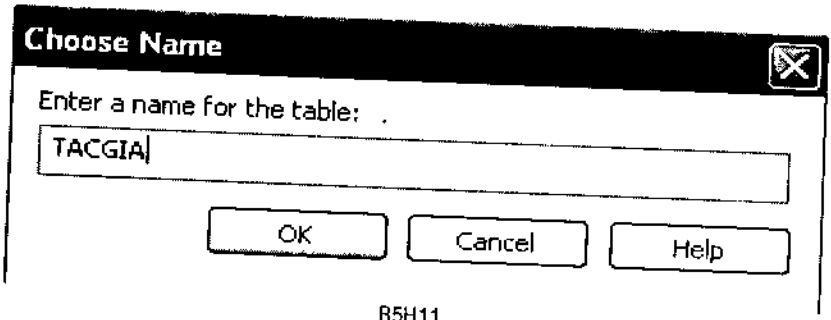

B5H11

◈ Click nút OK

◈ Tiếp theo là thiết kế cho bảng SACH và tạo khóa chính cho bảng để được như hình sau:

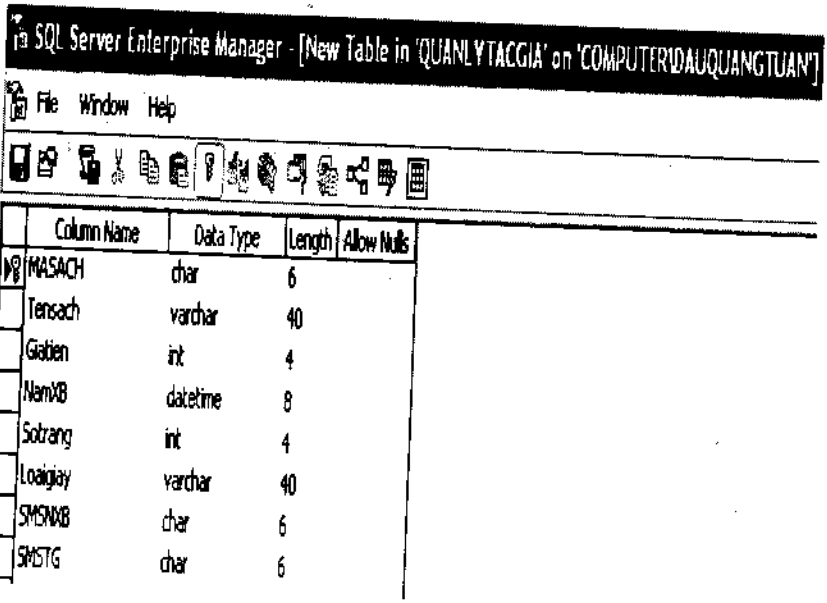

B5H12

◈ Click dấu X để đóng cửa sổ thiết kế bảng, hộp thoại hiện ra hỏi, bạn click nút Yes, hộp thoại đặt tên hiện ra, bạn lưu với tên SACH như hình sau:

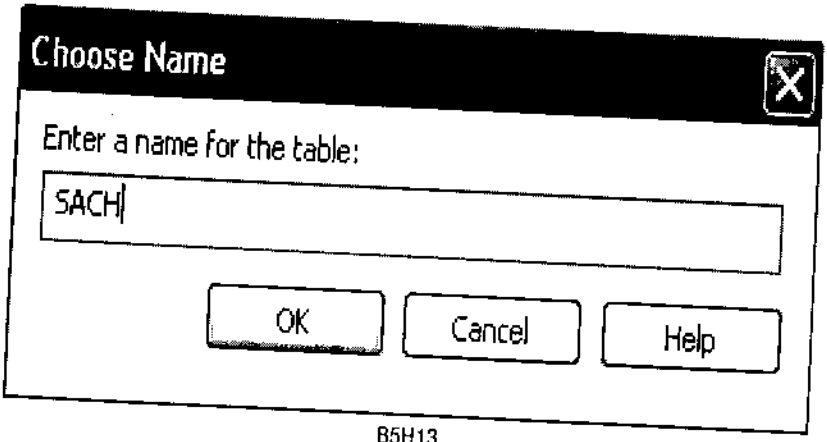

B5H13

◈ Click nút OK

◈ Tiếp theo là thiết kế cho bảng NHAXUATBAN và tạo khóa chính cho bảng để được như hình sau:

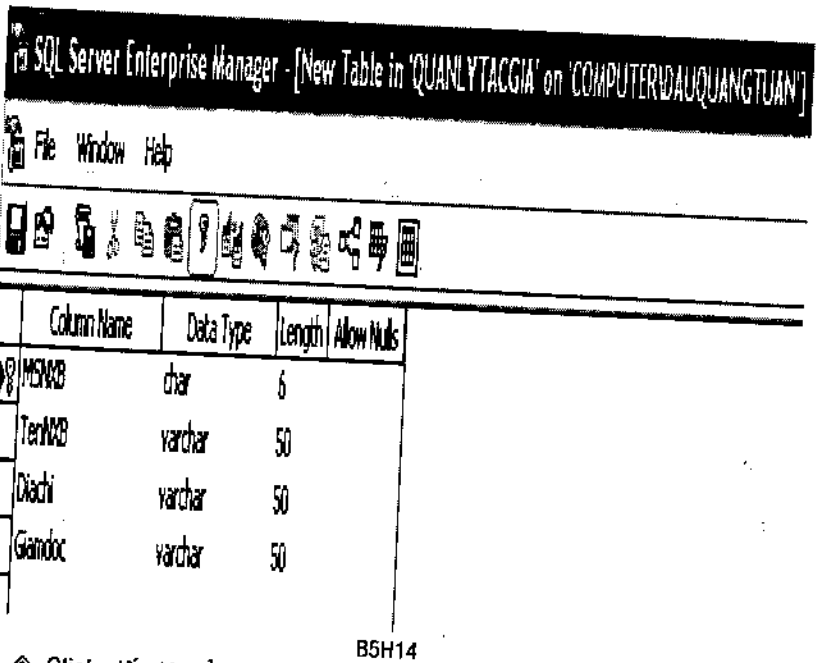

B5H14

◈ Click dấu X để đóng cửa sổ thiết kế bảng, hộp thoại hiện ra hỏi, bạn click nút Yes, hộp thoại đặt tên hiện ra, bạn lưu với tên NHAXUATBAN như hình sau:

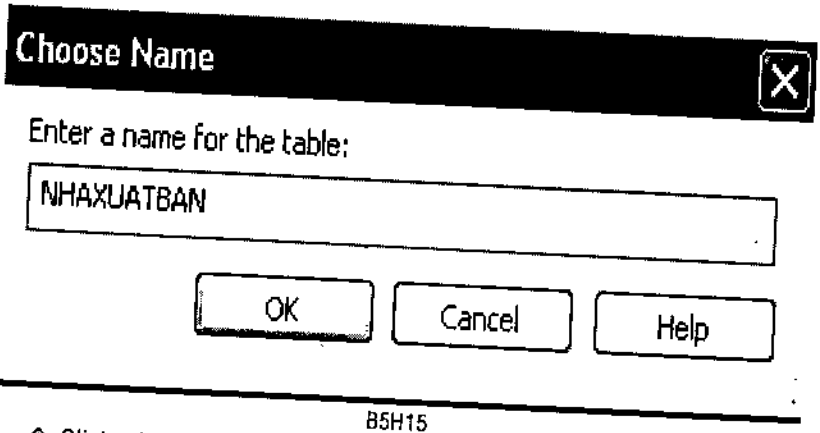

B5H15

◈ Click nút OK

◈ Tiếp theo là thiết kế cho bảng VIPHAM và tạo khóa chính cho bảng để được như hình sau:

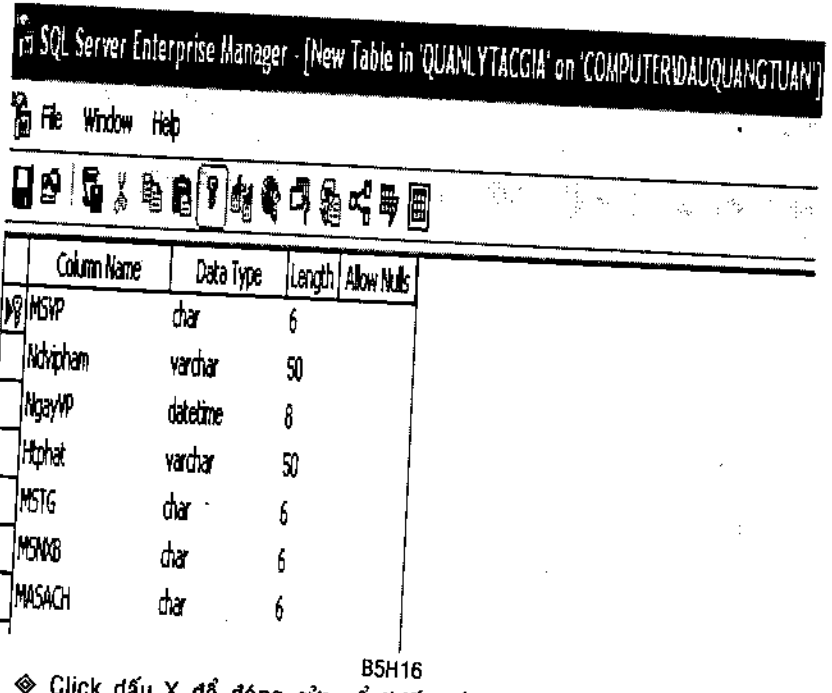

B5H16

◈ Click dấu X để đóng cửa sổ thiết kế bảng, hộp thoại hiện ra hỏi, bạn click nút Yes, hộp thoại đặt tên hiện ra, bạn lưu với tên VIPHAM như hình sau:

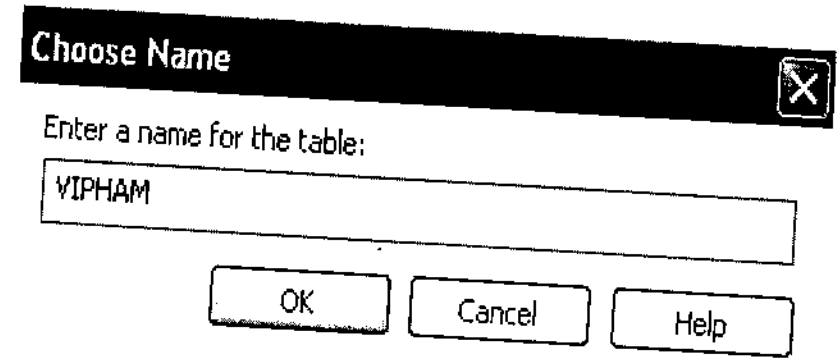

B5H17

◈ Click nút OK

◈ Tiếp theo là thiết kế cho bảng KHENTHUONG và tạo khóa chính cho bảng để được như hình sau:

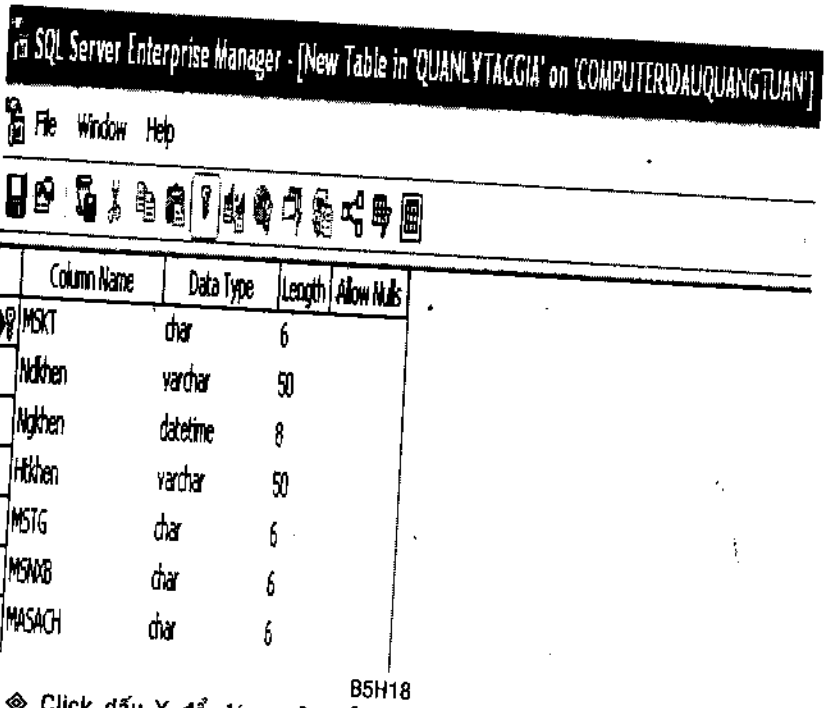

B5H18

◈ Click dấu X để đóng cửa sổ thiết kế bảng, hộp thoại hiện ra hỏi, bạn click nút Yes, hộp thoại đặt tên hiện ra, bạn lưu với tên KHENTHUONG như hình sau:

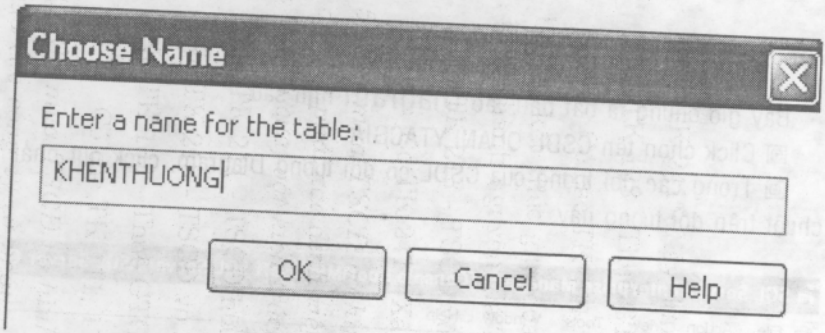

B5H19

◈ Click nút OK

Khi tạo xong, trong CSDL QUANLYTACGIA, chúng ta sẽ thấy có năm bảng như hình sau:

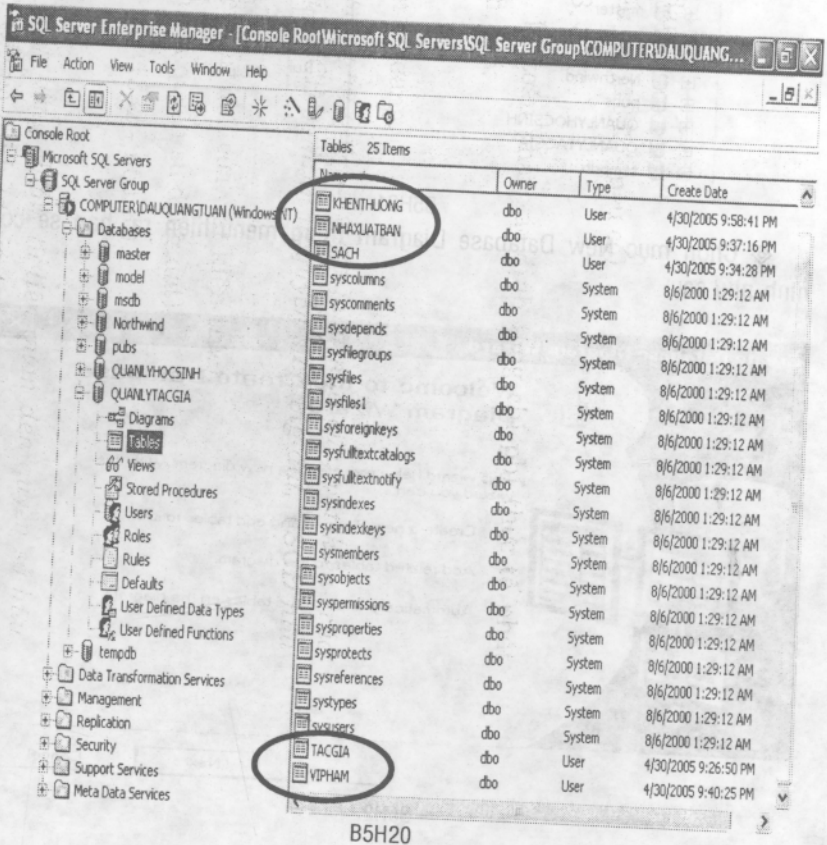

B5H20

Tạo mối liên hệ giữa các bảng

Bây giờ chúng ta bắt đầu vào Diagram như sau:

▣ Click chọn tên CSDL QUANLYTACGIA

▣ Trong các đối tượng của CSDL có đối tượng Diagram, click nút phải chuột trên đối tượng này

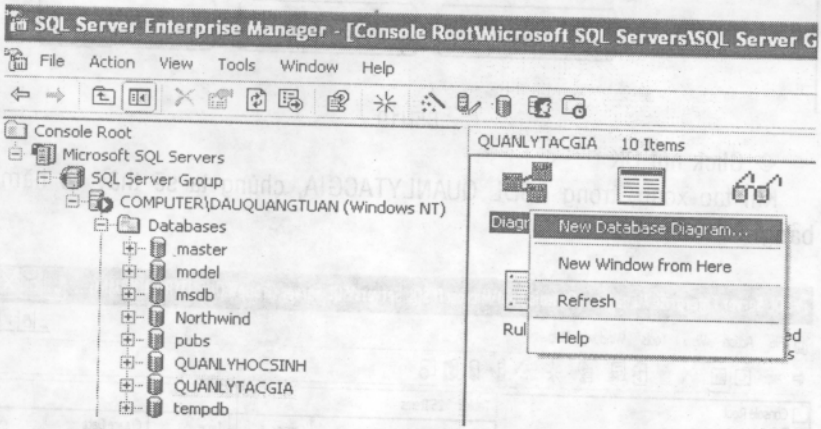

B5H21

◈ Chọn mục New Database Diagram trong menu hiện ra, bạn sẽ có hình như sau:

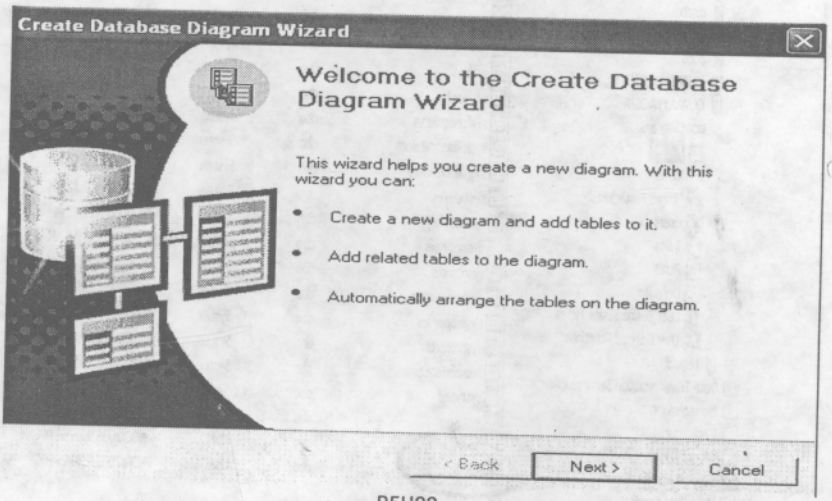

B5H22

◈ Click nút Next, ta có cửa sổ sau hiện ra

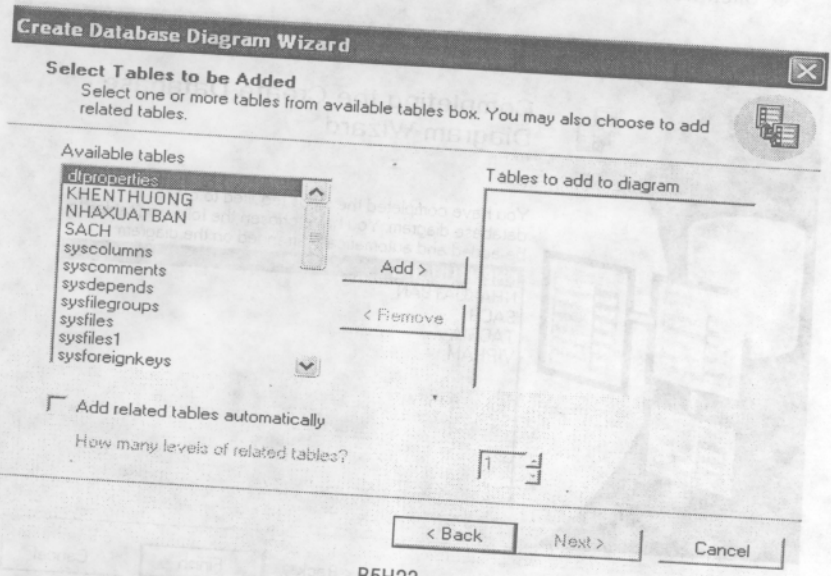

B5H23

◈ Bạn click chọn từng bảng và nhấn nút Add, nếu muốn bỏ bảng ra khỏi khung vừa đưa qua, bạn click chọn tên bảng và click nút Remove, khi đưa năm bảng qua khung bên phải, bạn sẽ có hình như sau:

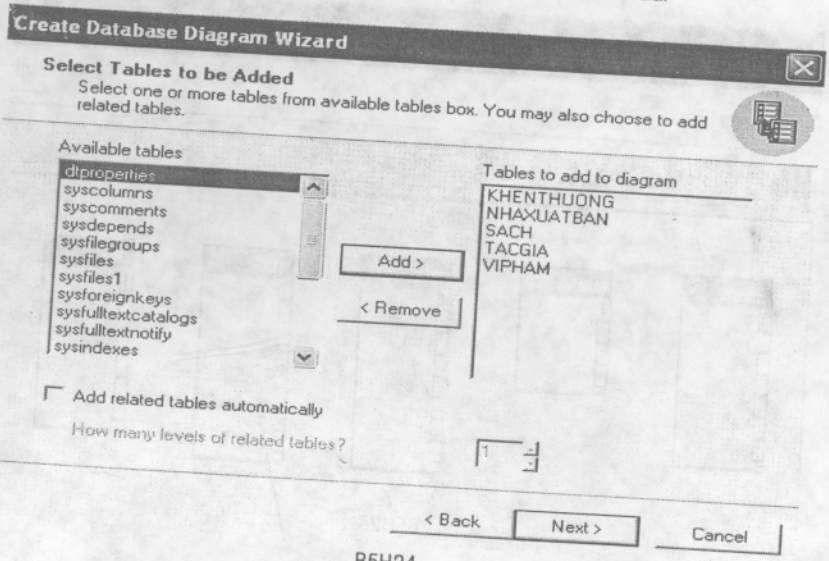

B5H24

◈ Click nút Next, bạn sẽ có hình như sau:

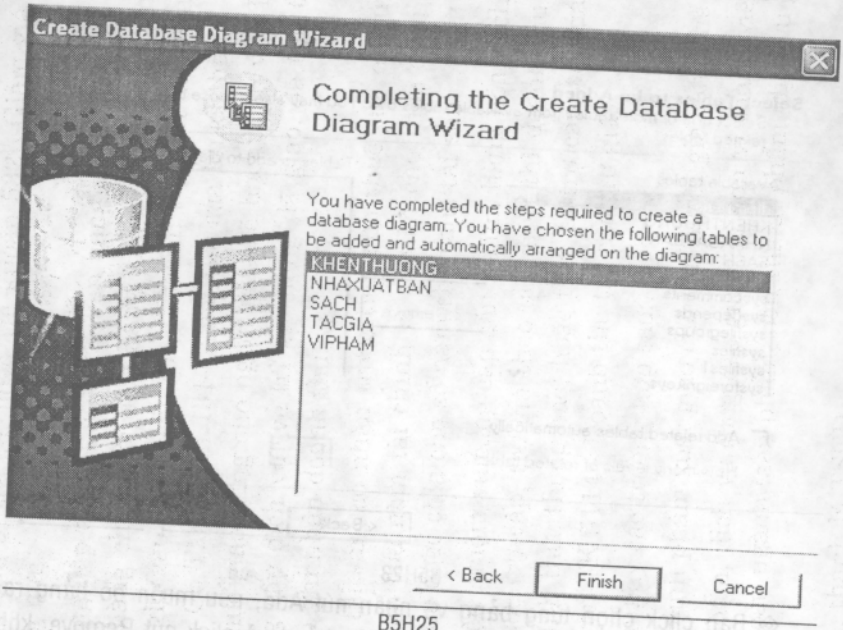

B5H25

◈ Click nút Finish để kết thúc, bạn sẽ có kết quả như sau:

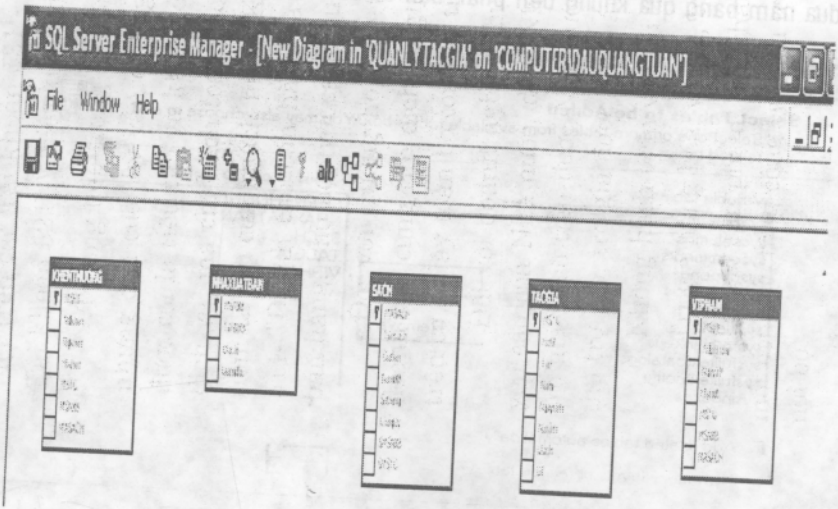

B5H26

◈ Click và drag chuột tại tiêu đề của mỗi bảng để kéo đến vị trí thích hợp

Chú ý:

Khi vùng khóa của các bảng đang được chọn trong cửa sổ Diagram, nếu click chuột trong bảng, bạn sẽ thấy vùng này biến mất, bạn click bên ngoài bảng thì không mất.

Khi tạo mối liên hệ từ vùng của bảng này đến một vùng của bảng khác, các bạn phải làm sao để thấy được vùng này. Khi thực hiện, các bạn phải kéo cửa sổ Diagram lớn ra, kéo các bảng dài ra về phía bên dưới để thấy được vùng cần liên kết. Trong thực tế, bạn có thể tạo mục cần liên kết lên phía trên để thuận tiện cho công việc này.

① Tạo mối liên hệ cho hai bảng TACGIA và VIPHAM

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng TACGIA là vùng MSTG, trong bảng VIPHAM là vùng MSTG. Thực hiện như sau:

◈ Bạn click chọn vùng MSTG là khóa chính của bảng TACGIA, Drag và kéo sang vùng MSTG của bảng VIPHAM khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

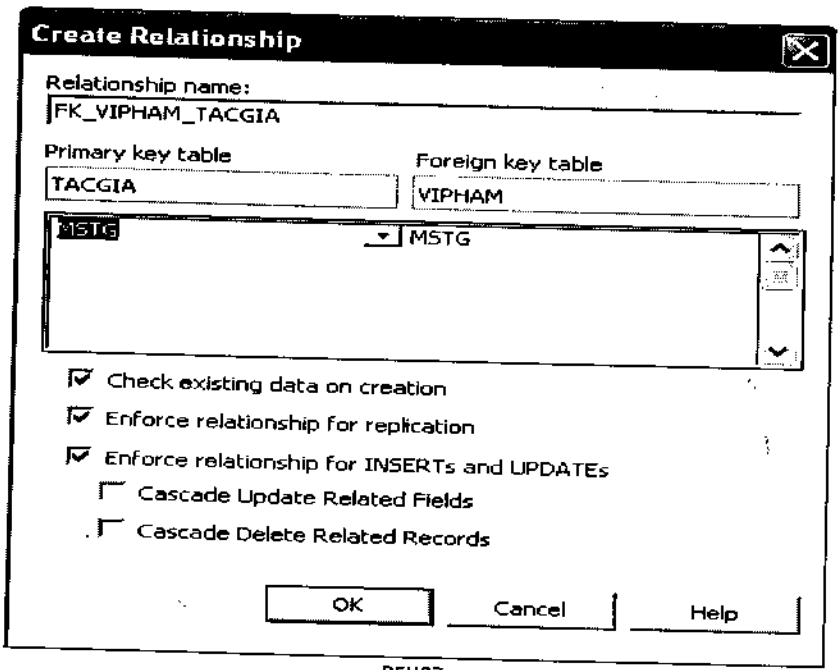

B5H27

Click nút OK, bạn thấy hình kết nối hai bảng TACGIA và VIPHAM như sau:

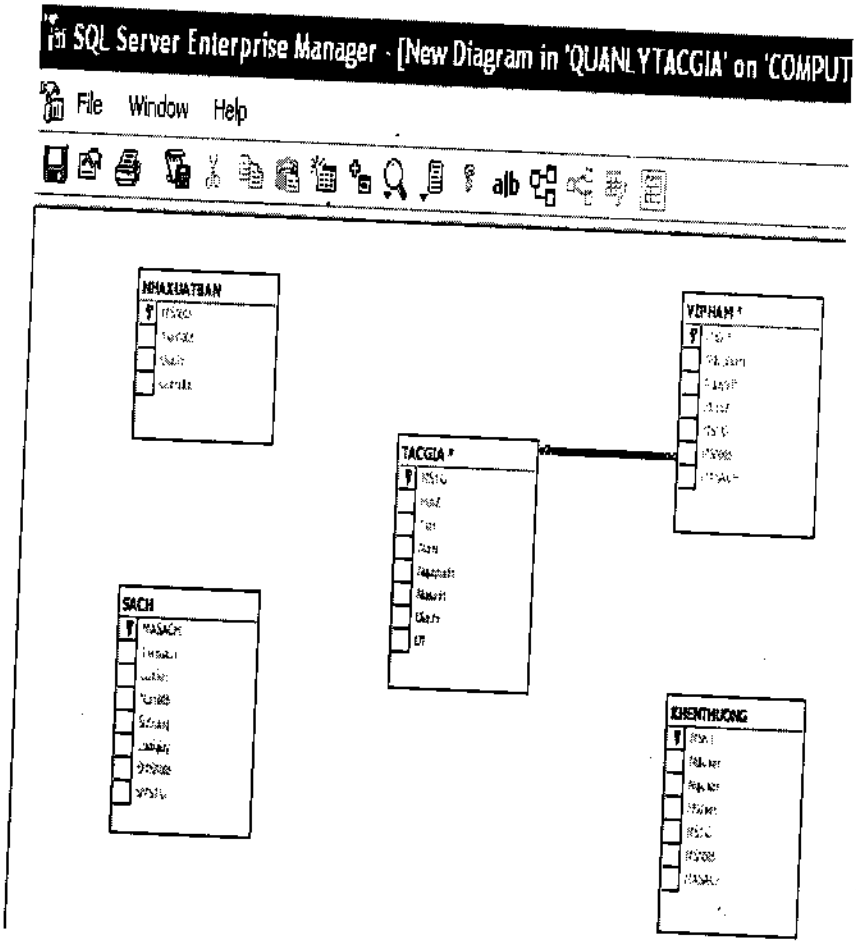

B5H28

② Tạo mối liên hệ cho hai bảng TACGIA và KHENTHUONG

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng TACGIA là vùng MSTG, trong bảng KHENTHUONG là vùng MSTG. Thực hiện như sau:

◈ Bạn click chọn vùng MSTG là khóa chính của bảng TACGIA, Drag và kéo sang vùng MSTG của bảng KHENTHUONG khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

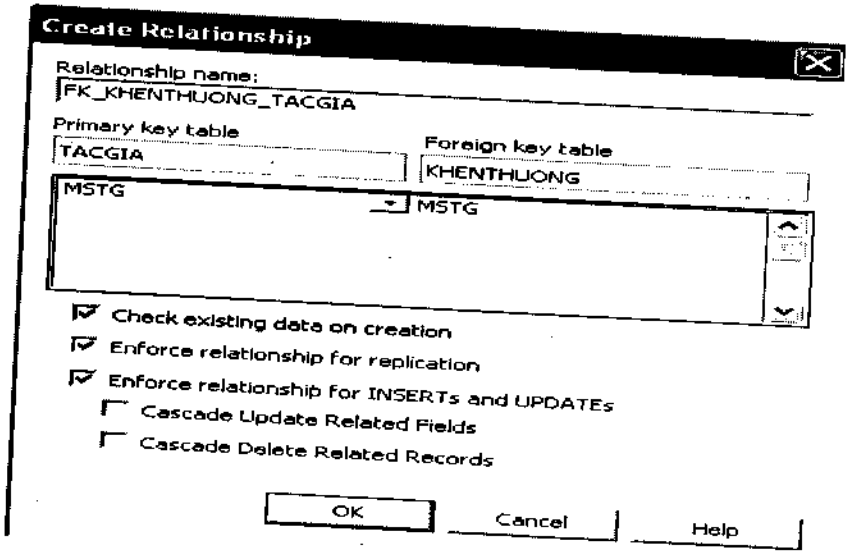

B5H29

◈ Các thành phần trong hộp thoại này cũng có ý nghĩa như hộp thoại trên.

◈ Click nút OK, chúng ta có mối quan hệ giữa hai bảng TACGIA và KHENTHUONG như hình sau:

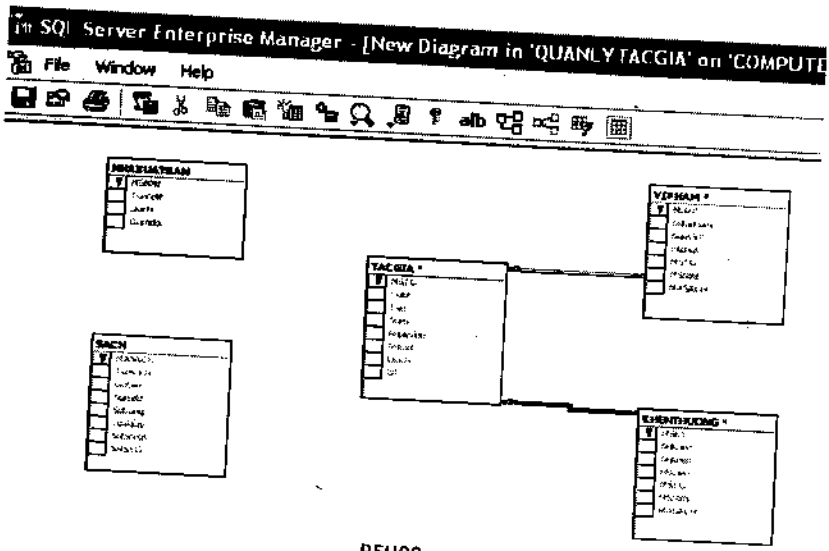

B5H30

③ Tạo mối liên hệ cho hai bảng NHAXUATBAN và VIPHAM

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng NHAXUATBAN là vùng MSNXB, trong bảng VIPHAM là vùng MSNXB. Thực hiện như sau:

◈ Bạn click chọn vùng MSNXB là khóa chính của bảng NHAXUATBAN, Drag và kéo sang vùng MSNXB trong bảng VIPHAM. Khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có hộp thoại sau:

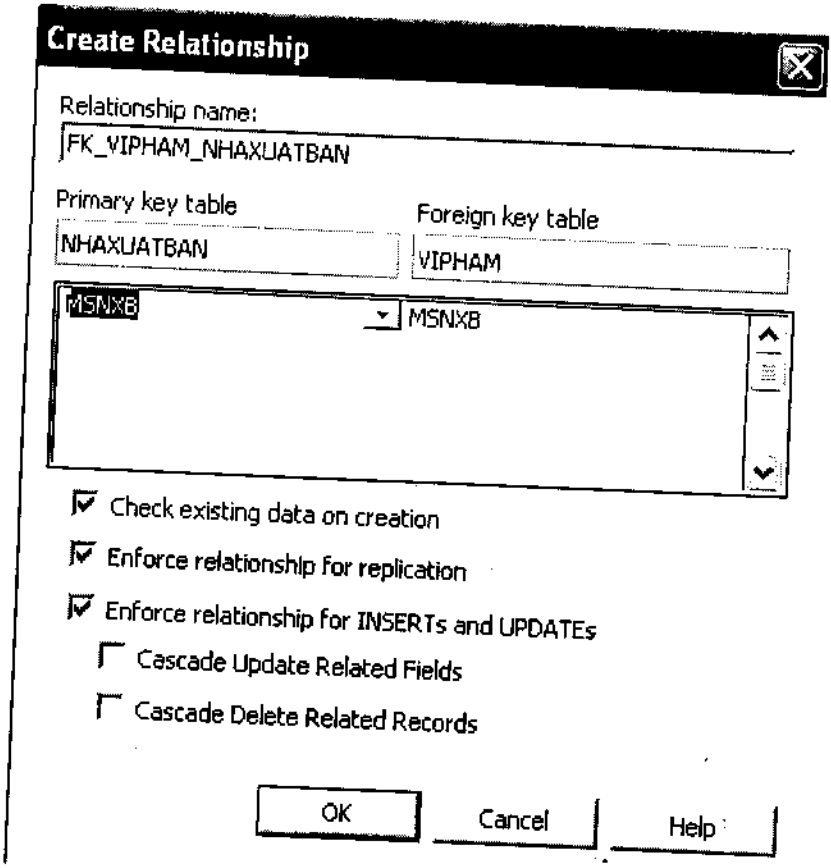

B5H31

◈ Các thành phần trong hộp thoại này cũng có ý nghĩa như hộp thoại trên.

◈ Click nút OK, chúng ta có mối quan hệ giữa hai bảng NHAXUATBAN và VIPHAM như hình sau:

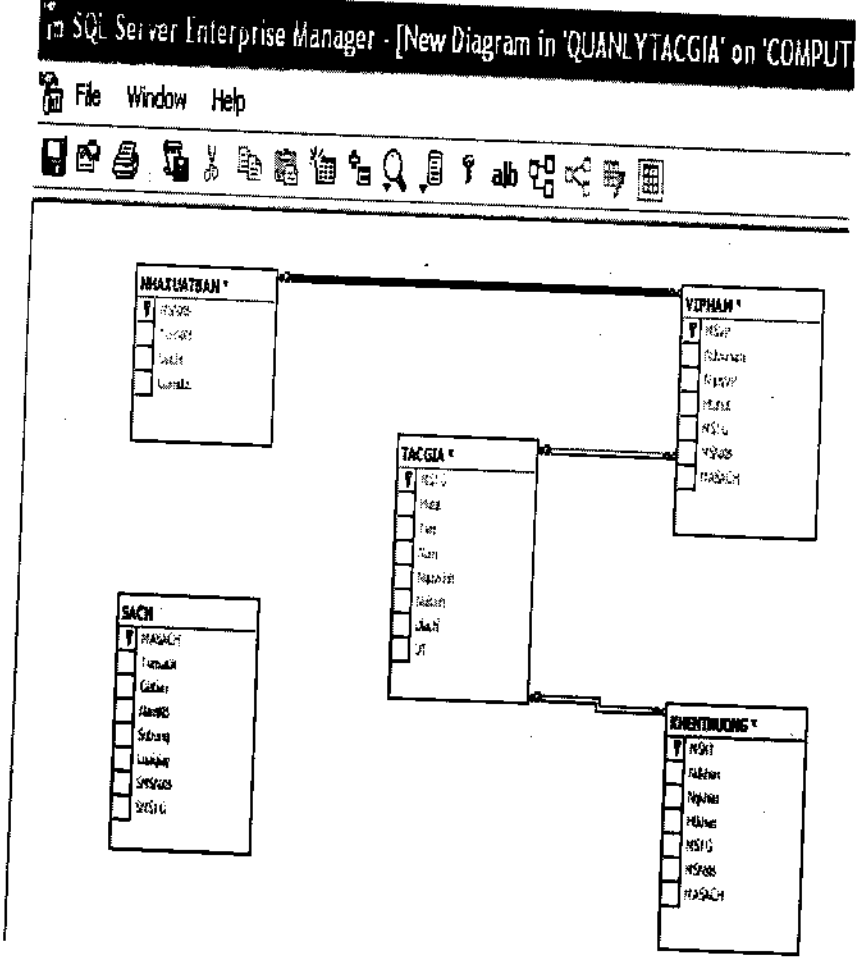

B5H32

④ Tạo mối liên hệ cho hai bảng NHAXUATBAN và KHENTHUONG

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng NHAXUATBAN là vùng MSNXB, trong bảng KHENTHUONG là vùng MSNXB. Thực hiện như sau:

Bạn click chọn vùng MSNXB là khóa chính của bảng NHAXUATBAN, Drag và kéo sang vùng MSNXB trong bảng KHENTHUONG. Khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

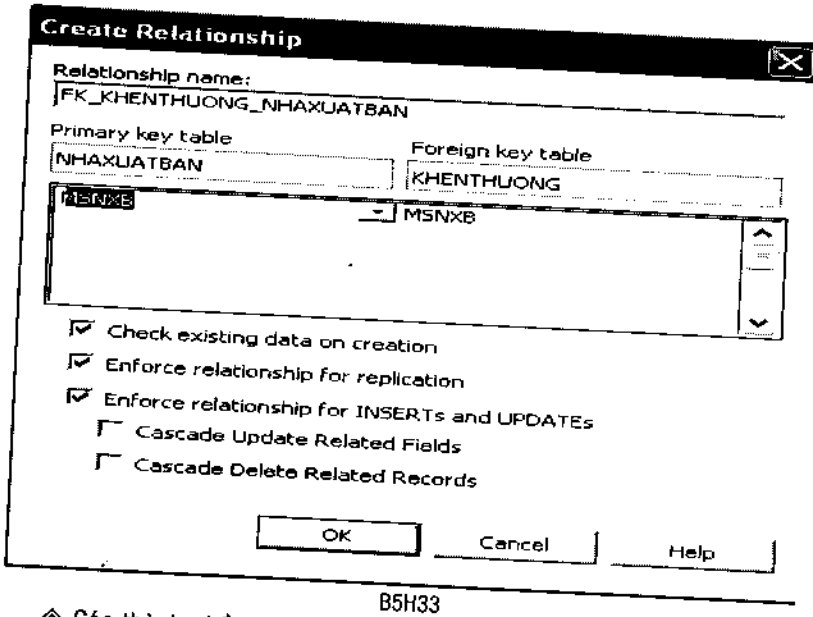

B5H33

◈ Các thành phần trong hộp thoại này cũng có ý nghĩa như hộp thoại trên.

◈ Click nút OK, chúng ta có mối quan hệ giữa hai bảng NHAXUATBAN và KHENTHUONG

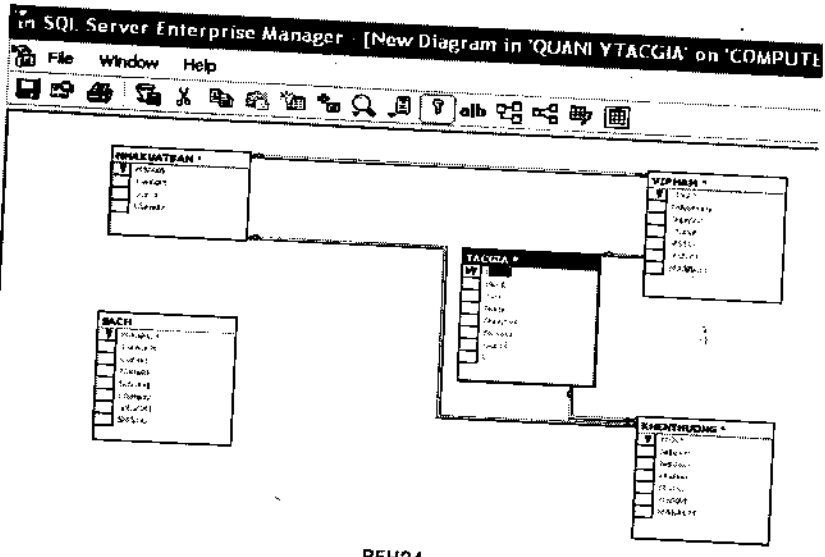

B5H34

⑤ Tạo mối liên hệ cho hai bảng NHAXUATBAN và SACH

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng NHAXUATBAN là vùng MSNXB, trong bảng SACH là vùng SMSNXB. Thực hiện như sau:

Bạn click chọn vùng MSNXB là khóa chính của bảng NHAXUATBAN, Drag và kéo sang vùng SMSNXB trong bảng SACH. Khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

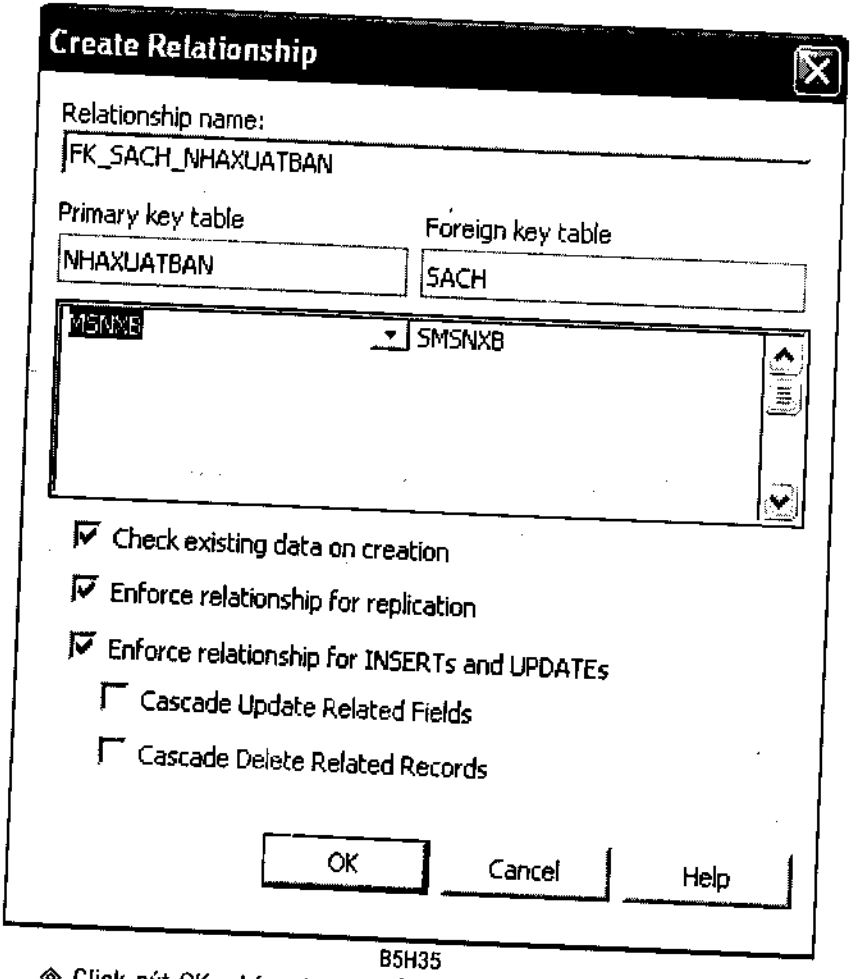

B5H35

◈ Click nút OK, chúng ta sẽ thấy kết nối của hai bảng NHAXUATBAN và SACH như hình sau:

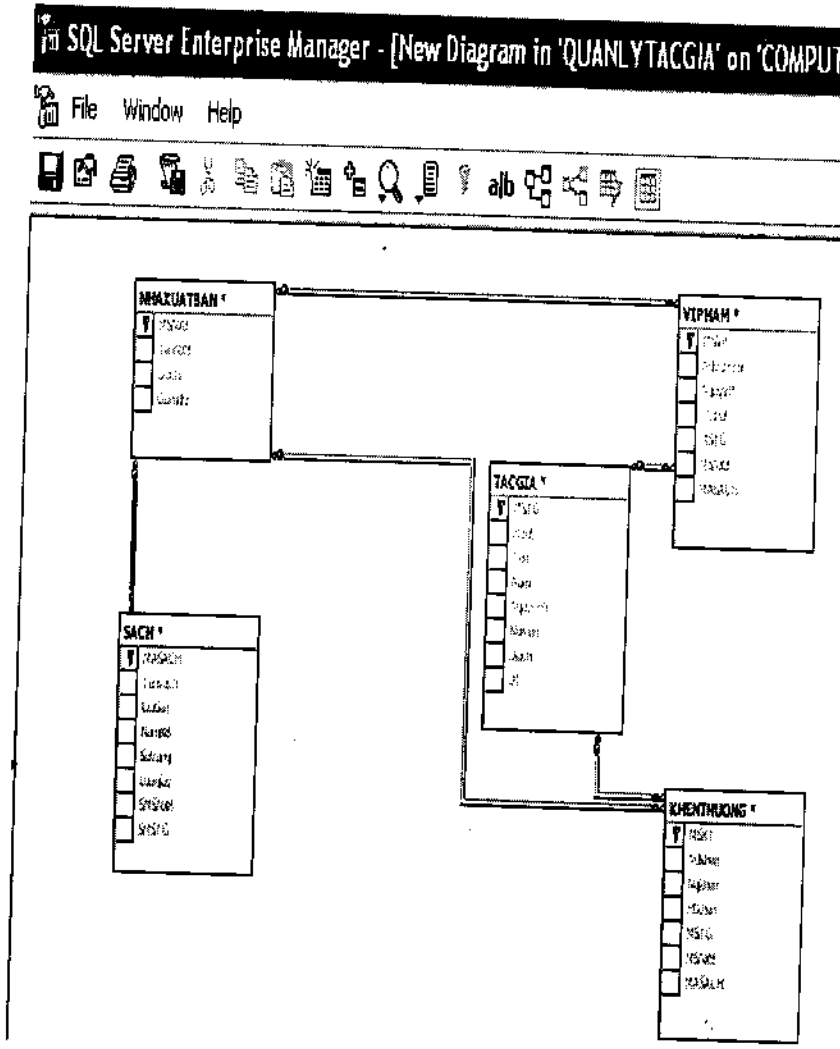

B5H36

⑥ Tạo mối liên hệ cho hai bảng TACGIA và SACH

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng TACGIA là vùng MSTG, trong bảng SACH là vùng SMSTG. Thực hiện như sau:

Bạn click chọn vùng MSTG là khóa chính của bảng NHAXUATBAN, Drag và kéo sang vùng SMSTG trong bảng SACH. Khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

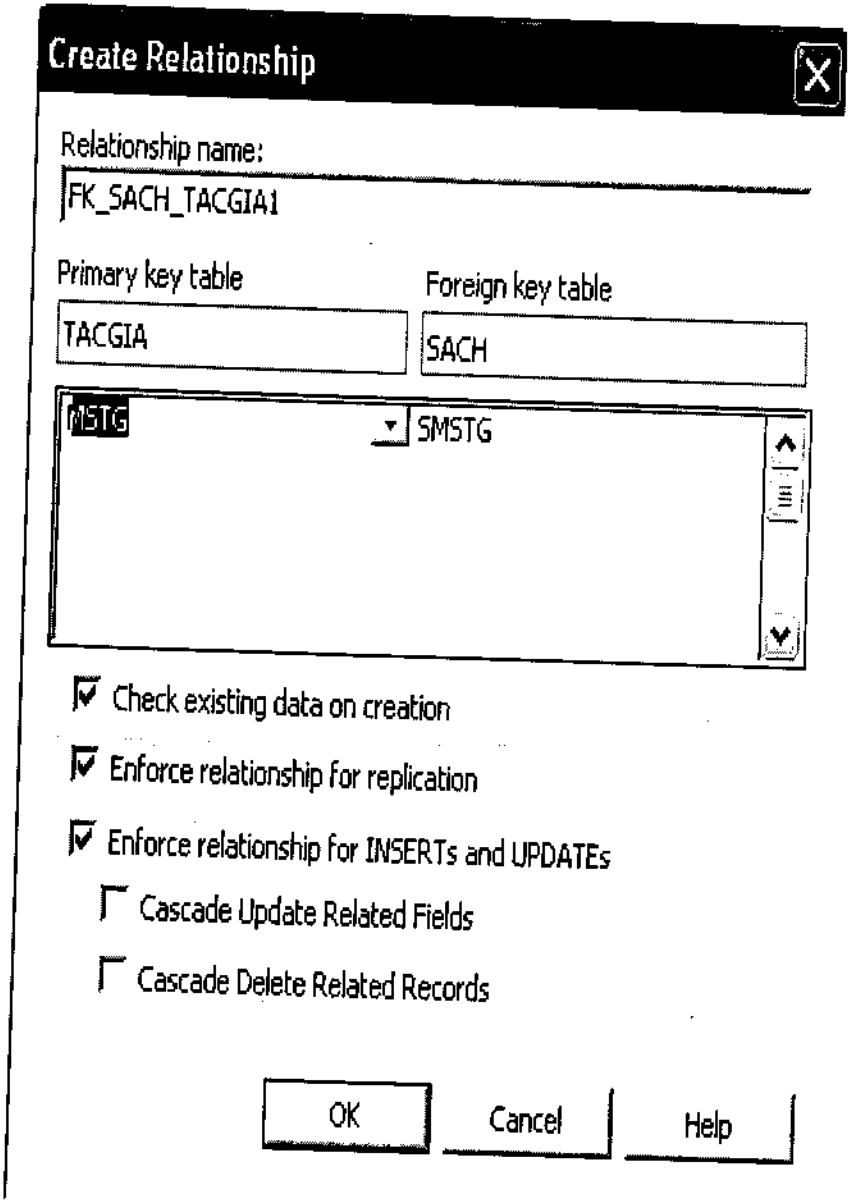

B5H37

◈ Click nút OK, chúng ta sẽ thấy kết nối của hai bảng TACGIA và SACH như hình sau:

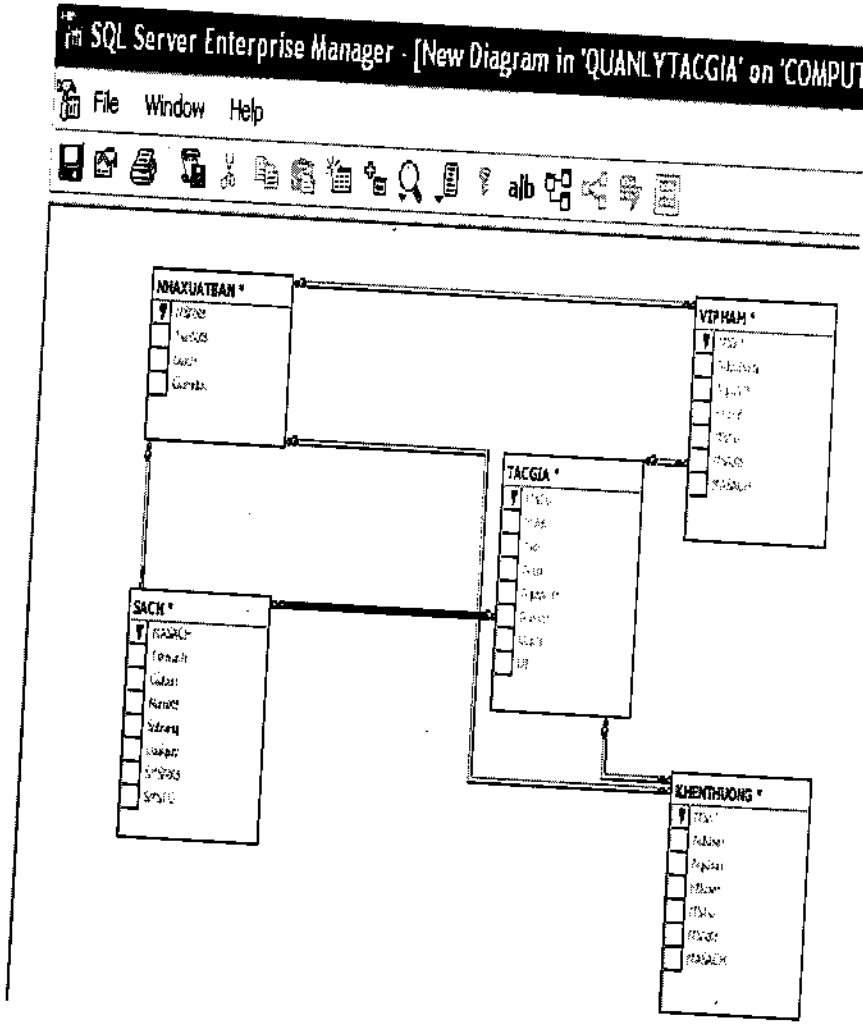

B5H38

⑦ Tạo mối liên hệ cho hai bảng SACH và KHENTHUONG

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng SACH là vùng MASACH, trong bảng KHENTHUONG là vùng MASACH. Thực hiện như sau:

Bạn click chọn vùng MASACH là khóa chính của bảng SACH, Drag và kéo sang vùng MASACH trong bảng KHENTHUONG. Khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

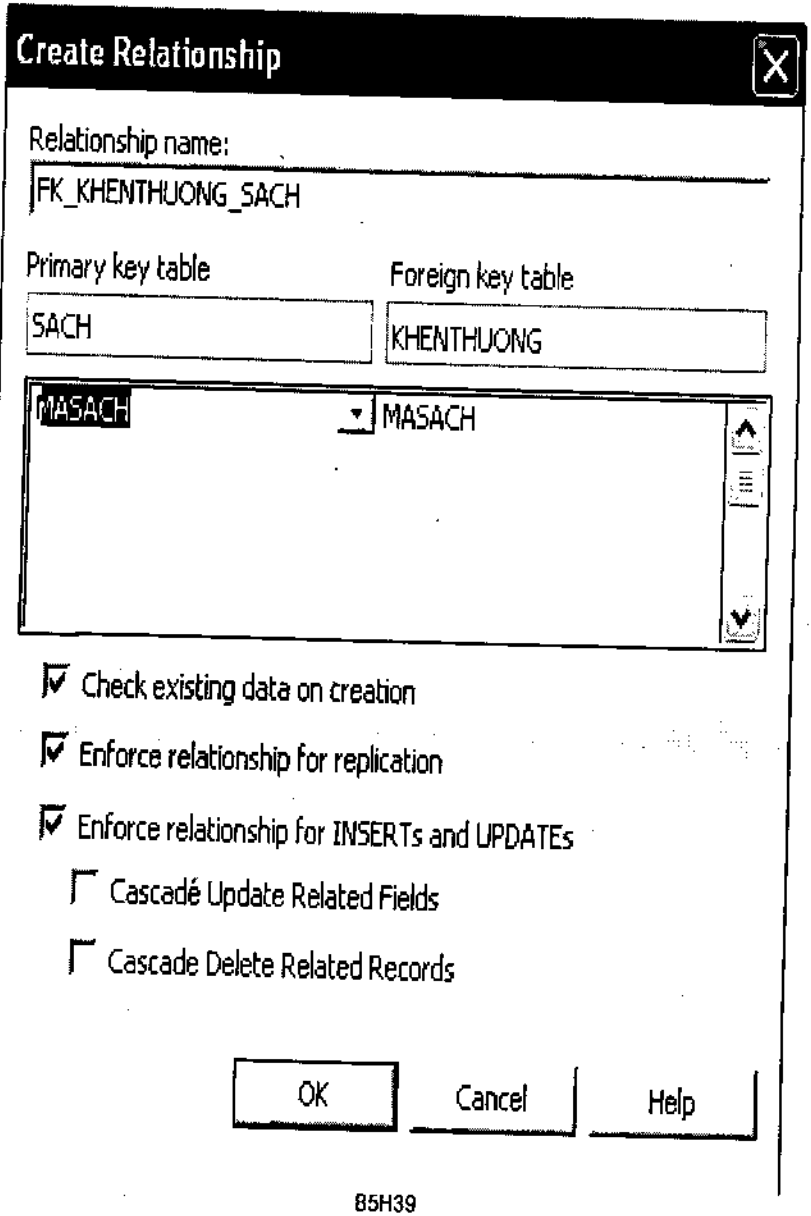

◈ Click nút OK, chúng ta sẽ thấy kết nối của hai bảng SACH và KHENTHUONG như hình sau:

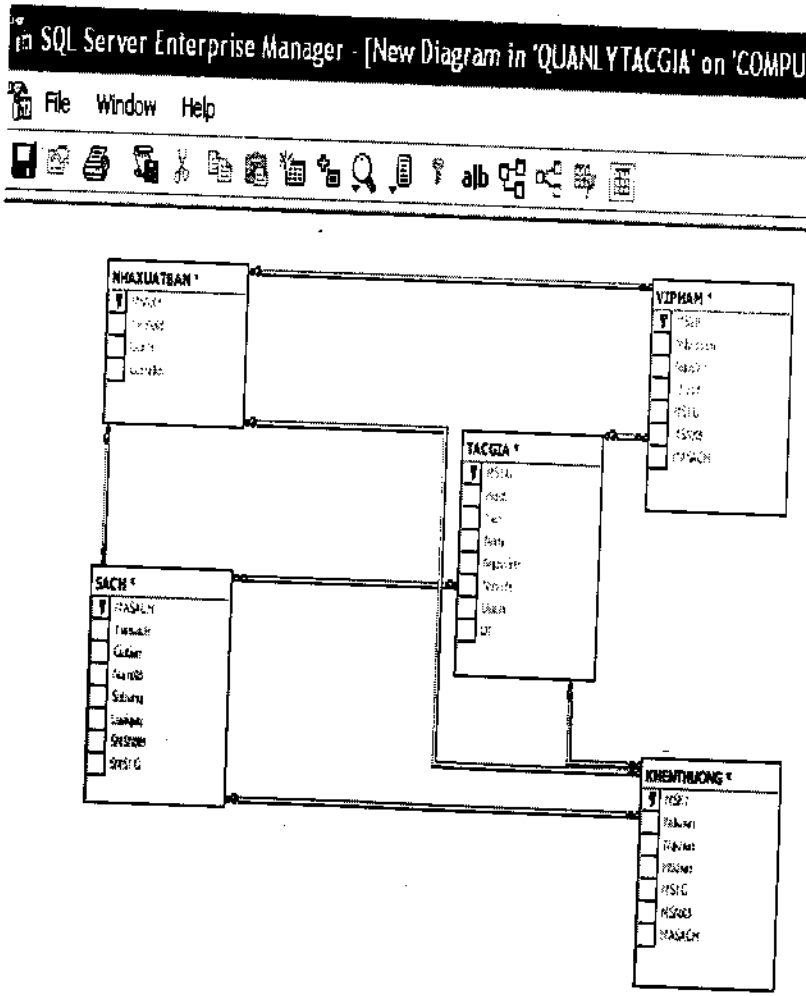

B5H40

⑧ Tạo mối liên hệ cho hai bảng SACH và VIPHAM

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng SACH là vùng MASACH, trong bảng VIPHAM là vùng MASACH. Thực hiện như sau:

Bạn click chọn vùng MASACH là khóa chính của bảng SACH, Drag và kéo sang vùng MASACH trong bảng VIPHAM. Khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

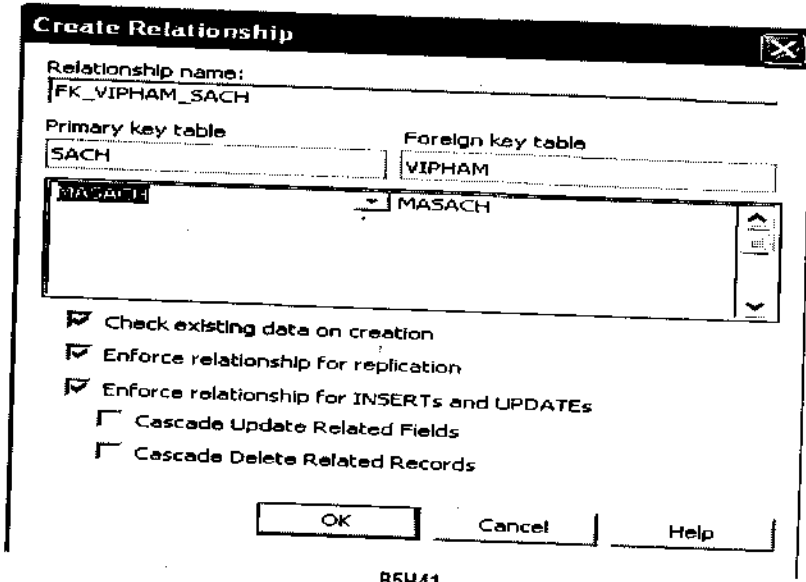

B5H41

◈ Click nút OK, chúng ta sẽ thấy kết nối của hai bảng SACH và VIPHAM như hình sau:

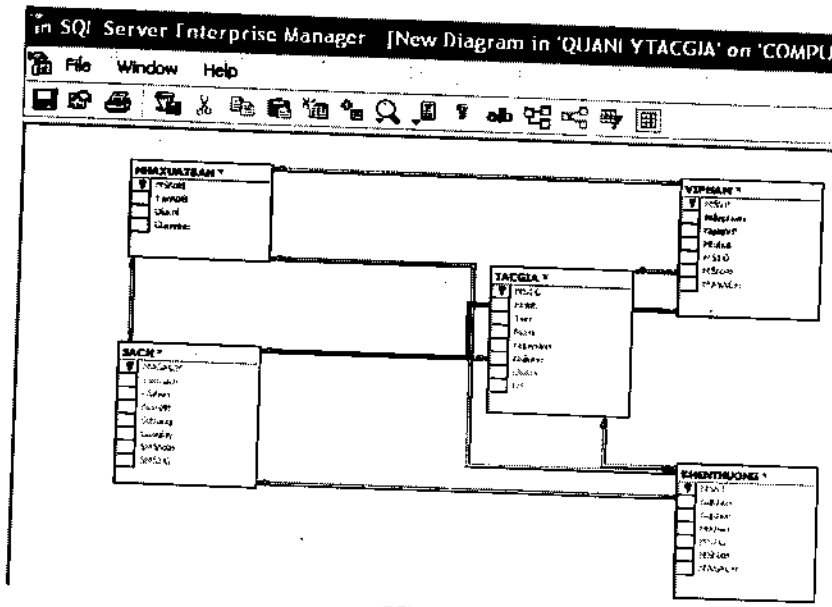

B5H42

Ghi chú:

Nếu tạo mối liên hệ sai, cần xóa, bạn click nút chuột phải trên đường liên kết, click Delete... trên menu hiện ra.

Vậy là bạn đã hoàn thành việc tạo mối liên hệ cho các bảng, click dấu X để đóng cửa sổ Diagram, bạn sẽ thấy hộp thoại hiện ra như sau:

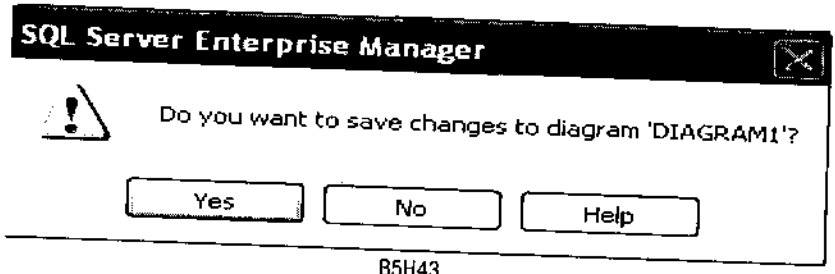

B5H43

◈ Click nút Yes, hộp thoại tiếp theo hiện ra như sau:

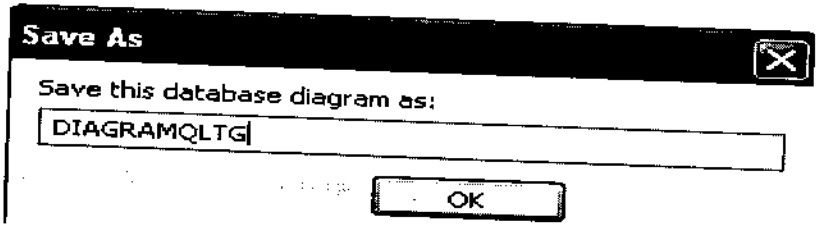

B5H44

◈ Click nút OK các bạn sẽ thấy hộp thoại sau:

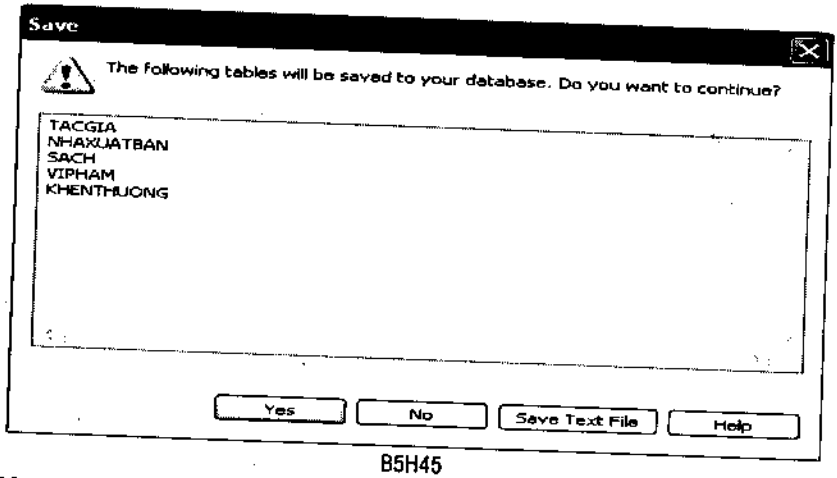

B5H45

◈ Click nút Yes để kết thúc phần này.

Nhập thông tin cho các bảng

◈ Đối với bảng SACH

Trong bảng SACH, **MASACH** *là khóa* và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 6 kí tự), hai kí tự đầu tiên là kí hiệu của loại sách, bốn ký tự tiếp theo là số thứ tự (các bạn có thể đặt khác theo ý của mình)

Kí hiệu tắt	**Loại sách**
TH	Tin học
GK	Sách giáo khoa
KT	Kiến trúc
XD	Xây dựng
TR	Truyện
DN	Danh nhân thế giới
...	

◈ Đối với bảng TACGIA

Trong bảng TACGIA, **MSTG** *sẽ là khóa* và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 6 kí tự). Người đầu tiên sẽ là TG0001, người thứ hai sẽ là TG0002...

◈ Đối với bảng NHAXUATBAN

Trong bảng NHAXUATBAN, **MSNXB** *sẽ là khóa* và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 6 kí tự). Là tên ghi tắt của các nhà xuất bản

Ví dụ:

Viết tắt	**Ý nghĩa**
NXBTRE	Nhà xuất bản Trẻ
NXBTKE	Nhà xuất bản Thống kê
NXBGTV	Nhà xuất bản Giao thông vận tải
NXBTNI	Nhà xuất bản Thanh niên
NXBKHX	Nhà xuất bản Khoa học xã hội
...	

Ghi chú: Các bạn có thể đặt theo cách chọn của mình

◈ Đối với bảng VIPHAM

Trong bảng VIPHAM, **MSVP** *sẽ là khóa* và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 6 kí tự), tác giả hoặc nhà xuất bản vi phạm đầu tiên sẽ là **VP0001**, kế tiếp là **VP0002** ... và cứ tiếp tục như vậy cho đến hết.

◈ Đối với bảng KHENTHUONG

Trong bảng KHENTHUONG, **MSKT** *sẽ là khóa* và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 6 kí tự), tác giả hoặc nhà xuất bản được khen thưởng đầu tiên sẽ là **KT0001**, kế tiếp là **KT0002** ... và cứ tiếp tục như vậy cho đến hết.

Chúng tôi sẽ nhập một số thông tin cho các bảng, khi thực tập bài này, các bạn đọc kỹ các kiểu của vùng, kích thước của vùng, nhất là lưu ý vùng mã số để nhập cho đúng. Khi thực hiện, các bạn có thể nhập thông tin theo ý của mình, lưu ý nhập đúng và theo trình tự các bảng cho phù hợp. Mỗi bảng các bạn chỉ cần nhập một vài mẫu tin tượng trưng

Trước tiên chúng ta nhập thông tin cho bảng TACGIA , sau đó nhập cho bảng NHAXUATBAN, kế tiếp là bảng SACH, tiếp theo là bảng KHENTHUONG và cuối cùng là bảng VIPHAM

Trong bài này, chúng ta phải dùng nhiều Form, một Form cha sẽ có menu

Có 8 Form con như sau:

① Form con thứ nhất có tên **FormSACH.vb** sẽ dùng các Textbox để thể hiện thông tin của bảng **SACH**, mỗi TextBox thể hiện một vùng của bảng. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 3 đối tượng

◈ Đối tượng **OleDbDataAdapter1**, đối tượng **DatasetSACH1** và đối tượng **OleDbConnection1**.

② Form con thứ hai có tên **FormTACGIA.vb** sẽ dùng các Textbox để thể hiện thông tin của bảng **TACGIA**, mỗi TextBox thể hiện một vùng của bảng. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 3 đối tượng

◈ Đối tượng **OleDbDataAdapter1**, đối tượng **DatasetTACGIA1** và đối tượng **OleDbConnection1**.

③ Form con thứ ba có tên **FormNHAXUATBAN.vb** sẽ dùng các Textbox để thể hiện thông tin của bảng **NHAXUATBAN**, mỗi TextBox thể hiện một vùng của bảng. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 3 đối tượng

◈ Đối tượng **OleDbDataAdapter1**, đối tượng **DatasetNHAXUATBAN1** và đối tượng **OleDbConnection1**.

④ Form con thứ tư có tên **FormVIPHAM.vb** sẽ dùng các Textbox để thể hiện thông tin của bảng **VIPHAM**, mỗi TextBox thể hiện một vùng của bảng. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 3 đối tượng

◈ Đối tượng **OleDbDataAdapter1**, đối tượng **DatasetVIPHAM1** và đối tượng **OleDbConnection1**.

⑤ Form con thứ năm có tên **FormKHENTHUONG.vb** sẽ dùng các Textbox để thể hiện thông tin của bảng KHENTHUONG, mỗi TextBox thể hiện một vùng của bảng. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 3 đối tượng

◈ Đối tượng **OleDbDataAdapter1**, đối tượng **DatasetKHENTHUONG1** và đối tượng **OleDbConnection1**.

⑥ Form con thứ sáu có tên **FormNXBTACGIASACH.vb** sẽ chứa *ba điều khiển* **DataGrid**, mỗi DataGrid sẽ thể hiện thông tin của từng bảng **NHAXUATBAN**, **TACGIA** và **SACH**. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 7 đối tượng

◈ Các đối tượng **OleDbDataAdapter1** và **DatasetNXB1** dùng cho bảng **NHAXUATBAN**.

◈ Các đối tượng **OleDbDataAdapter2** và **DatasetNXBTACGIA1** dùng cho bảng **TACGIA**.

◈ Các đối tượng **OleDbDataAdapter3** và **DatasetNXBTACGIASACH1** dùng cho bảng **SACH**.

◈ Đối tượng **OleDbConnection1** dùng chung cho cả ba bảng.

⑦ Form con thứ bảy có tên **FormNXBTACGIAKHENTHUONG.vb** sẽ chứa *ba điều khiển* **DataGrid**, mỗi DataGrid sẽ thể hiện thông tin của từng bảng **NHAXUATBAN**, **TACGIA** và **KHENTHUONG**. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 7 đối tượng

◈ Các đối tượng **OleDbDataAdapter1** và **DatasetNXB21** dùng cho bảng **NHAXUATBAN**.

◈ Các đối tượng **OleDbDataAdapter2** và **DatasetNXBTACGIA21** dùng cho bảng **TACGIA**.

◈ **OleDbDataAdapter3** và **DatasetNXBTACGIAKHENTHUONG21** dùng cho bảng **KHENTHUONG**.

◈ Đối tượng **OleDbConnection1** dùng chung cho cả ba bảng.

⑧ Form con thứ tám có tên **FormNXBTACGIAVIPHAM.vb** sẽ chứa *ba điều khiển* **DataGrid**, mỗi DataGrid sẽ thể hiện thông tin của từng bảng **NHAXUATBAN**, **TACGIA** và **VIPHAM**. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 7 đối tượng

◈ Các đối tượng **OleDbDataAdapter1** và **DatasetNXB31** dùng cho bảng **NHAXUATBAN**.

◈ Các đối tượng **OleDbDataAdapter2** và **DatasetNXBTACGIA31** dùng cho bảng **TACGIA**.

◈ **OleDbDataAdapter3** và **DatasetNXBTACGIAVIPHAM31** dùng cho bảng **VIPHAM**.

◈ Đối tượng **OleDbConnection1** dùng chung cho cả ba bảng.

✱ Yêu cầu

✱ Các Form cần thiết kế

▣ Form cha cần thiết kế

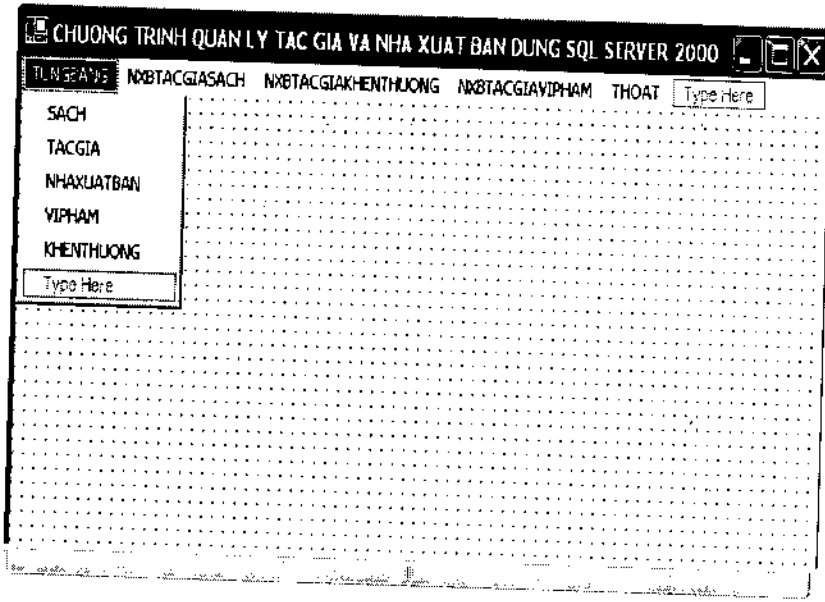

B5H46

▣ Phần Form cha

Bảng các thuộc tính của Form cha

TT	Đối tượng	Các thuộc tính	Giá trị
1	Form MDI	Name	Form1
		BackColor	Màu hồng
		Caption	CHUONG TRINH QUAN LY TAC GIA VA NHA XUAT BAN DUNG SQL SERVER 2000
		IsMdiContainer	True
		WindowState	Maximized

Ghi chú:

Thuộc tính **IsMdiContainer** phải đặt là **True**.

Hệ thống menu của Form cha

Caption	Name
TUNGBANG	MenuTUNGBANG
SACH	MenuSACH
TACGIA	MenuTACGIA
NHAXUATBAN	MenuNHAXUATBAN
VIPHAM	MenuVIPHAM
KHENTHUONG	MenuKHENTHUONG
NXBTACGIASACH	MenuNXBTACGIASACH
NXBTACGIAKHENTHUONG	MenuNXBTACGIAKHENTHUONG
NXBTACGIAVIPHAM	MenuNXBTACGIAVIPHAM
THOAT	MenuTHOAT

▣ Phần Form con của mục TUNGBANG

✳ FormSACH

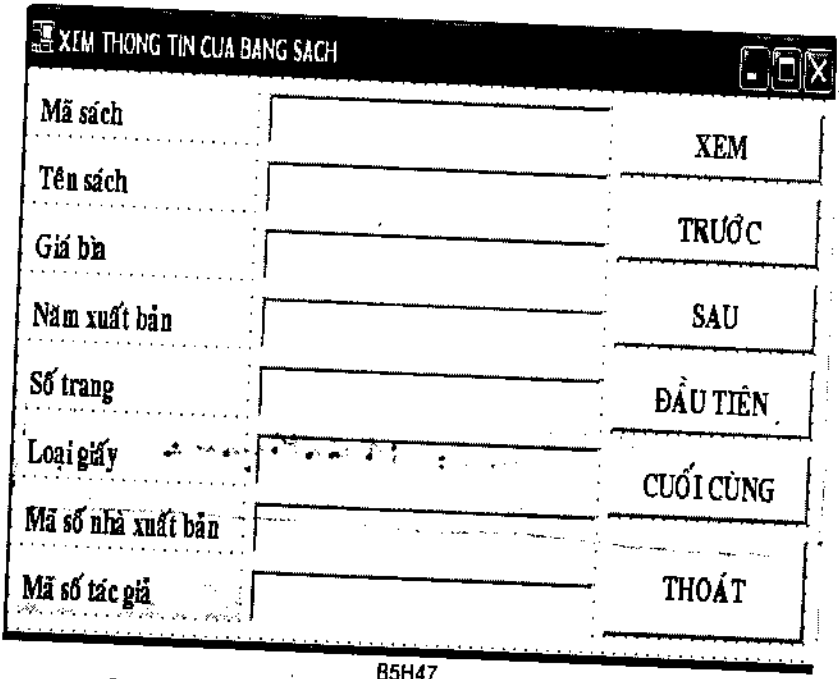

B5H47

BẢNG CÁC THUỘC TÍNH CỦA NHỮNG ĐIỀU KHIỂN TRONG FORMSACH

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name	FormSACH
		BackColor	Màu xanh
		Text	XEM THONG TIN CUA BANG SACH
		WindowState	Maximized
2	Label	Name	LabelMasach
		BackColor	Màu dâu
		Font	VNI-Times, size 12, Bold
		Text	Mã sách
3	Label	Name	LabelTensach
		BackColor	Màu dâu
		Font	VNI-Times, size 12, Bold
		Text	Tên sách

4	Label	Name BackColor Font Text	LabelGiabia Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Giá bìa
5	Label	Name BackColor Font Text	LabelNamXB Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Năm xuất bản
6	Label	Name BackColor Font Text	LabelSotrang Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Số trang
7	Label	Name BackColor Font Text	LabelLoaigiay Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Loại giấy
8	Label	Name BackColor Font Text	LabelSMsnxb Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Mã số nhà xuất bản
9	Label	Name BackColor Font Text	LabelSmstg Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Mã số tác giả
10	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextMasach VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetSACH1, click dấu + trước SACH, click chọn vùng MASACH
11	TextBox	Name	TextTensach

		Font Text + DataBindings	VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetSACH1, click dấu + trước SACH, click chọn vùng TENSACH
12	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextGiabia VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetSACH1, click dấu + trước SACH, click chọn vùng GIABIA
13	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextNamXB VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetSACH1, click dấu + trước SACH, click chọn vùng NAMXB
14	TextBox	Name Font	TextSotrang VNI-Times, size 10, Bold

		Text + DataBindings	Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetSACH1, click dấu + trước SACH, click chọn vùng SOTRANG
15	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextLoaigiay VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetSACH1, click dấu + trước SACH, click chọn vùng LOAIGIAY
16	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextSMsnxb VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetSACH1, click dấu + trước SACH, click chọn vùng SMSNXB
17	TextBox	Name Font Text	TextSMstg VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn)

		+ DataBindings	Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetSACH1, click dấu + trước SACH, click chọn vùng SMSTG
18	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Xem
19	Button	Name BackColor Font Text	ButtonTruoc Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Trước
20	Button	Name BackColor Font Text	ButtonSau Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Sau
21	Button	Name BackColor Font Text	ButtonDautien Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Đầu tiên
22	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCuoicung Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Cuối cùng
23 -	Button	Name BackColor Font Text	Thoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Thoát

* FormTACGIA

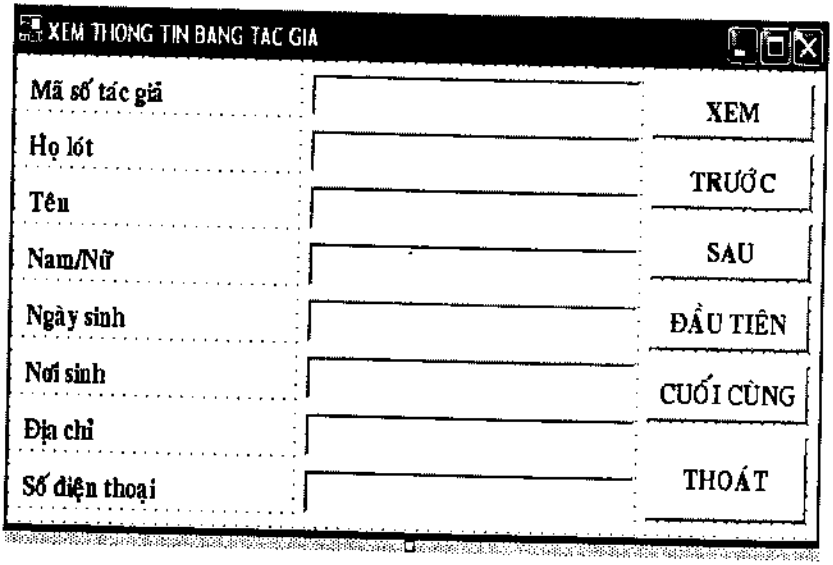



B5H48

BẢNG CÁC THUỘC TÍNH CỦA NHỮNG ĐIỀU KHIỂN TRONG FORMTACGIA

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name BackColor Text WindowState	FormTACGIA Màu xanh XEM THONG TIN BANG TACGIA Maximized
2	Label	Name BackColor Font Text	LabelMSTG Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Mã số tác giả
3	Label	Name BackColor Font Text	LabelHolot Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Họ lót
4	Label	Name	LabelTen

		BackColor Font Text	Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Tên
5	Label	Name BackColor Font Text	LabelNam Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Nam/Nữ
6	Label	Name BackColor Font Text	LabelNgsinh Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Ngày sinh
7	Label	Name BackColor Font Text	LabelNoisinh Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Nơi sinh
8	Label	Name BackColor Font Text	LabelDiachi Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Địa chỉ
9	Label	Name BackColor Font Text	LabelDT Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Số điện thoại
10	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextMSTG VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetTACGIA1, click dấu + trước TACGIA, click chọn vùng MSTG
11	TextBox	Name Font	TextHolot VNI-Times, size 10, Bold

		Text + DataBindings	Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetTACGIA1, click dấu + trước TACGIA, click chọn vùng HOLOT
12	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextTen VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetTACGIA1, click dấu + trước TACGIA, click chọn vùng TEN
13	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextNam VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetTACGIA1, click dấu + trước TACGIA, click chọn vùng NAM
14	TextBox	Name Font Text	TextNgsinh VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn)

15	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextNoisinh VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetTACGIA1, click dấu + trước TACGIA, click chọn vùng NOISINH
16	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextDiachi VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetTACGIA, click dấu + trước TACGIA, click chọn vùng DIACHI
17	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextDT VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ

			DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetTACGIA1, click dấu + trước TACGIA, click chọn vùng DT
18	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Xem
19	Button	Name BackColor Font Text	ButtonTruoc Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Trước
20	Button	Name BackColor Font Text	ButtonSau Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Sau
21	Button	Name BackColor Font Text	ButtonDautien Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Đầu tiên
22	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCuoicung Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Cuối cùng
23	Button	Name BackColor Font Text	Thoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Thoát

* FormNHAXUATBAN

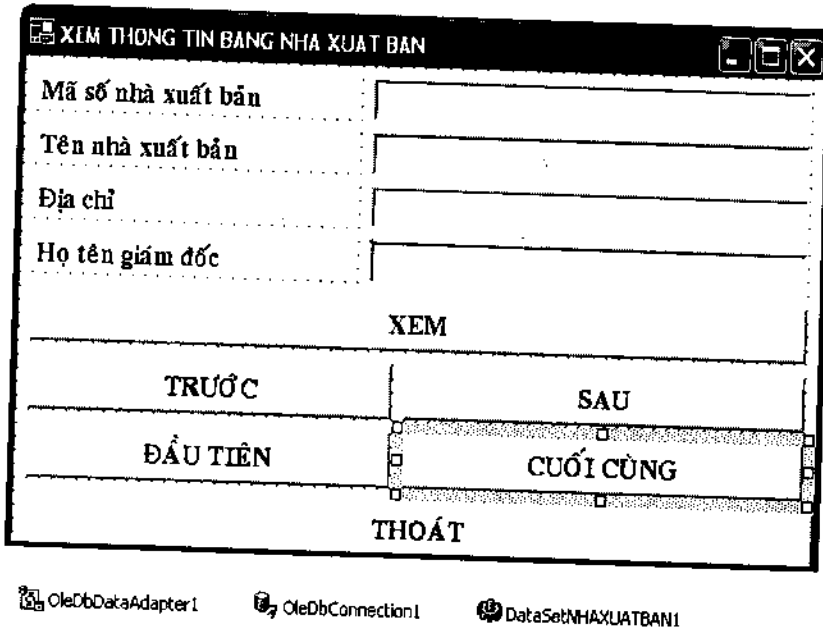

B5H49

BẢNG CÁC THUỘC TÍNH CỦA NHỮNG ĐIỀU KHIỂN TRONG FORMNHAXUATBAN

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name	FormNHAXUATBAN
		BackColor	Màu xanh
		Text	XEM THONG TIN BANG NHA XUAT BAN
		WindowState	Maximized
2	Label	Name	LabelMSNXB
		BackColor	Màu dâu
		Font	VNI-Times, size 12, Bold
		Text	Mã số nhà xuất bản
3	Label	Name	LabelTenNXB
		BackColor	Màu dâu
		Font	VNI-Times, size 12, Bold
		Text	Tên nhà xuất bản
4	Label	Name	LabelDiachi

		BackColor Font Text	Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Địa chỉ
5	Label	Name BackColor Font Text	LabelGiamdoc Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Họ tên giám đốc
6	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextMSNXB VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetNHAXUATBAN1, click dấu + trước NHAXUATBAN, click chọn vùng MSNXB
7	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextTenNXB VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetNHAXUATBAN1, click dấu + trước NHAXUATBAN, click chọn vùng TENNXB
8	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextDiachi VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text

9	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextGiamdoc VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetNHAXUATBAN1, click dấu + trước NHAXUATBAN, click chọn vùng GIAMDOC
10	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Xem
11	Button	Name BackColor Font Text	ButtonTruoc Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Trước
12	Button	Name BackColor Font Text	ButtonSau Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Sau
13	Button	Name BackColor Font Text	ButtonDautien Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Đầu tiên
14	Button	Name BackColor Font	ButtonCuoicung Màu xám VNI-Times, size 12, Bold

		Text	Cuối cùng
15	Button	Name BackColor Font Text	Thoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Thoát

* FormVIPHAM

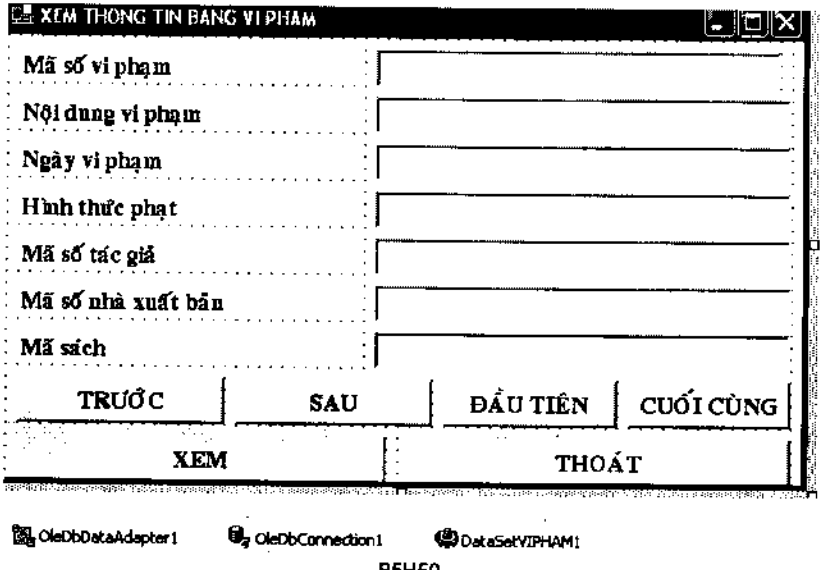

B5H50

BẢNG CÁC THUỘC TÍNH CỦA NHỮNG ĐIỀU KHIỂN TRONG FORMVIPHAM

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name BackColor Text WindowState	FormVIPHAM Màu xanh XEM THONG TIN BANG VI PHAM Maximized
2	Label	Name BackColor Font	LabelMSVP Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold

3	Label	Name BackColor Font Text	LabelNdvipham Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Nội dung vi phạm
4	Label	Name BackColor. Font Text	LabelNgayvp Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Ngày vi phạm
5	Label	Name BackColor Font Text	LabelHtphat Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Hình thức phạt
6	Label	Name BackColor Font Text	LabelMstg Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Mã số tác giả
7	Label	Name BackColor Font Text	LabelMsnxb Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Mã số nhà xuất bản
8	Label	Name BackColor Font Text	LabelMasach Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Mã sách
9	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextMSVP VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetVIPHAM1, click dấu + trước VIPHAM, click chọn vùng MSVP

10	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextNdvipham VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetVIPHAM1, click dấu + trước VIPHAM, click chọn vùng NDVIPHAM
11	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextNgayvp VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetVIPHAM1, click dấu + trước VIPHAM, click chọn vùng NGAYVP
12	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextHtphat VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetVIPHAM1, click dấu + trước VIPHAM, click chọn vùng HTPHAT
13	TextBox	Name	TextMSTG

		Font Text + DataBindings	VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetVIPHAM1, click dấu + trước VIPHAM, click chọn vùng MSTG
14	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextMsnxb VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetVIPHAM1, click dấu + trước VIPHAM, click chọn vùng MSNXB
15	Button	Name BackColor Font Text	ButtonTruoc Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Trước
16	Button	Name BackColor Font Text	ButtonSau Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Sau
17	Button	Name BackColor Font Text	ButtonDautien Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Đầu tiên
18	Button	Name BackColor	ButtonCuoicung Màu xám

		Font Text	VNI-Times, size 12, Bold Cuối cùng
19	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Xem
20	Button	Name BackColor Font Text	Thoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Thoát

* FormKHENTHUONG

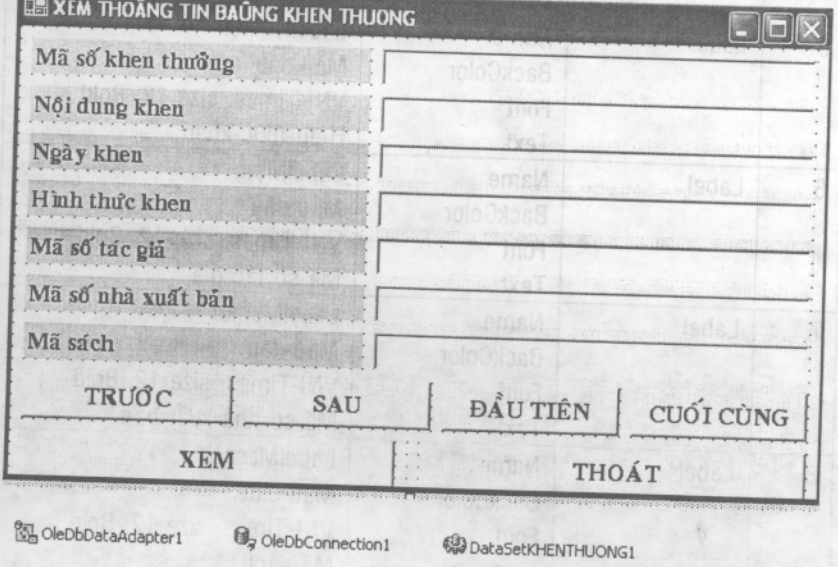

B5H51

BẢNG CÁC THUỘC TÍNH CỦA NHỮNG ĐIỀU KHIỂN TRONG FORMKHENTHUONG

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name BackColor	FormKHENTHUONG Màu xanh

2	Label	Name BackColor Font Text	LabelMSKT Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Mã số khen thưởng
3	Label	Name BackColor Font Text	LabelNdkhen Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Nội dung khen
4	Label	Name BackColor Font Text	LabelNgkhen Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Ngày khen
5	Label	Name BackColor Font Text	LabelHtkhen Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Hình thức khen
6	Label	Name BackColor Font Text	LabelMstg Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Mã số tác giả
7	Label	Name BackColor Font Text	LabelMsnxb Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Mã số nhà xuất bản
8	Label	Name BackColor Font Text	LabelMasach Màu dâu VNI-Times, size 12, Bold Mã sách
9	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextMSKT VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi

			tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetKHENTHUONG1, click dấu + trước KHENTHUONG, click chọn vùng MSKT
10	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextNdKhen VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetKHENTHUONG1, click dấu + trước KHENTHUONG, click chọn vùng NDKHEN
11	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextNgKhen VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetKHENTHUONG1, click dấu + trước KHENTHUONG, click chọn vùng NGKHEN
2	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextHtkhen VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra,

13	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextMSTG VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetKHENTHUONG1, click dấu + trước KHENTHUONG, click chọn vùng MSTG
14	TextBox	Name Font Text + DataBindings	TextMsnxb VNI-Times, size 10, Bold Trống (xóa thông tin có sẵn) Click dấu + trước chữ DataBindings. Click chọn ô trống bên phải thuộc tính Text của mục này, click đầu mũi tên bên phải mới hiện ra, click dấu + trước DatasetKHENTHUONG1, click dấu + trước KHENTHUONG, click chọn vùng MSNXB
15	Button	Name BackColor Font Text	ButtonTruoc Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Trước
16	Button	Name BackColor Font Text	ButtonSau Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Sau
17	Button	Name	ButtonDautien

		BackColor Font Text	Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Đầu tiên
18	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCuoicung Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Cuối cùng
19	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Xem
20	Button	Name BackColor Font Text	Thoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold Thoát

* FormNXBTACGIASACH

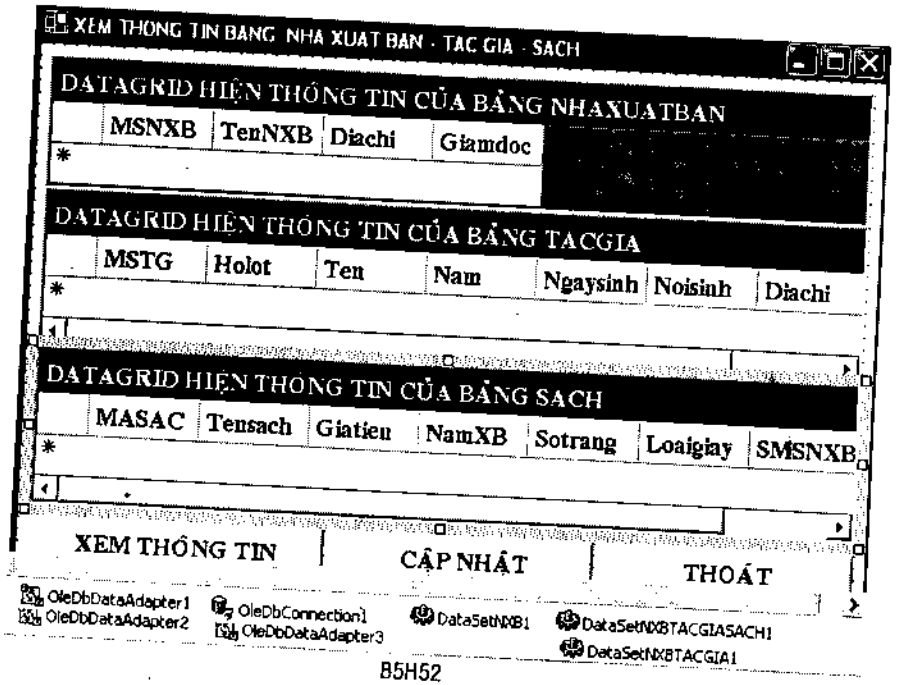

B5H52

Bảng thuộc tính của những điều khiển trong FormNXBTACGIASACH

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name	FormNXBTACGIASACH
		BackColor	Màu vàng
		Text	XEM THONG TIN BANG NHA XUAT BAN - TAC GIA - SACH
		WindowState	Maximized
2	DataGrid	Name	DataGrid1
		CaptionText	DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG NHAXUATBAN
		BackColor	Màu cam nhạt
		BackgroundColor	Màu hồng nhạt
		ForeColor	Màu xanh dương
		GridLineColor	Màu đỏ
		Font	VNI-Times, size 12, bold
		Anchor	Top, Left, Right, Bottom
		Datasource	DatasetNXB1
		Datamember	NHAXUATBAN
3	DataGrid	Name	DataGrid2
		CaptionText	DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG TACGIA
		BackColor	Màu xanh nhạt
		BackgroundColor	Màu cam nhạt
		ForeColor	Màu xanh dương
		GridLineColor	Màu đỏ
		Font	VNI-Times, size 12, bold
		Anchor	Top, Left, Right, Bottom
		Datasource	DatasetNXBTACGIA1
		Datamember	TACGIA
4	DataGrid	Name	DataGrid3
		CaptionText	DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG SACH
		BackColor	Màu xanh nhạt
		BackgroundColor	Màu cam nhạt

		ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetNXBTACGIASACH1 SACH
5	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold XEM THÔNG TIN
6	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCapnhat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold CẬP NHẬT
7	Button	Name BackColor Font Text	ButtonThoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold THOÁT

* FormNXBTACGIAKHENTHUONG

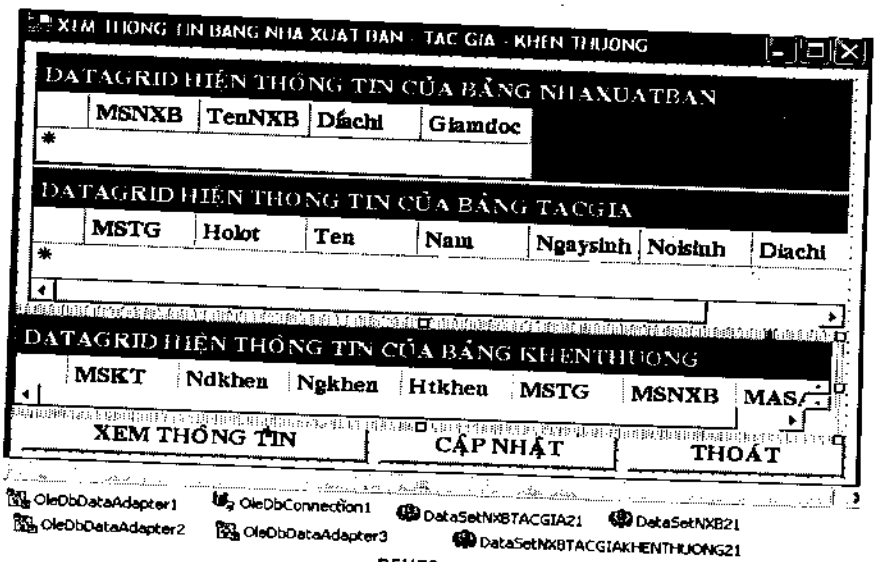

Bảng thuộc tính của những điều khiển trong FormNXBTACGIAKHENTHUONG

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name	FormNXBTACGIAKHENTHUONG
		BackColor	Màu vàng
		Text	XEM THONG TIN NHA XUAT BAN – TAC GIA – KHEN THUONG
		WindowState	Maximized
2	DataGrid	Name	DataGrid1
		CaptionText	DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG NHAXUATBAN
		BackColor	Màu cam nhạt
		BackgroundColor	Màu hồng nhạt
		ForeColor	Màu xanh dương
		GridLineColor	Màu đỏ
		Font	VNI-Times, size 12, bold
		Anchor	Top, Left, Right, Bottom
		Datasource	DatasetNXB21
		Datamember	NHAXUATBAN
3	DataGrid	Name	DataGrid2
		CaptionText	DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG TACGIA
		BackColor	Màu xanh nhạt
		BackgroundColor	Màu cam nhạt
		ForeColor	Màu xanh dương
		GridLineColor	Màu đỏ
		Font	VNI-Times, size 12, bold
		Anchor	Top, Left, Right, Bottom
		Datasource	DatasetNXBTACGIA21
		Datamember	TACGIA
4	DataGrid	Name	DataGrid3
		CaptionText	DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG KHENTHUONG
		BackColor	Màu xanh nhạt

		BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	Màu cam nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetNXBTACGIAKHENTHUONG21 KHENTHUONG
5	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold XEM THÔNG TIN
6	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCapnhat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold CẬP NHẬT
7	Button	Name BackColor Font Text	ButtonThoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold THOÁT

* FormNXBTACGIAVIPHAM

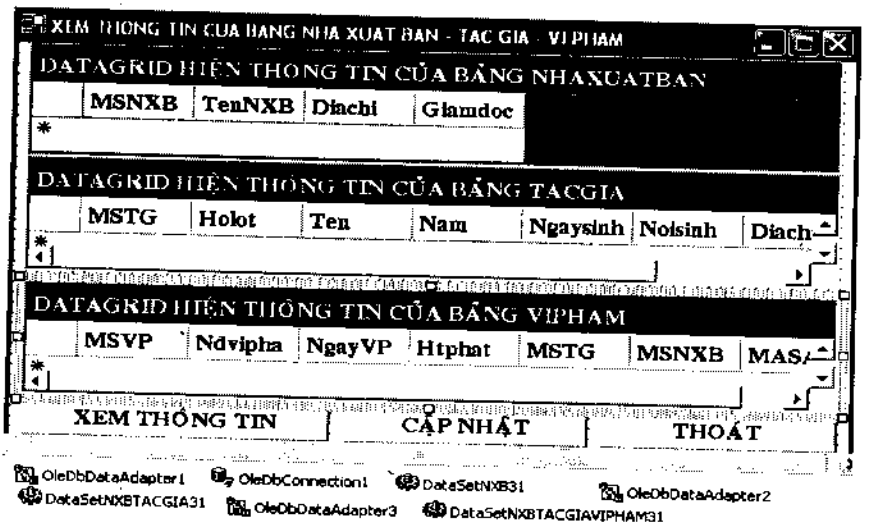

B5H54

Bảng thuộc tính của những điều khiển trong FormNXBTACGIAKHENTHUONG

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name	FormNXBTACGIAVIPHAM
		BackColor	Màu vàng
		Text	XEM THONG TIN CUA BANG NHA XUAT BAN – TAC GIA – VI PHAM
		WindowState	Maximized
2	DataGrid	Name	DataGrid1
		CaptionText	DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG NHAXUATBAN
		BackColor	Màu cam nhạt
		BackgroundColor	Màu hồng nhạt
		ForeColor	Màu xanh dương
		GridLineColor	Màu đỏ
		Font	VNI-Times, size 12, bold
		Anchor	Top, Left, Right, Bottom
		Datasource	DatasetNXB31
		Datamember	NHAXUATBAN
3	DataGrid	Name	DataGrid2
		CaptionText	DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG TACGIA
		BackColor	Màu xanh nhạt
		BackgroundColor	Màu cam nhạt
		ForeColor	Màu xanh dương
		GridLineColor	Màu đỏ
		Font	VNI-Times, size 12, bold
		Anchor	Top, Left, Right, Bottom
		Datasource	DatasetNXBTACGIA31
		Datamember	TACGIA
4	DataGrid	Name	DataGrid3
		CaptionText	DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG KHENTHUONG
		BackColor	Màu xanh nhạt

		BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	Màu cam nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetNXBTACGIAVIPHAM31 VIPHAM
5	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold XEM THÔNG TIN
6	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCapnhat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold CẬP NHẬT
7	Button	Name BackColor Font Text	ButtonThoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold THOÁT

① Thiết kế các Form của chương trình

◈ Đầu tiên bạn vào Visual Basic .NET, tạo Project có tên QLTG_VB.NET_SQLSERVER và lưu tại thư mục gốc của ổ đĩa E:\

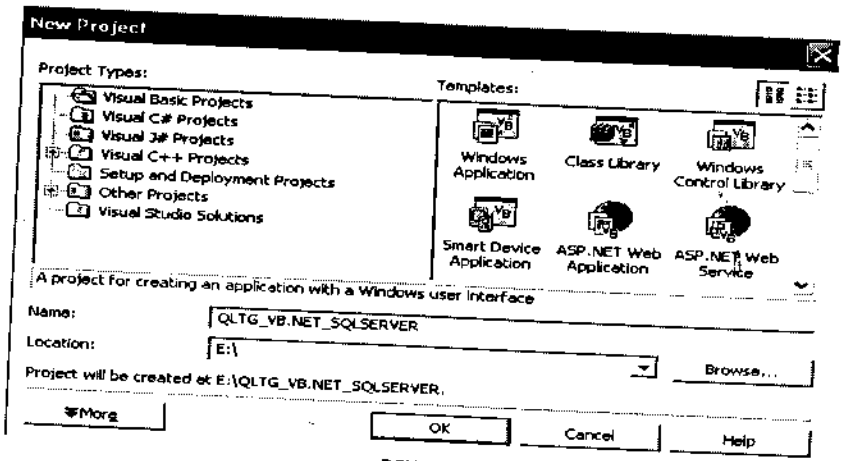

B5H55

◈ Click nút OK, Form thiết kế hiện ra.

■ Tạo Form cha

Các bạn tiến hành tạo menu và xác lập các thuộc tính cho Form cha như các bảng thuộc tính và hệ thống menu đã cho ở trên.

◈ Muốn tạo menu cho Form cha, bạn click điều khiển Main menu trong hộp công cụ, vẽ vào Form, nhập tên các mục vào, sau khi nhập xong, click nút phải trên các mục, chọn Properties, xác lập các thuộc tính name cho các mục.

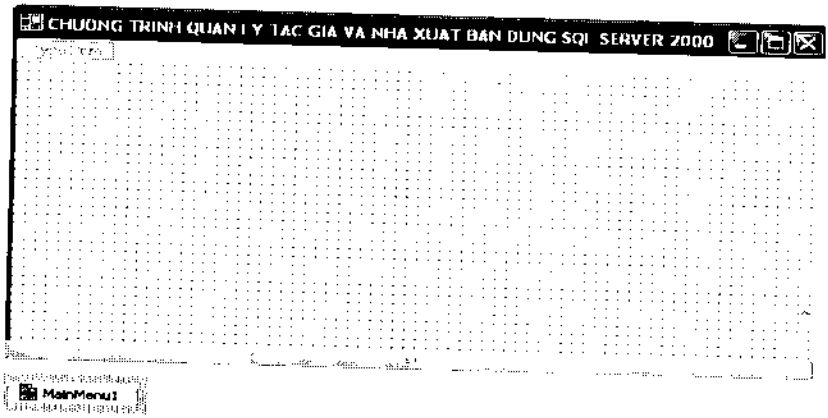

B5H56

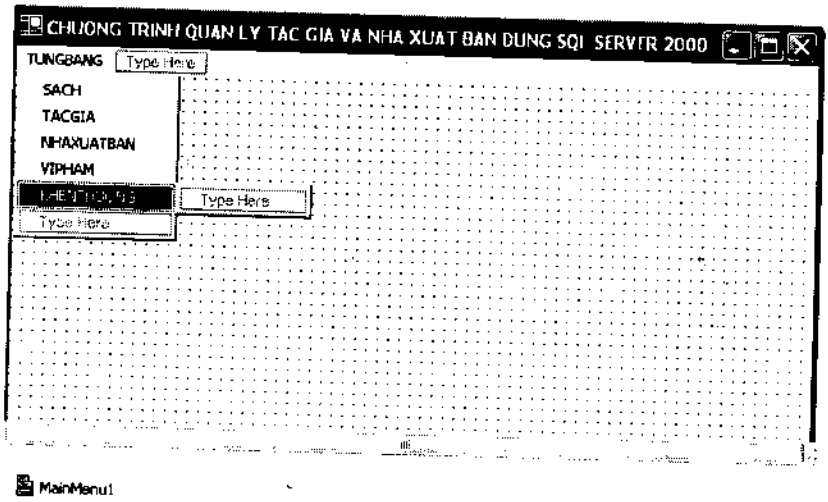

B5H57

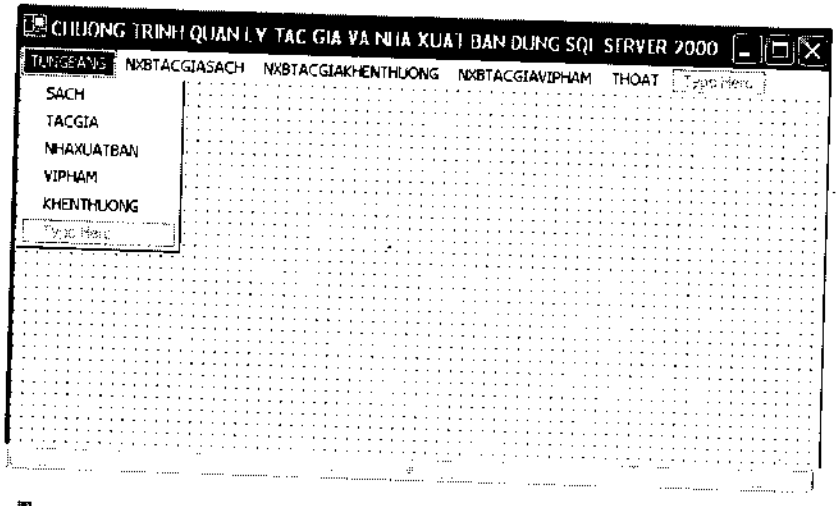

B5H58

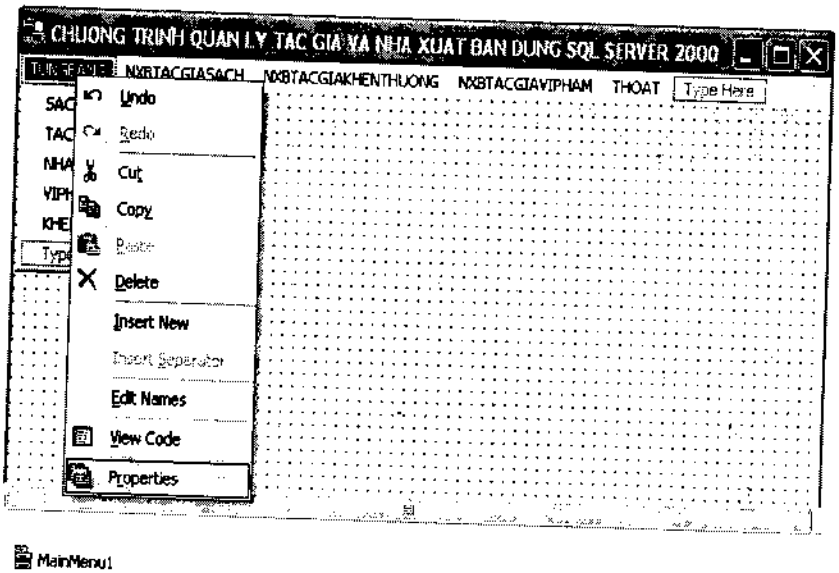

B5H59

- Tạo Form con có tên FormSACH

◈ Tại Form cha, vào menu Project, chọn Add Windows Form để tạo một Form con mới đầu tiên, đó là FormSACH

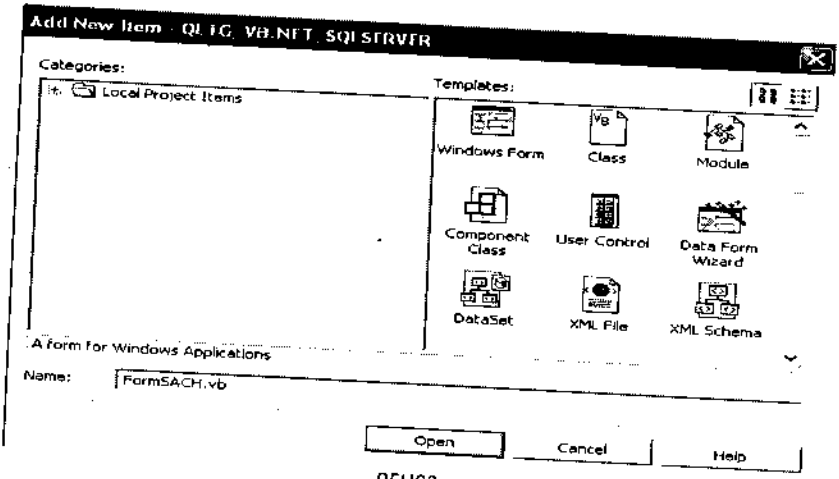

B5H60

◈ Click nút Open, bạn sẽ có FormSACH hiện ra để bạn thiết kế. Bạn thực hiện các bước như sau:

Thực hiện việc kết nối với CSDL có tên QUANLYTACGIA

◈ Vào menu View, chọn Server Explorer

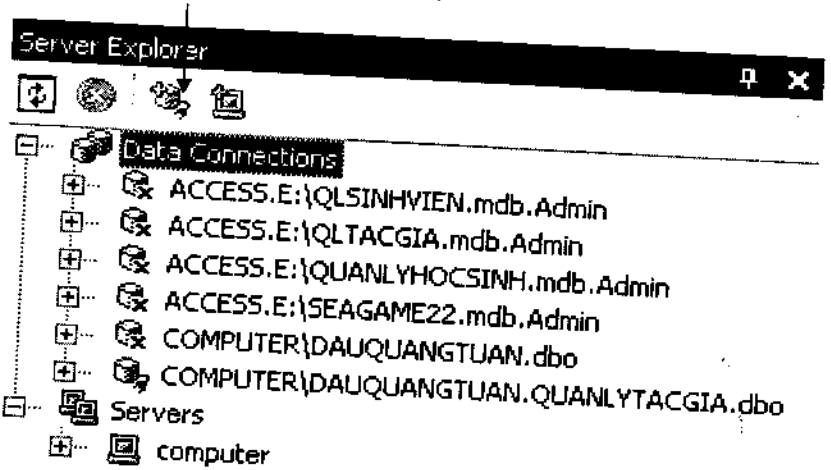

B5H61

◈ Click nút Connect to Database trên thanh công cụ của cửa sổ Server Explorer, trong hộp thoại hiện ra, chọn tab có tên Provider, chọn Microsoft OLE DB Provider for SQL Server như hình sau:

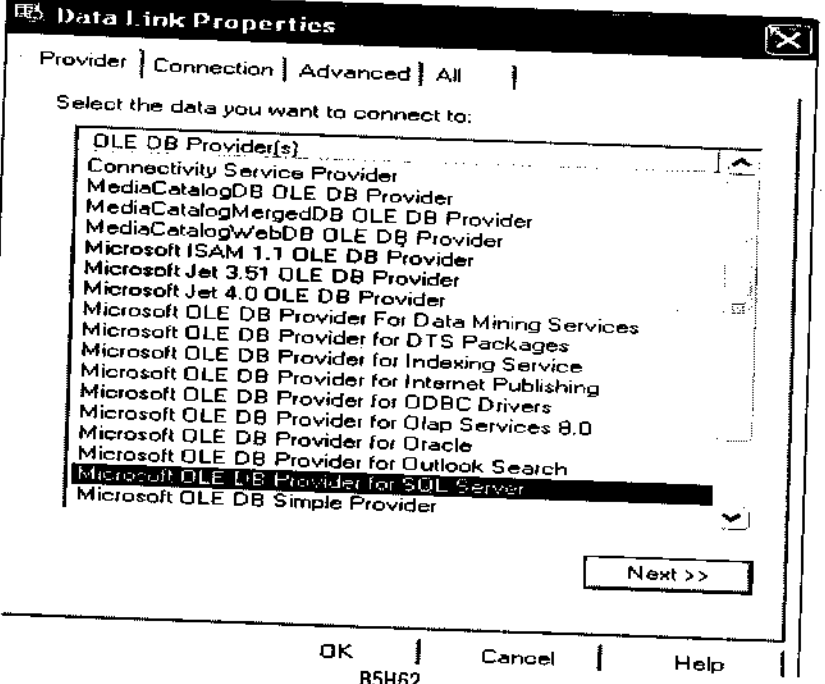

B5H62

◈ Click nút Next, nó sẽ sang Tab Connection

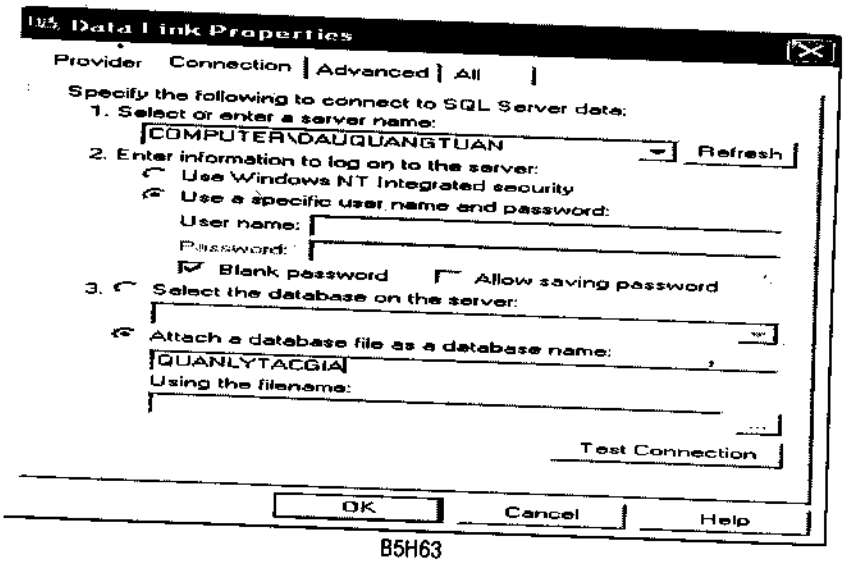

B5H63

◈ Nhập COMPUTER\DAUQUANGTUAN trong khung Select or enter a server name

◈ Click chọn ô Blank password

◈ Click chọn Attach a database file as a database name

◈ Nhập QUANLYTACGIA trong khung bên dưới

◈ Click nút OK hộp thoại sau hiện ra

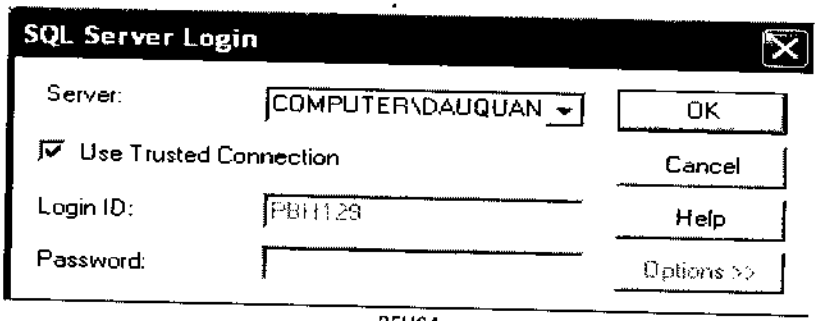

B5H64

◈ Click chọn Use Trusted Connection

◈ Click nút OK để hoàn tất việc kết nối

Nhìn vào cửa sổ Server Explorer bạn thấy như hình sau:

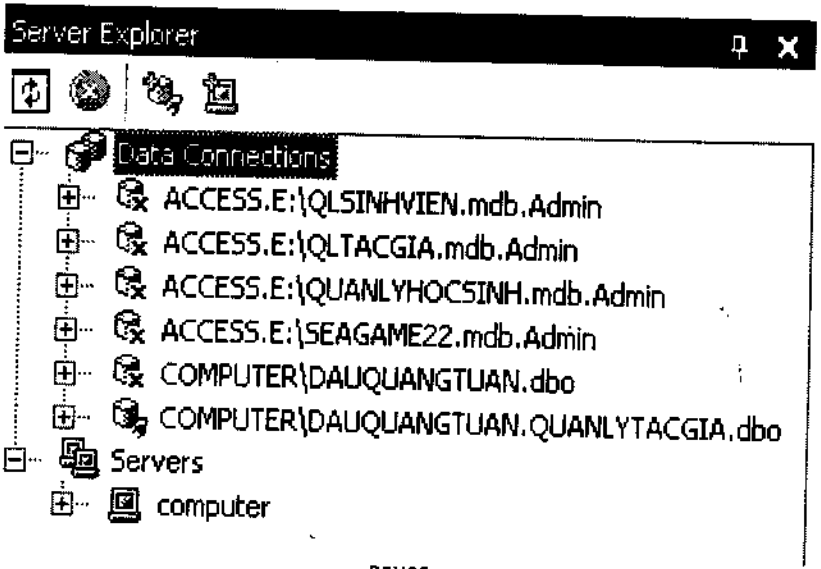

B5H65

◈ Click dấu cộng trước computer và các dấu cộng liên quan, bạn thấy hình như sau:

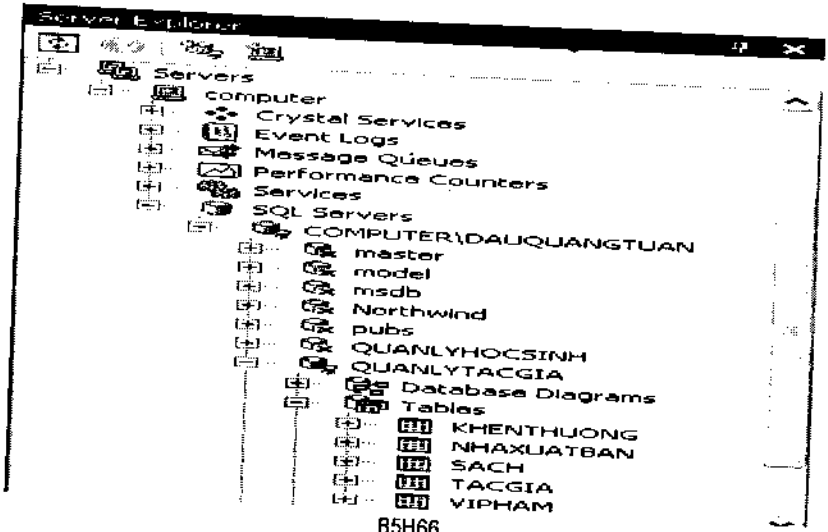

B5H66

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ

◈ Click Icon để hiện hộp công cụ

◈ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, ta sẽ có hộp thoại hiện ra như hình sau:

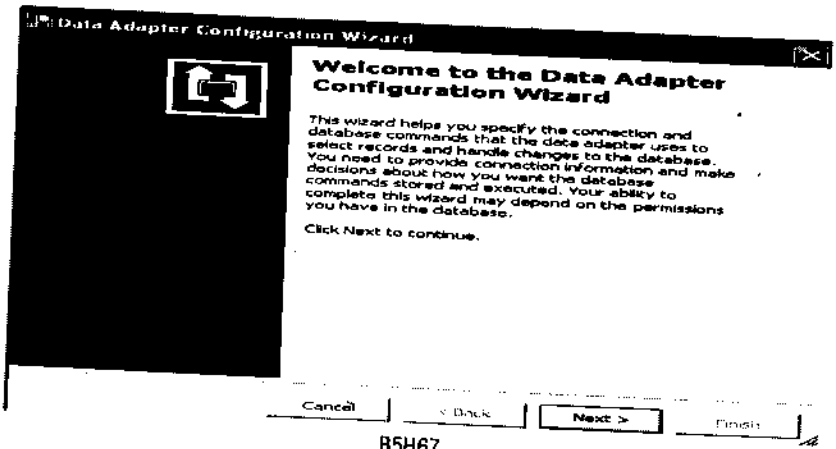

B5H67

◈ Click nút Next, bạn có hộp thoại sau:

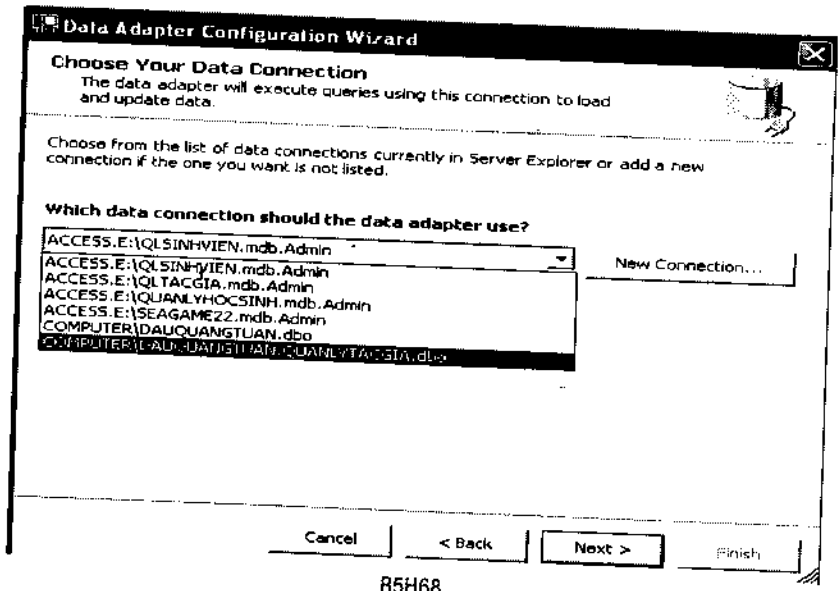

B5H68

- Click đầu mũi tên quay xuống
- Chọn COMPUTER\DAUQUANGTUAN.QUANLYTACGIA.dbo
- Click nút Next

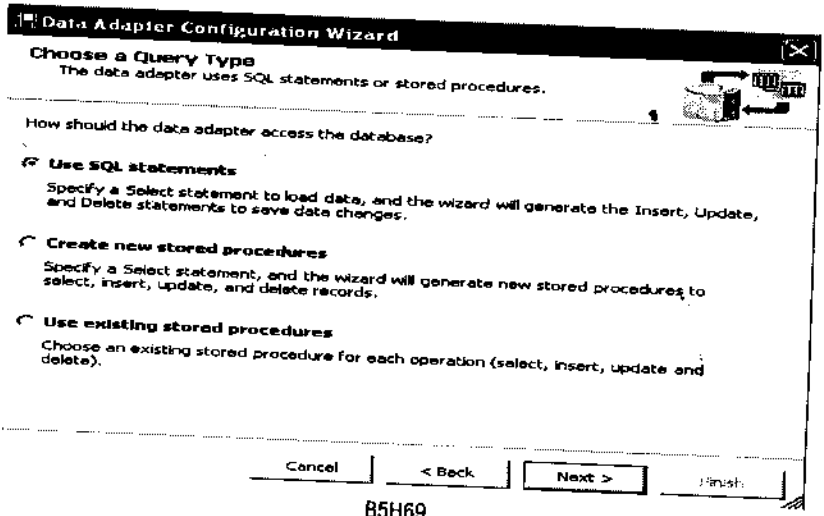

B5H69

- Click nút Next
- Click nút Next hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập vào câu lệnh sau:

SELECT * FROM SACH

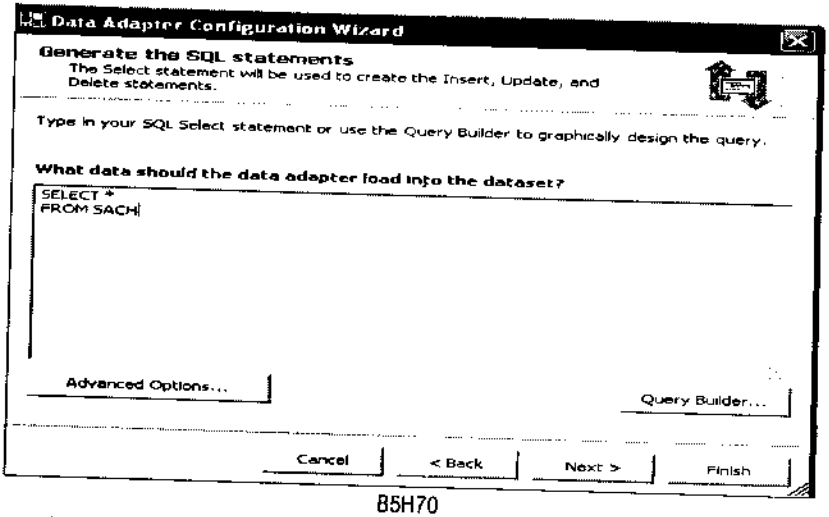

B5H70

◈ Click nút Finish để kết thúc

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ

◈ Click chọn FormSACH

◈ Vào menu Data, click chọn Generate Dataset

◈ Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DatasetSACH

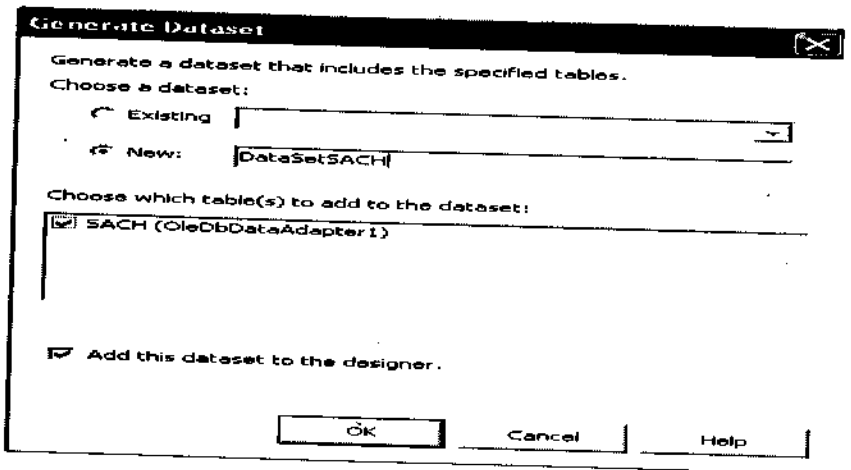

B5H71

◈ Click nút OK, hoàn tất việc đưa đối tượng DatasetSACH1 vào khay công cụ.

◈ Trong hộp công cụ, click tab Windows Forms để hiện các điều khiển. Bạn lần lượt click chọn các điều khiển TextBox, Label, Button để đưa vào FormSACH và xác lập các thuộc tính cho chúng như trong bảng các thuộc tính của FormSACH đã cho ở trên (bạn có thể tham khảo thêm ở cuốn "Tự học lập trình Visual Basic .Net" của cùng tác giả để biết chi tiết hơn về các điều khiển)

Trong các điều khiển TextBox, các bạn cần thực hiện theo đúng chỉ dẫn ở thuộc tính Databindings

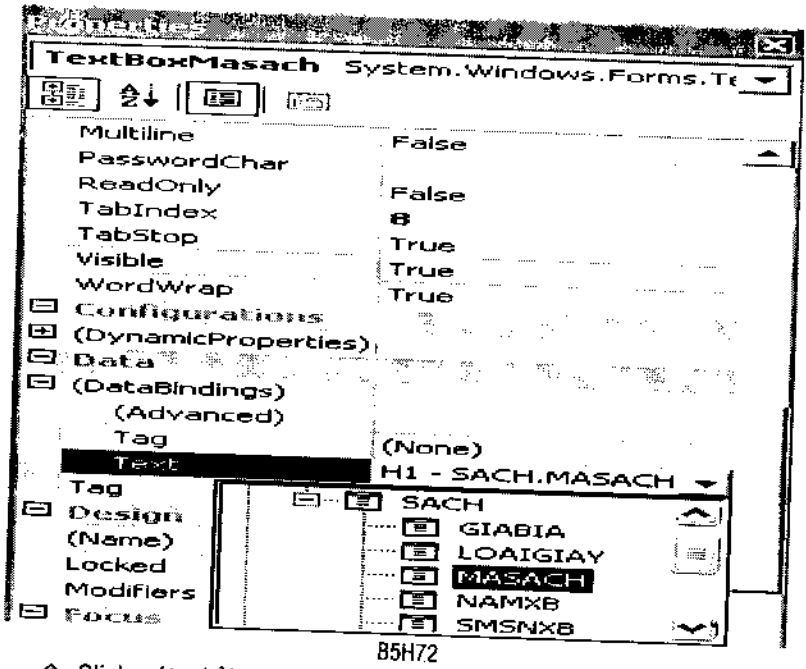

B5H72

◈ Click nút phải chuột trên TextBox trên cùng của Mã sách, chọn Properties trong menu hiện ra

◈ Click dấu "+" trước DataBindings

◈ Click khung bên phải của thuộc tính Text, click đầu mũi tên, chọn vùng MASACH

◈ Bạn thực hiện tương tự như vậy cho các TextBox tiếp theo, nhớ chọn cho đúng vùng cho từng TextBox.

Thiết kế xong, bạn sẽ có hình như sau:

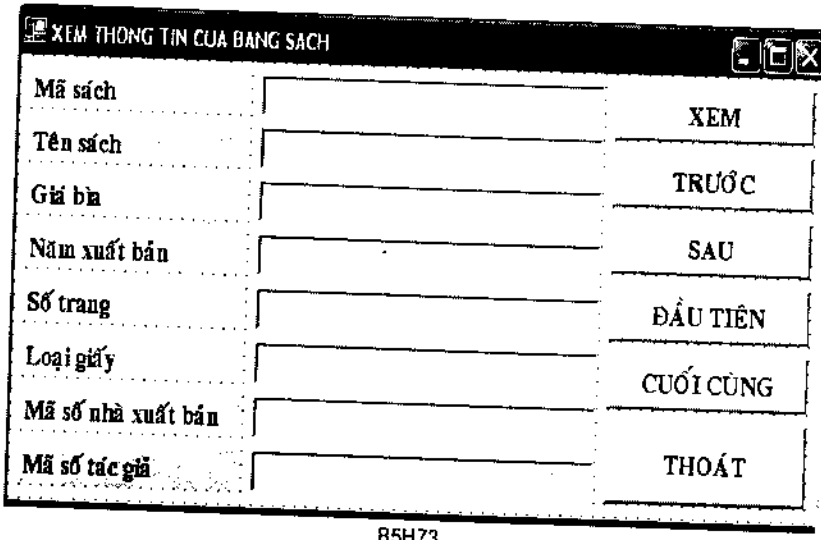

B5H73

Ghi chú:

Các số 1 phía sau các đối tượng là Visual Basic .NET tự động thêm vào, nếu bạn nhập DatasetSACH1, thì khi đưa ra khay công cụ, bạn sẽ được DatasetSACH11.

- Tạo Form con có tên FormTACGIA

Bạn thêm một Form mới vào giống như FormSACH ở trên, đặt tên cho form này là FormTACGIA.vb

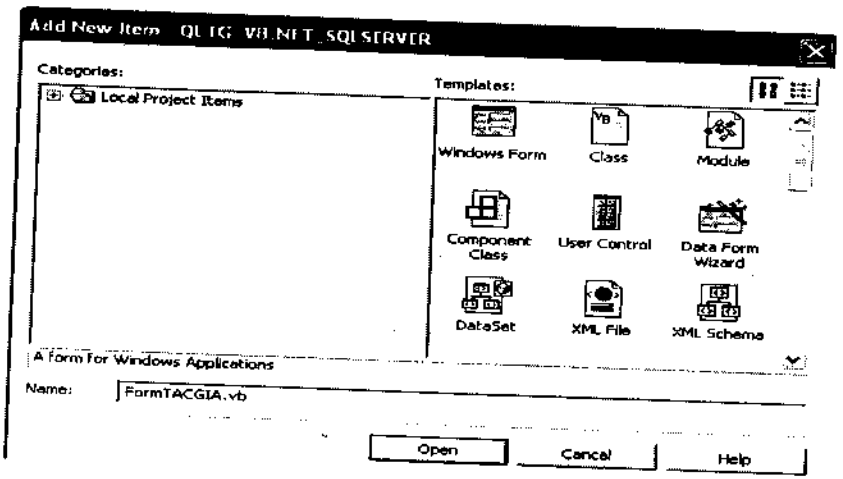

B5H74

◈ Click Open, FormTACGIA xuất hiện

Vì đã kết nối với CSDL QUANLYTACGIA nên bây giờ chúng ta sẽ thông qua bước này.

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ

Thực hiện các thao tác tương tự để đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ, lưu ý chọn

COMPUTER\DAUQUANGTUAN.QUANLYTACGIA.Dbo

◈ Click nút Next đến khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập vào câu lệnh sau:

SELECT * FROM TACGIA

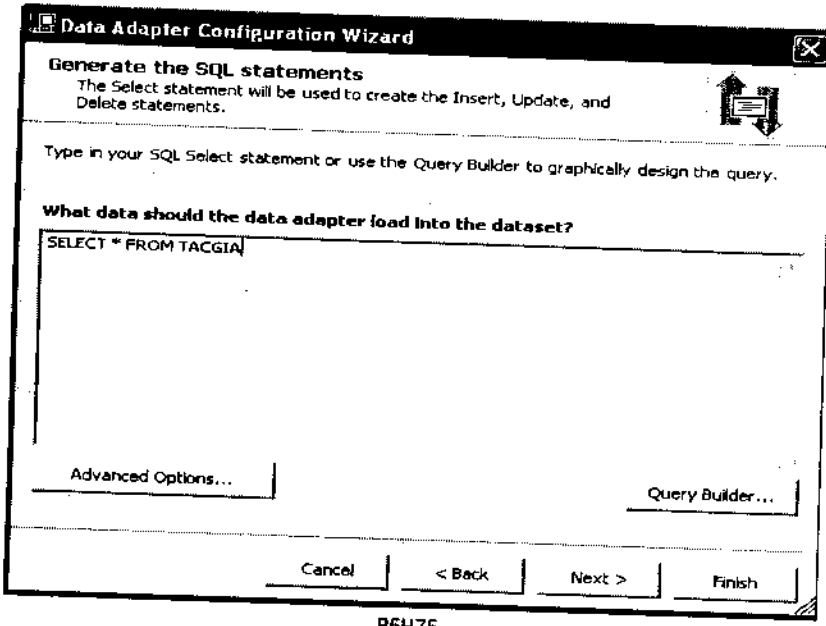

B5H75

◈ Click nút Finish để kết thúc

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ

◈ Click chọn FormTACGIA

◈ Vào menu Data, click chọn Generate Dataset

◈ Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DatasetTACGIA

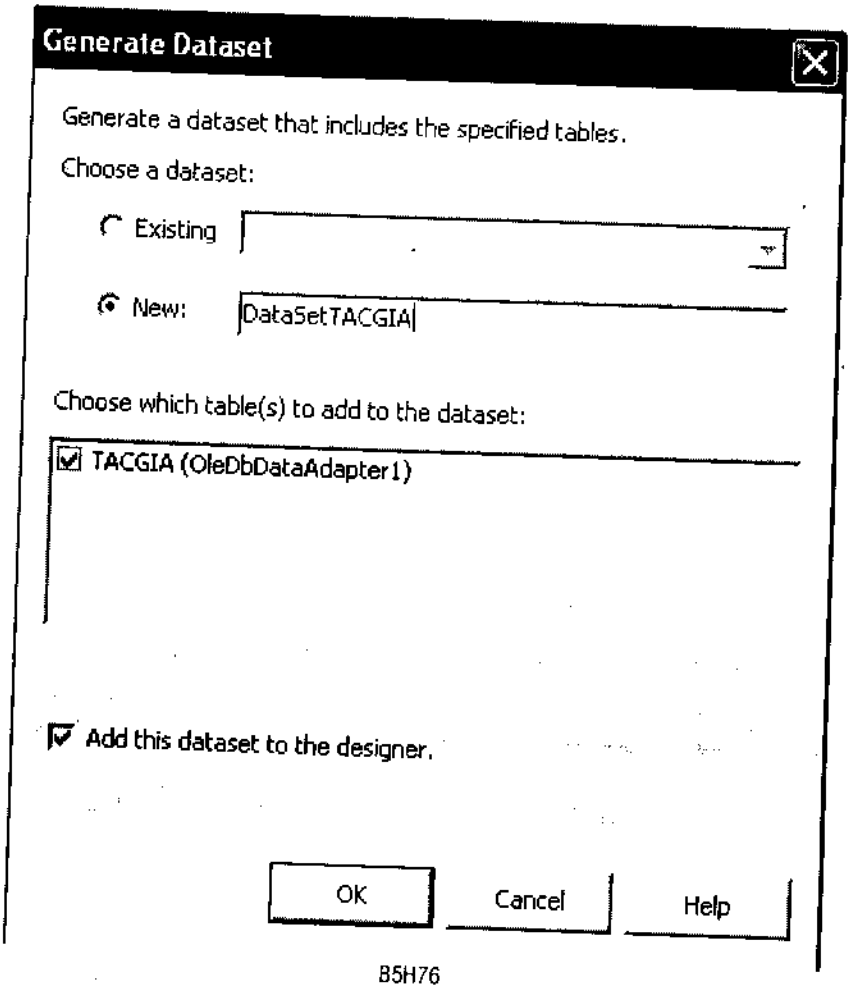

B5H76

◈ Click nút OK để hoàn tất việc đưa DatasetTACGIA1 vào khay công cụ

Trong hộp công cụ, click tab Windows Forms để hiện các điều khiển. Bạn lần lượt click chọn các điều khiển TextBox, Label, Button để đưa vào FormTACGIA và xác lập các thuộc tính cho chúng như trong bảng các thuộc tính của FormTACGIA đã cho ở trên. Thiết kế xong, bạn sẽ có hình như sau:

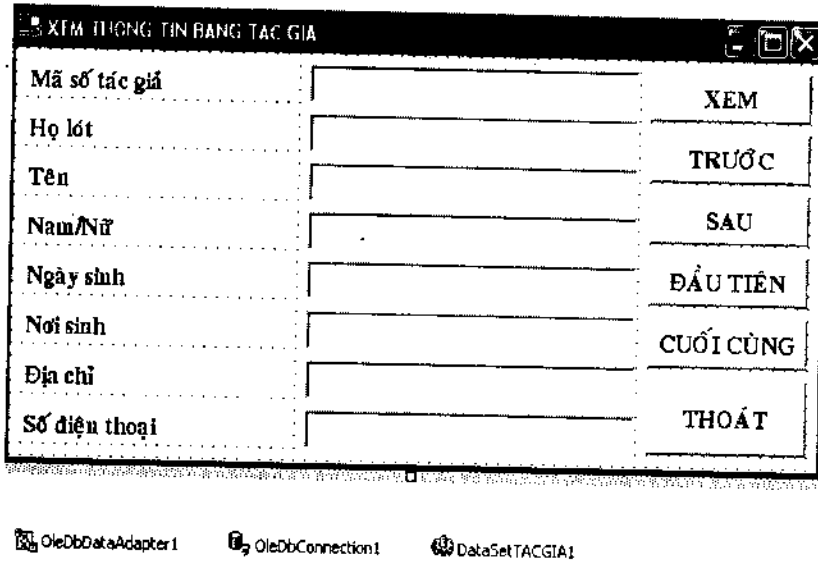

B5H77

- Tạo Form con có tên FormNHAXUATBAN

Bạn thêm một Form mới vào giống như FormTACGIA ở trên, đặt tên cho form này là FormNHAXUATBAN.vb

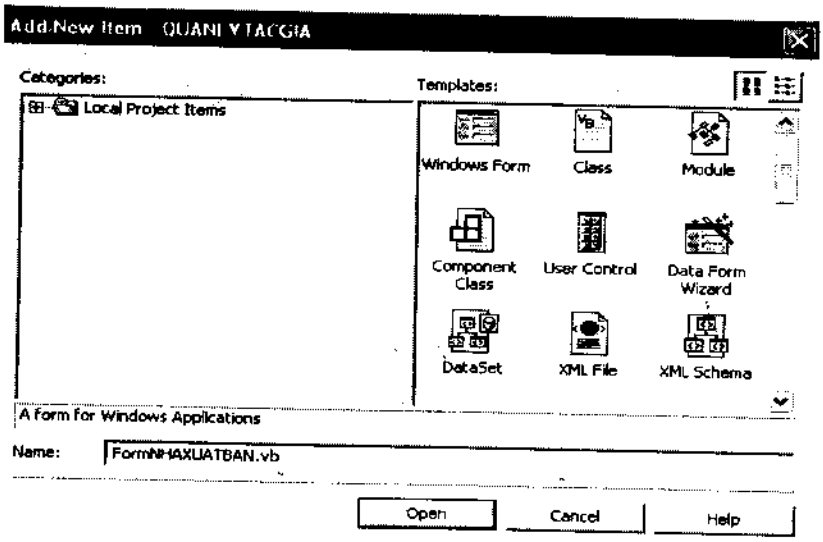

B5H78

◈ Click Open, FormNHAXUATBAN xuất hiện

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ

Thực hiện các thao tác tương tự để đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ, lưu ý chọn

COMPUTER\DAUQUANGTUAN.QUANLYTACGIA.Dbo

◈ Click nút Next đến khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập vào câu lệnh sau:

SELECT * FROM NHAXUATBAN

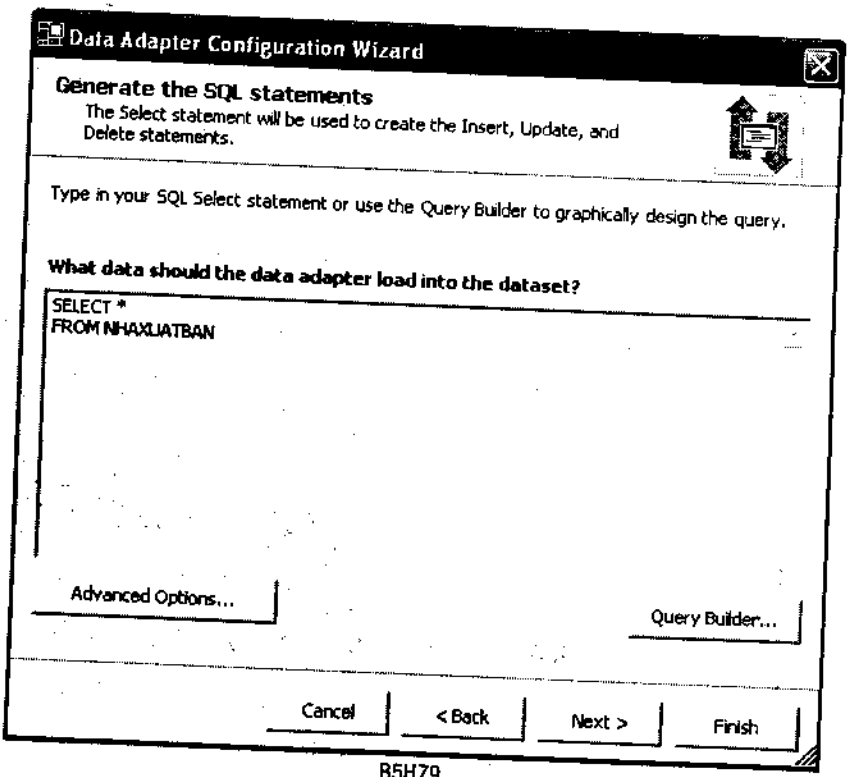

B5H79

◈ Click nút Finish để kết thúc, click nút Don't Include Password nếu hộp thoại này hiện ra.

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ

◈ Click chọn FormNHAXUATBAN

◈ Vào menu Data, click chọn Generate Dataset

◈ Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DatasetNHAXUATBAN

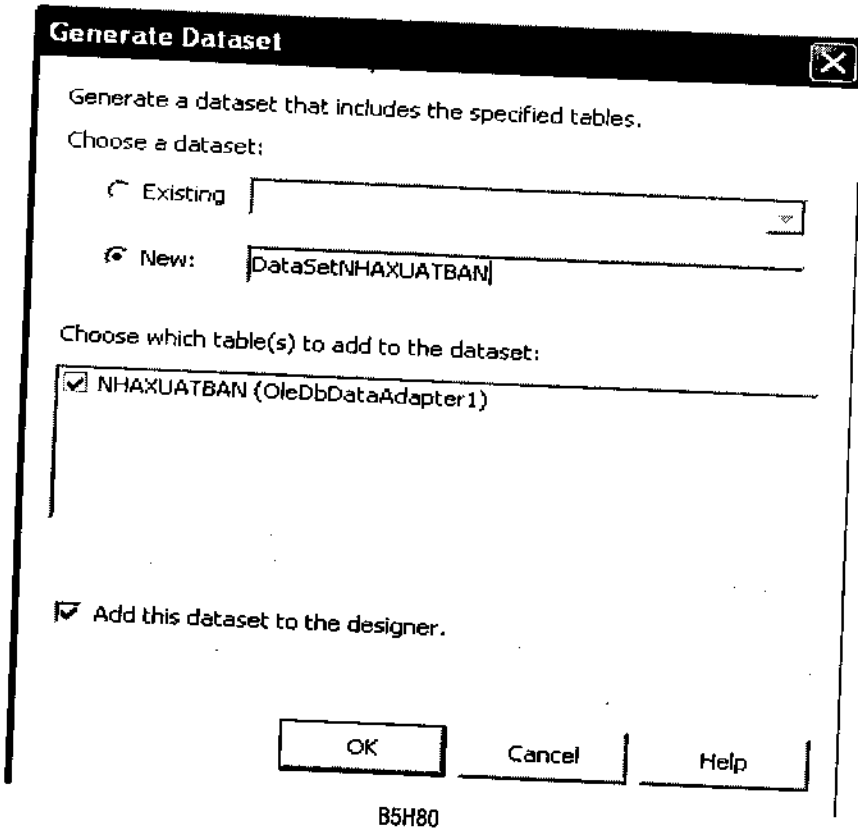

B5H80

◈ Click nút OK để hoàn tất việc đưa DatasetNHAXUATBAN1 vào khay công cụ

Trong hộp công cụ, click tab Windows Forms để hiện các điều khiển. Bạn lần lượt click chọn các điều khiển TextBox, Label, Button để đưa vào FormNHAXUATBAN và xác lập các thuộc tính cho chúng như trong bảng các thuộc tính của FormNHAXUATBAN đã cho ở trên. Thiết kế xong, bạn sẽ có hình như sau:

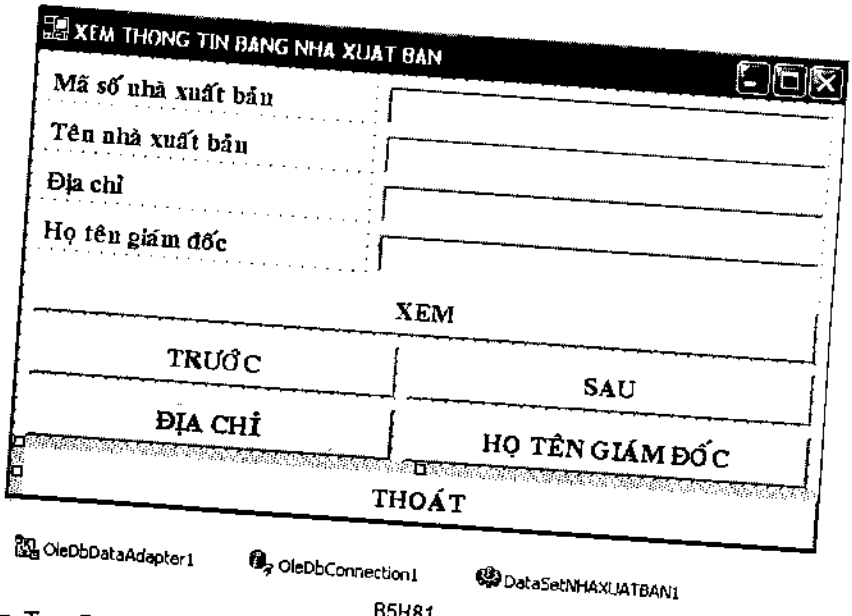

B5H81

- Tạo Form con có tên FormVIPHAM

Bạn thêm một Form mới vào giống như FormNHAXUATBAN ở trên, đặt tên cho form này là FormVIPHAM.vb

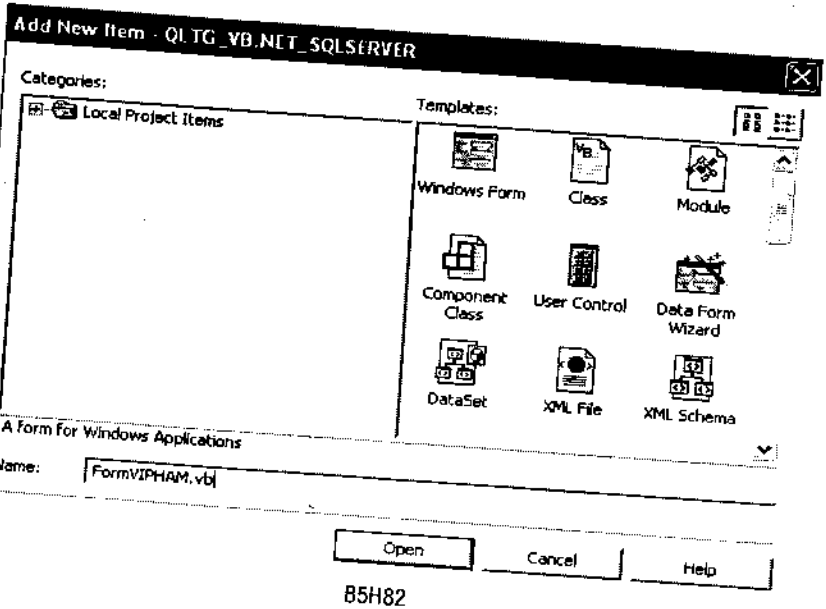

B5H82

◈ Click Open, FormVIPHAM xuất hiện

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ

Thực hiện các thao tác tương tự để đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ, lưu ý chọn

COMPUTER\DAUQUANGTUAN.QUANLYTACGIA.Dbo

◈ Click nút Next đến khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập vào câu lệnh sau:

SELECT * FROM VIPHAM

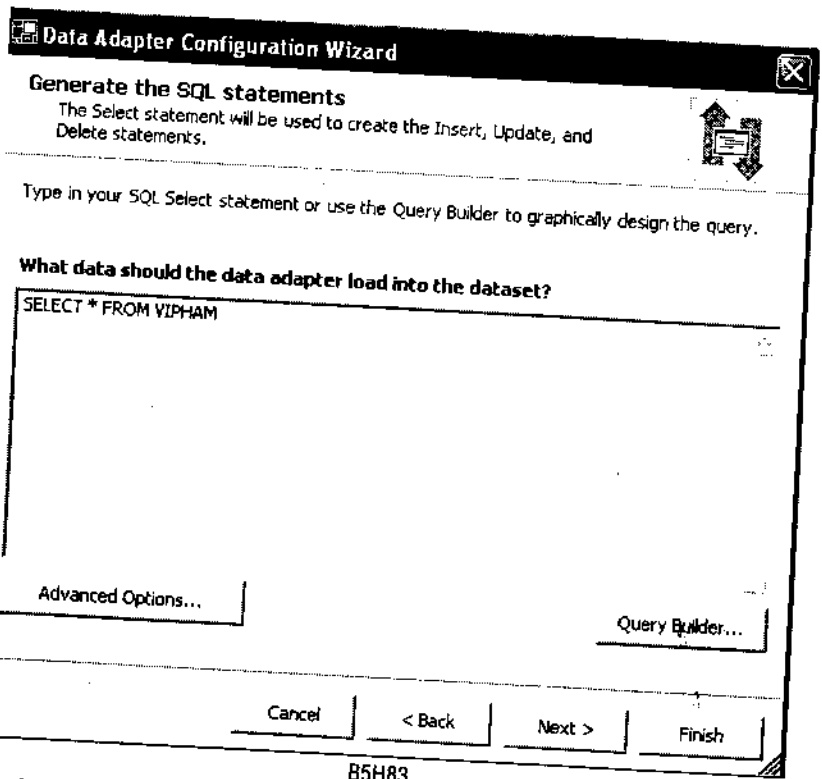

B5H83

◈ Click nút Finish để kết thúc, click nút Don't Include Password nếu hộp thoại này hiện ra.

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ

◈ Click chọn FormVIPHAM

◈ Vào menu Data, click chọn Generate Dataset

◈ Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DatasetVIPHAM

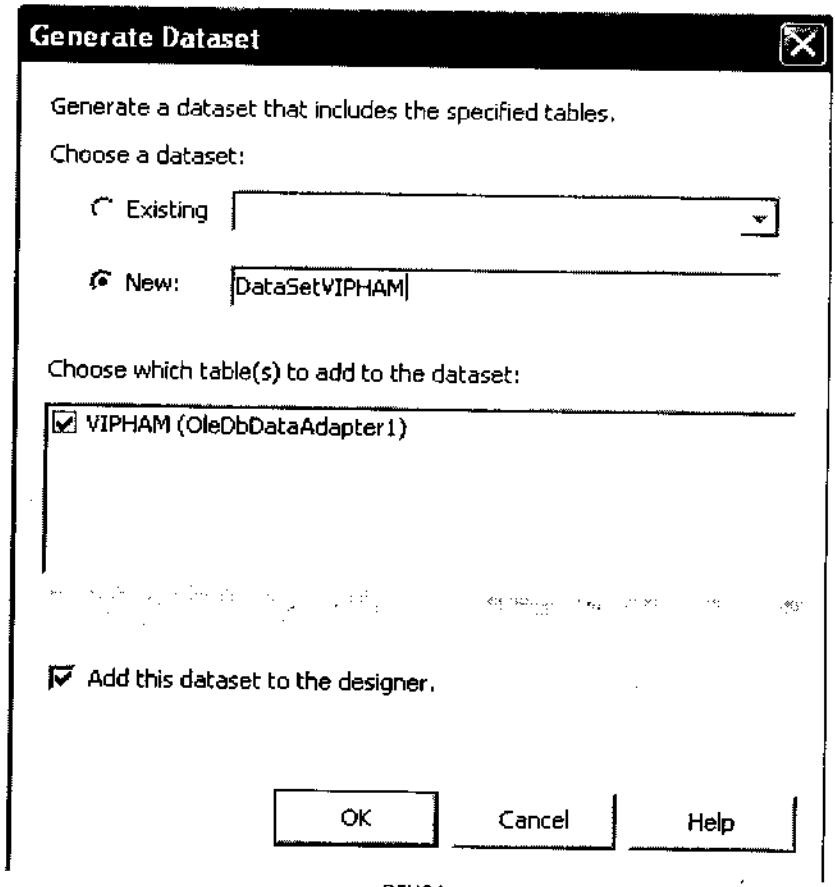

B5H84

◈ Click nút OK để hoàn tất việc đưa DatasetVIPHAM1 vào khay công cụ

Trong hộp công cụ, click tab Windows Forms để hiện các điều khiển. Bạn lần lượt click chọn các điều khiển TextBox, Label, Button để đưa vào FormVIPHAM và xác lập các thuộc tính cho chúng như trong bảng các thuộc tính của FormVIPHAM đã cho ở trên. Thiết kế xong, bạn sẽ có hình như sau:

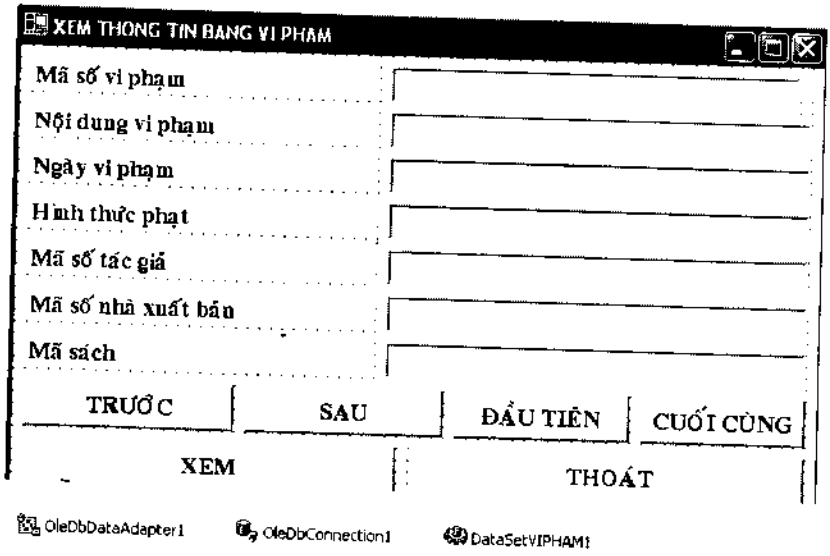

B5H85

- Tạo Form con có tên FormKHENTHUONG

Bạn thêm một Form mới vào giống như FormVIPHAM ở trên, đặt tên cho form này là FormKHENTHUONG.vb

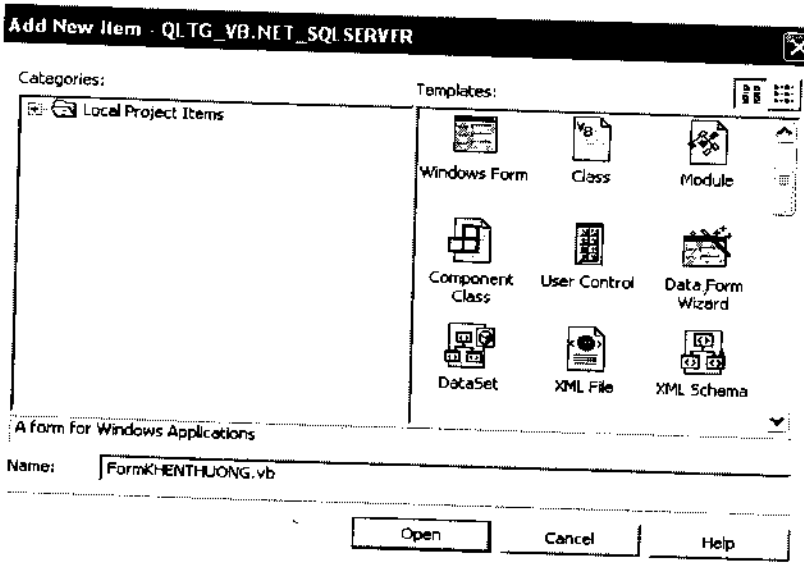

B5H86

◈ Click Open, FormKHENTHUONG xuất hiện

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ

Thực hiện các thao tác tương tự để đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ, lưu ý chọn

COMPUTER\DAUQUANGTUAN.QUANLYTACGIA.Dbo

◈ Click nút Next đến khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập vào câu lệnh sau:

SELECT *

FROM KHENTHUONG

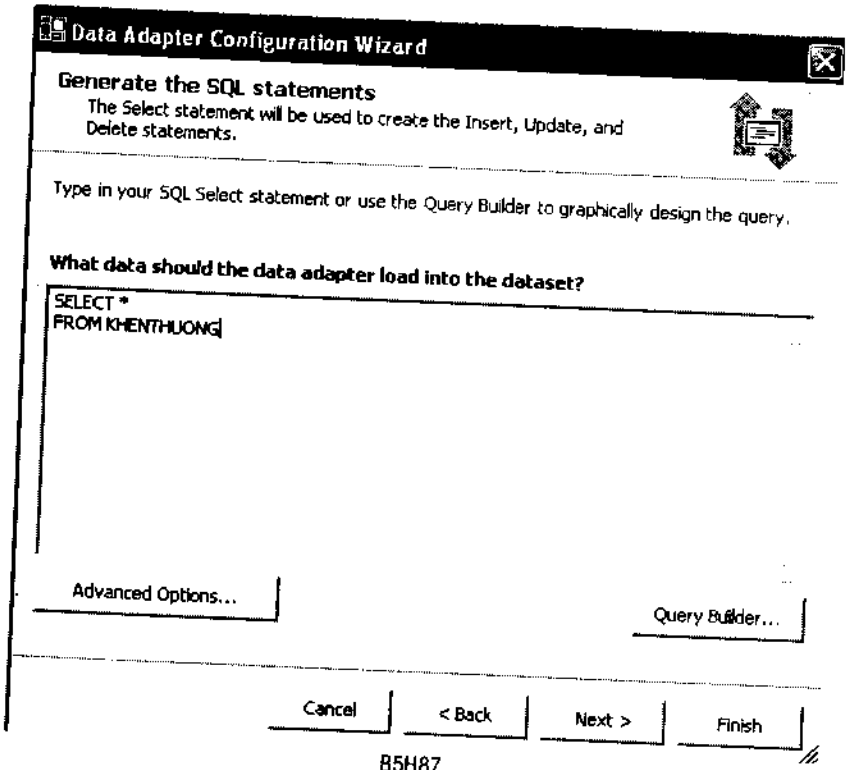

B5H87

◈ Click nút Finish để kết thúc, click nút Don't Include Password nếu hộp thoại này hiện ra.

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ

◈ Click chọn FormKHENTHUONG

◈ Vào menu Data, click chọn Generate Dataset

◈ Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DatasetKHENTHUONG

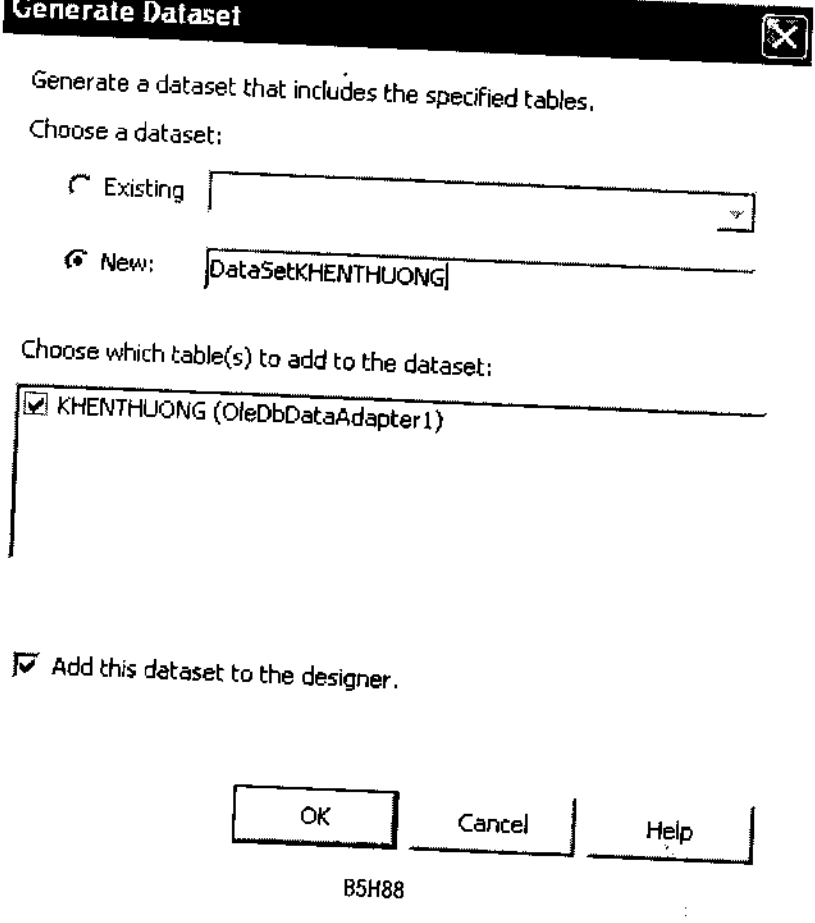

B5H88

◈ Click nút OK để hoàn tất việc đưa DatasetKHENTHUONG1 vào khay công cụ

Trong hộp công cụ, click tab Windows Forms để hiện các điều khiển. Bạn lần lượt click chọn các điều khiển TextBox, Label, Button để đưa vào FormKHENTHUONG và xác lập các thuộc tính cho chúng như trong bảng

các thuộc tính của FormKHENTHUONG đã cho ở trên. Thiết kế xong, bạn sẽ có hình như sau:

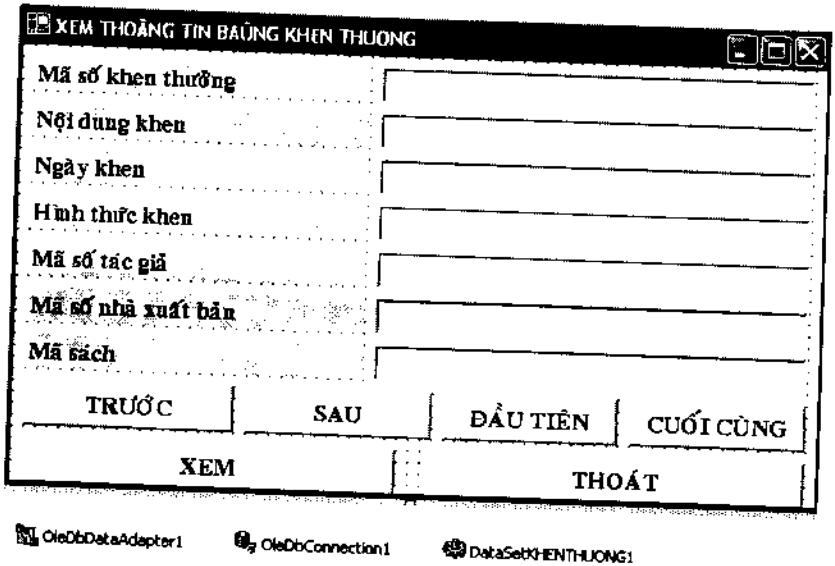

B5H89

- Tạo Form con có tên FormNXBTACGIASACH

Bạn thêm một Form mới vào giống như các Form trên, đặt tên cho form này là FormNXBTACGIASACH.vb

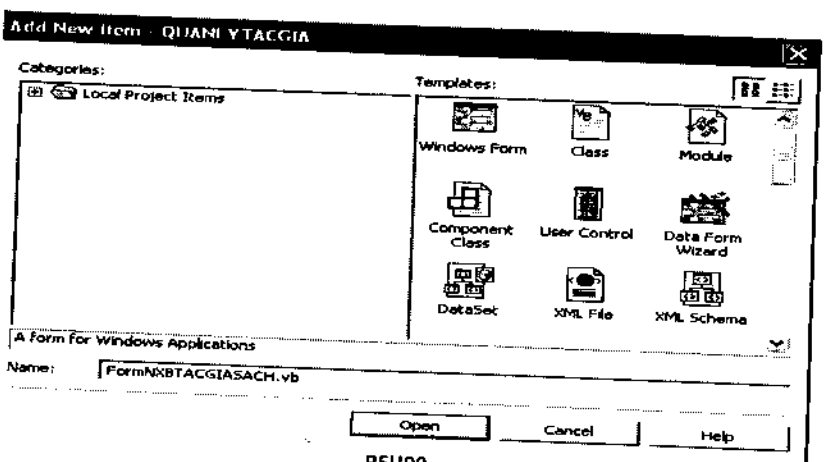

B5H90

Trong FormNXBTACGIASACH có tất cả là 7 đối tượng trong khay công cụ, trong Form dùng các điều khiển DataGrid thể hiện thông tin thay cho các TextBox. Bỏ qua việc kết nối với CSDL QUANLYTACGIA, vì chúng ta đã kết nối rồi.

☛ Đưa đối tượng OleDbDadatAdapter1

Bạn thực hiện đưa đối tượng này vào khay công cụ giống như các Form ở trên, cho đến khi hộp thoại hiện ra để nhập câu lệnh SQL

SELECT *

FROM NHAXUATBAN

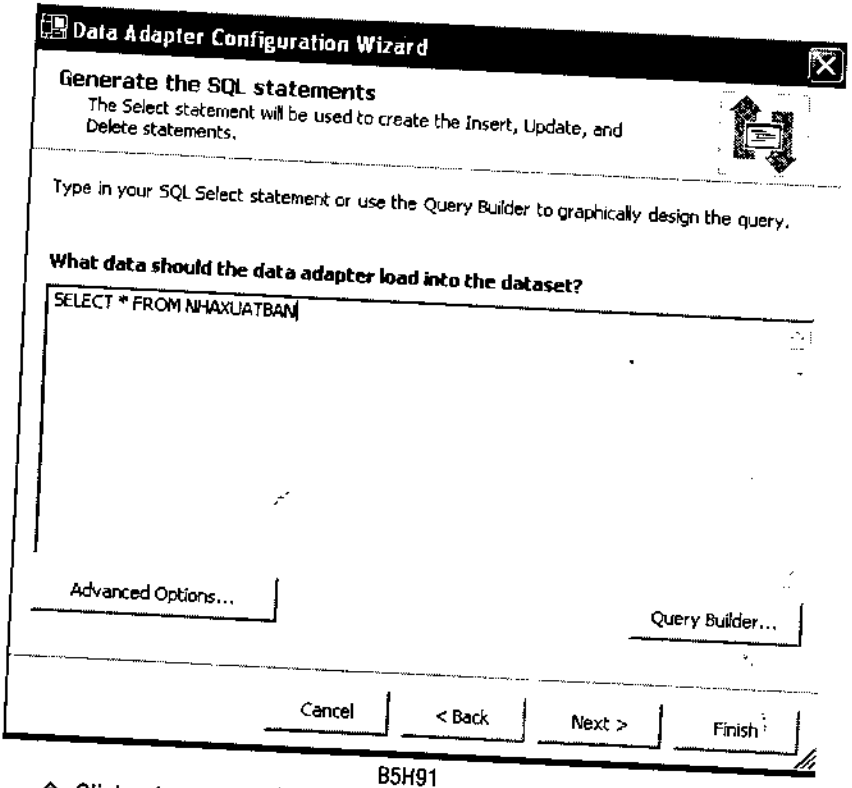

B5H91

◈ Click nút Finish để kết thúc, click nút Don't Include Password nếu hộp thoại này hiện ra.

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ

◈ Click chọn FormNXBTACGIASACH

◈ Vào menu Data, click chọn Generate Dataset

◈ Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DatasetNXB

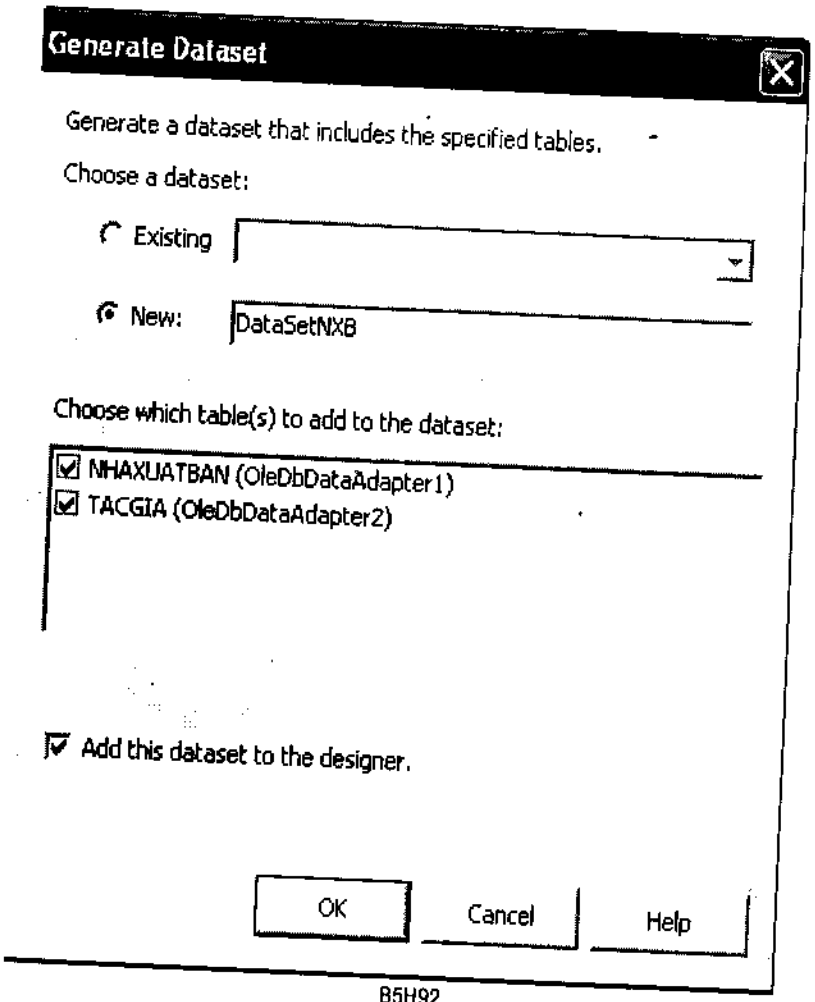

B5H92

◈ Click nút OK để hoàn tất việc đưa DatasetNXB1 vào khay công cụ

Vậy là bạn đã có ba đối tượng OleDbDataAdapter1, OleDbConnection1 và DatasetNXB1 trên khay công cụ, ba đối tượng này sẽ thể hiện thông tin của bảng NHAXUATBAN trên DataGrid thứ nhất.

Bạn chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ, click chọn điều khiển DataGrid và đưa vào FormNXBTACGIASACH như hình sau:

Ghi chú:

Các Form có ba điều khiển lưới DataGrid, nên chiếm chỗ hơi nhiều trên Form. Để cho các bạn thấy các đối tượng nằm bên dưới Form trên khay công cụ, nên chúng tôi thiết kế các DataGrid hơi nhỏ, trong khi thực hành, các bạn nhớ kéo Form lớn ra theo chiều rộng cũng như theo chiều ngang để thấy được thông tin khi chạy chương trình. Tương tự như vậy với các FormNXBTACGIAKHENTHUONG và FormNXBTACGIAVIPHAM

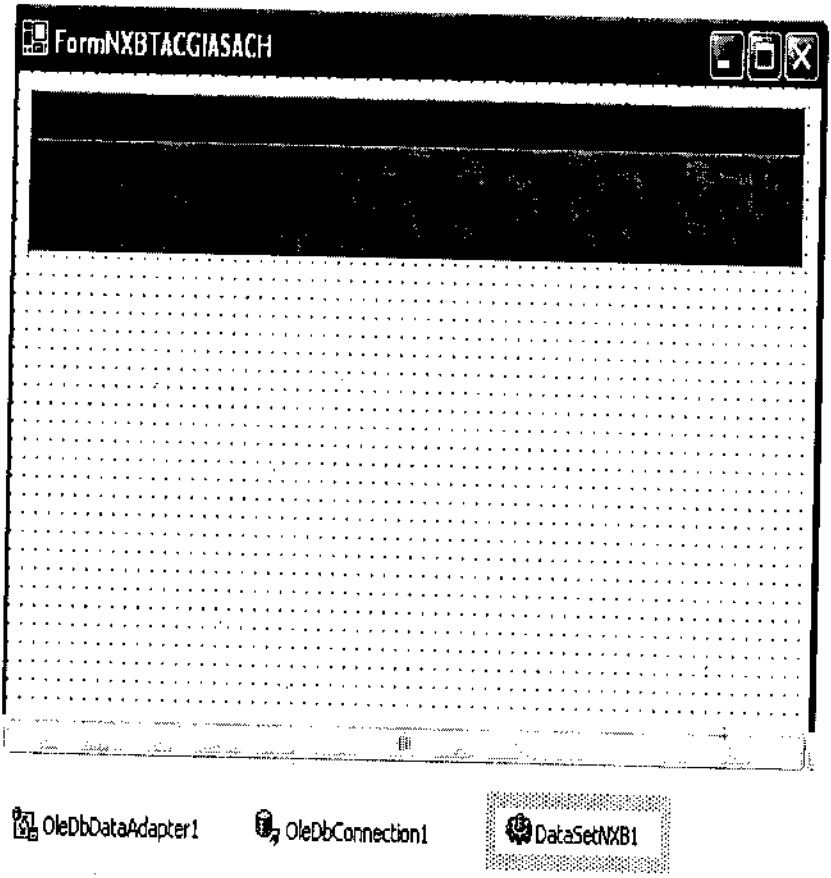

B5H93

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như trong bảng các thuộc tính của điều khiển DataGrid1 tương ứng đã cho ở trên.

◈ Trong thuộc tính DataSource, click chọn đầu mũi tên quay xuống, chọn DatasetNXB1

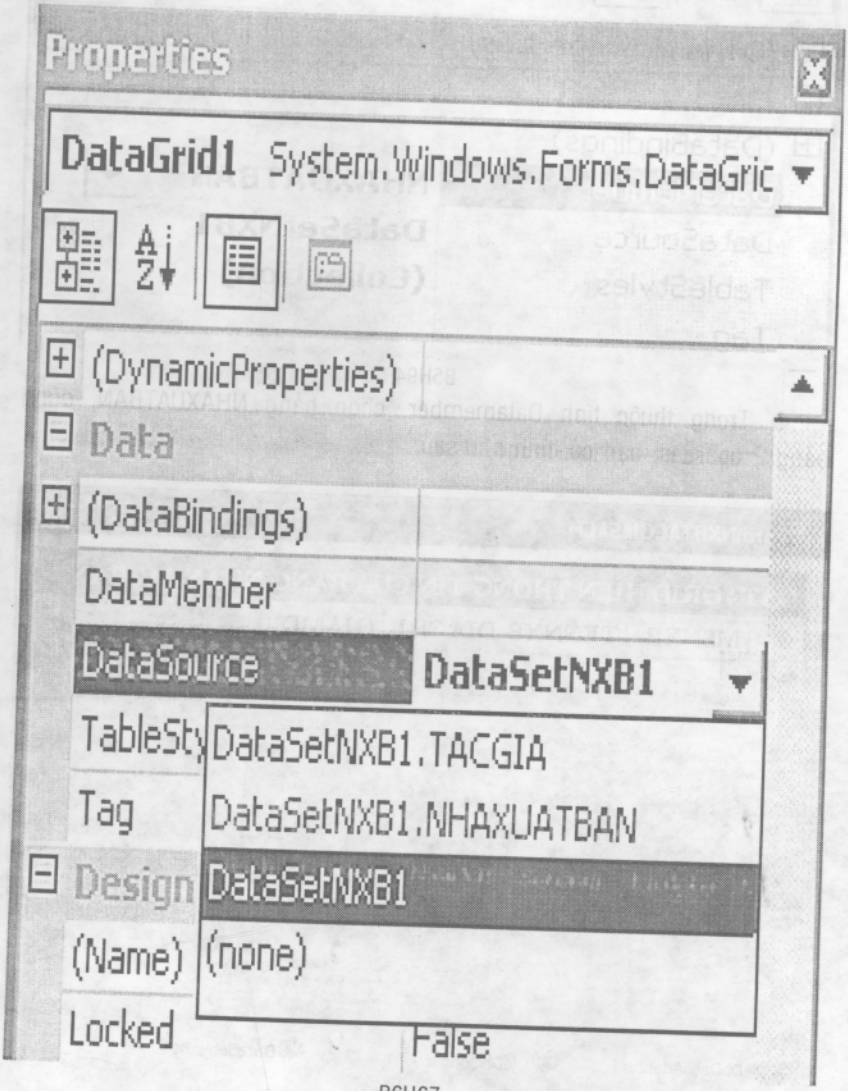

B6H67

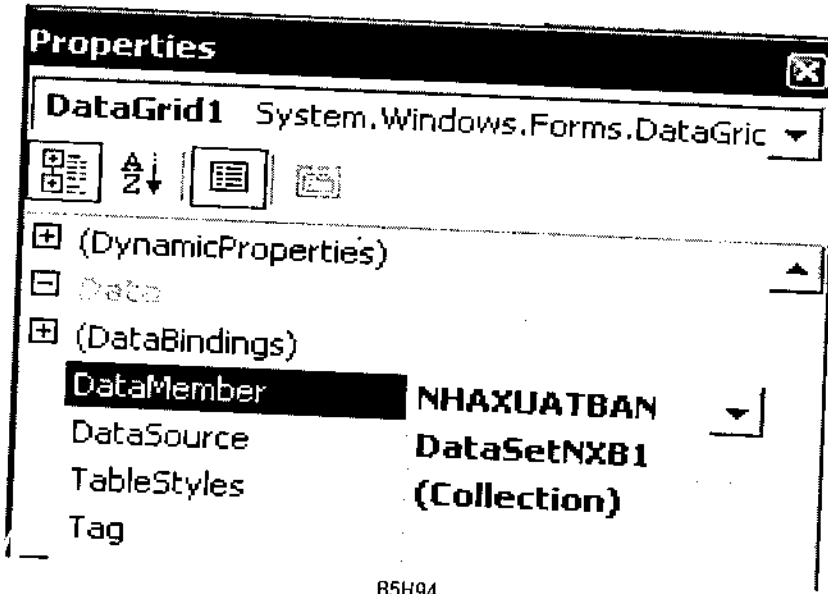

B5H94

◈ Trong thuộc tính Datamember, chọn bảng NHAXUATBAN, đóng bảng Properties, bạn có hình như sau:

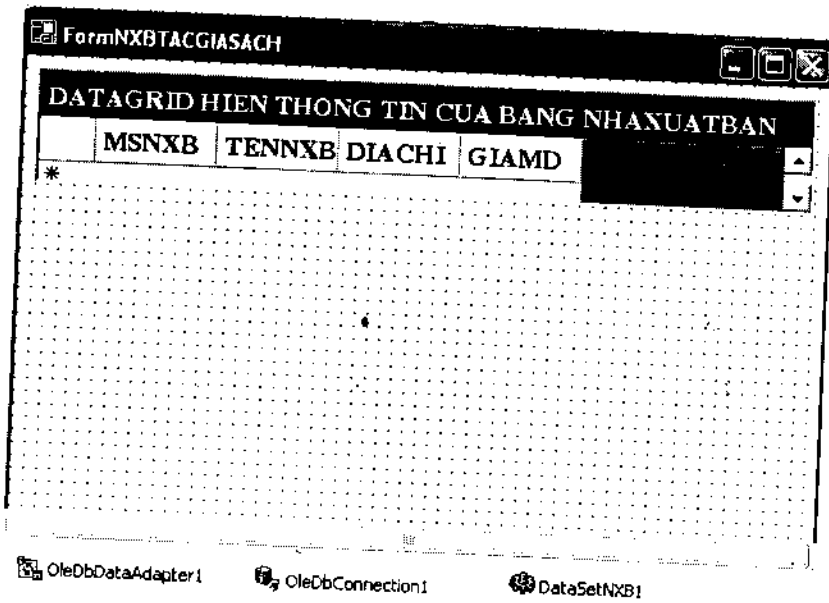

B5H95

☛ Đưa đối tượng OleDbDadatAdapter2

Bạn thực hiện đưa đối tượng này vào khay công cụ giống như Form ở trên

Khi đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào, nhớ chọn CSDL QUANLYTACGIA, và khi hộp thoại hiện ra để nhập câu lệnh SQL, bạn nhập câu lệnh sau:

SELECT *

FROM TACGIA

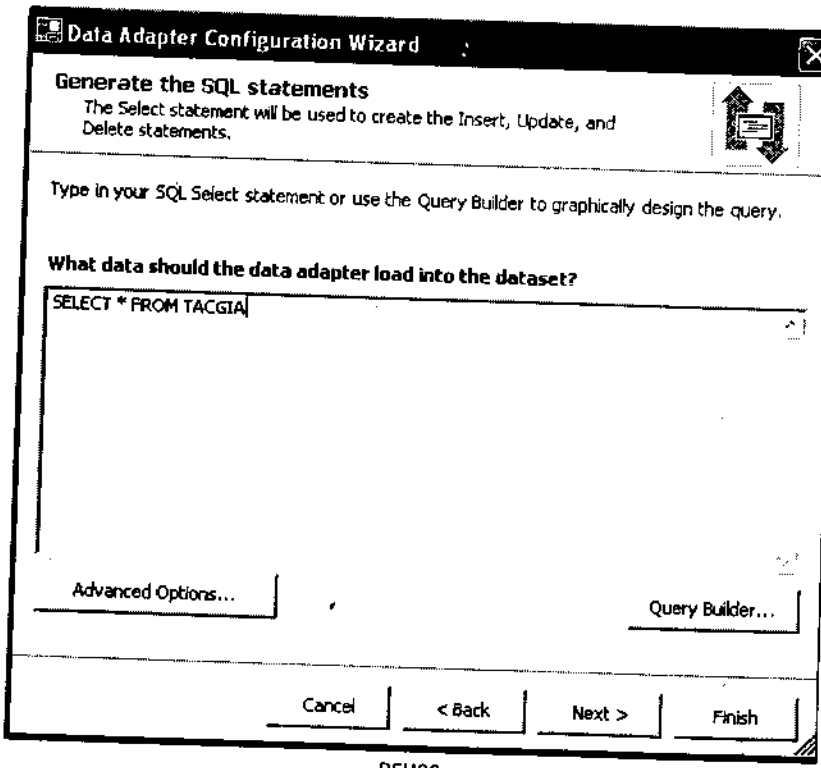

B5H96

◈ Click nút Finish để kết thúc, click nút Don't Include Password nếu hộp thoại này hiện ra.

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ

◈ Click chọn FormNXBTACGIASACH

◈ Vào menu Data, click chọn Generate Dataset

◈ Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DatasetNXBTACGIA

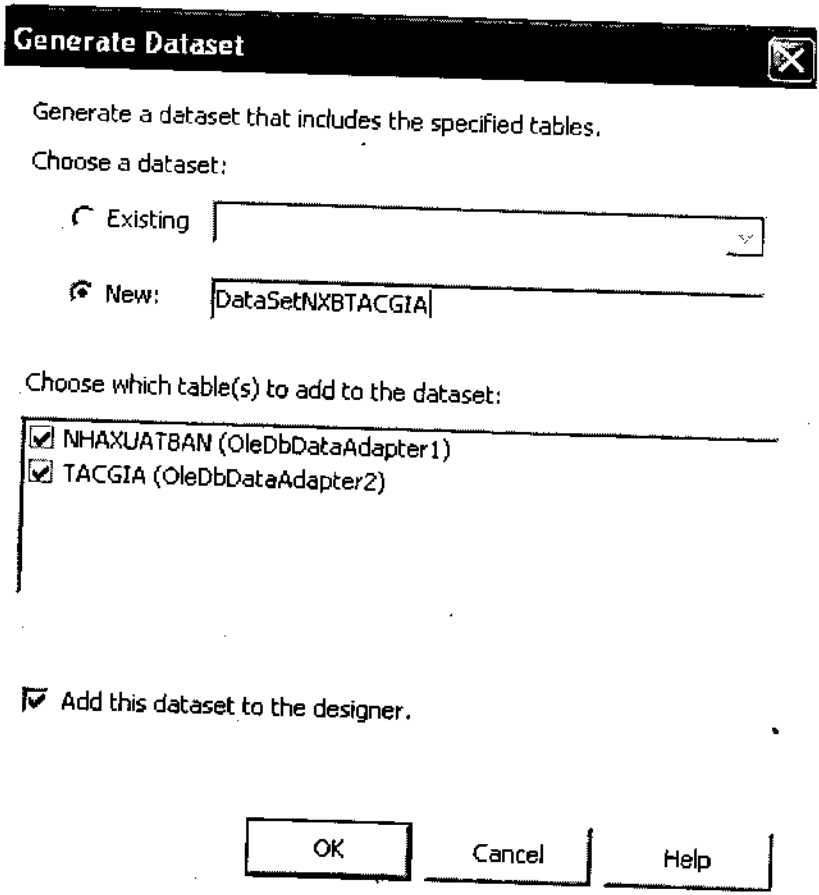

B5H97

◈ Click nút OK để hoàn tất việc đưa DatasetNXBTACGIA1 vào khay công cụ

Vậy là bạn đã có năm đối tượng trên khay công cụ, trong đó ba đối tượng OleDbDataAdapter2, OleDbConnection1 và DatasetNXBTACGIA1 trên khay công cụ, ba đối tượng này sẽ thể hiện thông tin của bảng TACGIA trên DataGrid thứ hai.

Bạn chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ, click chọn điều khiển DataGrid và đưa vào FormNXNTACGIASACH như hình sau:

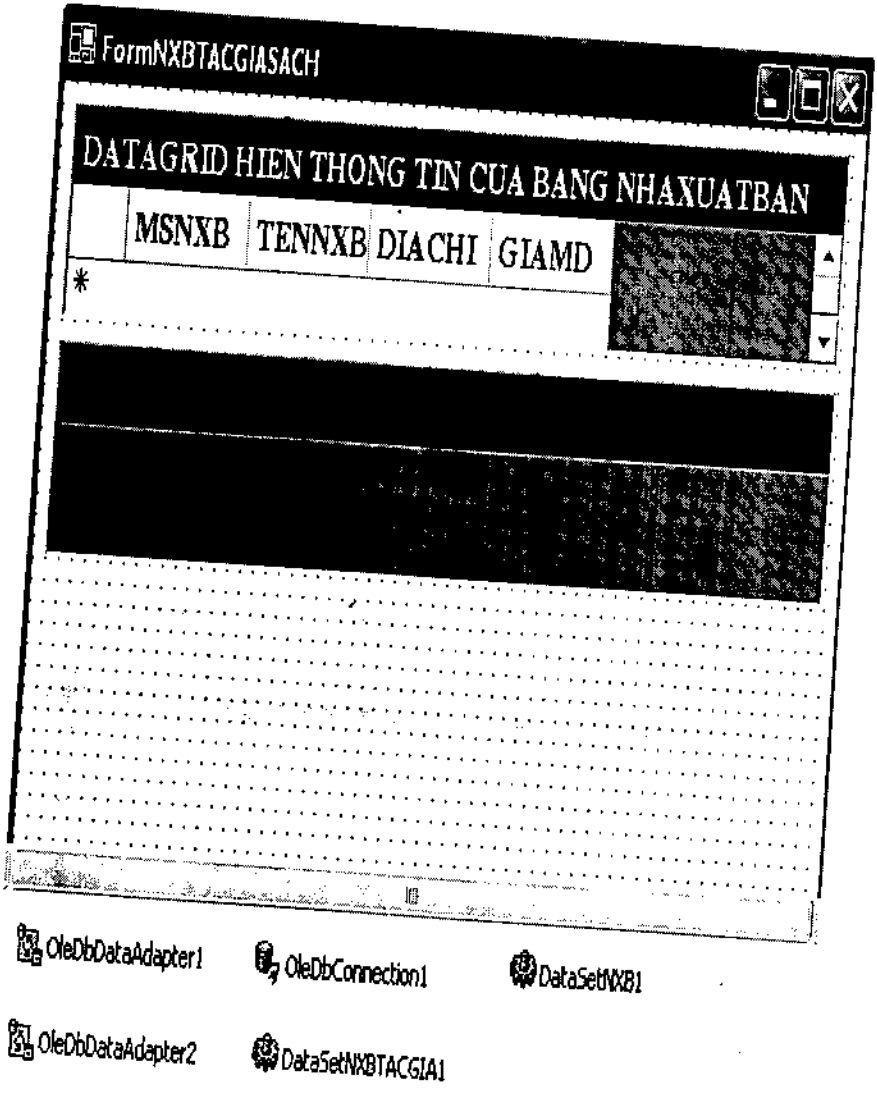

B5H98

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như trong bảng các thuộc tính của điều khiển DataGrid2 tương ứng đã cho ở trên.

◈ Trong thuộc tính DataSource, click chọn đầu mũi tên quay xuống, chọn DatasetNXBTACGIA1

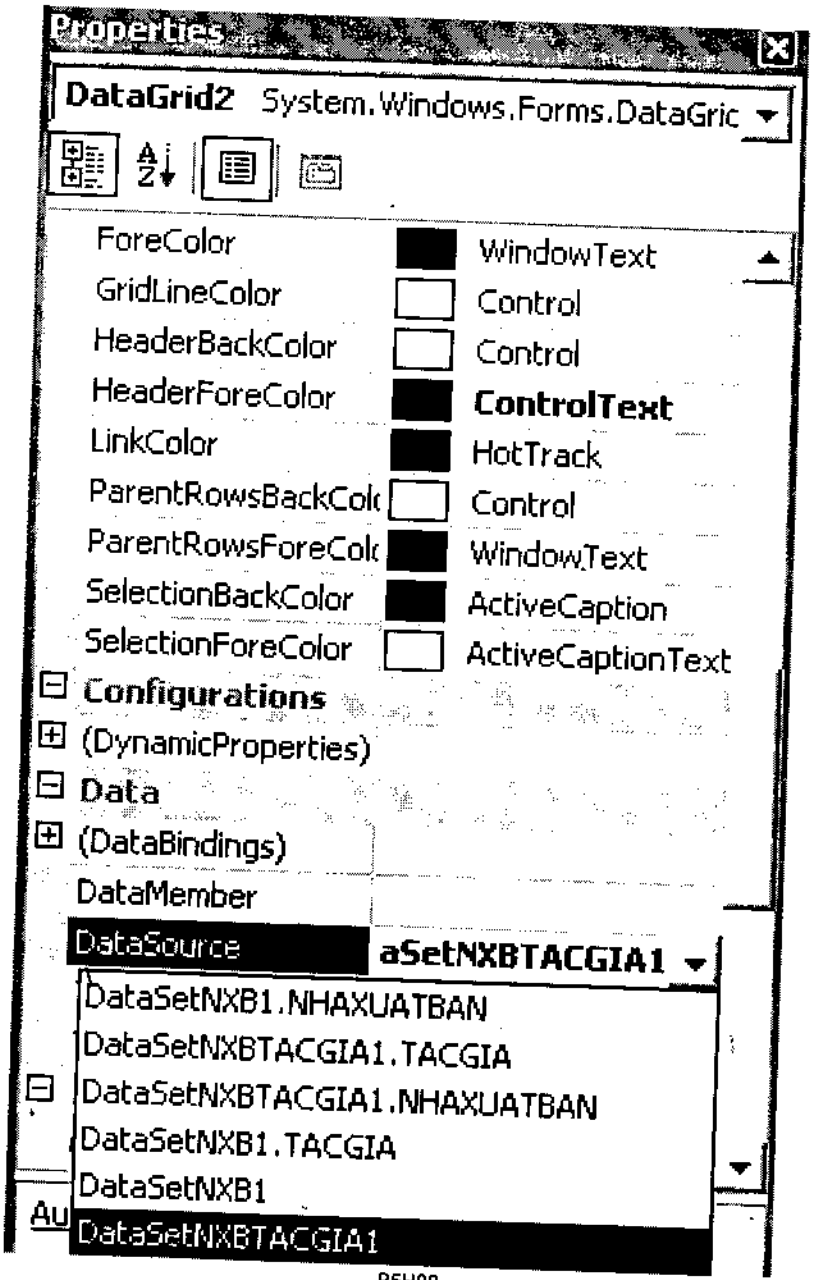
Properties
DataGrid2 System.Windows.Forms.DataGric
ForeColor
WindowText
GridLineColor
Control
HeaderBackColor
Control
HeaderForeColor
ControlText
LinkColor
HotTrack
ParentRowsBackCol
Control
ParentRowsForeCol
WindowText
SelectionBackColor
ActiveCaption
SelectionForeColor
ActiveCaptionText
Configurations
(DynamicProperties)
Data
(DataBindings)
DataMember
DataSource
aSetNXBTACGIA1
DataSetNXB1.NHAXUATBAN
DataSetNXBTACGIA1.TACGIA
DataSetNXBTACGIA1.NHAXUATBAN
DataSetNXB1.TACGIA
DataSetNXB1
DataSetNXBTACGIA1

B5H99

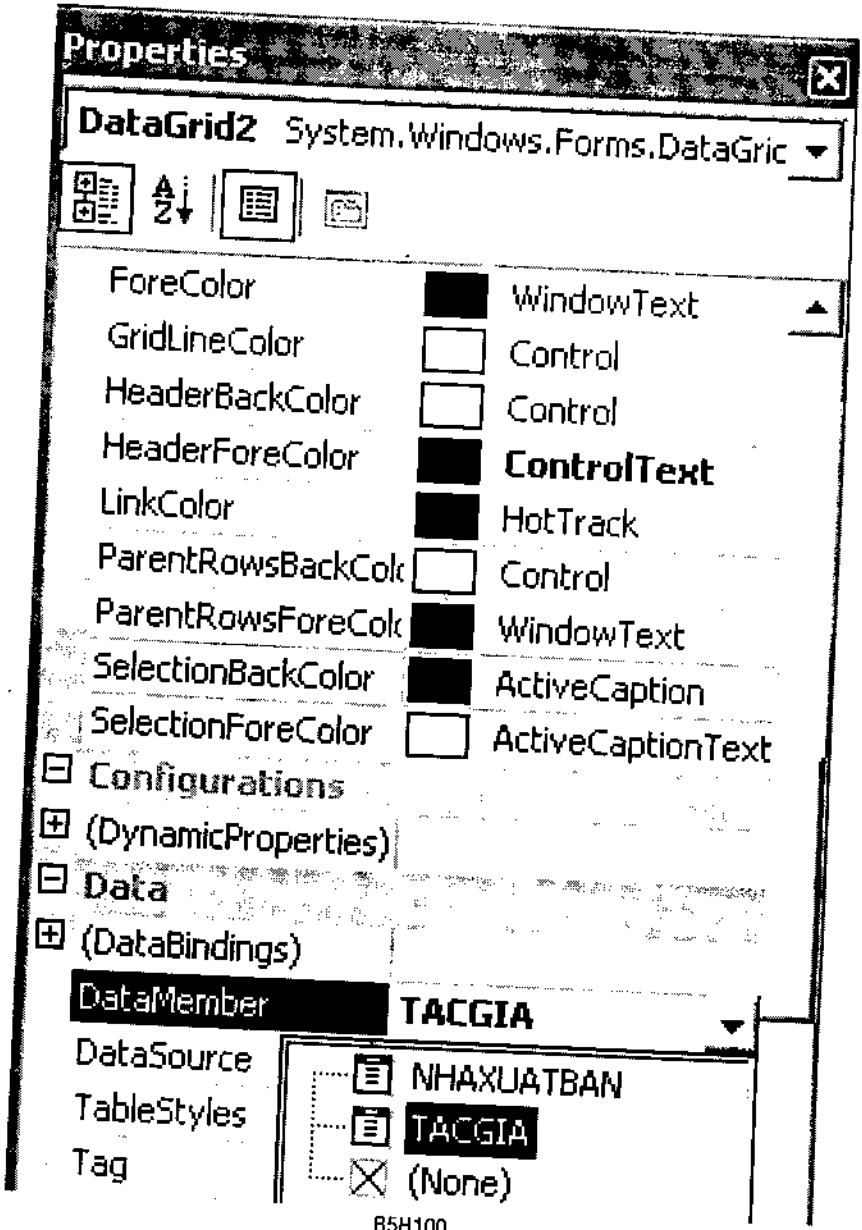

B5H100

◈ Trong thuộc tính Datamember, chọn bảng TACGIA, đóng bảng Properties, bạn có hình như sau:

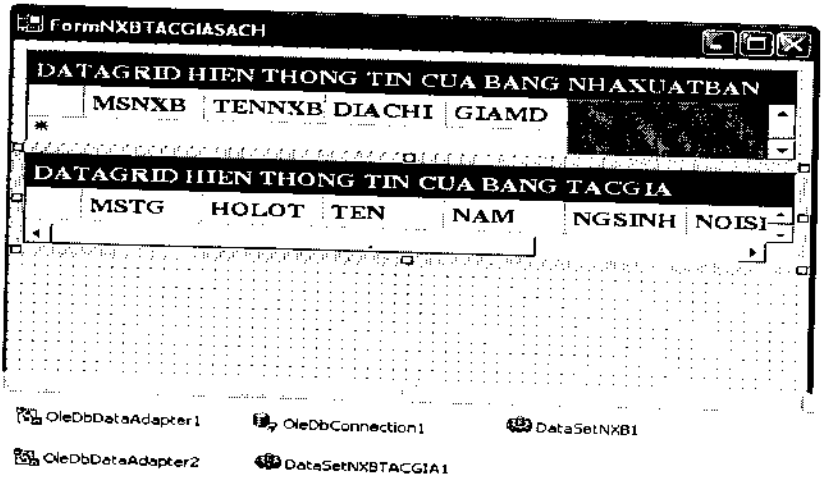

B5H101

☛ Đưa đối tượng OleDbDadatAdapter3

Bạn thực hiện đưa đối tượng này vào khay công cụ giống như Form ở trên

Khi đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào, nhớ chọn CSDL QUANLYTACGIA, và khi hộp thoại hiện ra để nhập câu lệnh SQL, bạn nhập câu lệnh sau:

SELECT *

FROM SACH

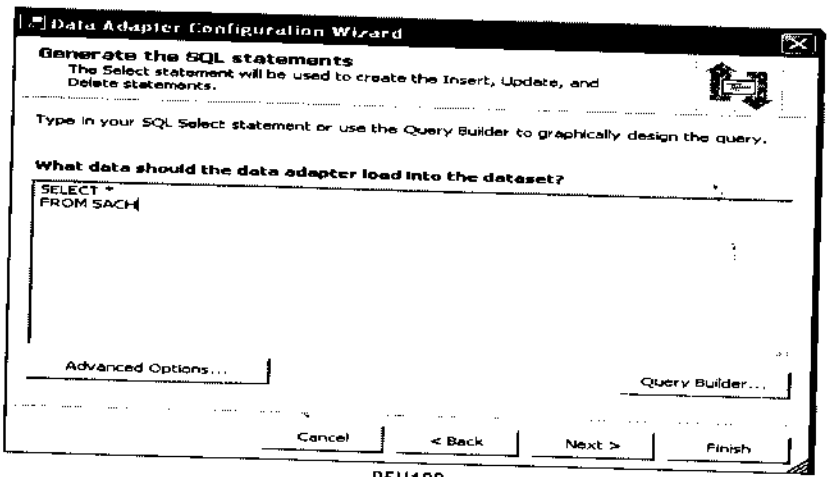

B5H102

◈ Click nút Finish để kết thúc, click nút Don't Include Password nếu hộp thoại này hiện ra.

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ

◈ Click chọn FormNXBTACGIASACH

◈ Vào menu Data, click chọn Generate Dataset

◈ Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DatasetNXBTACGIASACH

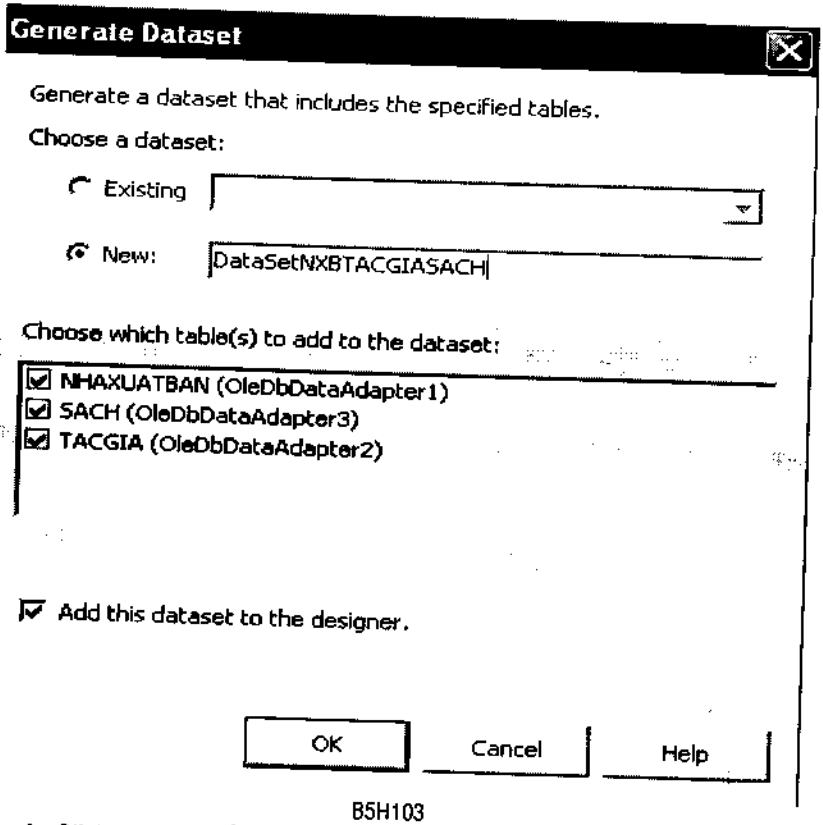

B5H103

◈ Click nút OK để hoàn tất việc đưa DatasetNXBTACGIASACH1 vào khay công cụ

Vậy là bạn đã có bảy đối tượng trên khay công cụ, trong đó ba đối tượng OleDbDataAdapter3, OleDbConnection1 và DatasetNXBTACGIASACH1 trên khay công cụ, ba đối tượng này sẽ thể hiện thông tin của bảng SACH trên DataGrid thứ ba.

Bạn chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ, click chọn điều khiển DataGrid và đưa vào FormNXNTACGIASACH như hình sau:

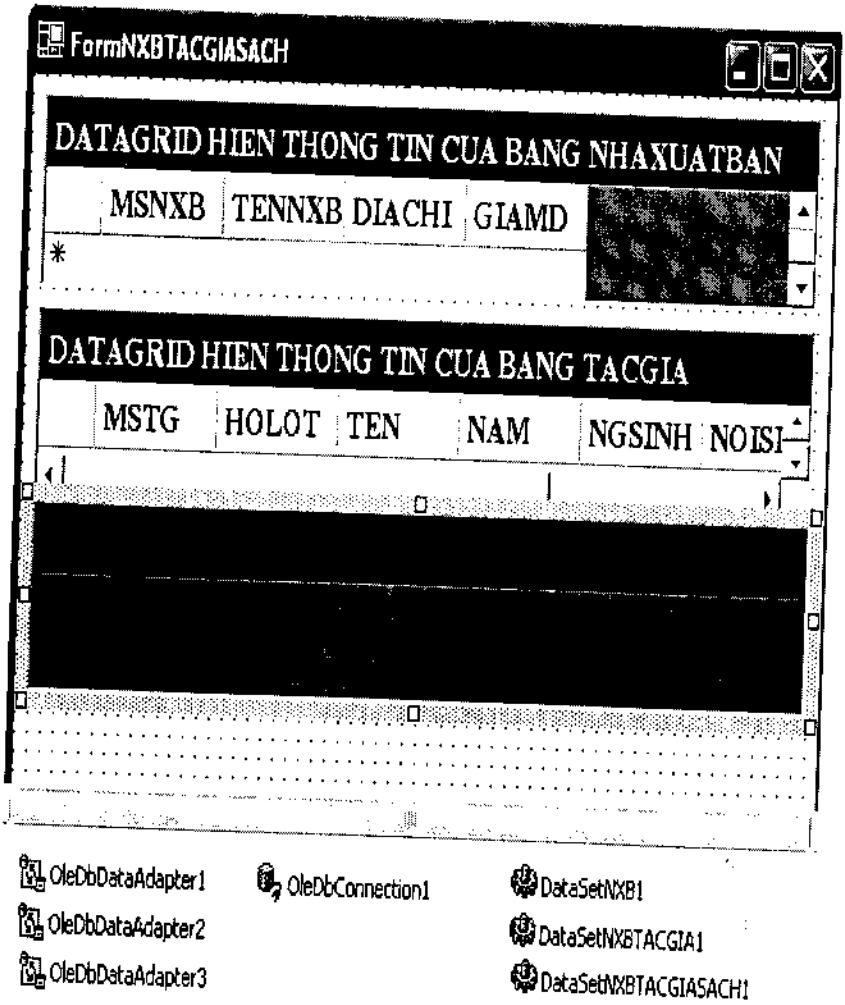

B5H104

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như trong bảng các thuộc tính của điều khiển DataGrid3 tương ứng đã cho ở trên.

◈ Trong thuộc tính DataSource, click chọn đầu mũi tên quay xuống, chọn DatasetNXBTACGIASACH1

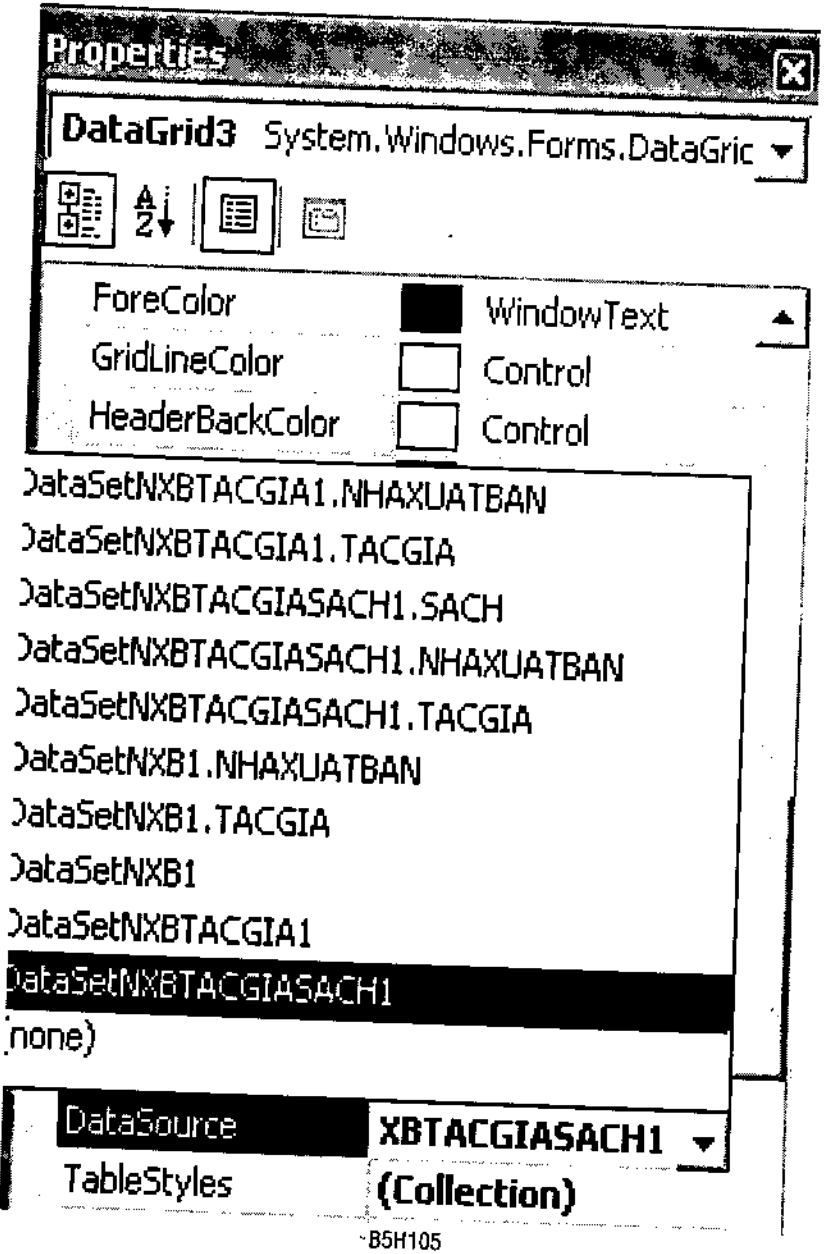
Properties
DataGrid3 System.Windows.Forms.DataGric
ForeColor
WindowText
GridLineColor
Control
HeaderBackColor
Control
DataSetNXBTACGIA1.NHAXUATBAN
DataSetNXBTACGIA1.TACGIA
DataSetNXBTACGIASACH1.SACH
DataSetNXBTACGIASACH1.NHAXUATBAN
DataSetNXBTACGIASACH1.TACGIA
DataSetNXB1.NHAXUATBAN
DataSetNXB1.TACGIA
DataSetNXB1
DataSetNXBTACGIA1
DataSetNXBTACGIASACH1
none)
DataSource
XBTACGIASACH1
TableStyles
(Collection)

B5H105

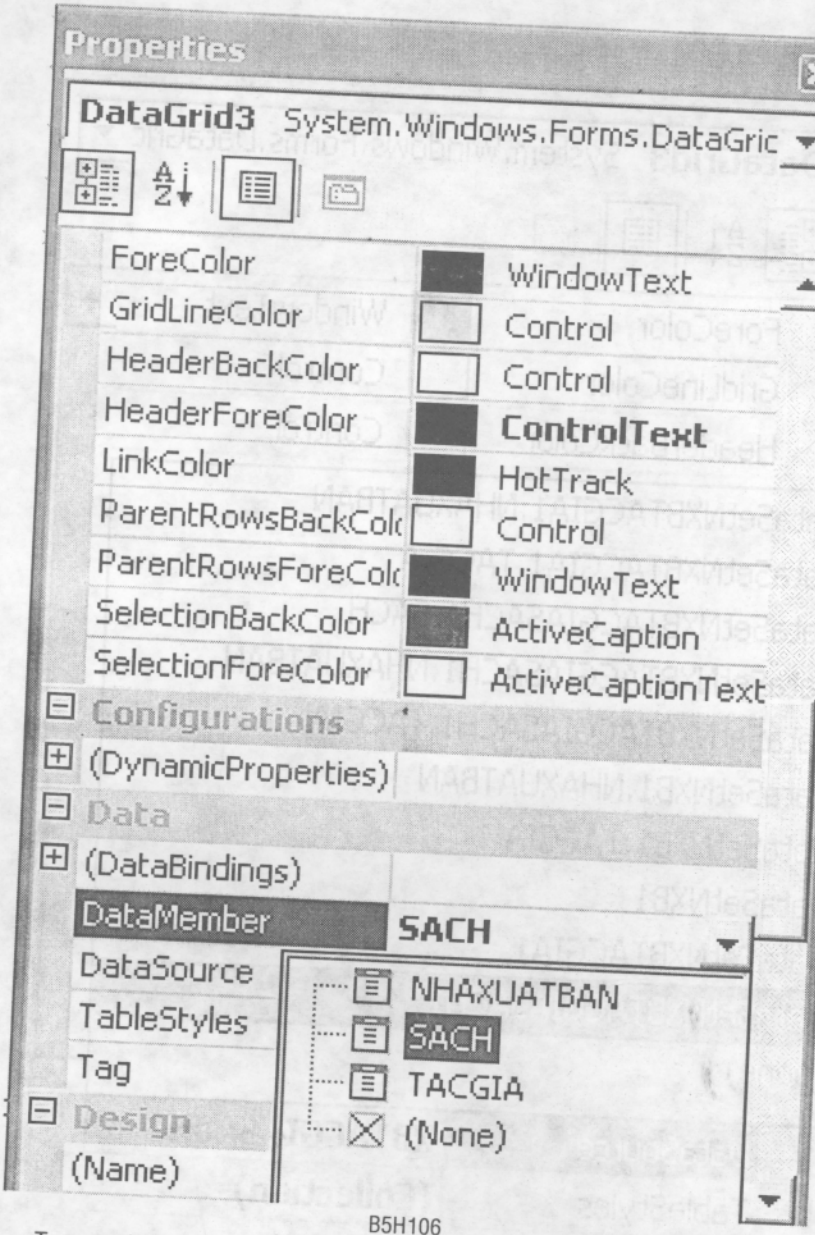

B5H106

Trong thuộc tính Datamember, chọn bảng SACH, đóng bảng Properties, bạn có hình như sau:

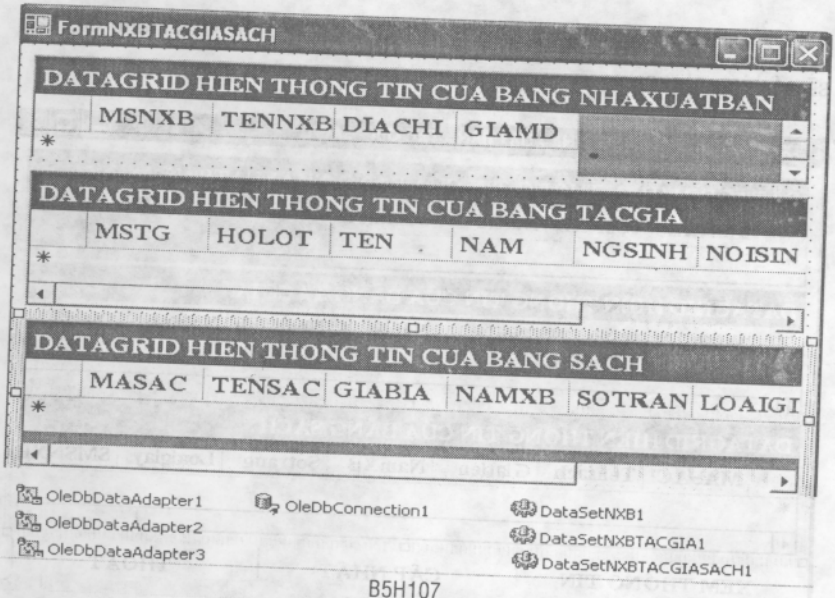

B5H107

Bạn tiếp tục đưa các Button vào Form, xác lập các thuộc tính như trong bảng đã cho ở trên, cuối cùng bạn sẽ có FormNXBTACGIASACH như hình sau:

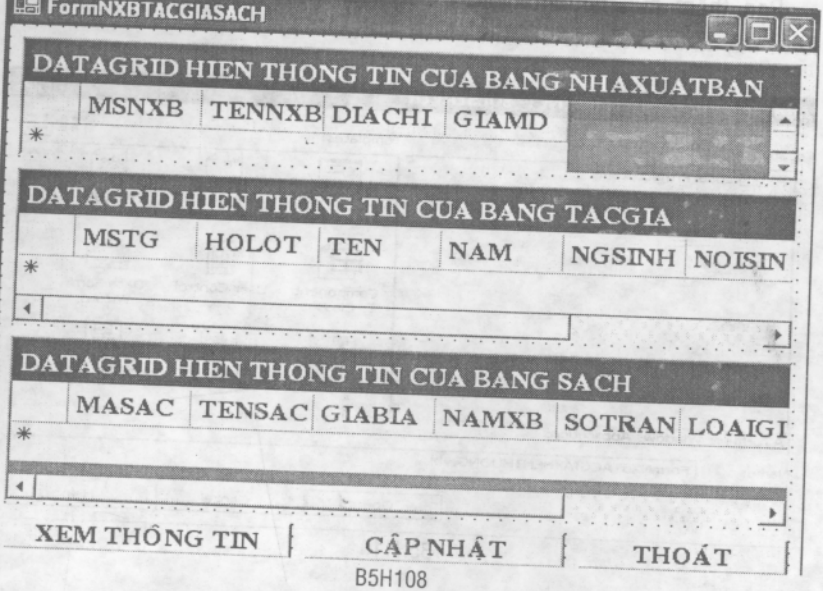

B5H108

Xác lập thộc tính cho Form, kéo các đối tượng trên khay công cụ, bạn sẽ có hình như sau:

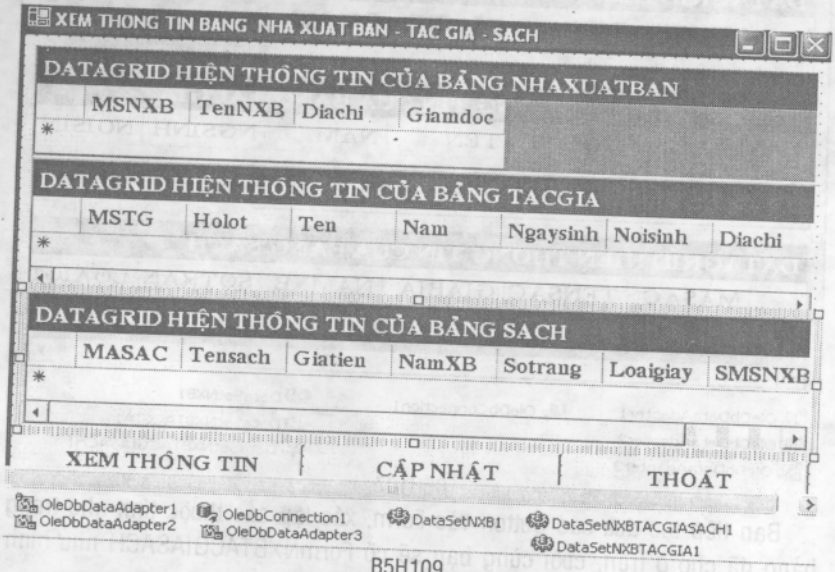

B5H109

- Tạo Form con có tên FormNXBTACGIAKHENTHUONG

Bạn thêm một Form mới vào giống như các Form trên, đặt tên cho form này là FormNXBTACGIAKHENTHUONG.vb

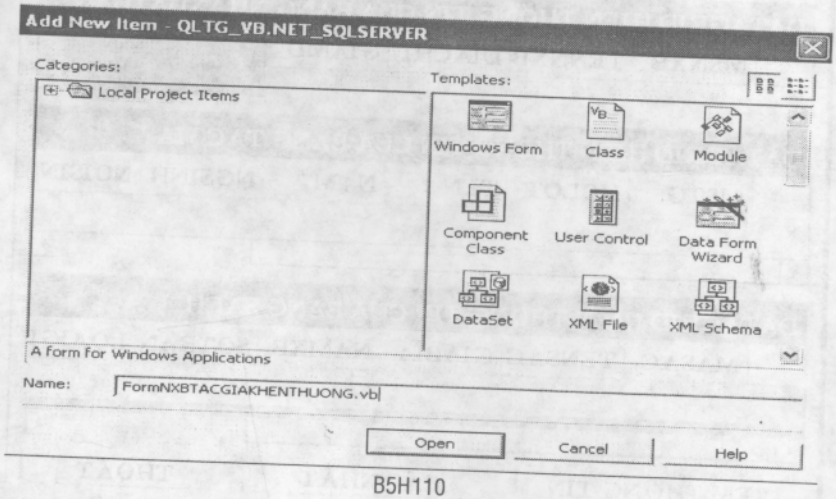

B5H110

Trong FormNXBTACGIAKHENTHUONG có tất cả là 7 đối tượng trong khay công cụ, trong Form dùng các điều khiển DataGrid thể hiện thông tin thay cho các TextBox. Bỏ qua việc kết nối với CSDL QUANLYTACGIA, vì chúng ta đã kết nối rồi.

☛ Đưa đối tượng OleDbDadatAdapter1

Bạn thực hiện đưa đối tượng này vào khay công cụ giống như các Form ở trên

Khi đưa đối tượng OleDbDataAdapter1 vào, nhớ chọn CSDL QUANLYTACGIA, và khi hộp thoại hiện ra để nhập câu lệnh SQL, bạn nhập câu lệnh sau:

SELECT * FROM NHAXUATBAN

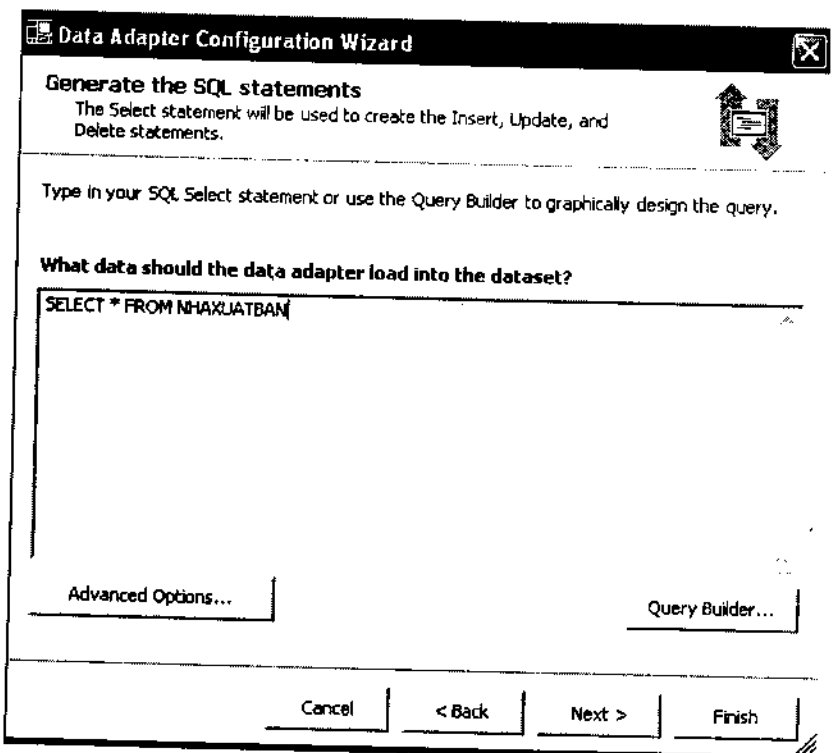

B5H111

◈ Click nút Finish để kết thúc, click nút Don't Include Password nếu hộp thoại này hiện ra.

Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ

◈ Click chọn FormNXBTACGIAKHENTHUONG

◈ Vào menu Data, click chọn Generate Dataset

◈ Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DatasetNXB2

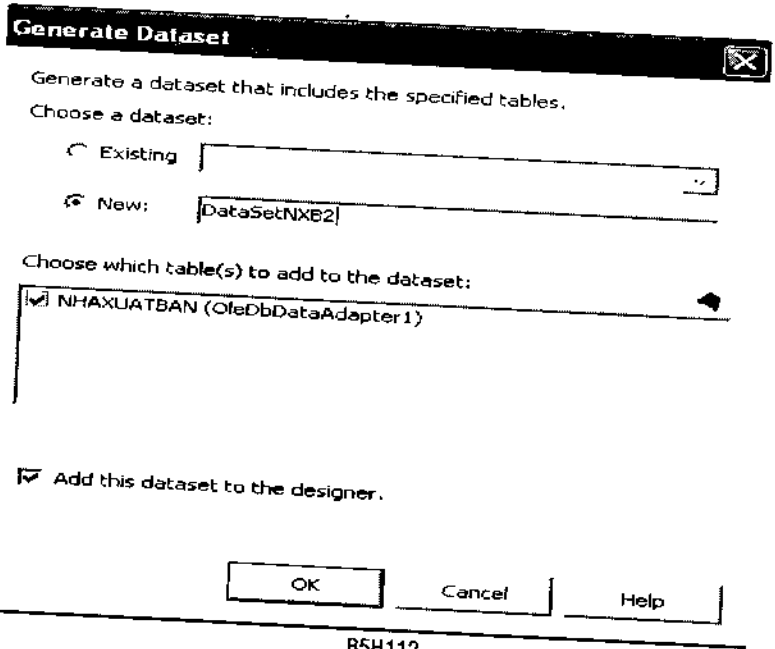

◈ Click nút OK để hoàn tất việc đưa DatasetNXB21 vào khay công cụ

Vậy là bạn đã có ba đối tượng OleDbDataAdapter1, OleDbConnection1 và DatasetNXB21 trên khay công cụ, ba đối tượng này sẽ thể hiện thông tin của bảng NHAXUATBAN trên DataGrid thứ nhất.

Bạn chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ, click chọn điều khiển DataGrid và đưa vào FormNXNTACGIAKHENTHUONG

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như trong bảng các thuộc tính của điều khiển DataGrid2 tương ứng đã cho ở trên.

◈ Trong thuộc tính DataSource, click chọn đầu mũi tên quay xuống, chọn DatasetNXB21

◈ Trong thuộc tính Datamember, chọn bảng NHAXUATBAN, như hình sau:

Trong FormNXBTACGIAKHENTHUONG có tất cả là 7 đối tượng trong khay công cụ, trong Form dùng các điều khiển DataGrid thể hiện thông tin thay cho các TextBox. Bỏ qua việc kết nối với CSDL QUANLYTACGIA, vì chúng ta đã kết nối rồi.

☛ Đưa đối tượng OleDbDadatAdapter1

Bạn thực hiện đưa đối tượng này vào khay công cụ giống như các Form ở trên

Khi đưa đối tượng OleDbDataAdapter1 vào, nhớ chọn CSDL QUANLYTACGIA, và khi hộp thoại hiện ra để nhập câu lệnh SQL, bạn nhập câu lệnh sau:

SELECT * FROM NHAXUATBAN

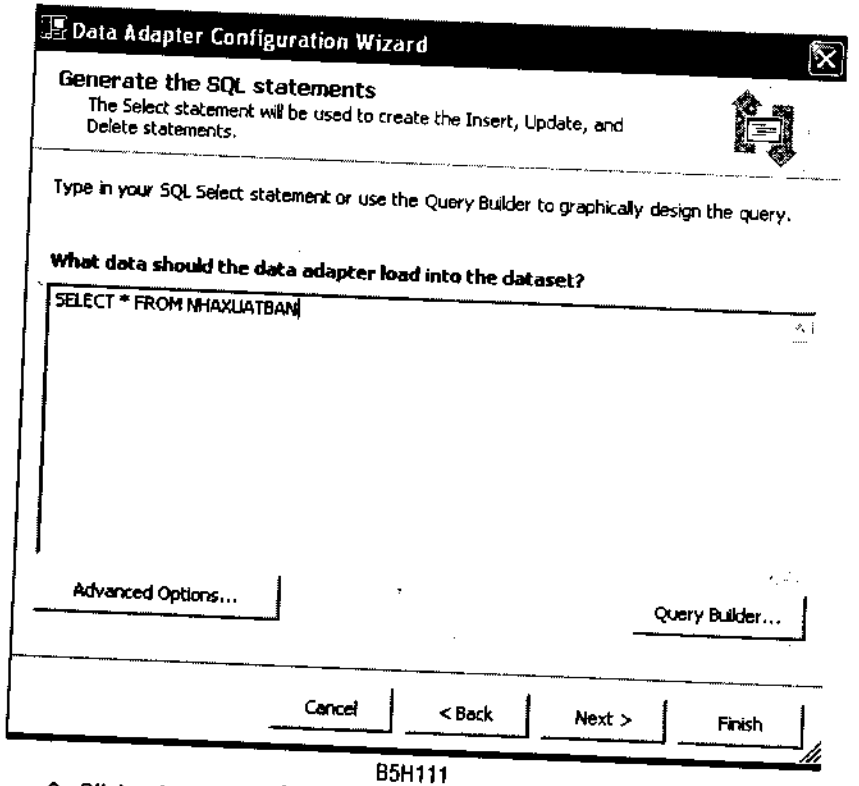

B5H111

◈ Click nút Finish để kết thúc, click nút Don't Include Password nếu hộp thoại này hiện ra.

Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ

◈ Click chọn FormNXBTACGIAKHENTHUONG

◈ Vào menu Data, click chọn Generate Dataset

◈ Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DatasetNXB2

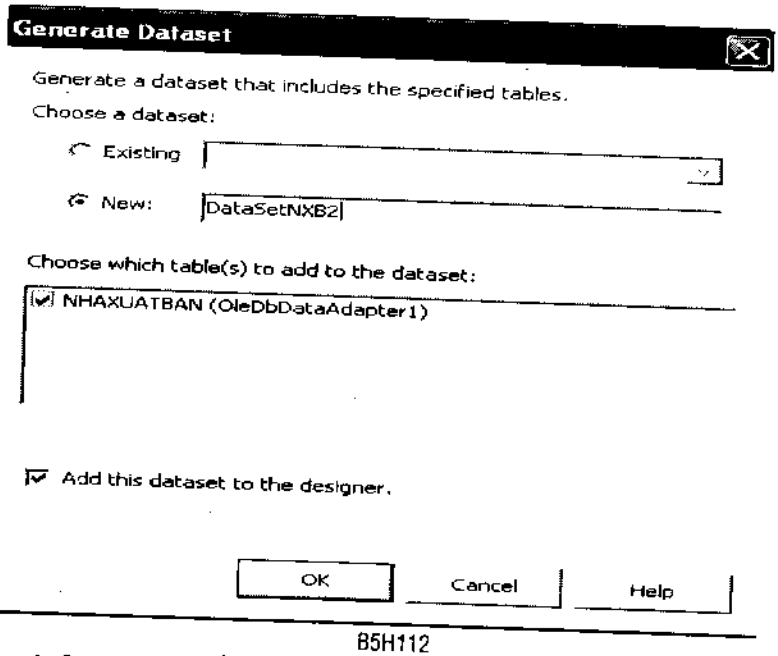

B5H112

◈ Click nút OK để hoàn tất việc đưa DatasetNXB21 vào khay công cụ

Vậy là bạn đã có ba đối tượng OleDbDataAdapter1, OleDbConnection1 và DatasetNXB21 trên khay công cụ, ba đối tượng này sẽ thể hiện thông tin của bảng NHAXUATBAN trên DataGrid thứ nhất.

Bạn chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ, click chọn điều khiển DataGrid và đưa vào FormNXNTACGIAKHENTHUONG

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như trong bảng các thuộc tính của điều khiển DataGrid2 tương ứng đã cho ở trên.

◈ Trong thuộc tính DataSource, click chọn đầu mũi tên quay xuống, chọn DatasetNXB21

◈ Trong thuộc tính Datamember, chọn bảng NHAXUATBAN, như hình sau:

◈ Click nút OK để hoàn tất việc đưa DatasetNXBTACGIA21 vào khay công cụ

Vậy là bạn đã có năm đối tượng trên khay công cụ, trong đó ba đối tượng OleDbDataAdapter2, OleDbConnection1 và DatasetNXBTACGIA21 trên khay công cụ, ba đối tượng này sẽ thể hiện thông tin của bảng TACGIA trên DataGrid thứ hai.

Bạn chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ, click chọn điều khiển DataGrid và đưa vào FormNXNTACGIAKHENTHUONG

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như trong bảng các thuộc tính của điều khiển DataGrid2 tương ứng đã cho ở trên.

◈ Trong thuộc tính DataSource, click chọn đầu mũi tên quay xuống, chọn DatasetNXBTACGIA21

◈ Trong thuộc tính Datamember, chọn bảng TACGIA, như hình sau:

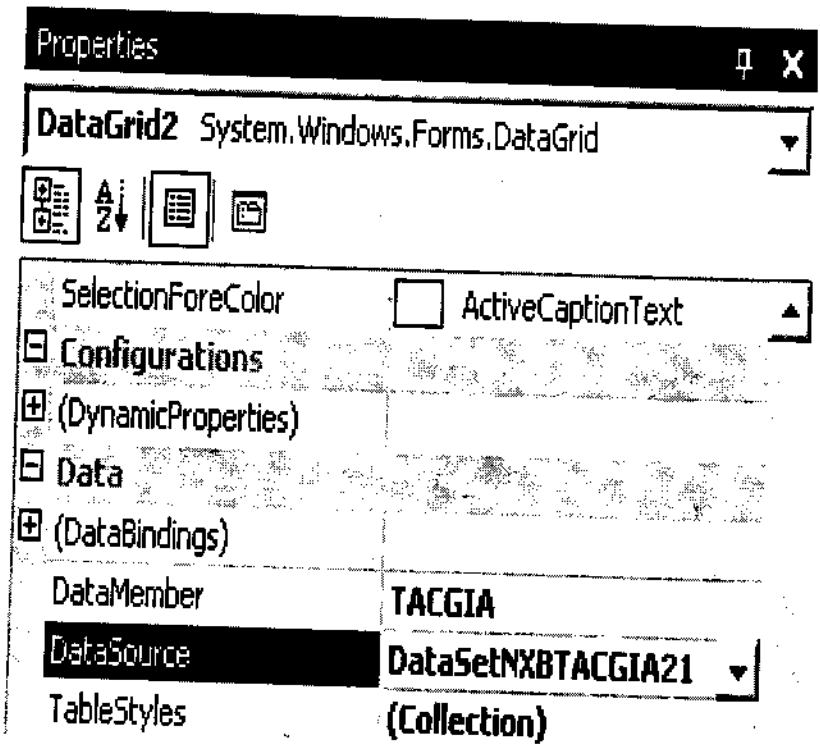

B5H116

☛ Đưa đối tượng OleDbDadatAdapter3

Bạn thực hiện đưa đối tượng này vào khay công cụ giống như các Form ở trên

Khi đưa đối tượng OleDbDataAdapter3 vào, nhớ chọn CSDL QUANLYTACGIA, và khi hộp thoại hiện ra để nhập câu lệnh SQL, bạn nhập câu lệnh sau:

SELECT * FROM KHENTHUONG

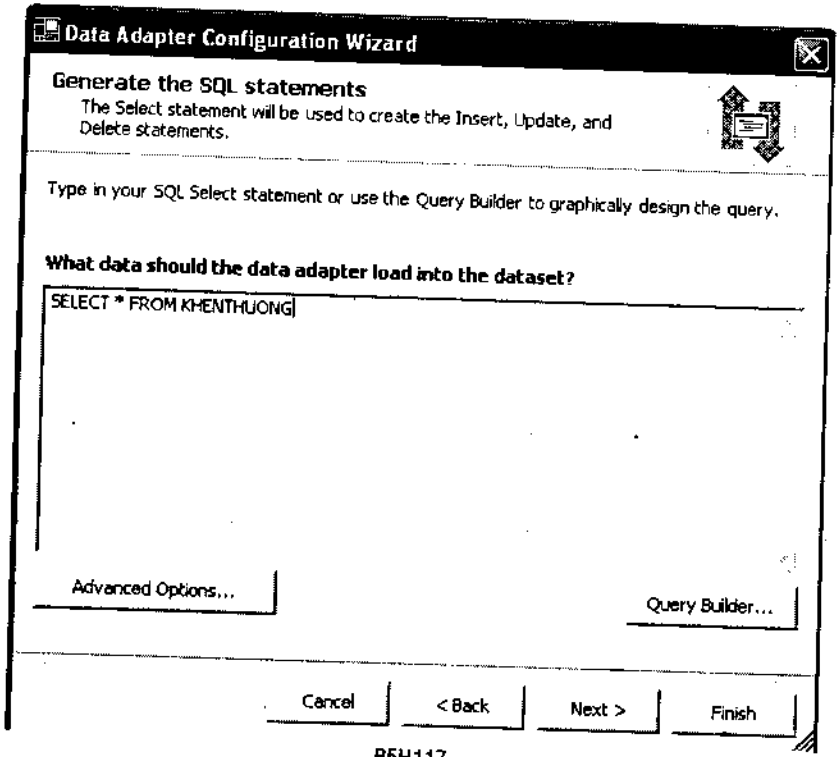

B5H117

◈ Click nút Finish để kết thúc, click nút Don't Include Password nếu hộp thoại này hiện ra.

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ

◈ Click chọn FormNXBTACGIAKHENTHUONG

◈ Vào menu Data, click chọn Generate Dataset

◈ Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DatasetNXBTACGIAKHENTHUONG2

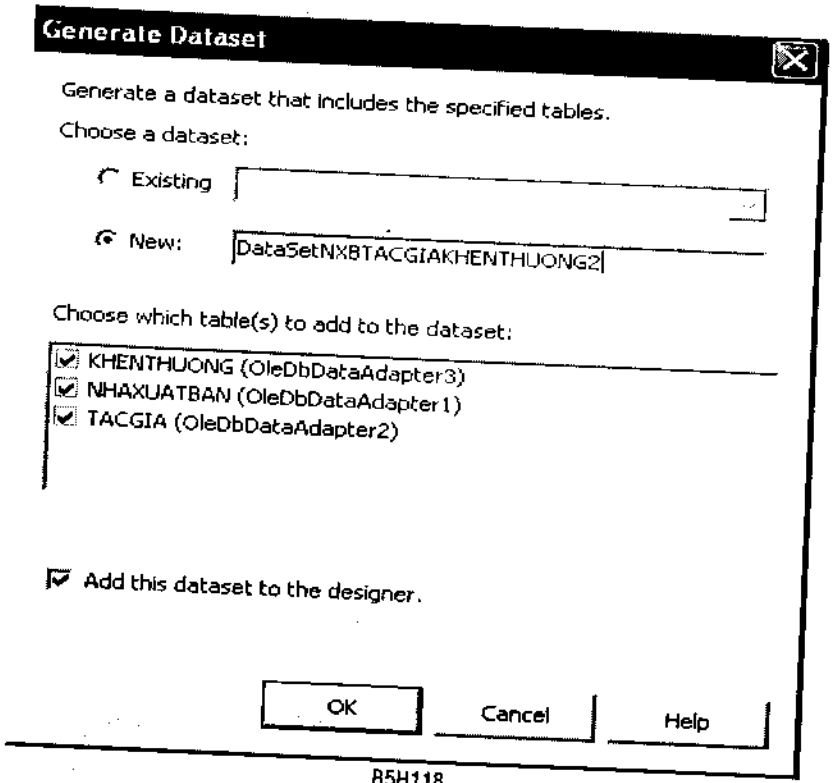

B5H118

◈ Click nút OK để hoàn tất việc đưa DatasetNXBTACGIAKHENTHUONG21 vào khay công cụ

Vậy là bạn đã có bảy đối tượng trên khay công cụ, trong đó ba đối tượng OleDbDataAdapter3, OleDbConnection1 và DatasetNXBTACGIAKHENTHUONG21 trên khay công cụ, ba đối tượng này sẽ thể hiện thông tin của bảng KHENTHUONG trên DataGrid thứ hai.

◈ Bạn chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ, click chọn điều khiển DataGrid và đưa vào FormNXNTACGIAKHENTHUONG

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như trong bảng các thuộc tính của điều khiển DataGrid3 tương ứng đã cho ở trên.

◈ Trong thuộc tính DataSource, click chọn đầu mũi tên quay xuống, chọn DatasetNXBTACGIAKHENTHUONG21

◈ Trong thuộc tính Datamember, chọn bảng KHENTHUONG, như hình sau:

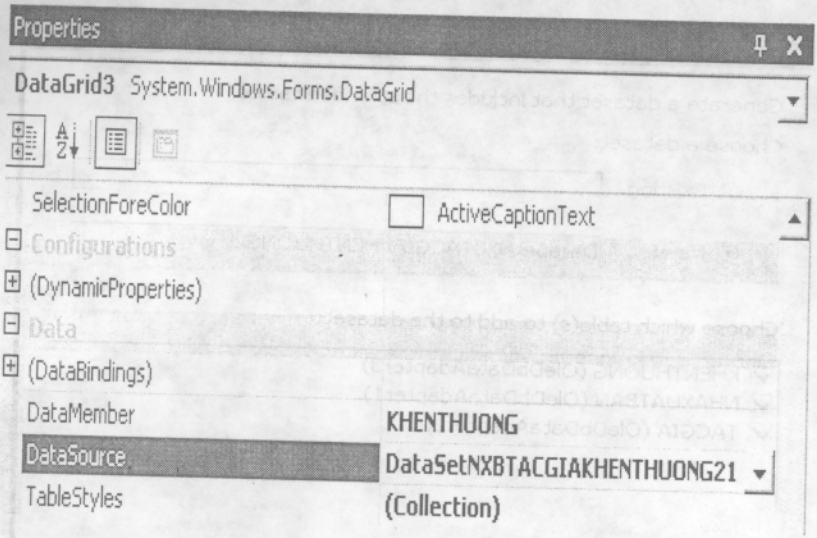

B5H119

Đưa các Button vào FormNXBTACGIAKHENTHUONG và xác lập các thuộc tính cho nó như bảng đã cho ở trên, các bạn sẽ có hình như sau:

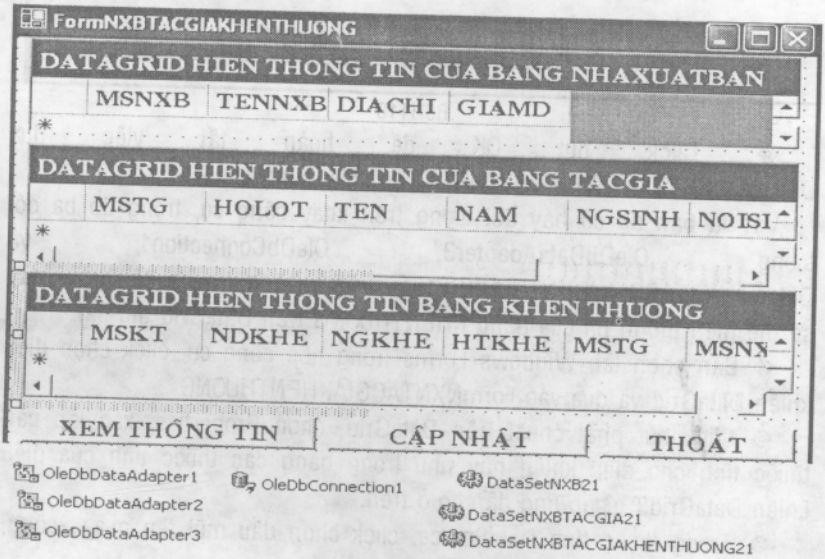

B5H120

◈ Click nút phải chuột trên Form, xác lập các thuộc tính cho Form, bạn sẽ có kết quả như hình sau:

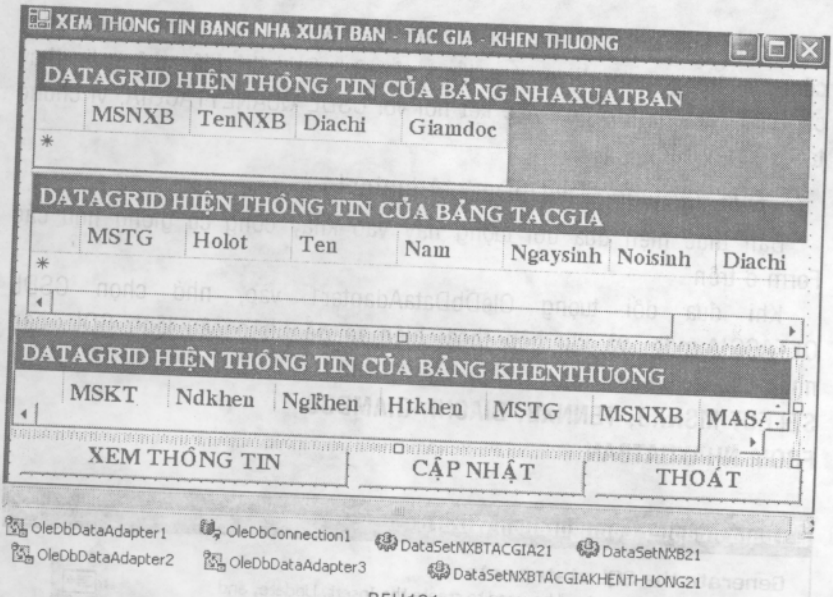

B5H121

- Tạo Form con có tên FormNXBTACGIAVIPHAM

Bạn thêm một Form mới vào giống như các Form trên, đặt tên cho form này là FormNXBTACGIAVIPHAM.vb

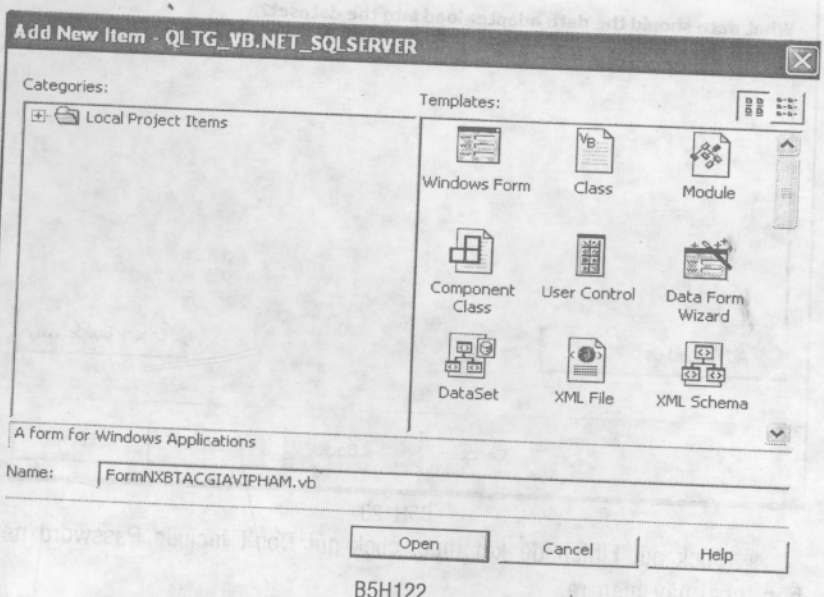

B5H122

Trong FormNXBTACGIAVIPHAM có tất cả là 7 đối tượng trong khay công cụ, trong Form dùng các điều khiển DataGrid thể hiện thông tin thay cho các TextBox. Bỏ qua việc kết nối với CSDL QUANLYTACGIA, vì chúng ta đã kết nối rồi.

☛ Đưa đối tượng OleDbDadatAdapter1

Bạn thực hiện đưa đối tượng này vào khay công cụ giống như các Form ở trên

Khi đưa đối tượng OleDbDataAdapter1 vào, nhớ chọn CSDL QLTACGIA.mdb, và khi hộp thoại hiện ra để nhập câu lệnh SQL, bạn nhập câu lệnh sau:

SELECT MSNXB, TENNXB, DIACHI, GIAMDOC
FROM NHAXUATBAN

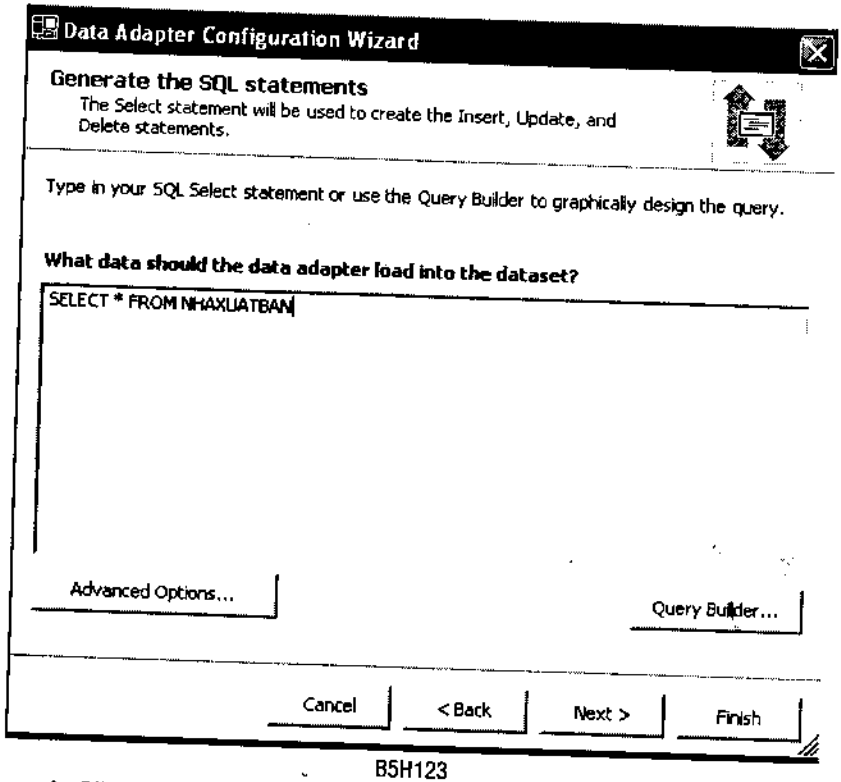

B5H123

◈ Click nút Finish để kết thúc, click nút Don't Include Password nếu hộp thoại này hiện ra.

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ

◈ Click chọn FormNXBTACGIAVIPHAM

◈ Vào menu Data, click chọn Generate Dataset

◈ Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DatasetNXB3

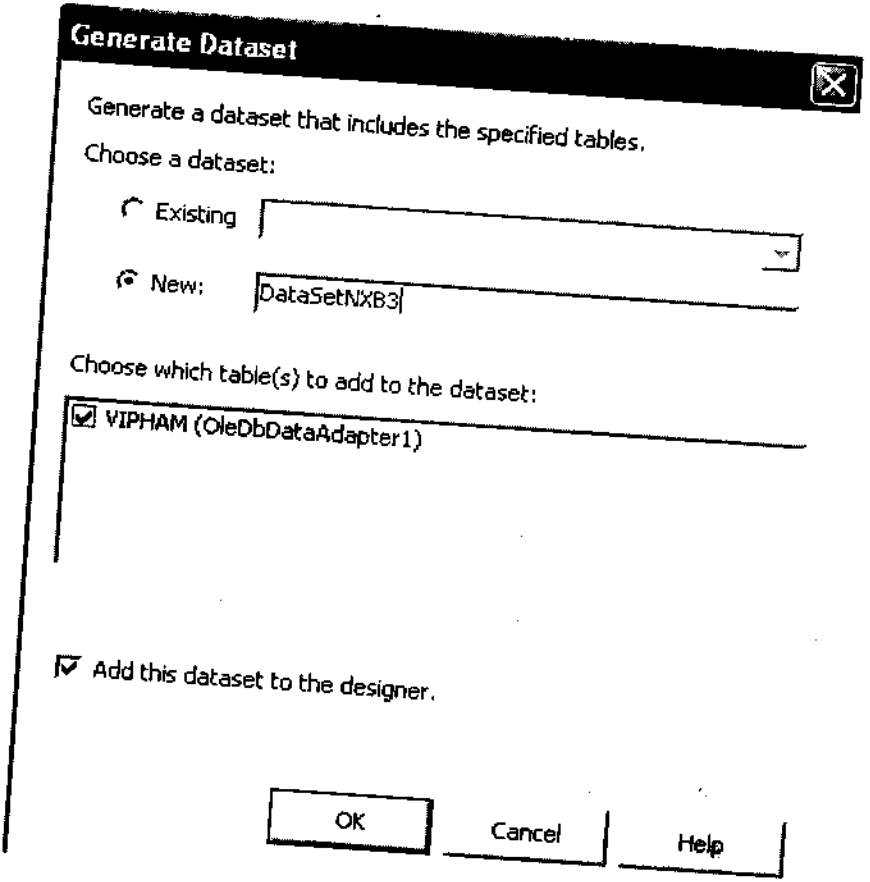

B5H124

◈ Click nút OK để hoàn tất việc đưa DatasetNXB31 vào khay công cụ

Vậy là bạn đã có ba đối tượng OleDbDataAdapter1, OleDbConnection1 và DatasetNXB31 trên khay công cụ, ba đối tượng này sẽ thể hiện thông tin của bảng NHAXUATBAN trên DataGrid thứ nhất.

◈ Bạn chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ, click chọn điều khiển DataGrid và đưa vào FormNXNTACGIAVIPHAM

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như trong bảng các thuộc tính của điều khiển DataGrid1 tương ứng đã cho ở trên.

◈ Trong thuộc tính DataSource, click chọn đầu mũi tên quay xuống, chọn DatasetNXB31

◈ Trong thuộc tính Datamember, chọn bảng NHAXUATBAN, như hình sau:

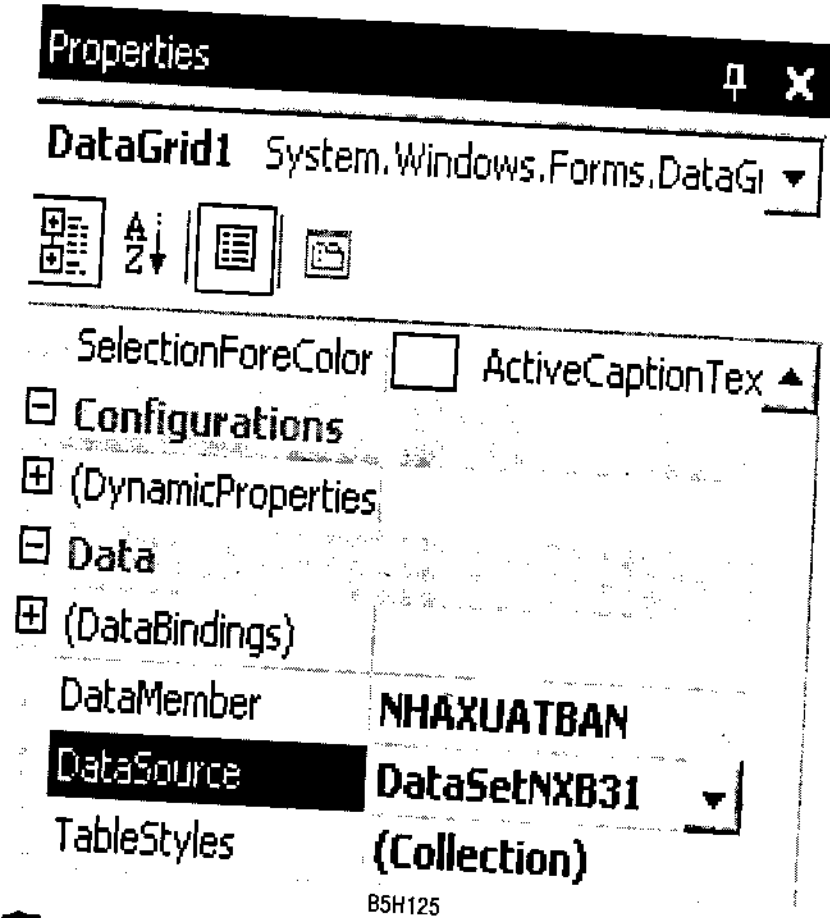

B5H125

☛ Đưa đối tượng OleDbDadatAdapter2

Bạn thực hiện đưa đối tượng này vào khay công cụ giống như các Form ở trên

Khi đưa đối tượng OleDbDataAdapter2 vào, nhớ chọn CSDL QUANLYTACGIA, và khi hộp thoại hiện ra để nhập câu lệnh SQL, bạn nhập câu lệnh sau:

SELECT * FROM TACGIA

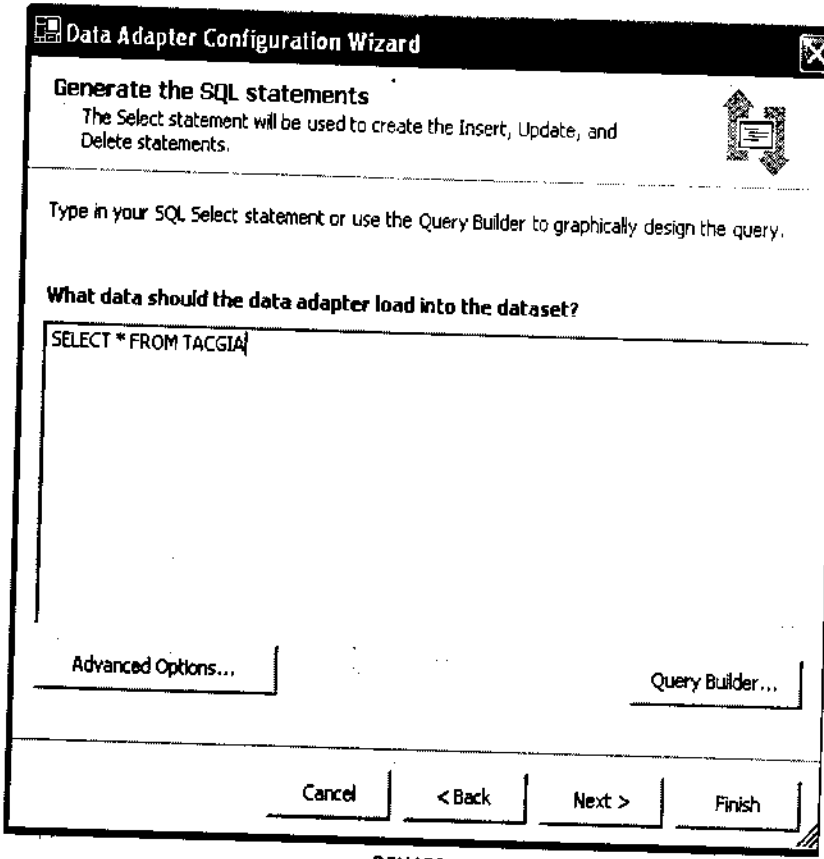

B5H126

◈ Click nút Finish để kết thúc, click nút Don't Include Password nếu hộp thoại này hiện ra.

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ

◈ Click chọn FormNXBTACGIAVIPHAM

◈ Vào menu Data, click chọn Generate Dataset

◈ Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DatasetNXBTACGIA3

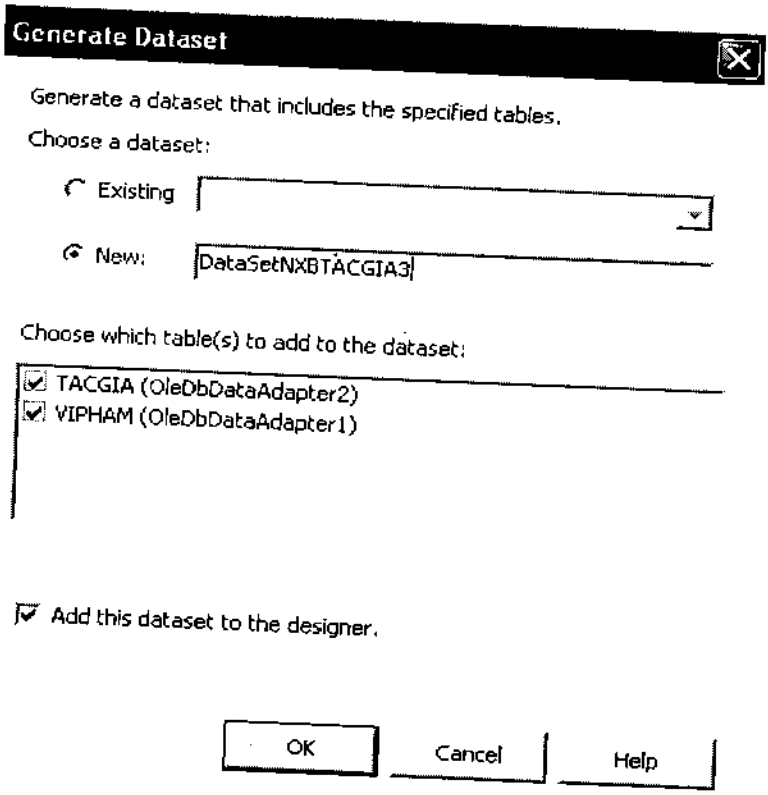

B5H127

◈ Click nút OK để hoàn tất việc đưa DatasetNXBTACGIA31 vào khay công cụ

Vậy là bạn đã có năm đối tượng trên khay công cụ, trong đó ba đối tượng OleDbDataAdapter2, OleDbConnection1 và DatasetNXBTACGIA31 trên khay công cụ, ba đối tượng này sẽ thể hiện thông tin của bảng TACGIA trên DataGrid thứ hai.

◈ Bạn chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ, click chọn điều khiển DataGrid và đưa vào FormNXNTACGIAVIPHAM

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như trong bảng các thuộc tính của điều khiển DataGrid2 tương ứng đã cho ở trên.

◈ Trong thuộc tính DataSource, click chọn đầu mũi tên quay xuống, chọn DatasetNXBTACGIA31

◈ Trong thuộc tính Datamember, chọn bảng TACGIA, như hình sau:

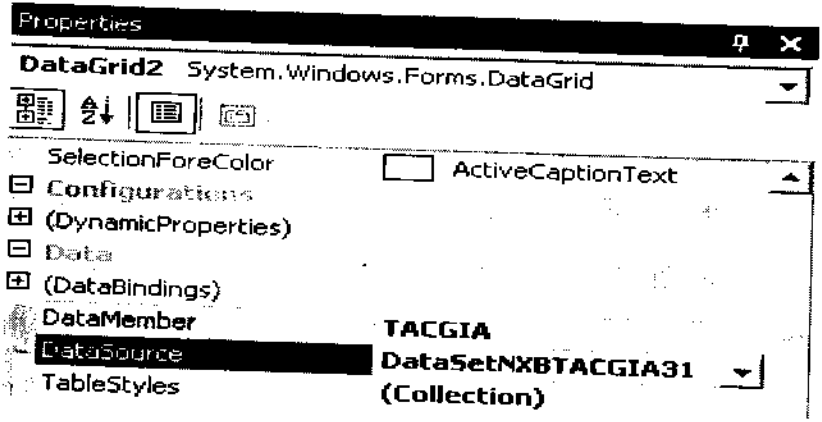

B5H128

- Đưa đối tượng OleDbDadatAdapter3

Bạn thực hiện đưa đối tượng này vào khay công cụ giống như các Form ở trên

- Khi đưa đối tượng OleDbDataAdapter3 vào, nhớ chọn CSDL QUANLYTACGIA, và khi hộp thoại hiện ra để nhập câu lệnh SQL, bạn nhập câu lệnh sau:

SELECT * FROM VIPHAM

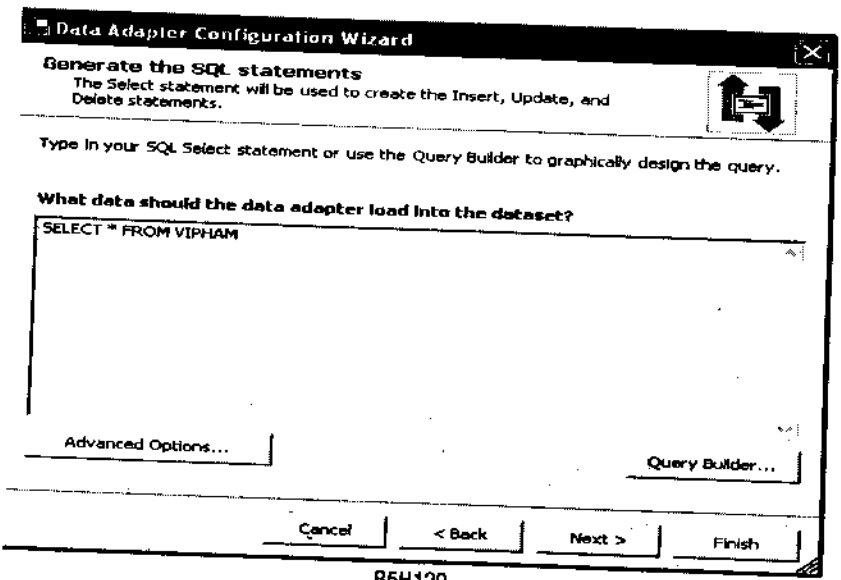

B5H129

◈ Click nút Finish để kết thúc, click nút Don't Include Password nếu hộp thoại này hiện ra.

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng Dataset vào khay công cụ

◈ Click chọn FormNXBTACGIAVIPHAM

◈ Vào menu Data, click chọn Generate Dataset

◈ Click chọn nút New trong hộp thoại hiện ra, nhập vào khung bên phải DatasetNXBTACGIAVIPHAM3

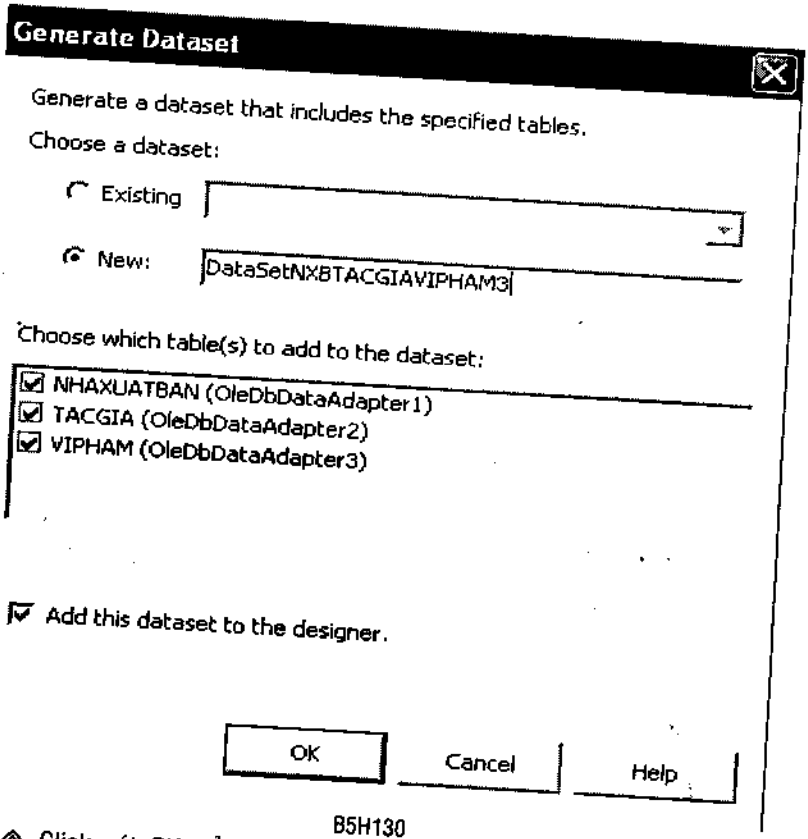

B5H130

◈ Click nút OK để hoàn tất việc đưa DatasetNXBTACGIAVIPHAM31 vào khay công cụ

Vậy là bạn đã có bảy đối tượng trên khay công cụ, trong đó ba đối tượng OleDbDataAdapter3, OleDbConnection1 và DatasetNXBTACGIAVIPHAM31 trên khay công cụ, ba đối tượng này sẽ thể hiện thông tin của bảng VIPHAM trên DataGrid thứ ba.

◈ Bạn chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ, click chọn điều khiển DataGrid và đưa vào FormNXNTACGIAVIPHAM

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như trong bảng các thuộc tính của điều khiển DataGrid3 tương ứng đã cho ở trên.

◈ Trong thuộc tính DataSource, click chọn đầu mũi tên quay xuống, chọn DatasetNXBTACGIAVIPHAM31.

◈ Trong thuộc tính Datamember, chọn bảng VIPHAM, như hình sau:

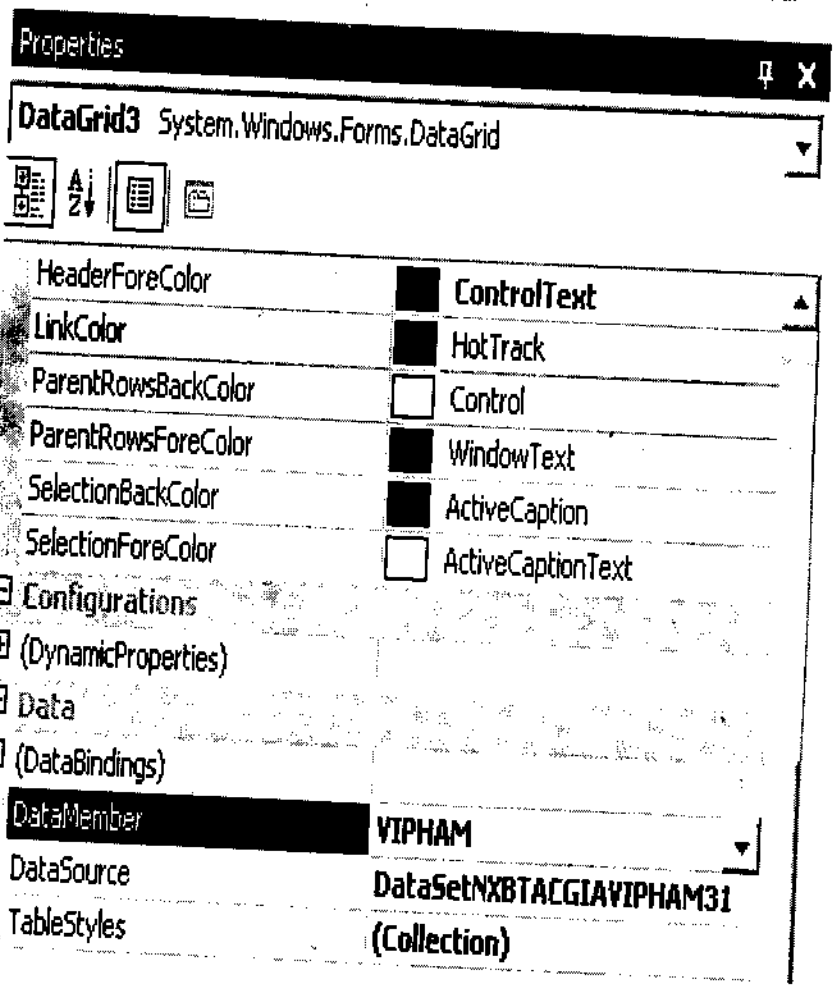

B5H131

Đưa các Button vào FormNXBTACGIAVIPHAM và xác lập các thuộc tính cho nó như bảng đã cho ở trên, các bạn sẽ có hình như sau:

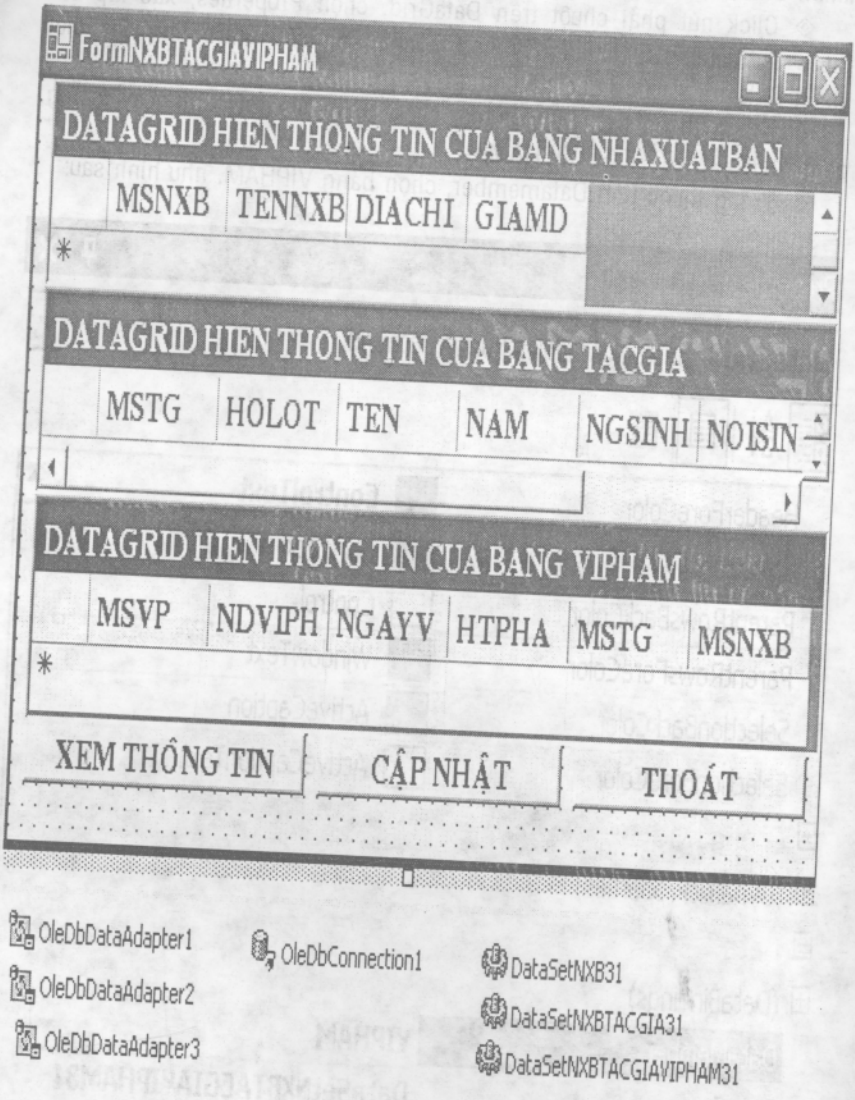

B5H132

◈ Click nút phải chuột trên Form xác lập các thuộc tính cho Form bạn sẽ có kết quả như hình sau:

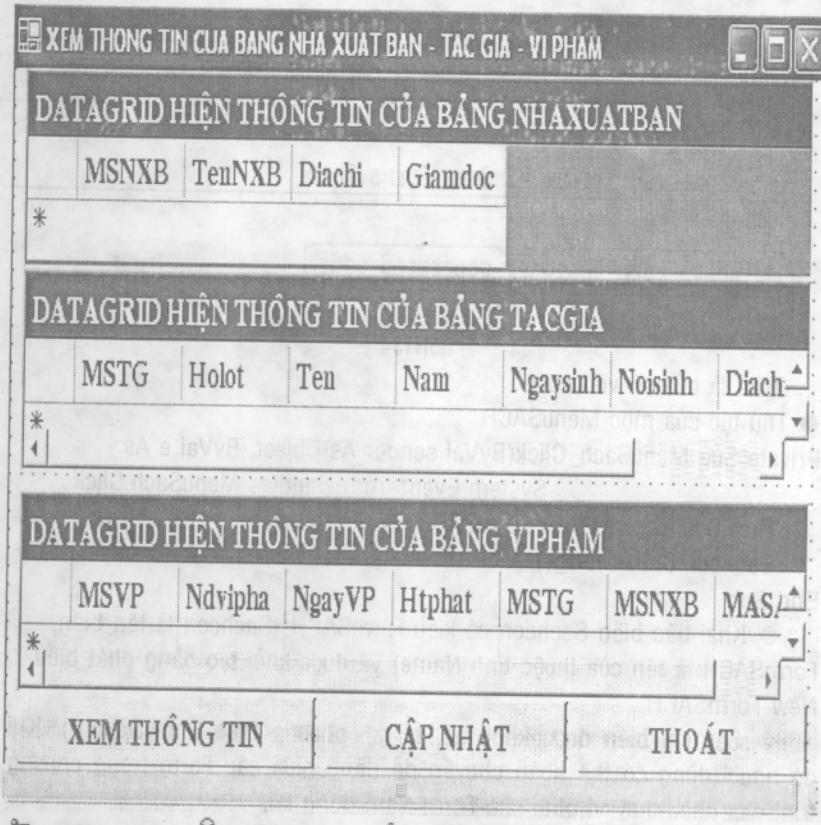

B5H133

② Viết và giải thích code cho chương trình

Viết code cho Form cha

Bạn vào cửa sổ thiết kế của Form cha, click nút phải chuột tại vị trí bất kỳ trong Form, chọn View Code. Trong cửa sổ viết code, click đầu mũi tên quay xuống của khung trên bên trái, chọn tên một mục của menu, click vào đầu mũi tên quay xuống của khung bên phải, chọn sự kiện Click. Câu lệnh đầu và cuối của thủ tục hiện ra, bạn viết code vào giữa hai cặp lệnh này. Thực hiện xong, tiếp tục để chọn cho mục khác và sự kiện Click, tiếp tục như vậy cho đến hết các mục của menu.

Sau đây là code của các mục menu trong Form cha

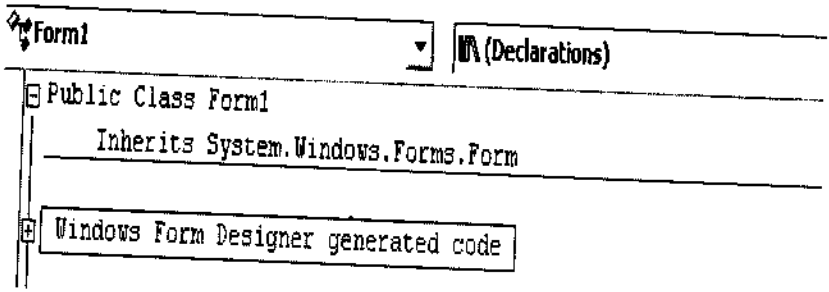

B5H134

Trên là cửa sổ viết code

● Thủ tục của mục MenuSACH

```
Private Sub MenuSach_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                           System.EventArgs) Handles MenuSach.Click
    Dim Sachcon As New FormSACH
    Sachcon.ShowDialog()
End Sub
```

◈ Khai báo biến Sachcon có kiểu FormSACH (Sachcon là tên biến, FormSACH là tên của thuộc tính Name) và được khởi tạo bằng phát biểu New FormSACH.

◈ Sau khi biến được khởi tạo, ta gọi phương thức ShowDialog(). Khi đó người dùng có thể hoán chuyển dễ dàng giữa các Form trong chương trình với nhau thay vì phải chờ-Form Nam đóng lại.

● Thủ tục của mục MenuTACGIA

```
Private Sub MenuTacgia_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                             System.EventArgs) Handles MenuTacgia.Click
    Dim Tacgiacon As New FormTACGIA
    Tacgiacon.ShowDialog()
End Sub
```

◈ Ý nghĩa tương tự như trên

● Thủ tục của mục MenuVIPHAM

```
Private Sub MenuVipham_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                             System.EventArgs) Handles MenuVipham.Click
    Dim Viphamcon As New FormVIPHAM
    Viphamcon.ShowDialog()
End Sub
```

● Thủ tục của mục MenuNHAXUATBAN

```
Private Sub MenuNhaxuatban_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles MenuNhaxuatban.Click
    Dim nxbcon As New FormNHAXUATBAN
    nxbcon.ShowDialog()
End Sub
```

● Thủ tục của mục MenuKHENTHUONG

```
Private Sub MenuKhenthuong_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles MenuKhenthuong.Click
    Dim KTcon As New FormKHENTHUONG
    KTcon.ShowDialog()
End Sub
```

● Thủ tục của mục MenuNXBTACGIASACH

```
Private Sub MenuNXBTACGIASACH_Click(ByVal sender As Object, ByVal e
            As System.EventArgs) Handles MenuNXBTACGIASACH.Click
    Dim NXBTScon As New FormNXBTACGIASACH
    NXBTScon.ShowDialog()
End Sub
```

● Thủ tục của mục MenuNXBTACGIAKHENTHUONG

```
Private Sub MenuNXBTACGIAKHENTHUONG_Click(ByVal sender As Object,
                        ByVal e As System.EventArgs) Handles
                        MenuNXBTACGIAKHENTHUONG.Click
    Dim NXBTKcon As New FormNXBTACGIAKHENTHUONG
    NXBTKcon.ShowDialog()
End Sub
```

● Thủ tục của mục MenuNXBTACGIAVIPHAM

```
Private Sub MenuNXBTACGIAVIPHAM_Click(ByVal sender As Object, ByVal
        e As System.EventArgs) Handles MenuNXBTACGIAVIPHAM.Click
    Dim NXBTVcon As New FormNXBTACGIAVIPHAM
    NXBTVcon.ShowDialog()
End Sub
```

● Thủ tục của mục MenuThoat

```
Private Sub MenuThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles MenuThoat.Click
  End
End Sub
```

☛ Viết code cho FormSACH

Bạn vào cửa sổ Solution Explorer, click chọn FormSACH.vb, click nút View Code phía trên trong cửa sổ này.

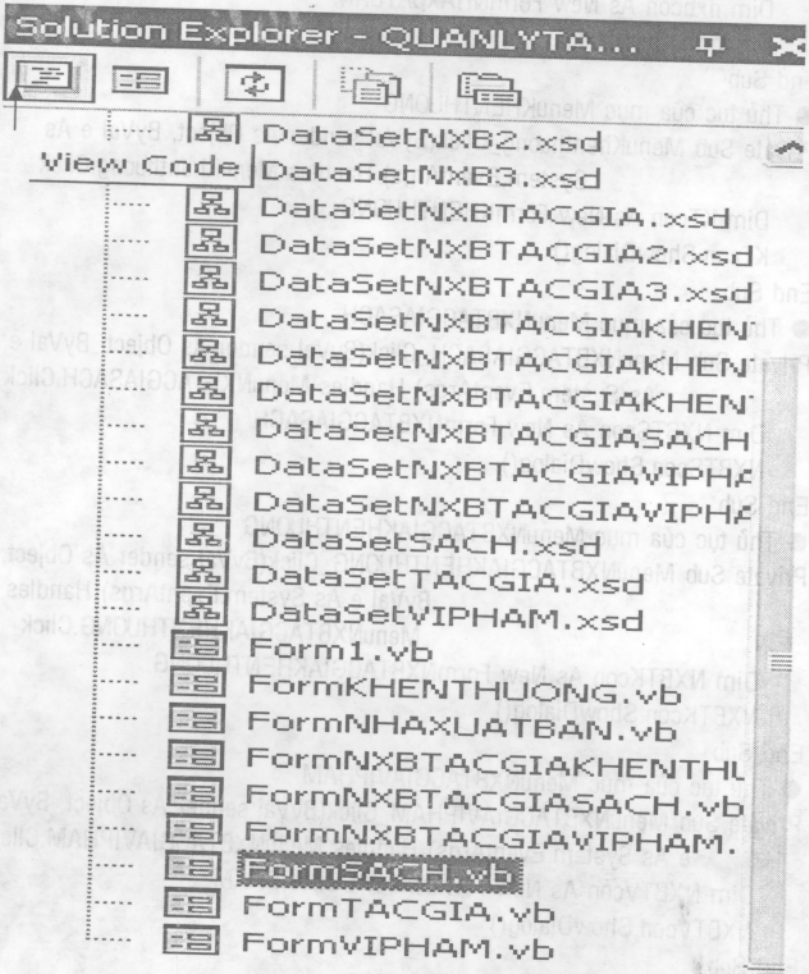

B5H135

● Viết code cho ButtonXem

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonXem bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As System.Object, ByVal e As
```

```
                                System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click
    DataSetSACH1.Clear()
    OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetSACH1)
End Sub
```

Hai câu lệnh này bạn đã biết.

● Viết code cho ButtonTruoc

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonTruoc bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonTruoc_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                              System.EventArgs) Handles ButtonTruoc.Click
    Me.BindingContext(DataSetSACH1, "SACH").Position -= 1
End Sub
```

Giải thích:

Phát biểu này sẽ dời con trỏ dữ liệu về vị trí trước đó bằng cách trừ vị trí hiện tại của Position. Bạn không cần phải lo việc Position bị trừ vượt đi giá trị <0. ADO.NET sẽ kiểm tra phép trừ này và nếu Position đã bằng 0 thì nó sẽ không thay đổi giá trị.

● Viết code cho ButtonSau

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonSau bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonSau_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                            System.EventArgs) Handles ButtonSau.Click
    Me.BindingContext(DataSetSACH1,"SACH").Position += 1
End Sub
```

Giải thích:

Di chuyển con trỏ tới trước một Record bằng cách lấy giá trị Position hiện hành cộng thêm 1.

● Viết code cho ButtonDautien

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonDautien bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub Buttondautien_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                            System.EventArgs) Handles Buttondautien.Click
    Me.BindingContext(DataSetSACH1, "SACH").Position = 0
End Sub
```

Giải thích:

Sử dụng đối tượng BindingContext của Form hiển thị mẫu tin đầu tiên trong DatasetSACH1 của bảng SACH, phát biểu gán vị trí 0 cho thuộc tính Position, nó sẽ khiến cho con trỏ hiện hành của dữ liệu di chuyển đến vị trí đầu tiên. Từ khóa Me dùng để chỉ Form hiện hành.

- Viết code cho ButtonCuoicung

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonCuoicung bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonCuoicung_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles ButtonCuoicung.Click
    Me.BindingContext(DataSetSACH1, "SACH").Position =
    Me.BindingContext(DataSetSACH1, "SACH").Count - 1
End Sub
```

Giải thích:

Dòng lệnh trên viết trên một dòng, Sử dụng thuộc tính Count từ tập dữ liệu do đối tượng BindingContext trả về để đếm tổng số Record hiện có. Giá trị này được trừ cho 1 vì Record được đếm số thứ tự từ 0. Cuối cùng với giá trị này, ta gán cho thuộc tính Position sẽ khiến con trỏ trong bảng dữ liệu di chuyển xuống dưới cùng của tập dữ liệu.

- Viết code cho ButtonThoat

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonThoat bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click
    Me.Close()
End Sub
```

☛ Viết code cho FormTACGIA

Tương tự như trong FormSACH, bạn viết code cho các Button như sau:

- Viết code cho ButtonXem

```
DataSetTACGIA1.Clear()
OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetTACGIA1)
```

- Viết code cho ButtonTruoc

```
Me.BindingContext(DataSetTACGIA1, "TACGIA").Position -= 1
```

- Viết code cho ButtonSau

```
Me.BindingContext(DataSetTACGIA1,"TACGIA").Position += 1
```

- Viết code cho ButtonDautien

```
Me.BindingContext(DataSetTACGIA1, "TACGIA").Position = 0
```

- Viết code cho ButtonCuoicung

```
Me.BindingContext(DataSetTACGIA1, "TACGIA").Position =
Me.BindingContext(DataSetTACGIA1, "TACGIA").Count - 1
```

Dòng lệnh trên được viết trên một dòng.

- Viết code cho ButtonThoat

```
Me.Close()
```

☛ Viết code cho FormNHAXUATBAN

Tương tự như trong các Form trên, bạn viết code cho các Button như sau:

- Viết code cho ButtonXem

```
DataSetNHAXUATBAN1.Clear()
OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetNHAXUATBAN1)
```

- Viết code cho ButtonTruoc

```
Me.BindingContext(DataSetNHAXUATBAN1, "NHAXUATBAN").Position -= 1
```

- Viết code cho ButtonSau

```
Me.BindingContext(DataSetNHAXUATBAN1,"NHAXUATBAN").Position += 1
```

- Viết code cho ButtonDautien

```
Me.BindingContext(DataSetNHAXUATBAN1, "NHAXUATBAN").Position = 0
```

- Viết code cho ButtonCuoicung

```
Me.BindingContext(DataSetNHAXUATBAN1, "NHAXUATBAN").Position =
Me.BindingContext(DataSetNHAXUATBAN1, "NHAXUATBAN").Count - 1
```

Dòng lệnh trên được viết trên một dòng.

- Viết code cho ButtonThoat

```
Me.Close()
```

☛ Viết code cho FormKHENTHUONG

Tương tự như trong các Form trên, bạn viết code cho các Button như sau:

- Viết code cho ButtonXem

```
DataSetKHENTHUONG1.Clear()
OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetKHENTHUONG1)
```

- Viết code cho ButtonTruoc

```
Me.BindingContext(DataSetKHENTHUONG1, "KHENTHUONG").Position -= 1
```

- Viết code cho ButtonSau

```
Me.BindingContext(DataSetKHENTHUONG1,"KHENTHUONG").Position += 1
```

- Viết code cho ButtonDautien

```
Me.BindingContext(DataSetKHENTHUONG1, "KHENTHUONG").Position = 0
```

- Viết code cho ButtonCuoicung

```
Me.BindingContext(DataSetKHENTHUONG1, "KHENTHUONG").Position =
Me.BindingContext(DataSetKHENTHUONG1, "KHENTHUONG").Count - 1
```

Dòng lệnh trên được viết trên một dòng.

- Viết code cho ButtonThoat

```
Me.Close()
```

☛ Viết code cho FormVIPHAM

Tương tự như trong các Form trên, bạn viết code cho các Button như sau:

- Viết code cho ButtonXem

```
DataSetVIPHAM1.Clear()
OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetVIPHAM1)
```

- Viết code cho ButtonTruoc

```
Me.BindingContext(DataSetVIPHAM1, "VIPHAM").Position -= 1
```

- Viết code cho ButtonSau

```
Me.BindingContext(DataSetVIPHAM1,"VIPHAM").Position += 1
```

- Viết code cho ButtonDautien

```
Me.BindingContext(DataSetVIPHAM1, "VIPHAM").Position = 0
```

- Viết code cho ButtonCuoicung

```
Me.BindingContext(DataSetVIPHAM1, "VIPHAM").Position =
Me.BindingContext(DataSetVIPHAM1, "VIPHAM").Count - 1
```

Dòng lệnh trên được viết trên một dòng.

- Viết code cho ButtonThoat

```
Me.Close()
```

☛ Viết code cho FormNXBTACGIASACH

- Viết code cho ButtonXem

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonXem bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                            System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click
    DataSetNXB1.Clear()
    DataSetNXBTACGIA1.Clear()
    DataSetNXBTACGIASACH1.Clear()
```

```
        OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetNXB1)
        OleDbDataAdapter2.Fill(DataSetNXBTACGIA1)
        OleDbDataAdapter3.Fill(DataSetNXBTACGIASACH1)
    End Sub
```

Giải thích:

Các câu lệnh trên bạn đã biết, ở đây có ba Dataset và ba OleDbDataAdapter nên chúng tôi dùng sáu câu lệnh như trên.

● Viết code cho ButtonCapnhat

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonCapnhat bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                                System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click
    Try
        OleDbDataAdapter1.Update(DataSetNXB1)
        OleDbDataAdapter2.Update(DataSetNXBTACGIA1)
        OleDbDataAdapter3.Update(DataSetNXBTACGIASACH1)
    Catch ex As Exception
        MsgBox(ex, ToString)
    End Try
End Sub
```

● Viết code cho ButtonThoat

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonCapnhat bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                              System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click
    Me.Close()
End Sub
```

☛ Viết code cho FormNXBTACGIAKHENTHUONG

● Viết code cho ButtonXem

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonXem bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                            System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click
    DataSetNXB21.Clear()
```

```
        DataSetNXBTACGIA21.Clear()
        DataSetNXBTACGIAKHENTHUONG21.Clear()
        OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetNXB21)
        OleDbDataAdapter2.Fill(DataSetNXBTACGIA21)
        OleDbDataAdapter3.Fill(DataSetNXBTACGIAKHENTHUONG21)
    End Sub
```

Giải thích:

Các câu lệnh trên bạn đã biết, ở đây có ba Dataset và ba OleDbDataAdapter nên chúng tôi dùng sáu câu lệnh như trên.

● Viết code cho ButtonCapnhat

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonCapnhat bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                                System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click
    Try
        OleDbDataAdapter1.Update(DataSetNXB21)
        OleDbDataAdapter2.Update(DataSetNXBTACGIA21)
        OleDbDataAdapter3.Update(DataSetNXBTACGIAKHENTHUONG21)
    Catch ex As Exception
        MsgBox(ex, ToString)
    End Try
End Sub
```

● Viết code cho ButtonThoat

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonCapnhat bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                              System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click
    Me.Close()
End Sub
```

☛ Viết code cho FormNXBTACGIAVIPHAM

● Viết code cho ButtonXem

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonXem bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
```

```
                                System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click
    DataSetNXB31.Clear()
    DataSetNXBTACGIA31.Clear()
    DataSetNXBTACGIAVIPHAM31.Clear()
    OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetNXB31)
    OleDbDataAdapter2.Fill(DataSetNXBTACGIA31)
    OleDbDataAdapter3.Fill(DataSetNXBTACGIAVIPHAM31)
End Sub
```

Giải thích:

Các câu lệnh trên bạn đã biết, ở đây có ba Dataset và ba OleDbDataAdapter nên chúng tôi dùng sáu câu lệnh như trên.

● Viết code cho ButtonCapnhat

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonCapnhat bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                                System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click
    Try
        OleDbDataAdapter1.Update(DataSetNXB31)
        OleDbDataAdapter2.Update(DataSetNXBTACGIA31)
        OleDbDataAdapter3.Update(DataSetNXBTACGIAVIPHAM31)
    Catch ex As Exception
        MsgBox(ex, ToString)
    End Try
End Sub
```

● Viết code cho ButtonThoat

Trong cửa sổ viết code, click chọn ButtonCapnhat bên khung bên trái, sự kiện Click bên khung bên phải, thủ tục hiện ra với câu lệnh đầu và cuối, bạn viết hai câu lệnh vào giữa cặp lệnh này.

```
Private Sub ButtonThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                              System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click
    Me.Close()
End Sub
```

③ Chạy thử chương trình

Nhấn phím F5 chạy thử chương trình, bạn có hình như sau:



B5H136

◙ Click mục có tên TUNGBANG, chọn mục con SACH, click nút có tiêu đề "Xem", bạn có hình như sau:

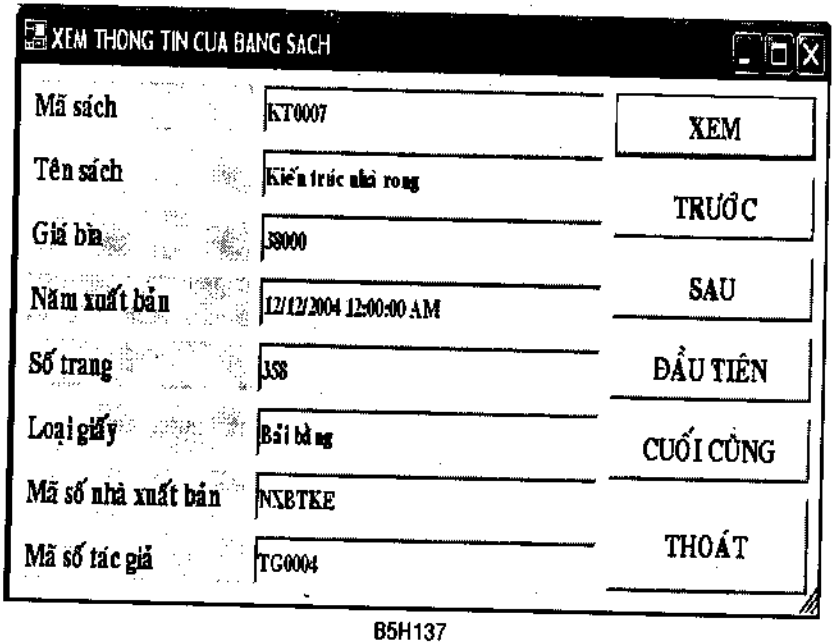

B5H137

Giả sử bạn click nút có tiêu đề "Sau", bạn sẽ có kết quả như sau:

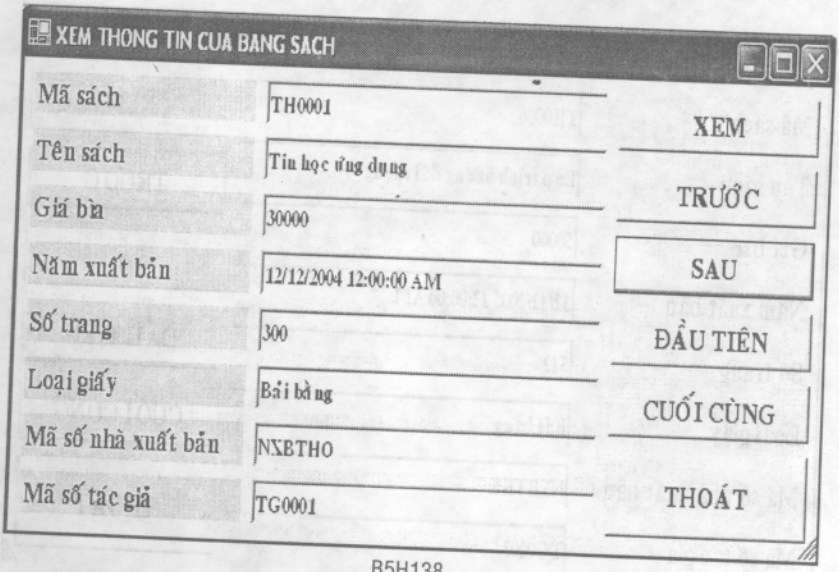

B5H138

Giả sử bạn click nút có tiêu đề "Cuối cùng", bạn sẽ có kết quả như sau:



B5H139

Giả sử bạn click nút có tiêu đề "Trước", bạn sẽ có kết quả như sau:

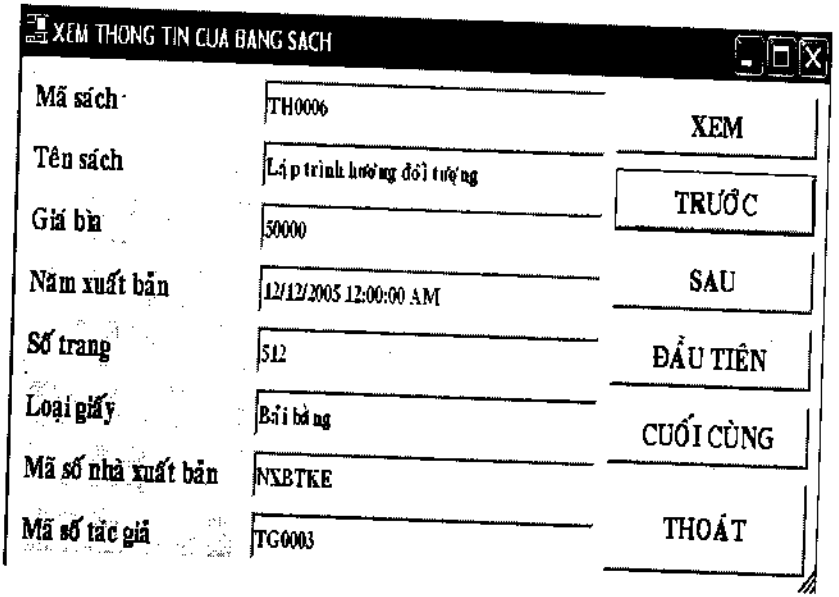

B5H140

Giả sử bạn click nút có tiêu đề "Đầu tiên", bạn sẽ có kết quả như sau:

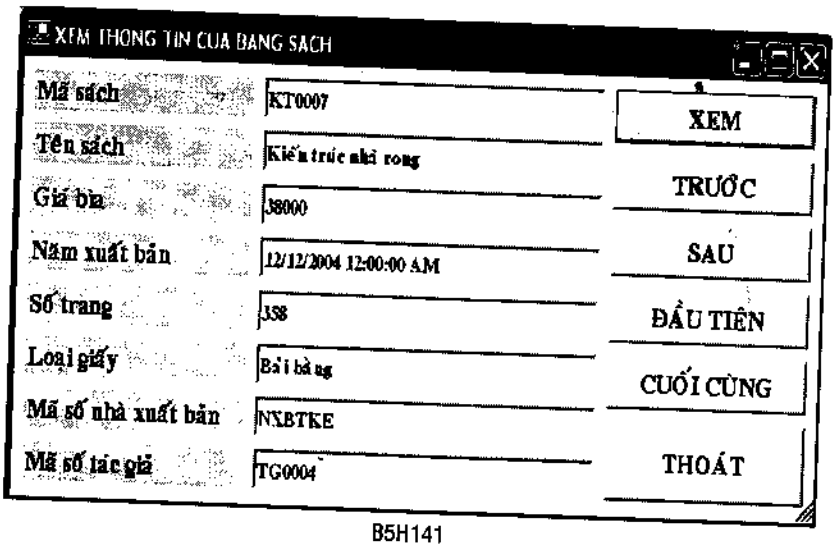

B5H141

▣ Giả sử bây giờ bạn thêm vào FormSACH một Button để tìm thông tin gì đó qua câu lệnh SQL

BẢNG CÁC THUỘC TÍNH CỦA ĐIỀU KHIỂN BUTTON TRONG FORMSACH MỚI THÊM VÀO

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Buuton	Name BackColor Text	ButtonTim Màu xanh CLICK VÀO NÚT NÀY ĐỂ TÌM KIẾM THÔNG TIN

Sau khi thêm vào, bạn sẽ có hình như sau:

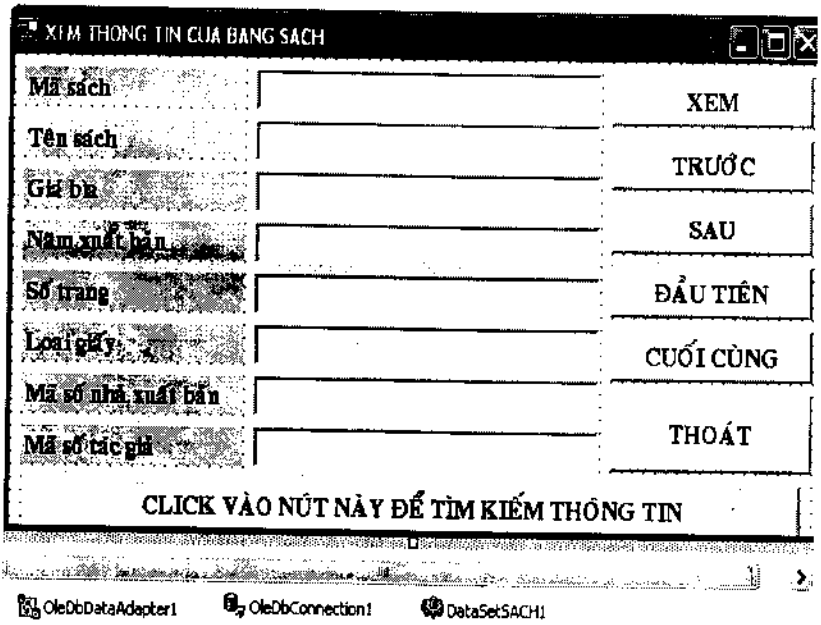

B5H142

▣ Nhấp đúp vào Buuton mới thêm vào, viết code như sau:

```
Private Sub ButtonTim_Click(ByVal sender As System.Object, ByVal e As
                            System.EventArgs) Handles ButtonTim.Click
    Dim Bien As String
```

```
    Bien = InputBox("BAN NHAP CAU LENH SQL DE TIM KIEM THONG
                    TIN CAN XEM")
    DataSetSACH1.Clear()
    OleDbDataAdapter1.SelectCommand.CommandText = Bien
    OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetSACH1)
End Sub
```

- Khai báo Bien có kiểu String
- Gán Bien cho thông tin nhập trong hộp thoại InputBox
- Gán cho thuộc tính CommandText trong SelectCommand của đối tượng OleDbDataAdapter1 giá trị của Bien
- Nhấn phím F5 chạy thử chương trình, click vào button có tiêu đề "CLICK VÀO NÚT NÀY ĐỂ TÌM KIẾM THÔNG TIN", bạn thấy hộp thoại InputBox hiện ra như sau:

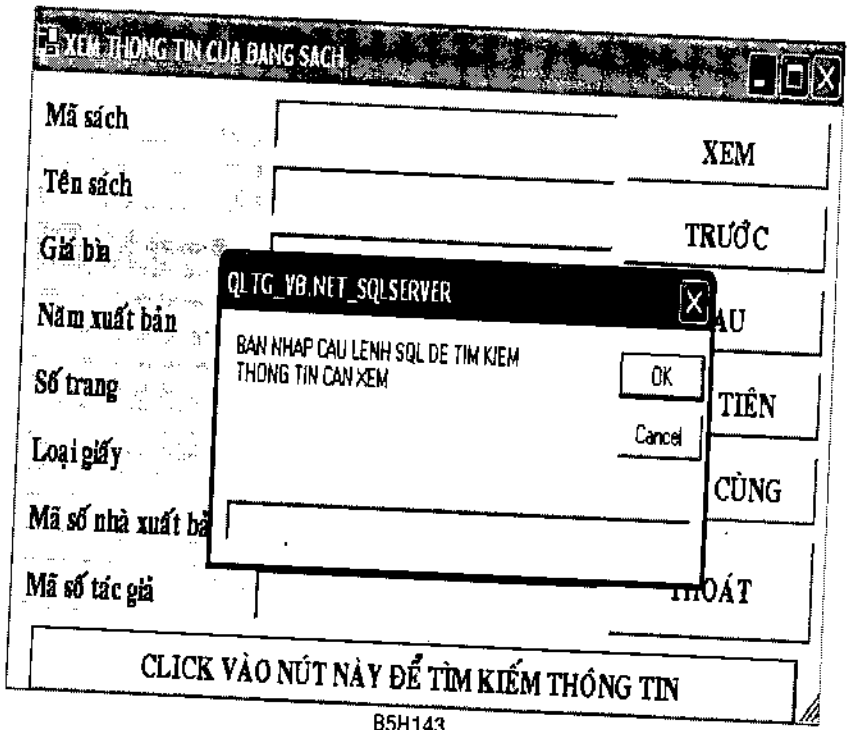

B5H143

- Giả sử các bạn cần tìm mã sách là TH0003

SELECT * FROM Sach WHERE Masach='TH0003'

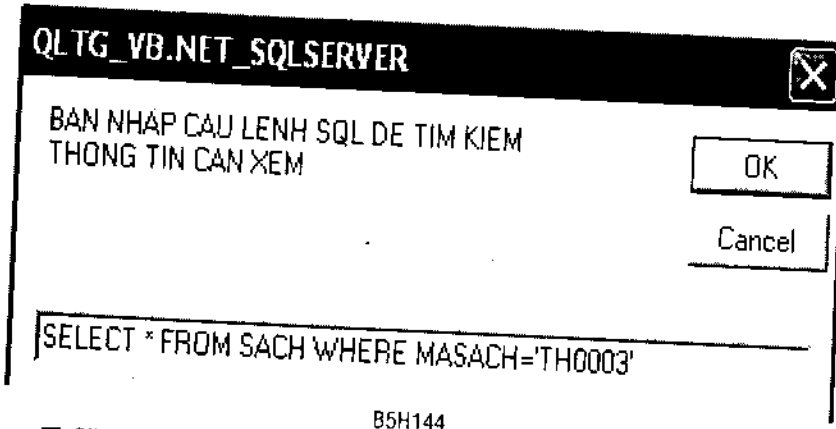

B5H144

Click nút OK, bạn sẽ thấy kết quả như hình sau:

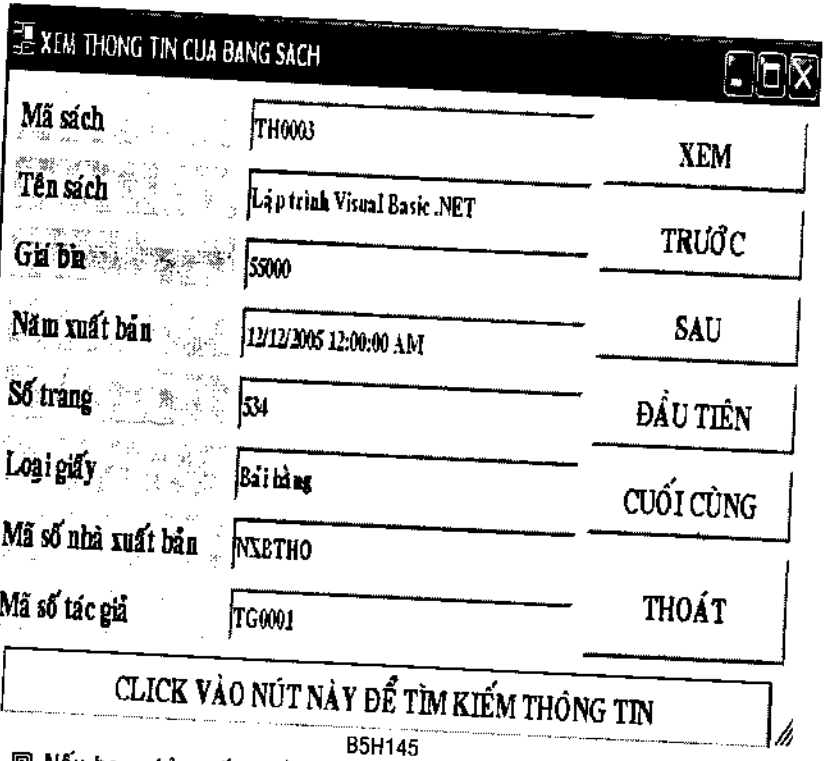

B5H145

Nếu bạn chỉ muốn xem thông tin của nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố, bạn nhập câu lệnh sau trong hộp thoại InputBox

SELECT * FROM SACH WHERE SMSNXB='NXBTHO'

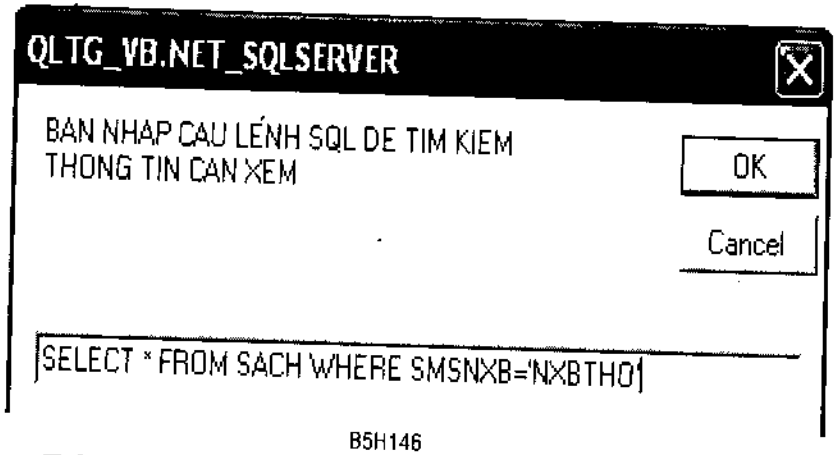

B5H146

Click nút OK, bạn sẽ có hình như sau:

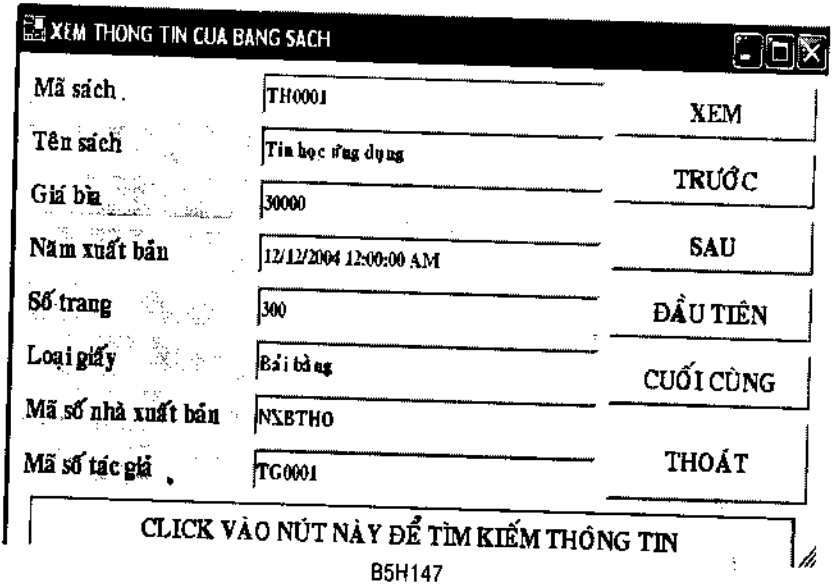

B5H147

Bây giờ nếu bạn click vào nút, "Sau", "Đầu tiên" hay "Cuối cùng" bạn thấy chỉ xuất hiện những mẫu tin có nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố (NXBTHO)

Ghi chú:

Chúng tôi chỉ thực hiện thử trên một Form, các Form khác nếu muốn có chức năng tìm kiếm này, các bạn tự thêm vào.

Click nút "Thoát" để trở về Form cha. Giả sử click mục TUNGBANG, chọn mục con "TACGIA", click nút "Xem" trên Form này, bạn thấy hình như sau:

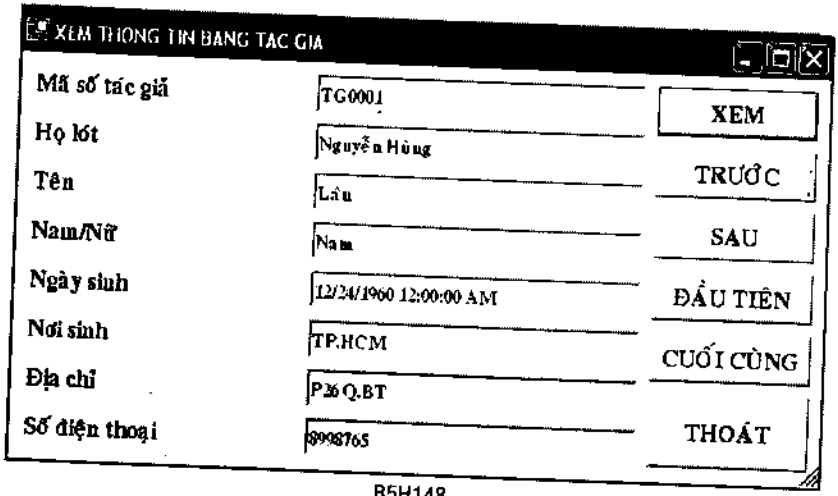

B5H148

Click nút "Thoát" để trở về Form cha. Giả sử click mục TUNGBANG, chọn mục con "NHAXUATBAN", click nút "Xem" trên Form này, bạn thấy hình như sau:

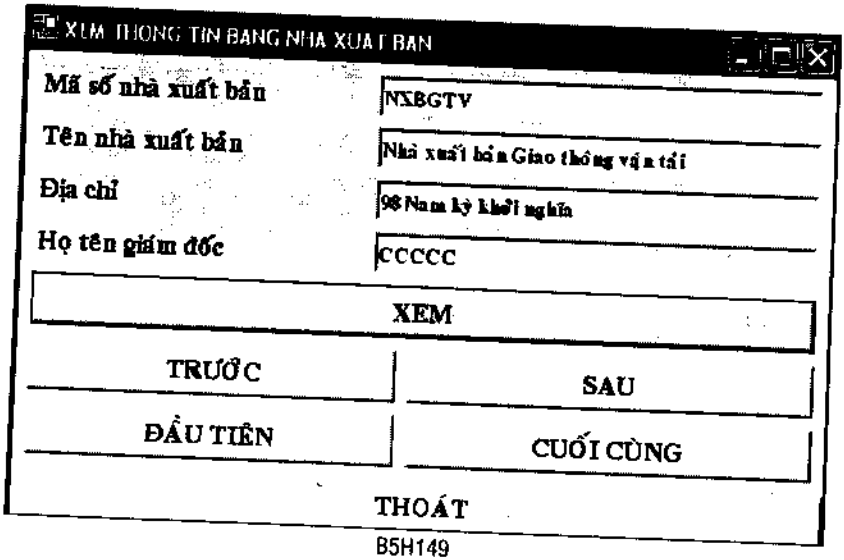

B5H149

Click nút "Thoát" để trở về Form cha. Giả sử click mục TUNGBANG, chọn mục con "VIPHAM", click nút "Xem" trên Form này, bạn thấy hình như sau:

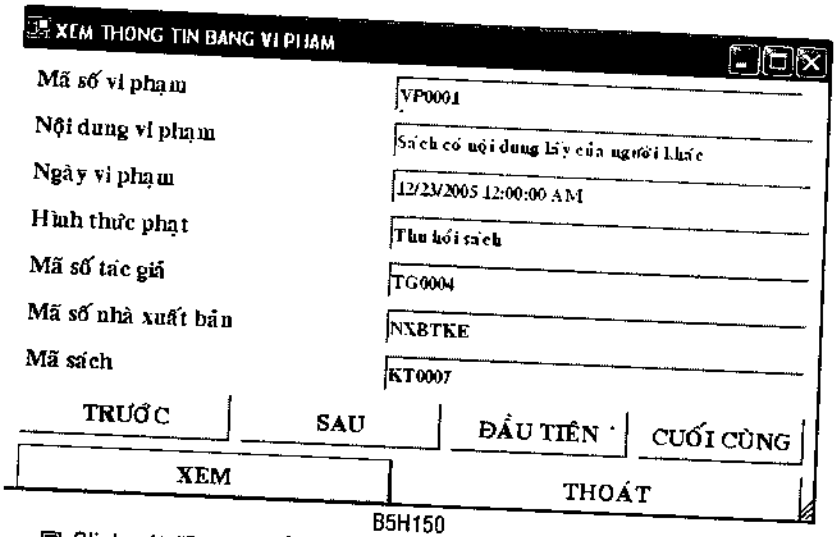

B5H150

Click nút "Thoát" để trở về Form cha. Giả sử click mục TUNGBANG, chọn mục con "KHENTHUONG", click nút "Xem" trên Form này, bạn thấy hình như sau:

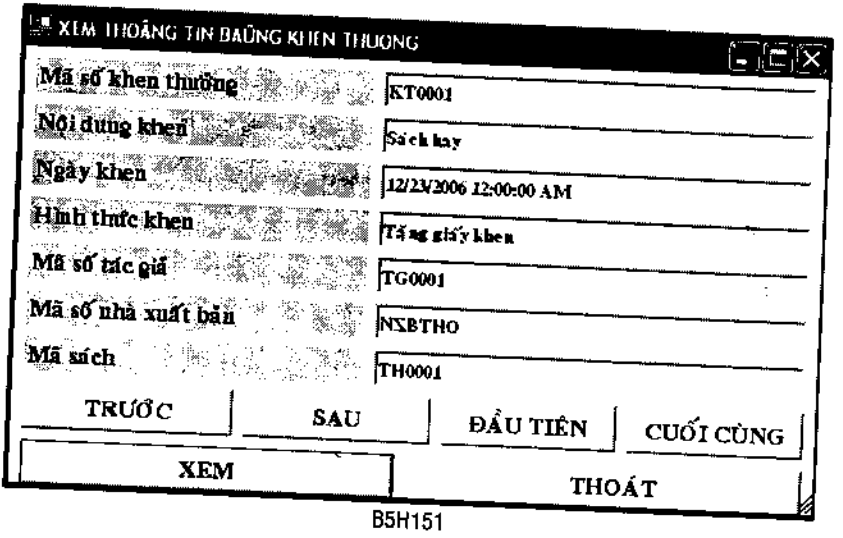

B5H151

Click nút "Thoát" để trở về Form cha. Giả sử click mục NXBTACGIASACH. Click nút "XEM THÔNG TIN" trên Form này, bạn thấy hình như sau:

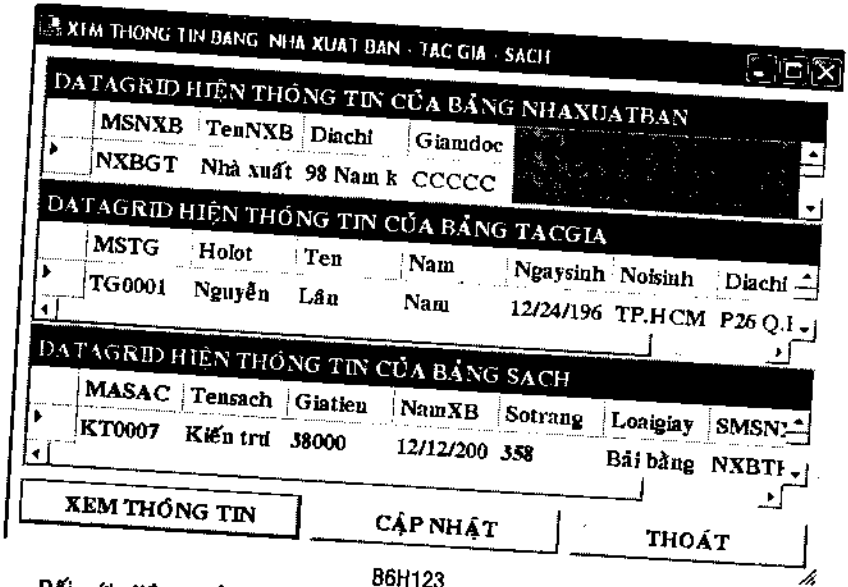

B6H123

Đối với điều khiển lưới chứa thông tin của bảng NHAXUATBAN, vì các vùng đều thấy trên điều khiển, nên không có thanh trượt ngang, chỉ có thanh trượt dọc, còn hai điều khiển lưới bên dưới thì có đủ.

Bạn có thể di chuyển con trượt trong từng điều khiển lưới để xem thông tin, có thể sửa, nhưng phải sửa đúng, khi thực hiện xong có thể click nút cập nhật.

Trong Form này vì không đủ chỗ thể hiện để giới thiệu cho các bạn, chúng tôi dùng nút CẬP NHẬT chung cho cả ba điều khiển (dùng 3 câu lệnh trong thủ tục). Các bạn có thể tạo nút cập nhật cho từng điều khiển lưới (dùng 1 câu lệnh).

Muốn tìm thông tin gì, thuộc bảng nào, bạn click nút phải chuột trên đối tượng OleDbDataAdapter tương ứng trên khay công cụ, vào SelectCommand, trong thuộc tính CommandText viết câu lệnh SQL với mệnh đề WHERE có điều kiện cần tìm. Bạn có thể thực hiện các câu lệnh SQL trên cả ba đối tượng OleDbDataAdapter để tìm các dữ liệu có liên quan với nhau trong ba bảng. Hoặc các bạn có thể thêm vào một nút tìm kiếm như trong FormSACH ở trên.

Giả sử trong hình trên, bạn sửa lại tên giám đốc của Nhà xuất bản Giao thông vận tải là WWW. Click nút "CẬP NHẬT" bạn sẽ thấy thông tin trong bảng NHAXUATBAN của CSDL cũng thay đổi theo

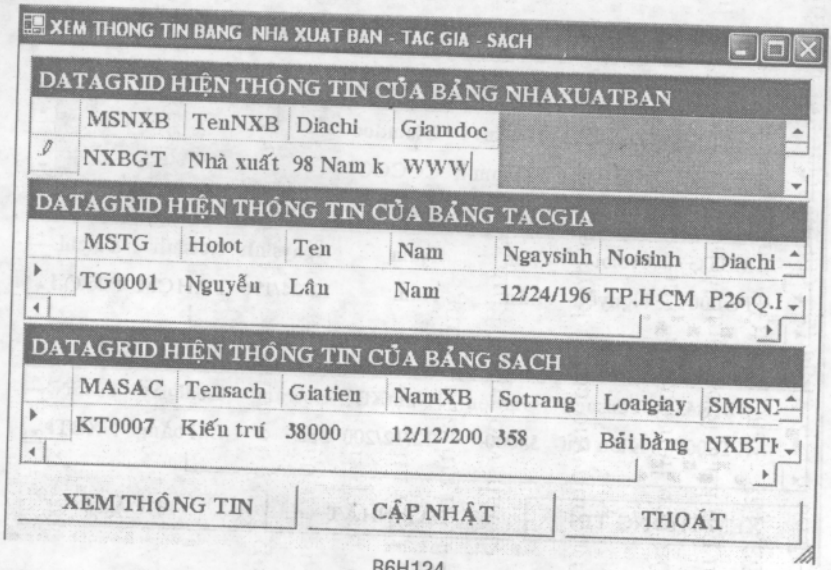

B6H124

Mở CSDL QUANLYTACGIA, mở bảng NHAXUATBAN, bạn thấy như hình sau:

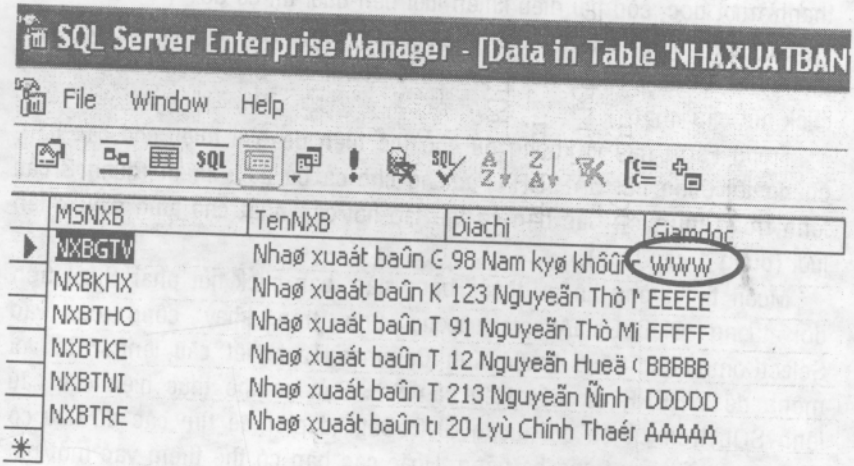

B6H125

▣ Click nút "THOÁT" để trở về Form cha. Giả sử click mục NXBTACGIAKHENTHUONG. Click nút "XEM THÔNG TIN" trên Form này, bạn thấy hình như sau:

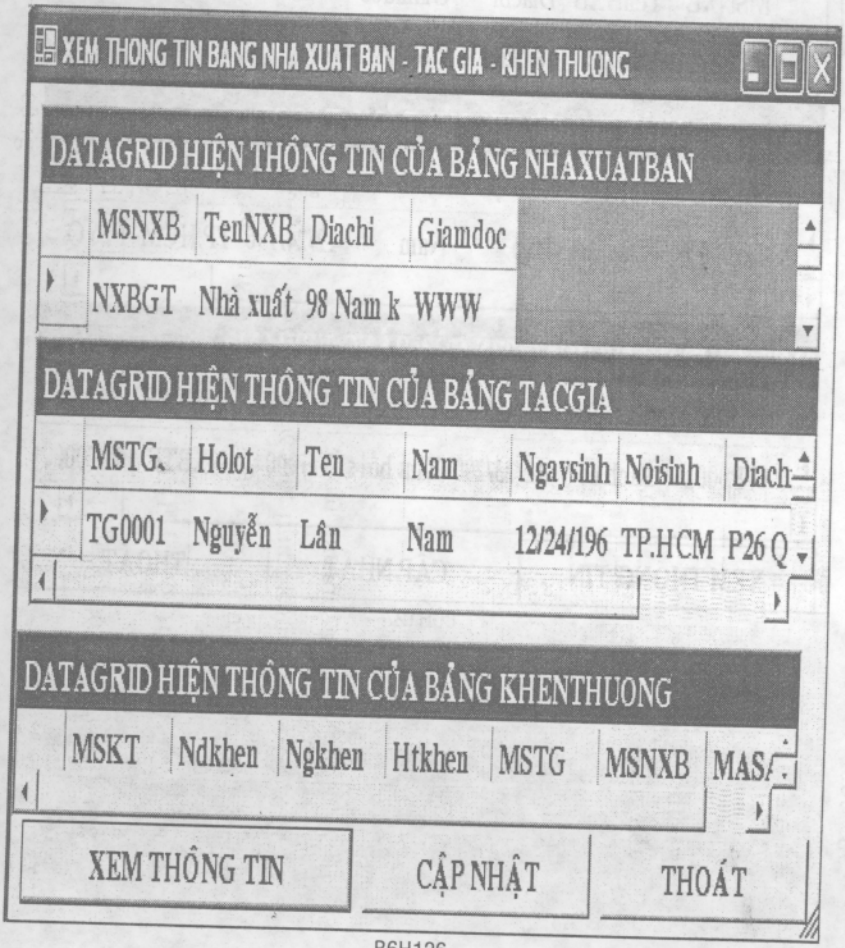

B6H126

Bạn thử thực hiện một số thao tác trên Form này trước khi qua Form cuối cùng, đó là FormNXBTACGIAVIPHAM

▣ Click nút "THOÁT" để trở về Form cha. Giả sử click mục NXBTACGIAVIPHAM. Click nữt "XEM THÔNG TIN" trên Form này, bạn thấy hình như sau:

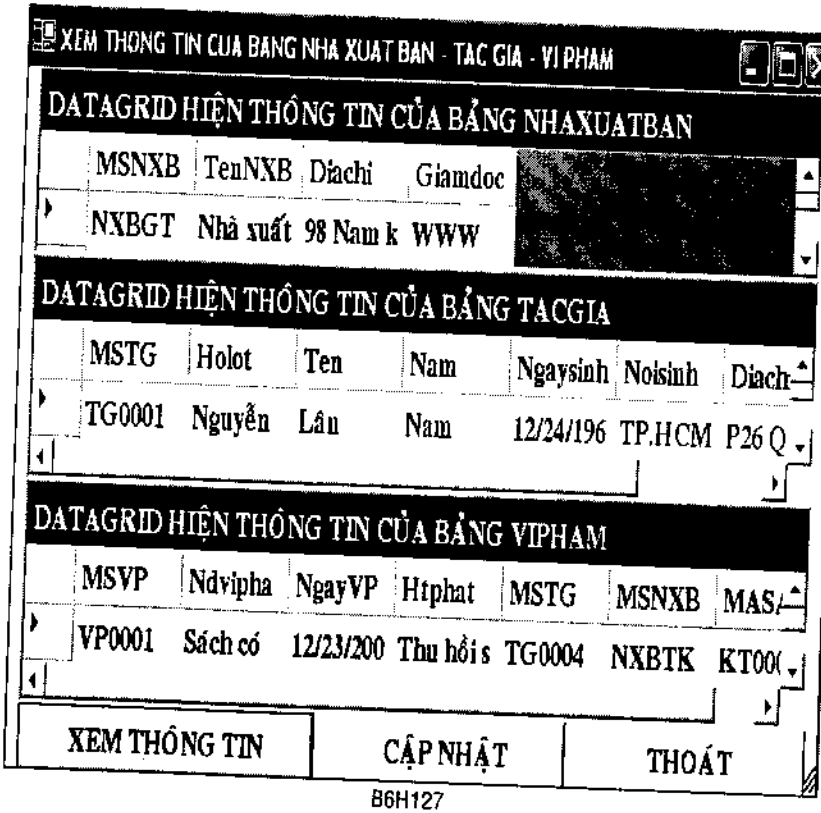
XEM THONG TIN CUA BANG NHA XUAT BAN - TAC GIA - VI PHAM
DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG NHAXUATBAN
MSNXB TenNXB Diachi Giamdoc
NXBGT Nhà xuất 98 Nam k WWW
DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG TACGIA
MSTG Holot Ten Nam Ngaysinh Noisinh Diach
TG0001 Nguyễn Lâu Nam 12/24/196 TP.HCM P26 Q
DATAGRID HIỆN THÔNG TIN CỦA BẢNG VIPHAM
MSVP Ndvipha NgayVP Htphat MSTG MSNXB MAS
VP0001 Sách có 12/23/200 Thu hồi s TG0004 NXBTK KT00
XEM THÔNG TIN
CẬP NHẬT
THOÁT

B6H127

Bài 6

Chương trình
QUẢN LÝ NHÂN VIÊN VÀ KHÁCH HÀNG

▣ Trước hết các bạn phải tạo một cơ sở dữ liệu trong đó gồm một số bảng, thực hiện các mối liên hệ giữa chúng, sau đó mới vào Visual Basic.NET để thiết kế và viết code cho chương trình.

▣ Bạn vào **SQL Server 2000** để tạo một cơ sở dữ liệu có tên **QUANLYKHACHHANG**

◈ Vào menu Start, di chuyển vệt sáng đến Programs, đến Microsoft Server 2000, click chọn EnterPrise Manager

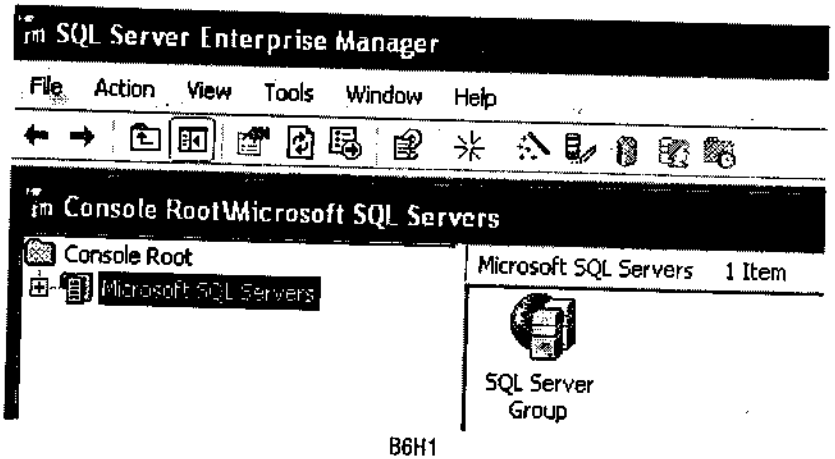

B6H1

◈ Click dấu cộng (+) trước Microsoft SQL Server, click chọn Tên COMPUTER\DAUQUANGTUAN, bạn thấy hình như sau:

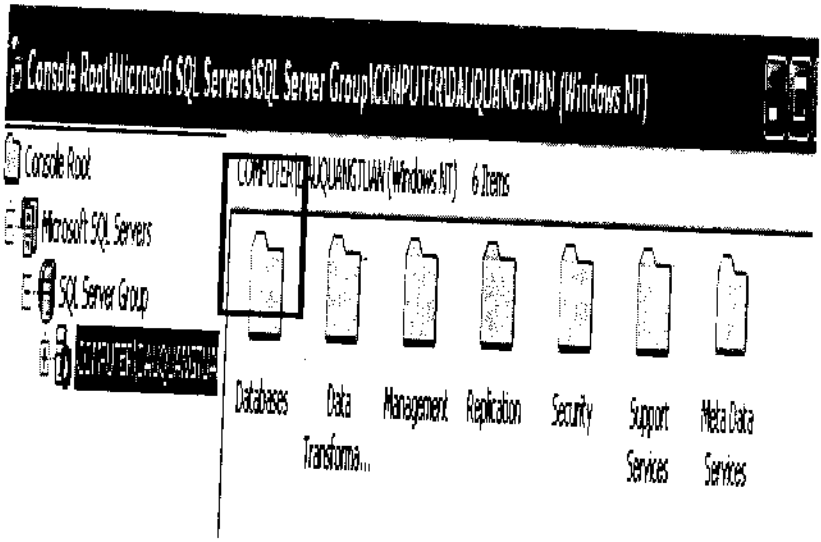

B6H2

◈ Click nút phải chuột tại Databases

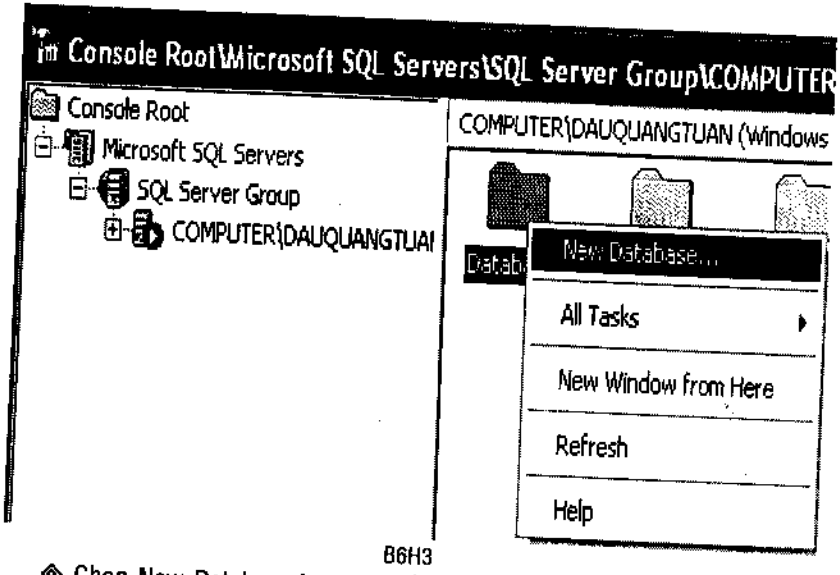

B6H3

◈ Chọn New Database bạn sẽ thấy hình như sau:

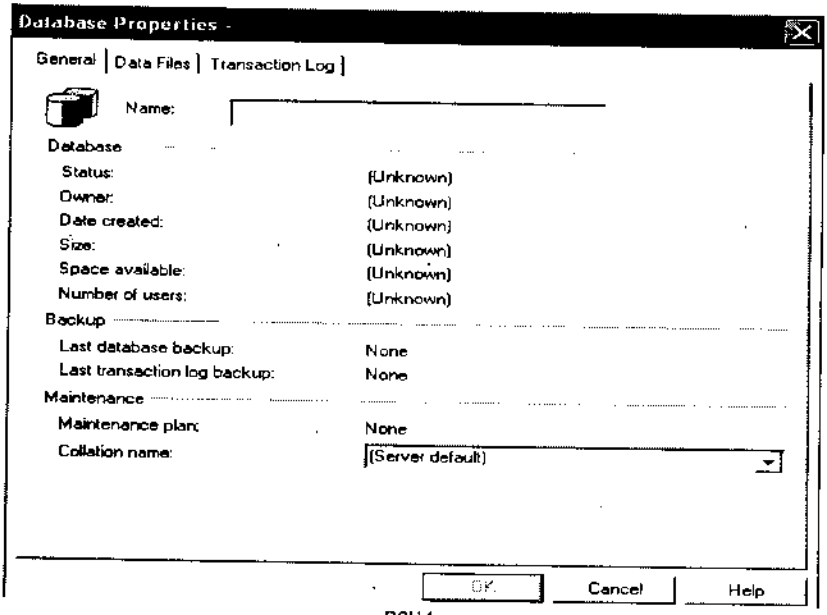

B6H4

◈ **Nhập tên QUANLYKHACHHANG trong khung Name như hình sau:**

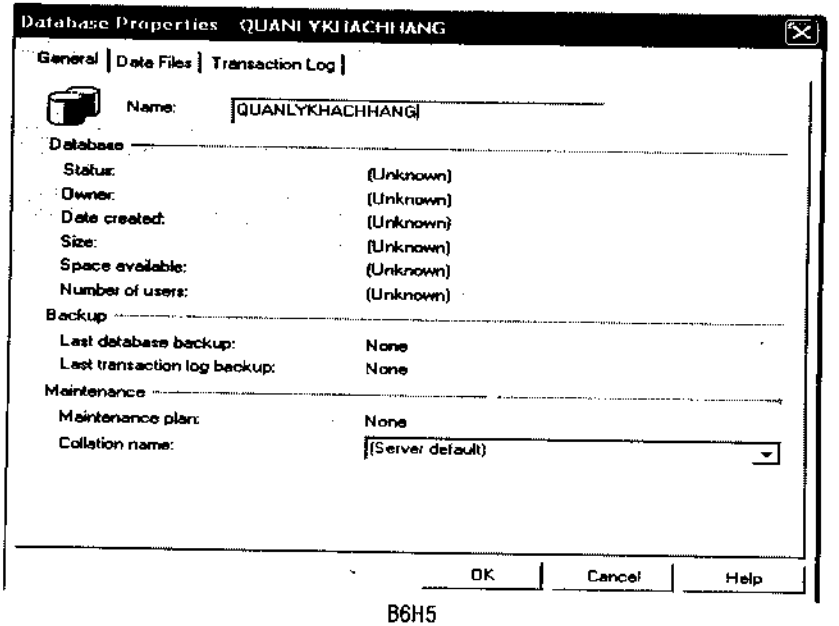

B6H5

◈ Click OK bạn thấy hình như sau:

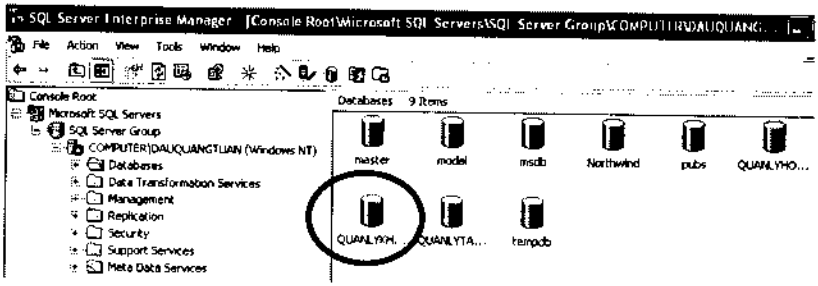

B6H6

Bạn thấy có CSDL QUANLYKHACHHANG như hình trên.

◙ Sau đó lần lượt tạo các bảng với nội dung như sau:

Cấu trúc của bảng NHANVIEN

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
MSNV	Char	6	
Holot	Varchar	30	
Ten	Char	7	
Phai	Char	3	✓
Ngaysinh	Datetime	8	✓
Noisinh	Varchar	40	✓
Diachi	Varchar	40	✓
DT	Varchar	15	✓
SOHD_VIET	Int	4	

Cấu trúc của bảng KHACHHANG

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
MAKH	Char	6	
TenKH	Varchar	40	
Phai	Char	3	✓
Diachi	Varchar	40	
DT	Varchar	15	✓

Cấu trúc của bảng MATHANG

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
MAMH	Char	6	
TenMH	Varchar	50	
SLCON	Int	4	
Dongia	Real	4	
Donvitinh	Varchar	25	

Cấu trúc của bảng HOADON

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
MSHD	Char	6	
NGHOADON	Datetime	8	
Tongtien	Money	8	
MSNV	Char	6	
MAKH	Char	6	

Cấu trúc của bảng CHITIET

Column Name	Data type	Length	Allow Nulls
MSHD	Char	6	
MAMH	Char	6	
Soluong	Int	4	
Thanhtien	Money	8	

⊡ Xét hai bảng NHANVIEN và HOADON

☞ **Một nhân viên có thể không viết hoặc viết nhiều hóa đơn.**

☞ **Một hóa đơn nào đó thì chỉ thuộc một nhân viên nào đó viết mà thôi.**

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:

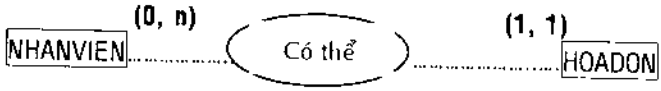

Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là n–1 từ HOADON qua NHANVIEN.

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table HOADON, đó là field MSNV.

⊡ Xét hai bảng KHACHHANG và HOADON

☞ **Một khách hàng có thể có một hoặc nhiều hóa đơn.**

☞ **Một hóa đơn nào đó thì chỉ thuộc một khách hàng nào đó thôi.**

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:

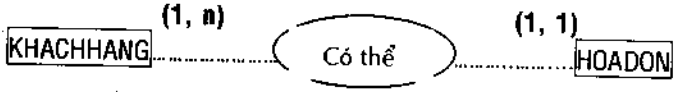

Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là n–1 từ HOADON qua KHACHHANG.

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table HOADON, đó là field MAKH.

⊡ Xét hai bảng HOADON và CHITIET

☞ **Một hóa đơn thì có thể có một hoặc nhiều chi tiết.**

☞ **Một chi tiết nào đó thì chỉ thuộc một hóa đơn nào đó mà thôi.**

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:

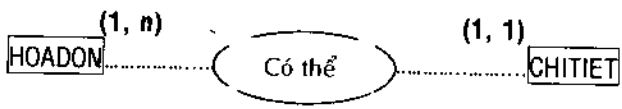

Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là *n*–1 từ CHITIET qua HOADON .

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table CHITIET, đó là field MAHD và đây cũng là một thành phần khóa chính của bảng CHITIET.

⊡ Xét hai bảng MATHANG và CHITIET

☞ **Một mặt hàng có thể có một hoặc nhiều chi tiết.**

☞ **Một chi tiết nào đó thì chỉ thuộc một mặt hàng nào đó mà thôi.**

Bạn sẽ thấy có mối liên hệ giữa hai Table như sau:

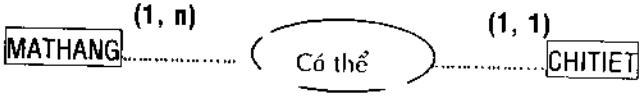

Vậy giữa hai table trên sẽ có một mối liên kết. Liên kết là *n*–1 từ CHITIET qua MATHANG.

Khi có mối liên hệ một nhiều giữa hai table thì bạn nhớ là khoá ngoại sẽ nằm trong table có giá trị là (0, 1) hoặc (1, 1).

Trong hai Table trên, bạn thấy khoá ngoại sẽ nằm trong table CHITIET, đó là field MAMH và đây cũng là một thành phần khóa chính của bảng CHITIET.

Đến đây bạn có thể bắt tay vào tạo bảng dữ liệu, bạn thực hiện như sau:

▣ Vào menu Start, di chuyển vệt sáng đến Programs, di chuyển vệt sáng đến Microsoft SQL Server 2000, click chọn Enterprise Manager.

▣ Trong cửa sổ hiện ra, nhìn phía bên trái, bạn click dấu "+" lần lượt trước các mục có dấu "-" như hình bên (các mục có dấu "-" khi chưa click sẽ là dấu "+") cho đến khi thấy tên cơ sở dữ liệu QUANLYKHACHHANG mà bạn đã tạo ở trên.

▣ Click chọn tên SCDL QUANLYKHACHHANG, bạn thấy thông tin có sẵn như hình sau:

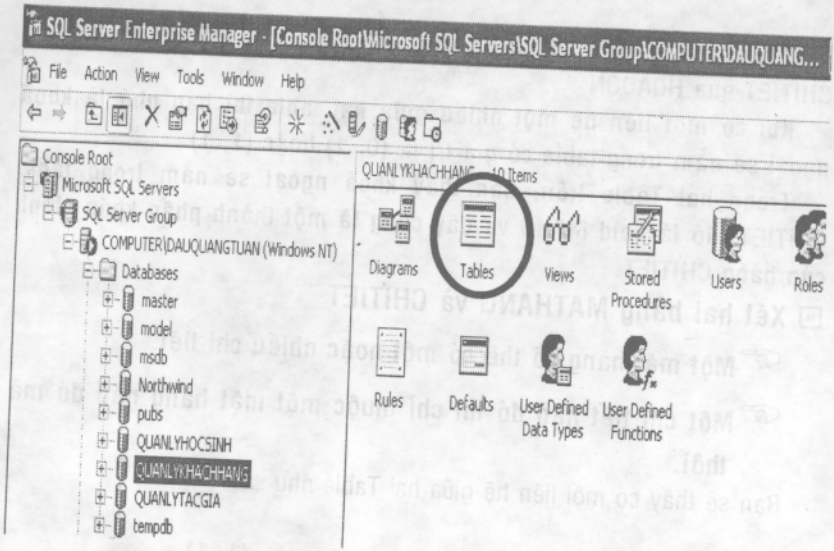

B6H7

▣ Trong các đối tượng có bên trong CSDL QUANLYKHACHANG, có Tables. Click nút phải chuột trên đối tượng này

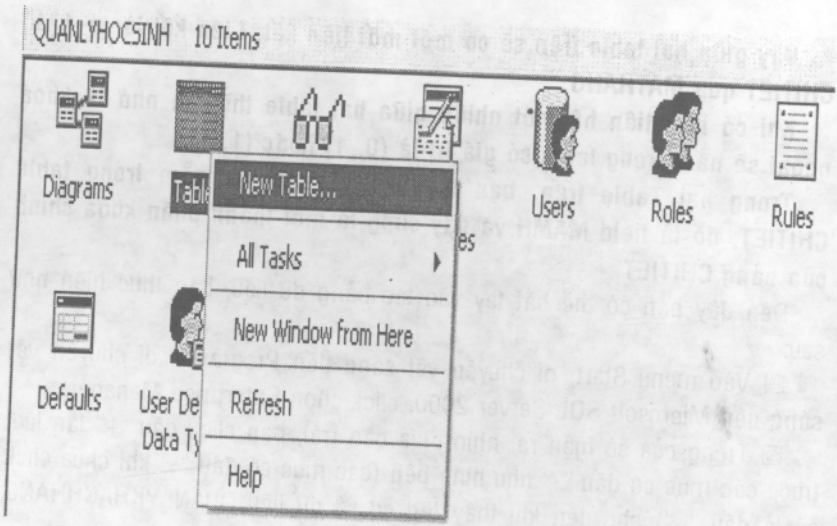

B6H8

▣ Click chọn New Table, các bạn sẽ thấy cửa sổ thiết kế bảng như hình sau:

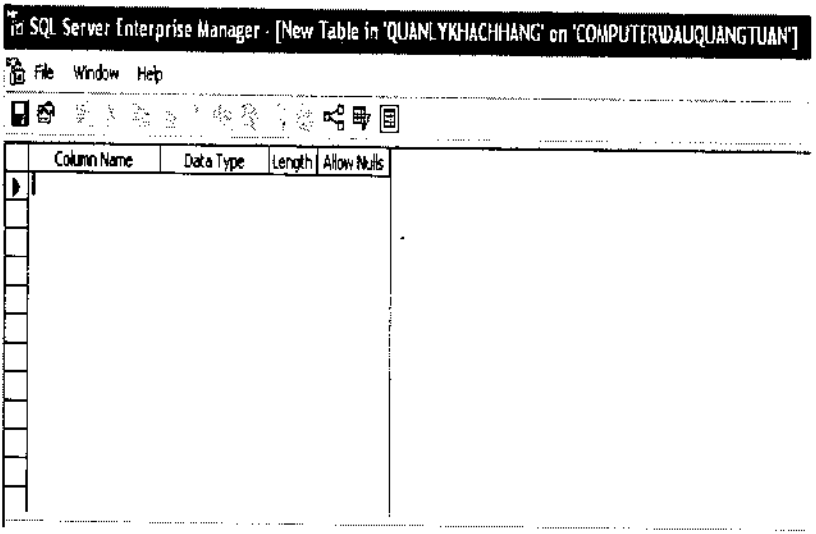

B6H9

◈ Bạn bắt đầu thiết kế cho bảng NHANVIEN và tạo khóa chính cho bảng, vùng SOHD_VIET bạn nhập 0 cho khung Default Value bên dưới để được như hình sau:

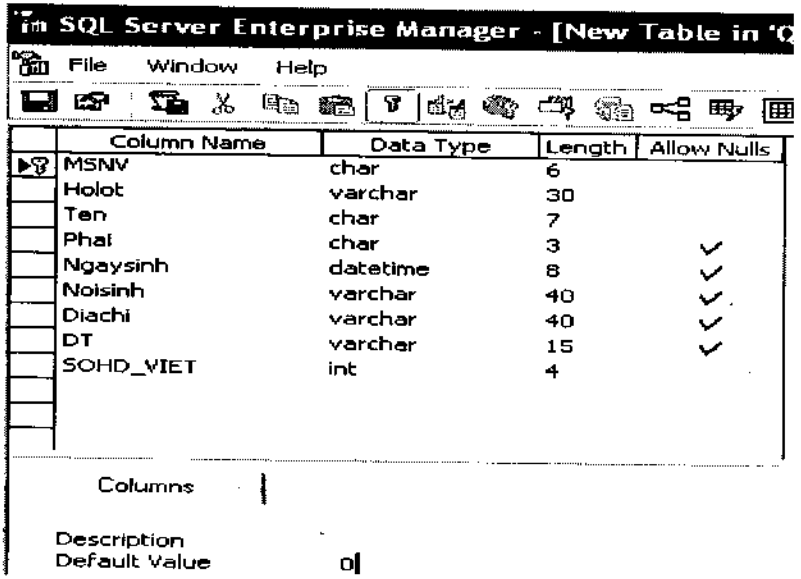

B6H10

◈ Click dấu X để đóng cửa sổ thiết kế bảng, hộp thoại hiện ra hỏi, bạn click nút Yes, hộp thoại đặt tên hiện ra, bạn lưu với tên NHANVIEN như hình sau:

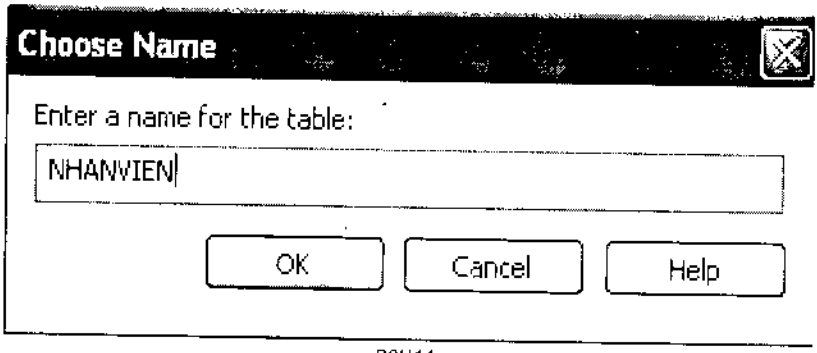

B6H11

◈ Click nút OK

◈ Tiếp theo là thiết kế cho bảng KHACHHANG và tạo khóa chính cho bảng để được như hình sau:

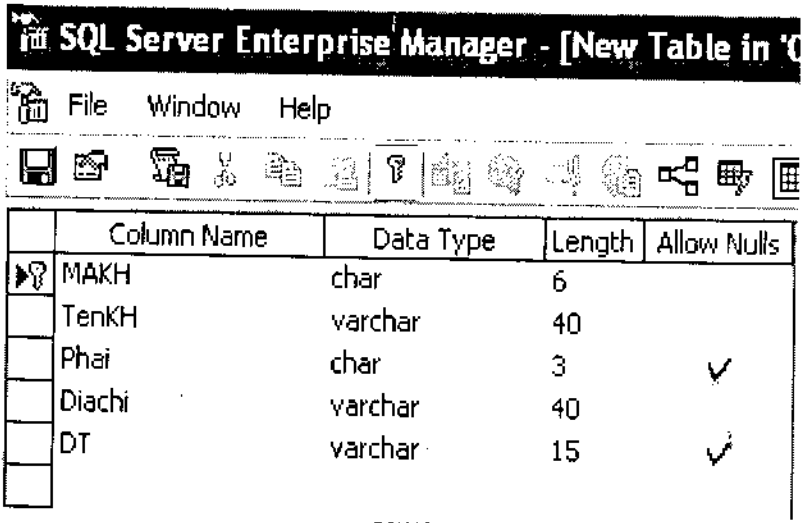

	Column Name	Data Type	Length	Allow Nulls
▶	MAKH	char	6	
	TenKH	varchar	40	
	Phai	char	3	✓
	Diachi	varchar	40	
	DT	varchar	15	✓

B6H12

◈ Click dấu X để đóng cửa sổ thiết kế bảng, hộp thoại hiện ra hỏi, bạn click nút Yes, hộp thoại đặt tên hiện ra, bạn lưu với tên SACH như hình sau:

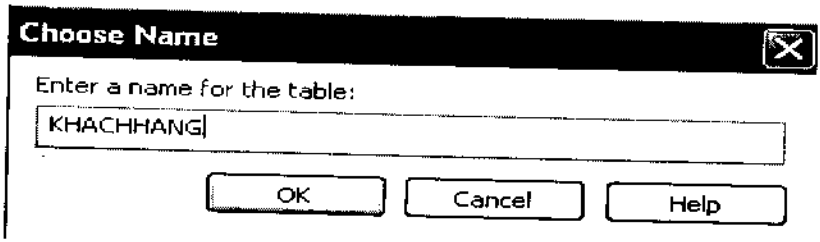

B6H13

◈ Click nút OK

◈ Tiếp theo là thiết kế cho bảng MATHANG và tạo khóa chính cho bảng để được như hình sau:

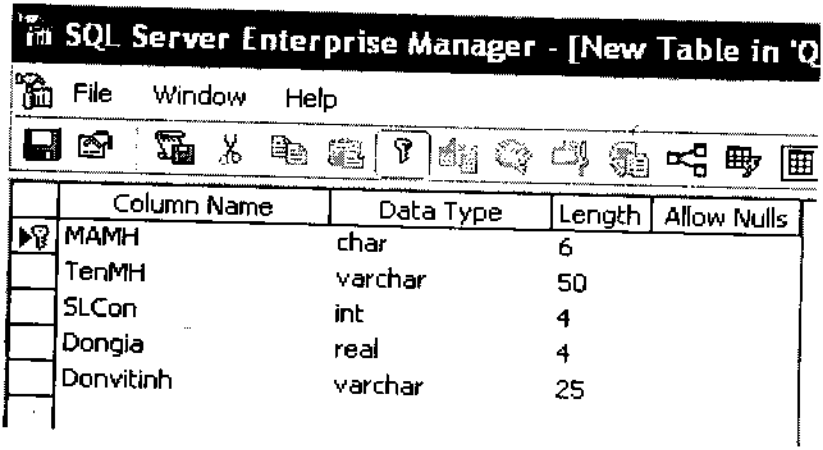

B6H14

◈ Click dấu X để đóng cửa sổ thiết kế bảng, hộp thoại hiện ra hỏi, bạn click nút Yes, hộp thoại đặt tên hiện ra, bạn lưu với tên MATHANG như hình sau:

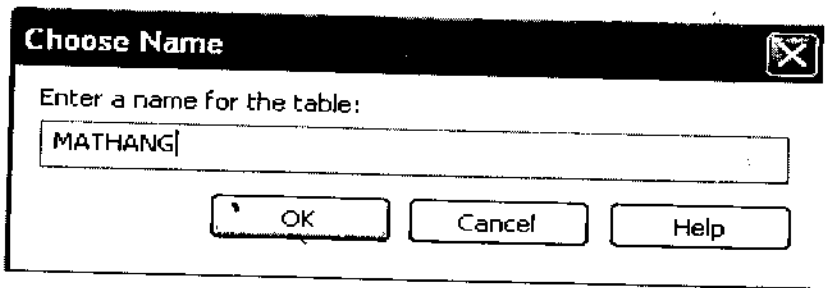

B6H15

◈ Click nút OK

◈ Tiếp theo là thiết kế cho bảng HOADON và tạo khóa chính cho bảng để được như hình sau:

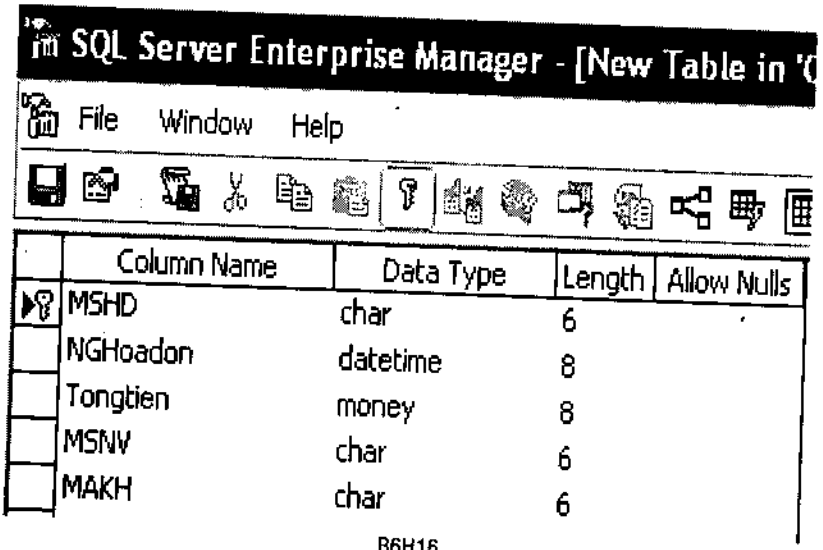

B6H16

◈ Click dấu X để đóng cửa sổ thiết kế bảng, hộp thoại hiện ra hỏi, bạn click nút Yes, hộp thoại đặt tên hiện ra, bạn lưu với tên HOADON như hình sau:

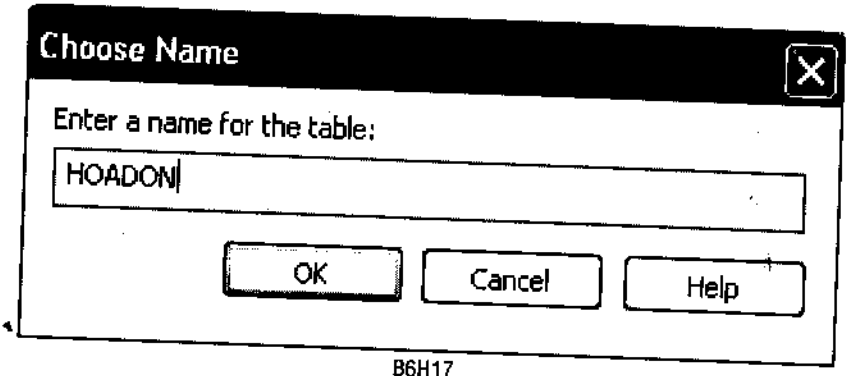

B6H17

◈ Click nút OK

◈ Tiếp theo là thiết kế chò bảng CHITIET và tạo khóa chính cho bảng để được như hình sau:

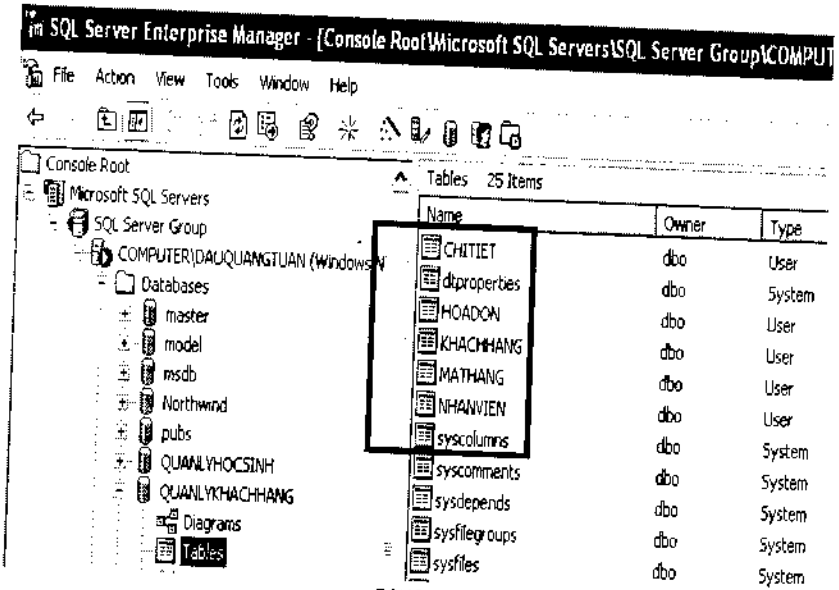

B6H20

Tạo mối liên hệ giữa các bảng

Bây giờ chúng ta bắt đầu vào **Diagram** như sau:

- Click chọn tên CSDL QUANLYKHACHHANG
- Trong các đối tượng của CSDL có đối tượng Diagram, click nút phải chuột trên đối tượng này

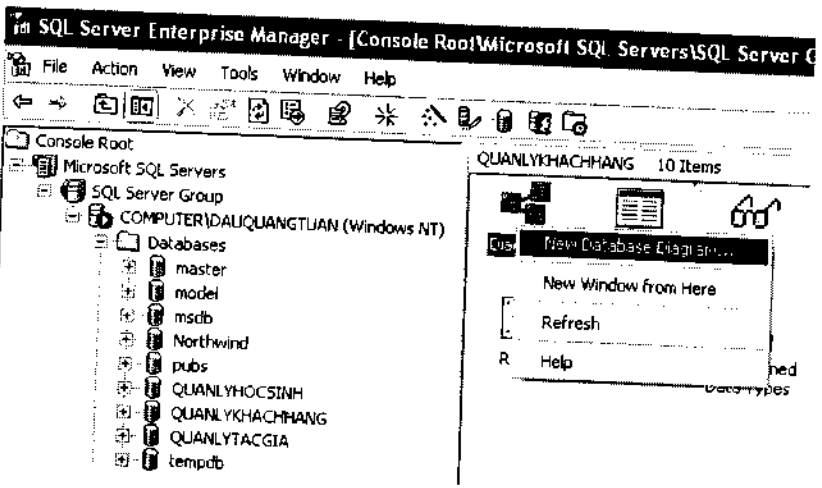

B6H21

◈ Chọn mục New Database Diagram trong menu hiện ra, bạn sẽ có hình như sau:

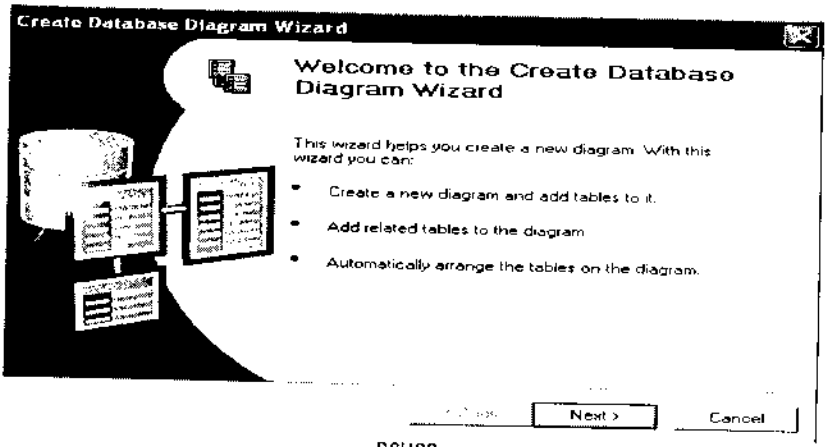

B6H22

◈ Click nút Next, ta có cửa sổ sau hiện ra

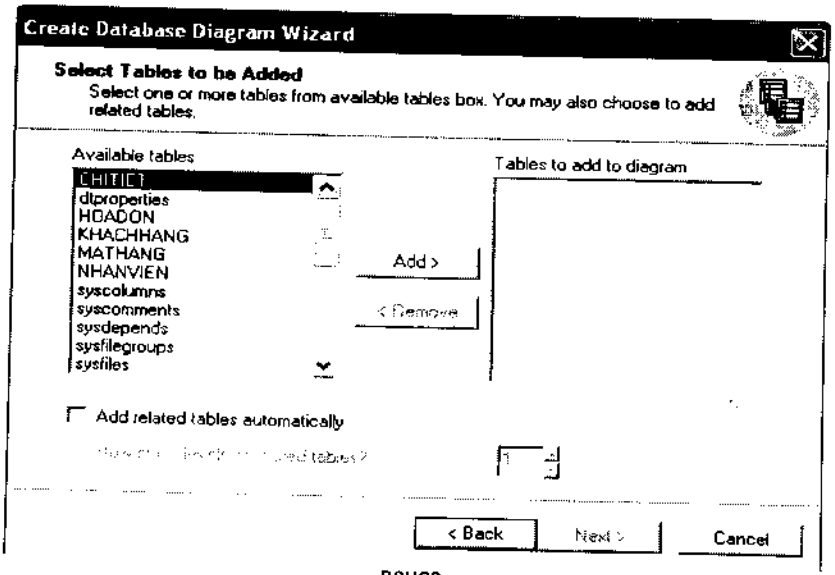

B6H23

◈ Bạn click chọn từng bảng và nhấn nút Add, nếu muốn bỏ bảng ra khỏi khung vừa đưa qua, bạn click chọn tên bảng và click nút Remove, khi đưa năm bảng qua khung bên phải, bạn sẽ có hình như sau:

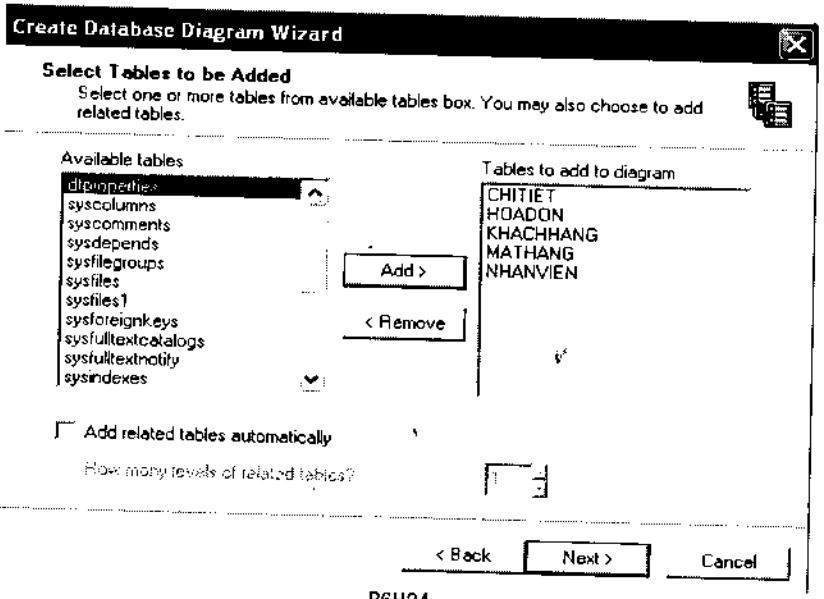

B6H24

◈ Click nút Next, bạn sẽ có hình như sau:

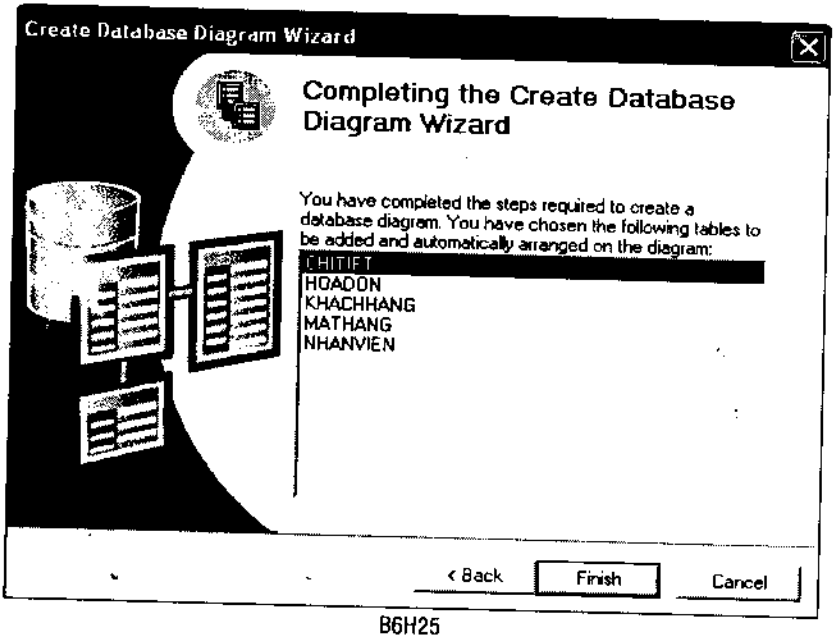

B6H25

◈ Click nút Finish để kết thúc, bạn sẽ có kết quả như sau:

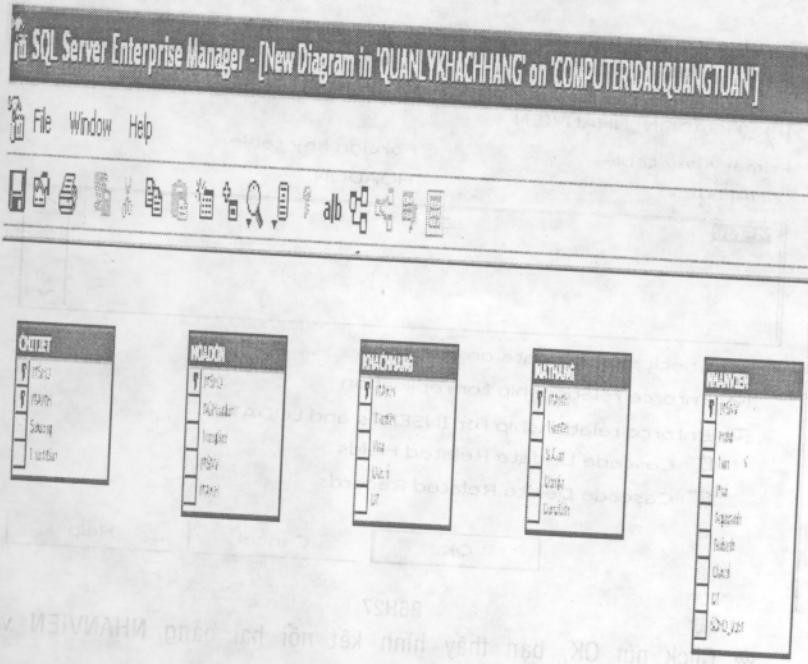

B6H26

◈ Click và drag chuột tại tiêu đề của mỗi bảng để kéo đến vị trí thích hợp

Chú ý:

Khi vùng khóa của các bảng đang được chọn trong cửa sổ Diagram, nếu click chuột trong bảng, bạn sẽ thấy vùng này biến mất, bạn click bên ngoài bảng thì không mất.

Khi tạo mối liên hệ từ vùng của bảng này đến một vùng của bảng khác, các bạn phải làm sao để thấy được vùng này. Khi thực hiện, các bạn phải kéo cửa sổ Diagram lớn ra, kéo các bảng dài ra về phía bên dưới để thấy được vùng cần liên kết. Trong thực tế, bạn có thể tạo mục cần liên kết lên phía trên để thuận tiện cho công việc này.

① Tạo mối liên hệ cho hai bảng NHANVIEN và HOADON

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng NHANVIEN là vùng MSNV, trong bảng HOADON là vùng MSNV. Thực hiện như sau:

◈ Bạn click chọn vùng MSNV là khóa chính của bảng NHANVIEN, Drag và kéo sang vùng MSNV của bảng HOADON khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

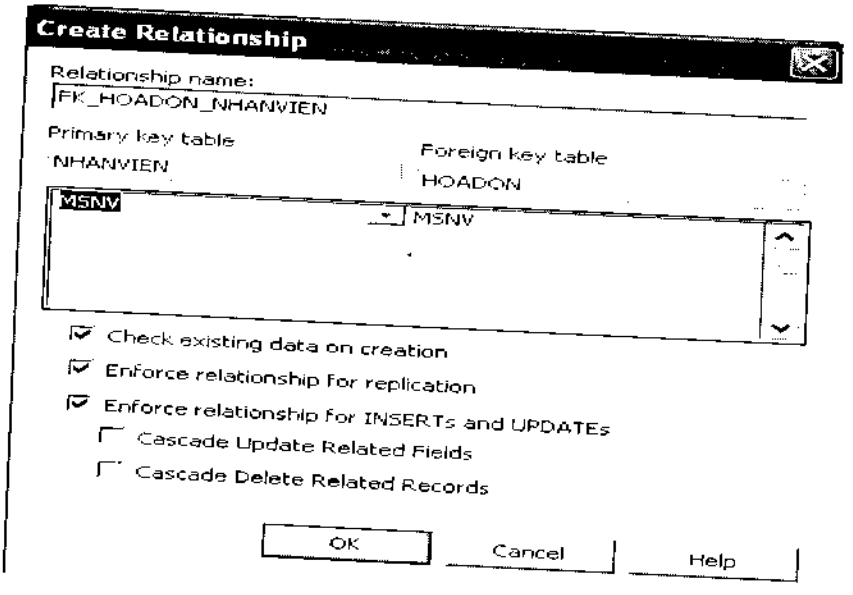

B6H27

◈ Click nút OK, bạn thấy hình kết nối hai bảng NHANVIEN và HOADON như sau:

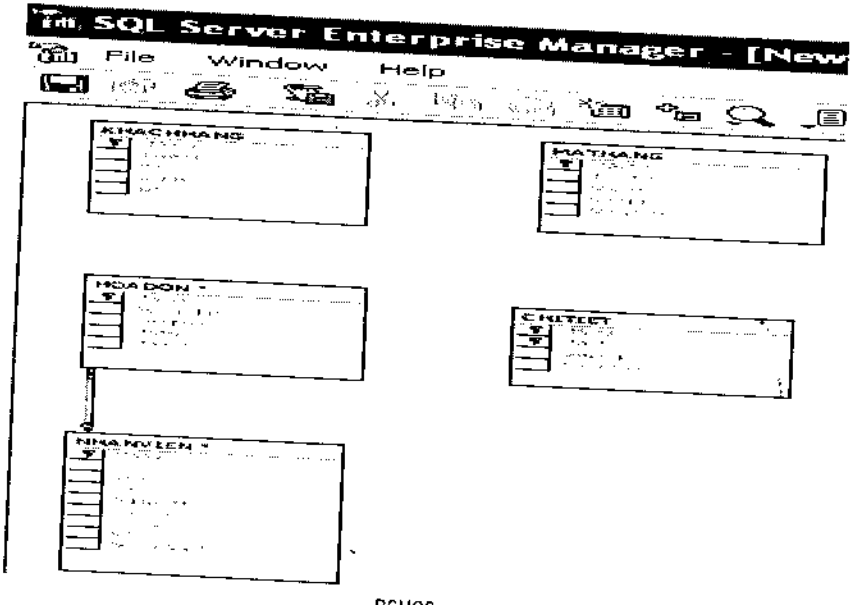

B6H28

② Tạo mối liên hệ cho hai bảng KHACHHANG và HOADON

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng KHACHHANG là vùng MAKH, trong bảng HOADON là vùng MAKH. Thực hiện như sau:

◈ Bạn click chọn vùng MAKH là khóa chính của bảng KHACHHANG, Drag và kéo sang vùng MAKH của bảng HOADON khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

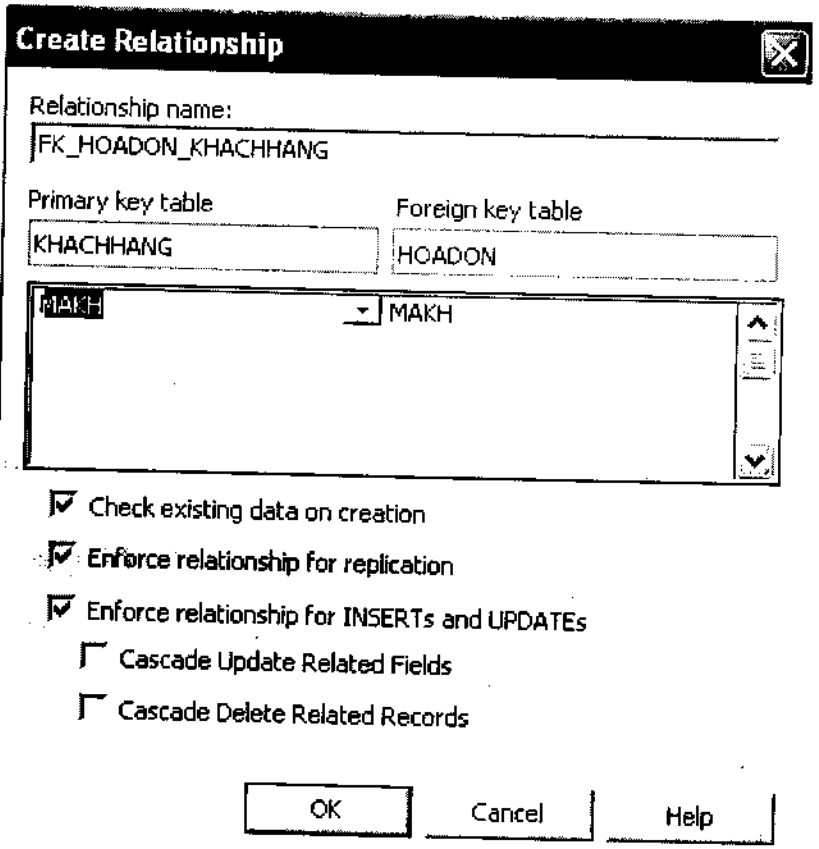

B6H29

◈ Các thành phần trong hộp thoại này cũng có ý nghĩa như hộp thoại trên.

◈ Click nút OK, chúng ta có mối quan hệ giữa hai bảng KHACHHANG và HOADON như hình sau:

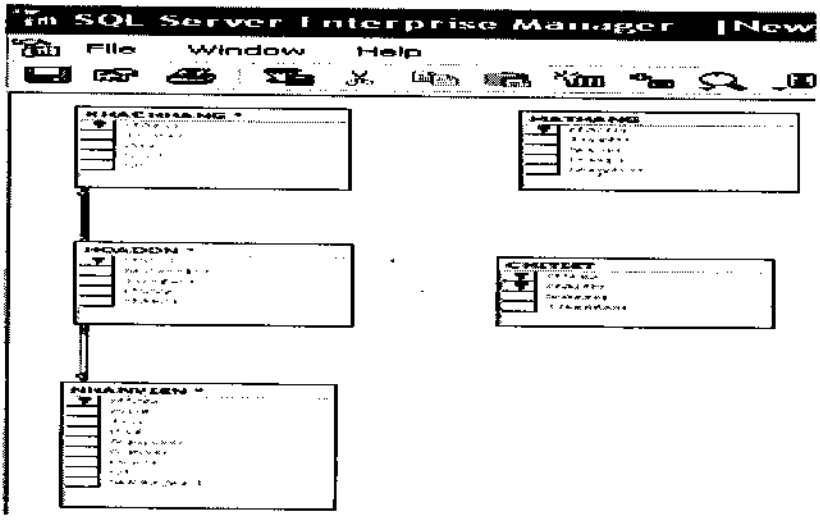

B6H30

③ Tạo mối liên hệ cho hai bảng HOADON và CHITIET

Bạn cho thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng HOADON là vùng MSHD, trong bảng CHITIET là vùng MSHD. Thực hiện như sau:

◈ Bạn click chọn vùng MSHD là khóa chính của bảng HOADON, Drag và kéo sang vùng MSHD trong bảng CHITIET. Khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có hộp thoại sau:

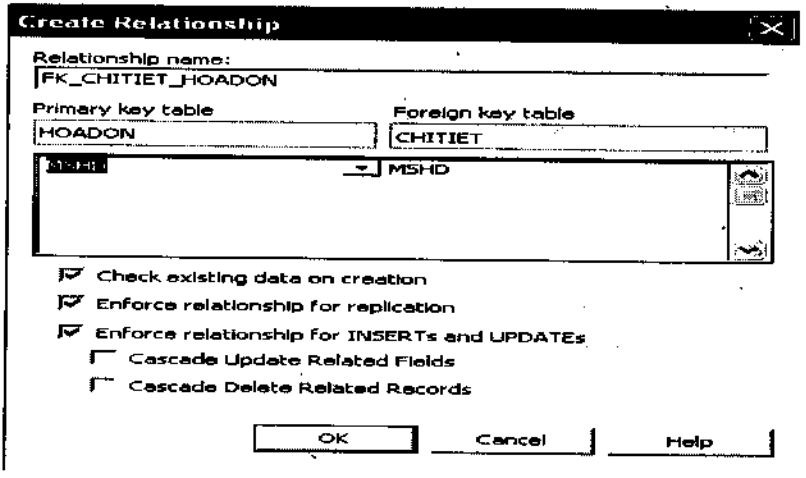

B6H31

◈ Các thành phần trong hộp thoại này cũng có ý nghĩa như hộp thoại trên.

◈ Click nút OK, chúng ta có mối quan hệ giữa hai bảng HOADON và CHITIET như hình sau:

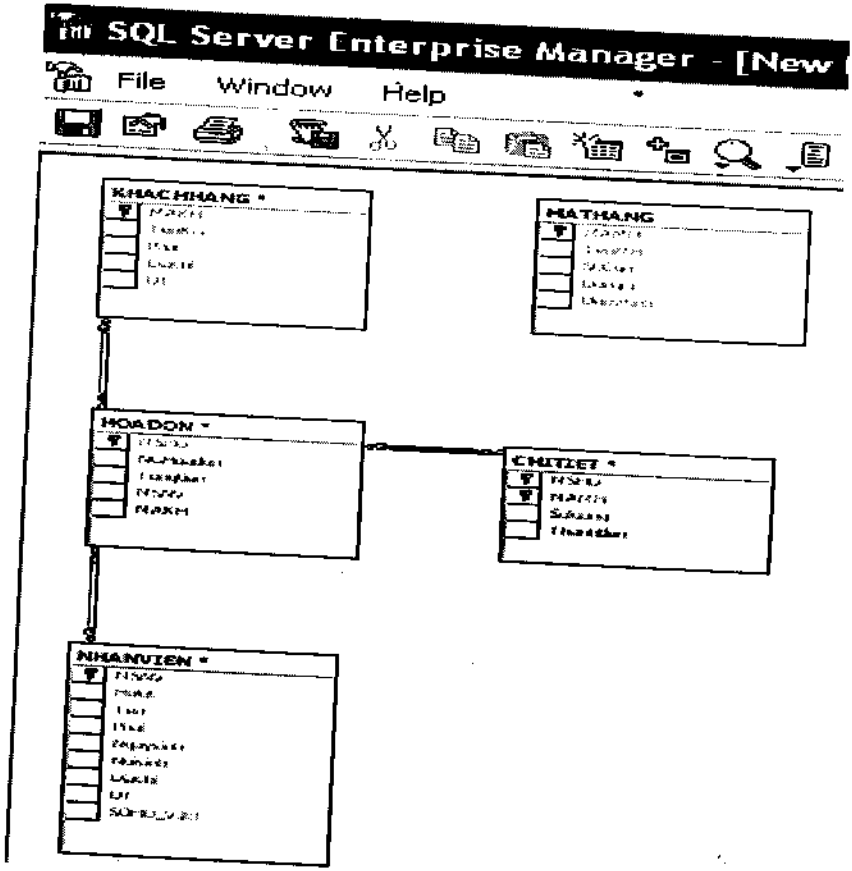

B6H32

④ Tạo mối liên hệ cho hai bảng MATHANG và CHITIET

Bạn chọ thấy cả hai vùng cần liên hệ. Trong bảng MATHANG là vùng MAMH, trong bảng CHITIET là vùng MAMH. Thực hiện như sau:

Bạn click chọn vùng MAMH là khóa chính của bảng MATHANG, Drag và kéo sang vùng MAMH trong bảng CHITIET. Khi biến thành hình chữ nhật nhỏ, thả nút chuột, bạn sẽ có bảng sau:

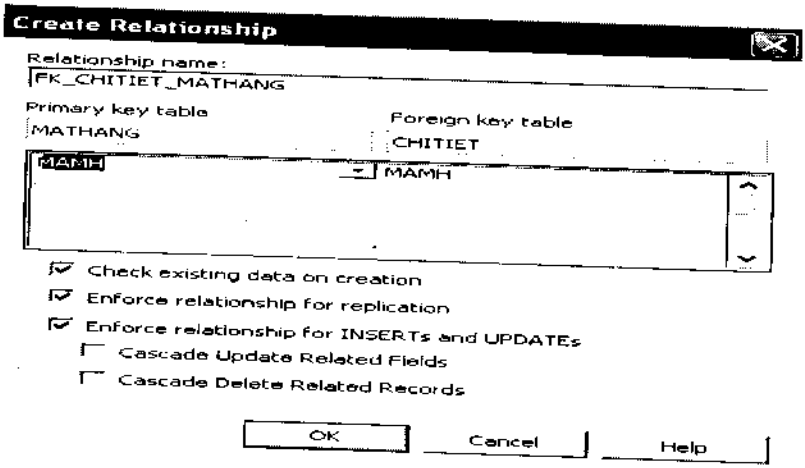

B6H33

◈ Các thành phần trong hộp thoại này cũng có ý nghĩa như hộp thoại trên.

◈ Click nút OK, chúng ta có mối quan hệ giữa hai bảng MATHANG và HOADON

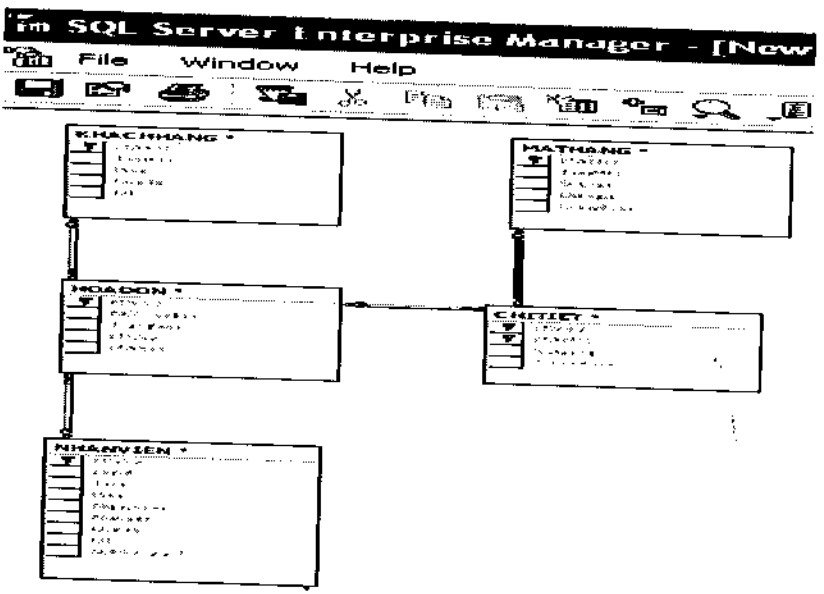

B6H34

Ghi chú:

Nếu tạo mối liên hệ sai, cần xóa, bạn click nút chuột phải trên đường liên kết, click Delete... trên menu hiện ra.

Vậy là bạn đã hoàn thành việc tạo mối liên hệ cho các bảng, click dấu X để đóng cửa sổ Diagram, bạn sẽ thấy hộp thoại hiện ra như sau:

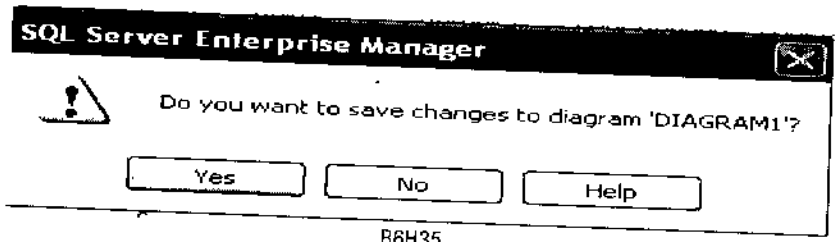

B6H35

◈ Bạn click nút Yes, hộp thoại tiếp theo hiện ra như sau:

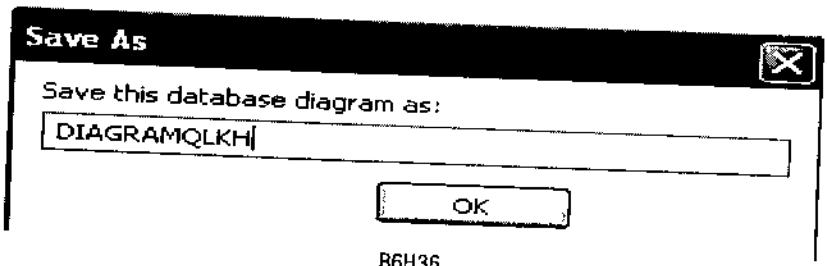

B6H36

◈ Click nút OK các bạn sẽ thấy hộp thoại sau:

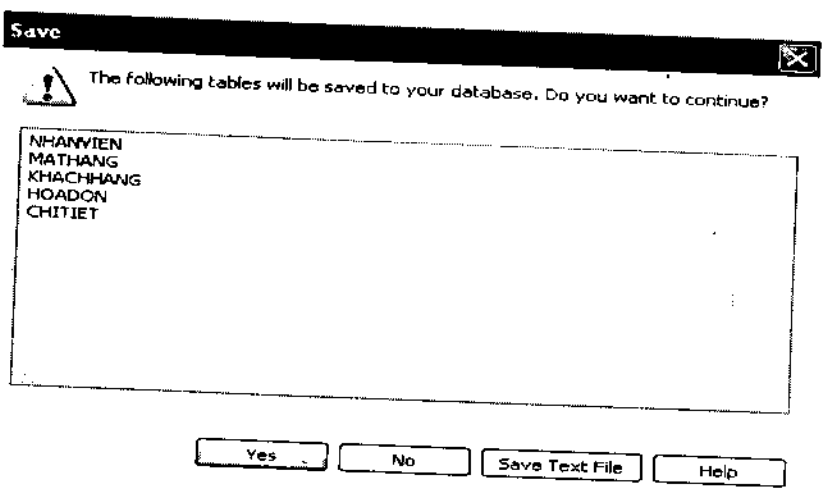

B6H37

◈ Click nút Yes để kết thúc phần này.

Nhập thông tin cho các bảng

◈ Đối với bảng NHANVIEN

Trong bảng NHANVIEN, **MSNV** *là khóa* và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 6 kí tự), người đầu tiên sẽ là NV0001, người thứ hai sẽ là NV0002...

◈ Đối với bảng KHACHHANG

Trong bảng KHACHHANG, **MAKH** *sẽ là khóa* và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 6 kí tự). Người đầu tiên sẽ là KH0001, người thứ hai sẽ là KH0002...

◈ Đối với bảng MATHANG

Trong bảng MATHANG, **MAMH** *sẽ là khóa* và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 6 kí tự). Bạn dùng hai kí tự đầu là kí hiệu của mặt hàng, bốn kí tự tiếp theo là số thứ tự

Ví dụ:

Viết tắt	**Ý nghĩa**
Mo0001	Màn hình
Ke0001	Bàn phím
Mu0001	Chuột
MA0001	Mainboard
RA0001	RAM
...	

◈ Đối với bảng HOADON

Trong bảng HOADON, **MSHD** *sẽ là khóa* và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 6 kí tự), hóa đơn đầu tiên sẽ là HD**0001**, kế tiếp là HD**0002** ... và cứ tiếp tục như vậy cho đến hết.

◈ Đối với bảng CHITIET

Trong bảng CHITIET, **MSHD và MAMH** *sẽ là khóa* và có kiểu **Text** (chiều dài tối đa là 6 kí tự), giống như MSHD trong bảng HOADON và MAMH trong bảng MATHANG

Chúng tôi sẽ nhập một số thông tin cho các bảng, khi thực tập bài này, các bạn đọc kỹ các kiểu của vùng, kích thước của vùng, nhất là lưu ý vùng mã số để nhập cho đúng. Khi thực hiện, các bạn có thể nhập thông

tin theo ý của mình, lưu ý nhập đúng và theo trình tự các bảng cho phù hợp. Mỗi bảng các bạn chỉ cần nhập một vài mẫu tin tượng trưng

Trước tiên chúng ta nhập thông tin cho bảng NHANVIEN , sau đó nhập cho bảng KHACHHANG, kế tiếp là bảng MATHANG, tiếp theo là bảng HOADON và cuối cùng là bảng CHITIET

Trong bài này, chúng ta phải dùng nhiều Form, một Form cha sẽ có menu

Có 8 Form con như sau:

① Form con thứ nhất có tên **FormNHANVIEN.vb** để thể hiện thông tin của bảng NHANVIEN. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 3 đối tượng

◈ Đối tượng **OleDbDataAdapter1**, đối tượng **DatasetNHANVIEN1** và đối tượng **OleDbConnection1**.

② Form con thứ hai có tên **FormKHACHHANG.vb** để thể hiện thông tin của bảng KHACHHANG. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 3 đối tượng

◈ Đối tượng **OleDbDataAdapter1**, đối tượng **DatasetKHACHHANG1** và đối tượng **OleDbConnection1**.

③ Form con thứ ba có tên **FormMATHANG.vb** để thể hiện thông tin của bảng MATHANG. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 3 đối tượng

◈ Đối tượng **OleDbDataAdapter1**, đối tượng **DatasetMATHANG1** và đối tượng **OleDbConnection1**.

④ Form con thứ tư có tên **FormHOADON.vb** để thể hiện thông tin của bảng HOADON. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 3 đối tượng

◈ Đối tượng **OleDbDataAdapter1**, đối tượng **DatasetHOADON1** và đối tượng **OleDbConnection1**.

⑤ Form con thứ năm có tên **FormCHITIET.vb** để thể hiện thông tin của bảng CHITIET. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 3 đối tượng

◈ Đối tượng **OleDbDataAdapter1**, đối tượng **DatasetCHITIET1** và đối tượng **OleDbConnection1**.

⑥ Form con thứ sáu có tên **FormNVHDKH.vb** sẽ chứa *ba điều khiển* **DataGrid**, mỗi DataGrid sẽ thể hiện thông tin của từng bảng **NHANVIEN**, **HOADON** và **KHACHHANG**. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 7 đối tượng

◈ Các đối tượng **OleDbDataAdapter1** và **DatasetNV1** dùng cho bảng **NHANVIEN**.

◈ Các đối tượng **OleDbDataAdapter2** và **DatasetHD1** dùng cho bảng **HOADON**.

◈ Các đối tượng **OleDbDataAdapter3** và **DatasetKH1** dùng cho bảng **KHACHHANG**.

◈ Đối tượng **OleDbConnection1** dùng chung cho cả ba bảng.

⑦ Form con thứ bảy có tên **FormKHHDCTMH.vb** sẽ chứa *bốn điều khiển* **DataGrid**, mỗi DataGrid sẽ thể hiện thông tin của từng bảng **KHACHHANG**, **HOADON**, **CHITIET** và **MATHANG**. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 9 đối tượng

◈ Các đối tượng **OleDbDataAdapter1** và **DatasetKH21** dùng cho bảng **KHACHHANG**.

◈ Các đối tượng **OleDbDataAdapter2** và **DatasetHD21** dùng cho bảng **HOADON**.

◈ **OleDbDataAdapter3** và **DatasetCT21** dùng cho bảng **CHITIET**.

◈ **OleDbDataAdapter4** và **DatasetMH21** dùng cho bảng **MATHANG**.

◈ Đối tượng **OleDbConnection1** dùng chung cho cả ba bảng.

⑧ Form con thứ tám có tên **FormNVHDCTMH.vb** sẽ chứa *bốn điều khiển* **DataGrid**, mỗi DataGrid sẽ thể hiện thông tin của từng bảng **NHANVIEN**, **HOADON**, **CHITIET** và **MATHANG**. Trên khay công cụ của Form này sẽ có 9 đối tượng

◈ Các đối tượng **OleDbDataAdapter1** và **DatasetNV31** dùng cho bảng **NHANVIEN**.

◈ Các đối tượng **OleDbDataAdapter2** và **DatasetHOADON31** dùng cho bảng **HOADON**.

◈ **OleDbDataAdapter3** và **DatasetCT31** dùng cho bảng **CHITIET**.

◈ **OleDbDataAdapter4** và **DatasetMH31** dùng cho bảng **MATHANG**.

◈ Đối tượng **OleDbConnection1** dùng chung cho cả ba bảng.

◈ **OleDbDataAdapter4** và **DatasetMH21** dùng cho bảng **MATHANG**.

✱ Yêu cầu

✱ Các Form cần thiết kế

▣ Form cha cần thiết kế

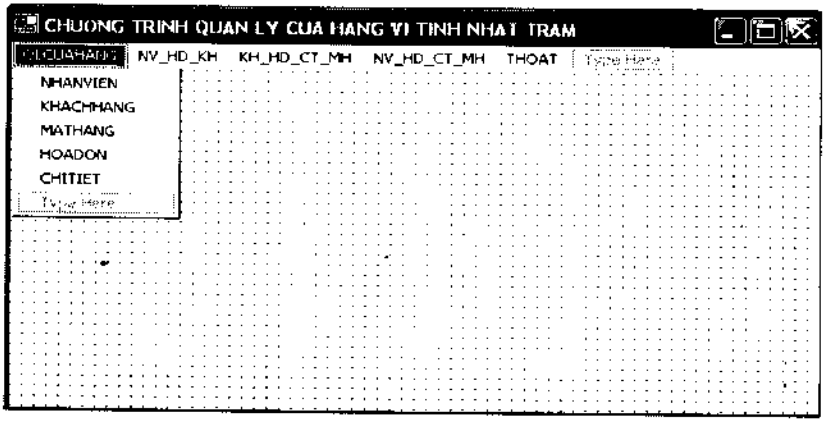

B6H38

Phần Form cha

Bảng các thuộc tính của Form cha

TT	Đối tượng	Các thuộc tính	Giá trị
1	Form MDI	Name	Form1
		BackColor	Màu hồng
		Caption	CHUONG TRINH QUAN LY CUA HANG VI TINH NHAT TRAM
		IsMdiContainer	True
		WindowState	Maximized

Ghi chú:

Thuộc tính **IsMdiContainer** phải đặt là **True**.

Hệ thống menu của Form cha

Caption	Name
QLCUAHANG	MenuQLCUAHANG
NHANVIEN	MenuNHANVIEN
KHACHHANG	MenuKHACHHANG
MATHANG	MenuMATHANG

HOADON CHITIET	MenuHOADON MenuCHITIET
NV_HD_KH	MenuNVHDKH
KH_HD_CT_MH	MenuKHHDCTMH
NV_HD_CT_MH	MenuNVHDCTMH
THOAT	MenuTHOAT

- Phần Form con của mục TUNGBANG
  - FormNHANVIEN

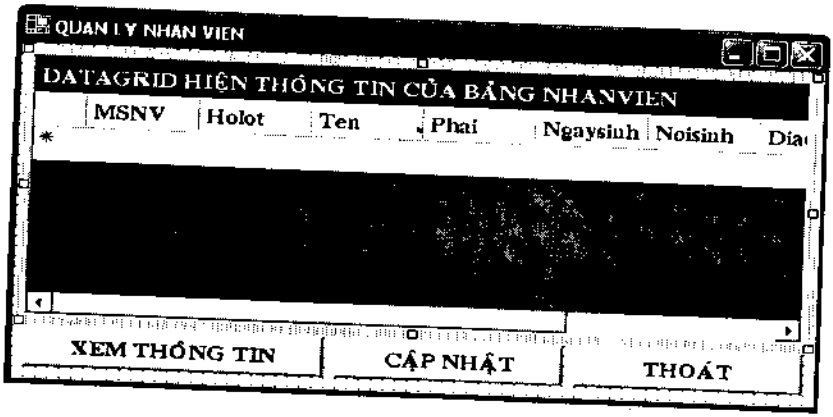



B6H39

BẢNG CÁC THUỘC TÍNH CỦA NHỮNG ĐIỀU KHIỂN TRONG FORMNHANVIEN

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name BackColor Text WindowState	FormNHANVIEN Màu xanh QUAN LY NHAN VIEN Maximized
2	DataGrid	Name CaptionText BackColor	DataGrid1 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG NHANVIEN Màu xanh nhạt

		BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	Màu cam nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetNHANVIEN1 NHANVIEN
3	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold XEM THÔNG TIN
4	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCapnhat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold CẬP NHẬT
5	Button	Name BackColor Font Text	ButtonThoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold THOÁT

* FormKHACHHANG

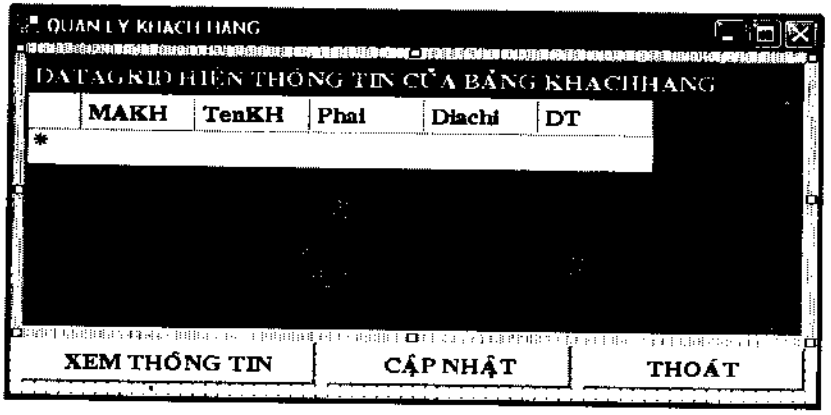

OleDbDataAdapter1 OleDbConnection1 DateSetKHACHHANG1

B6H40

BẢNG CÁC THUỘC TÍNH CỦA NHỮNG ĐIỀU KHIỂN TRONG FORMKHACHHANG

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name	FormKHACHHANG
		BackColor	Màu hồng
		Text	QUAN LY KHACH HANG
		WindowState	Maximized
2	DataGrid	Name	DataGrid1
		CaptionText	DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG KHACHHANG
		BackColor	Màu xanh nhạt
		BackgroundColor	Màu cam nhạt
		ForeColor	Màu xanh dương
		GridLineColor	Màu đỏ
		Font	VNI-Times, size 12, bold
		Anchor	Top, Left, Right, Bottom
		Datasource	DatasetKHACHHANG1
		Datamember	KHACHHANG
3	Button	Name	ButtonXem
		BackColor	Màu xám
		Font	VNI-Times, size 12, Bold
		Text	XEM THÔNG TIN
4	Button	Name	ButtonCapnhat
		BackColor	Màu xám
		Font	VNI-Times, size 12, Bold
		Text	CẬP NHẬT
5	Button	Name	ButtonThoat
		BackColor	Màu xám
		Font	VNI-Times, size 12, Bold
		Text	THOÁT

* FormMATHANG

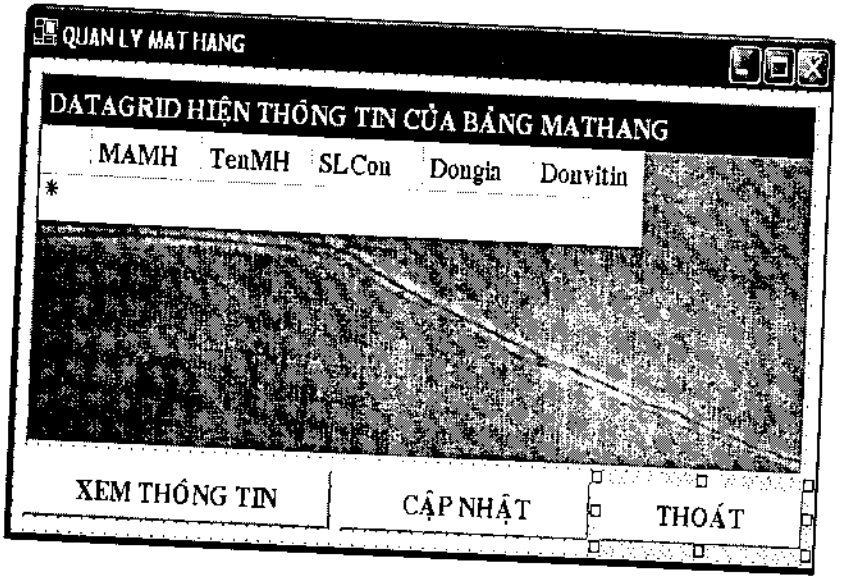



B6H41

BẢNG CÁC THUỘC TÍNH CỦA NHỮNG ĐIỀU KHIỂN TRONG FORMMATHANG

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name	FormMATHANG
		BackColor	Màu cam
		Text	QUAN LY MAT HANG
		WindowState	Maximized
2	DataGrid	Name	DataGrid1
		CaptionText	DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG MATHANG
		BackColor	Màu xanh nhạt
		BackgroundColor	Màu cam nhạt
		ForeColor	Màu xanh dương
		GridLineColor	Màu đỏ
		Font	VNI-Times, size 12, bold
		Anchor	Top, Left, Right, Bottom

		Datasource Datamember	DatasetMATHANG1 MATHANG
3	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold XEM THÔNG TIN
4	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCapnhat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold CẬP NHẬT
5	Button	Name BackColor Font Text	ButtonThoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold THOÁT

* FormHOADON

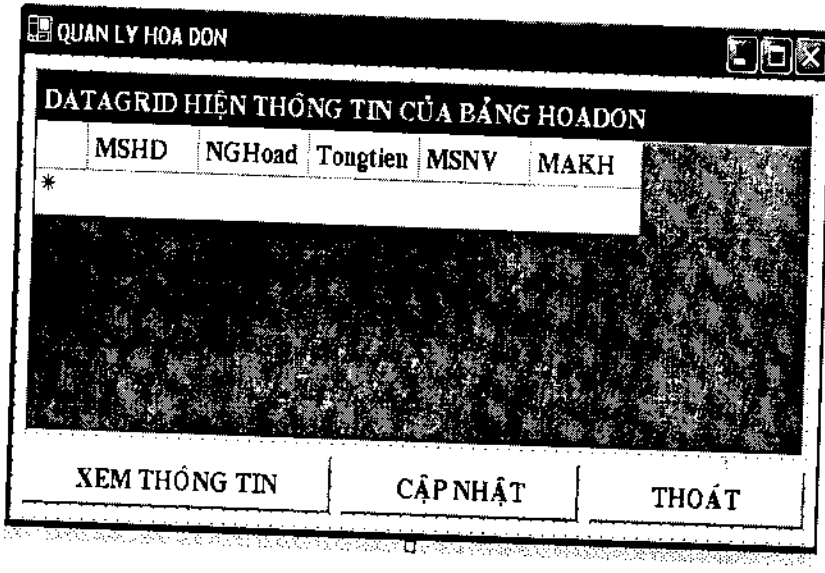

OleDbDataAdapter1 OleDbConnection1 DataSetHOADON1

B6H42

BẢNG CÁC THUỘC TÍNH CỦA NHỮNG ĐIỀU KHIỂN TRONG FORMHOADON

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name	FormHOADON
		BackColor	Màu vàng
		Text	QUAN LY HOA DON
		WindowState	Maximized
2	DataGrid	Name	DataGrid1
		CaptionText	DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG HOADON
		BackColor	Màu xanh nhạt
		BackgroundColor	Màu cam nhạt
		ForeColor	Màu xanh dương
		GridLineColor	Màu đỏ
		Font	VNI-Times, size 12, bold
		Anchor	Top, Left, Right, Bottom
		Datasource	DatasetHOADON1
		Datamember	HOADON
3	Button	Name	ButtonXem
		BackColor	Màu xám
		Font	VNI-Times, size 12, Bold
		Text	XEM THÔNG TIN
4	Button	Name	ButtonCapnhat
		BackColor	Màu xám
		Font	VNI-Times, size 12, Bold
		Text	CẬP NHẬT
5	Button	Name	ButtonThoat
		BackColor	Màu xám
		Font	VNI-Times, size 12, Bold
		Text	THOÁT

* FormCHITIET

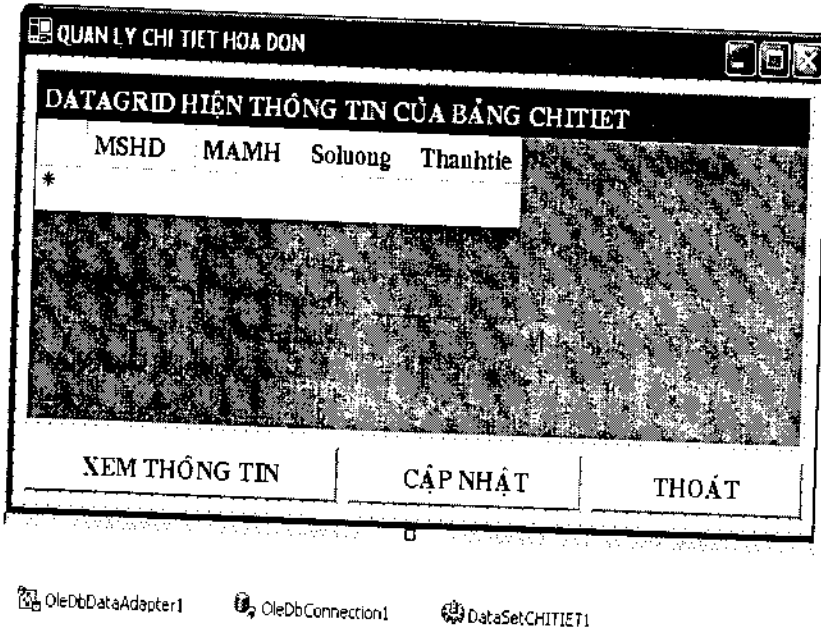

B6H43

BẢNG CÁC THUỘC TÍNH CỦA NHỮNG ĐIỀU KHIỂN TRONG FORMCHITIET

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name	FormCHITIET
		BackColor	Màu đỏ
		Text	QUAN LY CHI TIET HOA DON
		WindowState	Maximized
2	DataGrid	Name	DataGrid1
		CaptionText	DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG CHITIET
		BackColor	Màu xanh nhạt
		BackgroundColor	Màu cam nhạt
		ForeColor	Màu xanh dương
		GridLineColor	Màu đỏ
		Font	VNI-Times, size 12, bold
		Anchor	Top, Left, Right, Bottom

		Datasource Datamember	DatasetCHITIET1 CHITIET
3	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold XEM THÔNG TIN
4	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCapnhat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold CẬP NHẬT
5	Button	Name BackColor Font Text	ButtonThoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold THOÁT

* FormNVHDKH

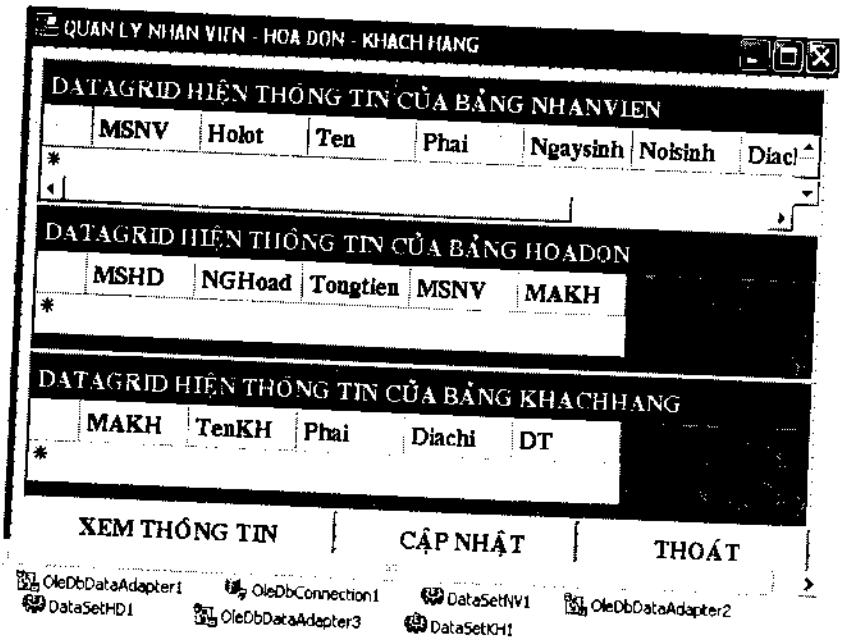

B6H44

Bảng thuộc tính của những điều khiển trong FormNVHDKH

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name	FormNVHDKH
		BackColor	Màu vàng
		Text	QUAN LY NHAN VIEN – HOA DON – KHACH HANG
		WindowState	Maximized
2	DataGrid	Name	DataGrid1
		CaptionText	DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG NHANVIEN
		BackColor	Màu cam nhạt
		BackgroundColor	Màu hồng nhạt
		ForeColor	Màu xanh dương
		GridLineColor	Màu đỏ
		Font	VNI-Times, size 12, bold
		Anchor	Top, Left, Right, Bottom
		Datasource	DatasetNV1
		Datamember	NHANVIEN
3	DataGrid	Name	DataGrid2
		CaptionText	DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG HOADON
		BackColor	Màu xanh nhạt
		BackgroundColor	Màu cam nhạt
		ForeColor	Màu xanh dương
		GridLineColor	Màu đỏ
		Font	VNI-Times, size 12, bold
		Anchor	Top, Left, Right, Bottom
		Datasource	DatasetHD1
		Datamember	HOADON
4	DataGrid	Name	DataGrid3
		CaptionText	DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG KHACHHANG
		BackColor	Màu xanh nhạt
		BackgroundColor	Màu cam nhạt
		ForeColor	Màu xanh dương

		GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetKH1 KHACHHANG
5	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold XEM THÔNG TIN
6	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCapnhat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold CẬP NHẬT
7	Button	Name BackColor Font Text	ButtonThoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold THOÁT

* FormKHHDCTMH

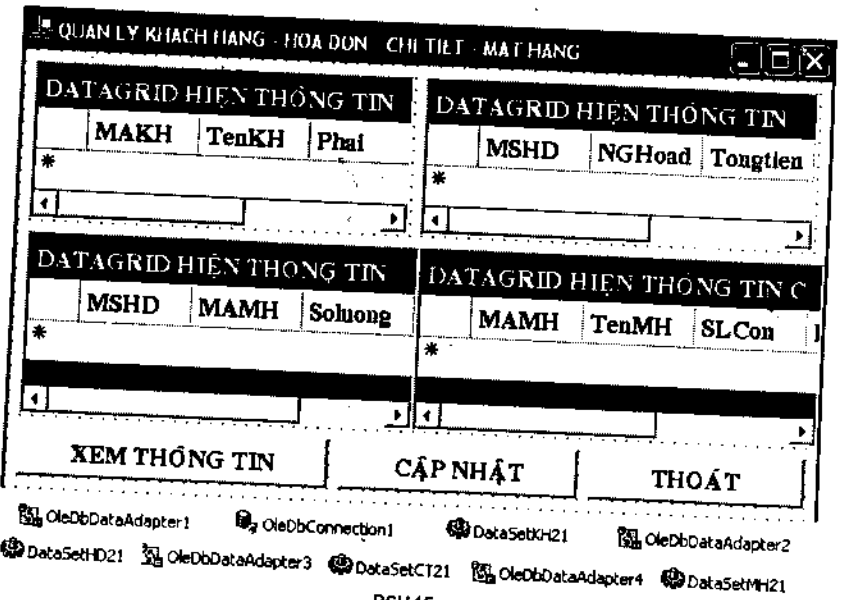

B6H45

Bảng thuộc tính của những điều khiển trong FormKHHDCTMH

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name	FormKHHDCTMH
		BackColor	Màu vàng
		Text	QUAN LY KHACH HANG – HOA DON – CHI TIET – MAT HANG
		WindowState	Maximized
2	DataGrid	Name	DataGrid1
		CaptionText	DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG KHACHHANG
		BackColor	Màu cam nhạt
		BackgroundColor	Màu hồng nhạt
		ForeColor	Màu xanh dương
		GridLineColor	Màu đỏ
		Font	VNI-Times, size 12, bold
		Anchor	Top, Left, Right, Bottom
		Datasource	DatasetKH21
		Datamember	KHACHHANG
3	DataGrid	Name	DataGrid2
		CaptionText	DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG HOADON
		BackColor	Màu xanh nhạt
		BackgroundColor	Màu cam nhạt
		ForeColor	Màu xanh dương
		GridLineColor	Màu đỏ
		Font	VNI-Times, size 12, bold
		Anchor	Top, Left, Right, Bottom
		Datasource	DatasetHD21
		Datamember	HOADON
4	DataGrid	Name	DataGrid3
		CaptionText	DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG CHITIET
		BackColor	Màu xanh nhạt
		BackgroundColor	Màu cam nhạt

		ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetCT21 CHITIET
5	DataGrid	Name CaptionText BackColor BackgroundColor ForeColor GridLineColor Font Anchor Datasource Datamember	DataGrid4 DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG MATHANG Màu xanh nhạt Màu cam nhạt Màu xanh dương Màu đỏ VNI-Times, size 12, bold Top, Left, Right, Bottom DatasetMH21 MATHANG
6	Button	Name BackColor Font Text	ButtonXem Màu xám VNI-Times, size 12, Bold XEM THÔNG TIN
7	Button	Name BackColor Font Text	ButtonCapnhat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold CẬP NHẬT
8	Button	Name BackColor Font Text	ButtonThoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold THOÁT

* FormNVHDCTMH

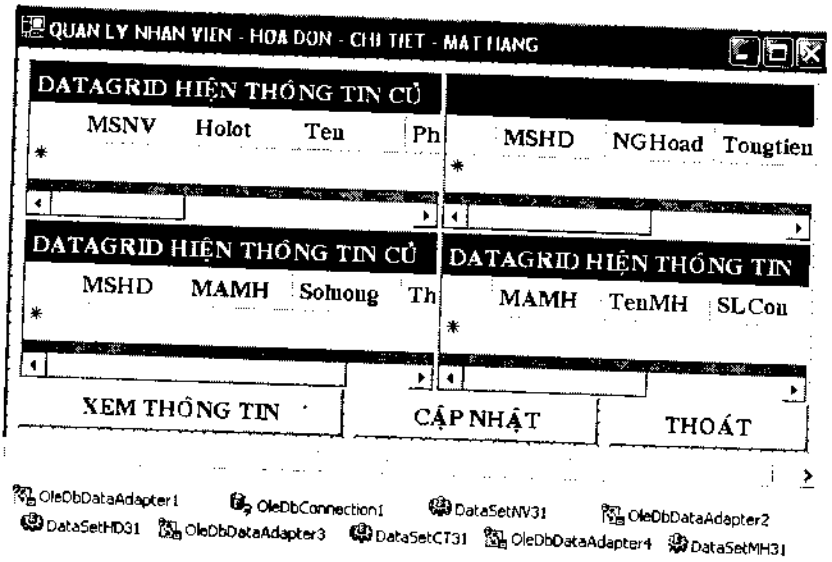

B6H46

Bảng thuộc tính của những điều khiển trong FormNVHDCTMH

STT	Đối tượng	Thuộc tính	Giá trị thiết đặt
1	Form	Name	FormNVHDCTMH
		BackColor	Màu vàng
		Text	QUAN LY NHAN VIEN – HOA DON – CHI TIET – MAT HANG
		WindowState	Maximized
2	DataGrid	Name	DataGrid1
		CaptionText	DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG NHANVIEN
		BackColor	Màu cam nhạt
		BackgroundColor	Màu hồng nhạt
		ForeColor	Màu xanh dương
		GridLineColor	Màu đỏ
		Font	VNI-Times, size 12, bold
		Anchor	Top, Left, Right, Bottom
		Datasource	DatasetNV31
		Datamember	NHANVIEN
3	DataGrid	Name	DataGrid2

		CaptionText	DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG HOADON
		BackColor	Màu xanh nhạt
		BackgroundColor	Màu cam nhạt
		ForeColor	Màu xanh dương
		GridLineColor	Màu đỏ
		Font	VNI-Times, size 12, bold
		Anchor	Top, Left, Right, Bottom
		Datasource	DatasetHD31
		Datamember	HOADON
4	DataGrid	Name	DataGrid3
		CaptionText	DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG CHITIET
		BackColor	Màu xanh nhạt
		BackgroundColor	Màu cam nhạt
		ForeColor	Màu xanh dương
		GridLineColor	Màu đỏ
		Font	VNI-Times, size 12, bold
		Anchor	Top, Left, Right, Bottom
		Datasource	DatasetCT31
		Datamember	CHITIET
5	DataGrid	Name	DataGrid4
		CaptionText	DATAGRID HIEN THONG TIN CUA BANG MATHANG
		BackColor	Màu xanh nhạt
		BackgroundColor	Màu cam nhạt
		ForeColor	Màu xanh dương
		GridLineColor	Màu đỏ
		Font	VNI-Times, size 12, bold
		Anchor	Top, Left, Right, Bottom
		Datasource	DatasetMH31
		Datamember	MATHANG
6	Button	Name	ButtonXem
		BackColor	Màu xám
		Font	VNI-Times, size 12, Bold
		Text	XEM THÔNG TIN
7	Button	Name	ButtonCapnhat

8	Button	Name BackColor Font Text	ButtonThoat Màu xám VNI-Times, size 12, Bold THOÁT

① Thiết kế các Form của chương trình

◈ Đầu tiên bạn vào Visual Basic .NET, tạo Project có tên QUANLYCUAHANG và lưu tại thư mục gốc của ổ đĩa E:\

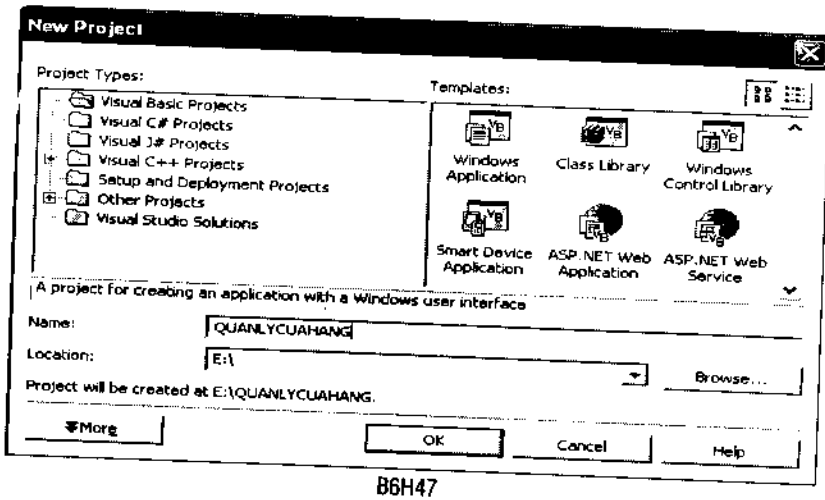

B6H47

◈ Click nút OK, Form thiết kế hiện ra.

■ Tạo Form cha

Các bạn tiến hành tạo menu và xác lập các thuộc tính cho Form cha như các bảng thuộc tính và hệ thống menu đã cho ở trên.

◈ Muốn tạo menu cho Form cha, bạn click điều khiển Main menu trong hộp công cụ, vẽ vào Form, nhập tên các mục vào, sau khi nhập xong, click nút phải trên các mục, chọn Properties, xác lập các thuộc tính name cho các mục. Khi tạo xong, bạn sẽ có hình như sau:

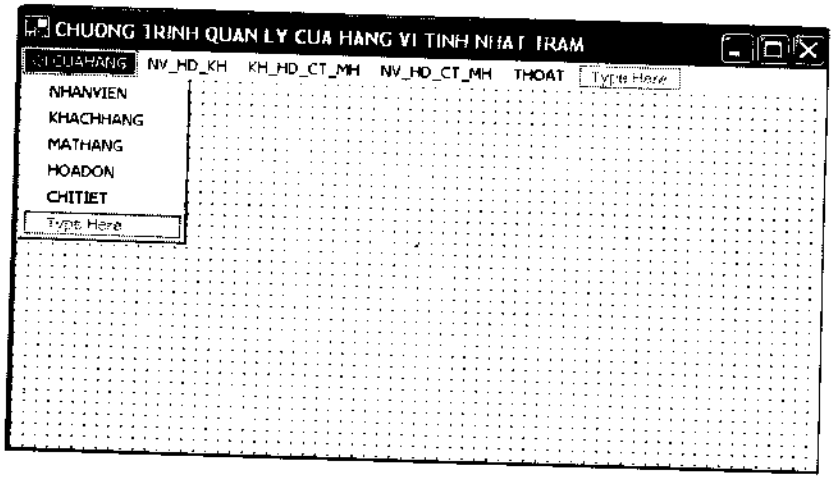

B6H48

Click nút phải chuột trên từng mục, chọn Properties để xác lập thuộc tính name cho chúng như đã cho ở bảng trên.

- Tạo Form con có tên FormNHANVIEN

◈ Tại Form cha, vào menu Project, chọn Add Windows Form để tạo một Form con mới đầu tiên, đó là FormNHANVIEN

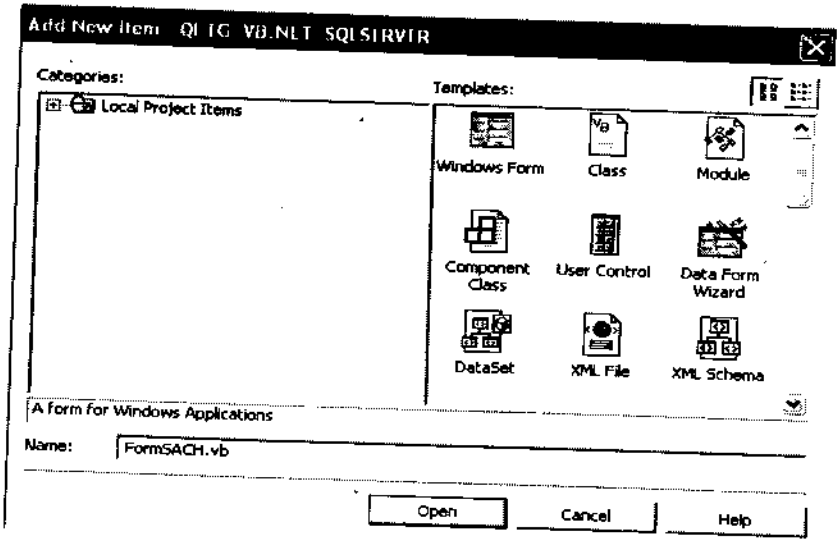

B6H49

◈ Click nút Open, bạn sẽ có FormSACH hiện ra để bạn thiết kế. Bạn thực hiện các bước như sau:

☛ Thực hiện việc kết nối với CSDL có tên QUANLYTACGIA

◈ Vào menu View, chọn Server Explorer

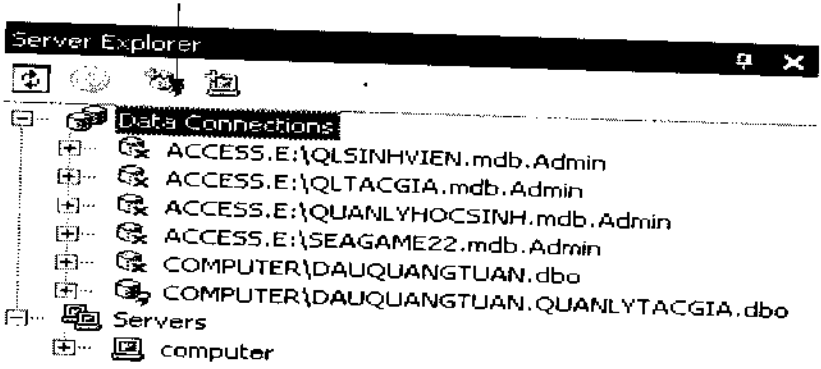

B6H50

◈ Click nút Connect to Database trên thanh công cụ của cửa sổ Server Explorer, trong hộp thoại hiện ra, chọn tab có tên Provider, chọn Microsoft OLE DB Provider for SQL Server như hình sau:

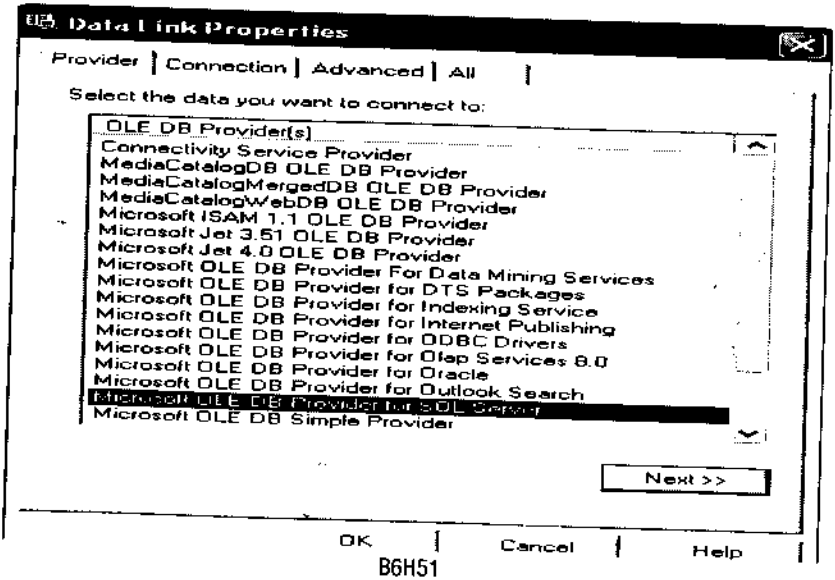

B6H51

◈ Click nút Next, nó sẽ sang Tab Connection

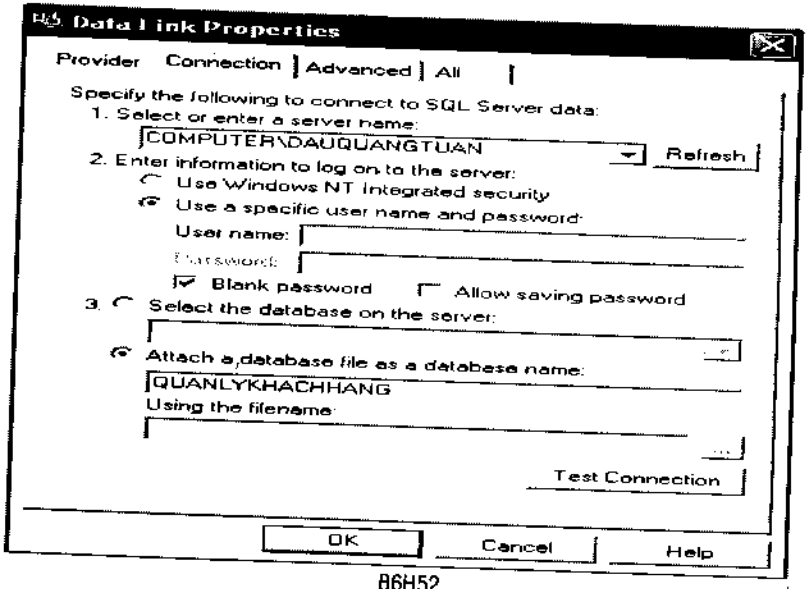

B6H52

◈ Nhập COMPUTER\DAUQUANGTUAN trong khung Select or enter a server name

◈ Click chọn ô Blank password

◈ Click chọn Attach a database file as a database name

◈ Nhập QUANLYKHACHHANG trong khung bên dưới

◈ Click nút OK hộp thoại sau hiện ra

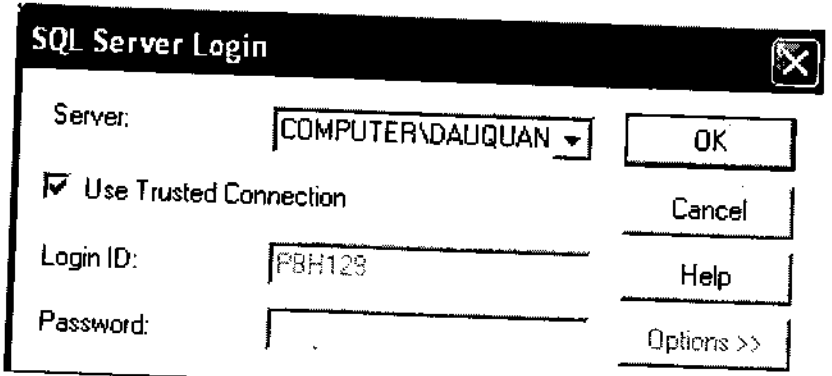

B6H53

◈ Click chọn Use Trusted Connection

◈ Click nút OK để hoàn tất việc kết nối

Nhìn vào cửa sổ Server Explorer bạn thấy như hình sau:

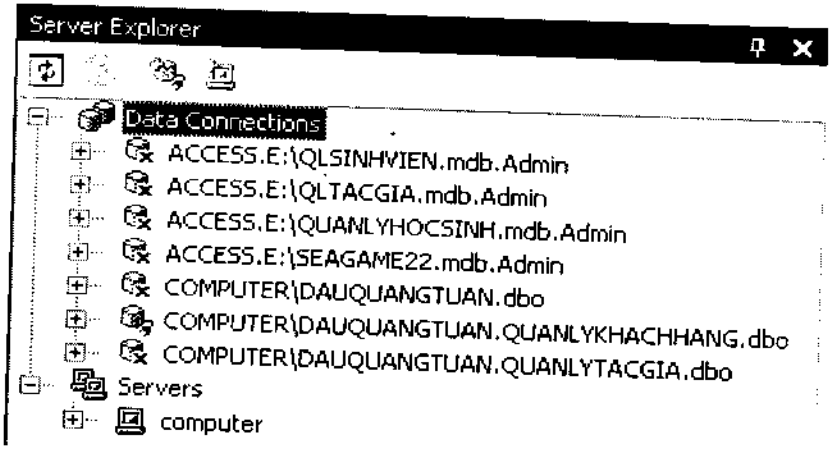

B6H54

◈ Click dấu cộng trước computer và các dấu cộng liên quan, bạn thấy hình như sau:

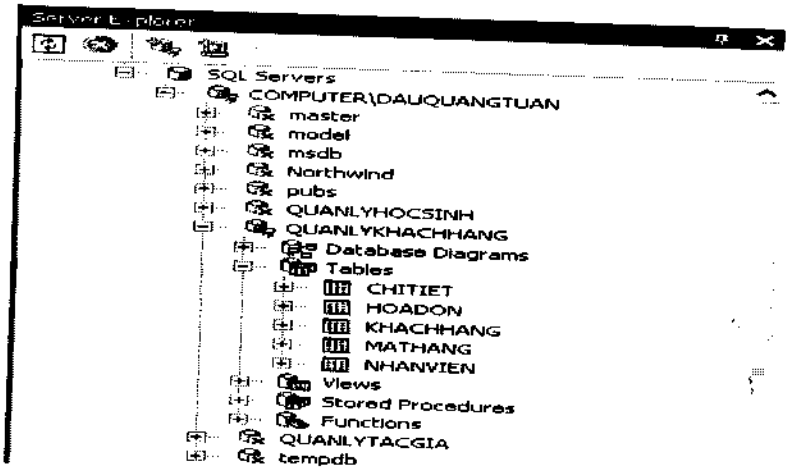

B6H55

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ

◈ Click Icon để hiện hộp công cụ

◈ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, ta sẽ có hộp thoại hiện ra như hình sau:

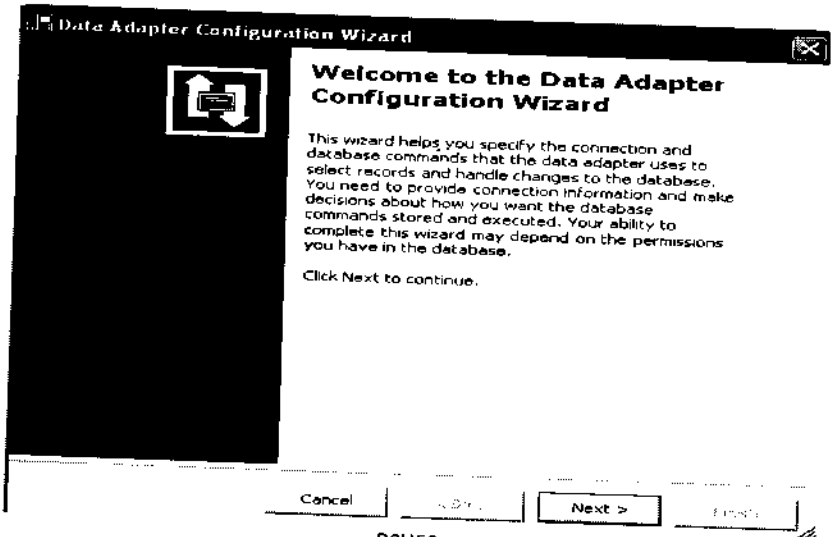

B6H56

◈ Click nút Next, bạn có hộp thoại sau:

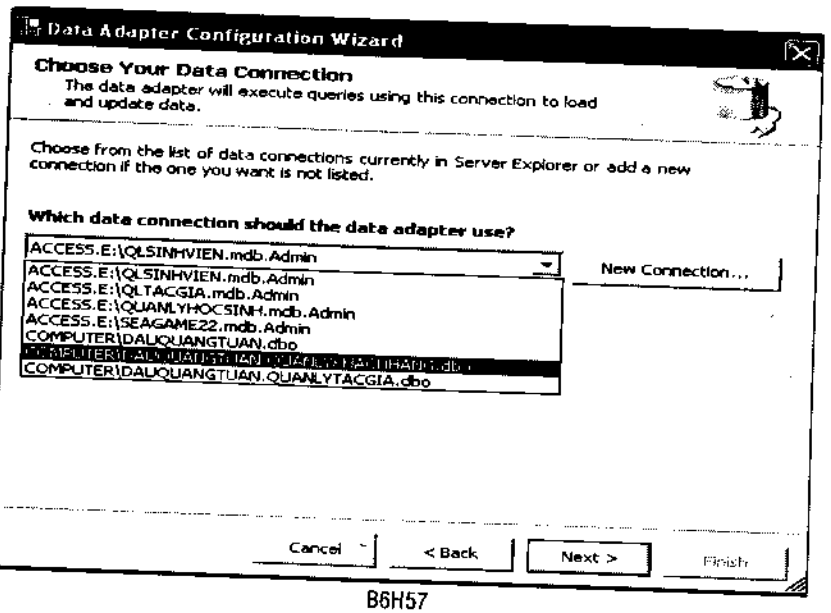

B6H57

◈ Click dầu mũi tên quay xuống

◈ Chọn COMPUTER\DAUQUANGTUAN.QUANLYKHACHHANG.dbo

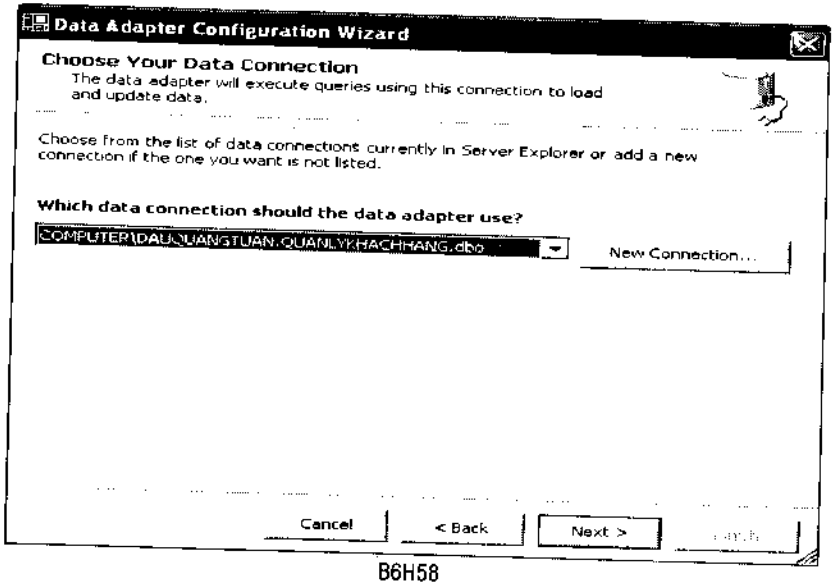

B6H58

◈ Click nút Next, hộp thoại sau hiện ra

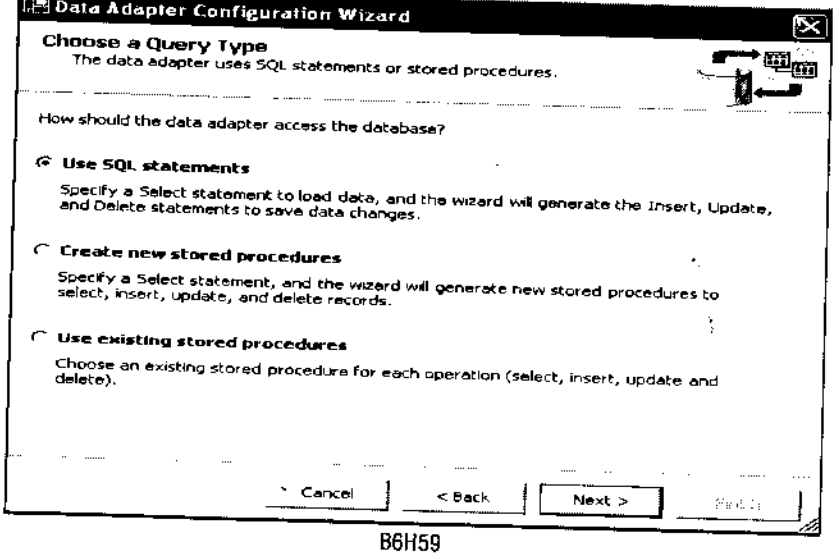

B6H59

◈ Click chọn mục Use SQL statements nếu như chưa được chọn

◈ Click nút Next, nhập vào câu lệnh SQL sau trong khung của hộp thoại như hình sau:

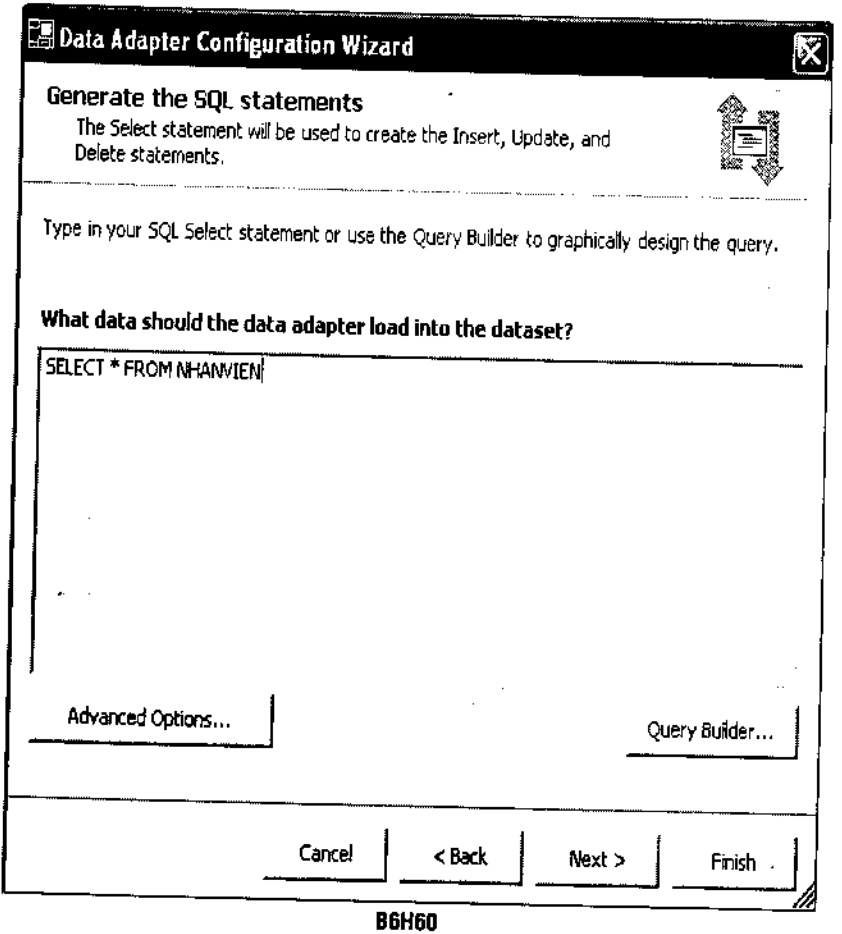

B6H60

◈ Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có hai đối tượng OleDbDataAdapter1 và OleDbConnection1.

◈ Click chọn FormNHANVIEN

◈ Vào menu Data, chọn Generate Dataset

◈ Click chọn mục New

◈ Nhập vào DatasetNHANVIEN trong khung như hình sau:

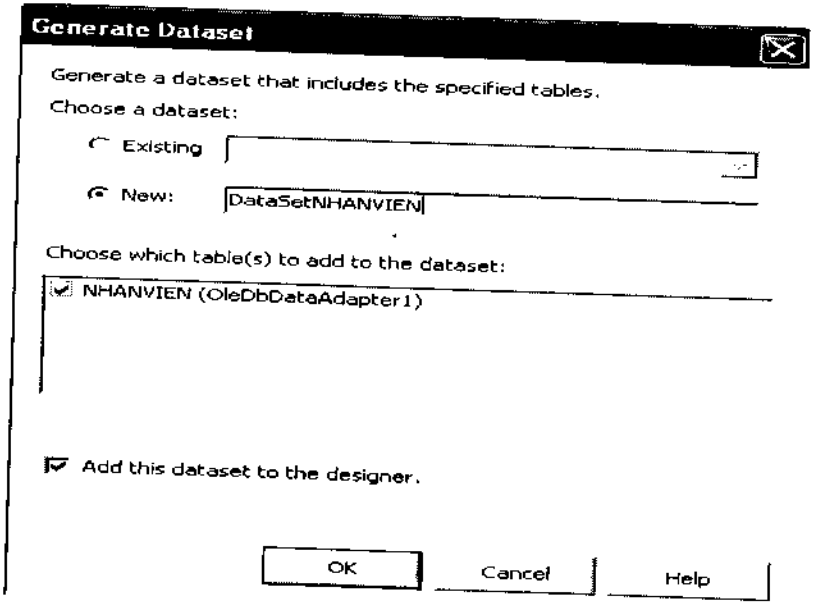

B6H61

◈ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DatasetNHANVIEN1

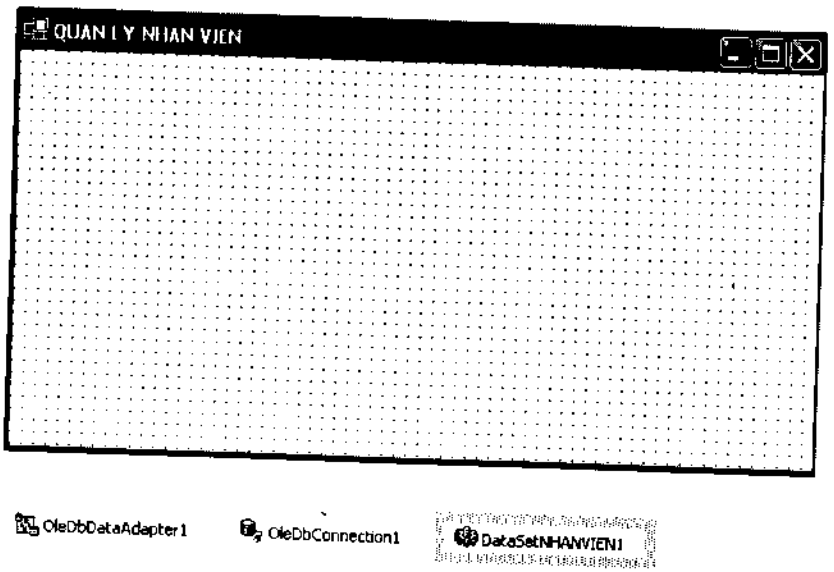

B6H62

Để đưa điều khiển DataGrid vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

◈ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ

◈ Đưa điều khiển DataGrid vào trong Form

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên

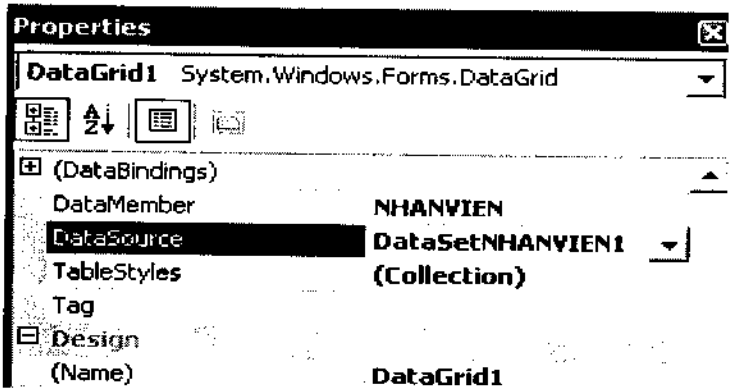

B6H63

Ghi chú:

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

Đưa các Button vào Form và xác lập các thuộc tính cho chúng để được như hình sau:

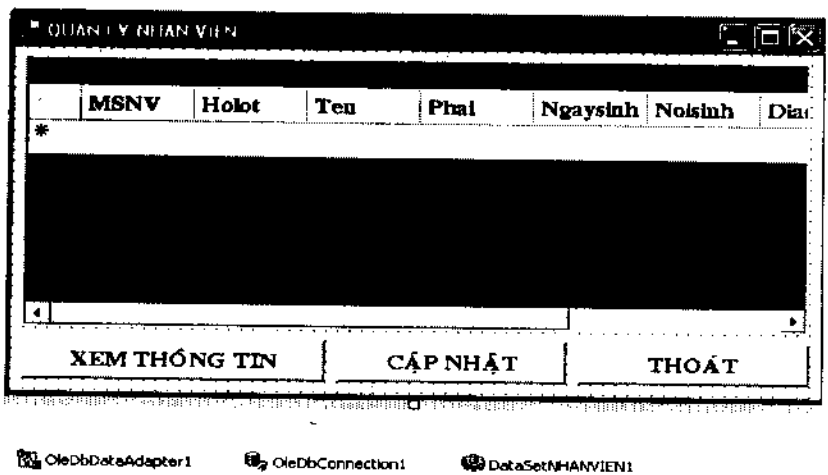

B6H64

■ Tạo Form con có tên FormKHACHHANG

◈ Vào menu Project, chọn Add Windows Form để tạo một Form con thứ hai, đó là FormKHACHHANG

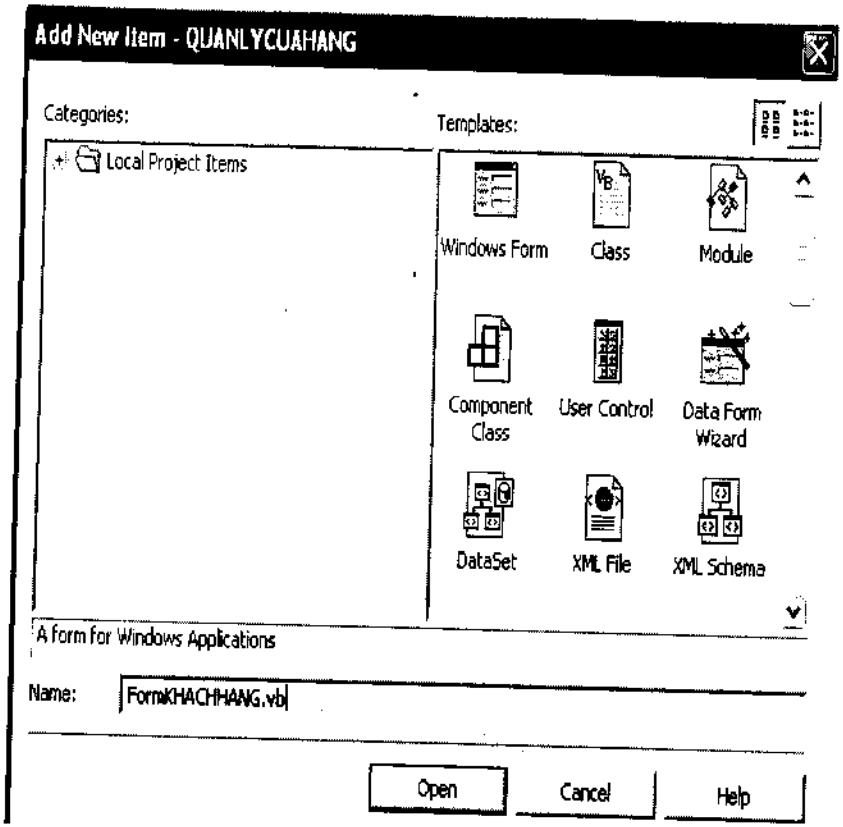

B6H65

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ

◈ Click Icon để hiện hộp công cụ

◈ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

SELECT * FROM KHACHHANG

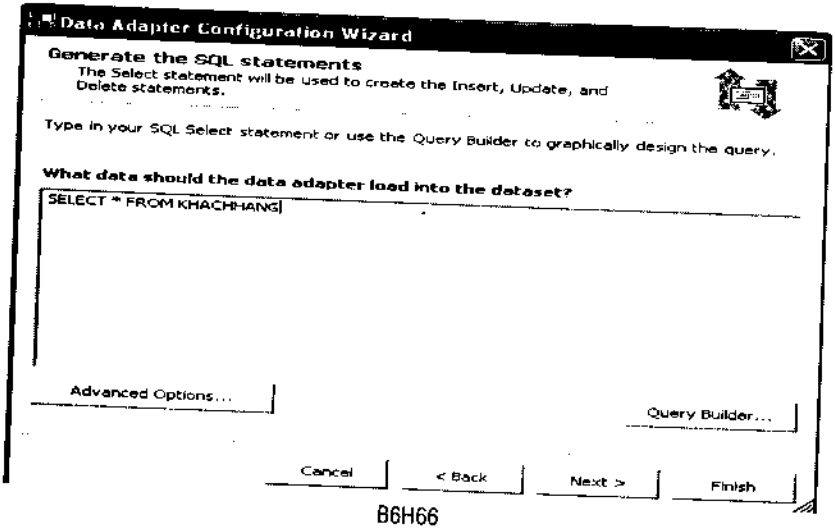

B6H66

◈ Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có hai đối tượng OleDbDataAdapter1 và OleDbConnection1.

◈ Click chọn FormKHACHHANG

◈ Vào menu Data, chọn Generate Dataset

◈ Click chọn mục New

◈ Nhập vào DatasetKHACHHANG trong khung như hình sau:

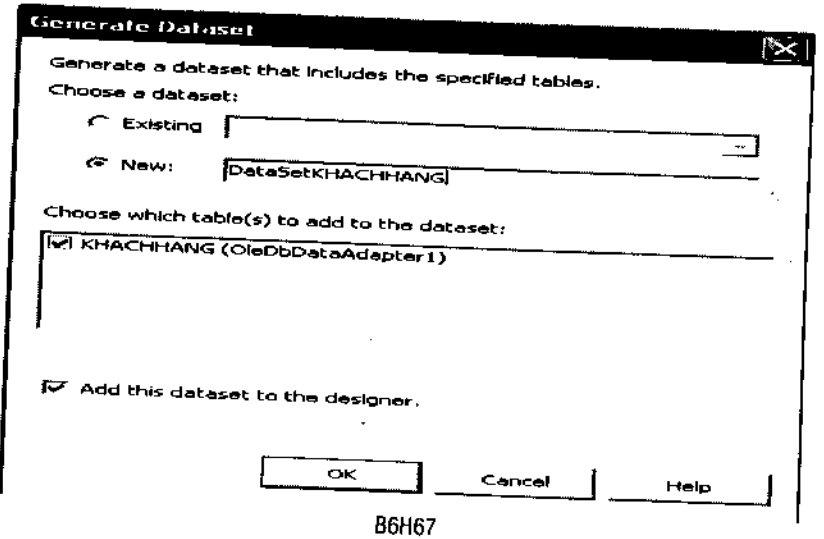

B6H67

◈ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DatasetKHACHHANG1

Để đưa điều khiển DataGrid vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

◈ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ

◈ Đưa điều khiển DataGrid vào trong Form

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên

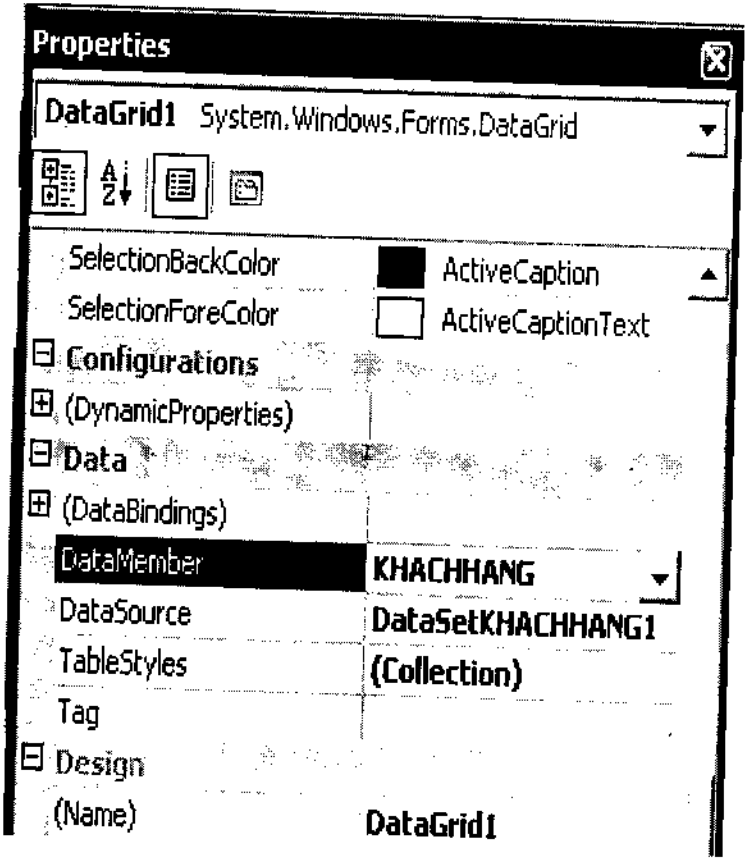

B6H68

Ghi chú:

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

Đưa các Button vào Form và xác lập các thuộc tính cho chúng để được như hình sau:

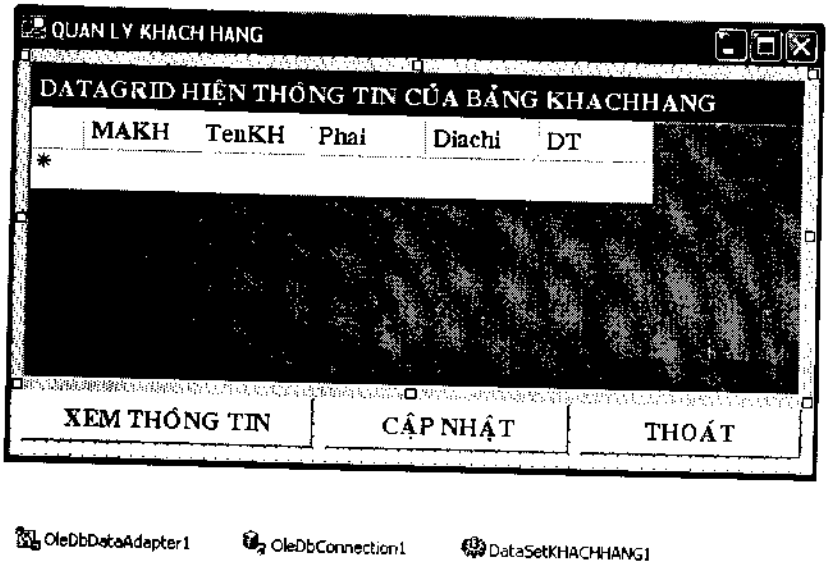

B6H69

- Tạo Form con có tên FormMATHANG

◈ Vào menu Project, chọn Add Windows Form để tạo một Form con thứ hai, đó là FormMATHANG

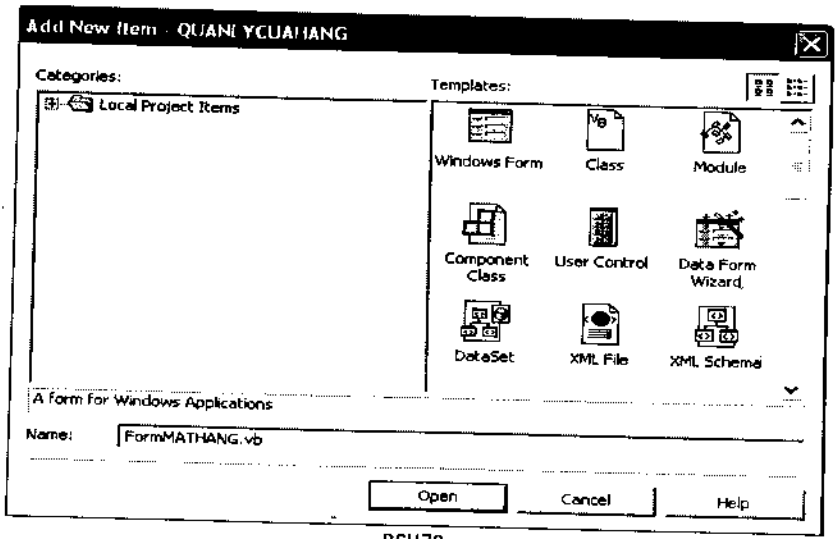

B6H70

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ

◈ Click Icon để hiện hộp công cụ

◈ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

SELECT * FROM MATHANG

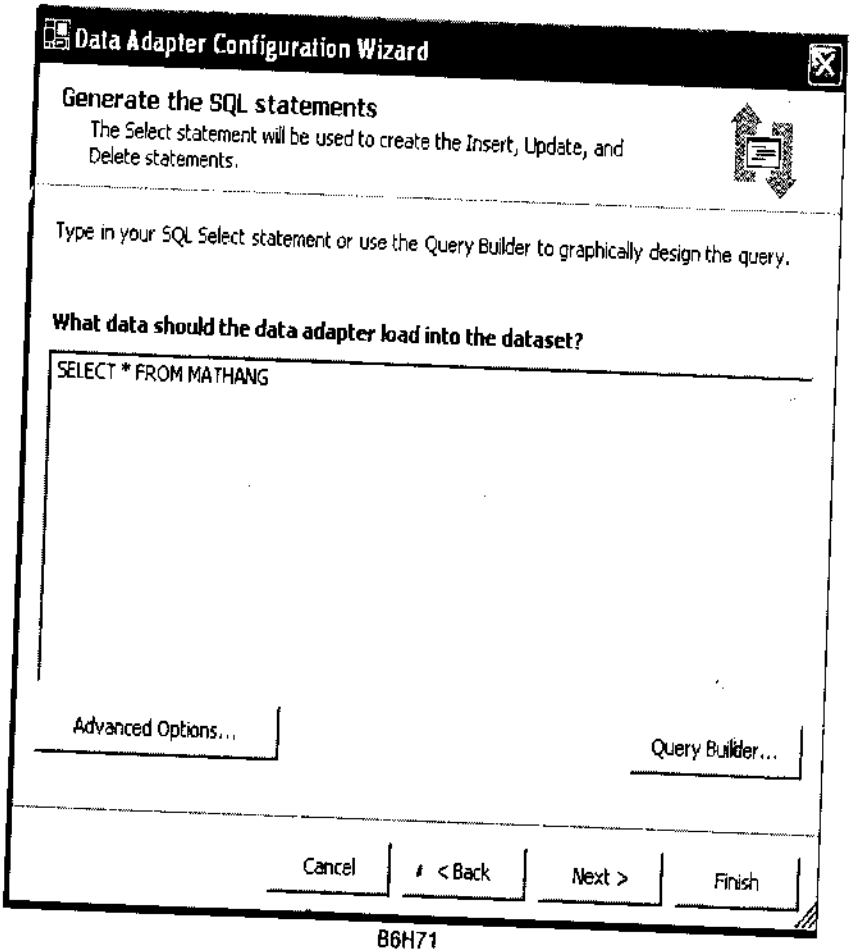

B6H71

◈ Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có hai đối tượng OleDbDataAdapter1 và OleDbConnection1.

◈ Click chọn FormMATHANG

◈ Vào menu Data, chọn Generate Dataset

◈ Click chọn mục New

Nhập vào DatasetMATHANG trong khung như hình sau:

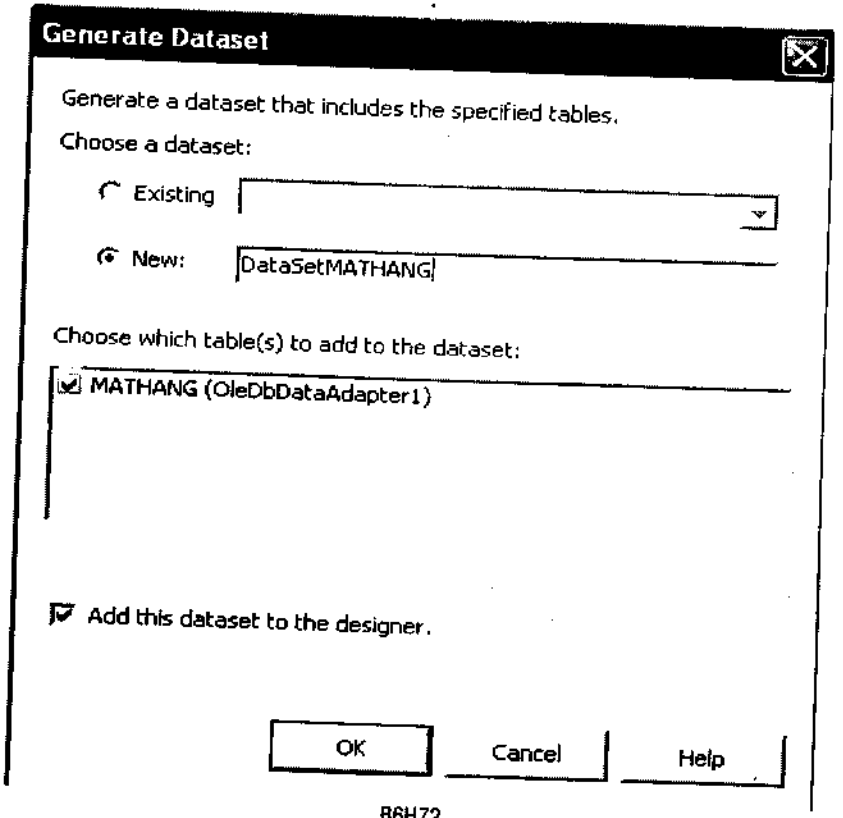

B6H72

◈ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DatasetMATHANG1

Để đưa điều khiển DataGrid vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

◈ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ

◈ Đưa điều khiển DataGrid vào trong Form

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên

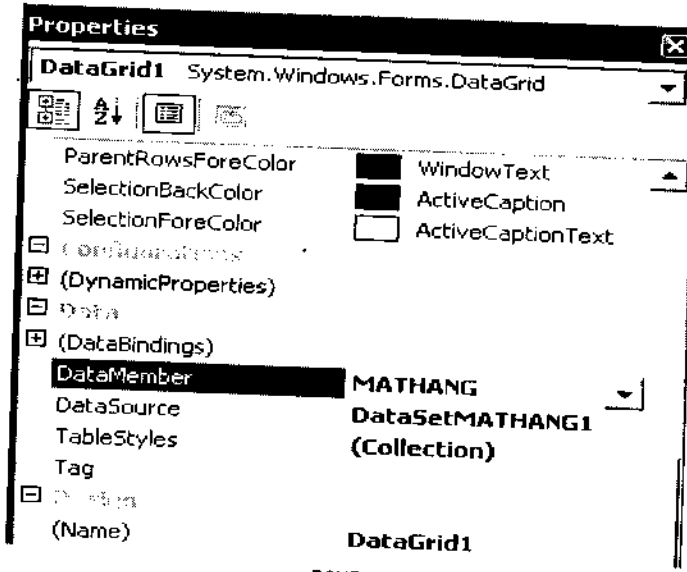

B6H73

Ghi chú:

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

Đưa các Button vào Form và xác lập các thuộc tính cho chúng để được như hình sau:

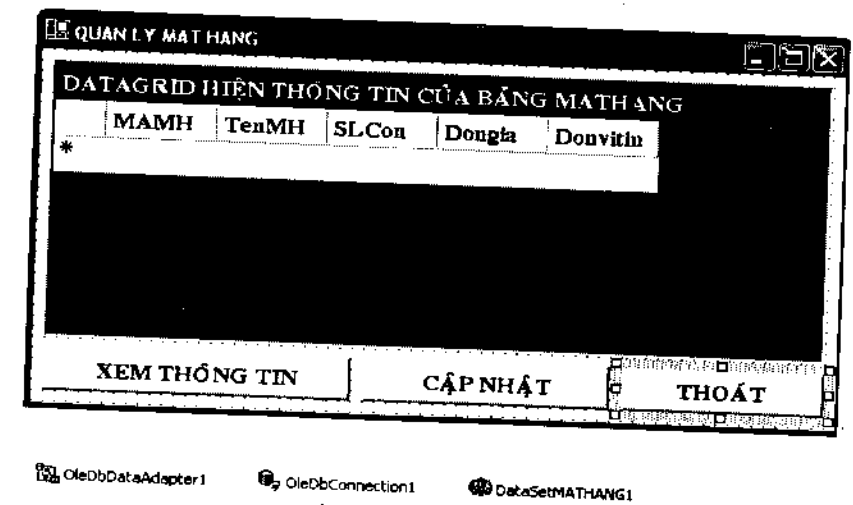

B6H74

- Tạo Form con có tên FormHOADON

◈ Vào menu Project, chọn Add Windows Form để tạo một Form con thứ hai, đó là FormHOADON

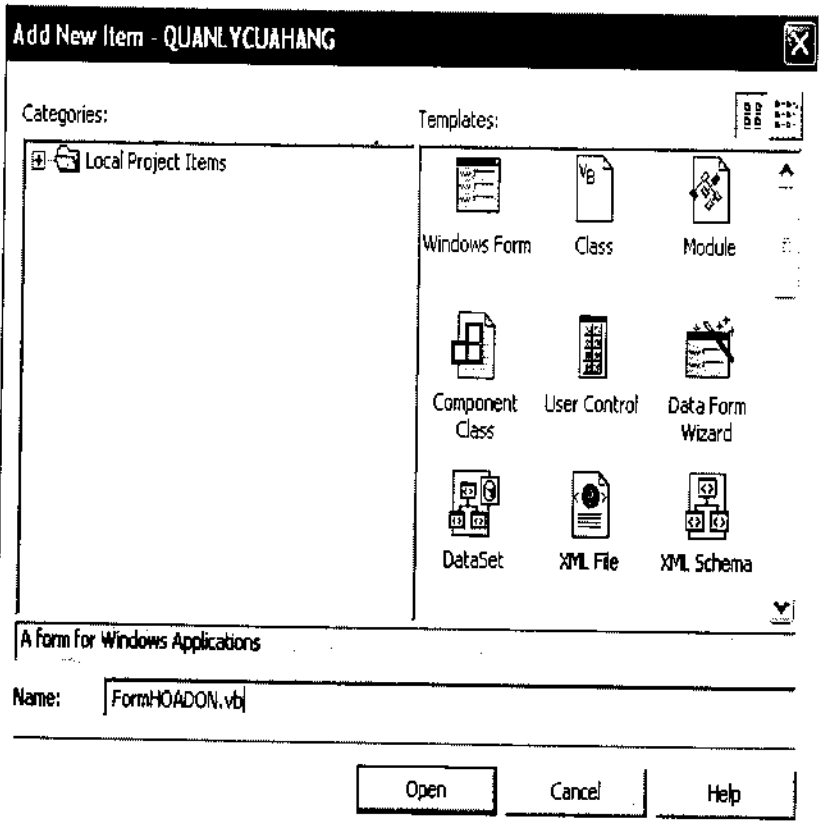

B6H75

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ

◈ Click Icon để hiện hộp công cụ

◈ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

SELECT * FROM HOADON

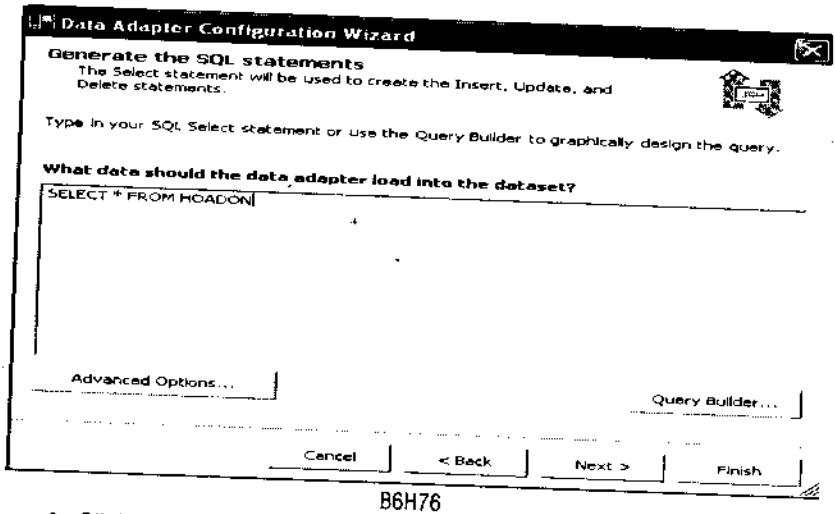

B6H76

◈ Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có hai đối tượng OleDbDataAdapter1 và OleDbConnection1.

◈ Click chọn FormHOADON

◈ Vào menu Data, chọn Generate Dataset

◈ Click chọn mục New

Nhập vào DatasetHOADON trong khung như hình sau:

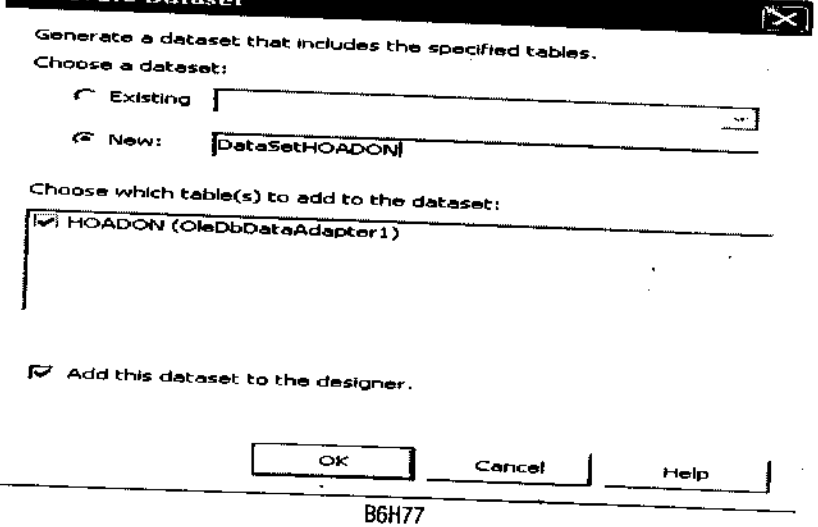

B6H77

◈ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DatasetHOADON1

Để đưa điều khiển DataGrid vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

◈ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ

◈ Đưa điều khiển DataGrid vào trong Form

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên

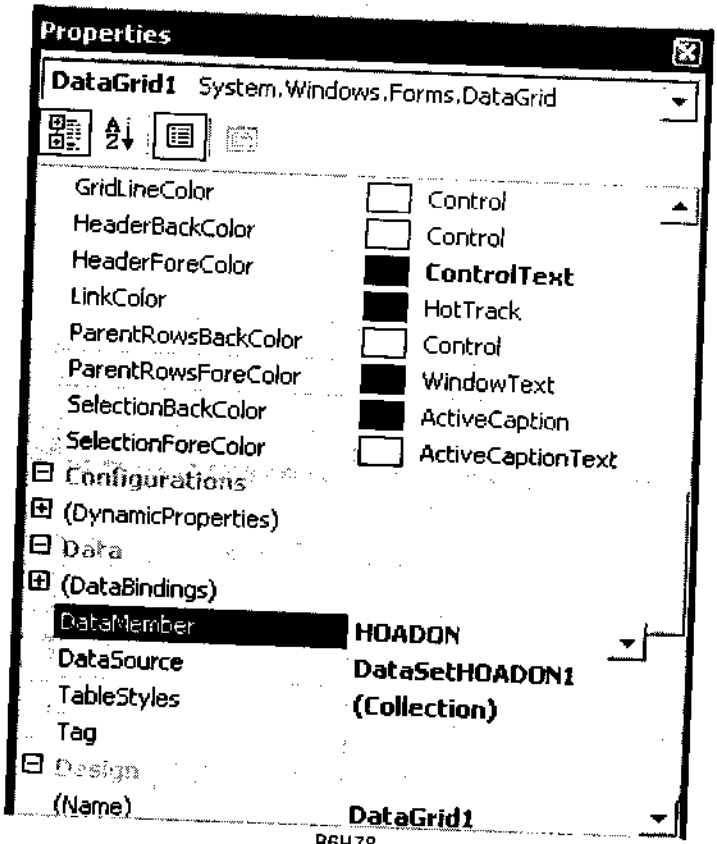

B6H78

Ghi chú:

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

Đưa các Button vào Form và xác lập các thuộc tính cho chúng để được như hình sau:

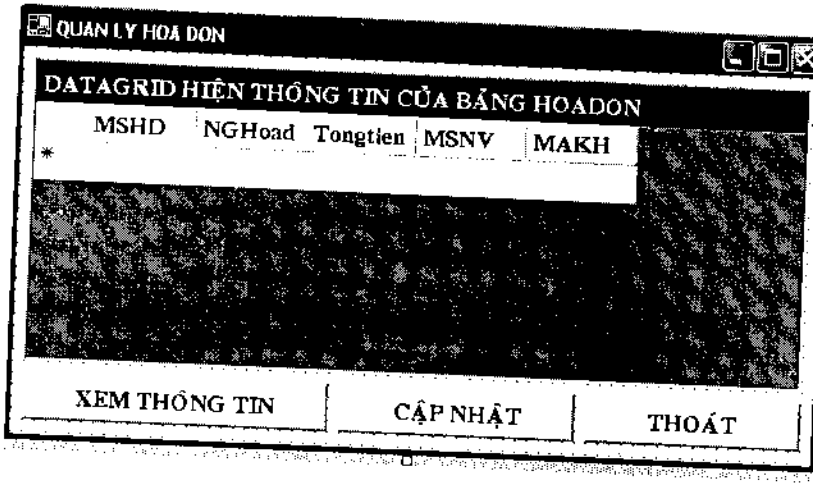

B6H79

- Tạo Form con có tên FormCHITIET
  - Vào menu Project, chọn Add Windows Form để tạo một Form con thứ hai, đó là FormCHITIET

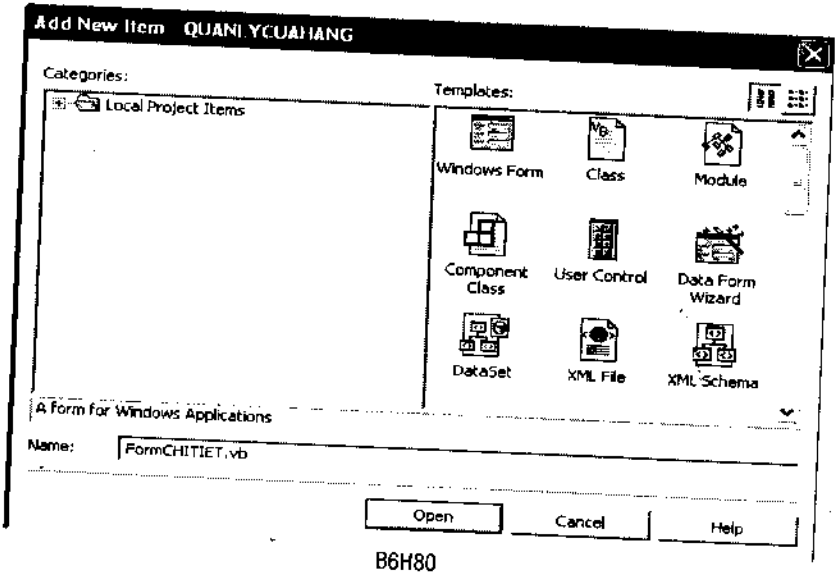

B6H80

Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter vào khay công cụ

- Click Icon để hiện hộp công cụ
- Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

SELECT * FROM CHITIET

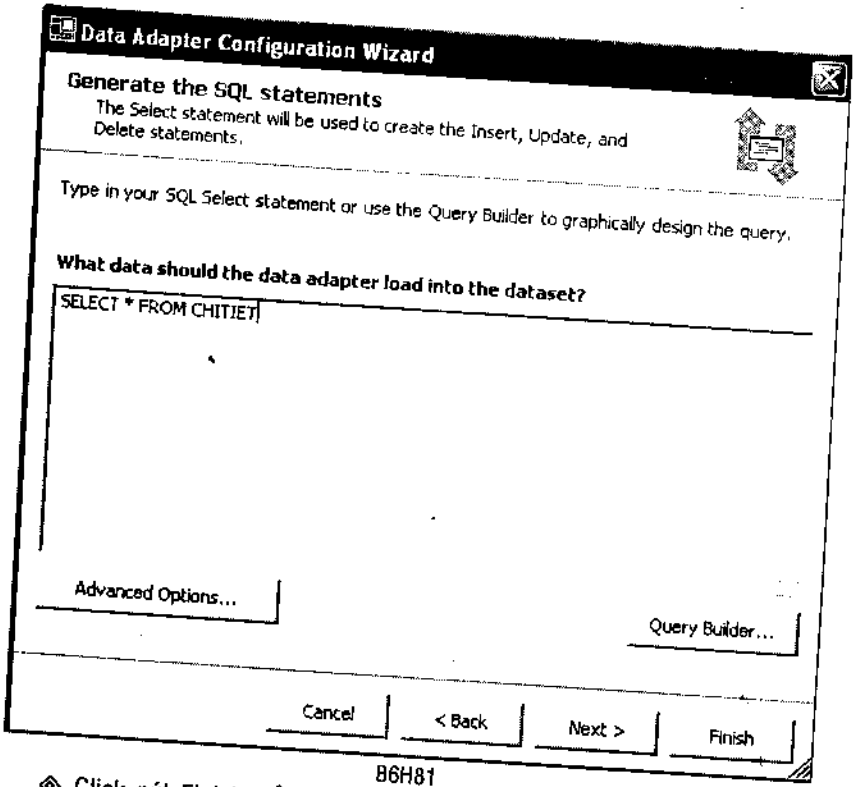

86H81

- Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có hai đối tượng OleDbDataAdapter1 và OleDbConnection1.
- Click chọn FormCHITIET
- Vào menu Data, chọn Generate Dataset
- Click chọn mục New
- Nhập vào DatasetCHITIET trong khung như hình sau:

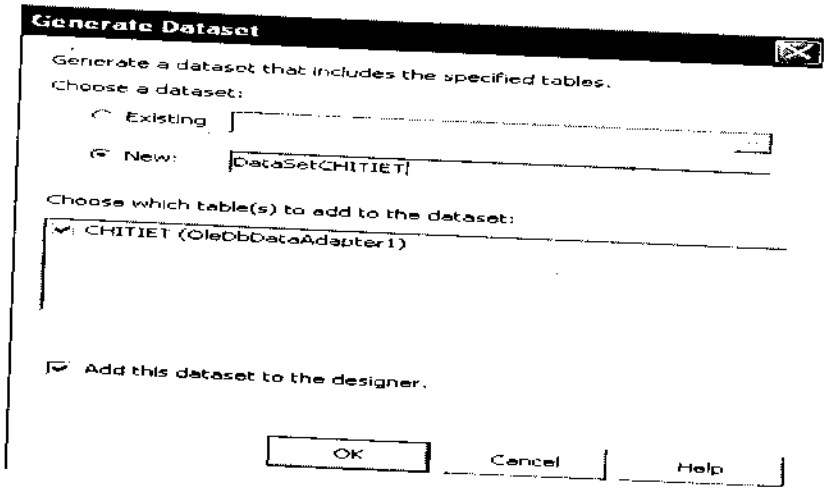

B6H82

◈ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DatasetCHITIET1

Để đưa điều khiển DataGrid vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

◈ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ

◈ Đưa điều khiển DataGrid vào trong Form

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên

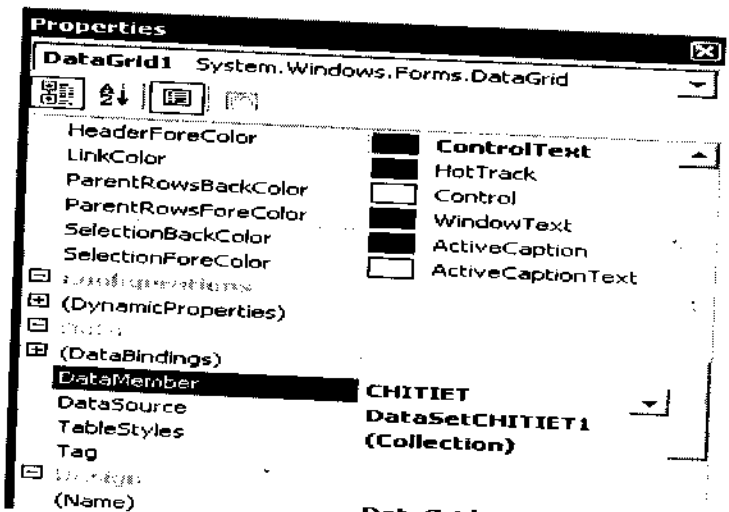

B6H83

Ghi chú:

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

Đưa các Button vào Form và xác lập các thuộc tính cho chúng để được như hình sau:

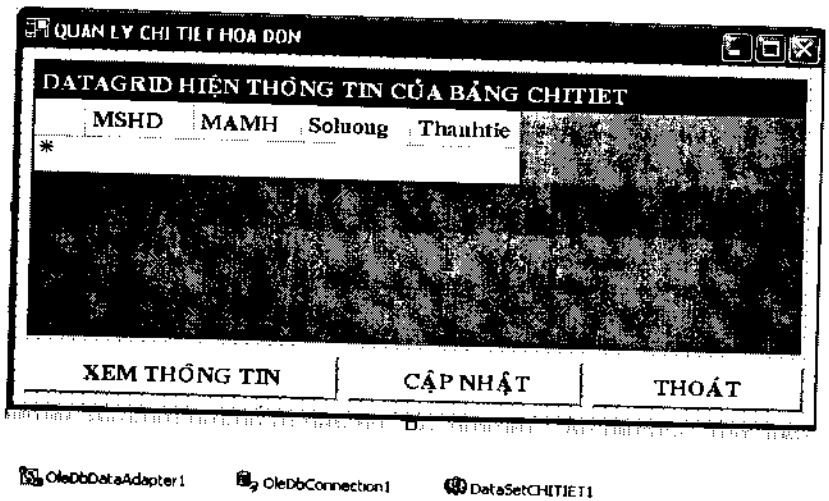

B6H84

- Tạo Form con có tên FormNVHDKH

◈ Vào menu Project, chọn Add Windows Form để tạo một Form con thứ hai, đó là FormNVHDKH

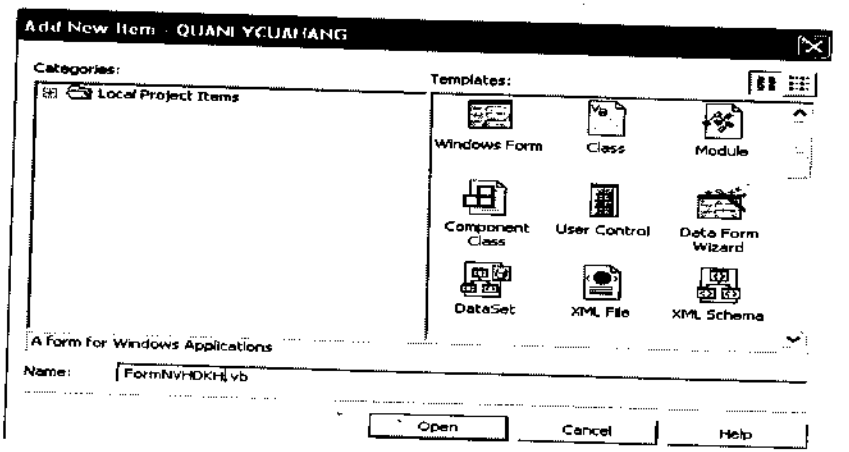

B6H85

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter1 vào khay công cụ

◈ Click Icon để hiện hộp công cụ

◈ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

SELECT * FROM NHANVIEN

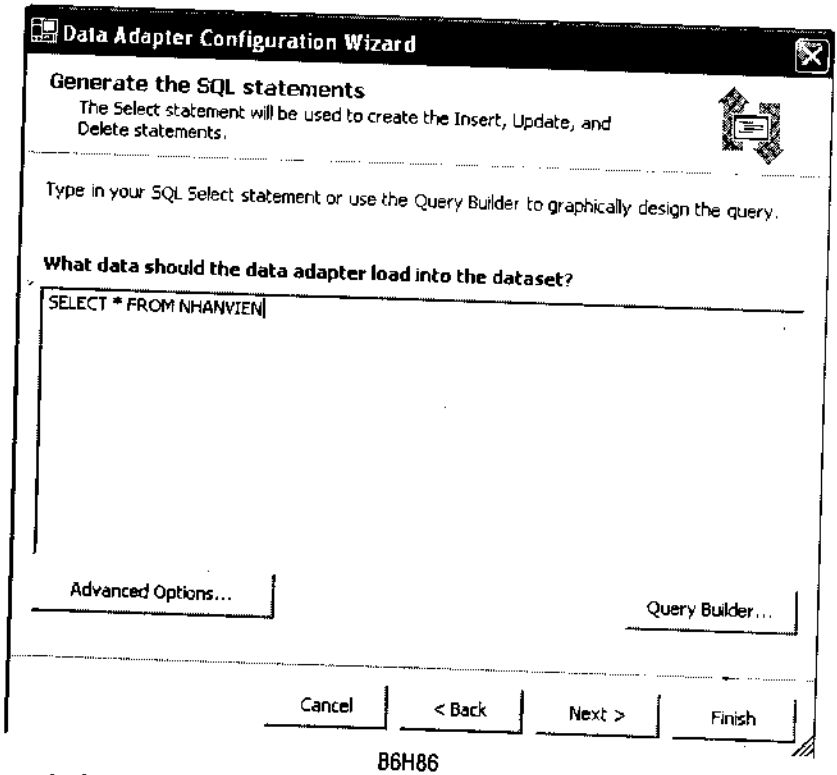

B6H86

◈ Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có hai đối tượng OleDbDataAdapter1 và OleDbConnection1.

◈ Click chọn FormNVHDKH

◈ Vào menu Data, chọn Generate Dataset

◈ Click chọn mục New

◈ Nhập vào DatasetNV trong khung như hình sau:

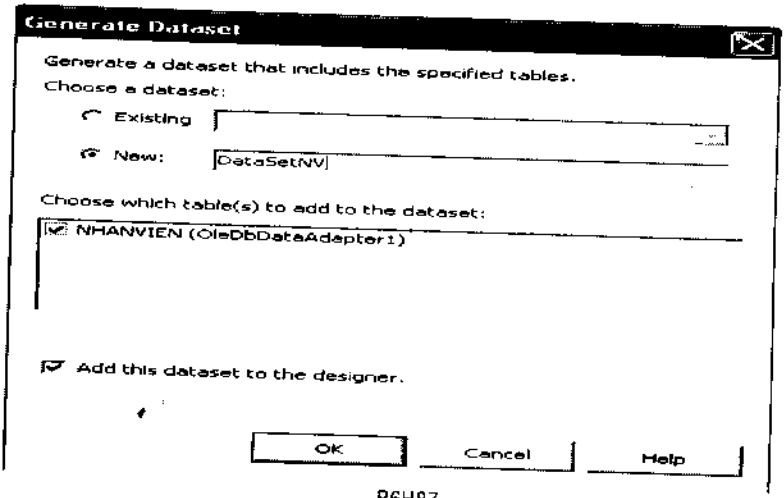

B6H87

◈ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DatasetNV1

Để đưa điều khiển DataGrid vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

◈ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ

◈ Đưa điều khiển DataGrid vào trong Form

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên

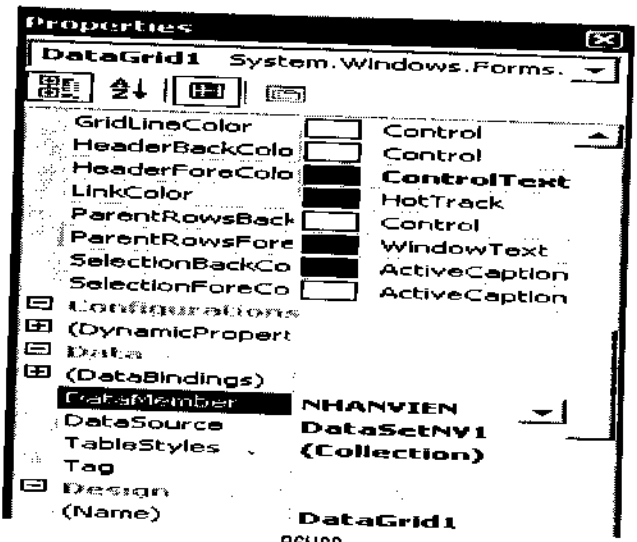

B6H88

Ghi chú:

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter2 vào khay công cụ

◈ Click Icon để hiện hộp công cụ

◈ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

SELECT * FROM HOADON

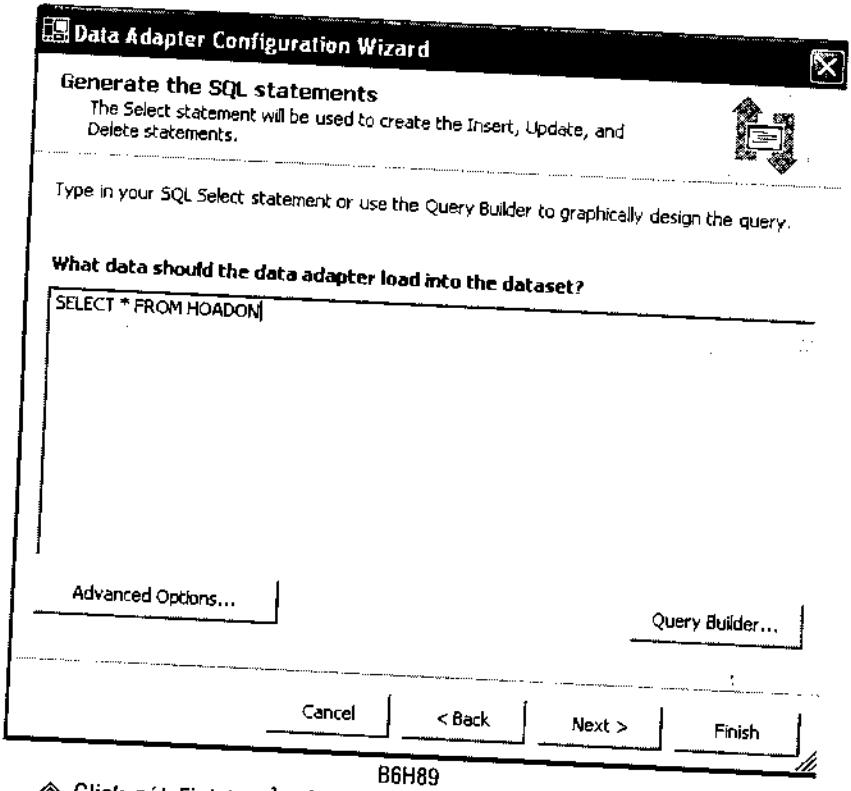

B6H89

◈ Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có thêm đối tượng OleDbDataAdapter2.

◈ Click chọn FormNVHDKH

◈ Vào menu Data, chọn Generate Dataset

◈ Click chọn mục New

◈ Nhập vào DatasetHD trong khung như hình sau:

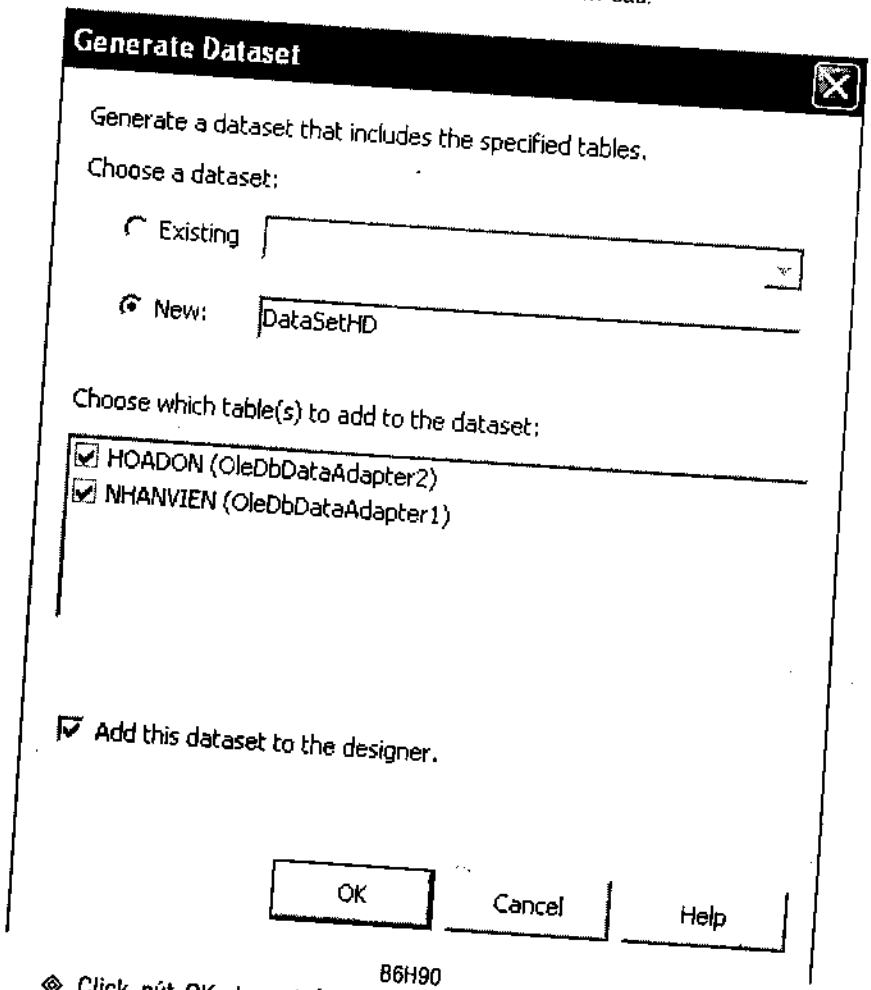

B6H90

◈ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DatasetHD1

Để đưa điều khiển DataGrid vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

◈ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ

◈ Đưa điều khiển DataGrid vào trong Form

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên

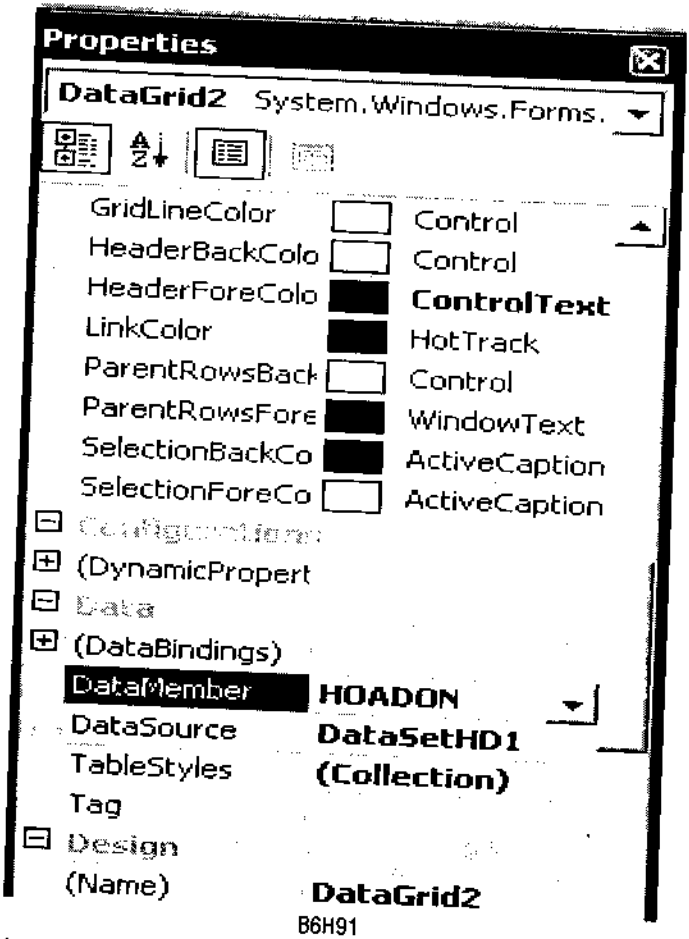

B6H91

Ghi chú:

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter3 vào khay công cụ

◈ Click Icon để hiện hộp công cụ

◈ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

SELECT * FROM KHACHHANG

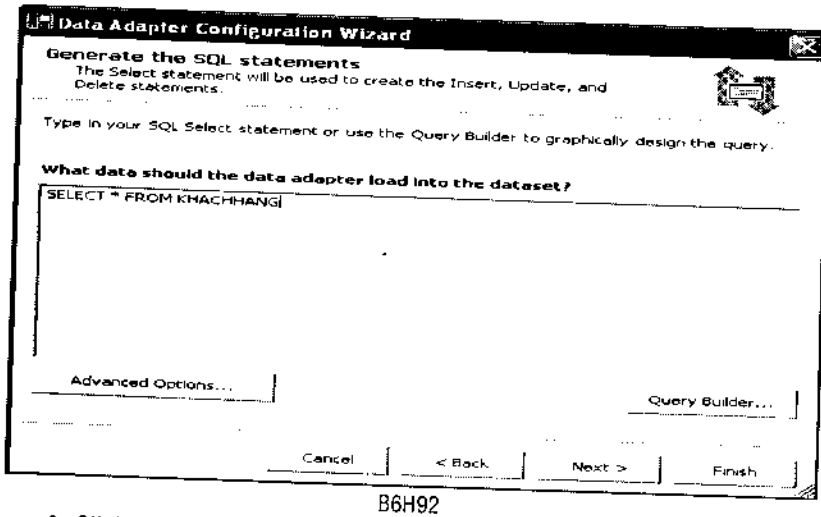

B6H92

◈ Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có thêm đối tượng OleDbDataAdapter3.

◈ Click chọn FormNVHDKH

◈ Vào menu Data, chọn Generate Dataset

◈ Click chọn mục New

◈ Nhập vào DatasetKH trong khung như hình sau:

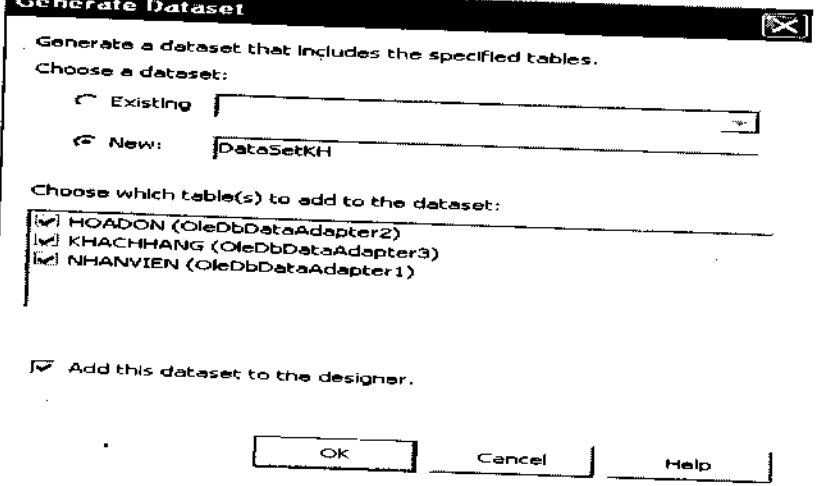

B6H93

◈ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DatasetKH1

Để đưa điều khiển DataGrid vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

◈ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ

◈ Đưa điều khiển DataGrid vào trong Form

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên

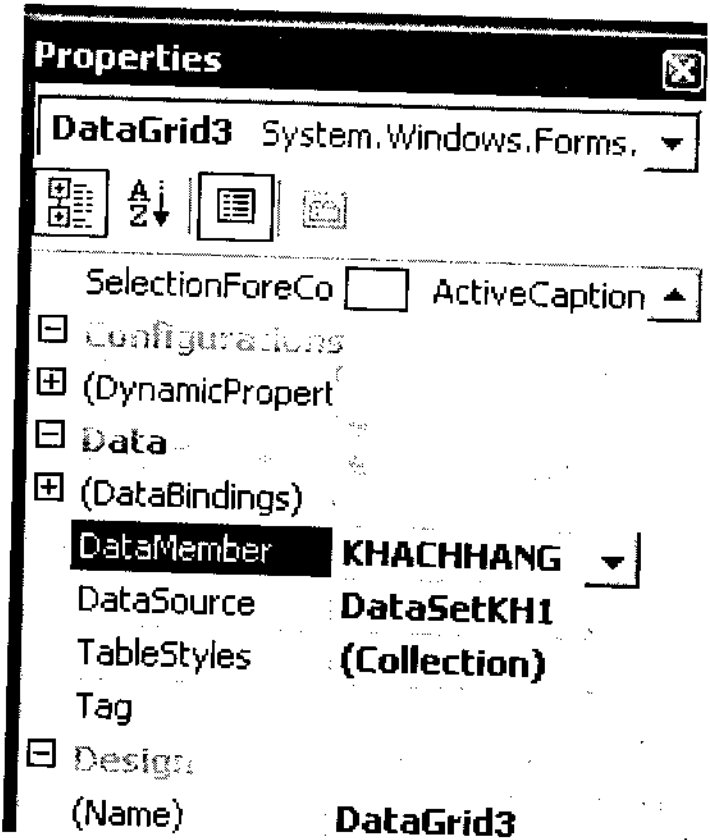

B6H94

Ghi chú:

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

Đưa các Button vào Form, xác lập các thuộc tính cho chúng như đã cho ở trên, các bạn sẽ có hình như sau:

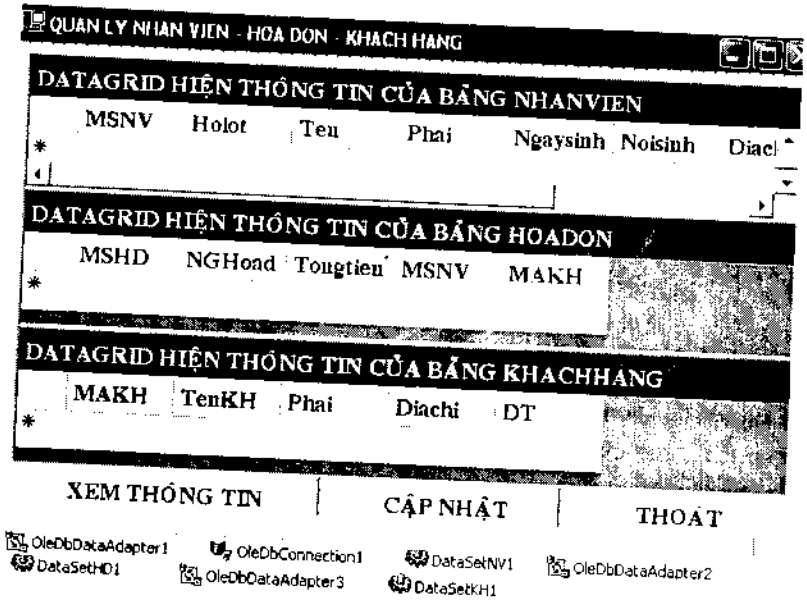

B6H95

- Tạo Form con có tên FormKHHDCTMH

◈ Vào menu Project, chọn Add Windows Form để tạo một Form con thứ hai, đó là FormKHHDCTMH

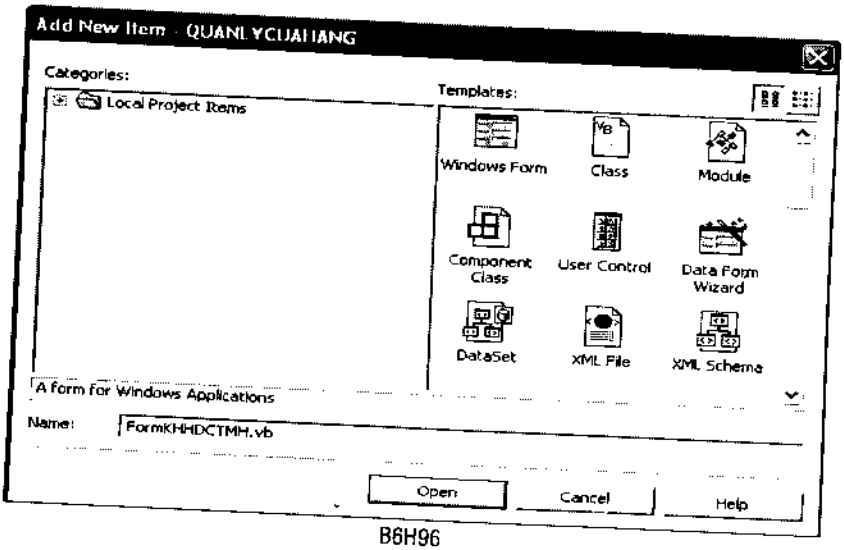

B6H96

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter1 vào khay công cụ

◈ Click Icon để hiện hộp công cụ

◈ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

SELECT * FROM KHACHHANG

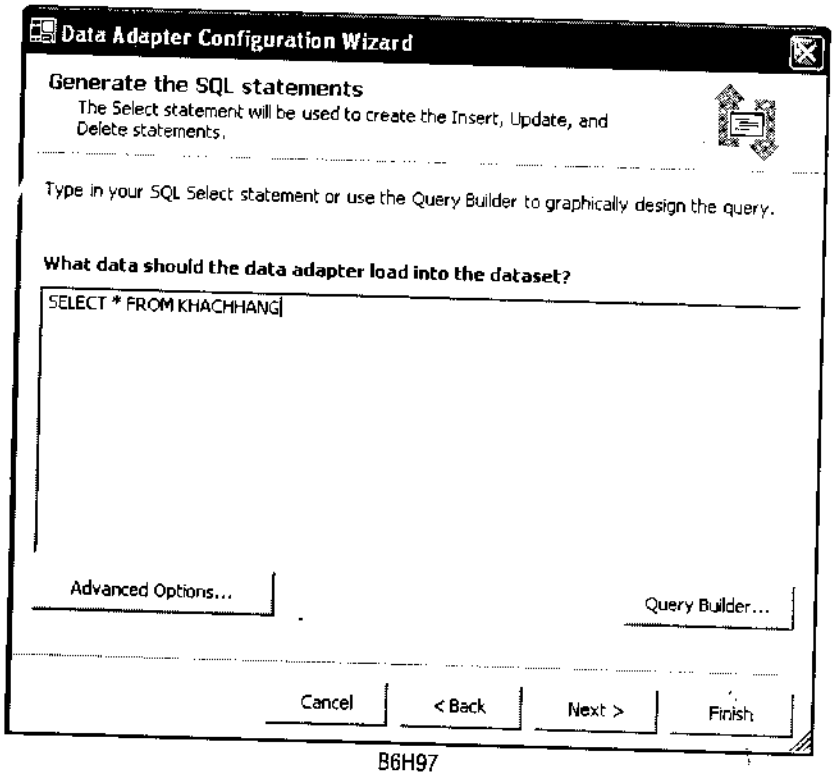

B6H97

◈ Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có hai đối tượng OleDbDataAdapter1 và OleDbConnection1.

◈ Click chọn FormKHHDCTMH

◈ Vào menu Data, chọn Generate Dataset

◈ Click chọn mục New

◈ Nhập vào DatasetKH2 trong khung như hình sau:

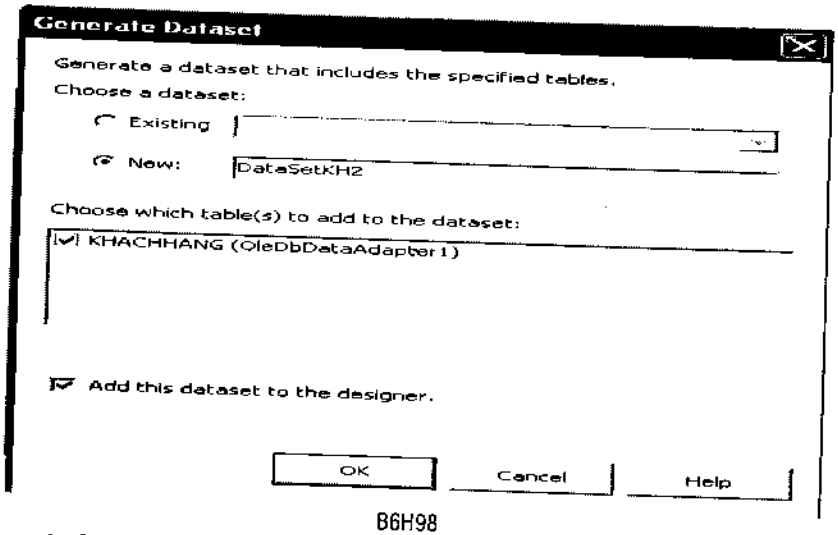

B6H98

◈ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DatasetKH21

Để đưa điều khiển DataGrid vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

◈ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ

◈ Đưa điều khiển DataGrid vào trong Form

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên

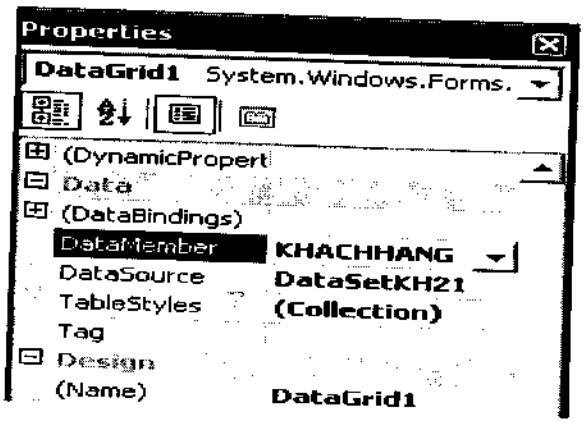

B6H99

Ghi chú:

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter2 vào khay công cụ

◈ Click Icon để hiện hộp công cụ

◈ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

SELECT * FROM HOADON

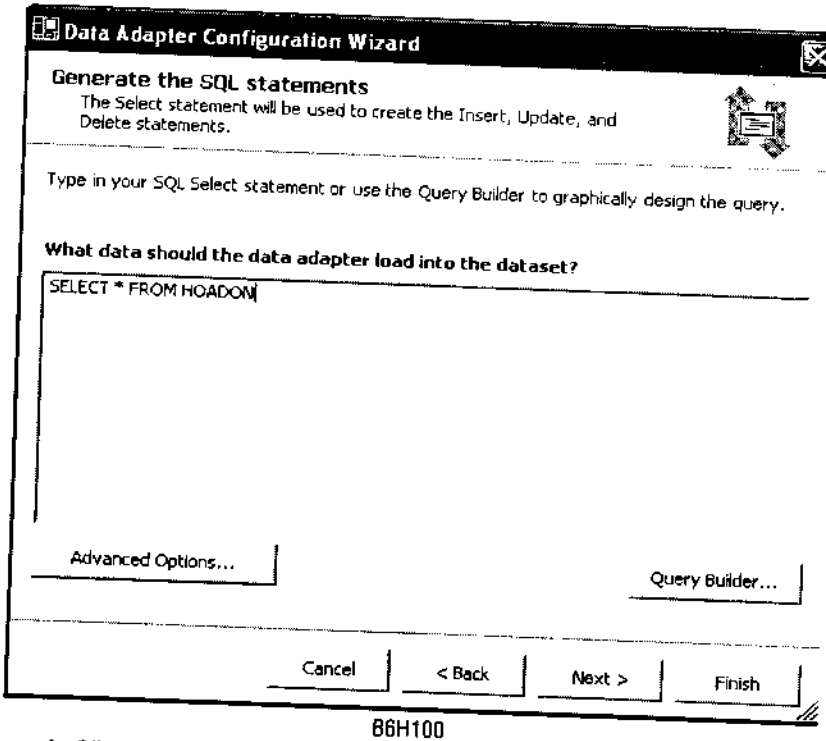

B6H100

◈ Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có thêm đối tượng OleDbDataAdapter2.

◈ Click chọn FormKHHDCTMH

◈ Vào menu Data, chọn Generate Dataset

◈ Click chọn mục New

◈ Nhập vào DatasetHD2 trong khung như hình sau:

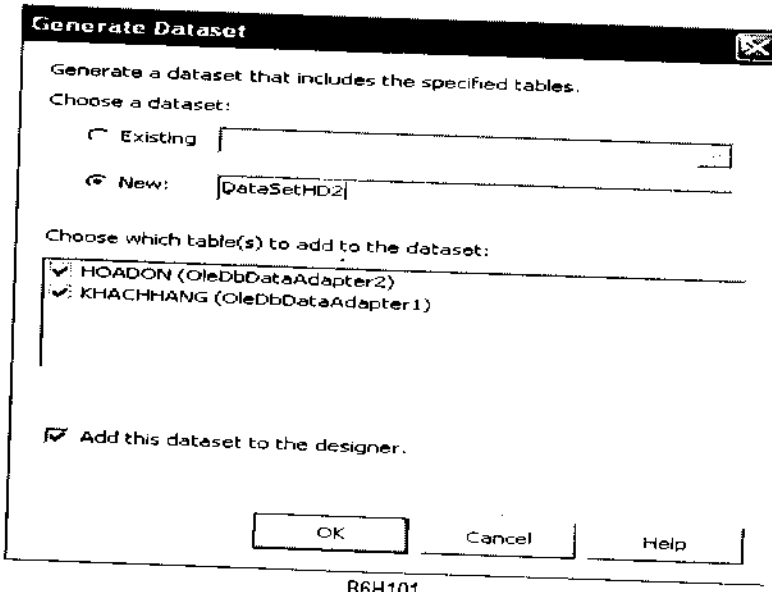

B6H101

◈ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DatasetHD21

Để đưa điều khiển DataGrid vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

◈ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ

◈ Đưa điều khiển DataGrid vào trong Form

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên

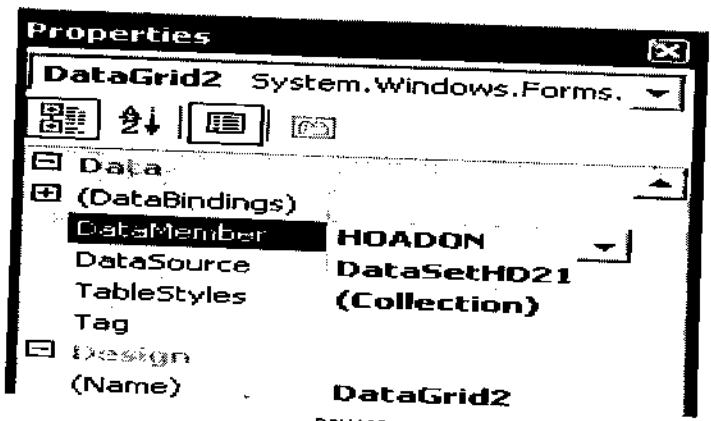

B6H102

Ghi chú:

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter3 vào khay công cụ

◈ Click Icon để hiện hộp công cụ

◈ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

SELECT * FROM CHITIET

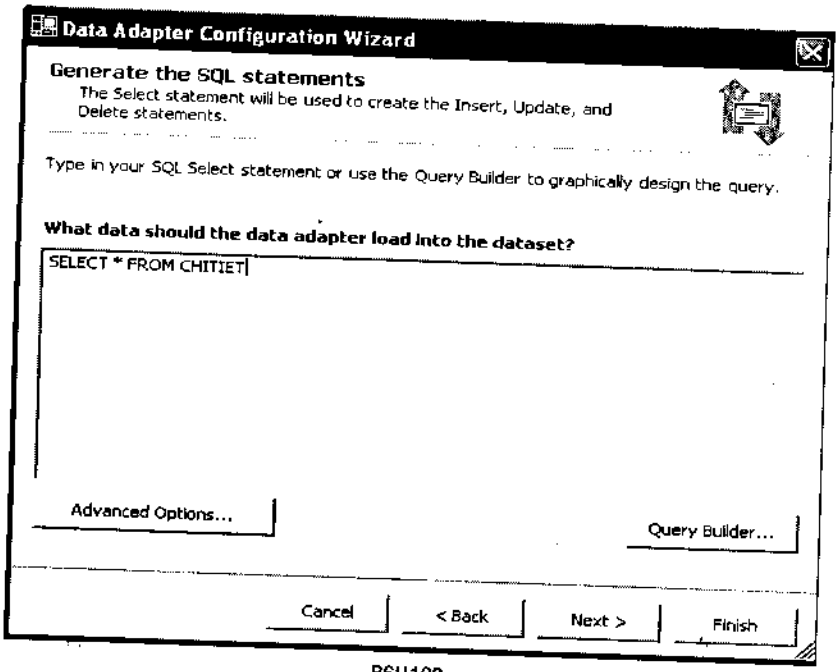

B6H103

◈ Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có thêm đối tượng OleDbDataAdapter3.

◈ Click chọn FormKHHDCTMH

◈ Vào menu Data, chọn Generate Dataset

◈ Click chọn mục New

◈ Nhập vào DatasetCT2 trong khung như hình sau:

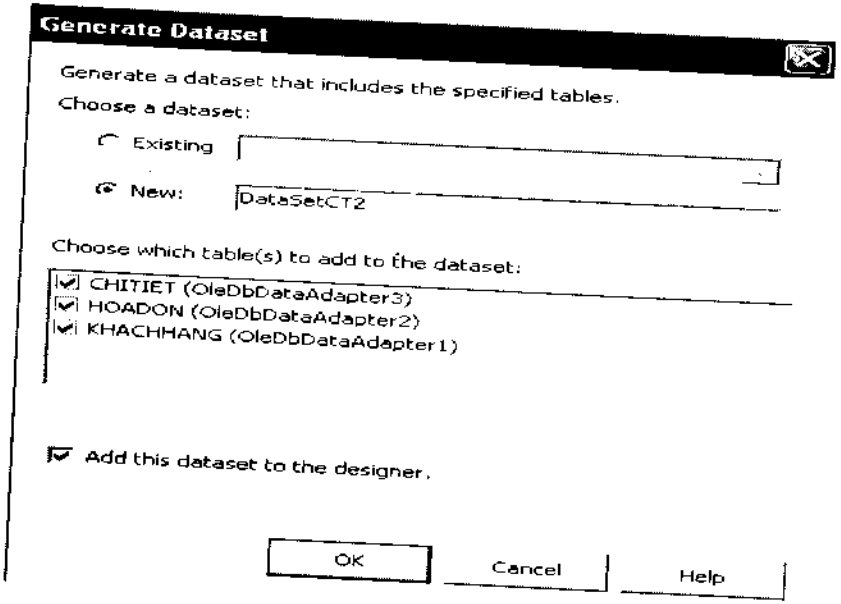

B6H104

◈ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DatasetCT21

Để đưa điều khiển DataGrid vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

◈ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ

◈ Đưa điều khiển DataGrid vào trong Form

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên

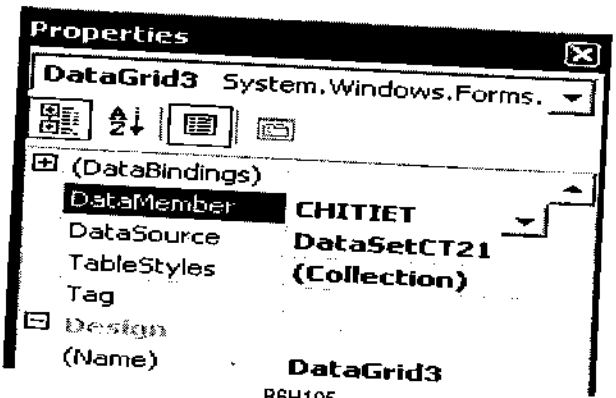

B6H105

Ghi chú:

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter4 vào khay công cụ

◈ Click Icon để hiện hộp công cụ

◈ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

SELECT * FROM MATHANG

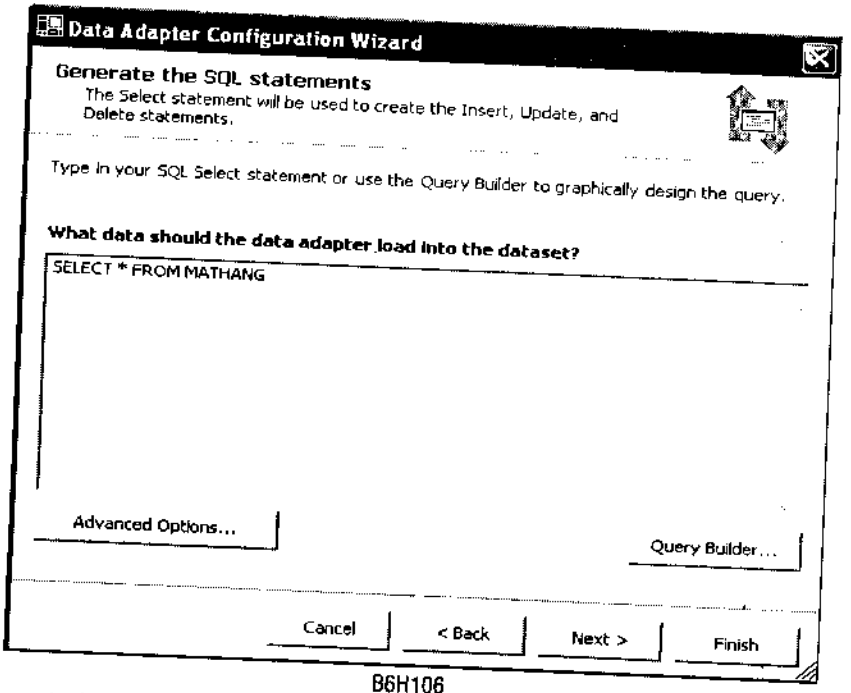

B6H106

◈ Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có thêm đối tượng OleDbDataAdapter4.

◈ Click chọn FormKHHDCTMH

◈ Vào menu Data, chọn Generate Dataset

◈ Click chọn mục New

◈ Nhập vào DatasetMH2 trong khung như hình sau:

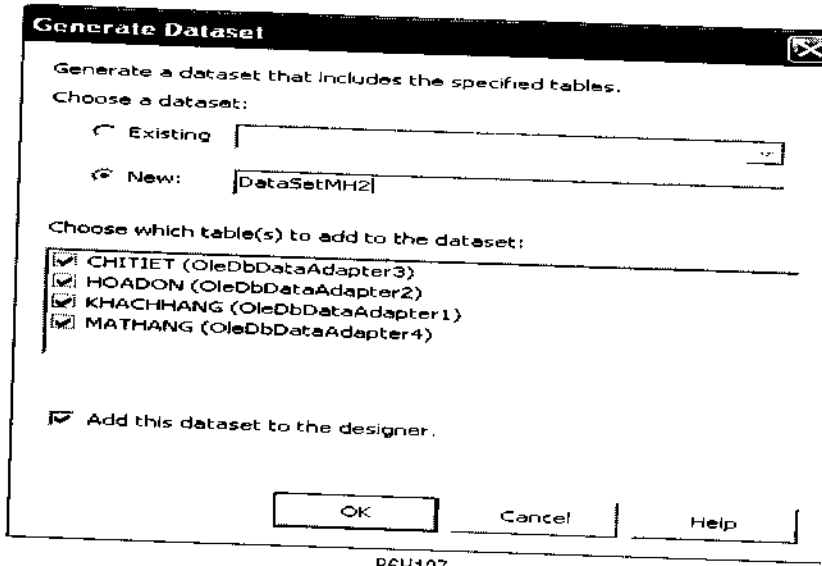

B6H107

◈ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DatasetMH21

Để đưa điều khiển DataGrid vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

◈ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ

◈ Đưa điều khiển DataGrid vào trong Form

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên

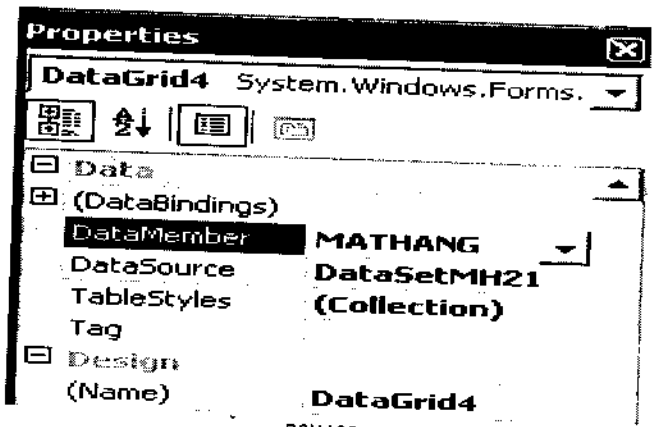

B6H108

Ghi chú:

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

Ghi chú:

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

Khi thực hiện xong chúng ta sẽ có hình như sau:

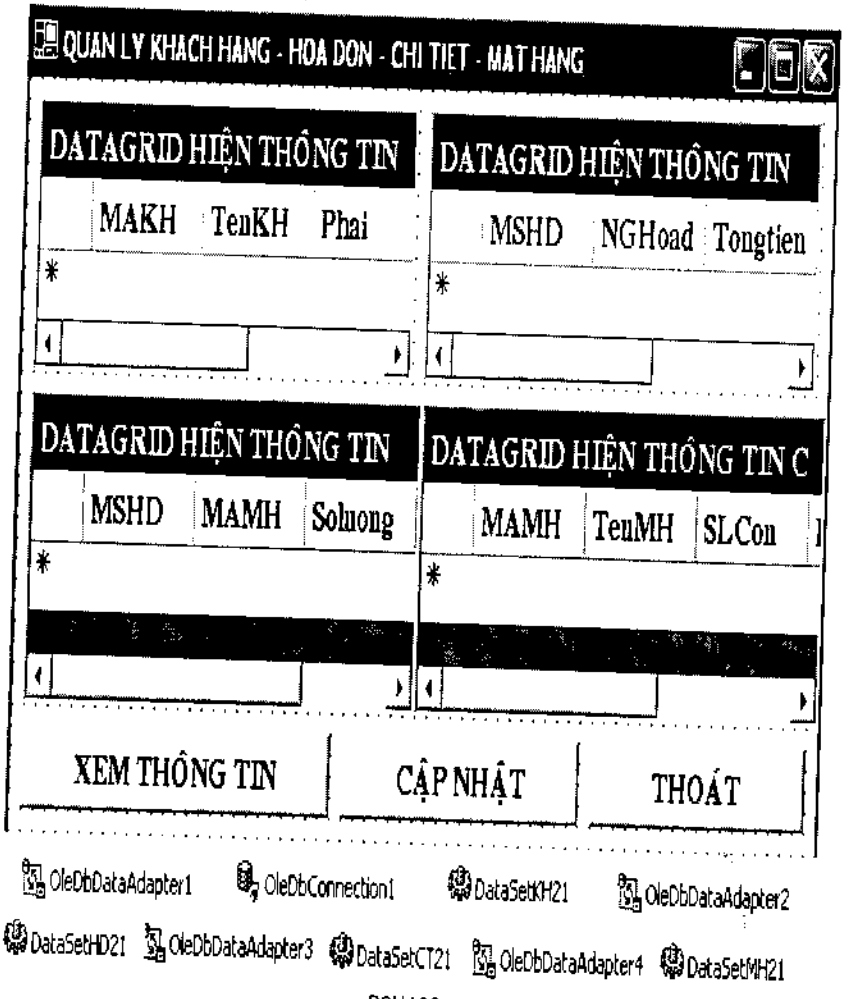

B6H109

- Tạo Form con có tên FormNVHDCTMH

◈ Vào menu Project, chọn Add Windows Form để tạo một Form con thứ hai, đó là FormNVHDCTMH

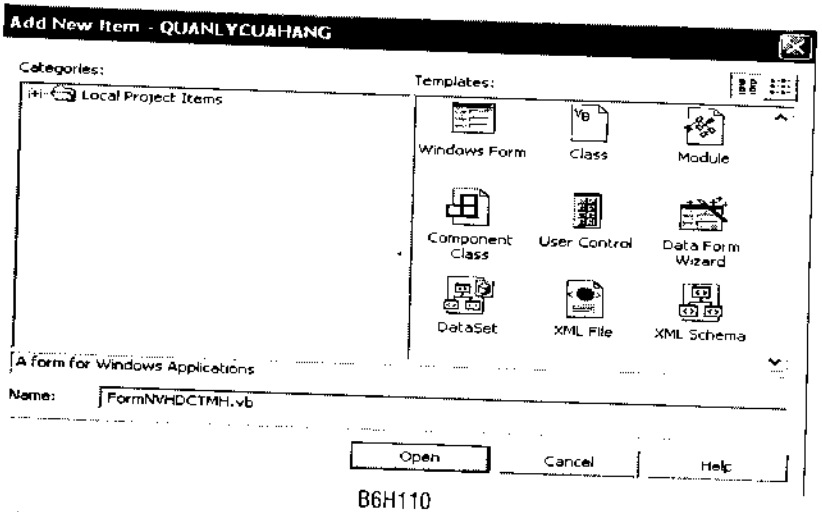

B6H110

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter1 vào khay công cụ

◈ Click Icon để hiện hộp công cụ

◈ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

SELECT * FROM NHANVIEN

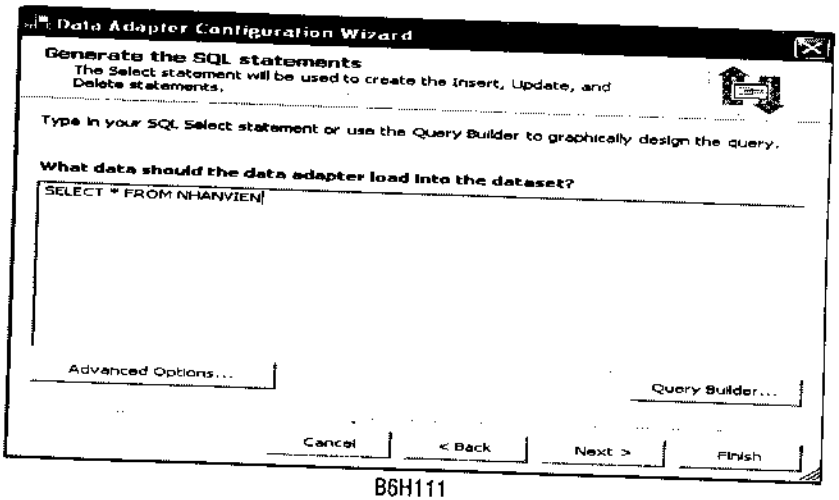

B6H111

◈ Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có hai đối tượng OleDbDataAdapter1 và OleDbConnection1.

◈ Click chọn FormNVHDCTMH

◈ Vào menu Data, chọn Generate Dataset

◈ Click chọn mục New

◈ Nhập vào DatasetNV3 trong khung như hình sau:

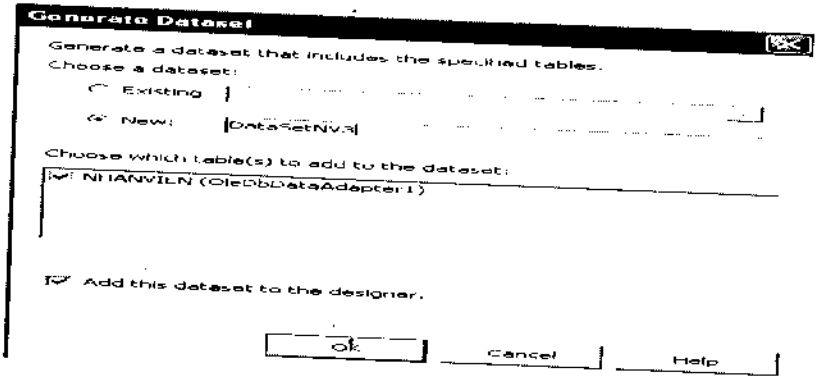

B6H112

◈ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DatasetNV31

Để đưa điều khiển DataGrid vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

◈ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ

◈ Đưa điều khiển DataGrid vào trong Form

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên

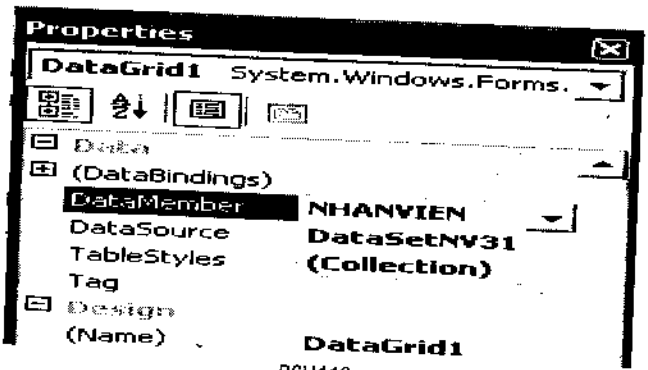

B6H113

Ghi chú:

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter2 vào khay công cụ

◈ Click Icon để hiện hộp công cụ

◈ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

SELECT * FROM HOADON

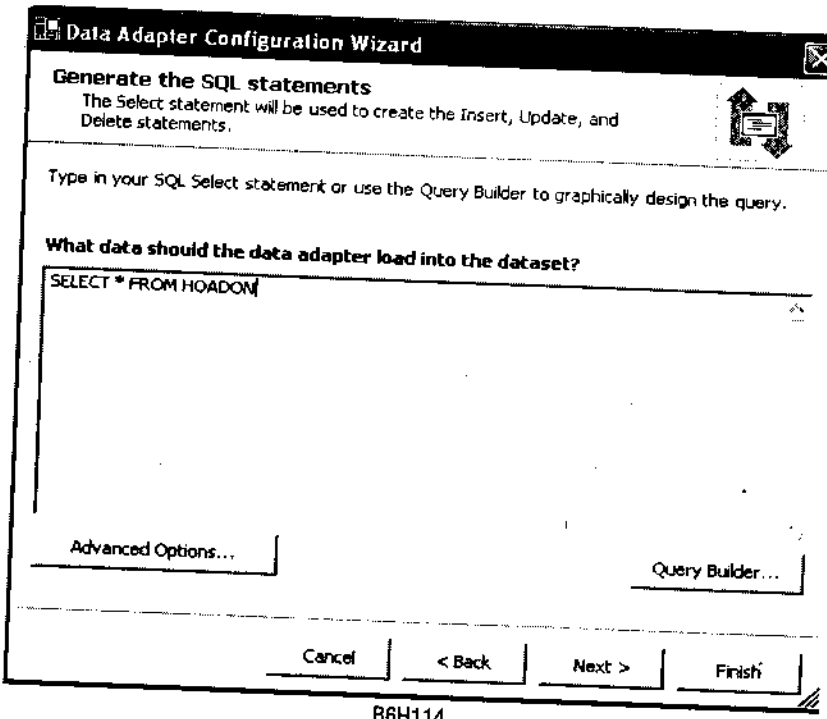

B6H114

◈ Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có thêm đối tượng OleDbDataAdapter2.

◈ Click chọn FormNVHDCTMH

◈ Vào menu Data, chọn Generate Dataset

◈ Click chọn mục New

◈ Nhập vào DatasetHD3 trong khung như hình sau:

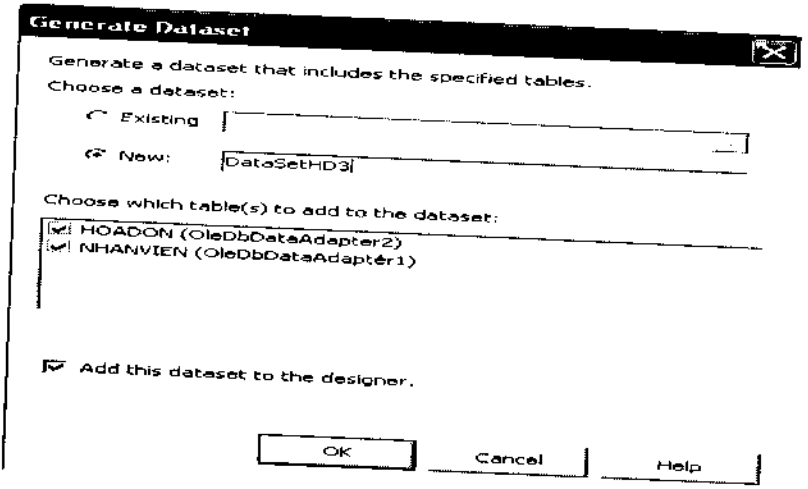

B6H115

◈ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DatasetHD31

Để đưa điều khiển DataGrid vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

◈ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ

◈ Đưa điều khiển DataGrid vào trong Form

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên

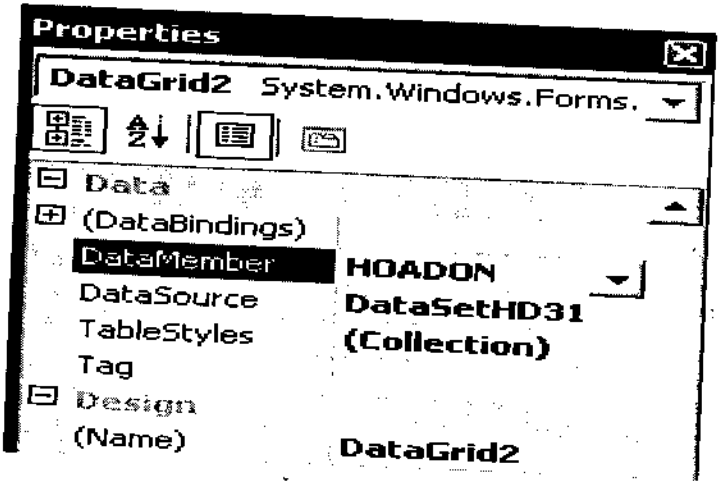

B6H116

Ghi chú:

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter3 vào khay công cụ

◈ Click Icon để hiện hộp công cụ

◈ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

SELECT * FROM CHITIET

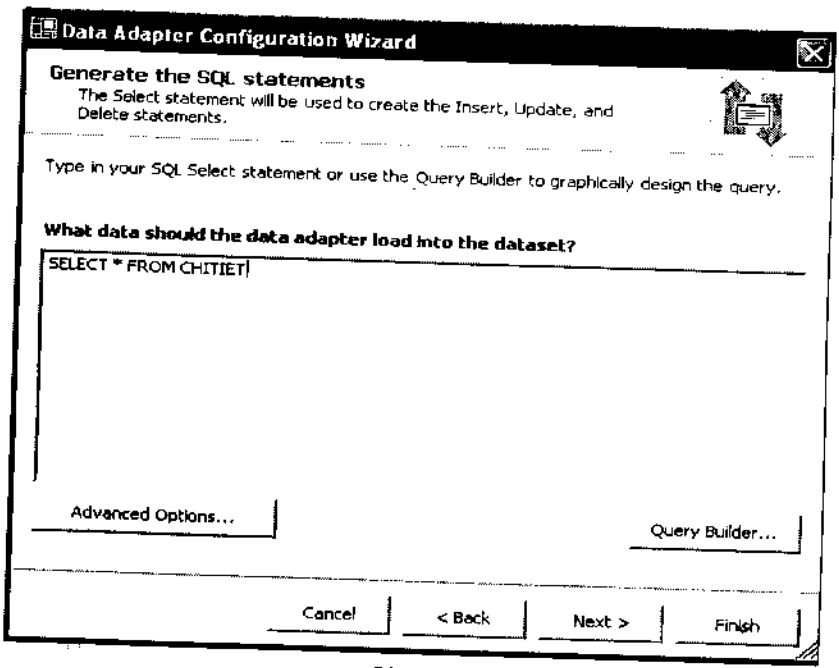

B6H117

◈ Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có thêm đối tượng OleDbDataAdapter3.

◈ Click chọn FormNVHDCTMH

◈ Vào menu Data, chọn Generate Dataset

◈ Click chọn mục New

◈ Nhập vào DatasetCT3 trong khung như hình sau:

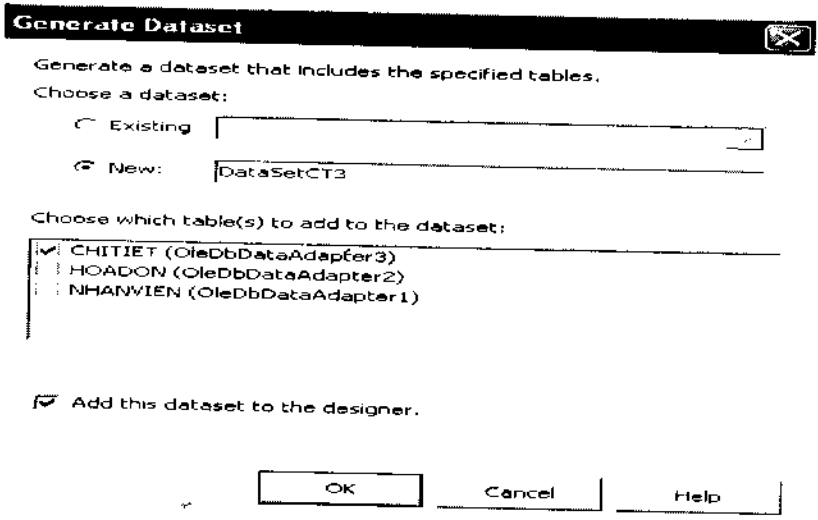

B6H118

◈ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DatasetCT31

Để đưa điều khiển DataGrid vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

◈ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ

◈ Đưa điều khiển DataGrid vào trong Form

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên

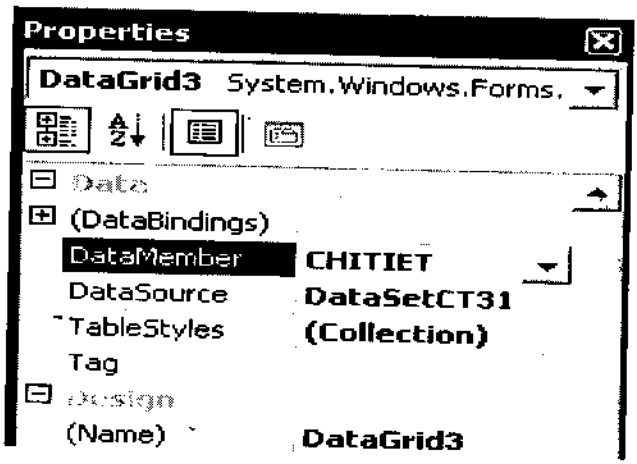

B6H119

Ghi chú:

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

☛ Thực hiện việc đưa đối tượng OleDbDataAdapter4 vào khay công cụ

◈ Click Icon để hiện hộp công cụ

◈ Click tab Data, chọn đối tượng OleDbDataAdapter, vẽ vào vị trí bất kỳ của Form, trong hộp thoại hiện ra, click một vài lần nút Next, lưu ý chọn tên CSDL cho đúng, khi hộp thoại nhập câu lệnh SQL hiện ra, bạn nhập câu lệnh sau:

SELECT * FROM MATHANG

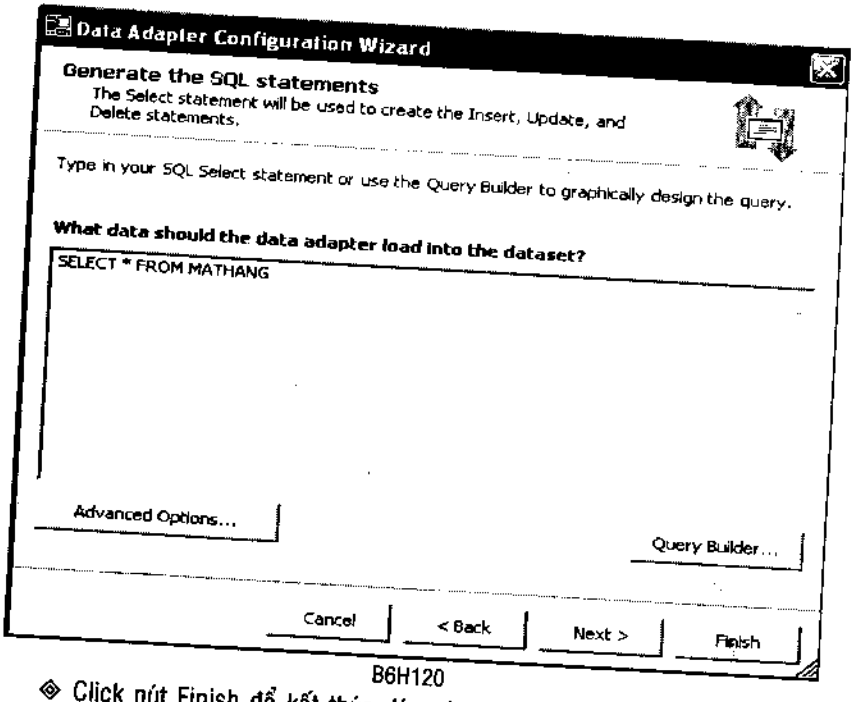

B6H120

◈ Click nút Finish để kết thúc, lúc này trên khay công cụ sẽ có thêm đối tượng OleDbDataAdapter4.

◈ Click chọn FormNVHDCTMH

◈ Vào menu Data, chọn Generate Dataset

◈ Click chọn mục New

◈ Nhập vào DatasetMH3 trong khung như hình sau:

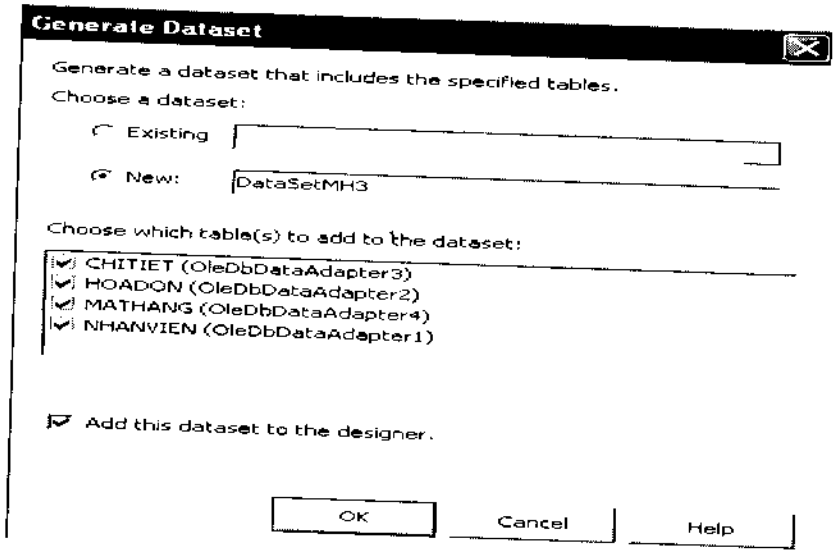

B6H121

◈ Click nút OK, bạn thấy trong khay công cụ bên dưới có thêm đối tượng DatasetMH31

Để đưa điều khiển DataGrid vào trong Form, bạn thực hiện như sau:

◈ Click chọn tab Windows Forms trong hộp công cụ

◈ Đưa điều khiển DataGrid vào trong Form

◈ Click nút phải chuột trên DataGrid, chọn Properties, xác lập các thuộc tính cho điều khiển này như bảng cho ở trên

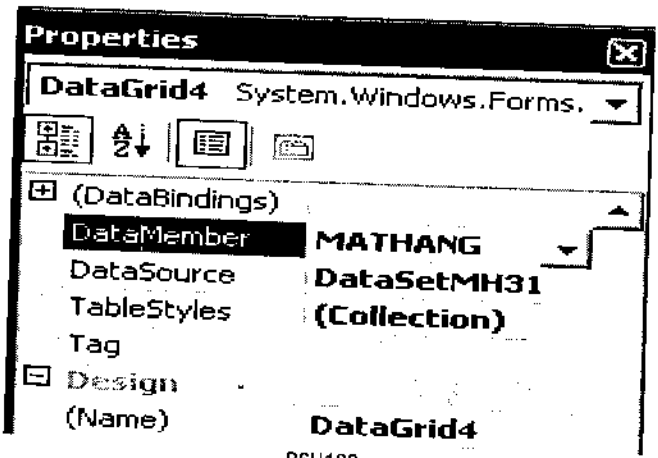

B6H122

Ghi chú:

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

Ghi chú:

Cần chú ý hai thuộc tính Datasource và DataMember, chọn cho đúng

Khi thực hiện xong chúng ta sẽ có hình như sau:

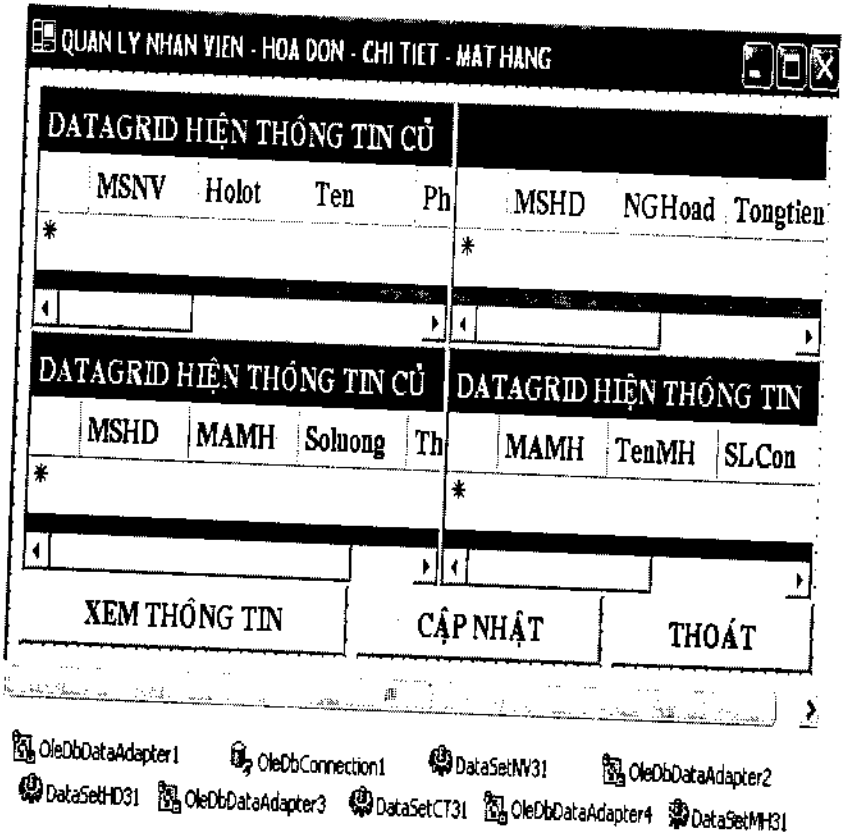

B6H123

② Viết và giải thích code của chương trình

■ Viết code cho Form cha (Form1)

● Viết code cho mục MenuNHANVIEN

▣ Click nút phải chuột trong Form cha, chọn View Code, trong cửa sổ viết code hiện ra, click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên

trái, chọn MenuNHANVIEN, trong khung bên phải chọn Click, sẽ có hình sau:

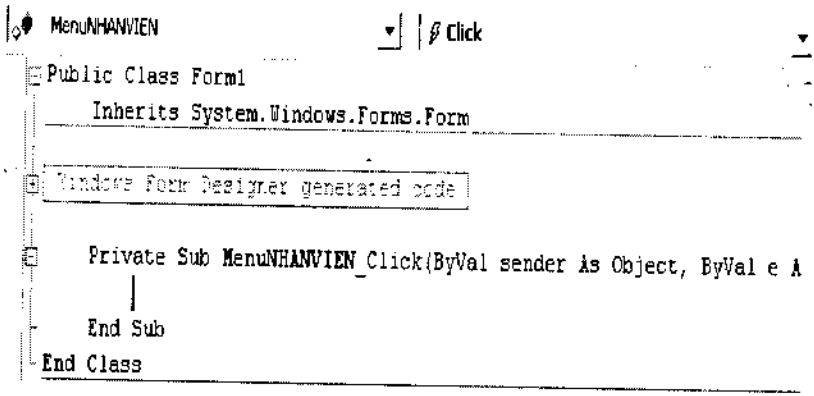

B6H124

Bạn viết code cho khoản mục menu này như sau:

```
Private Sub MenuNHANVIEN_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles MenuNHANVIEN.Click
    Dim Nhanvien As New FormNHANVIEN
    Nhanvien.ShowDialog()
End Sub
```

- Khai báo biến Nhanvien có kiểu FormNhanvien
- Cho FormNhanvien xuất hiện. Tương tự như trên để viết cho các mục còn lại

● Viết code cho mục MenuKHACHHANG

Thực hiện tương tự để xuất hiện thủ tục viết code cho mục MenuKHACHHANG, bạn viết code là hai câu lệnh như sau:

```
Private Sub MenuKHACHHANG_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles MenuKHACHHANG.Click
    Dim Khachhang As New FormKHACHHANG
    Khachhang.ShowDialog()
End Sub
```

● Viết code cho mục MenuMATHANG

```
Private Sub MenuMATHANG_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles MenuMATHANG.Click
    Dim Mathang As New FormMATHANG
    Mathang.ShowDialog()
```

```
End Sub
```

● Viết code cho mục MenuHOADON

```
Private Sub MenuHOADON_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles MenuHOADON.Click
    Dim Hoadon As New FormHOADON
    Hoadon.ShowDialog()
End Sub
```

● Viết code cho mục MenuCHITIET

```
Private Sub MenuCHITIET_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles MenuCHITIET.Click
    Dim Chitiet As New FormCHITIET
    Chitiet.ShowDialog()
End Sub
```

● Viết code cho mục MenuNVHDKH

```
Private Sub MenuNVHDKH_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles MenuNVHDKH.Click
    Dim NvHdKh As New FormNVHDKH
    NvHdKh.ShowDialog()
End Sub
```

● Viết code cho mục MenuKHHDCTMH

```
Private Sub MenuKHHDCTMH_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles MenuKHHDCTMH.Click
    Dim KhHdCtMh As New FormKHHDCTMH
    KhHdCtMh.ShowDialog()
End Sub
```

● Viết code cho mục MenuNVHDCTMH

```
Private Sub MenuNVHDCTMH_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles MenuNVHDCTMH.Click
    Dim NvHdCtMh As New FormNVHDCTMH
    NvHdCtMh.ShowDialog()
End Sub
```

● Viết code cho mục MenuThoat

```
Private Sub MenuTHOAT_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles MenuTHOAT.Click
    End
End Sub
```

■ Viết code cho FormNHANVIEN

● Viết code cho button có tên ButtonXem

▣ Bạn click nút Solution Explorer, chọn FormNHANVIEN.vb, click nút View Code.

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonXem

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

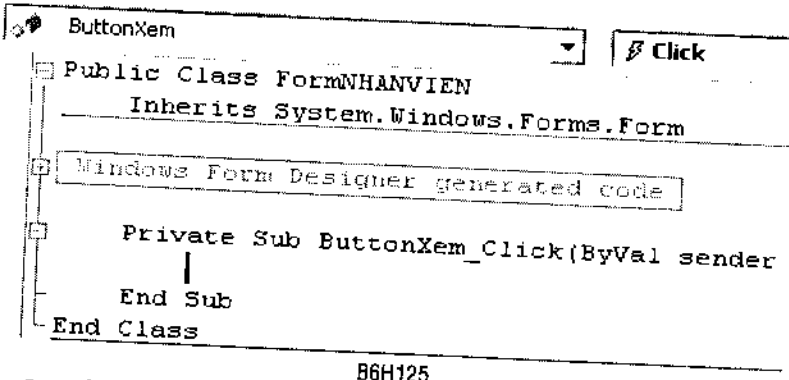

B6H125

▣ Viết hai câu lệnh vào giữa như sau:

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click
    DataSetNHANVIEN1.Clear()
    OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetNHANVIEN1)
End Sub
```

Giải thích:

◈ Phương thức Clear() sẽ xóa nội dung dữ liệu trong Dataset mang tên DatasetNHANVIEN1

◈ Phương thức Fill() của OleDbDataAdapter1 sẽ đổ dữ liệu vào DatasetNHANVIEN1.

● Viết code cho button có tên ButtonCapnhat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonCapnhat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As

```
                    System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click
    Try
        OleDbDataAdapter1.Update(DataSetNHANVIEN1)
    Catch ex As Exception
        MsgBox(ex, ToString)
    End Try
End Sub
```

Ghi chú:

*Trong **Visual Basic .NET** dữ liệu sửa trên điều khiển lưới khi thực hiện chương trình sẽ không tự động thay đổi trên bảng dữ liệu vật lý, muốn lấy những gì thay đổi trên khung lưới sẽ thay đổi trong bảng dữ liệu vật lý, chúng ta phải dùng phương thức **Update()**. Đây là một phương thức an toàn để dữ liệu của bạn không bị tác động xấu như xóa, thay đổi giá trị, thêm mới dữ liệu khi chưa được phép.*

Giải thích:

▣ Phương thức **Update()** của **OleDbDataAdapter1** sẽ lấy những thay đổi trong tập **Dataset** mang tên **DatasetNHANVIEN1** cập nhật vào bảng dữ liệu vật lý có tên NHANVIEN thuộc CSDL có tên QUANLYKHACHHANG trong Microsoft SQL Server 2000. Các bạn cần ghi nhớ điều này để thực hiện theo đúng yêu cầu và mong muốn của mình. Khi cập nhật dữ liệu, để để phòng trường hợp xảy ra lỗi khi kết nối bị đứt hoặc không tìm thấy mẫu tin cần cập nhật. Phát biểu **Try ... Catch** bao bọc bên ngoài sẽ thực hiện tác vụ đón bắt lỗi xảy ra nếu có. Trong trường hợp trên hộp thông báo hiện ra thông báo cho bạn biết.

● Viết code cho button có tên ButtonThoat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonThoat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click
    Me.Close()
End Sub
```

Giải thích:

▣ Trong menu bạn phải dùng lệnh Me.Close(), Me chỉ Form hiện hành, phương thức Close() dùng để đóng Form hiện hành lại, khi đóng vẫn ở Form cha, nếu bạn dùng lệnh End thì khi nhấn nút thoát nó sẽ về cửa sổ viết code (thoát khỏi Form cha)

■ Viết code cho FormKHACHHANG

● Viết code cho button có tên ButtonXem

▣ Bạn click nút Solution Explorer, chọn FormKHACHHANG.vb, click nút View Code.

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonXem

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết hai câu lệnh vào giữa như sau:

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click
    DataSetKHACHHANG1.Clear()
    OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetKHACHHANG1)
End Sub
```

● Viết code cho button có tên ButtonCapnhat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonCapnhat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click
    Try
        OleDbDataAdapter1.Update(DataSetKHACHHANG1)
    Catch ex As Exception
        MsgBox(ex, ToString)
    End Try
End Sub
```

● Viết code cho button có tên ButtonThoat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonThoat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                              System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click
    Me.Close()
End Sub
```

■ Viết code cho FormMATHANG

● Viết code cho button có tên ButtonXem

▣ Bạn click nút Solution Explorer, chọn FormMATHANG.vb, click nút View Code.

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonXem

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết hai câu lệnh vào giữa như sau:

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                            System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click
    DataSetMATHANG1.Clear()
    OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetMATHANG1)
End Sub
```

● Viết code cho button có tên ButtonCapnhat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonCapnhat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                                System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click
    Try
        OleDbDataAdapter1.Update(DataSetMATHANG1)
    Catch ex As Exception
        MsgBox(ex, ToString)
    End Try
End Sub
```

● Viết code cho button có tên ButtonThoat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonThoat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                              System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click
    Me.Close()
End Sub
```

■ Viết code cho FormHOADON

● Viết code cho button có tên ButtonXem

▣ Bạn click nút Solution Explorer, chọn FormHOADON.vb, click nút View Code.

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonXem

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết hai câu lệnh vào giữa như sau:

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                            System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click
    DataSetHOADON1.Clear()
    OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetHOADON1)
End Sub
```

● Viết code cho button có tên ButtonCapnhat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonCapnhat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                                System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click
    Try
        OleDbDataAdapter1.Update(DataSetHOADON1)
    Catch ex As Exception
        MsgBox(ex, ToString)
    End Try
```

```
End Sub
```

● Viết code cho button có tên ButtonThoat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonThoat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                              System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click
    Me.Close()
End Sub
```

■ Viết code cho FormCHITIET

● Viết code cho button có tên ButtonXem

▣ Bạn click nút Solution Explorer, chọn FormCHITIET.vb, click nút View Code.

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonXem

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết hai câu lệnh vào giữa như sau:

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                            System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click
    DataSetCHITIET1.Clear()
    OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetCHITIET1)
End Sub
```

● Viết code cho button có tên ButtonCapnhat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonCapnhat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                                System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click
    Try
        OleDbDataAdapter1.Update(DataSetCHITIET1)
    Catch ex As Exception
```

```
        MsgBox(ex, ToString)
    End Try
End Sub
```

● Viết code cho button có tên ButtonThoat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonThoat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                              System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click
    Me.Close()
End Sub
```

■ Viết code cho FormNVHDKH

● Viết code cho button có tên ButtonXem

▣ Bạn click nút Solution Explorer, chọn FormNVHDKH.vb, click nút View Code.

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonXem

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết hai câu lệnh vào giữa như sau:

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                            System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click
    DataSetNV1.Clear()
    DataSetHD1.Clear()
    DataSetKH1.Clear()
    OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetNV1)
    OleDbDataAdapter2.Fill(DataSetHD1)
    OleDbDataAdapter3.Fill(DataSetKH1)
End Sub
```

Các câu lệnh này, bạn đã biết, chúng tôi không giải thích nữa

● Viết code cho button có tên ButtonCapnhat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonCapnhat

- Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click
- Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                        System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click
    Try
        OleDbDataAdapter1.Update(DataSetNV1)
        OleDbDataAdapter2.Update(DataSetHD1)
        OleDbDataAdapter3.Update(DataSetKH1)
    Catch ex As Exception
        MsgBox(ex, ToString)
    End Try
End Sub
```

● Viết code cho button có tên ButtonThoat

- Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonThoat
- Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click
- Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                        System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click
    Me.Close()
End Sub
```

■ Viết code cho FormKHHDCTMH

● Viết code cho button có tên ButtonXem

- Bạn click nút Solution Explorer, chọn FormKHHDCTMH.vb, click nút View Code.
- Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonXem
- Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click
- Viết hai câu lệnh vào giữa như sau:

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                        System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click
    DataSetKH21.Clear()
    DataSetHD21.Clear()
```

```
        DataSetCT21.Clear()
        DataSetMH21.Clear()
        OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetKH21)
        OleDbDataAdapter2.Fill(DataSetHD21)
        OleDbDataAdapter3.Fill(DataSetCT21)
        OleDbDataAdapter4.Fill(DataSetMH21)
    End Sub
```

Các câu lệnh này, bạn đã biết, chúng tôi không giải thích nữa

- Viết code cho button có tên ButtonCapnhat

  ▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonCapnhat

  ▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

  ▣ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                        System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click
    Try
        OleDbDataAdapter1.Update(DataSetKH21)
        OleDbDataAdapter2. Update(DataSetHD21)
        OleDbDataAdapter3. Update(DataSetCT21)
        OleDbDataAdapter4. Update(DataSetMH21)

    Catch ex As Exception
        MsgBox(ex, ToString)
    End Try
End Sub
```

- Viết code cho button có tên ButtonThoat

  ▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonThoat

  ▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

  ▣ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                        System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click
    Me.Close()
End Sub
```

■ Viết code cho FormNVHDCTMH

● Viết code cho button có tên ButtonXem

▣ Bạn click nút Solution Explorer, chọn FormNVHDCTMH.vb, click nút View Code.

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonXem

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết hai câu lệnh vào giữa như sau:

```
Private Sub ButtonXem_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles ButtonXem.Click
    DataSetNV31.Clear()
    DataSetHD31.Clear()
    DataSetCT31.Clear()
    DataSetMH31.Clear()
    OleDbDataAdapter1.Fill(DataSetNV31)
    OleDbDataAdapter2.Fill(DataSetHD31)
    OleDbDataAdapter3.Fill(DataSetCT31)
    OleDbDataAdapter4.Fill(DataSetMH31)

End Sub
```

Các câu lệnh này, bạn đã biết, chúng tôi không giải thích nữa

● Viết code cho button có tên ButtonCapnhat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonCapnhat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonCapnhat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles ButtonCapnhat.Click
    Try
        OleDbDataAdapter1.Update(DataSetNV31)
        OleDbDataAdapter2. Update(DataSetHD31)
        OleDbDataAdapter3. Update(DataSetCT31)
        OleDbDataAdapter4. Update(DataSetMH31)
    Catch ex As Exception
        MsgBox(ex, ToString)
    End Try
```

End Sub

● Viết code cho button có tên ButtonThoat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (General) bên trái, chọn mục ButtonThoat

▣ Click đầu mũi tên quay xuống của khung (Declarations) bên phải, chọn sự kiện Click

▣ Viết code vào giữa hai câu lệnh đầu và cuối của thủ tục như sau:

```
Private Sub ButtonThoat_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                              System.EventArgs) Handles ButtonThoat.Click
    Me.Close()
End Sub
```

③ Chạy thử chương trình

Bạn nhập thông tin cho các bảng, nhấn phím F5 để chạy thử chương trình, bạn thấy hình như sau:

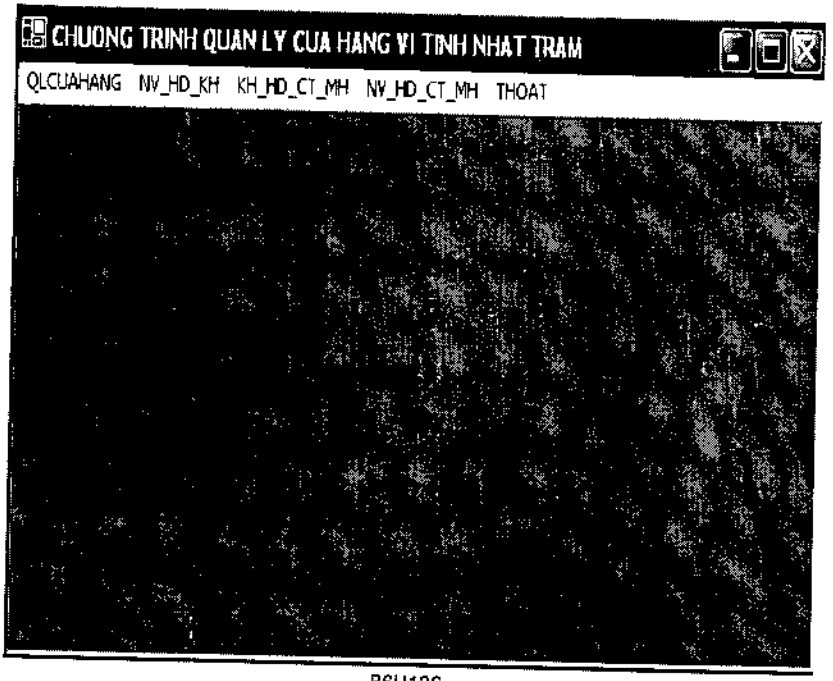

B6H126

◈ Click chọn mục QLCUAHANG, trong menu hiện ra, click chọn lần lượt từng mục, bạn thấy hình như sau:

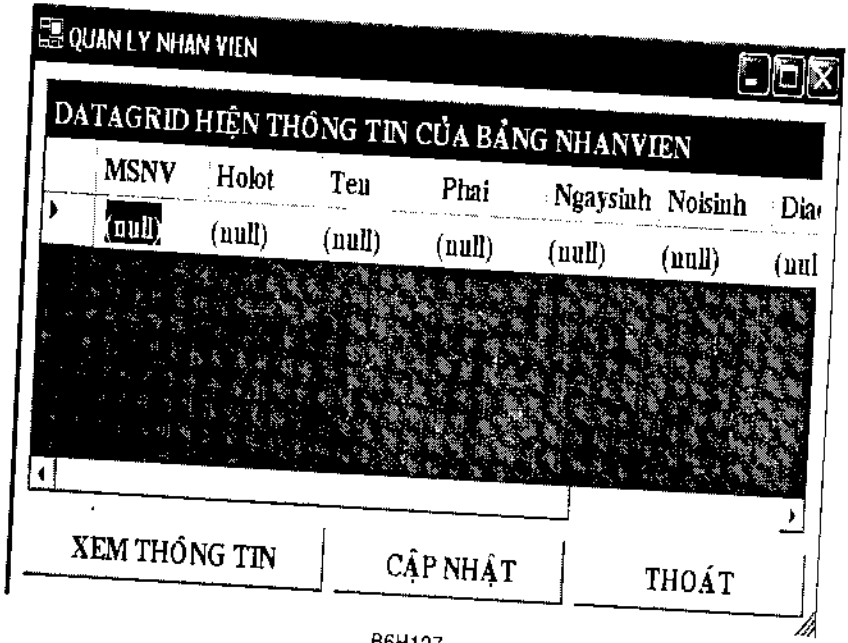

B6H127

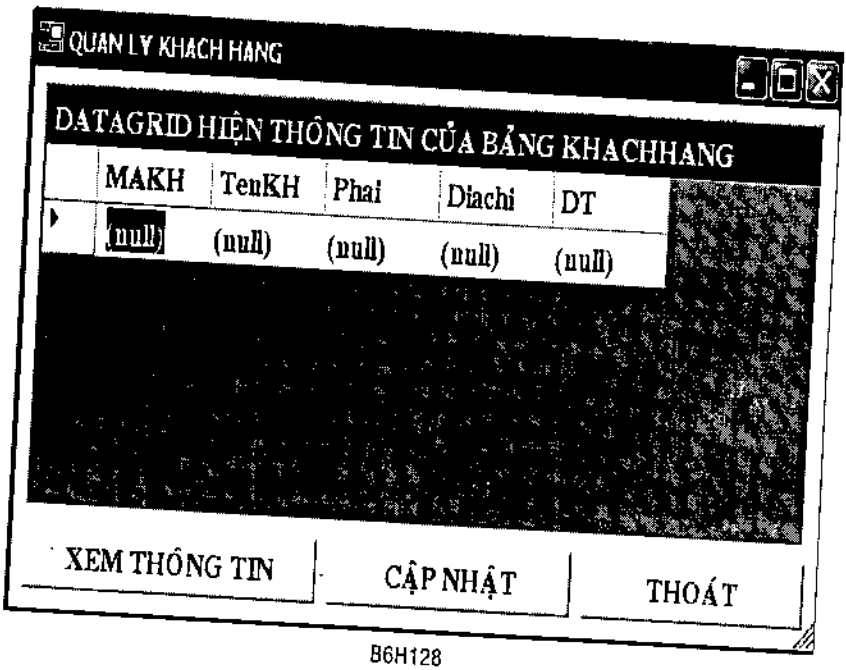

B6H128

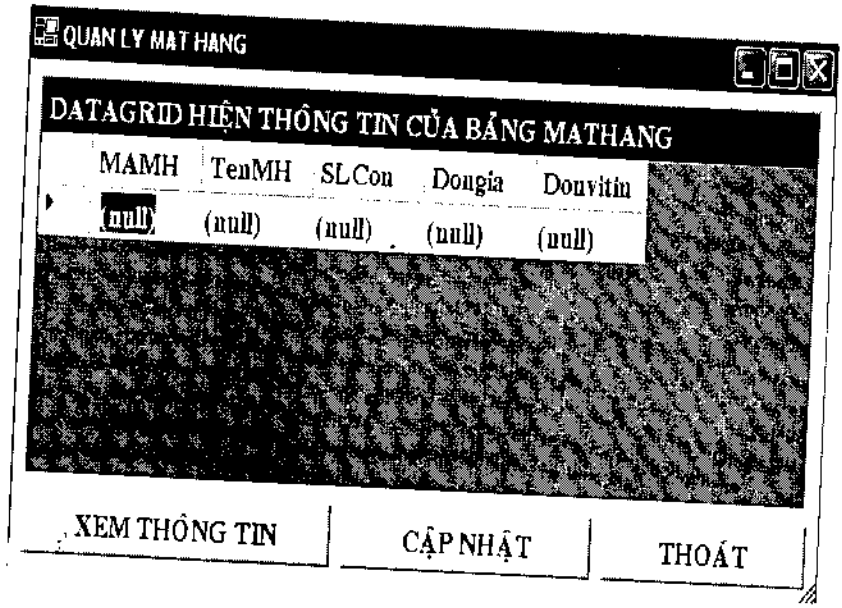

B6H129

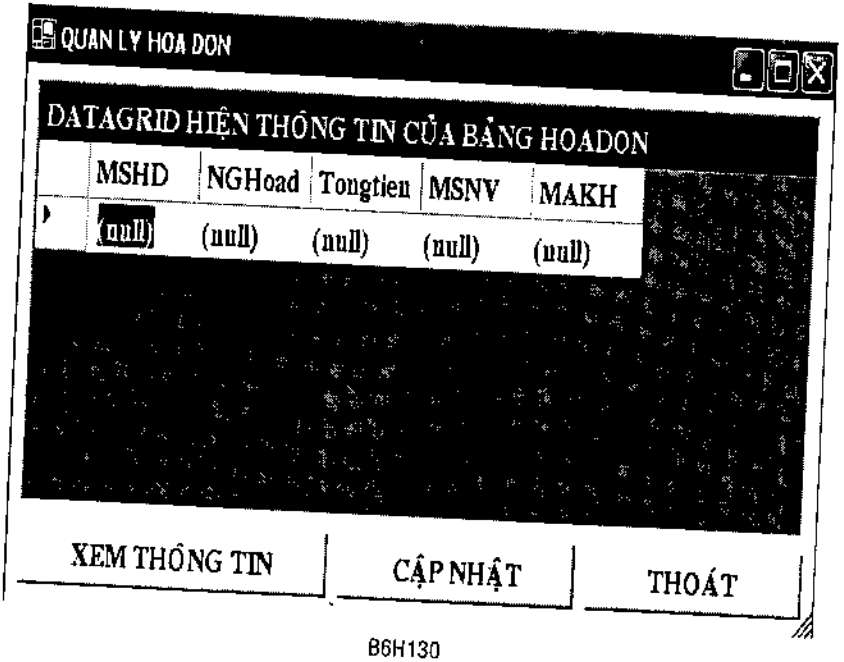

B6H130

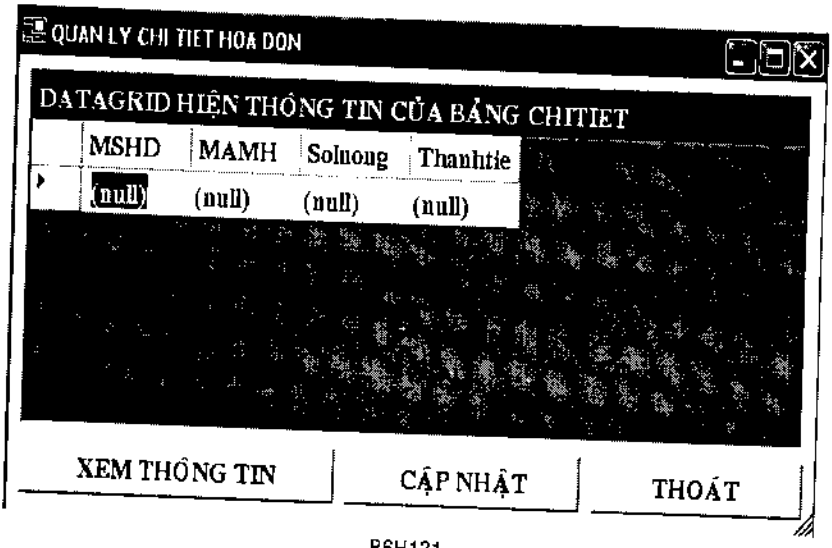

B6H131

◈ Click nút "THOÁT", click chọn mục NV_HD_KH, bạn thấy hình sau:

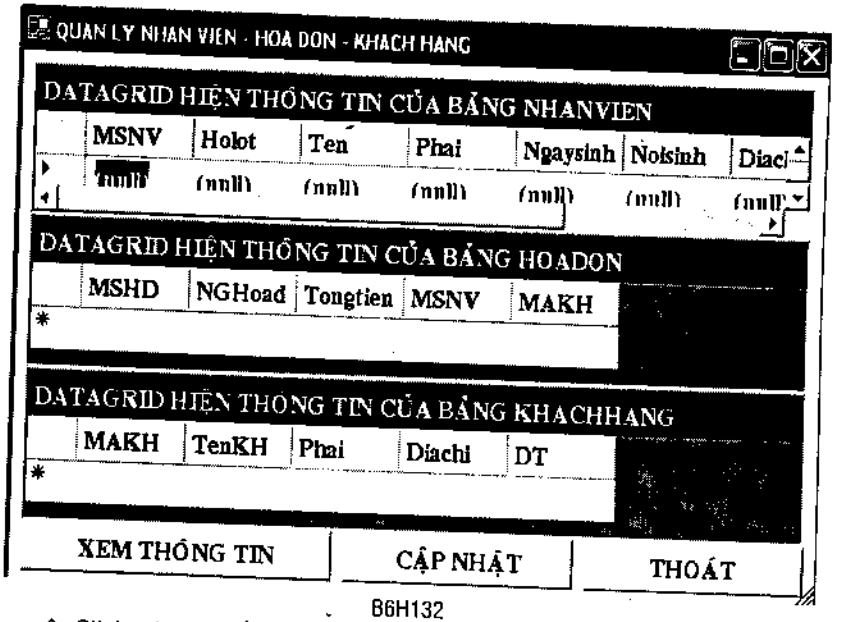

B6H132

◈ Click nút "THOÁT", click chọn mục KH_HD_CT_MH, bạn thấy hình sau:

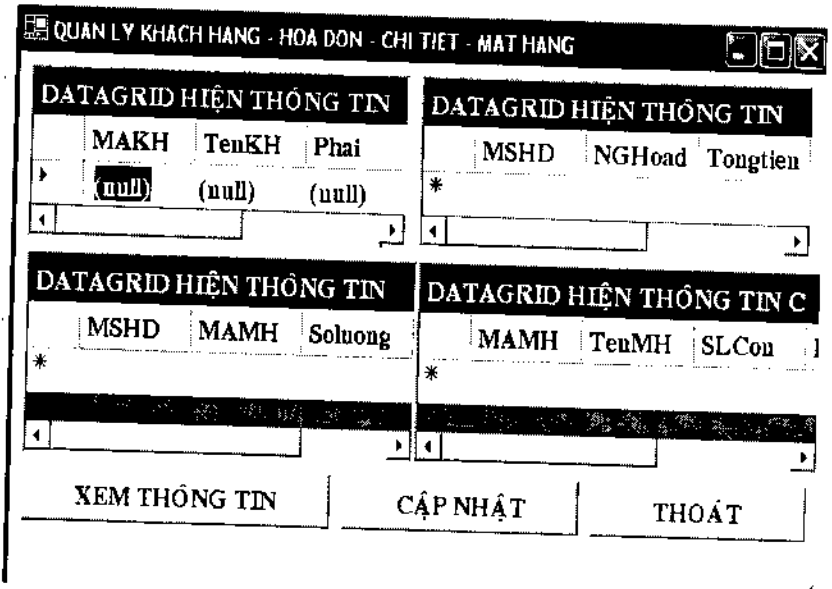

B6H133

◈ Click nút "THOÁT", click chọn mục NV_HD_CT_MH, bạn thấy hình sau:

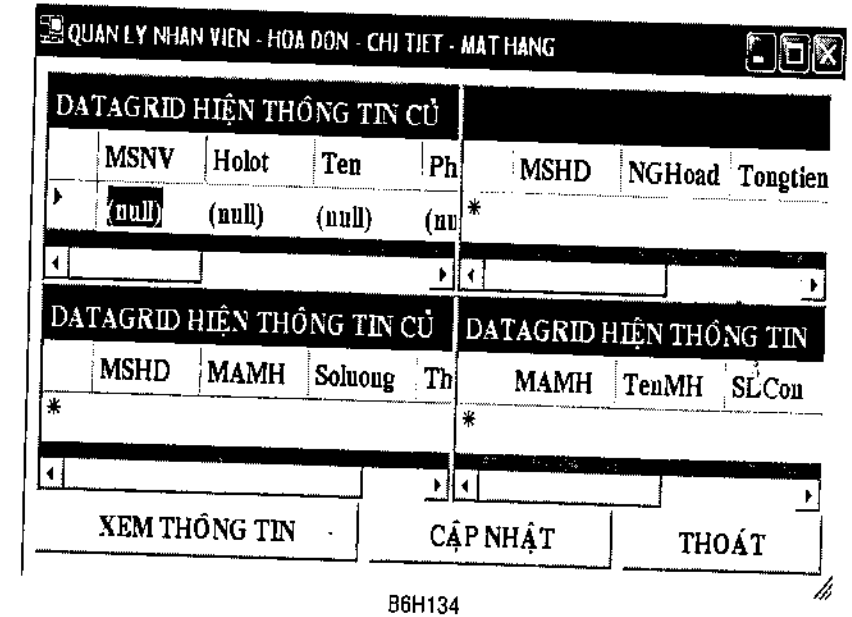

B6H134

Bài 7

ĐÓNG GÓI VÀ PHÂN PHỐI ỨNG DỤNG VISUAL BASIC .NET

Khi đã hoàn tất chương trình viết trên Visual Basic .NET, để phân phối ứng dụng đến tay người sử dụng hoặc tải lên Internet để mọi người cùng dùng, hoặc đóng gói thành một sản phẩm hoàn chỉnh. Visual basic .NET cung cấp cho ta nhiều cách để đóng gói, trong bài này, chúng tôi hướng dẫn bạn cách đóng gói dựa vào Setup Wizard.

Muốn đóng gói chương trình nào, bạn mở chương trình đó trong Visual Studio .NET, trong bài này chúng ta thử đóng gói chương trình có tên QUANLYTACGIA vừa hoàn thành ở trên

◉ Mở Project có tên QUANLYTACGIA

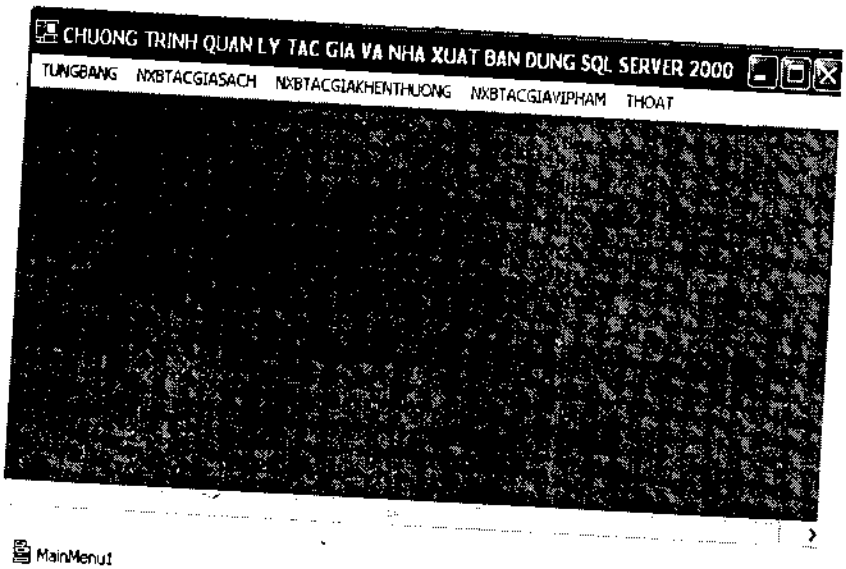

◉ Vào menu **File**, chọn **New**, chọn **Project** hộp thoại hiện ra như hình sau:

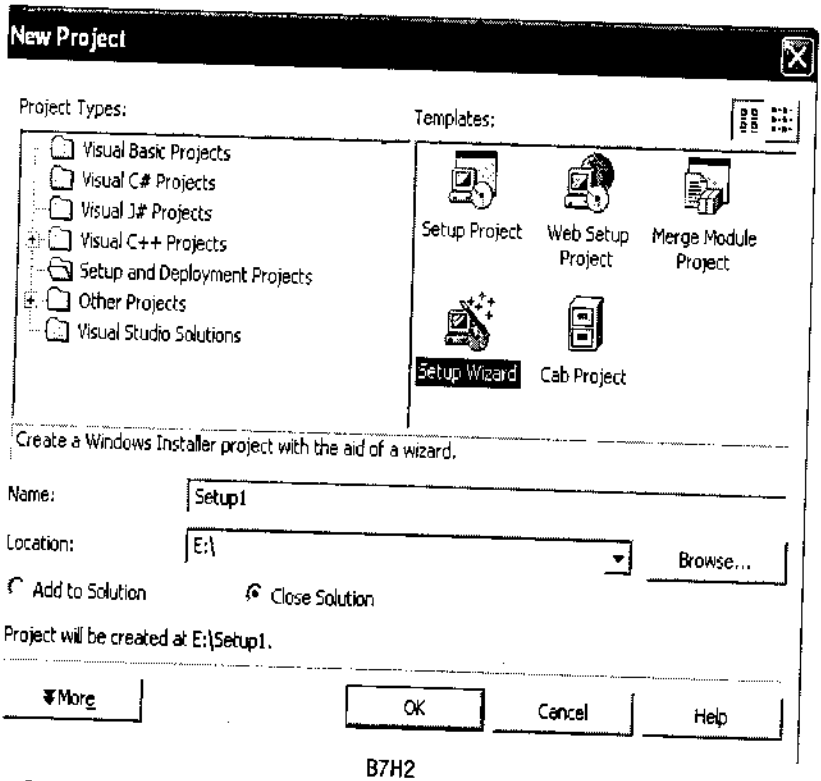

B7H2

Bước này ta sẽ tạo dự án thứ hai cho Solution, dự án này sẽ tự động tạo bộ đóng gói cho chương trình QUANLYTACGIA.

◉ Chọn **Setup and Deployment Project** trong khung **Project Types** bên trái của hộp thoại.

◉ Chọn **Setup Wizard** trong khung **Templates** bên phải của hộp thoại.

Ghi chú:

Khi chọn xong, nhìn trong khung Name, bạn sẽ thấy Visual Basic .NET tự động điền tên Setup1.

Trong khung Templates có 5 mẫu cho bạn chọn để đóng gói. Nếu chọn Setup Project sẽ tạo bộ đóng gói cài đặt bởi Windows Installer. Nếu chọn Web Setup Project sẽ tạo trình Setup cho phép Windows Intaller cài đặt chương trình từ một Web Server. Nếu chọn Merge Module Project được

thiết kế cho mục đích đóng gói chung các dự án Visual Basic khác nhau. Nếu dùng Cab Project cho phép đóng gói chương trình cài đặt thành một hoặc nhiều file nén .cab, dùng mẫu này nếu bạn muốn người dùng có thể download bộ cài đặt của bạn từ Internet. Mẫu cuối cùng Setup Wizard có lẽ là thông dụng nhất, mẫu này sẽ đóng gói chương trình của bạn thông qua một số câu hỏi và yêu cầu bạn thực hiện một số bước cấu hình đơn giản.

- Bạn gõ **SetupQLTG** vào khung **Name**
- Gõ **E:\QLTG** trong khung **Location**

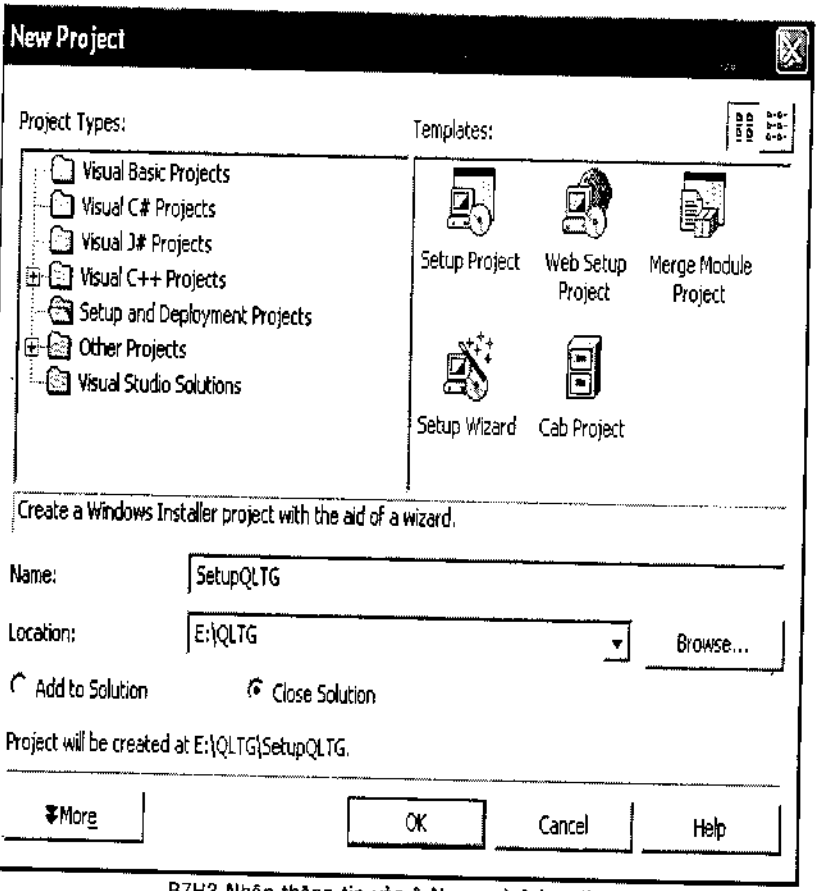

B7H3 Nhập thông tin vào ô Name và ô Location

- Click nút chọn có tên **Add to Solution**, bạn sẽ có hình như sau:

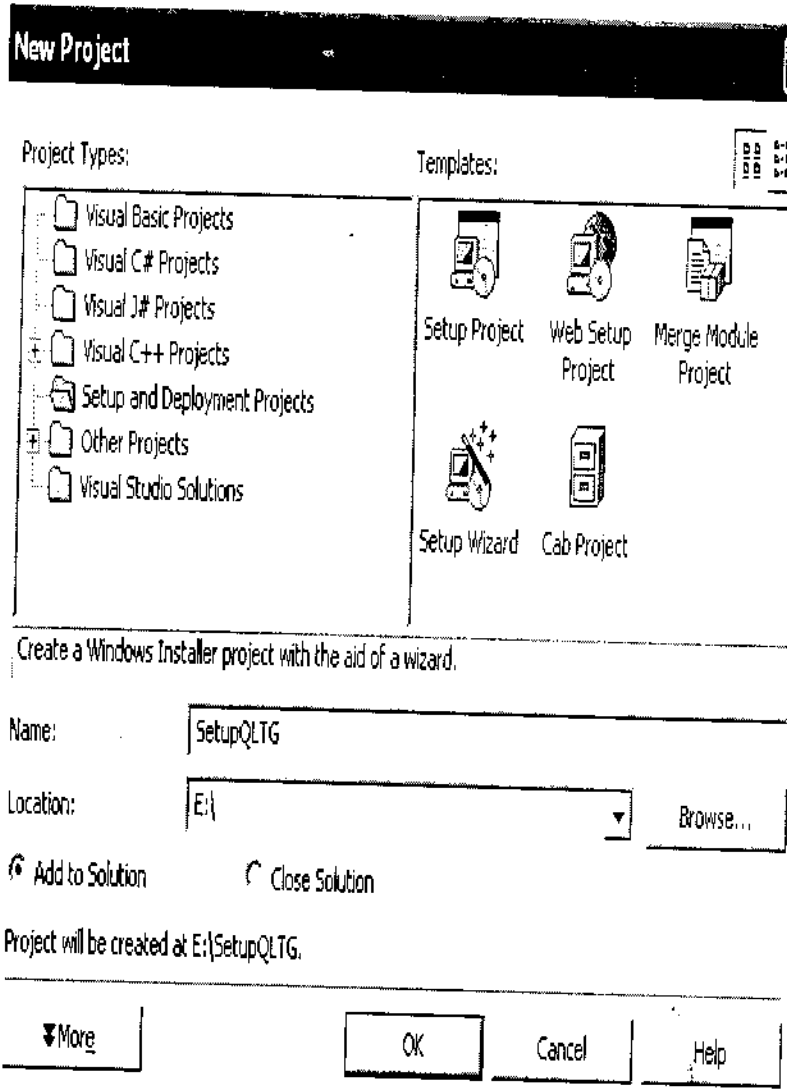

B7H4 Khi chọn mục Add to Solution

Khi chọn xong, bạn thấy ở ô **Location** sẽ thay đổi chỉ còn E:\ bạn cần lưu ý nút chọn này, nó có ý nghĩa quan trọng, nếu bạn không chọn nút này Visual Studio sẽ đóng dự án hiện hành tức là đóng dự án QLTG_VB.NET_SQLSERVER án mới và cũng không thể kết hợp hai dự án cùng một lúc vào Solution.

◉ Click nút **OK** trên hộp thoại. Trình **Setup Wizard** sẽ hiện lần lượt năm hộp thoại để chúng ta xác lập. Đầu tiên chúng ta sẽ có hộp thoại như sau:

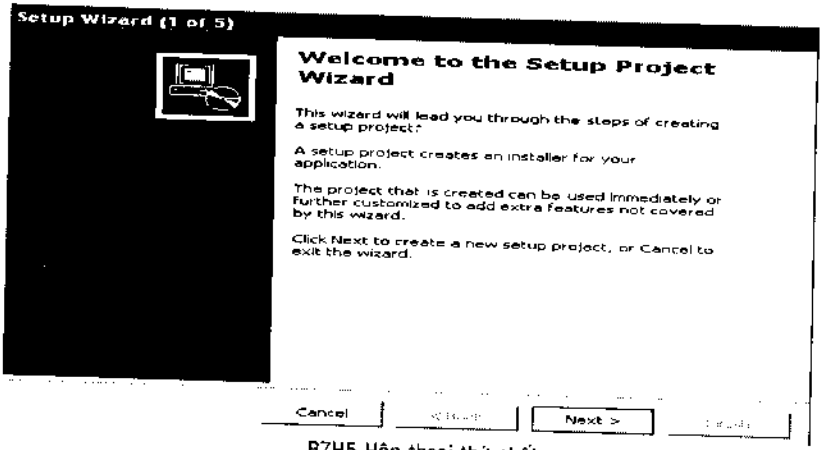

B7H5 Hộp thoại thứ nhất

Đây là hộp thoại giới thiệu

◉ Click nút **Next** để tiếp qua hộp thoại thứ hai

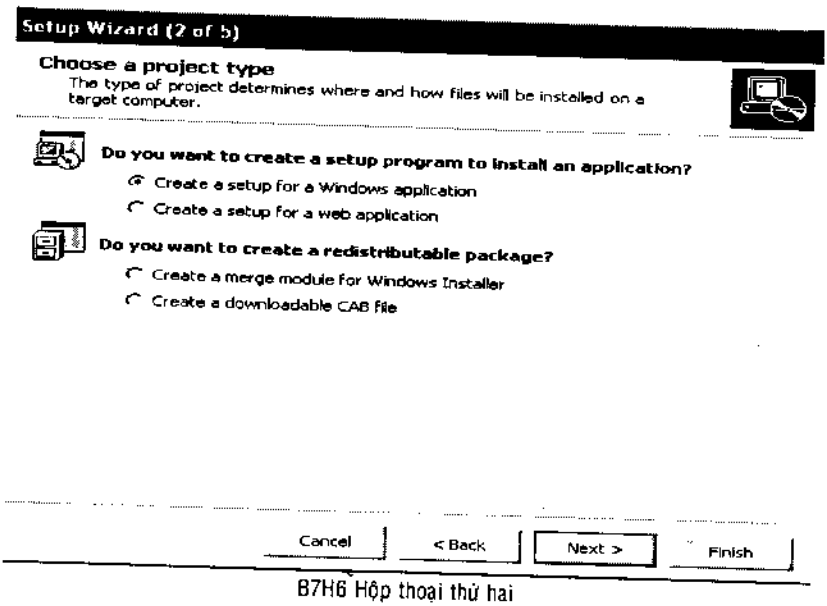

B7H6 Hộp thoại thứ hai

Hộp thoại này cho phép bạn kiểm soát cách đóng gói và phân phố ứng dụng, các tùy chọn này giống với các mẫu trong khung Template mà bạn đã thấy trong hộp thoại New Project trước đây.

- Click chọn mục **Create a setup for a Windows application**
- Click nút **Next** để qua hộp thoại thứ ba

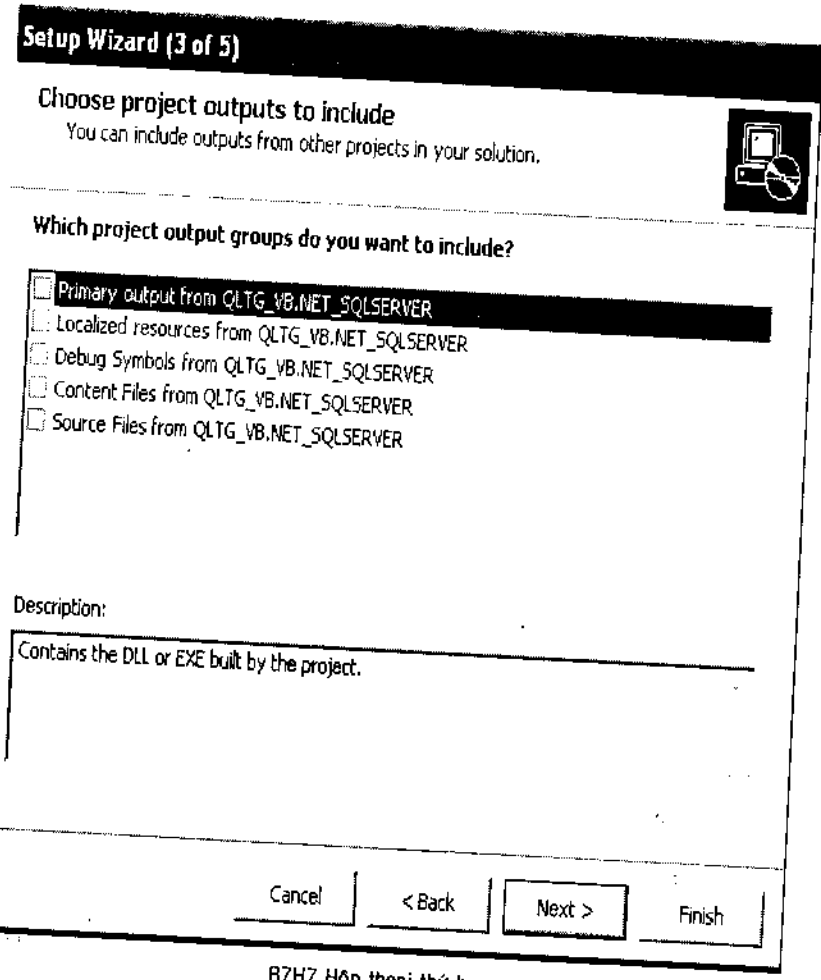

B7H7 Hộp thoại thứ ba

- Bạn chọn mục **Primary output from QLTG_VB.NET_SQLSERVER** thường sẽ được chọn để đưa các file **.exe** hoặc **.dll** của mình vào trình đóng gói.

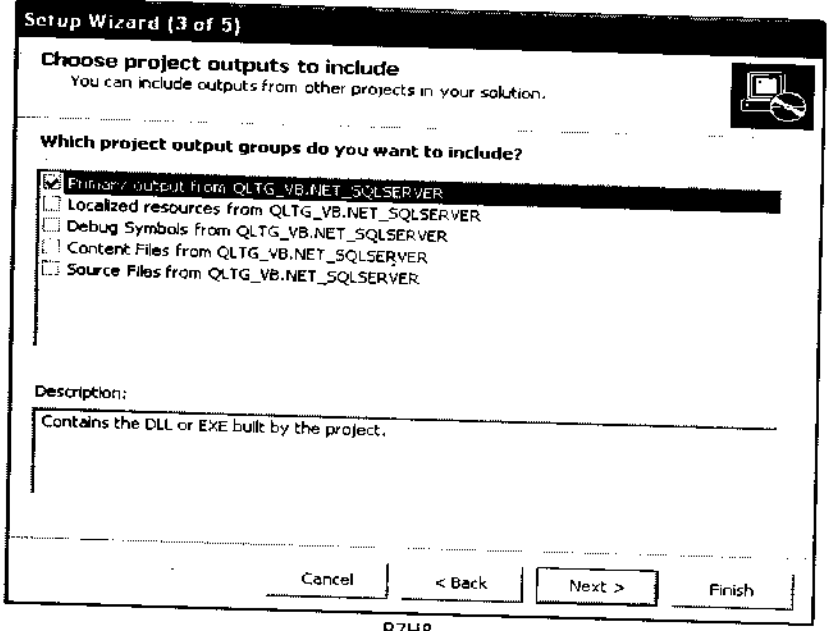

B7H8

⊙ Click nút Next để qua hộp thoại thứ tư

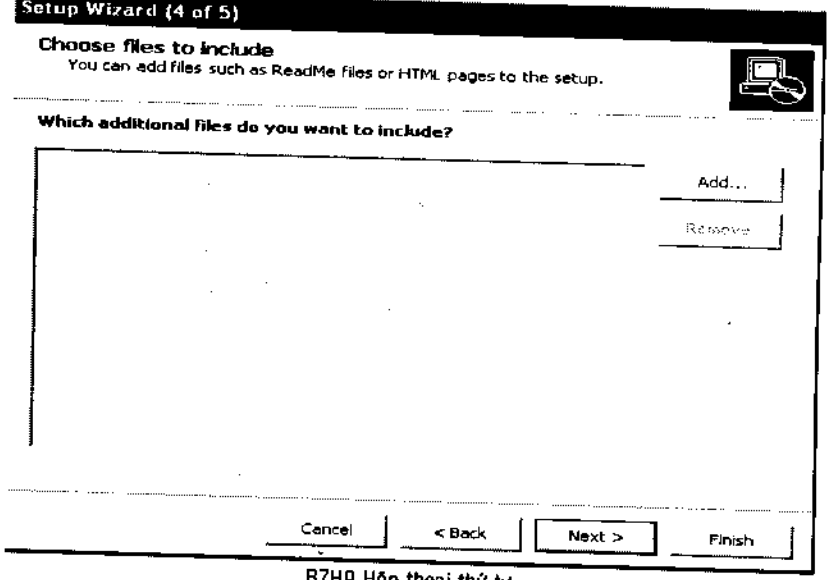

B7H9 Hộp thoại thứ tư

Trong hộp thoại này, các bạn có thể đưa thêm các file dữ liệu, các file để hướng dẫn bổ sung cho chương trình lúc thực thi, các tài liệu quảng cáo... Trong bài này chúng ta không cần phải đưa vào tập tin nào.

Ghi chú:

.NET Framework là thành phần chính giúp cho chương trình có thể chạy, nhưng chúng ta không được nhúng kèm theo .NET Framework trong bộ Setup. Các bạn phải cài đặt riêng độc lập với chương trình

◉ Click nút **Next** để qua hộp thoại cuối cùng, hộp thoại thứ năm

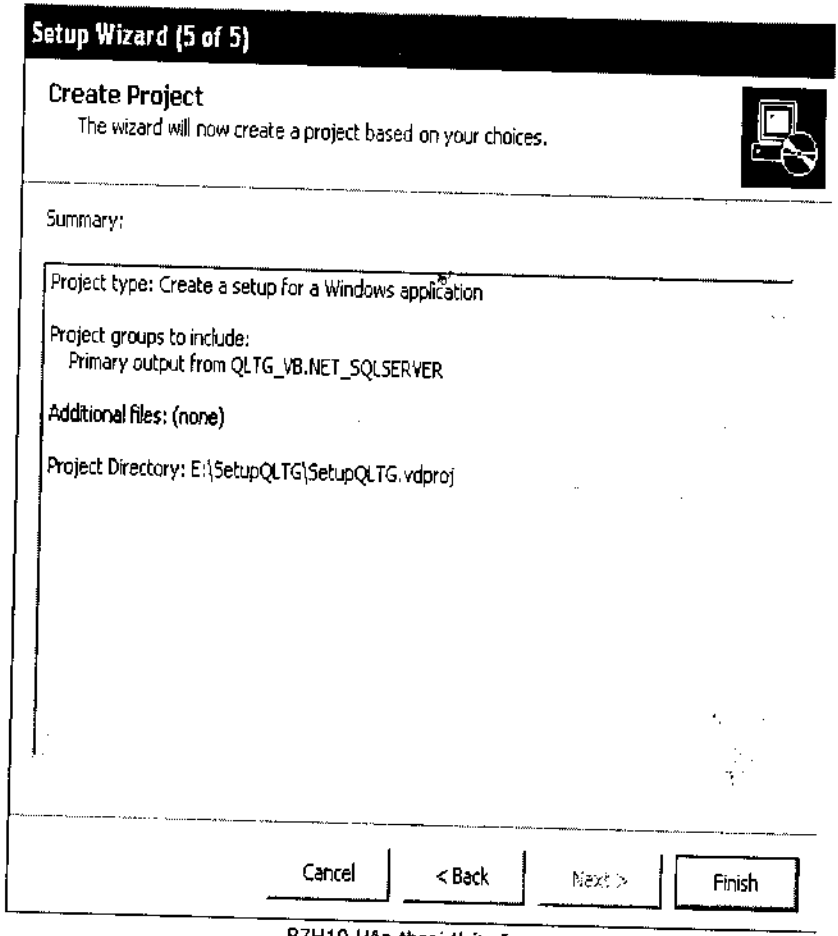

BZH10 Hộp thoại thứ năm

◉ Click nút **Finish** để kết thúc quá trình **Setup Wizard**.

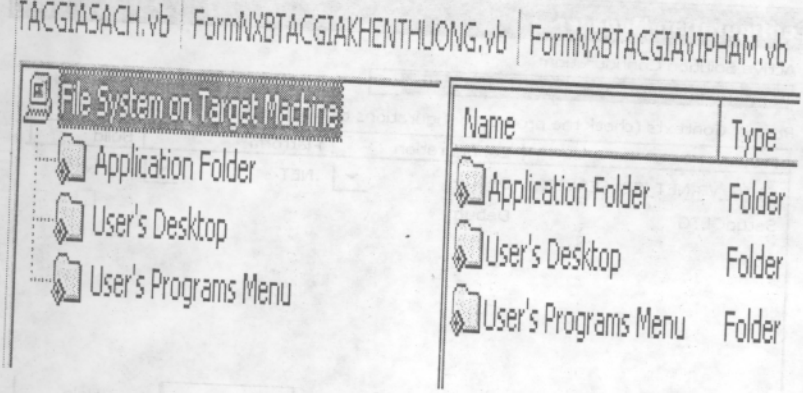

B7H11

Lúc này, nếu click nút X để đóng Project, bạn sẽ thấy hộp thoại sau

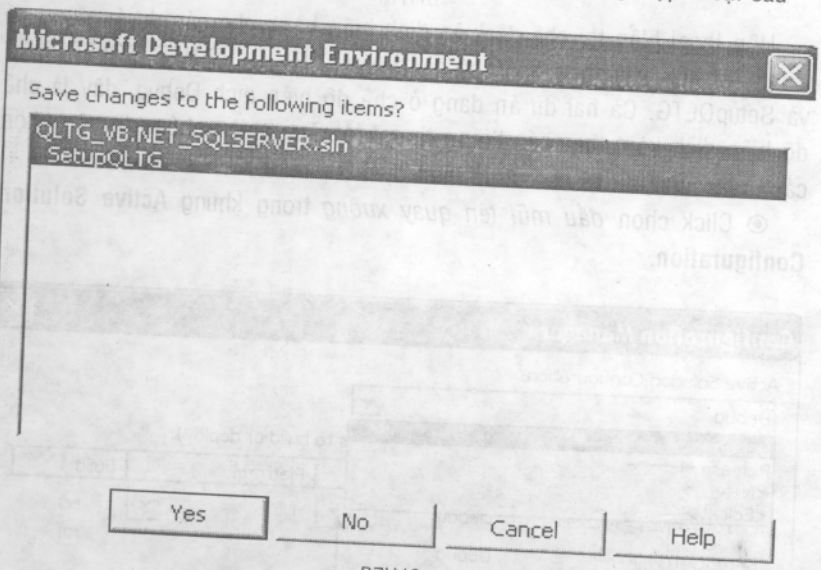

B7H12

◉ Hộp thoại hỏi chúng ta các lưu không, các bạn click nút Yes

Nếu đóng rồi, các bạn mở lại Project có tên QLTG_VB.NET_SQLSERVER để thiết lập tiếp các cấu hình như sau:

Thiết lập các cấu hình

◉ Vào menu **Build**, chọn **Configuration Manager**, hộp thoại sau hiện ra

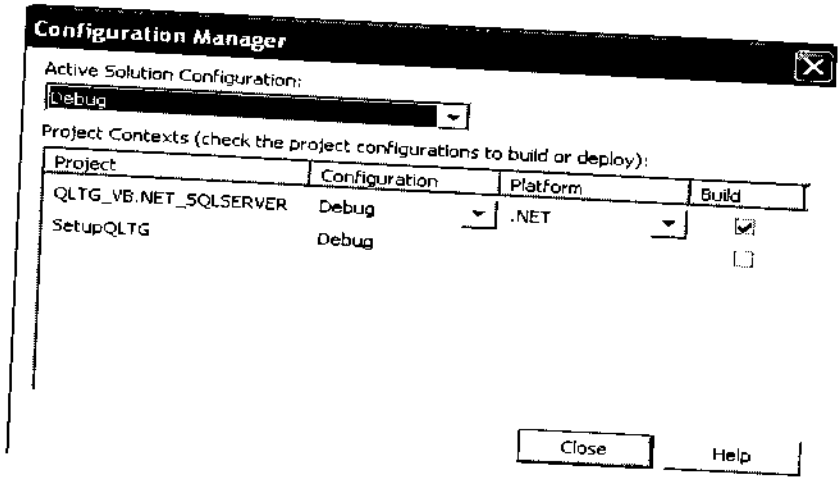

B7H13

Hộp thoại hiển thị chế độ biên dịch hiện hành cho các dự án đang có trong Solution. Chúng ta đang có hai dự án là QLTG_VB.NET_SQLSERVER và SetupQLTG. Cả hai dự án đang ở chế độ biên dịch Debug, đây là chế độ biên dịch kèm theo các thông tin gỡ lỗi. Tuy nhiên chúng ta nên chọn cách biên dịch tối ưu hơn đó là biên dịch **Release**.

◉ Click chọn *đầu mũi tên quay xuống* trong khung **Active Solution Configuration**.

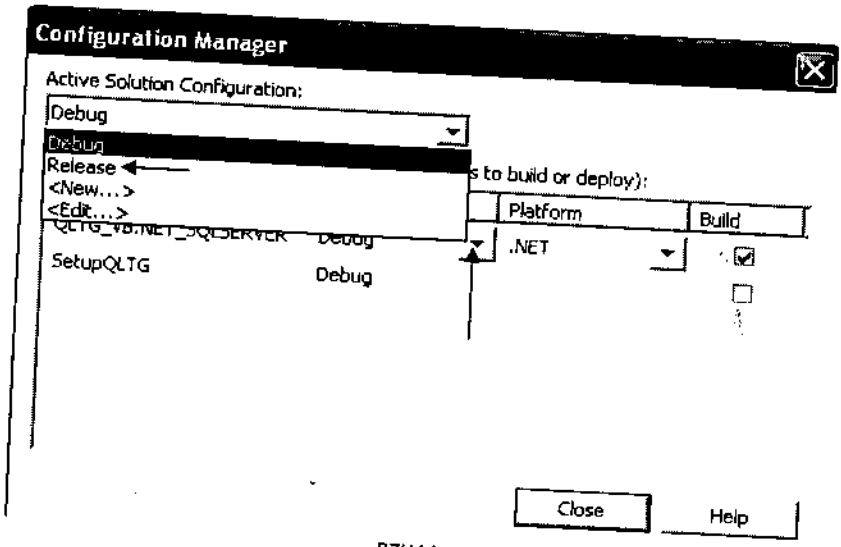

B7H14

◉ Click chọn **Release** trong khung hiện ra.

Khi chọn mục này, các bạn thấy trong cột **Configuration** của hai dự án QLTG_VB.NET_SQLSERVER và **SetupQLTG** cũng đổi từ **Debug** sang **Release**. Nếu không thấy đổi, bạn click vào *đầu mũi tên quay xuống* của những mục này để đổi sang **Release**.

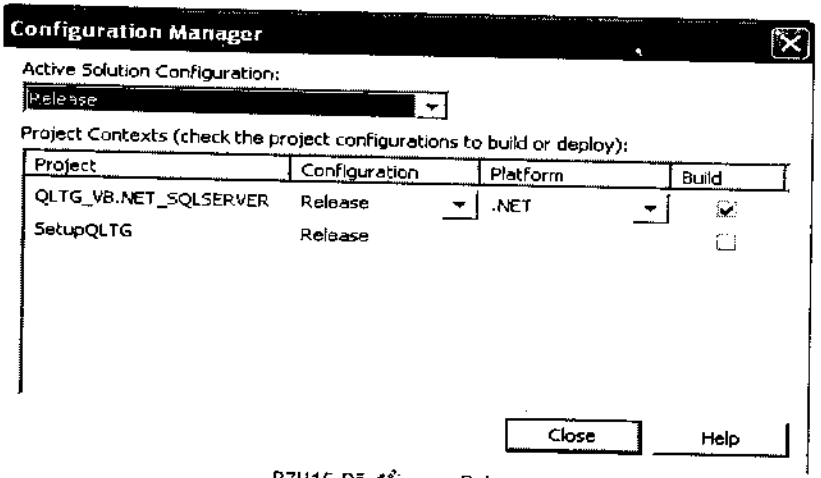

B7H15 Đã đổi sang Release

◉ Click chọn vào cột **Build** cho cả hai dự án

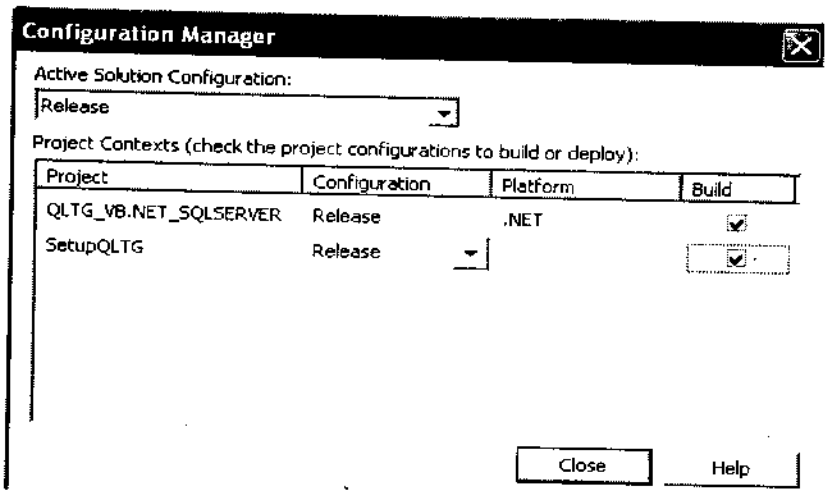

B7H16 Đã chọn mục Build cho cả hai dự án

◉ Click nút **Close** để đóng hộp thoại lại

Tiếp theo các bạn phải tiến hành biên dịch và đóng gói dự án, bạn tiến hành như sau

Biên dịch và đóng gói dự án – Kiểm tra việc cài đặt

◉ Vào menu Build, chọn Build Solution. Visual Studio sẽ biên dịch cả hai dự án QLTG_VB.NET_SQLSERVER và SetupQLTG. Quá trình biên dịch đóng gói diễn ra nếu chú ý phía dưới Form, bạn sẽ thấy thanh tiến trình xuất hiện như hình dưới (nó xuất hiện phía dưới Form)



B7H17 Thanh tiến trình biên dịch

Nếu biên dịch thành công, bạn thấy câu "Build Succeeded" xuất hiện phía tận cùng bên trái nằm cùng với thanh tiến trình.

◉ Click nút phải chuột trên menu Start, chọn Explorer

◉ Vào thư mục E:\SetupQLTG\Release

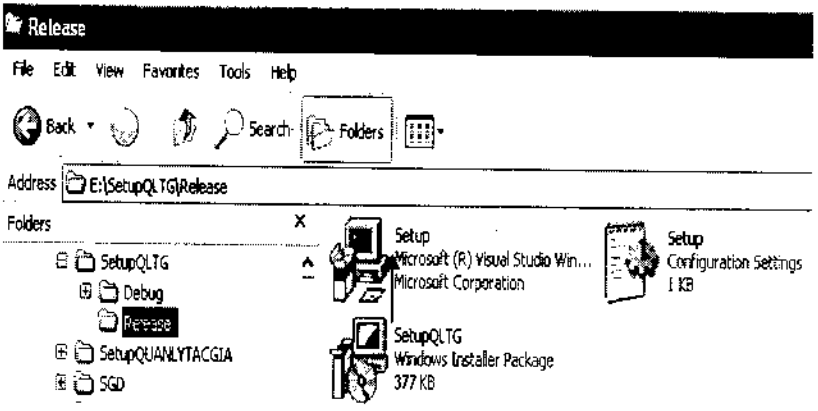

B7H18 Chọn E:\SetupQUANLYTACGIA\Release

◉ Nhấp đúp vào tập tin **Setup** được chọn trong hình hoặc click nút phải chuột trên tập tin này và chọn **Open** trong menu hiện ra. Bạn sẽ thấy hộp thoại như hình dưới

Ghi chú:

Nếu muốn có bản cài đặt trên đĩa CD, bạn chép toàn bộ nội dung thư mục Release này sang đĩa CD.

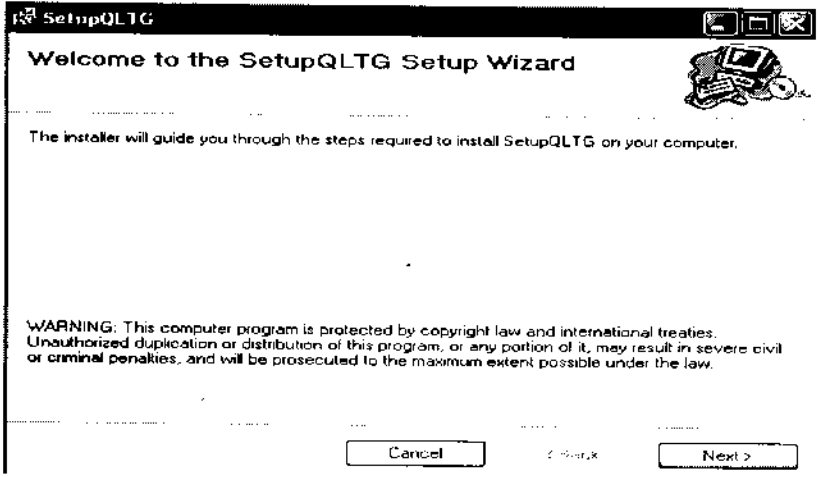

B7H19 Hộp thoại giới thiệu

⊙ Click nút **Next** để tiếp tục, hộp thoại chọn thư mục để yêu cầu xác định thư mục cài đặt cho chương trình cùng một vài tùy chọn cần thiết như hình sau:

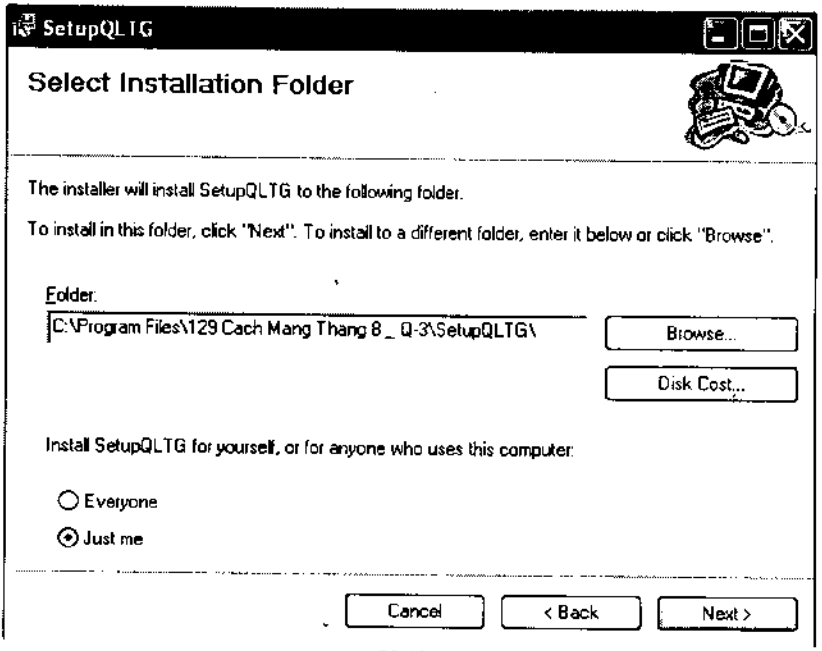

B7H20

Trong bài này chúng tôi chọn thư mục C:\Program Files\129 CachMangThang8_Q3\SettupQLTG (nếu thích bạn có thể nhập trực tiếp thư mục khác trong khung này, hoặc nhấn nút Browse để chọn)

◉ Click chọn mục **Everyone**

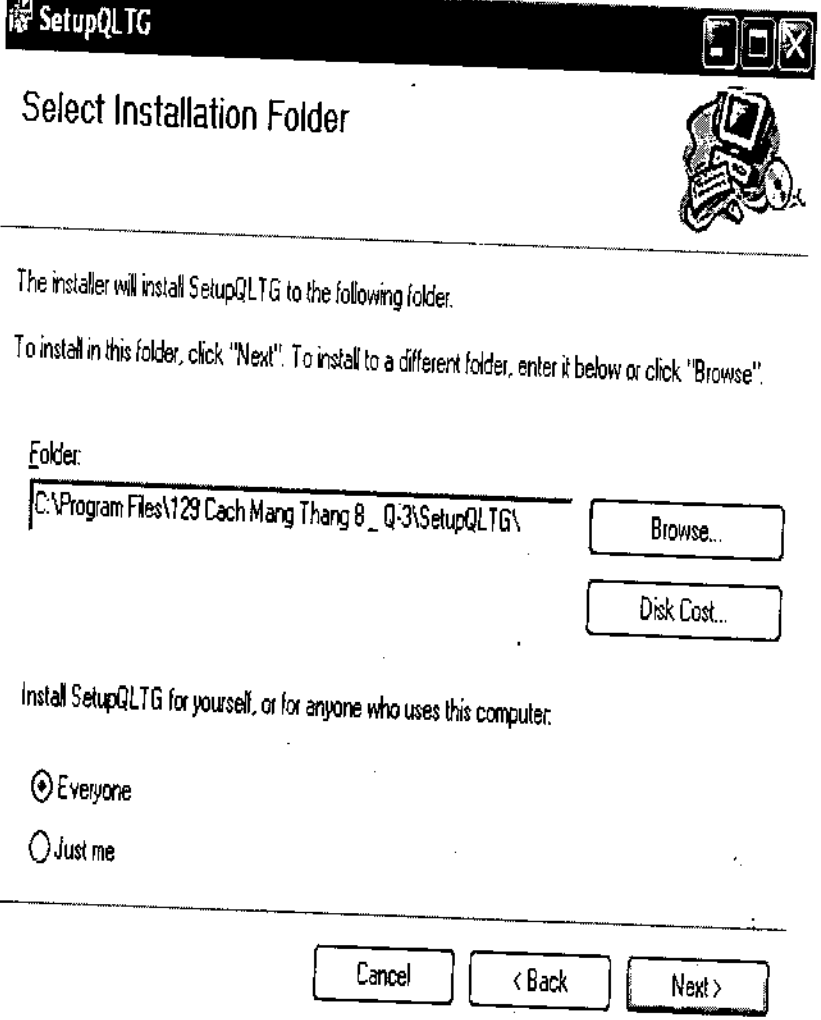

B7H21 Chọn mục Everyone

◉ Click nút **Next** để bắt đầu cài đặt.

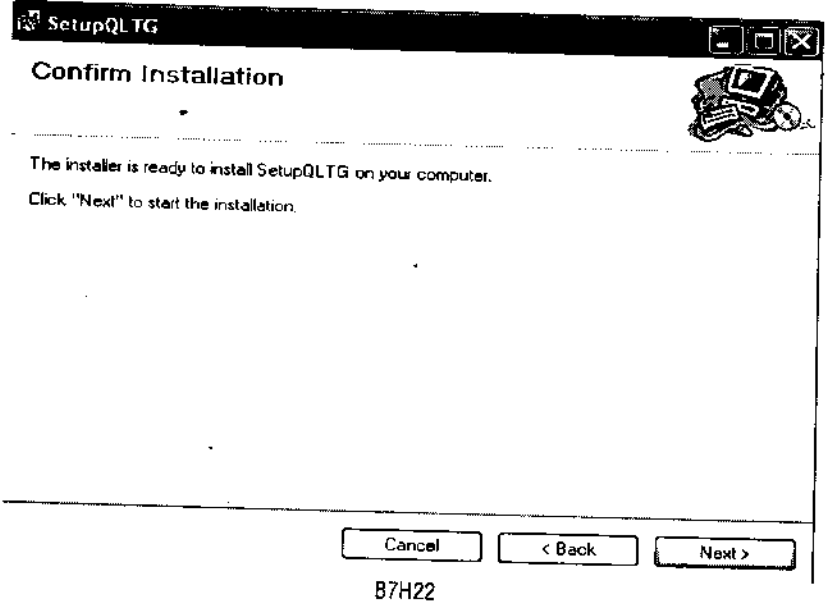

B7H22

◉ Click nút **Next**

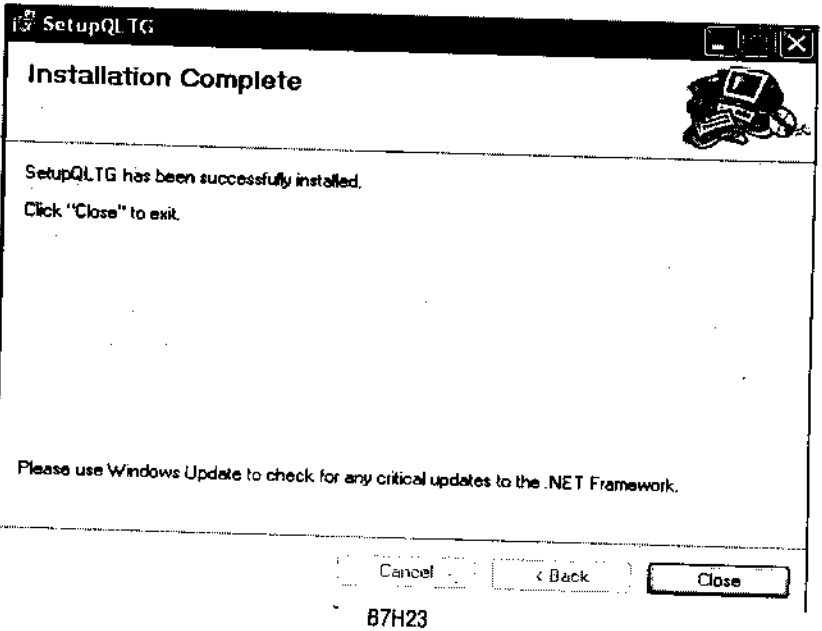

B7H23

Quá trình cài đặt sẽ chép các tập tin vào thư mục dành cho chương trình. Sau khi hoàn tất, trình Setup sẽ đăng ký ứng dụng QLTG_VB.NET_SQLSERVER với Windows Registry.

Ghi chú:

Sau này muốn xóa, các bạn vào Control Panel, chọn Add/Remove Program để gỡ bỏ

⊙ Click nút **Close** khi quá trình cài đặt đã hoàn tất.

☛ Chạy thử chương trình LTCSDL_DATAGRID vừa cài đặt

Click nút phải chuột trên menu Start, chọn Explorer. Chọn thư mục C:\Program Files\129CachMangThang8_Q3\SetupQLTG. Bạn thấy tập tin QLTG_VB.NET.SQLSERVER như hình sau:

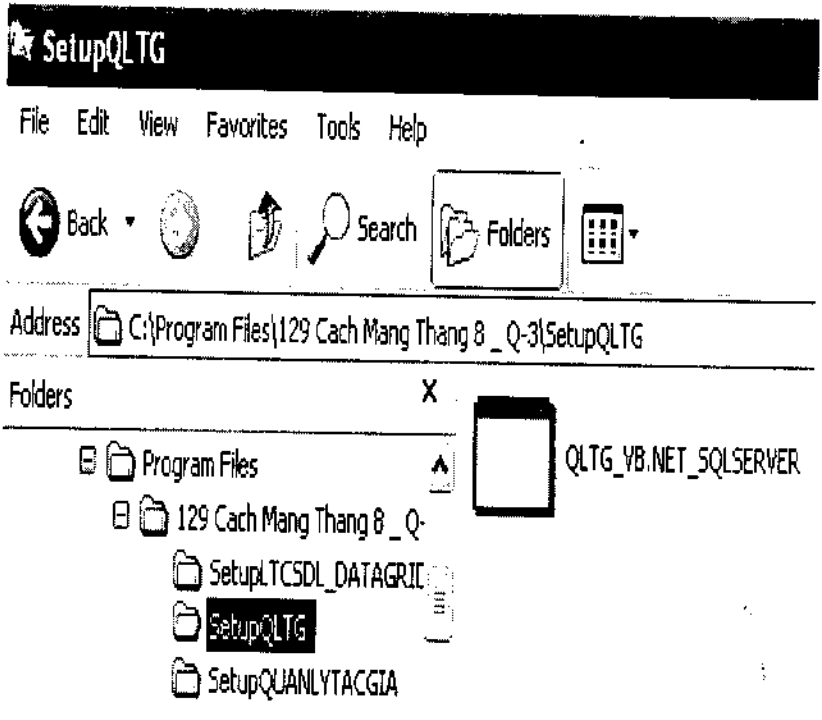

B7H24

⊙ Click nút phải chuột trên tập tin này, chọn **Open** trong menu hiện ra, bạn sẽ thấy chương trình QLTG_VB.NET_SQLSERVER hiện ra không cần mở Visual Studio .NET

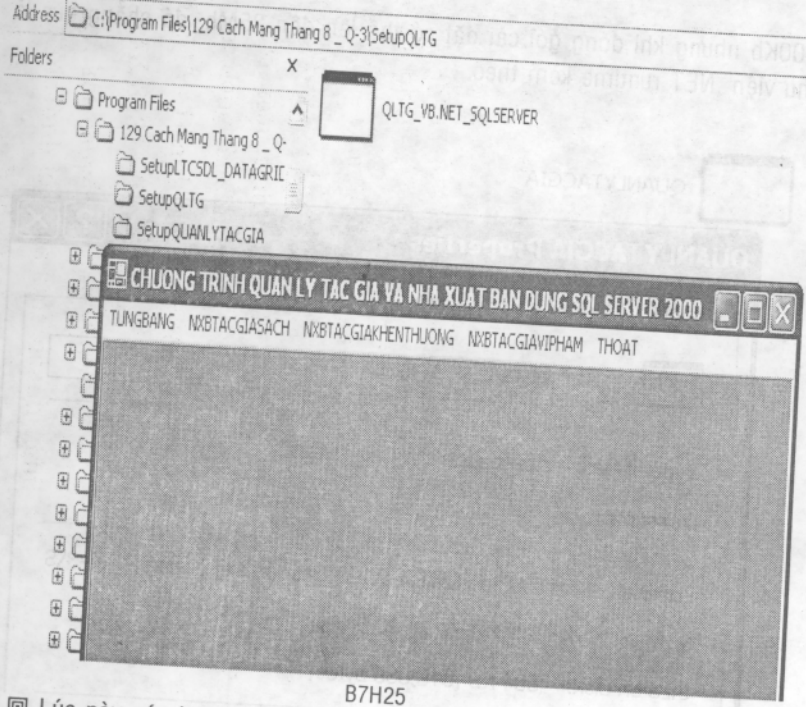

B7H25

▣ Lúc này các bạn có thể thao tác giống như khi chạy chương trình.

Ghi chú:

Trên mỗi máy chạy chương trình .NET cần phải có thư viện hay bộ khung .NET Framework cài đặt sẵn. Microsoft cung cấp cho bạn bộ cài đặt .NET runtime (file Dotnetfx.exe) trên đĩa CD Windows Component Update. Bạn cũng có thể lấy trên mạng từ Site Microsoft (kích thước khoảng 20Mb), sau khi cài đặt, thư viện này chiếm khoảng 30Mb trên đĩa, do đó chúng ta không còn dùng được đĩa mềm để sao chép cài đặt. Tuy nhiên sắp tới Microsoft cam kết sẽ kèm theo bộ .NET runtime trong tất cả các phiên bản của Windows sau này. Nếu máy tính bạn định cài chương trình đã có sẵn .NET Framework runtime, bạn chỉ cần copy chương trình sang máy mới và chạy. Tuy nhiên để có một bộ cài đặt hoàn chỉnh, trình Setup Wizard thường nhúng luôn thư viện .NET runtime kèm theo chương trình để người dùng khỏi cần download hay chép từ nơi khác. Vì vậy không có gì ngạc nhiên nếu chương trình của bạn biên dịch chỉ có khoảng

500Kb nhưng khi đóng gói cài đặt có thể lên đến 25Mb, đó chẳng qua l
thư viện .NET runtime kèm theo.

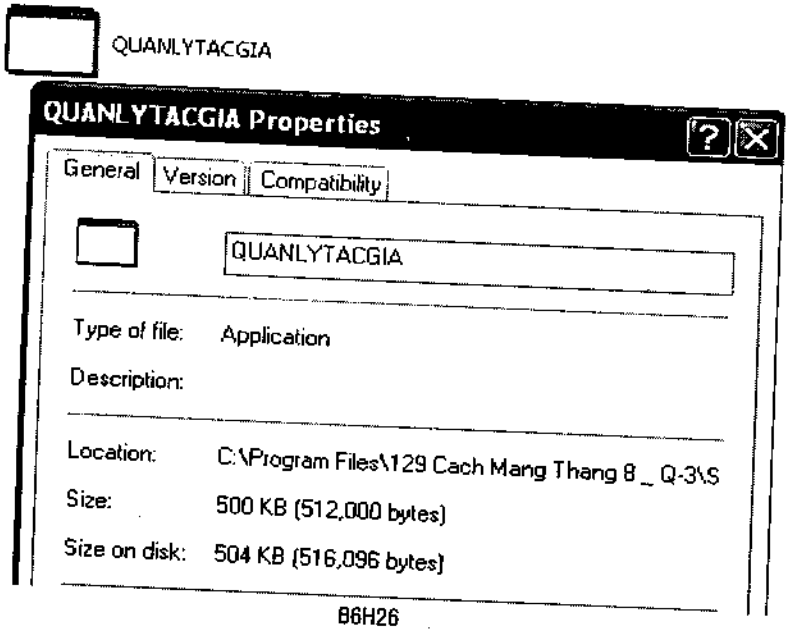

Bài 8

IN NỘI DUNG CỦA CÁC BẢNG DÙNG CRYSTAL REPORT

Trong bài này giả sử chúng ta dùng cơ sở dữ liệu QUANLYTACGIA để thực hành, bạn mở chương trình QUANLYTACGIA, tạo thêm menu IN và các mục con của nó trên form cha như hình sau:

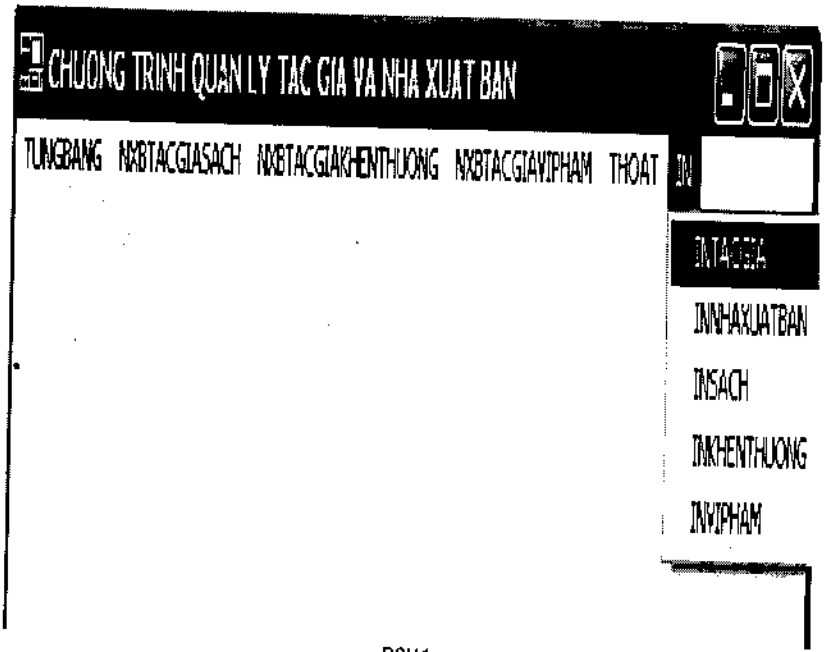

B8H1

◈ Vào menu **Project**, chọn **Add Windows Form**

◈ Trong cửa sổ hiện ra, di chuyển con trượt dọc, chọn **Crystal report** trong khung bên phải, đặt tên cho tập tin là **CrystalReportINTACGIA.rpt** trong khung Name như hình sau:

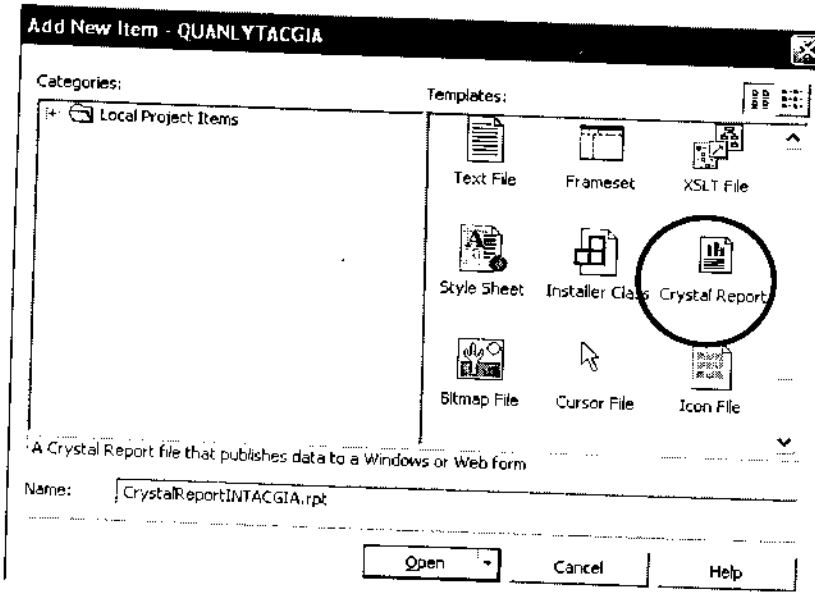

B8H2

◈ Click nút **Open**, hộp thoại sau hiện ra

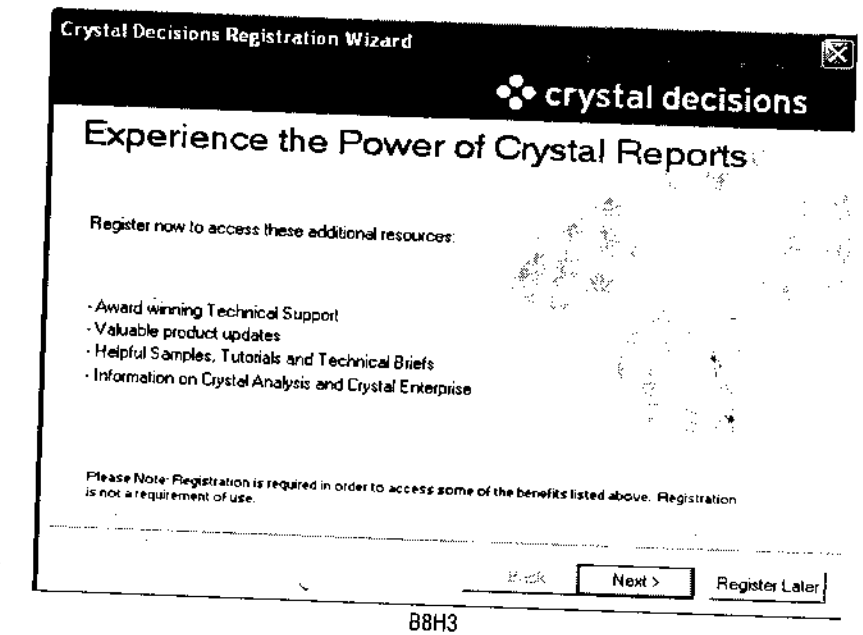

B8H3

◈ Click nút **Next**, hình sau hiện ra

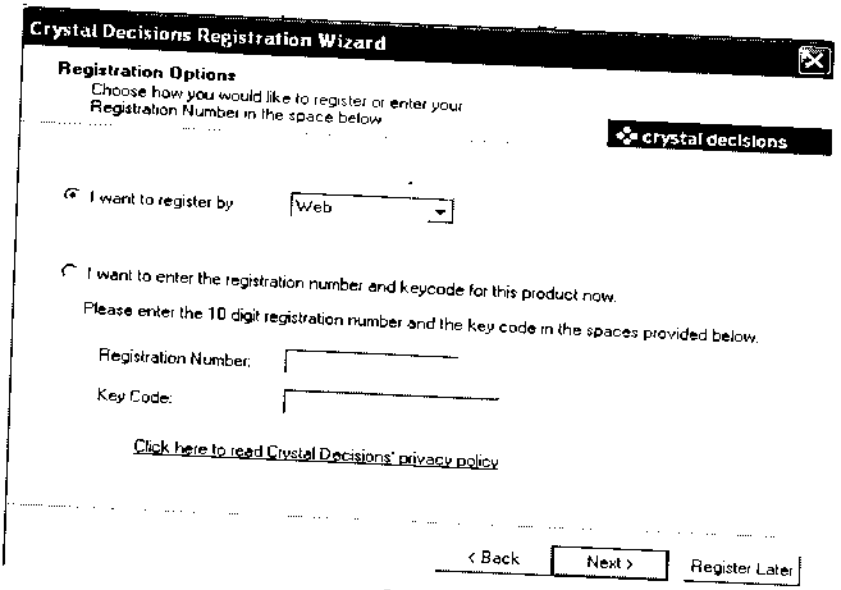

B8H4

◈ Click nút **Next**, hình sau hiện ra

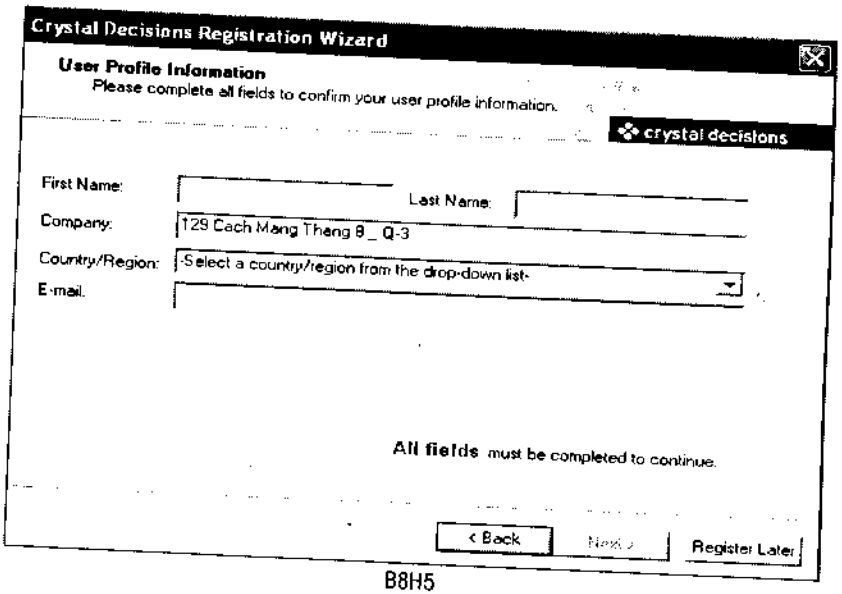

B8H5

◈ Click dấu X để đóng hộp thoại, hộp thoại sau hiện ra

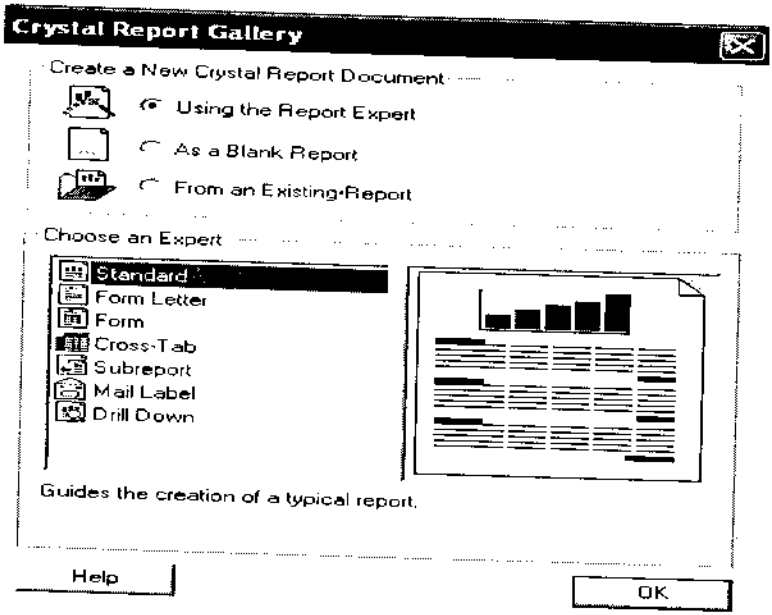

B8H6

◈ Chọn như trong hình, click nút OK, hộp thoại sau hiện ra

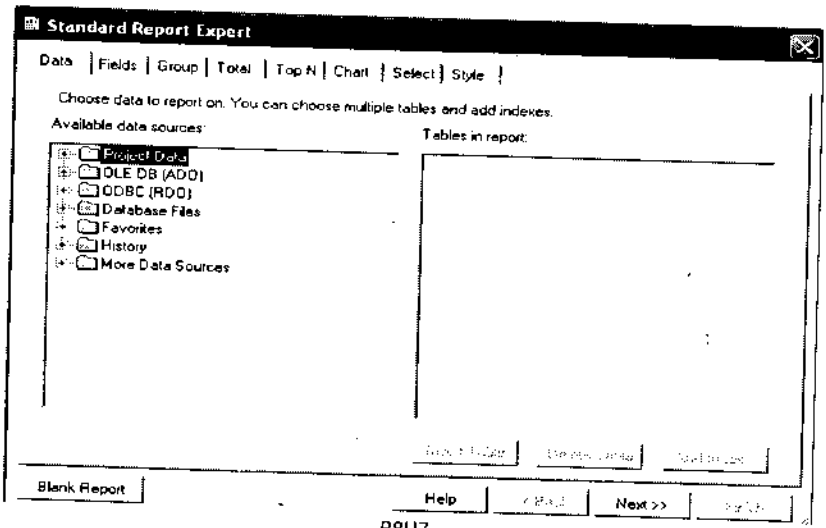

B8H7

◈ Click vào dấu "+" trước **OLE DB (ADO)**, bạn thấy hình sau hiện ra

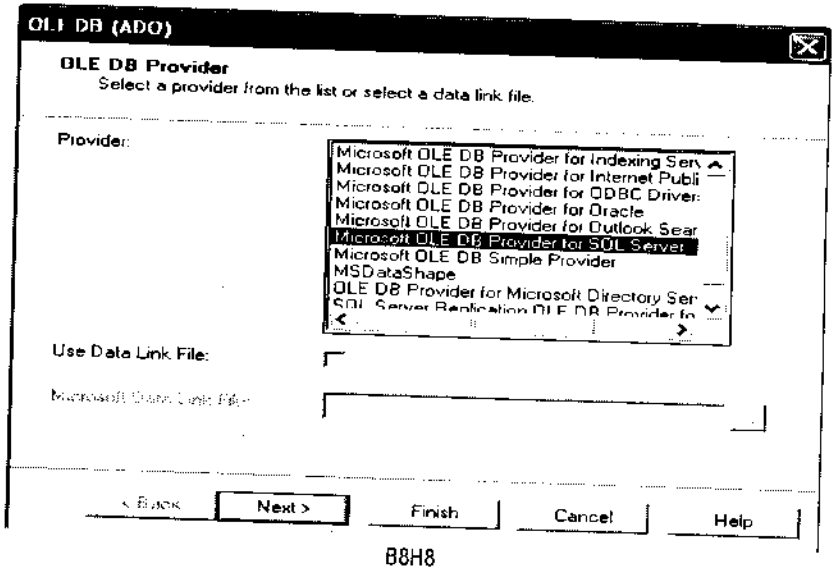

B8H8

◈ Chọn **Microsoft OLE DB Provider for SQL Server**, click nút **Next**

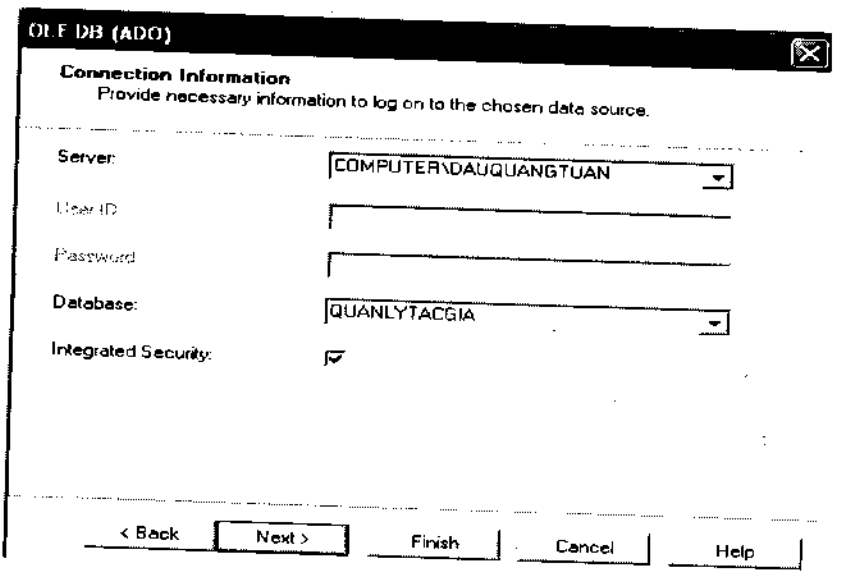

B8H9

◈ Gõ tên **Server**, **Database**, và click dấu chọn **Integrated Security**, click nút **Next**

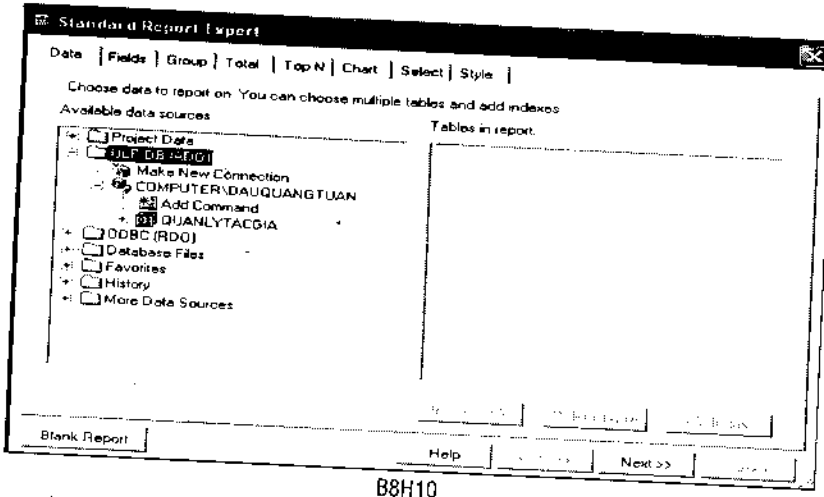

B8H10

◈ Click dấu "+" trước **QUANLYTACGIA**, các bảng của CSDL này hiện ra, chọn bảng **TACGIA**, click nút có tên **Insert Table**, bạn thấy hình như sau:

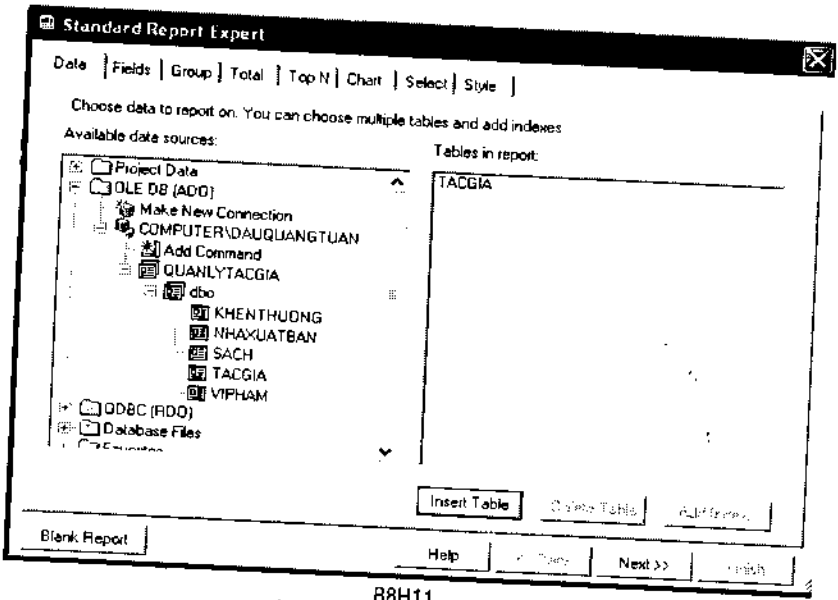

B8H11

◈ Click nút **Next** hộp thoại sau hiện ra

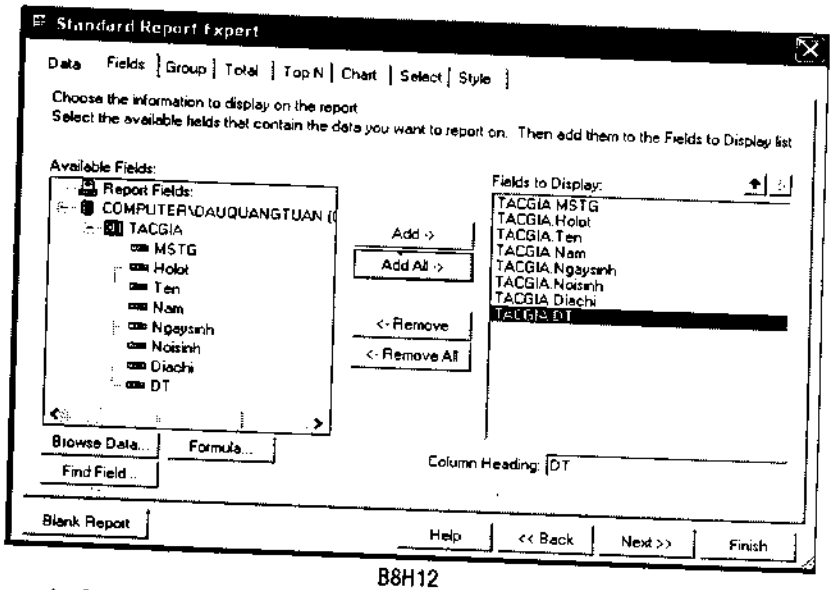

B8H12

◈ Click nút **Add All** cho tất cả các vùng nhảy qua khung bên phải, click nút **Finish**

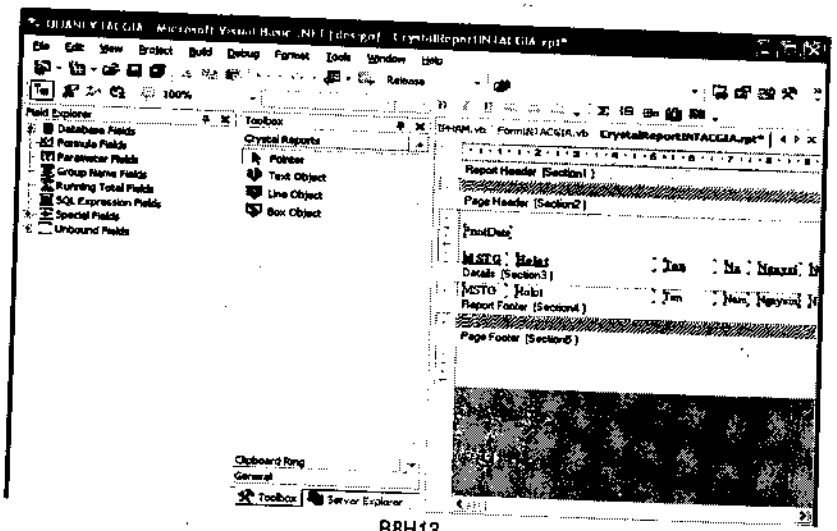

B8H13

◈ Vào menu **File**, chọn **Save CrystalReportINTACGIA.rpt**

◈ Vào menu **Project**, chọn **Add Windows Form**, đặt tên cho Form là **FormIN.vb** như hình sau:

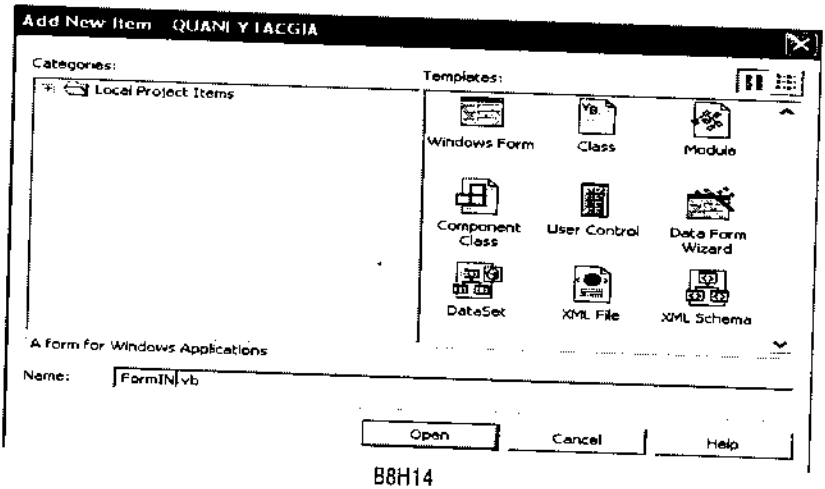

B8H14

◈ Click nút **Open**, Form thiết kế hiện ra, Click nút phải chuột trên Form, chọn **Properties**, xác lập thuộc tính **Font** là VNI-Times, 12, bold và thuộc tính **Text** là "**IN THONG TIN CUA FORM TAC GIA**".

◈ Click tab có tên **Data** trong hộp công cụ, đưa điều khiển **OleDbDataAdapter** vào Form, click nút **Next**, chọn CSDL có tên **QUANLYTACGIA.dbo**, click nút **Next** cho đến khi hiện ra hộp thoại cho bạn nhập câu lệnh SQL, bạn nhập câu lệnh sau:

SELECT * FROM TACGIA

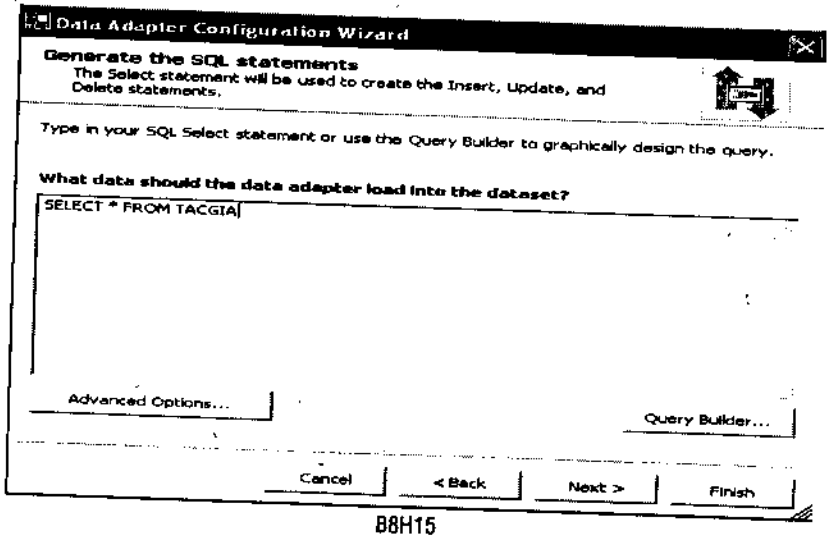

B8H15

- Click nút **Finish**
- Click chọn **FormIN.vb**
- Vào menu **Data**, chọn **Generate Dataset**
- Click nút **New**, nhập **DatasetINTACGIA**

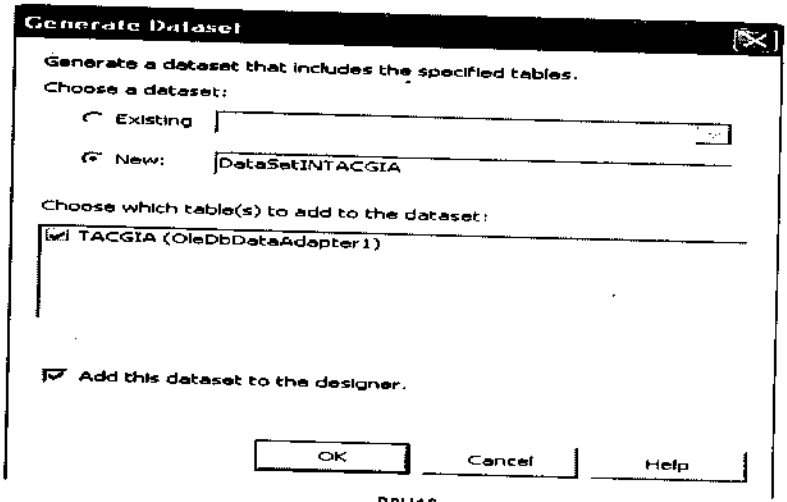

B8H16

- Click nút **OK**
- Click tab có tên **Windows Forms**, chọn điều khiển có tên **CrystalReportViewer** và đưa vào Form để có hình như sau:

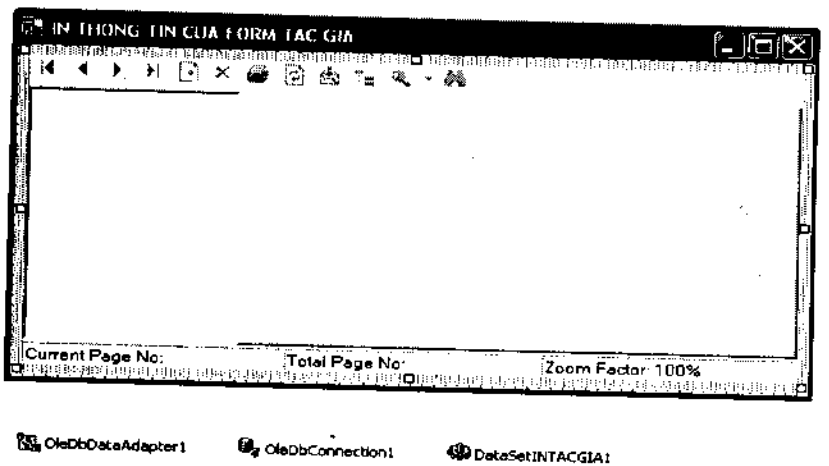

B8H17

◈ Click *nút phải chuột* trên điều khiển **CrystalReportViewer**, chọn **Properties**, xác lập thuộc tính **Font** là VNI-Times, 12, Bold, xác lập thuộc tính **ReportSource** là đường dẫn chứa tập tin **CrystalReportINTACGIA.rpt** (click đầu mũi tên của khung bên phải, click nút **Browse** để tìm đến tập tin **.rpt** ở trên, tập tin này sẽ nằm trong thư mục **QUANLYTACGIA**)

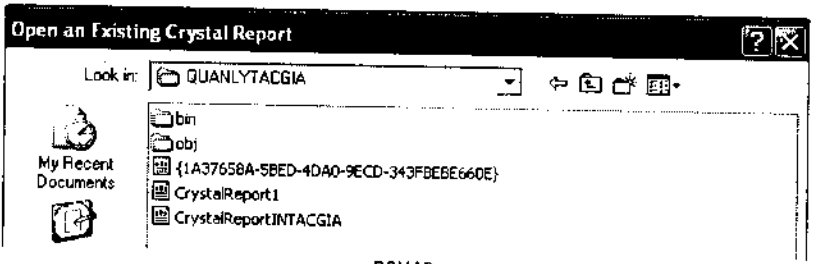

B8H18

◈ Bạn vào cửa sổ viết code của Form cha, click mục **MenuINTACGIA** ở khung bên trái, chọn sự kiện **Click** trong khung bên phải, viết code cho mục này như sau:

```
Private Sub MenuINTACGIA_Click(ByVal sender As Object, ByVal e As
                    System.EventArgs) Handles MenuINTACGIA.Click
    Dim INTACGIA As New FormIN
    INTACGIA.ShowDialog()
End Sub
```

Giải thích:

Cho hiện **FormIN** khi click chọn mục **INTACGIA** khi chạy chương trình

◈ Nhấn phím **F5** chạy thử chương trình, click chọn mục **INTACGIA**, bạn sẽ thấy hình như sau:

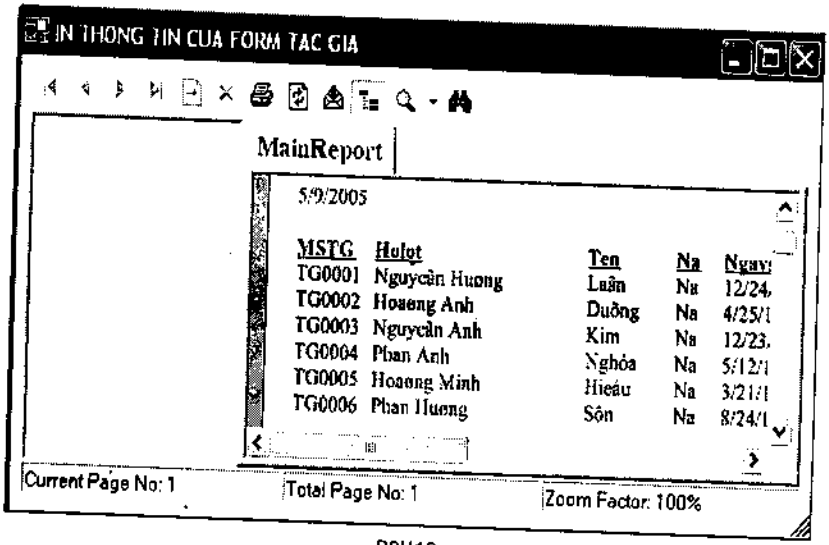

B8H19

◈ Click hình chiếc máy in trên thanh công cụ, sẽ in bảng TACGIA cho chúng ta.

Ghi chú:

Chúng tôi chỉ giới thiệu cách in một bảng, các bạn có thể in thông tin của hai hay nhiều bảng, nó sẽ thể hiện khi bạn chọn các bảng, chọn các vùng của bảng... trong phần thiết kế tập tin .rpt, các bạn thử tìm tòi và thiết kế thử, không có gì là khó cả.

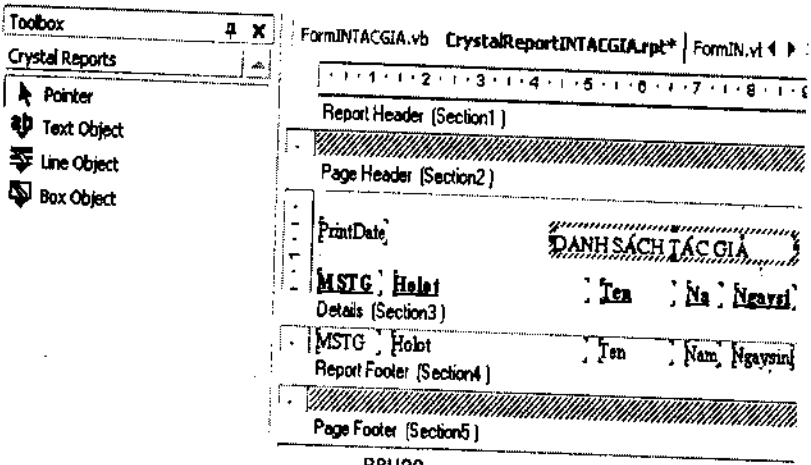

B8H20

◈ Bạn chọn tập tin **CrystalReportINTACGIA.rpt** để cho nó hiện trên màn hình, chọn điều khiển **Text Object** trong hộp công cụ, vẽ và nhập "**DANH SÁCH TÁC GIẢ**" như hình trên, nhấn phím **Ctrl** đồng thời click chọn tên các vùng MSTG, Holot, Ten ... trong dòng của mục **Details (Section3)**, chọn Font VNI-Times, 10, bold. Lưu tập tin .rpt này, chạy lại chương trình, bạn sẽ có hình như sau:

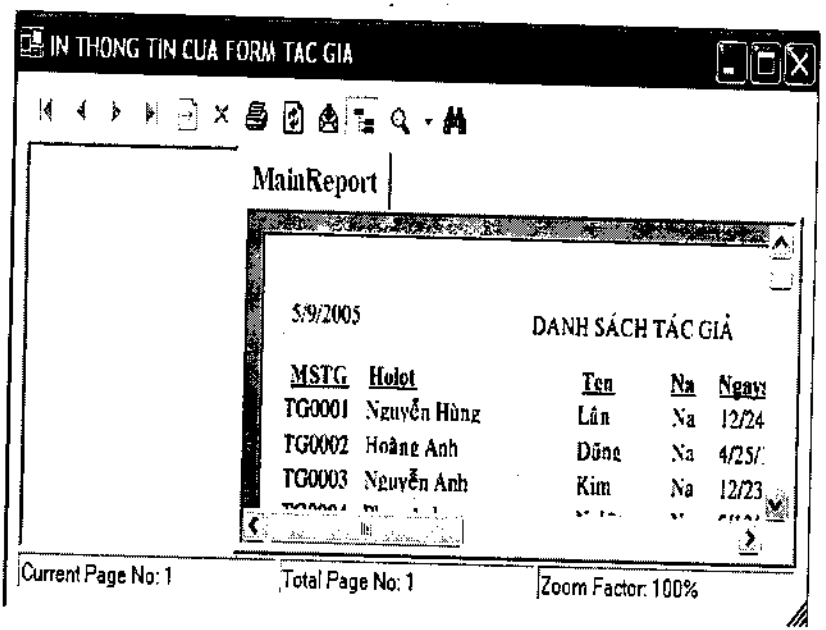

B8H21

Bạn thấy có tựa đề "DANH SÁCH TÁC GIẢ" và chữ trong các vùng bây giờ là tiếng Việt theo font VNI-Times, size 10.

Tập sách này xin được dừng ở đây. Các bạn cùng đón đọc tựa sách mà chúng tôi phát hành cùng với cuốn sách này đó là:

Lập trình cơ sở dữ liệu
ACCESS 2003 và Visual Basic .NET

Mục lục

Bài 1: Cách cài đặt SQL SERVER 2000	1
Bài 2: Tạo cơ sở dữ liệu, bảng và mối liên hệ giữa các bảng trong SQL SERVER 2000	12
Bài 3: Cách vào để viết chương trình trong VISUAL BASIC.NET	61
Bài 4: Chương trình QUẢN LÝ HỌC SINH Dùng SQL SERVER 2000 và VISUAL BASIC.NET	86
Bài 5: Chương trình QUẢN LÝ TÁC GIẢ Dùng SQL SERVER 2000 và VISUAL BASIC.NET	197
Bài 6: Chương trình QUẢN LÝ NHÂN VIÊN VÀ KHÁCH HÀNG Dùng SQL SERVER 2000 và VISUAL BASIC.NET	345
Bài 7: Đóng gói và phân phối ứng dụng chương trình Visual Basic .NET	453
Bài 8: In nội dung các bảng dùng Crystal Report	471

TỰ HỌC LẬP TRÌNH CƠ SỞ DỮ LIỆU :
SQL SERVER & VISUAL BASIC.NET

ĐẬU QUANG TUẤN

Chịu trách nhiệm xuất bản :

HOÀNG CHÍ DŨNG

Biên tập : **NGUYỄN BẢO THÙY**

Sửa bản in : **NGUYỄN ĐẠI THẮNG**

Trình bày : **ĐẬU MINH NHẬT - ĐẬU THỤY QUỲNH TRÂM**

Bìa : **THIÊN Ý**

Thực hiện liên doanh: **ĐẬU QUANG TUẤN**

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm. Tại **Xí Nghiệp IN SỐ 5**, 2 Tân Thành, Q.5, Tp.HCM. Số ĐKKHXB: 72-230/XB-QLXB. Giấy TNKHXB số: 24/XB cấp ngày 07.05.2005. In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 – 2005.

SÁCH PHÁT HÀNH NĂM 2005

Xin chân thành cảm ơn quý độc giả đã đón đọc những tập sách của chúng tôi.



Tất cả những tập sách trên được phát hành